CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ:

"NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT ĐỒ GỖ GIA DỤNG, CÔNG SUẤT 1.102.000 SẢN PHẨM/NĂM"

Địa chỉ: Thửa đất số 48, Tờ bản đồ số 14, Đường Tân Hiệp 02, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Bình Dương, năm 2024.

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

----- 🕮 -----

Công Ty TNHH Thống Nhất Việt Nam

Digitally signed by Công Ty TNHH Thống Nhất Việt Nam
Date: 2024.12.02 12:40:13 +07'00'

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ:

"NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT ĐỒ GỖ GIA DỤNG, CÔNG SUẤT 1.102.000 SẢN PHẨM/NĂM"

Địa chỉ: Thửa đất số 48, Tờ bản đồ số 14, Đường Tân Hiệp 02, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
M.S.D.N: 3700830273-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM TP. TÂN UYÊN-T. BÌNH DƯƠNG	M.S.D.N: 3702092511-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN TP. THỦ DẦU MỘT-T. BÌNH DƯƠNG
WANG, HSI-PING	Nguyễn Thị Bích Phượng

Bình Dương, năm 2024.

MỤC LỤC

MỤC LỤC BẢNG v
MỤC LỤC HÌNH viii
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT ix
CHƯƠNG 1 10
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ. 10
1. Tên chủ cơ sở: 10
2. Tên cơ sở: 10
2.1. Vị trí nhà máy: 12
2.2. Sự phù hợp của cơ sở với tính chất ngành nghề sản xuất tại phường Tân Hiệp. 15
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở: 15
3.1. Sản phẩm, công suất của cơ sở: 15
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở: 16
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở: 25
4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu, hóa chất của cơ sở: 25
4.2. Nguồn cung cấp và nhu cầu sử dụng điện: 37
4.3. Nguồn cung cấp và nhu cầu sử dụng nước: 37
5. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất của cơ sở. 39
6. Các hạng mục công trình của cơ sở: 47
7. Tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án 49
7.1. Tổng mức đầu tư 49
7.2. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án 49
CHƯƠNG 2 51
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG. 51
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường: 51
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường: 52
2.1. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chế độ thủy văn của nguồn nước tiếp nhận. 52
2.2. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chất lượng nguồn nước 53
2.3. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến hệ sinh thái thủy sinh 53
2.4. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến các hoạt động kinh tế, xã hội khác. 54
2.5. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến các hoạt động kinh tế, xã hội khác. 54
2.6. Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước 54
2.6.1. Lựa chọn phương pháp đánh giá: 56
2.6.2. Tính toán khả năng tiếp nhận nước thải của sông Đồng Nai: 56
CHƯƠNG 3 58
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ. 58
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 58
1.1. Thu gom, thoát nước mưa: 58

1.2. Thu gom, thoát nước thải: 59
1.3. Xử lý nước thải: 61
1.3.1. Nước thải sinh hoạt: 61
1.3.2. Nước thải sản xuất: 63
1.3.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung: 69
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 79
2.1. Giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu: 79
2.2. Giảm thiểu bụi gỗ phát sinh khu vực kho chứa và bốc dỡ gỗ: 80
2.3. Công trình xử lý bụi gỗ phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám: 81
2.4. Phương án thu gom, xử lý bụi tại buồng chứa bụi gỗ: 84
2.5. Giảm thiểu bụi sơn và hơi dung môi tại 18 buồng phun sơn màng nước: 84
2.6. Giảm thiểu hơi dung môi tại khu vực sơn dặm: 88
2.7. Giảm thiểu hơi keo phát sinh trong quá trình sản xuất: 89
2.8. Giảm thiểu khí thải lò hơi: 89
2.9. Giảm thiểu khí thải từ khu vực sấy: 93
2.10. Giảm thiểu nguồn gây ô nhiễm khác: 94
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường: 94
3.1. Chất thải sinh hoạt: 94
3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp: 96
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại: 98
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: 103
5.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 103
5.2. Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: 105
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 106
6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải: 107
6.1.1. Công trình ứng phó sự cố: 107
6.1.2. Biện pháp phòng ngừa: 107
6.1.3. Biện pháp ứng phó sự cố: 109
6.1.4. Một số kịch bản ứng phó sự cố nước thải 110
6.1.5. Xây dựng các giải pháp phòng chống sự cố 120
6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với khí thải: 121
6.2.1. Phương án phòng ngừa: 121
6.2.2. Phương án ứng phó khi gặp sự cố: 121
6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với kho chứa chất thải rắn: 125
6.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường: 127
6.4.1. Biện pháp giảm thiểu tai nạn lao động: 127
6.4.2. Biện pháp phòng tránh tai nạn điện: 128
6.4.3. Biện pháp giảm thiểu tai nạn giao thông: 128
6.4.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ nguyên, nhiên liệu, hóa chất: 128
6.4.5. Sự cố đối với máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất: 140
6.4.6. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: 140
7. Các nội dung thay đổi so với Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt: .. 143

CHƯƠNG IV 144
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG. 144
1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI 144
1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải 144
1.1.1. Nguồn phát sinh nước thải: 144
1.1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 144
1.1.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: 144
1.1.2.2. Vị trí xả nước thải: 144
1.1.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50 m^3/ngày.đêm *(24 giờ)*. 144
1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: 145
1.2.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải: 145
1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: 146
1.2.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: 147
2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI 147
2.1. Nội dung cấp phép xả khí thải 147
2.1.1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải: 147
2.1.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 149
2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: 155
2.2.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: 155
2.2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: 155
2.2.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: 156
3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG 156
3.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: 156
3.1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 156
3.1.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 156
3.1.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của tiếng ồn, độ rung: 157
3.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: 157
4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG 158
4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh: 158
4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: 158
4.1.2. Khối lượng, chủng loại CTR công nghiệp phát sinh: 158
4.1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên phát sinh: 159
4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại: 159
4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại: 159
4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường: 159
4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: 160

CHƯƠNG V 161
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ. 161
1. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải: 161
2. Kết quả quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải: 163
2.1. Kết quả quan trắc tại hệ thống xử lý bụi gỗ: 163
2.2. Kết quả quan trắc tại hệ thống xử lý bụi sơn và hơi dung môi: 163
2.3. Kết quả quan trắc tại hệ thống xử lý khí thải lò hơi: 165
CHƯƠNG VI 166
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ. 166
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải. 166
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: 166
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải: 166
1.2.1. Kế hoạch quan trắc nước thải: 166
1.2.2. Kế hoạch quan trắc bụi, khí thải: 167
1.2.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch: 168
2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật: 168
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ: 168
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: 169
2.3. Dự toán kinh phí giám sát môi trường hàng năm: 169
CHƯƠNG VII 171
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ 171
CHƯƠNG VIII 172
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 172

MỤC LỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ VN 2000 của nhà máy. 12
Bảng 1.2. Danh mục các sản phẩm và công suất của cơ sở. 15
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu sản xuất..... 25
Bảng 1.4. Khối lượng gỗ, ván sử dụng được quy đổi..... 27
Bảng 1.5. Bảng cân bằng vật chất đầu vào và đầu ra của cơ sở. 28
Bảng 1.6. Danh mục thành phần, tính chất cơ bản của nguyên liệu, hóa chất. 31
Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở. 37
Bảng 1.8. Lưu lượng nước cấp sử dụng tại cơ sở. 38
Bảng 1.9. Bảng cân bằng lưu lượng nước cấp và xả ra của 18 buồng phun sơn của cơ sở. 38
Bảng 1.10. Máy móc thiết bị sản xuất của cơ sở. 39
Bảng 1.11. Các hạng mục công trình theo ĐABVMT chi tiết đã được phê duyệt..... 47
Bảng 1.12. Các hạng mục công trình hiện hữu của cơ sở. 48
Bảng 1.13. Kinh phí dự toán cho các giải pháp môi trường..... 49
Bảng 1.14. Nhu cầu sử dụng lao động của Công ty. 50
Bảng 3.1. Kích thước đường ống thu gom, thoát nước mưa. 59
Bảng 4.3. Thông số kỹ thuật của hệ thống thoát nước thải. 60
Bảng 3.2. Kích thước đường ống thoát nước thải sau HTXLNT ra nguồn tiếp nhận. 61
Bảng 3.3. Số lượng bể tự hoại hiện hữu tại nhà máy. 62
Bảng 3.4. Nhu cầu xả nước thải từ các buồng phun sơn. 63
Bảng 3.5. Bảng tổng hợp lưu lượng xả nước thải sản xuất. 64
Bảng 3.6. Kết quả phân tích nước thải chưa áp dụng biện pháp xử lý tại Công ty. 65
Bảng 3.7. Danh mục máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải. 68
Bảng 3.8. Bảng tính hóa chất sử dụng cho HTXL nước thải sản xuất, công suất 30 m^3/ngày.đêm. 69
Bảng 3.9. Danh mục máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải. 75
Bảng 3.10. Bảng tính hóa chất sử dụng cho HTXL nước thải tập trung, công suất 50 m^3/ngày.đêm. 76
Bảng 3.11. Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước thải hiện hữu. 77
Bảng 3.12. Các chi tiết cần kiểm tra thiết bị, máy móc trước khi vận hành. 77
Bảng 3.13. Kiểm soát xử lý cơ học. 79
Bảng 3.14. Kiểm soát xử lý sinh học. 79
Bảng 3.15. Thông số kỹ thuật HTXL bụi gỗ phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám. 83
Bảng 3.16. Kết quả đo đạc nồng độ bụi sau HTXL bụi gỗ phát sinh từ các công đoạn tạo phôi (cưa, lọng, cắt, khoan) và công đoạn định hình (tiện, mài, bào,…), chà nhám... 84
Bảng 3.17. Kích thước các bể nước của buồng phun sơn ướt sử lý bụi sơn. 86
Bảng 3.18. Thông số kỹ thuật HTXL bụi sơn, hơi dung môi phát sinh từ 18 buồng phun sơn màng nước. 86
Bảng 3.20. Kết quả phân tích bụi sơn và hơi dung môi tại các buồng phun sơn. 87
Bảng 3.21. Thông số kỹ thuật HTXL khí thải lò hơi đốt củi 2 tấn/giờ. 92
Bảng 3.22. Kết quả phân tích chất lượng môi trường khí thải lò hơi. 93

Bảng 3.23. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế, tái sử dụng. 96
Bảng 3.24. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường không có khả năng tái chế, tái sử dụng. 96
Bảng 3.25. Khả năng đáp ứng của nhà chứa chất thải công nghiệp. 97
Bảng 3.26. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh của cơ sở. 99
Bảng 3.27. Khối lượng bao bì thải dính thành phần nguy hại 100
Bảng 3.28. Khả năng đáp ứng của nhà chứa chất thải nguy hại 102
Bảng 3.29. Nguyên nhân và phương án phòng ngừa ứng phó sự cố về HTXL nước thải của nhà máy. 107
Bảng 3.30. Bảng nhân lực ứng phó sự cố. 109
Bảng 3.31. Một số hư hỏng thường gặp và biện pháp khắc phục 111
Bảng 3.32. Chương trình bảo trì và bảo dưỡng các thiết bị của HTXL 111
Bảng 3.33. Một số hư hỏng thường gặp và biện pháp khắc phục 113
Bảng 3.34. Hướng dẫn ứng phó sự cố khí thải. 124
Bảng 3.35. Các vị trí có nguy cơ xảy ra sự cố hóa chất. 129
Bảng 3.36. Biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất 131
Bảng 3.37. Quy trình ứng phó khi xảy ra sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất 134
Bảng 3.38. Phương án thay đổi so với ĐABVMT chi tiết đã được phê duyệt 143
Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024. 143
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải. 145
Bảng 4.2. Bảng tổng hợp nguồn phát sinh khí thải tại nhà máy. 147
Bảng 4.3. Vị trí xả khí thải. 149
Bảng 4.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng bụi, khí thải. 154
Bảng 4.5. Vị trí phát sinh tiếng ồn tại cơ sở. 156
Bảng 4.6. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên. 158
Bảng 4.7. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế, tái sử dụng. 158
Bảng 4.8. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường không có khả năng tái chế, tái sử dụng. 159
Bảng 5.1. Vị trí lấy mẫu nước thải. 161
Bảng 5.2. Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước thải. 162
Bảng 5.3. Vị trí lấy mẫu bụi phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám. 163
Bảng 5.4. Kết quả quan trắc bụi phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám. 163
Bảng 5.5. Vị trí lấy mẫu bụi sơn và hơi dung môi. 164
Bảng 5.6. Kết quả quan trắc bụi sơn và hơi dung môi 164
Bảng 5.7. Vị trí lấy mẫu khí thải lò hơi. 165
Bảng 5.8. Kết quả quan trắc khí thải lò hơi. 165

Bảng 6.1. Bảng tổng hợp công suất dự kiến vận hành thử nghiệm cho các công trình xử lý môi trường của cơ sở. 166
Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc nước thải để vận hành thử nghiệm. 167
Bảng 6.3. Kế hoạch quan trắc bụi, khí thải để vận hành thử nghiệm. 167
Bảng 6.4. Kế hoạch quan trắc nước thải định kỳ hằng năm. 168
Bảng 6.5. Kế hoạch quan trắc bụi, khí thải hằng năm. 169
Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024. 169
Bảng 6.6. Tổng kinh phí dự toán cho chương trình giám sát môi trường hằng năm. 170

MỤC LỤC HÌNH

Hình 1.1. Vị trí của nhà máy. 14
Hình 1.2. Vị trí khu đất theo vệ tinh. 14
Hình 1.3. Quy trình sản xuất giường, tủ, bàn ghế. 17
Hình 1.4. Quy trình sấy gỗ bị ẩm. 24
Hình 1.5. Sơ đồ tổ chức quản lý của Công ty. 50
Hình 3.1. Sơ đồ thoát nước mưa của Công ty. 58
Hình 3.2. Sơ đồ thoát nước thải của Công ty. 60
Hình 3.3. Sơ đồ cấu tạo của bể tự hoại. 62
Hình 3.4. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 30m^3/ngày. 66
Hình 3.5. Sơ đồ công nghệ XLNT tập trung, công suất 50 m^3/ngày. 70
Hình 3.6. Sơ đồ công nghệ HTXL bụi phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám. 81
Hình 3.7. Hình ảnh HTXL bụi gỗ. 82
Hình 3.8. Quy trình xử lý bụi sơn, hơi dung môi từ 18 buồng phun sơn màng nước. 85
Hình 3.9. Hình ảnh buồng phun sơn màng nước. 86
Hình 3.10. Quy trình xử lý hơi dung môi từ 03 bàn sơn dặm bằng cọ, rulo. 88
..... 90
Hình 3.11. Sơ đồ quy trình xử lý khí thải lò hơi. 90
Hình 3.12. Sơ đồ nguyên lý của hệ thống thông gió tự nhiên. 93
Hình 3.13. Biển cảnh báo khu vực lưu chứa chất thải nguy hại. 101
Hình 3.14. Sơ đồ ứng phó sự cố của nhà máy. 106
Hình 3.15. Sơ đồ tổ chức nhân sự ứng phó sự cố tràn đổ nước thải 109
Hình 3.16. Quy trình ứng phó khi chất lượng nước chưa đạt quy chuẩn. 116
Hình 3.17. Quy trình ứng phó ở mức độ cao. 120
Hình 3.18. Hình ảnh hướng dẫn ứng phó sự cố khí thải. 123
Hình 3.19. Kế hoạch phối hợp hành động của các lực lượng bên trong, phối hợp với lực lượng bên ngoài 133
Hình 3.20. Sơ đồ xử lý sự cố khi xảy ra cháy. 135

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	: Nhu cầu ôxy sinh hóa
BTCT	: Bê- tông cốt thép
BTNMT	: Bộ Tài Nguyên Môi Trường
COD	: Nhu cầu ôxy hóa học
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
KCN	: Khu công nghiệp
KPH	: Không phát hiện
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
PCCC	: Phòng chống cháy nổ
SS	: Chất rắn lơ lửng
TCVN	: Tiêu Chuẩn Việt Nam
TCXD	: Tiêu chuẩn xây dựng
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
UBMTTQ	: Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc
UBND	: Ủy Ban Nhân Dân
VOC	: Chất hữu cơ bay hơi
WHO	: Tổ chức Y tế Thế giới
XLNT	: Xử lý nước thải

CHƯƠNG 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.

1. Tên chủ cơ sở:

- Chủ cơ sở: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam.
- Mã số thuế: 3700830273
- Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 48, Tờ bản đồ số 14, Đường Tân Hiệp 02, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: (Ông) Wang Hsi-Ping.
  Chức vụ: Giám Đốc.
- Điện thoại: (0274) 3625603 Fax: (0274) 3625605.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700830273 cấp đăng ký lần đầu ngày 21/09/2007, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 05/09/2023 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.
- Giấy chứng nhận đầu tư số 1030305258 chứng nhận lần đầu ngày 21/09/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 6 ngày 28/08/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư – Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.

2. Tên cơ sở:

- Tên cơ sở: **"Nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng, công suất 1.102.000 sản phẩm/năm".**
- Địa điểm cơ sở: Thửa đất số 48, Tờ bản đồ số 14, Đường Tân Hiệp 02, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư: Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.
- **Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):**
  + Ngành nghề đầu tư của cơ sở là "Thửa đất số 48, Tờ bản đồ số 14, Đường Tân Hiệp 02, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương". Căn cứ theo Phụ lục II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.
  + Diện tích của cơ sở là 25.350m^2. Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 25 và Phụ lục III, IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì dự án thuộc quy mô nhỏ.
  + Tổng vốn đầu tư là 75.000.000.000 đồng. Căn cứ theo khoản 3 Điều 9 thì dự án thuộc lĩnh vực quy định tại điểm d, khoản 4 Điều 8 của Luật 39/2019/QH14 về đầu tư công có tổng mức đầu tư từ 60 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng được phân loại thuộc nhóm B.

▪ **Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:**

Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 1030305258 chứng nhận lần đầu ngày 21/09/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 6 ngày

28/08/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư – Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.

Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam bắt đầu đi vào hoạt động chính thức vào năm 2007 với ngành nghề là sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng.

Năm 2007, Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam được cấp Cam kết bảo vệ môi trường theo Phiếu xác nhận số 2491/GXN-UBND ngày 07/10/2007 với ngành nghề sản xuất đồ gỗ gia dụng như bàn, ghế, tủ, kệ và giường các loại,..với công suất 80.000 sản phẩm/năm (gồm bàn các loại 10.000 sản phẩm/năm; ghế các loại 40.000 sản phẩm/năm; tủ kệ các loại 20.000 sản phẩm/năm; giường các loại 10.000 sản phẩm/năm).

Đến năm 2017, Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương cấp Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 416/QĐ-STNMT ngày 14/04/2017 cho "Nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng , công suất 566.181 sản phẩm/năm, quy mô diện tích kho bãi nhà xưởng là 12.065 m^2".

Do tình hình kinh tế và nhu cầu hoạt động của Công ty, đến năm 2022 Công ty đã sáp nhập thêm nhà xưởng của Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam trên tổng diện tích đất 13.285m^2 để phục vụ cho quá trình sản xuất. Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam đã sát nhập toàn bộ với Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam. Hiện tại, Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam đang hoạt động trên khu đất có tổng diện tích 25.350m^2 *(Hợp đồng sáp nhập doanh nghiệp số 01/2022 ngày 01/10/2022 giữa Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam và Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam; Quyết định số 01/QĐ-NT ngày 01/10/2022 về việc thông qua Hợp đồng sáp nhập Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam vào Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam).*

Từ khi đi vào hoạt động cho đến nay, Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam đã được các cơ quan chức năng cấp các pháp lý như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700830273 cấp đăng ký lần đầu ngày 21/09/2007, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 05/09/2023 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 1030305258 chứng nhận lần đầu ngày 21/09/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 6 ngày 28/08/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư – Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV391794 (số vào sổ cấp GCN: CT09444 ngày 12/01/2015) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, diện tích 12.065 m^2, thuộc thửa 48, tờ bản đồ số 14, phường Tân Hiệp, Tp.Tân Uyên, Bình Dương.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV395280 (số vào sổ cấp GCN: CT09785 ngày 27/01/2015) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam, diện tích 13.285 m^2, thuộc thửa 19, tờ bản đồ số 14, phường Tân Hiệp, Tp.Tân Uyên, Bình Dương. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam chuyển nhượng từ ngày 10/05/2024.

- Giấy phép xây dựng số 107/GPXD-SXD ngày 17/01/2014 do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp.

- Giấy phép xây dựng số 78/GPXD-SXD ngày 14/01/2014 và Giấy phép xây dựng số 166/GPXD-SXD ngày 27/01/2015 do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp. 02 Giấy phép xây dựng này được kế thừa từ Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 437/TD-PCCC (P2) ngày 25/12/2013 do Sở CS PCCC tỉnh Bình Dương cấp; Văn bản xác nhận nghiệm thu hệ thống PCCC số 306/CSPC&CC-P2 ngày 26/11/2014 do Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương cấp.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 443/TD-PCCC (P2) ngày 27/12/2013 do Sở CS PCCC tỉnh Bình Dương cấp; Văn bản xác nhận nghiệm thu hệ thống PCCC số 307/CSPC&CC-P2 ngày 26/11/2014 do Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương cấp. Các giấy tờ PCCC này được sáp nhập từ Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam.

- Giấy xác nhận Cam kết bảo vệ môi trường số 2491/GXN-UBND ngày 07/10/2007 với ngành nghề sản xuất đồ gỗ gia dụng như bàn, ghế, tủ, kệ và giường các loại,..với công suất 80.000 sản phẩm/năm (gồm bàn các loại 10.000 sản phẩm/năm; ghế các loại 40.000 sản phẩm/năm; tủ kệ các loại 20.000 sản phẩm/năm; giường các loại 10.000 sản phẩm/năm).

- Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 416/QĐ-STNMT ngày 14/04/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho "Nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng, công suất 566.181 sản phẩm/năm, quy mô diện tích kho bãi nhà xưởng là 12.065 m^2".

- Sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số 74.003008.T ngày 25/01/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp.

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 45/GP-STNMT ngày 29/04/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp.

2.1. Vị trí nhà máy:

Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam đang hoạt động tại Thửa đất số 48, Tờ bản đồ số 14, Đường Tân Hiệp 02, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với tổng diện tích đất là 25.350m^2.

- Vị trí tiếp giáp của dự án:

Phía Bắc	: giáp với Công ty TNHH Lodes Star (khoảng 10m).
Phía Nam	: giáp với đường bê tông (khoảng 5m).
Phía Đông	: giáp với vườn cao su – đất dân (khoảng 10m).
Phía Tây	: giáp với Công ty TNHH Trí Việt (khoảng 10m).

Tọa độ vị trí Dự án theo VN 2000 như sau:

Bảng 1.1. Tọa độ VN 2000 của nhà máy.

Số hiệu góc thửa	Tọa độ (hệ VN 2000)	
	X	Y
01	1225328	610644
02	1225487	610718
03	1225559	610571
04	1225405	610521

Sơ đồ vị trí nhà máy như sau:

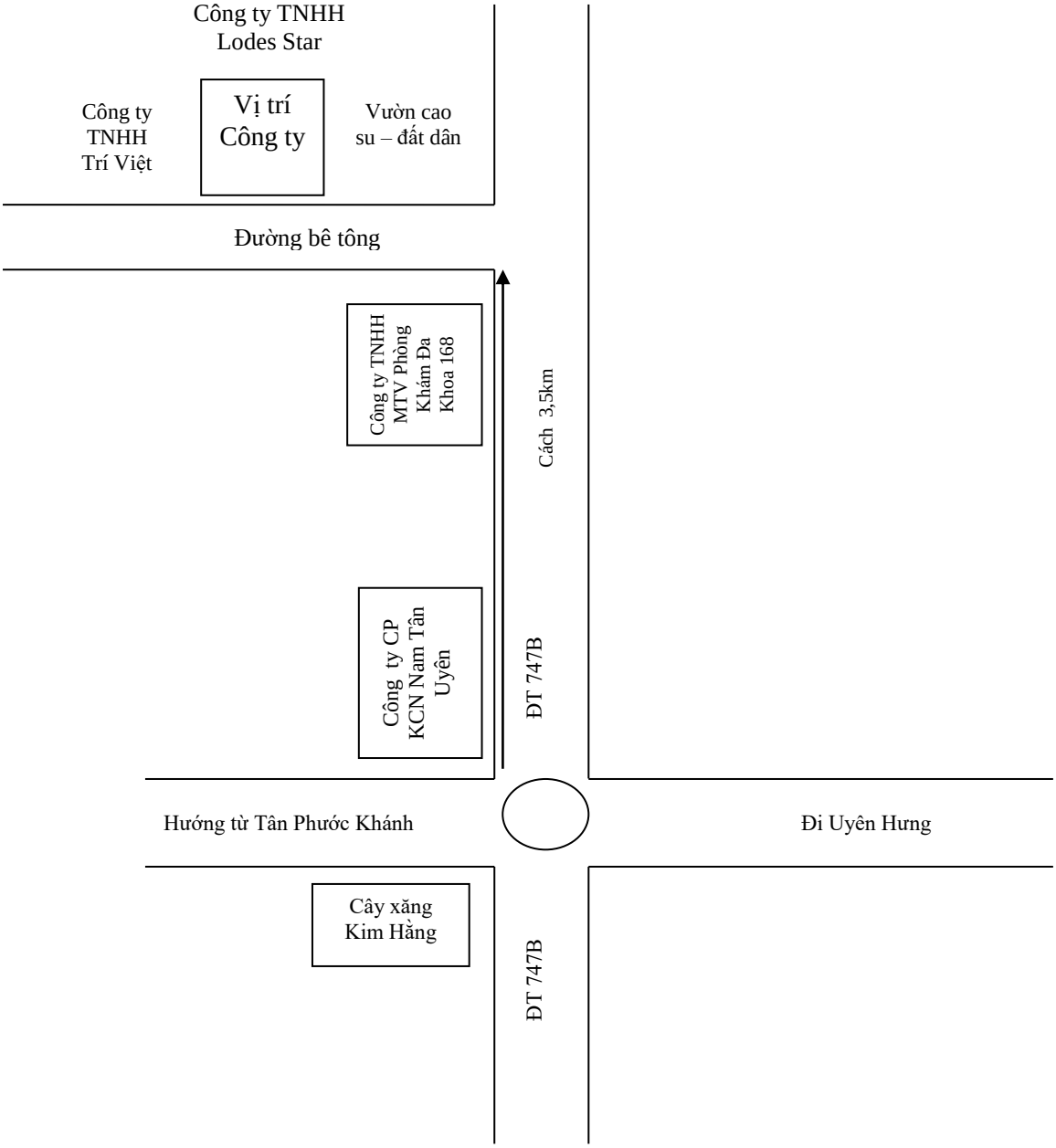
Công ty TNHH
Lodes Star
Công ty
TNHH
Trí Việt
Vị trí
Công ty
Vườn cao
su – đất dân
Đường bê tông
Công ty TNHH
MTV Phòng
Khám Đa
Khoa 168
Cách 3,5km
Công ty CP
KCN Nam Tân
Uyên
ĐT 747B
Hướng từ Tân Phước Khánh
Đi Uyên Hưng
Cây xăng
Kim Hằng
ĐT 747B

Hình 1.1. Vị trí của nhà máy.

Hình 1.2. Vị trí khu đất theo vệ tinh.

- **Các đối tượng tự nhiên xung quanh khu vực cơ sở:**

Khu đất Công ty tọa lạc tại Thửa đất số 48, Tờ bản đồ số 14, Đường Tân Hiệp 02, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, khu dân cư tập trung gần nhất so với Công ty khoảng 20m và khoảng cách từ Công ty đến một số các công trình trên địa bàn tỉnh, trung tâm đô thị và bến cảng sân bay như sau:

- *Hệ thống đường giao thông*: Hệ thống giao thông thuận lợi cho việc đi lại từ Công ty đến các khu vực và các tỉnh lân cận do:

+ Cách vườn cao su – đất dân (phía Đông) khoảng 10m.
+ Cách Công ty TNHH Trí Việt (phía Tây) khoảng 10m.
+ Cách đường bê tông ở trước Công ty (phía Nam) khoảng 5m.
+ Cách Công ty TNHH Lode Star (phía Bắc) khoảng 10m.
+ Cách trung tâm thành phố Hồ Chí Minh khoảng 40km.
+ Cách cảng Sài Gòn khoảng 41 km.
+ Cách sân bay Tân Sơn Nhất khoảng 39 km.
+ Cách trung tâm tỉnh Bình Dương khoảng 17 km.
+ Cách trung tâm tỉnh Đồng Nai khoảng 36 km.
+ Cách KCN ICD Sóng Thần 20 km.
+ Cách cảng container Thạnh Phước 15km.

- *Hệ thống đồi núi, khu di tích lịch sử*: Địa hình khu vực xung quanh cơ sở tương đối bằng phẳng, không có đồi núi, xung quanh khu vực dự án không có khu bảo tồn thiên nhiên.

- **Tác động qua lại với cảnh quan khu vực và chất lượng cuộc sống người dân:**

Việc đầu tư cơ sở hạ tầng thu hút, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuê nhà xưởng đầu tư sản xuất tại các khu xưởng của Công ty góp phần tạo công ăn việc làm cho một số lao động tại địa phương. Đồng thời, hoạt động của Công ty cũng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

- Công ty có vị trí tiếp giáp với gần với tuyến đường ĐT747B (cách 22m) và đường đi đến Công ty tính từ Cây xăng Kim Hằng (vòng xoay KCN Nam Tân Uyên) đi hướng về KCN Nam Tân Uyên mở rộng – đường ĐT747B. Do vậy, hoạt động của Công ty làm phát sinh các nguồn ô nhiễm như ồn, bụi, khí thải và nước thải sản xuất gây một số tác động tiêu cực đến các đối tượng này nếu như không có biện pháp kiểm soát phù hợp. Nguồn nước thải phát sinh có thể gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước ngầm, chất lượng đất tại khu vực nếu không được thu gom, xử lý đạt trước khi xả thải… Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung để thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất và sinh hoạt để xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi xả thải ra môi trường.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở với tính chất ngành nghề sản xuất tại phường Tân Hiệp.

- Hiện trạng khu đất: Khu đất của Công ty hiện tại đã được xây dựng các nhà xưởng và các công trình phụ trợ hoàn thiện.

- Hướng gió chủ đạo khu vực Công ty là Tây và Tây Nam, khi hoạt động sản xuất thì môi trường không khí tại khu vực phía Bắc và Đông sẽ chịu ảnh hưởng lớn nhất. Công ty đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động đến môi trường đến mức tối đa để không gây ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Sản phẩm, công suất của cơ sở:

Bảng 1.2. Danh mục các sản phẩm và công suất của cơ sở.

TT	Loại sản phẩm	Trọng lượng (kg/sp)	Số lượng theo ĐABVMT chi tiết		Số lượng hiện hữu (xin cấp phép)	
			Số lượng (Sp/năm)	Số lượng (Tấn/năm)	Số lượng (Sp/năm)	Số lượng (Tấn/năm)
1	Giường	30	120.000	3.600	10.000	300
2	Tủ	15	180.000	2.700	87.000	1.305
3	Bàn	15	126.181	1.892,72	145.000	2.175
4	Ghế	10	140.000	1.400	860.000	8.600
Tổng cộng			**566.181**	**9.592,72**	**1.102.000**	**12.380**

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Bảng trọng lượng bình quân tính thực tế cho các sản phẩm:

+ Giường: Nặng 30kg/1 sản phẩm. Kích thước: (dài x rộng = 1,2→2,1m x 0,9→1,2m).
+ Tủ: Nặng 15kg/1 sản phẩm. Kích thước: (rộng x cao = 0,5→1m x 1,2→1,8m).
+ Bàn: Nặng 15kg/1 sản phẩm. Kích thước: (dài x rộng x cao = 1→1,5m x 0,5→1m x 0,5→1m).
+ Ghế: Nặng 10kg/1 sản phẩm. Kích thước: (rộng x cao = 0,25→0,4m x 0,4→0,6m).

Một số hình ảnh sản phẩm thực tế của nhà máy:

Giường	***Tủ***	***Bàn***	Ghế

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Sản phẩm của Công ty là giường, tủ, bàn, ghế các loại. Chi tiết cấu tạo của các sản phẩm mà Công ty sản xuất gồm có các phần như sau:

Sản phẩm	Cấu tạo	Nơi sản xuất
Giường	Thân giường (trước, sau, trên, dưới)	Sản xuất, gia công tại Công ty.
	Lưng đỡ đầu giường	
	Chân giường	
	Dạt giường	
Tủ	Thân tủ (trước, sau, trên, dưới)	
	Chân tủ	
	Khay để đồ,..	
Bàn	Thân bàn (trước, sau, trên, dưới)	
	Chân bàn	
	Mặt bàn	
Ghế	Thân ghế (trước, sau, trên, dưới)	
	Chân ghế	
	Phần tựa lưng	

Nhìn chung, tất cả các sản phẩm như: giường, tủ, bàn, ghế mà Công ty sản xuất đều có quy trình sản xuất từng bước tương tự nhau.

Quy trình sản xuất cụ thể như sau:

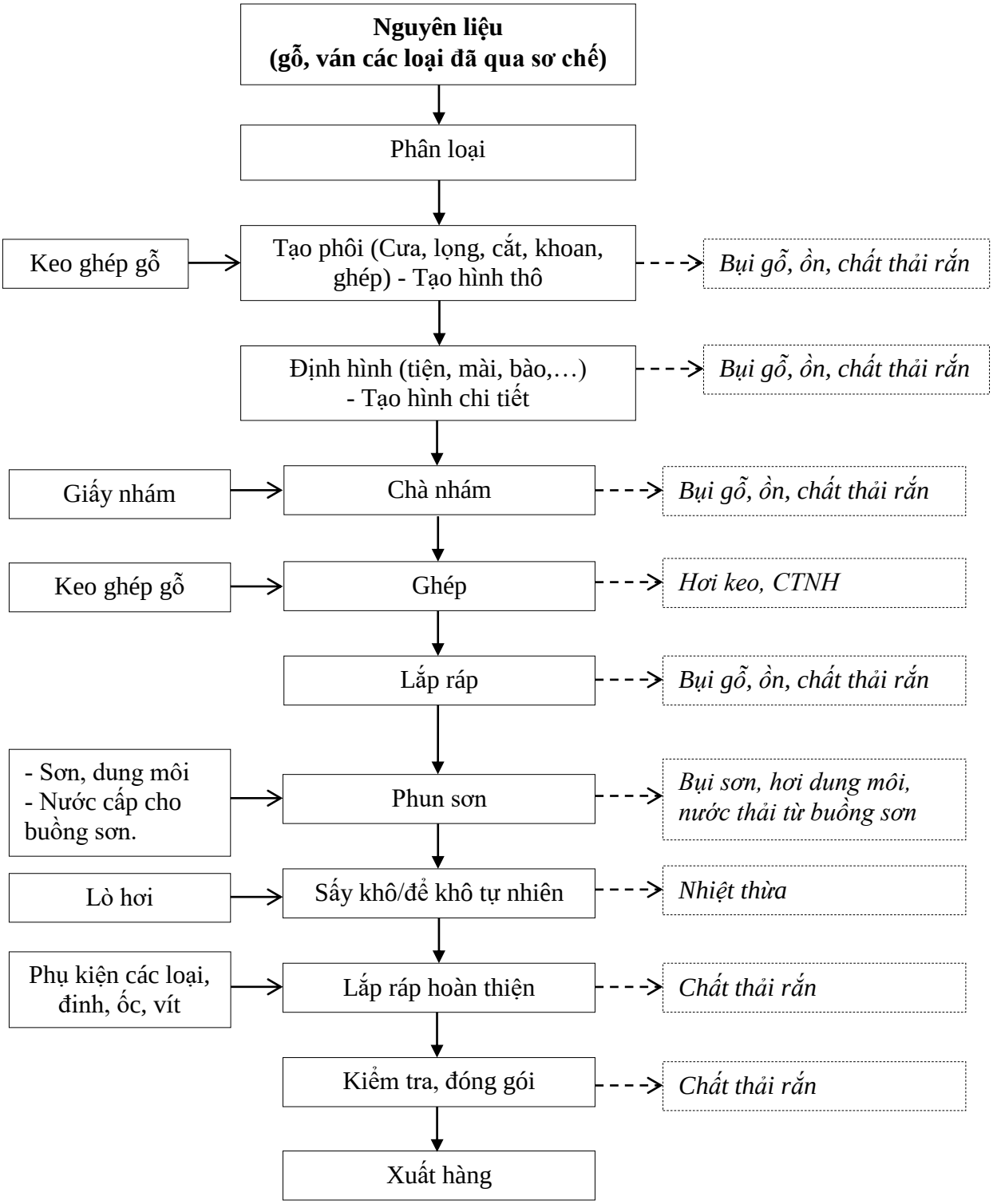

Hình 1.3. Quy trình sản xuất giường, tủ, bàn ghế.

<u>Thuyết minh quy trình:</u>

<u>Công đoạn phân loại:</u>

Nguyên liệu chính phục vụ cho sản xuất giường, tủ, bàn, ghế của công ty là gỗ phôi, ván ép (đã qua sơ chế theo tiêu chuẩn riêng đối với từng loại sản phẩm).

- Các lại gỗ phôi như: gỗ thông, bạch dương, cao su, tràm,…
- Các loại ván ép như: Ván MDF, PB, TMDF,..

Nguyên liệu gỗ các loại.	***Nguyên liệu ván các loại.***

Nguyên liệu sau khi nhập về sẽ được công nhân kiểm tra chất lượng trước khi nhập vào kho và đưa vào sản xuất, nguyên liệu đạt tiêu chuẩn sẽ được chuyển vào kho lưu, nguyên liệu không đạt yêu cầu sẽ trả lại cho nhà cung ứng. Nguyên liệu nhập về có 02 loại ván và gỗ, công nhân sẽ di chuyển gỗ về khu lưu trữ gỗ, ván về khu lưu trữ ván.

Công đoạn tạo phôi (Cưa, lọng, cắt, khoan, ghép) - Tạo hình thô:

Tiếp theo, tùy theo đơn đặt hàng của khách hàng là sản phẩm (giường, tủ, bàn, ghế) mà gỗ phôi sẽ được đưa vào công đoạn tạo phôi thô (cưa, cắt, lọng, khoan,..) theo các kích thước yêu cầu. Mỗi loại sản phẩm như giường, tủ, bàn ghế thì nguyên liệu gỗ, ván sẽ được cắt theo chiều dài khác nhau.

Trong công đoạn tạo hình thô này sau khi cưa, lọng, cắt, khoan xong thì các nguyên liệu nhỏ sẽ được ghép lại với nhau thành kích thước lớn theo quy cách của sản phẩm. Mục đích của việc ghép lại là để gia tăng độ chịu lực, độ chắc chắn của sản phẩm. Công ty sử dụng keo PVA để ghép. Keo sẽ được quét lên các thanh gỗ rồi đưa vào máy ép để ghép chúng lại với nhau. Sau đó, được cố định bằng keo ghép trong thời gian 3-5 tiếng để keo được khô tự nhiên. Nên trong công đoạn ghép này sẽ sinh ra mùi keo.

Hình ảnh công đoạn cưa, cắt, lọng.	***Hình ảnh công đoạn khoan.***

→ *Chất thải phát sinh*:

+ Bụi: Bụi gỗ có kích thước lớn từ quá trình cưa, lọng, cắt, khoan sẽ được thu gom theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý bụi để xử lý.
+ Hơi keo từ quá trình lắp ghép: thông thoáng nhà xưởng.
+ Chất thải công nghiệp: Mùn cưa, dăm bào tận dụng làm nguyên liệu đốt cho lò hơi.

+ Chất thải nguy hại: keo thải, thùng đựng keo thải, giẻ lau, cọ lăn dính keo được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý CTNH theo đúng quy định.
+ Tiếng ồn.

Công đoạn định hình (tiện, mài, bào,…)- Tạo hình chi tiết:

Các chi tiết sau khi được cưa, cắt, lọng, khoan theo quy cách sẽ qua công đoạn định hình tiện, mài, bào để tạo độ bằng phẳng cho nguyên liệu. Các chi tiết gỗ, ván sẽ được tiện, mài, bào nhằm tạo các hình hoa văn và các góc uốn lượn của sản phẩm.

Hình ảnh công mài, bào,….

→ *Chất thải phát sinh*:

+ Bụi: Bụi gỗ có kích thước nhỏ từ quá trình tiện, mài, bào sẽ được thu gom theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý bụi để xử lý.
+ Chất thải công nghiệp: Mùn cưa, dăm bào tận dụng làm nguyên liệu đốt cho lò hơi.
+ Tiếng ồn.

Công đoạn chà nhám:

Các nguyên liệu gỗ, ván sau công đoạn định hình được chuyển sang công đoạn chà nhám, mục đích chà nhám giúp cho bề mặt gỗ được nhẵn, láng bóng và dễ bắt sơn.

Quá trình chà nhám được thực hiện hoàn toàn tự động bằng máy chà nhám. Các phôi gỗ, ván sẽ được công nhân đưa vào băng chuyền bên cạnh mỗi máy chà nhám. Chi tiết gỗ được chuyển vào buồng kín của máy và thực hiện quá trình chà nhám bề mặt.

Tại công đoạn này, công nhân sẽ tiến hành kiểm tra các chi tiết. Mục đích của việc kiểm tra ở đây gồm các phần sau:

+ Quy cách các nguyên liệu đã thực hiện theo đúng yêu cầu thiết kế đã đặt ra hay chưa.
+ Độ nhẵn, độ bóng.

Đối với các chi tiết chưa đạt yêu cầu sẽ được đưa lại chỉnh sửa ở các công đoạn trước, các chi tiết đạt yêu cầu được chuyển qua công đoạn ghép.

Hình ảnh công đoạn chà nhám.

→ *Chất thải phát sinh*:

+ Bụi: Bụi gỗ có kích thước nhỏ từ quá trình chà nhám sẽ được thu gom theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý bụi để xử lý.

+ Chất thải rắn công nghiệp: Bụi gỗ từ quá trình chà nhám hợp đồng với đơn có chức năng thu gom, xử lý chất thải công nghiệp theo quy định.

+ Tiếng ồn.

Công đoạn ghép:

Sau khi chà nhám xong, đối với nguyên liệu gỗ, ván sẽ được ghép lại với nhau. Các thanh gỗ, tấm ván được ghép lại tạo nên từng bộ phận cụ thể cho sản phẩm. Để có được kích thước cần thiết cho sản phẩm (giường, tủ, bàn, ghế), các thanh gỗ, ván sẽ được ghép lại với nhau theo chiều dọc, chiều ngang bằng keo ghép PVA. Keo sẽ được quét lên các thanh gỗ, ván rồi đưa vào máy ép để ghép chúng lại với nhau. Sau đó, được cố định bằng keo ghép trong thời gian 3-5 tiếng để keo được khô tự nhiên. Nên trong quá trình sản xuất, công đoạn này sẽ sinh ra mùi keo.

Hình ảnh công đoạn ghép.

→ *Chất thải phát sinh*:

+ Hơi keo: Thông thoáng nhà xưởng.

+ Chất thải nguy hại: keo thải, thùng đựng keo thải, giẻ lau, cọ lăn dính keo được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý CTNH theo đúng quy định.

+ Tiếng ồn.

Công đoạn lắp ráp:

Tùy theo mặt hàng mà tại đây sẽ có công đoạn lắp ráp. Đối với các mặt hàng không cần lắp ráp sẽ được chuyển trực tiếp sang công đoạn sơn. Đối với các mặt hàng cần lắp ráp sẽ được chuyển sang bộ phận lắp ráp. Tại đây, công nhân sẽ tiến hành lắp ráp các thanh gỗ, ván lại với nhau tạo thành hình của 01 sản phẩm hoàn chỉnh. Đối với các chi tiết chưa đạt được đưa lại chỉnh sửa ở các công đoạn trước, chi tiết đạt được đưa qua phun sơn.

Công đoạn lắp ráp.

→ *Chất thải phát sinh*:

+ Bụi từ quá trình lắp ráp chi tiết.

+ Tiếng ồn.

Công đoạn phun sơn:

Sau khi lắp ráp xong, công nhân di chuyển nguyên liệu sang khu vực phun sơn. Tại đây, Công ty áp dụng phương pháp phun sơn bằng màng nước. Tổng cộng hiện tại, Công ty đang sử dụng 18 buồng sơn màng nước, trong đó có 09 buồng sơn ướt chạy trên băng chuyền nằm; 09 buồng sơn ướt chạy trên băng chuyền treo và 01 chuyền sơn dặm.

- Đối với các chi tiết nhỏ gọn sẽ được treo trên các móc treo của hệ thống thiết bị dẫn truyền (vị trí từ móc treo đến mặt đất khoảng 1,3-1,5m, ngang tầm tay của công nhân để thuận tiện cho quá trình phun sơn). Thiết bị dẫn truyền sẽ được điều chỉnh với vận tốc đủ nhỏ (0,1-0,2m/s), đưa vật liệu chạy ngang qua buồng phun sơn và công nhân sẽ sử dụng súng phun sơn để phun xịt lên các bề mặt của vật cần sơn. Đối với phương pháp sơn ướt chạy trên băng chuyền thì sản phẩm sau khi sơn được chuyển sang khu vực sấy để sấy khô sản phẩm.

- Đối với các chi tiết lớn như: khung tủ, khung bàn, khung ghế và giường thì sẽ được đặt trên các giá đỡ và có hệ thống truyền động (hệ thống đường ray) chạy dọc dưới nền nhà xưởng. Tương tự như đối với các chi tiết nhỏ, công nhân cũng sử dụng súng phun sơn để phun lên bề mặt các chi tiết này khi chúng chạy ngang qua buồng phun sơn. Đối với phương pháp sơn ướt chạy trên băng chuyền treo thì sản phẩm sau khi sơn được treo trên băng chuyền và để khô tự nhiên.

Mô tả quá trình phun sơn ướt: Sơn sẽ được pha theo tỷ lệ nhất định sau đó cho vào bình phun sơn, công nhân dùng bình phun sơn phun lên bề mặt sản phẩm nhờ áp lực của máy nén khí, bụi sơn văng ra một phần bám trên bề mặt sản phẩm, một phần văng ra ngoài sẽ bám trên lớp màng nước giữ lại. Khi sơn, thành phần tỷ lệ của sơn sẽ chiếm khoảng 2% trên bề mặt sản phẩm. Định kỳ công nhân sẽ thu cặn sơn này xử lý theo chất thải nguy hại; hơi dung môi sẽ được thu gom về hệ thống xử lý hơi dung môi để tiếp tục xử lý; nước thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

Buồng sơn nước và băng chuyền nằm.	***Khu vực sấy sau công đoạn phun sơn.***
Chuyền sơn treo.	***Chuyền treo để khô sản phẩm tự nhiên.***

Sau khi phun sơn xong, nếu sơn chưa dính bám hết vào trong sản phẩm thì chúng sẽ được chuyển qua khu vực sơn dặm để sơn dặm lại. Tại đây, Công ty bố trí 01 chuyền sơn dặm, công nhân thực hiện thao tác sơn dặm bằng cọ và rulơ.

→ *Chất thải phát sinh khi sơn dặm*:

+ Bụi sơn: Xử lý bằng màng nước.
+ Hơi dung môi: Đưa về HTXL hơi dung môi để xử lý.
+ Nước thải: Đưa về HTXL nước thải để xử lý.

Đối với công đoạn sấy khô sản phẩm:

Công đoạn sấy khô sản phẩm sau đối với các băng chuyền phun sơn nằm. Sau khi sơn xong, các chi tiết được chạy trên băng chuyền nằm tự động đưa vào phòng sấy để tăng độ

kết dính của sơn vào sản phẩm. Tại xưởng phun sơn gồm có 01 phòng sấy có diện tích 300m^2, nhiệt cung cấp cho phòng sấy là từ lò hơi. Nhiệt độ thích hợp để sấy khô sản phẩm từ 30^{0}C-32^{0}C. Kết thúc quá trình sấy khô các chi tiết, sản phẩm được chuyển sang công đoạn lắp ráp hoàn thiện cuối cùng.

Đối với công đoạn để khô sản phẩm tự nhiên:

Công đoạn để khô sản phẩm tự nhiên được thực hiện trên băng chuyền sơn treo. Sản phẩm sau khi sơn được treo trên băng chuyền và để khô tự nhiên sau đó theo băng chuyền chuyển sang khu vực đóng gói.

→ *Chất thải phát sinh*:

+ Khí thải: Đối với bụi sơn văng ra từ quá trình phun sơn một phần bám trên bề mặt sản phẩm, một phần văng ra ngoài sẽ bám trên lớp màng nước giữ lại trong bể chứa. Đối với Hơi dung môi sẽ theo đường ống dẫn về thiết bị hấp phụ than hoạt tính để xử lý.

+ Chất thải nguy hại gồm: thùng đựng sơn, thùng đựng dung môi, cặn sơn, tấm lưới lọc thủy tinh, than hoạt tính thải bỏ: Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại.

+ Tiếng ồn.

Công đoạn lắp ráp hoàn thiện:

Các chi tiết được công nhân di chuyển qua công đoạn lắp ráp. Các chi tiết được công nhân tiến hành lắp ráp lại với nhau, và lắp ráp thêm các phụ kiện tạo thành sản phẩm hoàn chỉnh.

Sau khi lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh sẽ được chuyển sang bộ phận kiểm tra. Công nhân sẽ tiến hành kiểm tra tất cả các chi tiết. Các công đoạn trước đều đã được kiểm tra trước khi đưa vào phun sơn. Do đó, mục đích của việc kiểm tra ở công đoạn cuối cùng này chủ yếu là kiểm tra về mặt:

+ Chất lượng của sản phẩm.

+ Màu sắc sản phẩm.

Đối với các sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ được đưa trở lại các công đoạn trước để chỉnh sửa lại. Đối với các sản phẩm đạt yêu cầu được đóng gói thành phẩm, lưu kho rồi cung cấp cho khách hàng.

→ *Chất thải phát sinh*:

+ Sản phẩm lỗi: Các sản phẩm lỗi sẽ được chuyển về các công đoạn trước để tiến hành sửa lỗi.
+ Đinh, ốc, vít thải: Hợp đồng xử lý CTCN.

Công đoạn kiểm tra – đóng gói:

Các sản phẩm sau khi được sơn được đưa qua công đoạn kiểm tra, các sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ được đưa trở lại các công đoạn trước để chỉnh sửa lại. Cuối cùng sản phẩm được đóng gói thành phẩm. Sản phẩm được đóng gói trong bao bì gỗ hoặc thùng carton có kèm theo các vật liệu lót rồi nhập kho và chờ xuất hàng.

Thành phẩm sau đóng gói.

- **Quy trình sấy gỗ ẩm:**

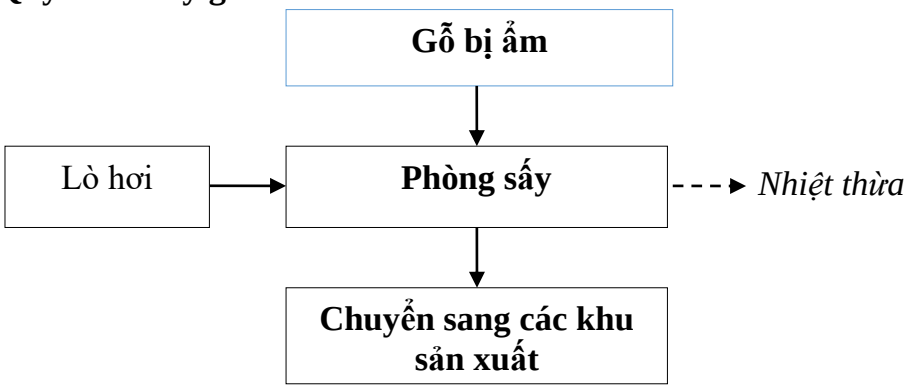

Hình 1.4. Quy trình sấy gỗ bị ẩm.

<u>Thuyết minh quy trình:</u>

Đối với các nguyên liệu gỗ, ván sau khi nhập về hoặc trong quá trình lưu trữ sẽ có một số bị ẩm. Hoặc trong các công đoạn sản xuất trước khi sơn, do các thao tác thực hiện của công nhân hoặc do thời tiết gây ra. Gỗ bị ẩm sẽ được nhân viên đưa vào các phòng sấy ẩm. Công ty gồm có 02 phòng sấy ẩm, trong đó 01 phòng có diện tích 291m^2 (9,7m×10m×3m), 01 phòng có diện tích 306m^2 (9,7m×9m×3,5m), nhiệt cung cấp cho phòng sấy là từ lò hơi 02 tấn/giờ. Khi các chi tiết đưa vào phòng sấy, công nhân sẽ tiến hành đóng cửa phòng, điều chỉnh nhiệt độ thích hợp 32^{0}C-35^{0}C để sấy khô. Khi gỗ đạt đến độ ẩm thích hợp thì quá trình sấy kết thúc. Độ ẩm đạt đến sau cùng đối với gỗ mềm là 10 - 12%; gỗ cứng là 10 – 14%.

Kết thúc quá trình sấy khô, các chi tiết được chuyển sang các công đoạn sản xuất tiếp tục cho quy trình sản xuất.

Thành phẩm tạo ra: Gỗ đã được sấy.

Cách thức di chuyển nguyên liệu: công nhân di chuyển các nguyên liệu bằng xe đẩy đến phòng sấy.

Thao tác thực hiện: Thực hiện kín.

→ *Tác động đến môi trường:*

+ Nhiệt từ quá trình sấy.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu, hóa chất của cơ sở:

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu sản xuất.

TT	Loại nguyên vật liệu	Công dụng	Trạng thái	Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng theo Đề án BVMT chi tiết	Khối lượng hiện hữu (xin cấp phép)	Quy cách đóng gói	Chất thải phát sinh
1	Gỗ đã qua sơ chế các loại	Nguyên liệu chính	Rắn	Việt Nam	Tấn/năm	5.986	7.725	-	-
2	Ván ép các loại	Nguyên liệu chính	Rắn	Việt Nam	Tấn/năm	3.990	5.150	-	-
3	Kính các loại	Phụ liệu	Rắn	Việt Nam	Tấn/năm	4,8	6,821	Thùng gỗ, lót mút xốp 1000 kg → 7 thùng	- Thùng gỗ thải: 56 kg (vỏ thùng gỗ nặng 8 kg). - Mút xốp: 7kg.
4	Da	Phụ liệu	Rắn	Việt Nam	Tấn/năm	2,1	3,96	Bao nylon 100kg → 36 bao	Bao nylon thải: 10,8 kg (vỏ bao nặng 0,3kg)
5	Vải	Phụ liệu	Rắn	Việt Nam	Tấn/năm	6	8,58	Bao nylon 100kg → 78 bao	Bao nylon thải: 23,4 kg (vỏ bao nặng 0,3kg)
6	Mút xốp	Phụ liệu	Rắn	Việt Nam	Tấn/năm	1,5	2,2	Bao nylon 100kg → 20 bao	Bao nylon thải: 6 kg (vỏ bao nặng 0,3kg)
7	Thanh trượt kim loại	Phụ liệu	Rắn	Việt Nam	Tấn/năm	3	4,29	Thùng carton 100kg → 39 thùng	Thùng carton thải: 39 kg (vỏ thùng nặng 1kg)
8	Ngủ kim các loại (đinh, ốc, vít, bản lề,..)	Phụ liệu	Rắn	Việt Nam	Tấn/năm	47,4	42,622	Thùng carton 100kg → 616 thùng	Thùng carton thải: 616 kg (vỏ thùng nặng 1kg)
9	Giấy nhám các loại P120,180,240,400, kích thước mỗi tờ 230 × 280mm.	Chà nhám	Rắn	Việt Nam	Tấn/năm	37,2	34,74	Bao nylon 25kg → 1972 bao	Bao nylon thải: 197,2 kg (vỏ bao nặng 0,1kg)
10	Sơn bóng NC	Phun sơn tạo màu sắc cho sản phẩm	Lỏng	Việt Nam	Tấn/năm	32,6	38,76	Thùng sắt 180kg → 236 thùng	Thùng sắt thải: 3.540 kg (vỏ thùng nặng 15kg)
11	Sơn lót NC	Phun sơn tạo màu sắc cho sản phẩm	Lỏng	Việt Nam	Tấn/năm	67,8	81,6	Thùng sắt 200kg → 441 thùng	Thùng sắt thải: 7.497 kg (vỏ thùng nặng 17kg)

12	Dung môi pha sơn NC	Phụ liệu pha sơn	Lỏng	Việt Nam	Tấn/năm	3	3,928	Thùng sắt 170kg → 23 thùng	Thùng sắt thải: 322 kg (vỏ thùng nhựa nặng 14kg)
13	Chất làm cứng	Phụ liệu pha sơn	Lỏng	Việt Nam	Tấn/năm	4,8	5,36	Thùng sắt 16kg → 391 thùng	Thùng sắt thải: 1.173 kg (vỏ thùng nặng 3kg)
14	Tinh màu	Phụ liệu pha sơn	Lỏng	Việt Nam	Tấn/năm	6,7	7,8	Thùng sắt 25kg → 346 thùng	Thùng sắt thải: 1.730 kg (vỏ thùng nặng 5kg)
15	Dầu chuối	Phụ liệu pha sơn	Lỏng	Việt Nam	Tấn/năm	43,8	51	Thùng sắt 170kg → 330 thùng	Thùng sắt thải: 4.620 kg (vỏ thùng nhựa nặng 14kg)
16	Dầu thông	Phụ liệu pha sơn	Lỏng	Việt Nam	Tấn/năm	64,1	54,57	Thùng sắt 170kg → 490 thùng	Thùng sắt thải: 6.860 kg (vỏ thùng nặng 14kg)
17	Keo PVA	Lắp ráp	Lỏng	Việt Nam	Tấn/năm	16,6	22,03	Thùng sắt 170kg → 128 thùng	Thùng sắt thải: 1.792 kg (vỏ thùng nặng 14kg)
18	Màu lau Glaze	Lau lên sản phẩm tạo tim sớ gỗ, vân gỗ	Lỏng	Việt Nam	Tấn/năm	5,3	7,038	Thùng sắt 18kg → 384 thùng	Thùng sắt thải: 1.536 kg (vỏ thùng nặng 4kg)
19	Bột trét	Dùng để trám trét những lỗi nhỏ trên sản phẩm. Làm phẳng, mịn và che đi các khuyết tật trên bề mặt tường như lỗ rỗ, vết nứt, gồ ghề,... giúp tạo lớp nền hoàn hảo cho lớp sơn phủ	Lỏng	Việt Nam	Tấn/năm	1,9	2,551	Thùng sắt 18kg → 139 thùng	Thùng sắt thải: 556 kg (vỏ thùng nặng 4kg)
20	Acetone	Làm sạch sản phẩm	Lỏng	Việt Nam	Tấn/năm	4,3	5,621	Thùng sắt 18kg → 313 thùng	Thùng sắt thải: 1.252 kg (vỏ thùng nặng 4kg)
21	Chất diệt nấm mốc	Dùng để phun chống mốc do thời tiết lạnh	Lỏng	Việt Nam	Tấn/năm	1,1	1,5	Thùng sắt 18kg → 82 thùng	Thùng sắt thải: 328 kg (vỏ thùng nặng 4kg)
II	**Nguyên liệu, hóa chất sử dụng xử lý môi môi trường**								
22	NaOH	Xử lý nước thải	Lỏng	Việt Nam	Kg/năm	20	24	Thùng nhựa 25 lít → 1 thùng	Thùng nhựa thải: 0,5 kg (vỏ thùng nhựa nặng 0,5kg)

23	PAC	Xử lý nước thải	Rắn	Việt Nam	Kg/năm	1.120	1.200	Bao nylon 25kg → 48 bao	Bao nylon thải: 4,8 kg (vỏ bao nặng 0,1kg)
24	Polymer	Xử lý nước thải	Rắn	Việt Nam	Kg/năm	22	24	Bao nylon 25kg → 1 bao	Bao nylon thải: 0,1 kg (vỏ bao nặng 0,1kg)
25	Chlorine	Xử lý nước thải	Lỏng	Việt Nam	Kg/năm	56	60	Thùng nhựa 25 lít → 3 thùng	Thùng nhựa thải: 1,5 kg (vỏ thùng nhựa nặng 0,5kg)
26	Than hoạt tính	Xử lý hơi dung môi	Rắn	Việt Nam	Kg/năm	1.890	1.890	Bao nylon 25kg → 76 bao	Bao nylon thải: 7,6 kg (vỏ bao nặng 0,1kg)
IV	**Nguyên, nhiên liệu, hóa chất khác**								
27	Dầu nhớt bôi trơn	Bôi trơn máy móc	Lỏng	Việt Nam	Lít/năm	250	400	Thùng phuy sắt 200 lít → 2 thùng	Thùng phuy sắt thải: 34 kg (vỏ thùng phuy nặng 17kg)
28	Củi sử dụng cho lò hơi	Làm nhiên liệu đốt cho lò hơi	Rắn	Việt Nam	Tấn/năm	680	768	-	-

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Ghi chú: Nguyên liệu được ước tính dựa theo công suất tối đa của Nhà máy.

- Hiện hữu, định mức 1 tấn hơi/h Công ty sử dụng hết 160 kg củi, Công ty sử dụng 01 lò hơi = 2 tấn hơi/h x 160kg củi x 8h/ngày = 2,56 tấn/ngày (Công ty hoạt động tối đa 8h/ngày).

Xác định khối lượng gỗ, ván sử dụng:

+ Gỗ phôi nhập về có kích thước dài từ 5cm-10cm → 01-2,5m; rộng từ 4cm → 10cm; độ dày từ 2cm → 10cm.
+ Ván ép có kích thước dài 1,245-1,855m; rộng 2,465m; độ dày từ 3mm → 5mm.

Khối lượng gỗ, ván sử dụng được quy đổi như sau:

Bảng 1.4. Khối lượng gỗ, ván sử dụng được quy đổi.

Nguyên liệu	Thể tích (m^3/năm)	Khối lượng riêng (tấn/m^3)	Khối lượng chuẩn (Tấn/năm)
Gỗ	10.300	0,75	7.725
Ván	8.583.3	0,6	5.150
Tổng cộng	**10.300 m^3**		**12.875 tấn**

(*): Khối lượng chuẩn = Thể tích x Khối lượng riêng.

Định mức cân bằng vật chất đầu vào và đầu ra của nhà máy:

Căn cứ vào thực tế, cân bằng khối lượng vật liệu đầu vào và đầu ra như sau:

Bảng 1.5. Bảng cân bằng vật chất đầu vào và đầu ra của cơ sở.

Nguyên liệu	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm (sp/năm)	Định mức sản phẩm		Định mức nguyên liệu		Chất thải rắn phát sinh		Ghi chú
			Kg/1 sản phẩm	Kg/năm	Kg/sản phẩm	Kg/năm	Kg/1 sản phẩm	Kg/năm	
Gỗ, ván các loại	Giường	10.000	30	300.000	33	330.000	3,0	30.000	Nguyên liệu đầu vào là gỗ, ván đã qua sơ chế. Lượng phế phẩm (gỗ vụn, mùn cưa, dăm bào) chiếm 10% gỗ phôi nguyên liệu đầu vào, sản phẩm chiếm 90% gỗ phôi nguyên liệu đầu vào.
	Tủ	87.000	15	1.305.000	16,5	1.435.500	1,5	130.500	
	Bàn	145.000	15	2.175.000	16,5	2.392.500	1,5	217.500	
	Ghế	860.000	10	8.600.000	11	9.460.000	1,0	860.000	
TỔNG		**1.102.000**		**12.380.000**		**13.618.000**		**1.238.000**	
Kính các loại	Giường	10.000	0,0062	62	0,0068	68	0,0006	6	Tỷ lệ hao hụt chiếm 10%
	Tủ	87.000	0,0057	496	0,0063	546	0,0006	50	
	Bàn	145.000	0,0056	806	0,0061	887	0,0006	81	
	Ghế	860.000	0,0056	4.836	0,0062	5.320	0,0006	484	
TỔNG		**1.102.000**		**6.200**		**6.821**		**621**	
Da	Giường	10.000	0,0036	36	0,0040	39,6	0,00036	3,6	Tỷ lệ hao hụt chiếm 10%
	Tủ	87.000	0,0033	288	0,0036	316,8	0,00033	28,8	
	Bàn	145.000	0,0032	468	0,0036	514,8	0,00032	46,8	
	Ghế	860.000	0,0033	2.808	0,0036	3.088,8	0,00033	280,8	
TỔNG		**1.102.000**		**3.600**		**3.960**		**360**	
Vải	Giường	10.000	0,0078	78	0,0086	85,8	0,00078	7,8	Tỷ lệ hao hụt chiếm 10%
	Tủ	87.000	0,0072	624	0,0079	686,4	0,00072	62,4	
	Bàn	145.000	0,0070	1.014	0,0077	1.115,4	0,00070	101,4	
	Ghế	860.000	0,0071	6.084	0,0078	6.692,4	0,00071	608,4	
TỔNG		**1.102.000**		**7.800**	**0**	**8.580**	**0**	**780**	
Mút xốp	Giường	10.000	0,0020	20	0,0022	22	0,00020	2	Tỷ lệ hao hụt chiếm 10%

	Tủ	87.000	0,0018	160	0,0020	176	0,00018	16	
	Bàn	145.000	0,0018	260	0,0020	286	0,00018	26	
	Ghế	860.000	0,0018	1.560	0,0020	1.716	0,00018	156	
TỔNG		**1.102.000**		**2.000**		**2.200**		**200**	
Thanh trượt kim loại	Giường	10.000	0,0039	39	0,0043	42,9	0,00039	3,9	Tỷ lệ hao hụt chiếm 10%
	Tủ	87.000	0,0036	312	0,0039	343,2	0,00036	31,2	
	Bàn	145.000	0,0035	507	0,0038	557,7	0,00035	50,7	
	Ghế	860.000	0,0035	3.042	0,0039	3.346,2	0,00035	304,2	
TỔNG		**1.102.000**		**3.900**		**4.290**		**390**	
Ngủ kim các loại (đinh, ốc, vít, bản lề,..)	Giường	10.000	0,042	422	0,0426	426,2	0,00042	4,22	Tỷ lệ hao hụt chiếm 1%
	Tủ	87.000	0,039	3.376	0,0392	3.409,8	0,00039	33,76	
	Bàn	145.000	0,038	5.486	0,0382	5.540,9	0,00038	54,86	
	Ghế	860.000	0,038	32.916	0,0387	33.245,2	0,00038	329,16	
TỔNG		**1.102.000**		**42.200**		**42.622**		**422**	
Giấy nhám các loại P120,180,240,400, kích thước mỗi tờ 230 × 280mm.	Giường	10.000	0,019	193	0,035	347,4	0,015	154,4	Tỷ lệ hao hụt chiếm 80%
	Tủ	87.000	0,018	1.544	0,032	2.779,2	0,014	1.235,2	
	Bàn	145.000	0,017	2.509	0,031	4.516,2	0,014	2.007,2	
	Ghế	860.000	0,018	15.054	0,032	27.097,2	0,014	12.043,2	
TỔNG		**1.102.000**		**19.300**		**34.740**		**15.440**	
Sơn bóng NC	Giường	10.000	0,038	380	0,039	387,6	0,00076	7,6	Tỷ lệ hao hụt chiếm 2%
	Tủ	87.000	0,035	3.040	0,036	3.100,8	0,00070	60,8	
	Bàn	145.000	0,034	4.940	0,035	5.038,8	0,00068	98,8	
	Ghế	860.000	0,034	29.640	0,035	30.232,8	0,00069	592,8	
TỔNG		**1.102.000**		**38.000**		**38.760**		**760**	
Sơn lót NC	Giường	10.000	0,080	800	0,082	816	0,0016	16	Tỷ lệ hao hụt chiếm 2%
	Tủ	87.000	0,074	6.400	0,075	6.528	0,0015	128	
	Bàn	145.000	0,072	10.400	0,073	10.608	0,0014	208	
	Ghế	860.000	0,073	62.400	0,074	63.648	0,0015	1.248	
TỔNG		**1.102.000**		**80.000**		**81.600**		**1.600**	
Dung môi pha sơn	Giường	10.000	-	-	0,0040	39,8	0,0040	39,8	Dung môi pha sơn bay hơi

NC	Tủ	87.000	-	-	0,0036	314,2	0,0036	314,2	
	Bàn	145.000	-	-	0,0035	511,0	0,0035	511,0	
	Ghế	860.000	-	-	0,0036	3.063,1	0,0036	3.063,1	
TỔNG		**1.102.000**				**3.928**		**3.928**	
Chất làm cứng	Giường	10.000	0,0053	53	0,0054	54,1	0,00011	1,1	Tỷ lệ hao hụt chiếm 2%
	Tủ	87.000	0,0048	420	0,0049	428,4	0,00010	8,4	
	Bàn	145.000	0,0047	683	0,0048	696,7	0,00009	13,7	
	Ghế	860.000	0,0048	4.095	0,0049	4.176,9	0,00010	81,9	
TỔNG		**1.102.000**		**5.251**		**5.356,1**		**105,1**	
Tinh màu	Giường	10.000	0,0077	77	0,0079	78,5	0,00015	1,5	Tỷ lệ hao hụt chiếm 2%
	Tủ	87.000	0,0070	612	0,0072	624,2	0,00014	12,2	
	Bàn	145.000	0,0069	995	0,0070	1.014,9	0,00014	19,9	
	Ghế	860.000	0,0069	5.967	0,0071	6.086,3	0,00014	119,3	
TỔNG		**1.102.000**		**7.651,0**	**0,0**	**7.803,9**	**0,0**	**152,9**	
Dầu chuối	Giường	10.000	0,050	500	0,051	510	0,00100	10	Tỷ lệ hao hụt chiếm 2%
	Tủ	87.000	0,046	4.000	0,047	4.080	0,00092	80	
	Bàn	145.000	0,045	6.500	0,046	6.630	0,00090	130	
	Ghế	860.000	0,045	39.000	0,046	39.780	0,00091	780	
TỔNG		**1.102.000**		**50.000,0**	**0,2**	**51.000,0**	**0,0**	**1.000,0**	
Dầu thông	Giường	10.000	0,054	535	0,055	546	0,00107	10,7	Tỷ lệ hao hụt chiếm 2%
	Tủ	87.000	0,049	4.280	0,050	4.366	0,00098	85,6	
	Bàn	145.000	0,048	6.955	0,049	7.094	0,00096	139,1	
	Ghế	860.000	0,049	41.730	0,049	42.565	0,00097	834,6	
TỔNG		**1.102.000**		**53.500**		**54.570**		**1.071**	
Keo PVA	Giường	10.000	0,022	216	0,022	220	0,00043	4,3	Tỷ lệ hao hụt chiếm 2%
	Tủ	87.000	0,020	1.728	0,020	1.763	0,00040	34,6	
	Bàn	145.000	0,019	2.808	0,020	2.864	0,00039	56,2	
	Ghế	860.000	0,020	16.848	0,020	17.185	0,00039	337,0	
TỔNG		**1.102.000**		**21.600**		**22.032**		**432,1**	
Màu lau Glaze	Giường	10.000	0,007	69	0,007	70	0,00014	1,4	Tỷ lệ hao hụt chiếm 2%
	Tủ	87.000	0,006	552	0,006	563	0,00013	11,0	

	Bàn	145.000	0,006	897	0,006	915	0,00012	17,9	
	Ghế	860.000	0,006	5.382	0,006	5.490	0,00013	107,6	
TỔNG		**1.102.000**		**6.900**		**7.038**		**137,9**	
Bột trét	Giường	10.000	0,003	25	0,003	26	0,00005	0,5	Tỷ lệ hao hụt chiếm 2%
	Tủ	87.000	0,002	200	0,002	204	0,00005	4,0	
	Bàn	145.000	0,002	325	0,002	332	0,00004	6,5	
	Ghế	860.000	0,002	1.950	0,002	1.989	0,00005	39,0	
TỔNG		**1.102.000**		**2.500**		**2.551**		**50**	
Acetone	Giường	10.000	-	-	0,006	56	0,006	56	Acetone bay hơi
	Tủ	87.000	-	-	0,005	450	0,005	450	
	Bàn	145.000	-	-	0,005	731	0,005	731	
	Ghế	860.000	-	-	0,005	4.384	0,005	4.384	
TỔNG		**1.102.000**				**5.621**		**5.621**	
Chất diệt nấm mốc	Giường	10.000	0,002	15	0,002	15,3	0,00003	0,3	Tỷ lệ hao hụt chiếm 2%
	Tủ	87.000	0,001	118	0,001	120,4	0,00003	2,4	
	Bàn	145.000	0,001	191	0,001	194,8	0,00003	3,8	
	Ghế	860.000	0,001	1.147	0,001	1.169,9	0,00003	22,9	
TỔNG		**1.102.000**		**1.471**		**1.500,4**		**29,4**	

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Thành phần và tính chất của một số nguyên liệu, hóa chất:

Bảng 1.6. Danh mục thành phần, tính chất cơ bản của nguyên liệu, hóa chất.

TT	Tên hóa chất	Trạng thái	Tên thành phần	Cas -No	Tính chất	Xuất xứ
I	**Nguyên liệu, nhiên liệu hóa chất sản xuất**					
1	Sơn bóng NC	Lỏng	+ *sec*-butyl ester; *s*-butyl acetate; 2-butyl acetate ($C_6H_{12}O_2$) 30 – 40%. + Ethyl Ester, Acetic Ether, Acetic Ester, Acetoxyethane ($CH_3COOC_2H_5$) 30-40%. + 1-Methoxy-2-Propanol Acetate;	105-46-4; 141-78-6; 108-65-6; - 9003-08-1; 68038-41-5.	- Trạng thái vật lý: Chất lỏng - Màu sắc: Trong suốt - Mùi đặc trưng: Không có sẵn - Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn - Trị số cao nhất được biết: 180 mm Hg tại 20°C. - Điểm sôi (^{0}C): 77°C (170.6°F)	Việt Nam

			Propylene Glycol Ether Acetate; Methoxy Propanol Acetate ($C_6H_{12}O_3$) 10-20%. + Nitrocellulose;Cellulose Nitrate $[C_6H_{10}\text{-}xO_5\text{-}x(ONO_2)X]_n$ ($2 < x < 2,4$) 20-30%. + Amino resin 20-30%. + Maleic resin,rosin modified 2-5%.		- Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định: -16 °C - Nhiệt độ tự cháy (^{0}C): Giá trị thấp nhất được biết: 455 °C. Bình quân gia trọng: 464°C. - Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) - Trị số cao nhất được biết: 19.0%. - Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: 2.2%	
2	Sơn lót NC	Lỏng	+ *sec*-butyl ester; *s*-butyl acetate; 2-butyl acetate ($C_6H_{12}O_2$) 30 – 40%. + Ethyl Ester, Acetic Ether, Acetic Ester, Acetoxyethane ($CH_3COOC_2H_5$) 30-40%. + 1-Methoxy-2-Propanol Acetate; Propylene Glycol Ether Acetate; Methoxy Propanol Acetate ($C_6H_{12}O_3$) 10-20%. + Nitrocellulose;Cellulose Nitrate $[C_6H_{10}\text{-}xO_5\text{-}x(ONO_2)X]_n$ ($2 < x < 2,4$) 20-30%. + Amino resin 20-30%.	105-46-4; 141-78-6; 108-65-6; - 9003-08-1.	- Trạng thái vật lý: Chất lỏng - Màu sắc: Trong hơi đục. - Mùi đặc trưng: Không có sẵn - Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn. Trị số cao nhất được biết: 180 mm Hg tại 20°C. Bình quân gia trọng: 167 mm Hg tại 20°C. - Điểm sôi (^{0}C): 77°C (170.6°F) - Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định: -16 °C - Nhiệt độ tự cháy (^{0}C): Giá trị thấp nhất được biết: 455 °C. Bình quân gia trọng: 464°C. - Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) - Trị số cao nhất được biết: 19.0%. - Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: 2.2%	Việt Nam
3	Dung môi pha sơn NC	Lỏng	+ *sec*-butyl ester; *s*-butyl acetate; 2-butyl acetate ($C_6H_{12}O_2$) 40 – 60%. + Ethyl Ester, Acetic Ether, Acetic Ester, Acetoxyethane ($CH_3COOC_2H_5$) 40-60%. + 1-Methoxy-2-Propanol Acetate; Propylene Glycol Ether Acetate;	105-46-4; 141-78-6; 108-65-6.	- Trạng thái vật lý: Chất lỏng - Màu sắc: Trong suốt. - Mùi đặc trưng: Không có sẵn - Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn. Trị số cao nhất được biết: 180 mm Hg tại 20°C. Bình quân gia trọng: 167 mm Hg tại 20°C. - Điểm sôi (^{0}C): 77°C (170.6°F)	Việt Nam

			Methoxy Propanol Acetate ($C_6H_{12}O_3$) 10-20%.		- Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định: -16°C. - Nhiệt độ tự cháy (^{0}C). Giá trị thấp nhất được biết: 455 °C. Bình quân gia trọng: 464°C. - Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) Trị số cao nhất được biết: 19.0%. - Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: 2.2%.	
4	Chất làm cứng	Lỏng	+ Diphenylmethane diisocyanate, isomers and homologues ($C_{15}H_{10}N_2O_2$) 50 - 75%; + 4, 4'-Methylenediphenyl Diisocyanate; Diphenylmethane - 4,4'diisocyanate (MDI) ($C_{15}H_{10}N_2O_2$) 25 - 50%	9016-87-9; 101-68-8.	- Trạng thái vật lý: Chất lỏng - Màu sắc: Trong suốt vàng. - Mùi đặc trưng: Không xác định - Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn. Trị số cao nhất được biết: < 0.00001 mmHg @ 25 • - Độ hòa tan trong nước : Không hòa tan. - Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định > 204 ^{0}C.	Việt Nam
5	Tinh màu	Lỏng	+ Diphenylmethane diisocyanate, isomers and homologues ($C_{15}H_{10}N_2O_2$) 50 - 75%; + 4, 4'-Methylenediphenyl Diisocyanate; Diphenylmethane - 4,4'diisocyanate (MDI) ($C_{15}H_{10}N_2O_2$) 25 - 50%	9016-87-9; 101-68-8.	- Trạng thái vật lý: Chất lỏng - Màu sắc: Trong suốt vàng. - Mùi đặc trưng: Không xác định - Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn. Trị số cao nhất được biết: < 0.00001 mmHg @ 25 • - Độ hòa tan trong nước : Không hòa tan. - Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định > 204 ^{0}C.	Việt Nam
6	Dầu thông	Lỏng	+ Solvent Naphtha (Petroleum). Hỗn hợp thơm gồm: + Xylene (Mixed Isomers) + Tri-methyl-benzene (all isomers) Cumene	64742-95-6; 1330-20-7; 25551-13-7; 98-82-8.	- Trạng thái vật lý: Chất lỏng - Màu sắc: Trong suốt. - Mùi đặc trưng: Mùi thơm - Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Việt Nam

					Trị số cao nhất được biết**:** 210 - 1.300 Pa tại 20°C/68°F**.** - Độ hòa tan trong nước : Không tan. - Điểm sôi (^{0}C): 150 - 185^{0}C**. (**302-365°F). - Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định: 38-50°C **(**100-122°F) - Tỷ lệ hoá hơi: 100%.	
7	Keo PVA	Lỏng	Rượu polyvinyl 80%; Nhũ tương polyvinyl axetat etylen 20%.	9002-89-5 24937-78-8	- Trạng thái: chất lỏng - Hình dạng: chất lỏng sữa - Màu sắc: trắng sữa - Mùi: Amoniac - pH: khoảng 7 - Điểm sôi / khoảng điểm sôi: 100 °C - Trọng lượng riêng (nước = 1): khoảng 0.98. - Chất bay hơi (%): khoảng 50%.	Việt Nam
8	Màu lau Glaze	Lỏng	+ Bột Màu (Đỏ, vàng, đen, cam, xanh…) 30%; + Solvent 70%.	- 842-07-9	- Trạng thái vật lý: Chất lỏng - Màu sắc: có màu (đỏ, vàng, đen, cam , xanh…). - Mùi đặc trưng: Không mùi - Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết**:** Không xác định Bình quân gia trọng: - Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn >1.0 (Không khí = 1) - Độ hòa tan trong nước: tan ít - Độ PH: 7.5-8.5. - Điểm sôi (^{0}C): 65-212,78°C (149-415°F). - Tỷ lệ hoá hơi: Chậm.	Việt Nam
9	Bột trét	Lỏng	+ Acetone (C_3H_6O) 30-60%; + Ethyl Acetate ($CH_3COOC_2H_5$) 10-30%; + Propan-2-OL (5-10%)	67-64-1; 141-78-6; 67-63-0.	- Trạng thái vật lý: Chất lỏng sệt - Màu sắc: màu sắc tùy theo màu gỗ. - Mùi đặc trưng: Không mùi - Độ hòa tan trong nước : Chủ yếu hòa tan.	Việt Nam

					- Tỷ lệ hoá hơi: Thấp.	
10	Acetone	Lỏng	+ Acetone (C_3H_6O) 100%	67-64-1	- Trạng thái vật lý: Chất lỏng - Màu sắc: Không màu - Mùi đặc trưng: Mùi hăng, khó chịu, - Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết: 9,39 kPa (0°C) 30,6 kPa (25°C) 374 kPa (100°C) 2,8 MPa (200°C) - Điểm sôi (^{0}C)**:** 56-57 ° C; 133-134 ° F; 329-330 K - Điểm nóng chảy (^{0}C): -95 đến -93 ° C; -139 Đến -136 ° F; 178-180 K.	Việt Nam
11	Chất diệt nấm mốc	Lỏng	+ Zinc oxide (as zinc) 1-5%	1314-13-2	- Trạng thái vật lý: Chất lỏng - Màu sắc: Không màu - Mùi đặc trưng: Không hăng - Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết: 17 mm Hg @ 20° C Bình quân gia trọng: - Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : <1 - Độ hòa tan trong nước : 1.220 - Độ PH: 9.0-9.8 - Khối lượng riêng (kg/m^3): Không xác định	Việt Nam
II	**Nguyên liệu, nhiên liệu hóa chất xử lý môi trường và hóa chất khác**					
12	NaOH	Lỏng	NaOH 99-100%	1310-73-2	- Trạng thái: chất bột hoặc hạt. - Màu sắc: màu trắng hoặc xám trắng. - Mùi: Mùi hơi hăng. - Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn (20^{o}C) : < 18 mmHg ở 20°C (68°F); 3 nmmHg ở 37°C (99°F). - Điểm sôi (0C): 1.388^{o}C	Việt Nam

					- Điểm nóng chảy (^{0}C): 323^{o}C - Độ PH : 13,5 - Khối lượng riêng (kg/m^3) : : 2.130 kg/m^3 - Khối lượng phân tử: 40 g/mol.	
13	PAC	Rắn	Al_2O_3 10%	1327-41-9	- Trạng thái vật lý: dạng dung dịch. - Màu sắc: vàng nâu, nâu đỏ hoặc trắng đục. - Mùi đặc trưng: không mùi - Độ pH: 2-4 (dung dịch 10%, 20^{o}C) - Khối lượng riêng: 1.19-1.20 g/cm^3 - Độ nhớt: 4 Cp (25^{0}C) - Nhiệt độ đông đặc: - 12^{0}C.	Việt Nam
14	Polymer	Rắn	-	-	- Trạng thái: chất rắn. - Màu sắc : Màu trắng - Mùi đặc trưng : Không mùi - Nhiệt độ tự cháy (^{0}C) : >150^{0}C - Khối lượng riêng : 0.75-0.95g/m^3 - Tỷ lệ hóa hơi : 8-13%	Việt Nam
15	Dầu nhớt bôi trơn	Lỏng	Thành phần là dầu khoáng > 95%, phụ gia chống ăn mòn < 0,1 - 5%	-	Là chất lỏng màu vàng trong suốt, mùi hydrocacbon đặc trưng, điểm chớp cháy 246^{0}C, điểm nóng chảy < -35^{0}C, ổn định ở điều kiện nhiệt độ và áp suất thường, không tan trong nước.	Việt Nam

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

4.2. Nguồn cung cấp và nhu cầu sử dụng điện:

- Nguồn điện: Nguồn điện cấp cho Công ty là tuyến đường dây trung thế 22KV do Công ty điện lực Bình Dương cung cấp đến hàng rào Công ty theo hướng từ đường chính đi vào.
- Nhu cầu sử dụng điện:

Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở.

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng theo Đề án BVMT chi tiết	Số lượng hiện hữu
1	Điện năng	(kWh/năm)	920.000	1.100.000

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024..

4.3. Nguồn cung cấp và nhu cầu sử dụng nước:

- Nguồn nước: Nguồn cung cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của Công ty là nguồn nước thủy cục thông qua hệ thống cấp nước chung đô thị.
- Tính toán lượng nước sử dụng: Lưu lượng nước cấp nước được dựa trên hóa đơn cung cấp nước hằng tháng. Cụ thể như sau:

Bảng 1.8. Lưu lượng nước cấp sử dụng tại cơ sở.

TT	Nhu cầu nước sử dụng	Tổng nhu cầu sử dụng nước và xả thải theo ĐABVMT chi tiết (m^3/ngày)					Tổng nhu cầu sử dụng nước và xả thải hiện hữu (m^3/ngày)					Tiêu chuẩn
		Quy mô	Cấp lần đầu	Cấp hao hụt	Tuần hoàn tái sử dụng	Nước thải	Quy mô	Nhu cầu nước cấp	Cấp hao hụt	Tuần hoàn tái sử dụng	Nước thải	
I	**Nước cấp sinh hoạt**											
1	Nước sinh hoạt	268 người	21,4	-	-	21,4	325 người	26	-	-	26	Thực tế sử dụng (80 lít/người)
II	**Nước cấp sản xuất**											
2	Nước cấp cho 18 buồng sơn	18 buồng	39,6 m^3/tuần (13,2 m^3/ngày)	-	39,6	39,6 m^3/tuần (13,2 m^3/ngày)	18 buồng	51,75 m^3/tuần (17,25 m^3/ngày)	-	51,75	51,75 m^3/tuần (17,25 m^3/ngày)	Thực tế sử dụng
4	Nước cấp cho lò hơi	01 lò 2 tấn/h	3 m^3/tuần (0,5 m^3/ngày)	0,3	0,3	3 m^3/tuần (0,5 m^3/ngày)	01 lò 2 tấn/h	3 m^3/tuần (0,5 m^3/ngày)	0,3	0,3	3 m^3/tuần (0,5 m^3/ngày)	Thực tế sử dụng
5	Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt củi	01 HT	3 m^3/tuần (0,5 m^3/ngày)	0,1	0,5	3 m^3/tuần (0,5 m^3/ngày)	-	3 m^3/tuần (0,5 m^3/ngày)	0,1	0,5	3 m^3/tuần (0,5 m^3/ngày)	Thực tế sử dụng
III	**Nước tưới cây, rửa đường**	-	5	-	-	-	-	5	-	-	-	Thực tế sử dụng
Tổng cộng $Q_{ngày}$		**-**	**40,6**	**0,4**	**40,4**	**35,6**	**-**	**49,25**	**0,4**	**52,55**	**44,25**	
Tổng cộng Q_{max}		**-**	**72**	**0,4**	**40,4**	**67**		**88,75**	**0,4**	**52,55**	**83,75**	

Nguồn: Công ty TNHH Thống nhất Việt Nam, 2024.

Bảng tính chi tiết lưu lượng nước cấp và xả ra của 18 buồng phun sơn:

Bảng 1.9. Bảng cân bằng lưu lượng nước cấp và xả ra của 18 buồng phun sơn của cơ sở.

TT	Loại chuyền phun sơn	Kích thước bể nước	Định mức cấp	Số lượng bể nước		Tổng nhu cầu sử dụng nước và xả thải (m^3/tuần)			Định mức xả thải (Xả 01 tuần 02 ngày luân phiên các bể)
						Lượng nước cấp	Nước tái sử dụng	Nước thải	
1	Buồng phun sơn ướt (9m×3,4m×2m)	9m×3,4m×0,16m	4 m^3/bể (80% thể tích bể)	9	Bể 1	4	4	4	Lượng nước cấp từ 18 buồng phun sơn hằng ngày được đưa về 01 bể chứa
					Bể 2	4	4	4	
					Bể 3	4	4	4	

					Bể 4	4	4	4	nước tuần hoàn có tổng dung tích 75,06m^3 gồm 05 ngăn (Ngăn 1: 27m^3, ngăn 2: 16,2m^3, ngăn 3,4: 10,8m^3/ngăn, ngăn 4: 10,26m^3) để tuần hoàn và tái sử dụng. Định kỳ hằng tuần, trong 03 ngày liên tiếp vào cuối tuần (thứ 5,6,7), Công ty sẽ tiến hành xả bỏ lượng nước này với mỗi lần xả khoảng 17,25 m^3/ngày dẫn về HTXLNT sản xuất 30 m^3/ngày để xử lý.
					Bể 5	4	4	4	
					Bể 6	4	4	4	
					Bể 7	4	4	4	
					Bể 8	4	4	4	
					Bể 9	4	4	4	
2	Buồng phun sơn ướt (6,2m×2,2m×2,75 m)	6,2m×2,2m× 0,16m	1,75 m^3/bể (80% thể tích bể)	9	Bể 10	1,75	1,75	1,75	
					Bể 11	1,75	1,75	1,75	
					Bể 12	1,75	1,75	1,75	
					Bể 13	1,75	1,75	1,75	
					Bể 14	1,75	1,75	1,75	
					Bể 15	1,75	1,75	1,75	
					Bể 16	1,75	1,75	1,75	
					Bể 17	1,75	1,75	1,75	
					Bể 18	1,75	1,75	1,75	
	Tổng cộng Q_{max}					**51,75**	**51,75**	**51,75**	
	Tổng cộng $Q_{ngày}$					**17,25**	**51,75**	**17,25**	

Nguồn: Công ty TNHH Thống nhất Việt Nam, 2024.

Ghi chú: Công ty làm việc 300 ngày/năm (25 ngày/tháng).

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng nước phục vụ cho PCCC: Q_{PCCC} = 15 lít/giây/1 đám cháy x 2 đám cháy x 30 phút x 60 giây = 54 m^3. Công ty đã xây dựng 01 bể nước PCCC với V = 650m^3 để phục vụ khi có sự cố cháy nổ xảy ra. Đây chỉ là lượng nước dự phòng cho PCCC.

5. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất của cơ sở.

Bảng 1.10. Máy móc thiết bị sản xuất của cơ sở.

TT	Máy móc - Thiết bị	Công năng	Xuất xứ	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng theo ĐABVMT chi tiết	Số lượng hiện hữu (xin cấp phép)	Năm sản xuất	Tình trạng	Hình ảnh
I	**Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất**									
1	Máy cắt gỗ	Tạo phôi	Trung Quốc	>100 lần/phút (5.5kw)	Máy	2	2	2014	80%	

2	Máy ghép cảo	Tạo phôi	Trung Quốc	6kw	Máy	1	1	2014	80%	
3	Máy mài lưỡi cưa	Gia công	Trung Quốc	3300r/phút 0.79kw	Máy	1	1	2014	80%	
4	Máy mài mũi khoan	Gia công	Trung Quốc	2980 vòng/phút 200W	Máy	1	1	2014	80%	-
5	Máy ghép dọc finger	Tạo phôi	Trung Quốc	3700 vòng/phút 4kw	Máy	1	1	2014	80%	
6	Máy tubi 2 trục (đầu bò)	Gia công	Trung Quốc	10000 r/phút 11kw	Máy	2	4	2014	80%	
7	Máy đánh mộng finger	Tạo phôi	Trung Quốc	5500 vòng/phút 2.2kw - 7.5 kw	Máy	-	1	2016	80%	
8	Máy cắt ván MDF	Tạo phôi	Trung Quốc	24000 vòng/phút 3,7Kw	Máy	1	1	2014	80%	-
9	Máy xả gỗ lớn	Tạo phôi	Trung Quốc	6 ÷10 m/phút 30kw	Máy	1	1	2014	80%	-
10	Máy quay bọ (nhám lồng)	Tạo phôi	Trung Quốc	-	Máy	1	1	2014	80%	-
11	Máy khoan bọ tự động	Tạo phôi	Trung Quốc	1.5kw	Máy	1	1	2014	80%	-
12	Máy cưa bàn trượt (máy cắt bàn)	Tạo phôi	Trung Quốc	4000/6000 vòng/phút 5.5kw	Máy	1	2	2014	80%	-
13	Máy lọng	Tạo phôi	Trung Quốc	400-1,600 r/phút 50W	Máy	1	1	2014	80%	-

14	Máy DWD CNC	Tạo phôi	Trung Quốc	1450 vòng/phút	Máy	1	2	2024	80%	
15	Máy DWD CNC Router lớn	Gia công	Trung Quốc	1000 – 20000 vòng/phút 9KW	Máy	-	1	2019	80%	-
16	Máy CNC nhỏ	Tạo phôi	Trung Quốc	18000 r/phút 6KW	Máy	-	1	2017	80%	
17	Máy cắt bọ (cắt ke góc tự động)	Gia công	Trung Quốc	-	Máy	1	1	2014	80%	-
18	Máy khoan bọ (khoan ke góc tự động)	Gia công	Trung Quốc	-	Máy	1	1	2014	80%	-
19	Máy khoan bàn	Gia công	Trung Quốc	480-1405 r/phút	Máy	1	4	2014	80%	-
20	Máy đánh mộng âm dương (máy lắc)	Gia công	Trung Quốc	21500 vòng/phút	Máy	1	1	2014	80%	-
21	Máy đánh mộng hộc kéo	Gia công	Trung Quốc	18000rpm 3.5kw	Máy	1	1	2014	80%	-
22	Máy cưa cắt 2 đầu	Gia công	Trung Quốc	3000~3300 vòng/phút	Máy	1	1	2014	80%	-
23	Máy cưa cắt 2 đầu (có phay)	Gia công	Trung Quốc	2800 r/phút 14.8KW	Máy	1	2	2014	80%	-
24	Máy tubi 1 trục	Gia công	Trung Quốc	10000r/phút 4kw	Máy	1	1	2014	80%	
25	Máy khoan đa trục điều chỉnh theo chiều dọc	Gia công	Trung Quốc	3800 vòng/phút 5.7kw	Máy	1	1	2014	80%	
26	Máy khoan đa trục ngang	Gia công	Trung Quốc	3300 r/phút 4.5kw	Máy	1	1	2014	80%	

27	Máy khoan 2 đầu ngang	Gia công	Trung Quốc	2800 r/phút 3kw	Máy	1	1	2014	80%	
28	Máy khoan ngang	Gia công	Trung Quốc	2.2kw	Máy	1	2	2014	80%	
29	Máy khoan đứng 1 mũi	Gia công	Trung Quốc	550w	Máy	4	4	2014	80%	
30	Máy router lưỡi trên	Gia công	Trung Quốc	18000 vòng/phút 3kw	Máy	1	1	2014	80%	
31	Máy router lưỡi dưới	Gia công	Trung Quốc	18000 vòng/phút 4kw	Máy	1	2	2014	80%	
32	Máy nhám băng	Chà nhám	Trung Quốc	2840 vòng/phút 4.025kw	Máy	1	4	2014	80%	
33	Máy nhám băng	Chà nhám	Trung Quốc	3kw	Máy	2	2	2014	80%	
34	Máy cưa cắt 2 đầu	Gia công	Trung Quốc	11kw	Máy	2	2	2014	80%	

35	Máy cưa cắt 2 đầu (có phay)	Gia công	Trung Quốc	-	Máy	2	2	2014	80%	
36	Máy cảo ghép lạnh (ép lạnh thủy lực)	Tạo phôi	Trung Quốc	4kw	Máy	2	2	2014	80%	
37	Máy cưa bàn trượt (máy cắt bọ)	Tạo phôi	Trung Quốc	6000 rpm 5.5kw	Máy	1	1	2014	80%	
38	Máy nhám băng	Chà nhám	Trung Quốc	2840 r/phút 4.025kw	Máy	1	1	2014	80%	
39	Máy nhám chổi (máy nhám 2 đầu)	Chà nhám	Trung Quốc	2.0kw	Máy	3	6	2014	80%	
40	Máy chà nhám thanh tròn 1 Băng	Chà nhám	Trung Quốc	890 m/phút 2.2kw	Máy	1	1	2014	80%	
41	Máy chà nhám veener	Chà nhám	Trung Quốc	380VOLT, 50Hz, 3KW	Máy	1	1	2024	80%	
42	Máy cào sớ	Chà nhám	Trung Quốc	5-12.5 m/phút 19.07kw	Máy	-	1	2017	80%	-
43	Máy nhám cuộn	Chà nhám	Trung Quốc	-	Máy	1	1	2014	80%	-
44	Máy ép nhiệt	Ép	Trung Quốc	1.5KW/0.75KW; 12KW	Máy	1	1	2024	80%	-

45	Máy bào 2 mặt	Tạo phôi	Trung Quốc	21.07KW	Máy	1	1	2014	80%	
46	Máy rong cạnh (máy xả gỗ nhỏ)	Tạo phôi	Trung Quốc	9.02KW	Máy	1	2	2014	80%	
47	Máy bào 4 mặt	Tạo phôi	Trung Quốc	-	Máy	1	1	2014	80%	
48	Máy nhám thùng	Tạo phôi	Trung Quốc	35.25KW	Máy	1	2	2014	80%	-
49	Máy đưa phôi đầu bò (máy cuốn ép)	Tạo phôi	Trung Quốc	-	Máy	1	5	2014	80%	
50	Máy mài dao bào 2 mặt	Tạo phôi	Trung Quốc	0.79kw	Máy	1	1	2014	80%	
51	Buồng phun sơn màng nước (chuyền treo)	Phun sơn	Trung Quốc	-	Buồng	9	9	2014	80%	-
52	Buồng phun sơn màng nước (chuyền nằm)	Phun sơn	Trung Quốc	-	Buồng	9	10	2014	80%	-
53	Súng phun sơn	Phun sơn	Trung Quốc	1400-2840 r/phút 1.5kw	Cái	20	22	2017; 2023.	80%	-
54	Lò hơi	Cung cấp hơi	Trung Quốc	2 tấn/giờ	Lò	1	1	2014	80%	-
55	Máy nén khí	Cung cấp khí nén	Trung Quốc	-	Máy	3	3	2014	80%	-

56	Máy hút bụi	Hàng trắng	Trung Quốc	-	Máy	1	1	2014	80%	-
57	Máy sấy khí	Hàng trắng	Trung Quốc	-	Máy	-	1	2020	80%	-
58	Máy sấy khí	Chuyền sơn	Trung Quốc	-	Máy	1	1	2014	80%	-
59	Máy hút ẩm	Hàng trắng	Trung Quốc	-	Máy	-	1	2023	80%	-
60	Băng tải lắp ráp	Lắp ráp	Trung Quốc	-	Băng tải	3	3	2014	80%	-
61	Xe nâng tay	Di chuyển hàng	Trung Quốc	-	Xe	-	12	2019 2020 2021	80%	-
62	Xe nâng hàng	Di chuyển hàng	Trung Quốc	-	Xe	-	3	2019 2020 2021	80%	-
II	**Máy móc, thiết bị phục vụ công tác bảo vệ môi trường**									
1	HTXL nước thải sản xuất công suất 30 m^3/ngày	Xử lý nước thải sản xuất	Việt Nam	30 m^3/ngày	HT	-	1	2023	98%	
2	HTXL nước thải sản xuất và sinh hoạt công suất 50 m^3/ngày	Hệ thống XLNT tập trung	Việt Nam	50 m^3/ngày	HT	1	1	2019	80%	
3	HTXL bụi gỗ phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám	Xử lý bụi gỗ	Việt Nam	-	HT	1	1	2017	98%	

4	HTXL bụi túi vải di động	Xử lý bụi gỗ	Việt Nam	-	HT	-	6	2017	98%	
5	HTXL bụi sơn và hơi dung môi công đoạn sơn màng nước	Xử lý bụi sơn và hơi dung môi	Việt Nam	-	HT	45	48	2017, 2024	98%	-
6	HTXL khí thải lò hơi 2 tấn/giờ	Xử lý khí thải lò hơi	Việt Nam	-	HT	1	1	2017	98%	

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

6. Các hạng mục công trình của cơ sở:

- **Hạng mục công trình theo ĐABVMT chi tiết:**

Bảng 1.11. Các hạng mục công trình theo ĐABVMT chi tiết đã được phê duyệt.

TT	Hạng mục	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà xưởng 1	2.400	19,8
2	Nhả xưởng 2	3.000	24,8
3	Kho chứa nguyên liệu + thành phẩm	1.200	10
4	Văn phòng	984,16	8,24
5	Kí túc xá cho chuyên viên	50	0,4
6	Nhà bảo vệ	9	0,07
7	Nơi để xe 02 bánh	30	0,24
8	Nhà vệ sinh	30.24	0,25
9	Đường giao thông nội bộ	2.981,6	24,8
10	Hạng mục bảo vệ môi trường	1.380	11,4
Tổng cộng		**12.065**	**100%**

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

- **Hạng mục công trình hiện hữu:**

Theo ĐABVMT chi tiết đã được phê duyệt, vào năm 2017 tổng diện tích đất Công ty sử dụng là 12.065m^2 bao gồm nhà xưởng sản xuất và các công trình phụ trợ.

Do tình hình kinh tế và nhu cầu hoạt động của Công ty, đến năm 2022 Công ty đã sáp nhập thêm nhà xưởng của Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam trên tổng diện tích đất 13.285m^2 để phục vụ cho quá trình sản xuất. Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam đã sát nhập toàn bộ với Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam. Hiện tại, Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam đang hoạt động trên khu đất có tổng diện tích 25.350m^2 *(Hợp đồng sáp nhập doanh nghiệp số 01/2022 ngày 01/10/2022 giữa Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam và Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam; Quyết định số 01/QĐ-NT ngày 01/10/2022 về việc thông qua Hợp đồng sáp nhập Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam vào Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam).*

Diện tích khu đất Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam hiện hữu đang hoạt động có tổng diện tích là: 25.350m^2. Gồm có 02 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV391794 (số vào sổ cấp GCN: CT09444 ngày 12/01/2015) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, diện tích 12.065 m^2, thuộc thửa 48, tờ bản đồ số 14, phường Tân Hiệp, Tp.Tân Uyên, Bình Dương.
+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV395280 (số vào sổ cấp GCN: CT09785 ngày 27/01/2015) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam, diện tích 13.285 m^2, thuộc thửa 19, tờ bản đồ số 14, phường Tân Hiệp, Tp.Tân Uyên, Bình Dương. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam chuyển nhượng từ ngày 10/05/2024.

Các hạng mục công trình được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 1.12. Các hạng mục công trình hiện hữu của cơ sở.

TT	Hạng mục	Diện tích XD (m^2)	Diện tích sàn XD (m^2)	Tỷ lệ (%)	Công năng
I	**Hạng mục công trình chính**				
1	Nhà xưởng 1	6.300	6.300	24,85	Sản xuất
2	Nhà xưởng 2	5.400	5.400	21,30	Sản xuất
3	Nhà xưởng 3	2.250	2.250	8,88	Kho chứa thành phẩm
4	Nhà xưởng 4	902,75	902,75	3,56	Kho chứa bao bì
II	**Hạng mục công trình phụ**				
5	Văn phòng (2 tầng)	492	984	1,93	Hoạt động kinh doanh
6	Nhà bảo vệ	9	9	0,04	Khu vực bảo vệ
7	Nhà vệ sinh	30,24	30,24	0,12	-
8	Nhà xe	30	30	0,12	-
9	Nhà nghỉ nhân viên	139,5	139,5	0,55	Nhân viên nghỉ
10	Khu vực lưu chứa hóa chất	50	50	0,20	Lưu chứa sơn, dung môi, hóa chất khác
11	Khu vực bảo trì	20	20	0,08	Bảo trì máy móc, thiết bị
12	Nhà lò hơi	30	30	0,12	Chứa lò hơi
13	Khu vực HTXLNT sản xuất	15	15	0,06	Xử lý nước thải sản xuất
14	Khu vực HTXLNT tập trung	30	30	0,12	Xử lý nước thải sản xuất + sinh hoạt
15	Khu vực HTXL bụi gỗ	15	15	0,06	Xử lý bụi gỗ
16	Nhà chứa củi vụn	24	24	0,09	Chứa củi vụn
III	**Hạng mục công trình bảo vệ môi trường**				
17	Nhà chứa chất thải sinh hoạt + Nhà chứa chất thải sinh hoạt 01: 38,8m^2. + Nhà chứa chất thải sinh hoạt 02: 12m^2.	50,8	50,8	0,20	Lưu chứa rác sinh hoạt
18	Nhà chứa chất thải công nghiệp	77,6	77,6	0,31	Lưu chứa chất thải công nghiệp
19	Nhà chứa chất thải nguy hại	38,8	38,8	0,15	Lưu chứa chất thải nguy hại
20	Đất cây xanh	5.070	5.070	20,00	-
21	Đường giao thông nội bộ, sân bãi	4.375	4.375	17,26	-
	Tổng cộng	**25.350**	**25.842**	**100%**	

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Ghi chú:

+ Nhà văn phòng gồm có 02 tầng: Tầng 1 = 492 m^2; Tầng 2 = 492 m^2.

Hiện trạng khu đất của Công ty đã có các công trình hiện hữu, xây dựng 100%. Do các công trình này mới xây dựng vẫn đang còn mới và phù hợp với tiêu chí của Công ty nên không tiến hành cải tạo lại các công trình này.

7. Tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

7.1. Tổng mức đầu tư

- Tổng vốn đầu tư của dự án: 75.000.000.000 đồng (Bảy mươi lăm tỷ đồng), tương đương 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đô la Mỹ). Trong đó:

+ Chi phí đất đai: 20.000.000.000 đồng.

+ Chi phí nhà xưởng: 10.000.000.000 đồng.

+ Chi phí thuê đất + nhà xưởng: 10.000.000.000 đồng

+ Chi phí máy móc, thiết bị: 10.000.000.000 đồng.

+ Vốn khác (vốn lưu động, nguyên vật liệu,…): 25.000.000.000 đồng.

- Trong đó vốn góp để thực hiện dự án là 47.735.463.205 đồng, tương đương 2.250.000 đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ khoảng 60% tổng vốn đầu tư.

- Kinh phí cho các giải pháp môi trường được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

Bảng 1.13. Kinh phí dự toán cho các giải pháp môi trường.

TT	Hạng mục công trình xử lý chất thải	Số lượng	Kế hoạch xây lắp	Kinh phí thực hiện
1	HTXL nước thải sản xuất công suất 30m^3/ngày	1	Đã xây dựng xong	500.000.000
2	HTXL nước thải sản xuất và sinh hoạt công suất 50m^3/ngày	1	Đã xây dựng xong	1.000.000.000
3	HTXL bụi gỗ phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám	1	Đã xây dựng xong	1.000.000.000
4	HTXL bụi túi vải di động	6	Đã xây dựng xong	120.000.000
5	HTXL bụi sơn và hơi dung môi công đoạn sơn màng nước	48	Đã xây dựng xong	1.440.000.000
6	HTXL khí thải lò hơi 2 tấn/giờ	1	Đã xây dựng xong	800.000.000
7	Nhà chứa chất thải sinh hoạt + Nhà chứa chất thải sinh hoạt 01: 38,8m^2. + Nhà chứa chất thải sinh hoạt 02: 12m^2.	2	Đã xây dựng xong	40.000.000
8	Nhà chứa chất thải công nghiệp	1	Đã xây dựng xong	20.000.000
9	Nhà chứa chất thải nguy hại	1	Đã xây dựng xong	20.000.000
	Tổng cộng			**4.940.000.000**

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

7.2. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

a/ Nhu cầu lao động:

Bảng 1.14. Nhu cầu sử dụng lao động của Công ty.

TT	Bộ phận làm việc	Số lượng theo ĐABVMT chi tiết (người)	Số lượng hiện hữu (người)
1	Nhân viên văn phòng	20	20
2	Bộ phận sản xuất	244	301
3	Bảo vệ, tạp vụ	3	3
4	Nhân viên môi trường	1	1
	Tổng cộng	**268 (người)**	**325 (người)**

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Ngày làm việc 01 ca/ngày, 08 giờ/ca. Chế độ làm việc 300 ngày/năm. Các công nhân sẽ làm việc theo ca và thay phiên nhau. Các quy định về giờ giấc và chế độ làm việc (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và phân công làm việc theo ca,...) sẽ được công ty thực hiện đúng theo Luật lao động.

b/ Tổ chức quản lý và thực hiện:

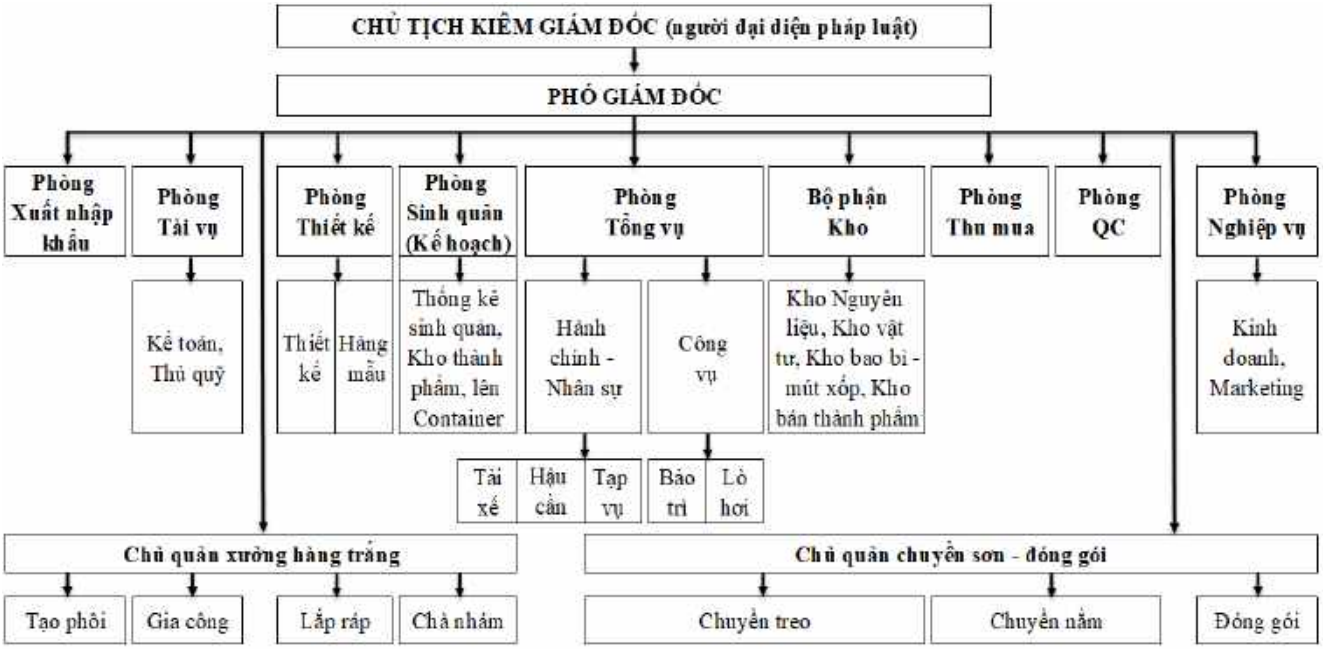

Hình 1.5. Sơ đồ tổ chức quản lý của Công ty.

CHƯƠNG 2
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

- ***Sự phù hợp về địa điểm (quy hoạch sử dụng đất):***

Thành phố Tân Uyên được thành lập tại Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 29/12/2013 của Chính phủ. Với diện tích 19.175,72 ha, thành phố Tân Uyên nằm ở phía đông nam của tỉnh Bình Dương, với 12 xã, phường, bao gồm 10 phường: Uyên Hưng, Tân Phước Khánh, Thái Hòa, Thạnh Phước, Tân Hiệp, Khánh Bình, Hội Nghĩa, Vĩnh Tân, Phú Chánh, Tân Vĩnh Hiệp, và 2 xã: Thạnh Hội, Bạch Đằng. Thành phố Tân Uyên có chức năng là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa - xã hội và an ninh quốc phòng; là đô thị dịch vụ thương mại, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và vùng liên tỉnh.

Dân số của Thành phố Tân Uyên là 295.309 người bao gồm khu vực nội thị 196.959 người và khu vực ngoại thị 98.350 người. Chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người tại Thành phố Tân Uyên cao gấp 1,56 lần so với cả nước.

Phía bắc của Thành phố Tân Uyên giáp với huyện Bắc Tân Uyên, phía tây giáp với Tp. Bến Cát và Tp.Thủ Dầu Một, phía tây nam giáp với Tp.Thuận An, phía nam giáp với Tp. Dĩ An, các phía còn lại giáp với tỉnh Đồng Nai.

Thành phố Tân Uyên trở thành đô thị loại III vào ngày 03 tháng 02 năm 2019 và là khu vực có nguồn vốn đầu tư được rót vào cao nhất tỉnh Bình Dương. Nổi bật có thể kế đến là Khu công nghiệp Vsip 3 với 1.000 hecta vừa được động thổ xây dựng vào tháng 3 năm 2022. Theo Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 – 2030, Tp.Tân Uyên được định hướng trở thành đô thị loại II trong giai đoạn 2021-2025. Tại Kỳ họp lần thứ 4, HĐND Tỉnh Bình Dương khóa X, chủ trương thành lập Tp.Tân Uyên trực thuộc tỉnh Bình Dương đã được đại đa số cử tri đồng ý. Việc thành lập Tp.Tân Uyên là điều kiện cần để Tp.Tân Uyên đạt đô thị loại II trước năm 2025 như Nghị quyết tại Đại hội đại biểu Tân Uyên lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã thông qua. (Thông báo Kết luận và chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp giao ban định kỳ ngày 12/04/2021; số 73-TB/TU về chủ trương xây dựng Đề án thành lập Tp.Tân Uyên và thành lập Thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (Báo cáo số 551/BC-VPUB ngày 12/04/2021 của Văn phòng UBND tỉnh)).

Căn cứ theo Quyết định về việc phê duyệt quy định sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Tân Uyên số 07/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 cho thấy Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam thuộc phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên là khu vực phát triển đô thị của thành phố Tân Uyên. Về mặt quy hoạch sử dụng đất của cơ sở, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV391794 (số vào sổ cấp GCN: CT09444 ngày 12/01/2015) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, diện tích 12.065m^2, thuộc thửa 48, tờ bản đồ số 14, phường Tân Hiệp, Tp.Tân Uyên, Bình Dương và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

đất số BV395280 (số vào sổ cấp GCN: CT09785 ngày 27/01/2015) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Nhất Trí, diện tích 13.285 m^2, thuộc thửa 19, tờ bản đồ số 14, phường Tân Hiệp, Tp.Tân Uyên, Bình Dương thì cả 02 khu đất mà cơ sở đang sản xuất thuộc đất sản xuất kinh doanh (SKC) thời hạn sử dụng đến tháng 09/2057 do đó về mặt đất đai, cơ sở phù hợp với quy hoạch đất đai của địa phương.

- ***Sự phù hợp về phát triển ngành:***

Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam tọa lạc tại Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Theo Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2076/QĐ-TTg ngày 22/12/2017, đô thị Tân Uyên thuộc khu vực phía Nam tỉnh Bình Dương, có tính chất là vùng phát triển đô thị - công nghiệp - dịch vụ - tài chính gắn với các trung tâm đầu mối đa phương tiện, tạo động lực phát triển cho khu vực phía Bắc của tiểu vùng đô thị trung tâm thuộc vùng Thành phố Hồ Chí Minh; được định hướng tập trung đầu tư nâng cao chất lượng đô thị, cấu trúc đô thị hài hòa với cảnh quan tự nhiên, ưu tiên hình thành các vùng không gian xanh nông, lâm nghiệp; sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, hạn chế phát triển theo mô hình đô thị lan tỏa; hình thành hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại và các công trình hạ tầng cấp vùng.

Các ngành thu hút đầu tư tại Thành phố Tân Uyên như: lắp ráp linh kiện điện tử, cơ khí chính xác, sản xuất chế biến hàng tiêu dùng, nông sản, thực phẩm, sản xuất bao bì, vật liệu xây dựng, sản xuất gỗ, sản xuất giấy,...

Do đó, việc thành lập nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng: giường, tủ, bàn, ghế của Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam tọa lạc tại phường Tân Hiệp, Tp.Tân Uyên, tỉnh Bình Dương hoàn toàn phù hợp với sự phát triển ngành tại địa phương.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

2.1. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chế độ thủy văn của nguồn nước tiếp nhận.

Nước thải tại Công ty được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q = 0,9; K_f =1,1). Nước thải sau xử lý dẫn theo đường ống D90mm dẫn dọc theo khu đất của Công ty Cổ phần cao su công nghiệp Omexey và Công ty Cổ phần Omexey Home Furnishing đến cuối khu đất về hố ga cuối cùng, sau đó dẫn theo cống D800mm, chiều dài 230m dẫn ra suối Ông Đông chảy về suối Cái và thoát ra sông Đồng Nai. (Hợp đồng thuê lắp đặt đường ống thoát nước mưa, nước thải giữa Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam và Công ty Cổ phần cao su công nghiệp Omexey và Công ty Cổ phần Omexey Home Furnishing).

Lưu lượng xả thải tối đa của nhà máy là $Q_{ngày}$ = 44,25 m^3/ngày tương đương khoảng 0,00051m^3/s (hệ thống XLNT hoạt động 24h/ngày), trong khi đó lưu lượng dòng chảy của suối Ông Đông là 8,1 m^3/s, lớn hơn rất nhiều lần so với lượng nước xả thải của Công ty; vì vậy tác động do việc xả thải của cơ sở đến chế độ thủy văn của suối Ông Đông là rất nhỏ nên giá trị các thông số ô nhiễm trong nguồn nước tiếp nhận hầu như không tăng nhiều và hàm lượng các chất ô nhiễm tại nguồn tiếp nhận ít biến đổi theo chiều hướng xấu. Qua đó cho thấy các tác động do nước thải của dự án đến mục tiêu chất lượng nguồn nước, đến hoạt động kinh tế, xã hội hầu như là không có.

2.2. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chất lượng nguồn nước

Nước thải Công ty với các thành phần chất ô nhiễm nếu Công ty không xử lý hoặc xử lý kém hiệu quả sẽ gây tác động đến hệ sinh thái thủy sinh đối với các sông, suối.

Mặt dù nước thải của Công ty đạt quy chuẩn nhưng trong thành phần nước thải vẫn còn nồng độ các chất ô nhiễm nên việc xả nước thải không tránh khỏi gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường.

Các thành phần ô nhiễm trong nước thải có một số tác động như sau:

- Đối với các chất hữu cơ:

Sự có mặt với hàm lượng cao của các chất hữu cơ dẫn đến suy giảm nồng độ oxy hòa tan trong nước do vi sinh sử dụng lượng oxy này để phân hủy các chất hữu cơ. Hàm lượng oxy hòa tan giảm quá mức sẽ làm thành phần loài thủy sinh vật kém phong phú (thành phần ít, mật độ cũng như sinh khối thấp) và làm giảm khả năng tự làm sạch của sông, suối.

- Đối với các chất lơ lửng:

Nếu nguồn nước bị nhiễm bẩn bởi chất lơ lửng sẽ làm tăng độ đục của nguồn nước, gây bồi lắng dòng sông, suối và cũng gây ảnh hưởng tiêu cực đến tài nguyên thủy sinh, làm động vật phù du nghèo nàn.

- Đối với các chất dinh dưỡng (hợp chất Nitơ và photpho):

Nếu hàm lượng các chất dinh dưỡng vừa phải sẽ tạo điều kiện cho rong tảo, thủy sinh phát triển trong chu trình thức ăn. Tuy nhiên, nồng độ các chất dinh dưỡng cao quá sẽ dẫn đến sự phát triển đột ngột của rong tảo, gây ra hiện tượng phú dưỡng hóa (thừa dinh dưỡng). Sau thời kỳ nở rộ thực vật nổi, một lượng lớn tảo bị chết hàng loạt gây mùi khó chịu. Tảo chết chìm xuống đáy sông, suối với một khối lượng lớn sẽ tạo thành lượng chất dinh dưỡng tích lũy dưới đáy. Một số chất dinh dưỡng vô cơ dễ phân hủy được khoáng hóa trong chu trình trao đổi vật chất sẽ làm suy giảm lượng oxy tầng đáy, từ đó gây ra điều kiện yếm khí tầng đáy và những sản phẩm độc hại như khí H_2S, khí CH_4,.. làm chết cá và một số loài thủy sinh vật khác.

- Coliform:

Đây là chỉ tiêu chỉ thị khả năng hiện diện của nhóm vi sinh vật gây bệnh trong nước. Nước thải ô nhiễm vi sinh khi thải vào nguồn nước mặt có thể gây ra các dịch bệnh, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người dân có hoạt động liên quan đến nguồn nước mặt này.

- Đối với lượng dầu mỡ từ nước thải khi chảy vào sông, khi hàm lượng dầu trong nước cao hơn 0,2 mg/l, nước có mùi hôi không dùng để ăn, uống được.

2.3. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến hệ sinh thái thủy sinh

Việc xả nước thải sau xử lý từ Công ty sẽ làm giảm chất lượng của nguồn tiếp nhận nếu nước thải không được xử lý đạt quy chuẩn cho phép.

Khi có sự xuất hiện của các chất ô nhiễm, môi trường nước sẽ bị tác động. Theo đó, hệ sinh thái thủy sinh cũng bị ảnh hưởng. Trong thủy vực, môi trường nước tác động đến hệ thủy sinh vật. Ngược lại, cơ thể sống cũng có những phản ứng thích nghi để phù hợp với điều kiện sống hoặc những biến đổi về mặt môi trường. Chất lượng nước mặt giảm đi sẽ tác động đến hệ sinh thái thủy sinh mà trong trường hợp xấu nhất sẽ làm mất cân bằng sinh thái của nguồn tiếp nhận.

Mặc dù nước thải sau xử lý của Công ty đã đạt quy chuẩn cho phép. Tuy nhiên, việc xả nước thải cũng góp phần làm tăng lượng chất ô nhiễm trong nguồn nước mặt thông qua sự tích lũy hằng ngày.

Việc xả nước thải vào nguồn nước sẽ có một số tác động như:

- Tăng độ đục làm giảm hiệu suất quang hợp và giảm độ ôxy hoà tan trong nước nên một số loài động thực vật thuỷ sinh sống trong khu vực sẽ suy giảm.
- Khi tăng nồng độ ô nhiễm do tiếp nhận nước thải có thể ảnh hưởng đến khu vực hạ lưu nguồn thải, các loài động vật dưới nước như: cá, tôm có thể chết nếu nồng độ ô xy hoà tan giảm xuống thấp hơn 4 mgO_2/l.
- Giảm nguồn thức ăn cho cá và các sinh vật dưới nước do suy giảm đa dạng sinh học trong dòng sông.
- Tăng khả năng phú dưỡng hóa do hàm lượng N và P cao.
- Khi dòng sông không còn khả năng tự làm sạch hoặc không còn khả năng chịu tải thì tình trạng ô nhiễm hữu cơ, ô nhiễm kim loại nặng,… sẽ tác động nặg nề đến đời sống động thực vật.
- Dư lượng các chất rắn lơ lửng sẽ hạn chế độ sâu tầng nước được ánh sáng chiếu xuống, gây ảnh hưởng tới quá trình quang hợp của tảo, rong rêu... và do đó cũng là tác nhân gây ảnh hưởng tiêu cực đến các loài thủy sinh. Các chất lơ lửng gây khó chịu cho các loài cá do các hạt nhỏ chui vào mang cá đồng thời gây tác hại về mặt cảm quan (tăng độ đục nguồn nước) và gây bồi lắng. Tiêu chuẩn giới hạn nồng độ chất rắn lơ lửng đối với nguồn A là 50 mg/l.
- Lượng dầu mỡ từ nước thải khi chảy vào sông, dầu loang nhanh trên mặt nước tạo thành màng mỏng, chỉ một phần nhỏ không đáng kể hòa tan trong nước. Cặn dầu khi lắng xuống đáy sông sẽ phân hủy một phần, phần còn lại tích tụ trong bùn đáy gây ô nhiễm cho sinh vật nước, ảnh hưởng tới mục đích cấp nước sinh hoạt, nuôi trồng thủy sản và du lịch.

2.4. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến các hoạt động kinh tế, xã hội khác.

Quá trình xả nước thải của Công ty có ảnh hưởng tác động đến môi trường như sau: ảnh hưởng đến chế độ thủy văn của dòng chảy, tác động đến chất lượng nguồn nước và tác động đến hệ sinh thái thủy sinh,..Tuy nhiên, nước thải của Công ty đã được thu gom và xử lý một cách triệt để đảm bảo nước thải sau xử lý vào nguồn tiếp nhận phải đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q = 0,9; K_f =1,1). Do đó, tác động của việc xả nước thải của Công ty đến môi trường là không đáng kể.

2.5. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến các hoạt động kinh tế, xã hội khác.

Quá trình xả nước thải của Công ty có ảnh hưởng tác động đến môi trường như sau: ảnh hưởng đến chế độ thủy văn của dòng chảy, tác động đến chất lượng nguồn nước và tác động đến hệ sinh thái thủy sinh,..Tuy nhiên, nước thải của Công ty đã được thu gom và xử lý một cách triệt để đảm bảo nước thải sau xử lý vào nguồn tiếp nhận phải đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q = 0,9; K_f =1,1). Do đó, tác động của việc xả nước thải của Công ty đến môi trường là không đáng kể.

2.6. Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước

Để đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn tiếp nhận đối với nước thải phát sinh từ cơ sở, báo cáo thực hiện quá trình đánh giá dựa trên hướng dẫn của Thông tư

76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 về Quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Nước thải của Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam sau hệ thống xử lý được dẫn theo đường ống D90mm dẫn dọc theo khu đất của Công ty Cổ phần cao su công nghiệp Omexey và Công ty Cổ phần Omexey Home Furnishing đến cuối khu đất về hố ga cuối cùng, sau đó dẫn theo cống D800mm, chiều dài 230m dẫn ra suối Ông Đông → Suối Cái → Sông Đồng Nai.

Suối Ông Đông và suối Cái là suối thoát nước mưa và nước thải cho khu vực.

- Suối Ông Đông có tác dụng chuyển tiếp nước mưa, nước thải về suối Cái.

Suối Ông Đông nằm giáp ranh giữa Tân Hiệp và Tân Vĩnh Hiệp, suối đổ ra suối Cái. Suối có độ dài: 7,6km, độ rộng: 0,5-8,0m. Suối là nguồn cung cấp nước cho nông nghiệp, thoát nước thải, nước mưa, tiếp nhận nước thải của dân cư, doanh nghiệp trong phường; CCN Thành Phố Đẹp; KCN Nam Tân Uyên; BOC Hội Nghĩa; phường Uyên Hưng chảy xuống. Suối không có nguy cơ bị sạt, lở bờ. Suối đã được nạo vét khai thông dòng chảy và được quy hoạch xây dựng thành công trình tiêu thoát nước với Bđáy: 12,0m, Bmặt: 31m. Hệ sinh thái thủy sinh như các sinh vật, động vật nước ngọt sinh sống được. Nước màu đen, mùi hôi thối, đoạn tại khu phố Ông Đông nước màu xanh, đất dọc hai bên suối có nguy cơ bị sạt lở bờ. Dọc hai bên bờ suối chủ yếu là đất ở dân cư, đất nông nghiệp.

- Suối Cái là một tuyến suối lớn dài khoảng 27km, bề rộng suối khoảng 6m, sâu khoảng 1m. Suối có rất nhiều suối nhánh, trong đó có những nhánh suối chính sau: suối Chòi Ớt, suối Bà Phó, suối Ông Đông, suối Dũng Gia, suối Long Đá, suối Chợ, suối Hố Đá, mương Bà Tô, Suối Nước. Suối bắt nguồn từ Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, là ranh giới tự nhiên của 2 phường Vĩnh Tân và Phú Chánh, chảy tiếp qua phường Tân Hiệp, qua phường Khánh Bình đến xã Thạnh Phước thì tách thành 2 nhánh rạch Tổng Bản và rạch Bà Kiên, cả 2 rạch đổ ra sông Đồng Nai.

Suối Cái bị ngập nặng dọc tuyến suối từ phường Vĩnh Tân, Tp. Tân Uyên tới Sông Đồng Nai (diện tích ngập khoảng 255ha). Chiều sâu ngập lụt ở các cánh đồng thấp trũng dọc suối khoảng từ 0.5÷1m và thời gian ngập lụt trên dưới 7 ngày. Một số điểm nóng bị ngập úng nặng: Cánh đồng phía trên và dưới Cầu Khánh Vân thuộc địa phận Phường Khánh Bình, Phường Thái Hòa, Phường Thạnh Phước. Các cánh đồng dọc tuyến suối nằm trong địa phận Phường Tân Phước Khánh, Phường Tân Vĩnh Hiệp.

Suối Ông Đông và suối Cái là mương và suối thoát nước mưa và nước thải cho toàn khu vực nên Công ty không đánh giá khả năng tiếp nhận.

- Sông Đồng Nai được xem là nguồn tiếp nhận nước thải cần được bảo vệ và được đánh giá sơ bộ khả năng tiếp nhận nước thải.

+ Vị trí xả thải đề xuất không nằm trên hoặc ngay gần thượng lưu khu vực bảo vệ

+ Vị trí xả thải đề xuất không nằm trong khu vực bảo tồn.

+ Sông Đồng Nai tại khu vực xả thải hiện nay không xảy ra hiện tượng các sinh vật thủy sinh bị đe dọa sự sống hoặc xả ra hiện tượng cá, thủy sinh vật chết hàng loạt.

+ Sông Đồng Nai chưa từng xảy ra hiện tượng tảo nở hoa.

+ Khu vực chưa từng có báo cáo, số liệu liên quan đến vấn đề bệnh tật cộng đồng

do tiếp xúc với nguồn nước sông gây ra.

Sông Đồng Nai: là sông chính của cả hệ thống sông Đồng Nai, bắt nguồn từ cao nguyên Lang Biang chảy qua địa phận các tỉnh Lâm Đồng, Đắc Nông, Đồng Nai, Bình Dương. Diện tích lưu vực 44.100 km^2, dài 635 km, đoạn chảy qua Bình Dương dài 58 km. Sông Đồng Nai có vai trò rất lớn trong phát triển kinh tế mà đặc biệt là phát triển giao thông thủy, cung cấp nước ngọt và khai thác cát. Hồ Trị An với diện tích lớn nhất so với các hồ khác trong cả nước, có chức năng phát điện và cấp nước cho khu vực hạt nhân của vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam.

2.6.1. Lựa chọn phương pháp đánh giá:

Theo Thông tư 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 về Quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ, Phương pháp đánh giá được lựa chọn là phương pháp đánh giá gián tiếp.

2.6.2. Tính toán khả năng tiếp nhận nước thải của sông Đồng Nai:

a. Tính toán tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt:

Theo thông tư 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 về Quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông hồ thì tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt được tính bằng công thức:

$$L_{tđ} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$$

Trong đó:

- $L_{tđ}$ (kg/ngày): tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt;
- Q_s (m^3/s): lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá;
- C_{qc} (mg/l): giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn sông;
- 86,4: hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m^3/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

b. Tính toán tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có:

Theo thông tư 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 về Quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước thì tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước được tính bằng công thức sau:

$$L_{nn} = C_{nn} \times Q_s \times 86,4$$

Trong đó:

- L_{nn} (kg/ngày): tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông;
- C_{nn} (mg/l): Kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt;
- Q_s (m^3/s):là lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá;
- 86,4: hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m^3/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

c. Tính toán tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải:

Theo thông tư 76/2017/TT-BTNMT về Quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước thì tải lượng ô nhiễm của chất ô nhiễm đưa vào nguồn nước tiếp nhận được tính bằng công thức sau:

$$L_t = Q_t \times C_t \times 86,4$$

Trong đó:

- L_t (kg/ngày): tải lượng chất ô nhiễm trong nguồn thải;
- Q_t (m^3/s): lưu lượng nước thải lớn nhất;

- C_t (mg/l): kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải xả vào đoạn sông;

d. Tính toán khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận:

Khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước đối với một chất ô nhiễm cụ thể từ một điểm xả thải đơn lẻ được tính theo công thức:

$$L_{tn} = (L_{tđ} - L_{nn} - L_t) * F_s$$

Trong đó:

- L_{tn} (kg/ngày): khả năng tiếp nhận tải lượng chất ô nhiễm của nguồn nước;
- $L_{tđ}$(kg/ngày): tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt;
- L_{nn}(kg/ngày): Tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông;
- L_t (kg/ngày): Tải lượng chất ô nhiễm trong nguồn thải;
- F_s : hệ số an toàn nằm trong khoảng 0,3 ~ 0,7.

Tiểu lưu vực Sông Đồng Nai tiếp nhận nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp- thương mại dịch vụ và nước mưa chảy tràn. Theo đề tài "Báo cáo tổng hợp đề án xây dựng quy định phân vùng xả thải các kênh rạch, sông suối trên địa bàn tỉnh Bình Dương" thì:

+ Tải lượng nước thải sinh hoạt tiếp nhận khoảng 14,06 kg/ngày, trong đó: COD 5,02 tấn/ngày, BOD 2,66 tấn/ngày, TSS 5,77 tấn/ngày, T-N 0,49 tấn/ngày, T-P 0,14 tấn/ngày.

+ Tải lượng nước thải công nghiệp- thương mại dịch vụ tiếp nhận khoảng 8,25 tấn/ngày, trong đó: COD 3,03 tấn/ngày, BOD 1,26 tấn/ngày, TSS 3 tấn/ngày, T-N 0,88 tấn/ngày, T-P 0,08 tấn/ngày.

+ Tải lượng nước mưa chảy tràn tiếp nhận khoảng 27,75 tấn/ngày, trong đó: COD 9,9 tấn/ngày, BOD 5,24 tấn/ngày, TSS 11,38 tấn/ngày, T-N 0,96 tấn/ngày, T-P 0,27 tấn/ngày.

Sức chịu tải của Sông Đồng Nai tùy theo từng đoạn đối với đoạn tiếp nhận nước thải của cơ sở thì sức chịu tải đối với thông số COD khoảng 1,58 tấn/ngày (1.580 kg/ngày), BOD khoảng 0,72 tấn/ngày (720 kg/ngày), TSS 0,67 tấn/ngày (670 kg/ngày, Nitrat 0,07 tấn/ngày (70 kg/ngày), Photphat 0,02 tấn/ngày (20 kg/ngày), Amoni 0,12 tấn/ngày (120 kg/ngày).

→ Do đó, Sông Đồng Nai vẫn còn khả năng tiếp nhận nước thải của cơ sở.

CHƯƠNG 3
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Công ty đã tách riêng biệt tất cả các nguồn phát sinh nước thải ra khỏi hệ thống thoát nước mưa trong khuôn viên nhà máy.

Mạng lưới thu gom nước mưa được bố trí xung quanh nhà xưởng sản xuất, nhà văn phòng và đường nội bộ đảm bảo thu gom triệt để toàn bộ lượng nước trên toàn diện tích

Sơ đồ thoát nước mưa của Công ty:

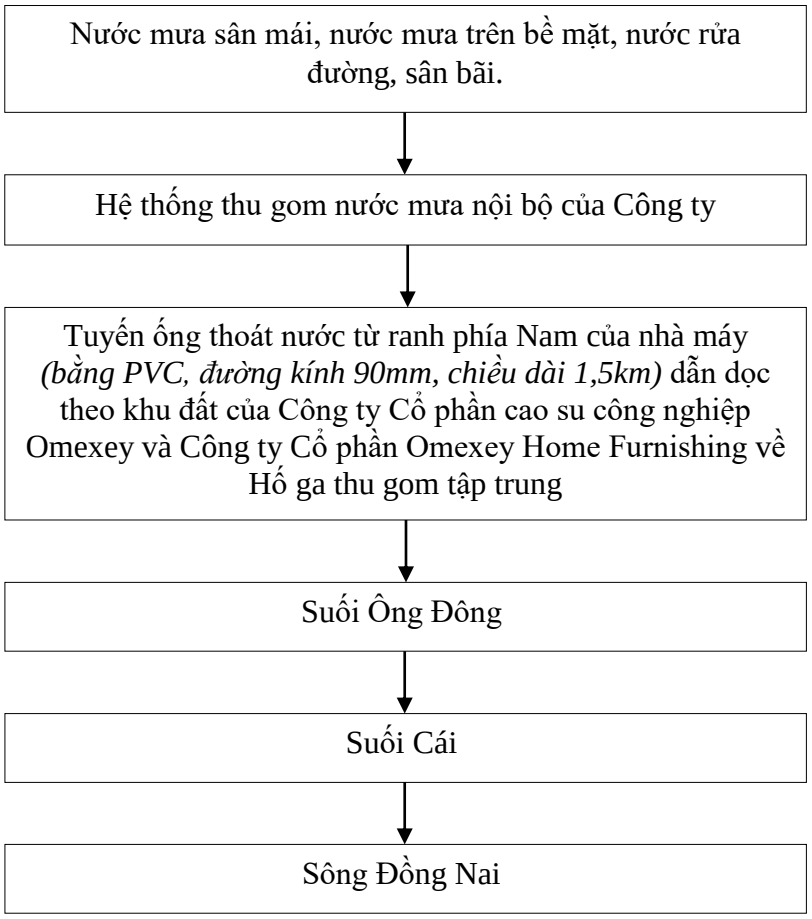

Hình 3.1. Sơ đồ thoát nước mưa của Công ty.

(Bản vẽ chi tiết của hệ thống thu gom thoát nước mưa đính kèm phụ lục).

- Hệ thống thoát nước mưa dạng cống BTCT D300-D500mm đặt ngầm dọc các khối nhà xưởng và nhà văn phòng, đường nội bộ trong Công ty.

- Để hạn chế mức thấp nhất lượng tạp chất bị cuốn trôi theo nước mưa vào môi trường, Công ty đã tiến hành bê tông hóa toàn bộ đường nội bộ trong khu, thường xuyên quét dọn, vệ sinh đường. Định kỳ (3 tháng/lần) nạo vét bùn và các hố ga để tránh tình trạng ô nhiễm, tắc nghẽn cống, hố ga thoát nước.

- Thống kê khối lượng xây dựng cống, hố ga như sau:

➢ ***Thông số kỹ thuật của hệ thống thoát nước mưa:***

Bảng 3.1. Kích thước đường ống thu gom, thoát nước mưa.

TT	Tên công trình	Thông số kỹ thuật			Chi chú
		Chiều dài (m)	Đường kính ống (mm)	Độ sâu đáy mương (m)	
1	Đường cống thu gom D300mm	1.250	Ø300	0,3 – 0,5	Độ sâu đáy tùy thuộc vào chênh lệch cao độ
2	Đường cống thu gom D400mm	2.250	Ø400	0,3 – 0,5	Độ sâu đáy tùy thuộc vào chênh lệch cao độ
3	Đường cống thu gom D500mm	560	Ø500	0,3 – 0,5	Độ sâu đáy tùy thuộc vào chênh lệch cao độ

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

- Quy trình vận hành tại điểm thoát nước mưa bề mặt:
  + Hệ thống công trình xả nước mưa: Toàn bộ nước mưa được thu gom dẫn theo đường ống D90mm dẫn dọc theo khu đất của Công ty Cổ phần cao su công nghiệp Omexey và Công ty Cổ phần Omexey Home Furnishing đến cuối khu đất về hố ga cuối cùng, sau đó dẫn theo cống D800mm, chiều dài 230m dẫn ra suối Ông Đông chảy về suối Cái và thoát ra sông Đồng Nai.
  + Phương thức xả nước mưa: Sử dụng bơm – tự chảy.
  + Vị trí đấu nối nước mưa. Nước mưa được thu gom sau đó thoát ra hố ga thu cuối cùng thông qua 01 vị trí trước khi xả vào suối Ông Đông. Tọa độ vị trí điểm đổ ra suối Ông Đông (X = 1225139; Y = 609751).

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

Nước thải phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở bao gồm nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất. Công ty đã xây dựng hoàn thành HTXL nước thải tập trung để xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q = 0,9; K_f =1,1) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của cơ sở như sau:

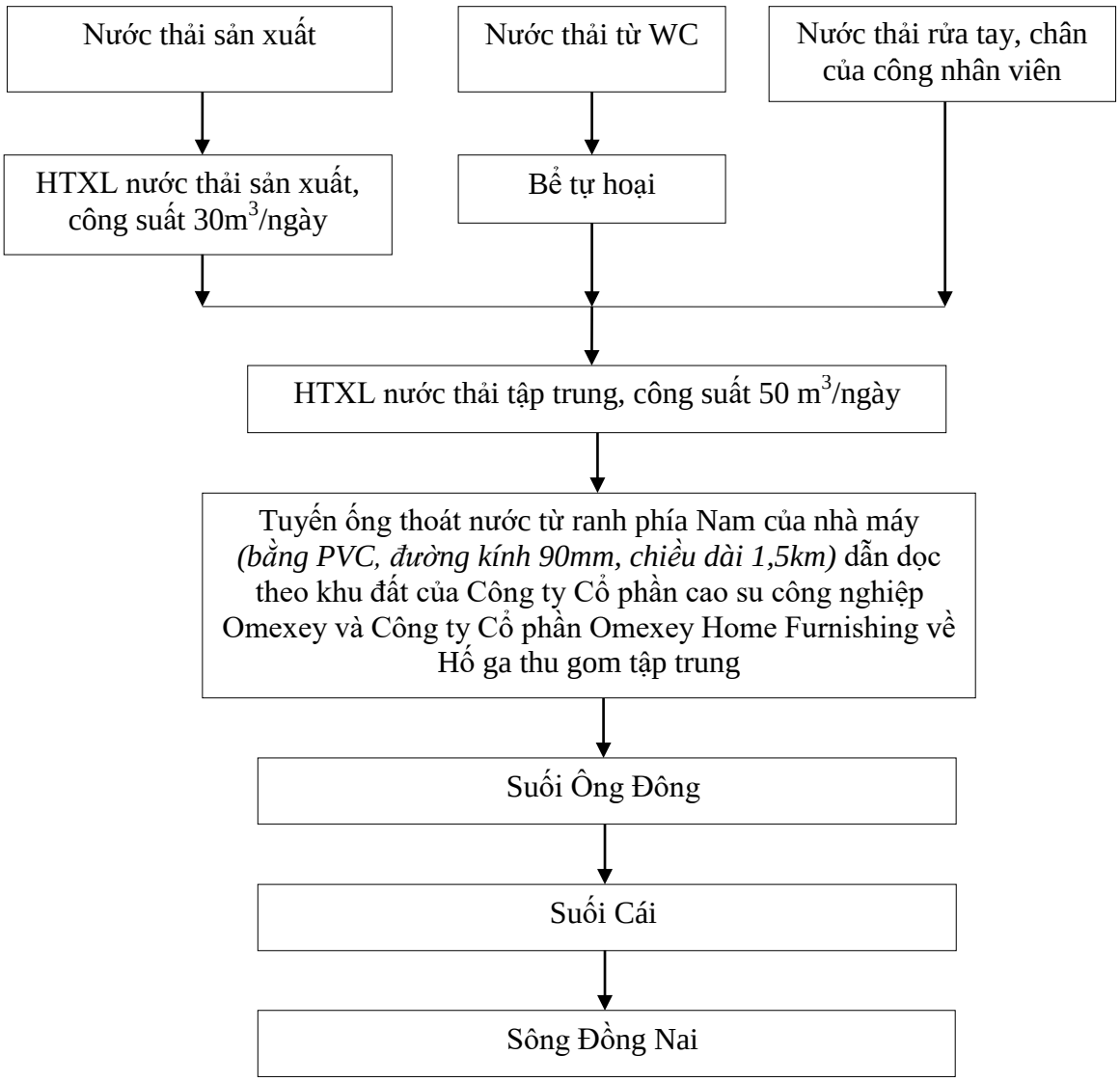

Hình 3.2. Sơ đồ thoát nước thải của Công ty.

(Bản vẽ chi tiết của hệ thống thu gom thoát nước mưa đính kèm phụ lục).

Nước thải của Công ty bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất:

- Nước thải sinh hoạt gồm có: Nước thải từ nhà vệ sinh sẽ được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn sau đó theo đường ống thu gom nhập chung với nước thải rửa tay, chân của công nhân viên dẫn về HTXLNT tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sản xuất được xử lý sơ bộ qua HTXLNT sản xuất công suất 30 m^3/ngày.đêm sau đó dẫn theo đường ống dẫn về HTXLNT tập trung để tiếp tục xử lý.

→ Toàn bộ nước thải của khu được thu gom về HTXLNT tập trung với công suất 50 m^3/ngày.đêm để xử lý đạt tiêu chuẩn nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột A (K_q = 0,9; K_f = 1,1) và dẫn theo đường ống D90mm dẫn dọc theo khu đất của Công ty Cổ phần cao su công nghiệp Omexey và Công ty Cổ phần Omexey Home Furnishing đến cuối khu đất về hố ga cuối cùng, sau đó dẫn theo cống D800mm, chiều dài 230m dẫn ra suối Ông Đông chảy về suối Cái và thoát ra sông Đồng Nai.

- Thống kê khối lượng xây dựng cống, hố ga như sau:

➢ ***<u>Thông số kỹ thuật của hệ thống thoát nước thải:</u>***

Bảng 4.3. Thông số kỹ thuật của hệ thống thoát nước thải.

TT	Tên công trình	Thông số kỹ thuật			Chi chú
		Chiều dài (m)	Đường kính ống (mm)	Độ sâu đáy mương (m)	
1	Đường ống uPVC D60mm	2.250	uPVC D60mm	0,3 – 0,5	Độ sâu đáy tùy thuộc vào chênh lệch cao độ.

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Mạng lưới thoát nước thải:

Nước thải sau xử lý dẫn theo đường ống D90mm dẫn dọc theo khu đất của Công ty Cổ phần cao su công nghiệp Omexey và Công ty Cổ phần Omexey Home Furnishing đến cuối khu đất về hố ga cuối cùng, sau đó dẫn theo cống D800mm, chiều dài 230m dẫn ra suối Ông Đông chảy về suối Cái và thoát ra sông Đồng Nai.

Bảng 3.2. Kích thước đường ống thoát nước thải sau HTXLNT ra nguồn tiếp nhận.

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đường kính ống (mm)	Chiều dài	Chức năng
1	Đường ống uPVC D90mm	Ống	1	D90mm	1.500m	Thoát nước thải

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Điểm xả nước thải sau xử lý:

- Vị trí xả nước thải, quy trình vận hành tại điểm thoát nước thải:
  + Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50 m^3/ngày.đêm.
  + Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ/ngày.đêm).
  + Phương thức xả nước thải: Sử dụng bơm – tự chảy.
  + Vị trí đấu nối: Nước thải được thu gom sau đó thoát ra hố ga thu cuối cùng thông qua 01 vị trí trước khi xả vào suối Ông Đông. Tọa độ vị trí điểm đổ ra suối Ông Đông (X = 1225139; Y = 609751).

1.3. Xử lý nước thải:

1.3.1. Nước thải sinh hoạt:

Nguồn phát sinh:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động vệ sinh cá nhân, sinh hoạt của công nhân (310 người): Ước tính lượng nước thải sinh hoạt phát sinh bằng 100% lượng nước cấp thì tổng lượng nước thải sinh hoạt là 26 m^3/ngày.đêm.

Biện pháp xử lý:

Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà máy ước tính khi đạt 100% công suất khoảng 26 m^3/ngày. Trong đó, nước thải phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh chiếm 60% lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 15,6 m^3/ngày sẽ theo đường ống dẫn về bể tự hoại để xử lý. Còn nước thải phát sinh từ quá trình rửa tay chân của công nhân viên,…ước tính bằng 40% lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 10,4 m^3/ngày sẽ không đi qua bể tự hoại mà theo đường ống dẫn xuống hố gas thoát nước thải phía ngoài nhập chung với nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại sau đó dẫn về HTXLNT tập trung để xử lý.

- ***Nước thải từ khu nhà vệ sinh, lưu lượng 15,6 m^3/ngày.đêm:***

Bể tự hoại có 2 chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng với hiệu quả xử lý khoảng 40 – 50%. Với thời gian lưu nước trong bể khoảng 40 ngày thì có khoảng 95% các chất lơ lửng

sẽ lắng xuống đáy bể. Nước thải lắng trong bể 1 thời gian dài đảm bảo hiệu suất lắng cao sẽ được chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài theo ống dẫn.

Cấu tạo bể tự hoại được trình bày trong hình sau:

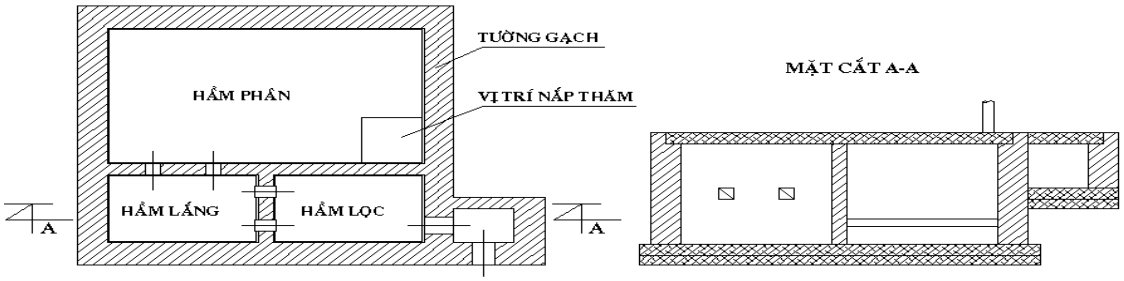

Hình 3.3. Sơ đồ cấu tạo của bể tự hoại.

Tính toán kích thước của bể tự hoại 03 ngăn (xác định thể tích phần lắng nước và phần chứa bùn) như sau:

- *Thể tích phần nước*: Wn = K x Q

K: hệ số lưu lượng, K = 2,5

Q: lưu lượng nước thải sinh hoạt trung bình ngày đêm, Q = 15,6 m^3/ngày.

Wn = 2,5 x 15,6 = 39 m^3

- *Thể tích phần bùn:*

Wb = a x N x t x (100 – P_1) x 0,7 x 1,2 : [1000 (100 – P_2)]

Trong đó:

a: Tiêu chuẩn cặn lắng cho một người, a = 0,4 – 0,5lít/ngày.đêm

N: Số công nhân viên của cơ sở, N = 310 người

t : Thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại, t = 180 – 365 ngày

0,7: Hệ số tính đến 30 % cặn đã phân hủy

1,2: Hệ số tính đến 20 % cặn được giữ trong bể tự hoại đã bị nhiễm vi khuẩn cho cặn tươi.

P_1: Độ ẩm của cặn tươi, P_1 = 95 %

P_2: Độ ẩm trung bình của cặn trong bể tự hoại, P_2 = 90 %

Wb = 0,4 x 310 x 180 x (100 – 95) x 0,7 x 1,2 : [1000 x (100 – 90)]

Wb ≈ 9,4 m^3

Tổng thể tích các bể tự hoại:

W = Wn + Wb = 39 + 9,4 = 48,4m^3

Hiện hữu, tổng số lượng các bể tự hoại như sau:

Bảng 3.3. Số lượng bể tự hoại hiện hữu tại nhà máy.

TT	Vị trí	Số lượng nhà vệ sinh	Số lượng hiện hữu (Bể)	Tổng thể tích bể (m^3)	Kích thước bể (L×W×H)
1	Tại khu vực nhà bảo vệ	1	1	10	2,0m×2,0m×2,5m
2	Tại khu vực nhà văn phòng	2	1	10	2,0m×2,0m×2,5m
2	Tại khu vực ký túc xá	1	1	13,75	2,5m×2,2m×2,5m
3	Tại khu vực gần xưởng sản xuất 1	1	1	13,75	2,5m×2,2m×2,5m
4	Tại khu vực gần xưởng sản	1	1	13,75	2,5m×2,2m×2,5m

	xuất 2				
	Tổng cộng	**6**	**5 bể**	**61,25 m^3**	

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

(Vị trí các bể tự hoại được thể hiện trong bản vẽ đính kèm phụ lục).

Nước thải từ khu nhà vệ sinh sẽ được thu gom và xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn sau đó dẫn về HTXLNT tập trung để tiếp tục xử lý.

Đánh giá khả năng đáp ứng của các bể tự hoại:

Theo tình hình thực tế các bể tự hoại đã xây dựng thì tổng thể tích các bể tự hoại là 52,8m^3. Lưu lượng nước thải theo tính toán là 48,4 m^3 < 61,25 m^3 (thể tích thiết kế của các bể tự hoại). Như vậy, tổng thể tích các bể tự hoại hoàn toàn đáp ứng đủ điều kiện để xử lý phần nước thải sinh hoạt phát sinh của nhà máy.

- ***Nước thải từ quá trình vệ sinh, rửa tay chân,..., lưu lượng 10,4 m^3/ngày.đêm:***

Nước thải từ quá trình vệ sinh, rửa tay chân sẽ không đi qua bể tự hoại mà theo đường ống nhập chung với nước thải sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó dẫn theo đường ống đưa về HTXLNT tập trung của Công ty tiếp tục xử lý.

1.3.2. Nước thải sản xuất:

Nguồn phát sinh:

- **Nguồn thứ 1 (Nước thải từ lò hơi):**

Nước thải từ lò hơi: Nhà máy sử dụng 01 lò hơi công suất 2 tấn/giờ để cung cấp nhiệt cho công đoạn sấy gỗ. Nước cấp cho hoạt động của lò hơi khoảng 3 m^3/tuần. Lượng nước này được tuần hoàn tái sử dụng và định kỳ hằng ngày sẽ được châm thêm nước khi bị hao hụt khoảng 0,3m^3/ngày. Định kỳ mỗi tuần Công ty sẽ cho xả ra khoảng 3 m^3/tuần (tương đương 0,5 m^3/ngày) dẫn theo đường ống về HTXL nước thải sản xuất để xử lý.

- **Nguồn thứ 2 (Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi):**

Công ty có 01 hệ thống xử lý khí thải lò hơi và 01 bể chứa nước tuần hoàn. Lượng nước cấp cho công đoạn xử lý khí thải lò hơi khoảng 3 m^3/tuần, lượng nước này được sử dụng tuần hoàn và bổ sung thêm khi bị hao hụt. Khoảng 1 tuần sẽ thải bỏ 1 lần vào cuối tuần với lưu lượng 3 m^3/tuần (tương đương 0,5 m^3/ngày) dẫn theo đường ống về HTXL nước thải sản xuất để xử lý.

- **Nguồn thứ 3 (Nước thải từ hệ thống xử lý bụi sơn và hơi dung môi):**

Nước thải sản xuất phát sinh từ hệ thống xử lý bụi sơn và hơi dung môi từ quá trình phun sơn. Để xử lý hơi dung môi và bụi sơn Công ty xây dựng các bể nước nằm phía dưới buồng để hấp thụ bụi sơn. Nước trong hệ thống xử lý sẽ được sử dụng tuần hoàn và định kỳ 1 tuần thải ra 01 lần. Hiện hữu Công ty đang sử dụng 18 buồng sơn ướt có sử dụng bể nước để xử lý hơi dung môi và bụi sơn. Chu kỳ xả nước thải trong 01 tuần như sau:

Bảng 3.4. Nhu cầu xả nước thải từ các buồng phun sơn.

TT	Chuyền phun sơn	Kích thước bể nước	Định mức cấp	Số lượng bể nước		Nước thải (m^3)	Định mức xả thải
1	Buồng phun sơn ướt (9m×3,4m ×2m)	9m×3,4m ×0,16m	4 m^3/bể (80% thể tích bể)	9	Bể 1	4	Lượng nước cấp từ 18 buồng phun sơn hằng ngày được đưa về 01 bể chứa nước tuần hoàn có tổng dung tích 75,06m^3
					Bể 2	4	
					Bể 3	4	
					Bể 4	4	
					Bể 5	4	

					Bể 6	4	gồm 05 ngăn (Ngăn 1: 27m^3, ngăn 2: 16,2m^3, ngăn 3,4: 10,8m^3/ngăn, ngăn 4: 10,26m^3) để tuần hoàn và tái sử dụng. Định kỳ hằng tuần, trong 03 ngày liên tiếp vào cuối tuần (thứ 5,6,7), Công ty sẽ tiến hành xả bỏ lượng nước này với mỗi lần xả khoảng 17,25m^3/ngày dẫn về HTXLNT sản xuất 30 m^3/ngày để xử lý.
					Bể 7	4	
					Bể 8	4	
					Bể 9	4	
2	Buồng phun sơn ướt (6,2m×2,2 m×2,75m)	6,2m×2,2 m×0,16m	1,75 m^3/bể (80% thể tích bể)	9	Bể 10	1,75	
					Bể 11	1,75	
					Bể 12	1,75	
					Bể 13	1,75	
					Bể 14	1,75	
					Bể 15	1,75	
					Bể 16	1,75	
					Bể 17	1,75	
					Bể 18	1,75	
Lưu lượng xả lớn nhất						**51,75 m^3/tuần**	
Lưu lượng xả theo ngày (xả liên tục trong 03 ngày liên tiếp)						**17,25 m^3/ngày**	

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Bể lắng tuần hoàn nước thải cho 18 buồng sơn:

- Hiện hữu: Nước thải từ 18 buồng sơn được lắng cặn và tuần hoàn liên tục tại 01 bể lắng có tổng thể tích 75,06m^3, gồm 05 ngăn như sau:

Bảng 3.10. Bể lắng cặn và tuần hoàn từ công đoạn rửa thiết bị máy đùn ép, máy nghiền.

TT	Bể chứa	Kích thước (L×W×H) (m)	Thể tích (m^3)	Kết cấu
1	Ngăn lắng 1	5,0m×3,6m×1,5m	27	BTCT
2	Ngăn lắng 2	3,0m×3,6m×1,5m	16,2	BTCT
3	Ngăn lắng 3	2,0m×3,6m×1,5m	10,8	BTCT
4	Ngăn lắng 4	2,0m×3,6m×1,5m	10,8	BTCT
5	Ngăn lắng 5	1,9m×3,6m×1,5m	10,26	BTCT
	Tổng cộng		**75,06**	

Nguồn: Công ty Cổ phần Sơn dầu Khí Việt Nam, 2024.

Lượng nước cấp từ 18 buồng phun sơn hằng ngày được đưa về 01 bể chứa nước tuần hoàn có tổng dung tích 75,06m^3 gồm 05 ngăn (Ngăn 1: 27m^3, ngăn 2: 16,2m^3, ngăn 3,4: 10,8m^3/ngăn, ngăn 4: 10,26m^3) để tuần hoàn và tái sử dụng. Định kỳ hằng tuần, trong 03 ngày liên tiếp vào cuối tuần (thứ 5,6,7), Công ty sẽ tiến hành xả bỏ lượng nước này với mỗi lần xả khoảng 17,25m^3/ngày dẫn về HTXLNT sản xuất 30 m^3/ngày để xử lý.

Từ bảng trên, tổng hợp lượng nước thải xả ra hằng ngày của Công ty là:

Bảng 3.5. Bảng tổng hợp lưu lượng xả nước thải sản xuất.

TT	Nguồn nước thải	Lưu lượng xả hiện hữu (m^3/ngày)	Ghi chú
1	Nước thải từ lò hơi.	0,5	Dẫn về HTXLNT sản xuất công suất 30 m^3/ngày để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về HTXLNT tập trung công suất 50 m^3/ngày để tiếp tục xử lý.
2	Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi.	0,5	
3	Nước thải từ hệ thống xử lý bụi sơn và hơi dung môi	17,25	
	Tổng cộng	**18,25 m^3/ngày**	

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Thành phần, tính chất:

Để đánh giá nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải. Tham khảo kết quả kết quả phân tích nước thải trước xử lý của Công ty do Trung tâm Coshet tiến hành lấy mẫu, phân tích.

+ Tên đơn vị lấy mẫu: Trung Tâm tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn vệ sinh lao động (Trung tâm Coshet). Trung tâm đã được cấp thẩm quyền công nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo số 2611/QĐ-BTNMT ngày 18/11/2014, số 219/QĐ – BTNMT ngày 28/01/2016 và số 2612/QĐ-BTNMT ngày 05/09/2016.
+ Địa chỉ: 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, TP.HCM
+ Điện thoại: (08) 38680842, Fax: (08) 38680869.
+ Ngày lấy mẫu: 25/03/2019.
+ Vị trí lấy mẫu: Hố gom tập trung trước khi vào HTXLNT.

Bảng 3.6. Kết quả phân tích nước thải chưa áp dụng biện pháp xử lý tại Công ty.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Kết quả (mg/l)	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A
1	pH	-	6,65	**5,5 – 9,0**
2	SS	mg/l	320	**50**
3	COD	mg/l	420	**75**
4	BOD	mg/l	324	**30**
5	T-N	mg/l	28	**20**
6	T-P	mg/l	8	**4**

Nguồn: Trung tâm Coshet, 2024.

Nhận xét:

Nước thải chưa qua xử lý thì hầu hết các chỉ tiêu có trong nước thải đều vượt tiêu chuẩn nhiều lần, khi thải lượng nước thải này ra môi trường mà không qua xử lý sẽ gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận và gây ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh. Nhận biết được điều này, Công ty đã có biện pháp cụ thể xử lý nguồn gây ô nhiễm này. Biện pháp xử lý được trình bày trong phần sau của báo cáo.

Biện pháp xử lý:

Theo như đánh giá thực tế phát sinh, nước thải sản xuất: $Q_{ngày}$ = 18,25 m^3/ngày được thu gom về HTXLNT sản xuất 30 m^3/ngày.đêm để xử lý sơ bộ.

- *Số lượng:* 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất.
- *Vị trí xây dựng:* Phía sau nhà xưởng sản xuất.
- *Quy mô, công suất:* 30 m^3/ngày.đêm.
- *Chức năng công trình:* Xử lý sơ bộ nước thải sản xuất.
- *Công nghệ xử lý:*

Quy trình xử lý nước thải sản xuất hiện hữu như sau:

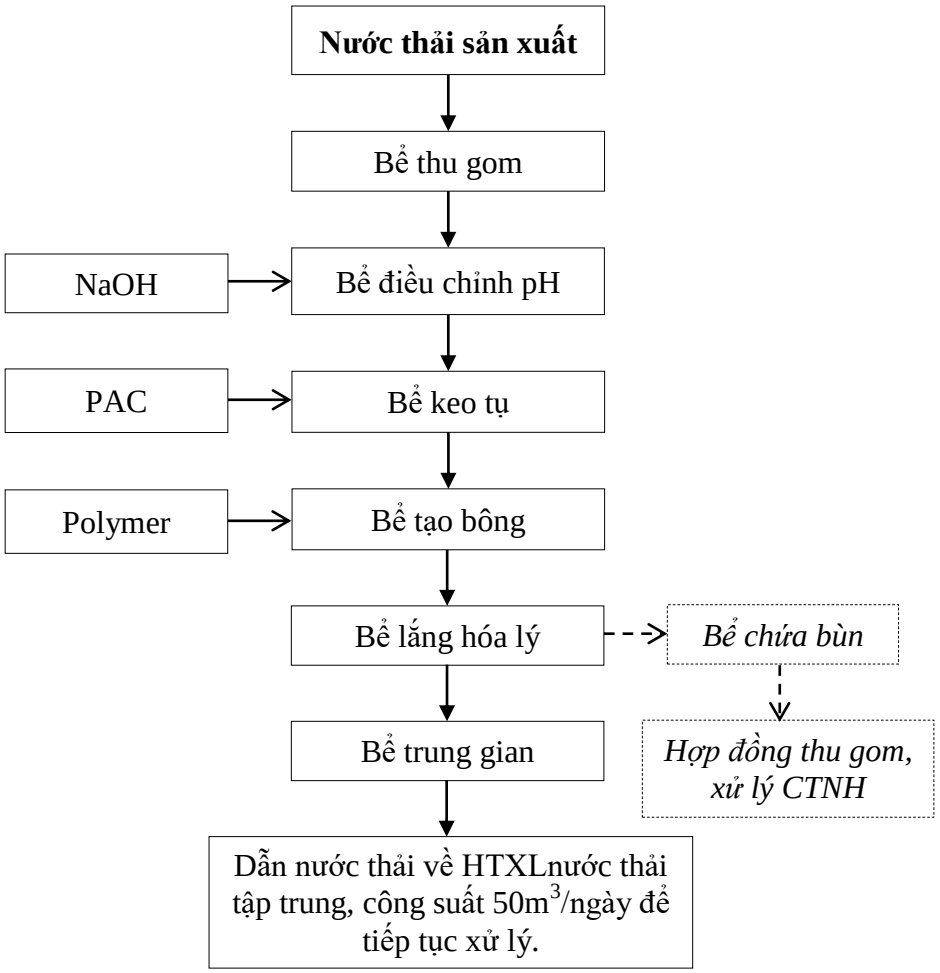

Hình 3.4. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 30m^3/ngày.

<u>Thuyết minh quy trình:</u>

Nước thải sản xuất bao gồm nước thải từ lò hơi, hệ thống xử lý khí thải lò hơi, nước thải từ các buồng sơn được dẫn theo đường ống uPVC D90mm về bể thu gom.

1. Bể thu gom:

Chức năng: Bể thu gom có chức năng tập trung toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất,…..

Nước thải từ bể thu gom tập trung được bơm về bể điều hòa để bắt đầu xử lý.

- Kích thước bể: L×W×H = (4,7m × 1,6m × 2,8m).
- Thể tích: 2,4 m^3.
- Thời gian lưu: 16,21 giờ.
- Vật liệu xây dựng: BTCT.

2. Bể điều chỉnh pH:

Sau bể ổn định nước thải được bơm sang bể điều chỉnh pH. Tại đây bơm hóa chất sẽ bơm NaOH vào đồng thời được hòa trộn với nước thải. Tại đây, pH sẽ được kiểm soát trong khoảng 6 – 7. Công nhân vận hành tiến hành đo thực tế bằng bút đo tần suất 30 phút/lần. Nếu pH < 6 sẽ tăng lưu lượng châm NaOH. Nếu pH > 7 sẽ giảm lưu lượng châm NaOH.

- Kích thước bể: L×W×H = (1,2m × 1,0m × 1,0m).
- Thể tích: 1,2 m^3.
- Thời gian lưu: 0,45 giờ.

- Vật liệu xây dựng: Nhựa PP.

3. Bể keo tụ - tạo bông:

Nước thải từ bể điều hòa được bơm lên bể keo tụ, đồng thời PAC cũng được cho vào để tạo kết tủa các bông cặn có trong nước thải. Tại bể keo tụ, nước thải và phèn được trộn đều nhờ vào máy trộn cơ khí tại bể keo tụ.

Cách thức pha hóa chất PAC: Công ty sử dụng bồn hóa chất bằng nhựa, thể tích bồn 50 lít, cứ 2,5g PAC sẽ được pha với 50 lít nước.

Tiếp đó nước thải dẫn qua bể tạo bông. Tại đây, nước thải được khuấy trộn với vận tốc chậm tạo điều kiện cho phản ứng keo tụ xảy ra, đồng thời polymer được châm vào giúp quá trình kết dính các bông cặn đã keo tụ xảy ra nhanh hơn. Định kỳ một tuần sẽ xả cặn một lần trong bể nhờ van xả ở dưới đáy bể.

Cách thức pha hóa chất Polymer: Công ty sử dụng bồn hóa chất bằng nhựa, thể tích bồn 50 lít, cứ 0,05kg Polymer sẽ được pha với 50 lít nước.

Hiệu suất xử lý tính theo BOD_5 đạt khoảng 30-45%.

Bể keo tụ:

- Kích thước bể keo tụ: L×W×H = (1,2m × 1,0m × 1,0m).
- Thể tích: 1,2 m^3.
- Thời gian lưu: 0,45 giờ.
- Vật liệu xây dựng: Nhựa PP.
- Hóa chất sử dụng: PAC.

Bể tạo bông:

- Kích thước bể tạo bông: L×W×H = (1,2m × 1,0m × 1,0m).
- Thể tích: 1,2 m^3.
- Thời gian lưu: 0,45 giờ.
- Vật liệu xây dựng: Nhựa PP.
- Hóa chất sử dụng: Polymer.

4. Bể lắng hóa lý:

Loại bỏ những bông cặn do quá trình xử lý hóa lý nhằm tách bông cặn ra khỏi nước bằng phương pháp lắng trọng lực. Nước thải sẽ tự chảy vào ống trung tâm của bể lắng với vận tốc 28-30 mm/s nhằm phân phối đều nước thải trong vùng lắng của bể lắng, nước thải ra khỏi ống trung tâm của bể lắng với vận tốc 0,5-0,8 mm/s. Quá trình lắng là lắng đứng, nước vận chuyển từ dưới lên, cặn bùn có tỷ trọng lớn lắng xuống đáy bể. Bùn dư được mang đi ép và hợp đồng thu gom, xử lý đúng theo quy định. Nước tiếp tục chảy qua bể trung gian 1.

Hiệu suất xử lý tính theo BOD_5 đạt khoảng 7-15%.

- Kích thước bể: L×W×H = (1,8m × 1,6m × 2,8m).
- Thể tích: 8,064 m^3.
- Thời gian lưu: 3,84 giờ.
- Vật liệu xây dựng: BTCT.

5. Bể trung gian:

Nước thải sau khi qua bể lắng hóa lý sẽ được dẫn về bể chứa trung gian. Bể chứa trung gian có chức năng giúp ổn định nước thải trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m^3/ngày.

- Kích thước bể: L×W×H = (4,9m × 1,0m × 1,75m).
- Thể tích: 8,575 m^3.
- Thời gian lưu: 3,79 giờ.
- Vật liệu xây dựng: BTCT.

6. Bể chứa bùn:

Lượng bùn thải hóa lý từ bể lắng hóa lý được bơm về bể nén bùn nhằm ổn định lượng bùn và tách bớt một phần nước giúp bùn khô trước khi ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Kích thước bể chứa bùn 1: L x W x H = 1,5 m^3 (1,5m × 1,0m × 1,0m).
- Kích thước bể chứa bùn 2: L x W x H = 1,5 m^3 (1,5m × 1,0m × 1,0m).
- Vật liệu xây dựng: BTCT.

Xử lý bùn thải từ HTXLNT sản xuất:

Căn cứ vào khối lượng bùn phát sinh thực tế hiện tại thu gom hằng năm. Dựa vào khối lượng bùn thực tế ta có thể xác định được khối lượng bùn hiện hữu phát sinh với khối lượng khoảng 185 kg/năm.

Thu gom, xử lý: Phần bùn thải từ bể lắng được bơm về bể chứa bùn. Bùn sẽ được được công nhân thu gom chứa trong các bao nylon dày, kín có dán nhãn và đem về nhà lưu chứa chất thải sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Danh mục máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

Bảng 3.7. Danh mục máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.

TT	Tên sản phẩm – đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	**Bể thu gom**		
*	Bơm hóa lý	Bộ	2
	- Lưu lượng: 4-6m^3/h		
	- Công suất: 1 HP - 380v, 50Hz		
	- Phụ kiện lắp đặt		
*	Máy thổi khí	Cái	2
	- Nguồn: 3pha/380V/50Hz		
	- Công suất: 3HP		
2	**Cụm điều chỉnh pH – keo tụ – tạo bông**		
*	Bơm định lượng	Bộ	3
	- 3phase 380V /50Hz / 40W		
	- Max Capacity: 61,5 L/hr		
	- Max Pressure: 5 Bar		
*	Bộ khuấy trộn phản ứng	Bộ	2
	- 3 phase / 380V / 50Hz		
	- Motor giảm tốc/ speed-reducer motor: 0,75KW		
	- Trục khuấy Inox 304		
3	**Bể lắng hóa lý**		
*	Bơm bùn hóa lý	bộ	1

	- Lưu lượng: 4-6m^3/h		
	- Công suất: 1 HP - 380v, 50Hz		
	- Phụ kiện lắp đặt		
4	**Bể trung gian**		
*	Bơm thu gom	bộ	1
	- Lưu lượng: 5-6m^3/h		
	- Công suất: 2 HP - 380v, 50Hz		
	- Phụ kiện lắp đặt		

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Hóa chất sử dụng:

Bảng 3.8. Bảng tính hóa chất sử dụng cho HTXL nước thải sản xuất, công suất 30 m^3/ngày.đêm.

TT	Tên hóa chất	Trạng thái	Quy cách đóng gói	Định mức (g/m^3)	Khối lượng (kg/ngày)
1	NaOH	Lỏng	Thùng 25 lít	1	0,03
2	PAC	Rắn	Bao 25kg	50	1,5
3	Polymer	Rắn	Bao 25kg	1	0,03

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

1.3.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Tổng khối lượng nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam dẫn về HTXLNT tập trung là: $Q_{ngày}$ = 44,25 m^3/ngày.

- *Số lượng:* 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- *Vị trí xây dựng:* Phía trước khu đất nhà máy.
- *Quy mô, công suất:* 50 m^3/ngày.đêm (đã áp dụng hệ số an toàn k=1,2).
- *Chức năng công trình:* Xử lý nước thải sinh hoạt và sản xuất.
- *Công nghệ xử lý:*

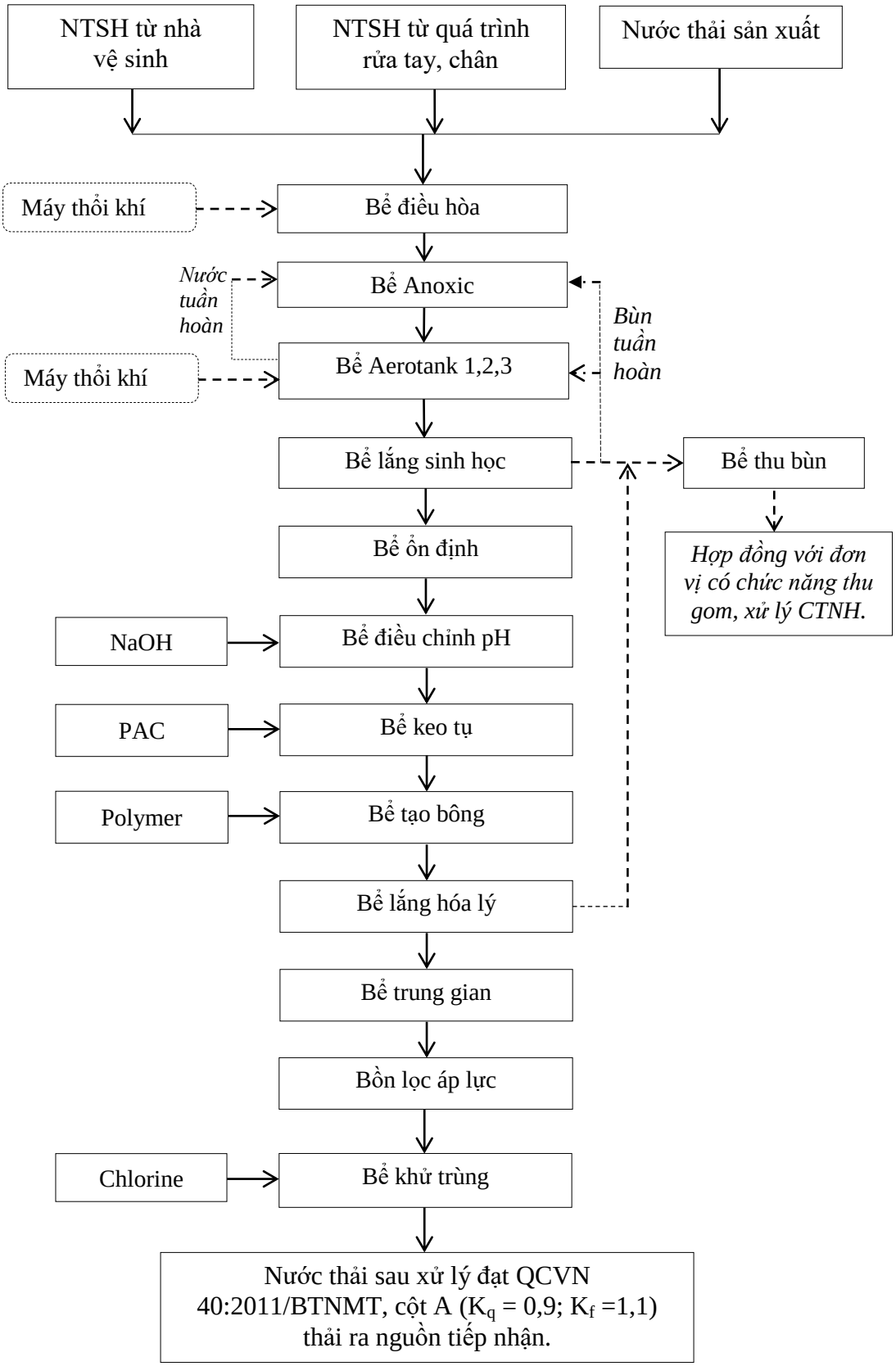

Hình 3.5. Sơ đồ công nghệ XLNT tập trung, công suất 50 m^3/ngày.

Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 50 m^3/ngày.đêm.

<u>Thuyết minh công nghệ</u>:

Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn cùng với nước thải rửa tay chân,..và nước thải sản xuất sau khi xử lý sơ bộ qua HTXL nước thải sản xuất sẽ được dẫn theo đường ống thu gom về hố thu gom nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

1. Bể điều hòa:

Do tính chất của nước thải dao động theo thời gian trong ngày và phụ thuộc nhiều vào các yếu tố như nguồn thải và thời gian thải nước. Vì vậy, bể điều hòa là công trình không thể thiếu trong hệ thống xử lý nước thải. Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, tạo chế độ làm việc ổn định và liên tục cho các công trình xử lý, tránh hiện tượng quá tải. Bên cạnh đó, quá trình sục khí liên tục sẽ làm giảm thiểu tối đa việc phân hủy kỵ khí phát sinh mùi.

Sau đó, nước thải được các bơm lắp đặt chìm bên trong bể điều hòa bơm với lưu lượng ổn định về bể Anoxic. Chế độ hoạt động của bơm hoàn toàn tự động nhờ các phao mực nước được lắp đặt đồng bộ với bơm. Hai bơm được hoạt động luân phiên nhau theo thời gian được cài đặt sẵn.

Chế độ Auto:

- Khi mực nước trong bể ở mức Low, bơm không hoạt động.
- Khi mực nước trong bể ở mức High, bơm sẽ hoạt động.

Chế độ Manual:

- Chỉ sử dụng khi cần kiểm tra thiết bị, chế độ hoạt động này không phụ thuộc vào mực nước trong ngăn điều hòa nước thải.Khi cần kiểm tra bơm nào hoạt động hay không thì chỉ cần bật công tắc bơm đó.

Hiệu suất xử lý tính theo BOD_5 đạt khoảng 10%.

- Kích thước bể: L×W×H = (4,1m × 2,0m × 2,5m).
- Thể tích: 20,5 m^3.
- Thời gian lưu: 5,77 giờ.

- Vật liệu xây dựng: BTCT.

2. Bể Anoxic:

Sau bể điều hòa nước thải được bơm về bể thiếu khí Anoxic tiến hành qua trình xử lý thiếu khí, phần lớn N và một phần nhỏ BOD, COD có trong nước thải sẽ được xử lý tại đây. Các thành phần ô nhiễm COD, BOD, N, P,... sẽ được xử lý thông qua hoạt động của các vi sinh vật thiếu khí và hiếu khí có trong hỗn hợp bùn hoạt tính.

Trong đó, Nitơ sẽ được xử lý thông qua 2 quá trình như sau:

+ Quá trình Nitrat hóa: là quá trình chuyển hóa các hợp chất Nitơ ở dạng hữu cơ thành Nitơ ở dạng Nitrit, Nitrat nhờ các vi sinh hiếu khí trong bể sinh học hiếu khí.

$$Nitrosomonas + NH_3 + 3/2\ O_2 \rightarrow NO_2^- + H^+ + H_2O + Nitrosomonas.$$

$$Nitrobacter + NO_2^- + 1/2\ O_2 \rightarrow NO_3^- + Nitrobacter.$$

+ Quá trình khử Nitrat: là quá trình khử các hợp chất Nitơ ở dạng Nitrat thành Nitơ tự do nhờ các vi sinh vật thiếu khí trong bể Anoxic.

$$NO_3^- + 1.08CH_3OH + H^+ \rightarrow 0.065C_5H_7O_2N + 0.47N_2 + 0.76CO_2 + 2.44H_2O.$$

Trong Bể Anoxic được bố trí thiết bị khuấy trộn bằng cánh khuấy, tốc độ khuấy khoảng 50 vòng/phút. Có hệ thống hồi lưu bùn lại bể Anoxic, hệ thống hồi lưu nước từ Aerotank về bể Anoxic.

Hiệu suất xử lý tính theo BOD_5 đạt khoảng 90-95%.

- Kích thước bể: L×W×H = (4,1m × 1,5m × 2,5m).
- Thể tích: 15,375 m^3.
- Thời gian lưu: 4,33 giờ.
- Vật liệu xây dựng: BTCT.

3. Bể Aerotank:

Nước thải sau khi xử lý qua bể Anoxic tiếp tục dẫn qua bể Aerotank. Bể xử lý sinh học hiếu khí quyết định hiệu quả của xử lý hầu hết là các chất hữu cơ. Hỗn hợp trong nước thải và bùn hoạt tính được trộn đều và giữ lại ở trạng thái lơ lửng trong nước thải bằng hệ thống sục khí liên tục cung cấp oxy cho vi sinh vật oxy hóa các chất hữu cơ có trong nước thải. Khi ở trong bể, các chất lơ lửng đóng vai trò là hạt nhân để cho các vi khuẩn cư trú, sinh sản và phát triển dần lên thành các bông cặn gọi là bùn hoạt tính. Vi khuẩn và các vi sinh vật sống dùng chất nền (BOD) và chất dinh dưỡng (N,P) làm thức ăn để chuyển hóa chúng thành các chất trơ không hòa tan và thành các tế bào mới. Nguồn dinh dưỡng sẽ được cung cấp định kỳ. Nước thải sau xử lý hàm lượng COD và BOD sẽ giảm 80-95%. Số lượng bùn hoạt tính trong bể được duy trình từ quá trình tuần hoàn bùn từ bể lắng 2 để đảm bảo nồng độ vi sinh vật trong bể.

Hiệu suất xử lý tính theo BOD_5 đạt khoảng 90-95%.

- Kích thước bể Aerotank 1: L×W×H = 20,5 m^3 (4,1m × 2,0m × 2,5m).
- Kích thước bể Aerotank 2: L×W×H = 21,525 m^3 (4,1m × 2,1m × 2,5m).
- Kích thước bể Aerotank 3: L×W×H = 20,5 m^3 (4,1m × 2,0m × 2,5m).
- Thời gian lưu: 17,6 giờ.
- Vật liệu xây dựng: BTCT.

4. Bể lắng sinh học:

Sau khi qua bể Aerotank, nước thải được dẫn qua bể lắng sinh học để loại bỏ những bông cặn do quá trình xử lý hóa lý nhằm tách bông cặn ra khỏi nước bằng phương pháp

lắng trọng lực. Nước thải sẽ tự chảy vào ống trung tâm của bể lắng với vận tốc 28-30 mm/s nhằm phân phối đều nước thải trong vùng lắng của bể lắng, nước thải ra khỏi ống trung tâm của bể lắng với vận tốc 0,5-0,8 mm/s. Quá trình lắng là lắng đứng, nước vận chuyển từ dưới lên, cặn bùn có tỷ trọng lớn lắng xuống đáy bể. Bùn dư được mang đi ép và hợp đồng thu gom, xử lý đúng theo quy định. Nước tiếp tục chảy qua bể trung gian 2.

Hiệu suất xử lý đạt khoảng 10-15%.

- Kích thước bể: L×W×H = (2,0m × 2,0m × 2,5m).
- Thể tích: 10 m^3.
- Thời gian lưu: 2,82 giờ.
- Vật liệu xây dựng: BTCT.

7. Bể ổn định:

Nước thải sau khi qua bể lắng sinh học sẽ được dẫn về bể ổn định. Bể này có chức năng giúp ổn định nước thải trước khi chuyển qua công đoạn tiếp theo.

- Kích thước bể: L×W×H = (2,0m × 0,9m × 2,5m).
- Thể tích: 4,5 m^3.
- Thời gian lưu: 1,27 giờ.
- Vật liệu xây dựng: BTCT.

8. Bể điều chỉnh pH:

Sau bể ổn định nước thải được bơm sang bể điều chỉnh pH. Tại đây bơm hóa chất sẽ bơm NaOH vào đồng thời được hòa trộn với nước thải. Tại đây, pH sẽ được kiểm soát trong khoảng 6 – 7. Công nhân vận hành tiến hành đo thực tế bằng bút đo tần suất 30 phút/lần. Nếu pH < 6 sẽ tăng lưu lượng châm NaOH. Nếu pH > 7 sẽ giảm lưu lượng châm NaOH.

- Kích thước bể: L×W×H = (1,2m × 0,8m × 1,2m).
- Thể tích: 1,152 m^3.
- Thời gian lưu: 0,28 giờ.
- Vật liệu xây dựng: Inox 304.

9. Bể keo tụ - tạo bông:

Nước thải từ bể điều chỉnh pH được bơm lên bể keo tụ, đồng thời PAC cũng được cho vào để tạo kết tủa các bông cặn có trong nước thải. Tại bể keo tụ, nước thải và phèn được trộn đều nhờ vào máy trộn cơ khí tại bể keo tụ.

Cách thức pha hóa chất PAC: Công ty sử dụng bồn hóa chất bằng nhựa, thể tích bồn 50 lít, cứ 2,5g PAC sẽ được pha với 50 lít nước.

Tiếp đó nước thải dẫn qua bể tạo bông. Tại đây, nước thải được khuấy trộn với vận tốc chậm tạo điều kiện cho phản ứng keo tụ xảy ra, đồng thời polymer được châm vào giúp quá trình kết dính các bông cặn đã keo tụ xảy ra nhanh hơn. Định kỳ một tuần sẽ xả cặn một lần trong bể nhờ van xả ở dưới đáy bể.

Cách thức pha hóa chất Polymer: Công ty sử dụng bồn hóa chất bằng nhựa, thể tích bồn 50 lít, cứ 0,05kg Polymer sẽ được pha với 50 lít nước.

Hiệu suất xử lý tính theo BOD_5 đạt khoảng 30-45%.

Bể keo tụ:

- Kích thước bể: L×W×H = (1,2m × 0,8m × 1,2m).
- Thể tích: 1,152 m^3.

- Thời gian lưu: 0,28 giờ.
- Vật liệu xây dựng: Inox 304.
- Hóa chất sử dụng: PAC.

Bể tạo bông:

- Kích thước bể: L×W×H = (1,2m × 0,8m × 1,2m).
- Thể tích: 1,152 m^3.
- Thời gian lưu: 0,28 giờ.
- Vật liệu xây dựng: Inox 304.
- Hóa chất sử dụng: Polymer.

10. Bể lắng hóa lý:

Loại bỏ những bông cặn do quá trình xử lý hóa lý nhằm tách bông cặn ra khỏi nước bằng phương pháp lắng trọng lực. Nước thải sẽ tự chảy vào ống trung tâm của bể lắng với vận tốc 28-30 mm/s nhằm phân phối đều nước thải trong vùng lắng của bể lắng, nước thải ra khỏi ống trung tâm của bể lắng với vận tốc 0,5-0,8 mm/s. Quá trình lắng là lắng đứng, nước vận chuyển từ dưới lên, cặn bùn có tỷ trọng lớn lắng xuống đáy bể. Bùn dư được mang đi ép và hợp đồng thu gom, xử lý đúng theo quy định. Nước tiếp tục chảy qua bể trung gian.

Hiệu suất xử lý tính theo BOD_5 đạt khoảng 7-15%.

- Kích thước bể: D×H = (1,9m × 4,0m).
- Thể tích: 11,335 m^3.
- Thời gian lưu: 2,75 giờ.
- Vật liệu xây dựng: Inox 304.

11. Bể trung gian:

Nước thải sau khi qua bể lắng hóa lý sẽ được dẫn về bể chứa trung gian. Bể chứa trung gian có chức năng giúp ổn định nước thải trước khi bơm lên bồn lọc áp lực.

- Kích thước bể: L×W×H = (1,2m × 1,0m × 1,0m).
- Thể tích: 1,2 m^3.
- Thời gian lưu: 0,27 giờ.
- Vật liệu xây dựng: Nhựa PP.

12. Bồn lọc áp lực:

Là công đoạn sau cùng của HTXL. Bồn lọc áp lực có nhiệm vụ loại bỏ các cặn nhỏ còn xót lại có trong HTXL nước thải đồng thời khử màu và khử mùi giai đoạn cuối cho nước thải.

- Kích thước: D×H = (0,8m × 1,6m).
- Thể tích: 0,803 m^3.
- Thời gian lưu: 0,26 giờ.
- Vật liệu xây dựng: Thép CT3.

13. Bể khử trùng:

Chức năng: Nước thải sau khi qua bồn lọc áp lực sẽ được đưa về bể khử trùng. Tại bể chứa sẽ được châm thêm hóa chất khử trùng Chlorine để khử trùng cho nước thải.

- Kích thước bể: L×W×H = 4,5 m^3 (2,0m × 0,8m × 2,5m).
- Thể tích: 4 m^3.
- Thời gian lưu: 1,13 giờ.

- Vật liệu xây dựng: BTCT.

14. Bể chứa bùn:

Lượng bùn thải hóa lý từ bể lắng sinh học, bể lắng hóa lý được bơm về bể nén bùn nhằm ổn định lượng bùn và tách bớt một phần nước giúp bùn khô trước khi ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Kích thước bể: L x W x H = (2,0m × 2,0m × 1,0m).
- Thể tích: 4 m^3.
- Vật liệu xây dựng: BTCT.

Phương án giảm thiểu mùi phát sinh trong quá trình lưu trữ bùn thải:

Bùn thải sau khi ép xong được công nhân cho ngay vào trong các bao nylon dày, kín và đưa về khu vực lưu chứa bùn thải riêng biệt trong nhà chứa chất thải. Trong quá trình lưu trữ bùn thải, do bùn đã được chứa trong các bao nylon dày, kín đồng thời bùn sau khi ép là bùn khô do đó mùi phát sinh trong quá trình lưu trữ được giảm thiểu rất nhiều. Công ty đang áp dụng các biện pháp như sau:

- Bùn thu gom được chứa trong các bao nylon dày, kín, có dán mã chất thải theo đúng quy định.
- Nhà chứa bùn thải được thiết kế có cửa che chắn, cách xa với các khu vực khác.
- Tăng tần suất thu gom khi thấy khối lượng bùn nhiều trong nhà chứa.
- Khu vực xung quanh nhà chứa bùn được trồng nhiều cây xanh, giảm thiểu mùi phát sinh ra các khu vực lân cận.

Tần suất thu gom, khối lượng bùn từ HTXLNT:

- Khối lượng bùn: Khối lượng bùn thu gom khoảng 750 kg/năm.
- Đơn vị thu gom: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.
- Tần suất thu gom định kỳ: 01 tháng/lần.

Danh mục máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 3.9. Danh mục máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.

TT	Tên sản phẩm – đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	**Bể điều hòa**		
*	Bơm hóa lý	Bộ	2
	- Lưu lượng: 4-6m^3/h		
	- Công suất: 1 HP - 380v, 50Hz		
	- Phụ kiện lắp đặt		
2	**Bể Anoxic**		
*	Motor khuấy	Bộ	2
	- Công suất: 2 HP - 380v, 50Hz		
	- Phụ kiện lắp đặt		
3	**Bể Aerotank**		
*	Motor khuấy	Bộ	2
	- Công suất: 5 HP - 380v, 50Hz		
	- Phụ kiện lắp đặt		
*	Bơm tuần hoàn	Bộ	1

	- Kiểu bơm: Air lift		
	- Công suất: tùy chỉnh		
	- Phụ kiện lắp đặt		
4	**Bể lắng sinh học**		
*	Bơm hóa lý	Bộ	1
	- Lưu lượng: 4-6m^3/h		
	- Công suất: 1 HP - 380v, 50Hz		
	- Phụ kiện lắp đặt		
5	**Bể ổn định**		
*	Bơm hóa lý	Bộ	2
	- Lưu lượng: 6-8m^3/h		
	- Công suất: 1,5 HP - 380v, 50Hz		
	- Phụ kiện lắp đặt, dây xích inox SUS 304 kéo bơm		
6	**Cụm Bể điều chỉnh pH – keo tụ – tạo bông**		
*	Bơm định lượng	Bộ	3
	- 3phase 380V /50Hz / 40W		
	- 61,5 L/hr		
	- 5 Bar		
*	Bộ khuấy trộn phản ứng	Bộ	3
	- Electric 3 phase / 380V / 50Hz		
	- Motor giảm tố: 0,75KW		
	- Trục khuấy Inox 304		
7	**Bồn lọc áp lực**		
*	Bơm lọc áp	Bộ	2
	- Lưu lượng: 9m3/h; cột áp: 25m		
	- Công suất: 3HP - 380v, 50Hz		
	- Phụ kiện		
8	**Bể khử trùng**		
*	Bơm định lượng	Bộ	1
	- 3phase 380V /50Hz / 40W		
	- Max Capacity: 61,5 L/hr		
	- Max Pressure: 5 Bar		

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

- **Hóa chất sử dụng:**

Bảng 3.10. Bảng tính hóa chất sử dụng cho HTXL nước thải tập trung, công suất 50 m^3/ngày.đêm.

TT	Tên hóa chất	Trạng thái	Quy cách đóng gói	Định mức (g/m^3)	Khối lượng (kg/ngày)
1	NaOH	Lỏng	Thùng 25 lít	1	0,05
2	PAC	Rắn	Bao 25kg	50	2,5

3	Polymer	Rắn	Bao 25kg	1	0,05
4	Chlorine	Lỏng	Thùng 25 lít	4	0,2

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Đánh giá khả năng đáp ứng của HTXLNT:

Theo như thực tế thì HTXLNT tập trung của cơ sở là 50 m^3/ngày.đêm. Tổng lượng nước thải phát sinh là 44,25 m^3/ngày < 50 m^3/ngày. Bên cạnh đó, căn cứ vào quá trình giám sát, phân tích đo đạc cho thấy chất lượng nước thải đầu ra luôn đạt tiêu chuẩn cho phép. Kết quả phân tích như sau:

Bảng 3.11. Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước thải hiện hữu.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả năm 2023				QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q = 0,9; K_f =1,1)
			Lần 1 (05/04/ 2023)	Lần 2 (29/06/ 2023)	Lần 3 (04/09/ 2023)	Lần 4 (14/11/ 2023)	
1	pH	mg/l	7,15	7,07	7,28	7,05	**6 – 9**
2	TSS	mg/l	33,86	29,70	32,67	28,71	**49,5**
3	COD	mg/l	55,44	58,41	63,36	56,43	**74,25**
4	BOD	mg/l	27,03	22,77	24,75	20,79	**29,7**
5	Tổng Nitơ	mg/l	13,86	16,34	17,72	15,44	**19,8**
6	Tổng Phospho	mg/l	0,96	2,08	2,29	2,06	**3,96**
7	Coliform	mg/l	1.700	2.600	2.800	2.400	**3.000**

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2023.

Nhận xét và đánh giá: Qua kết quả phân tích nước thải sau xử lý qua các quý cho thấy nước thải sau xử lý các chỉ tiêu có trong nước thải đều đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A (K_q=0,9; K_f=1,1) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Điều này chứng tỏ, hệ thống xử lý nước thải đang vận hành đạt hiệu quả, nhà máy tiếp tục vận hành công trình xử lý nước thải tập trung, 50 m^3/ngày.đêm để xử lý các chất ô nhiễm đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Quy trình vận hành HTXLNT:

a/ Kiểm tra trước khi vận hành:

- Kiểm tra lượng hóa chất sử dụng:

Kiểm tra mực hóa chất ở bồn chứa. Đảm bảo mực nước tối thiểu để vận hành không được nhỏ hơn 1/4 chiều cao bồn chứa

- Kiểm tra thiết bị:

Trước khi bật máy cũng như sau khi máy đã hoạt động cần kiểm tra tình trạng của tất cả các thiết bị. Sau khi hệ thống hoạt động liên tục, ổn định cần kiểm tra lại tình trạng của các thiết bị, máy móc sau mỗi ngày, chú ý những hiện tượng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của chúng.

Bảng 3.12. Các chi tiết cần kiểm tra thiết bị, máy móc trước khi vận hành.

TT	Thiết bị	Công việc kiểm tra
1	Bơm nước thải	- Nguồn điện cấp vào bơm. - Tín hiệu truyền về Hệ thống điều khiển tự động (HT ĐKTĐ). - Chiều quay của bơm.

		- Hoạt động của bơm theo phao hoặc chương trình điều khiển tự động. - Lưu lượng bơm khi hoạt động. - Độ rung, tiếng ồn khi hoạt động. - Rò rỉ tại các mối hàn, khớp nối, van, … - Các van (độ mở). - Hoạt động (có nước/bùn).
2	Bơm định lượng	- Nguồn điện cấp vào bơm. - Các van (độ mở). - Hoạt động (có hóa chất). - Liều lượng (vị trí điều chỉnh).
3	Phao mực nước	- Khả năng đóng/mở tiếp điểm. - Chế độ đóng/mở bơm.
4	Máy thổi khí	- Nguồn điện cấp vào máy. - Tín hiệu truyền về HT ĐKTĐ. - Hoạt động của máy theo chương trình điều khiển tự động. - Độ rung, tiếng ồn khi hoạt động. - Rò rỉ tại các mối hàn, khớp nối, van. - Dây coroa (mức độ giãn). - Lọc khí (mức độ sạch). - Bulông (mức siết chặt). - Mực dầu bôi trơn (thêm dầu nếu dầu cạn, không được châm dầu đầy vì có thể gây nổ máy). - Xả nước ngưng. - Thử van an toàn.
5	Hệ thống phân phối và khuếch tán khí bể điều hòa và sục khí	- Khả năng phân phối khí trên bề mặt bể ở tất cả các vị trí. - Bọt khí (độ đồng đều). - Các van điều chỉnh tốc độ khí.
6	Motor khuấy	- Nguồn điện cấp vào máy khuấy. - Tín hiệu truyền về Hệ thống điều khiển tự động (HT ĐKTĐ) - Độ rung, tiếng ồn khi hoạt động. - Các phụ tùng, linh kiện hao mòn. - Chiều quay của motor.
7	Bồn chứa hóa chất	- Lượng cặn đóng dưới đáy bồn. - Lượng hóa chất trong bồn. - Mối nối từ bồn vào các thiết bị khác như: bơm, van, ống thông khí, …
8	Tủ điện điều khiển	- Hiển thị và hoạt động.

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

- Kiểm tra hệ thống điện cung cấp:

+ Kiểm tra về điện áp: đủ áp (380V), đủ pha (3 pha). Nếu không đủ điều kiện vận hành: mất pha, thiếu hoặc dư áp, thì không nên hoạt động hệ thống vì lúc này các thiết bị

sẽ dễ xảy ra sự cố.

+ Kiểm tra trạng thái làm việc của các công tắc, MCB, MCCB. Tất cả các thiết bị phải ở trạng thái sẵn sàng làm việc.

Các ký hiệu bên trong tủ điện:

- ON, OFF – Đóng, mở nguồn cung cấp cho tủ điện khiều khiển.
- AUTO, MAN – Chế độ điều khiển tự động và bằng tay.
- Đèn của máy nào trên tủ điện sáng thì máy đó đang hoạt động.

+ Đèn báo màu xanh : Mở máy.

+Đèn báo màu đỏ : Máy bị sự cố.

b/ Các thông số cần kiểm soát khi vận hành:

Bảng 3.13. Kiểm soát xử lý cơ học.

TT	Thông số kiểm tra	Biện pháp thực hiện	Biện pháp khắc phục
1	Lưu lượng, vận tốc dòng thải đi vào	- Sử dụng đồng hồ đo lưu lượng. - Sử dụng phương pháp thủ công: đo thể tích, thời gian hoặc tra đường đặc tuyến bơm.	- Điều chỉnh van để tăng giảm lưu lượng.

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Bảng 3.14. Kiểm soát xử lý sinh học.

TT	Thông số kiểm tra	Biện pháp thực hiện	Biện pháp khắc phục
1	Tính chất nước thải đầu vào	- Đo COD, BOD_5, SS, pH,…và so sánh với thông số thiết kế.	- Điều chỉnh lại các công đoạn xử lý phía trước. - Khi có sự thay đổi các thông số vượt quá 10% thông số thiết kế, cần thực hiện điều chỉnh lại các công đoạn xử lý liên quan.
2	Giá trị pH: - pH = 6.5 – 8.0: cần duy trì cho vi sinh hiếu khí hoạt động tốt. - pH < 6.5: tăng sự phát triển của vi sinh vật dạng nấm, giảm khả năng phân hủy chất ô nhiễm. - pH > 8.0: giảm khả năng phân hủy chất ô nhiễm.	- Đo kiểm tra lại bằng giấy quỳ hoặc máy pH cầm tay (nếu có).	- Kiểm tra chương trình ĐKTĐ.
3	Tỉ lệ dinh dưỡng COD (BOD):N:P là 150 (100):5:1	- Thực hiện thí nghiệm đo COD. - Kiểm tra quy trình xả thải/tiếp nhận nước thải.	- Châm dinh dưỡng, bổ sung bằng rỉ đường, Glucose hoặc Methanol bằng cách thủ công theo liều lượng tính toán (nếu cần).

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu:

Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển, quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu

là nguồn phân tán và khó có thể thu gom, xử lý. Do vậy, để hạn chế nguồn ô nhiễm này Công ty đã thực hiện một số các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Thường xuyên quét dọn, thu gom lượng bụi phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Bố trí lượng xe ra, vào Công ty hợp lý, tránh trường hợp nhiều xe cùng tập trung cùng thời điểm để giảm bụi, ồn và khí thải phát sinh.
- Thường xuyên kiểm tra, tiến hành bảo dưỡng, tra dầu mỡ cho các phương tiện vận chuyển trong nhà máy.
- Bê tông hóa hoặc nhựa hóa toàn bộ các tuyến đường giao thông trong khu vực.
- Đảm bảo diện tích cây xanh đúng theo quy hoạch trong khu vực nhà máy. Cây xanh có vai trò quan trọng trong việc điều hòa vi khí hậu, giúp hấp thụ các thông số ô nhiễm không khí phát sinh. Đồng thời cây xanh còn cho bóng mát, tạo vẻ đẹp cảnh quan cho khu vực.
- Thực hiện phun xịt nước tại các tuyến giao thông nội bộ, bảo đảm độ ẩm và cải thiện điều kiện vi khí hậu tại khu vực nhà máy. Biện pháp này cần được thực hiện thường xuyên (khoảng 1-2 lần/ngày).
- Quy định cho các phương tiện ra vào khu vực bãi đỗ xe của nhà máy phải giảm tốc độ và không được bấm còi gây ồn cho khu vực.
- Thường xuyên quét dọn đường, khuôn viên cơ sở.

Nguồn gây tác động này là phân tán và di động nên rất khó kiểm soát. Tuy nhiên, với việc thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu như trên góp phần hiệu quả trong việc hạn chế bụi, khí thải phát sinh trong quá trình vận hành, đảm bảo chất lượng môi trường không khí tại khu vực cơ sở và khu vực xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

2.2. Giảm thiểu bụi gỗ phát sinh khu vực kho chứa và bốc dỡ gỗ:

Các biện pháp đã được áp dụng đối với nguồn gây ô nhiễm này như sau:

- Trong khâu bốc dỡ, vận chuyển nguyên liệu và thành phẩm, bụi phát sinh từ công đoạn này rất khó kiểm soát. Để bảo vệ sức khoẻ công nhân, Công ty đã trang bị áo quần bảo hộ và khẩu trang đúng quy cách lao động.
- Kho bãi được làm nền bằng bê tông có mái che tránh nước mưa và tường bao quanh để tránh bụi phát tán vào môi trường xung quanh. Áp dụng chế độ quản lý, sử dụng kho bãi khoa học sao cho ít gây ô nhiễm nhất đến các khu vực xung quanh.
- Nhà kho đã được bố trí nhiều cửa ra vào và nhiều cửa số để thông thoáng. Không khí được trao đổi liên tục, thông thoáng nhờ hệ thống quạt thổi và thông gió tự nhiên qua cửa mái.
- Phun nước rửa đường xung quanh nhà kho, nhà xưởng, đường giao thông để giảm lượng bụi đất khô phát tán vào không khí trong những ngày nắng to, gió nhiều,...
- Công ty đã tiến hành sắp xếp, cách ly khu vực phát sinh bụi xa các bộ phận khác, có tính toán đến hướng gió chủ đạo hàng năm nhằm hạn chế tối đa tác hại của bụi đối với công nhân viên của nhà máy và cả người dân xung quanh khu vực.
- Vào cuối mỗi ca sản xuất, công nhân tiến hành thu gom bụi phát sinh về khu vực chứa bụi có tường bao, mái che nhằm tránh phát tán ra môi trường xung quanh.
- Khu vực chứa bụi được thiết kế cách xa với các khu vực sản xuất khác. Bên cạnh đó, khu vực này được thiết kế kín tránh bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

- Ngoài ra, Công ty cũng đã sử dụng các thiết bị hút bụi di động để thu gom lượng bụi rơi vãi để hạn chế tối đa bụi phát tán vào không khí gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Trồng cây xanh đạt 20% diện tích nhằm hạn chế nồng độ bụi gây phát tán ra môi trường lân cận.

2.3. Công trình xử lý bụi gỗ phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám:

- ***Số lượng:*** 01 hệ thống xử lý.
- ***Vị trí xây dựng:*** Bản vẽ đính kèm phụ lục.
- ***Chức năng công trình:*** Xử lý bụi gỗ phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám.
- ***Công nghệ xử lý:***

Bụi từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám dễ phát tán rộng ra môi trường xung quanh. Công ty áp dụng phương pháp xử lý bụi bằng phương pháp tách bụi khô bằng cyclone và lọc bụi túi vải để thu gom bụi phát sinh.

Sơ đồ quy trình xử lý hiện hữu như sau:

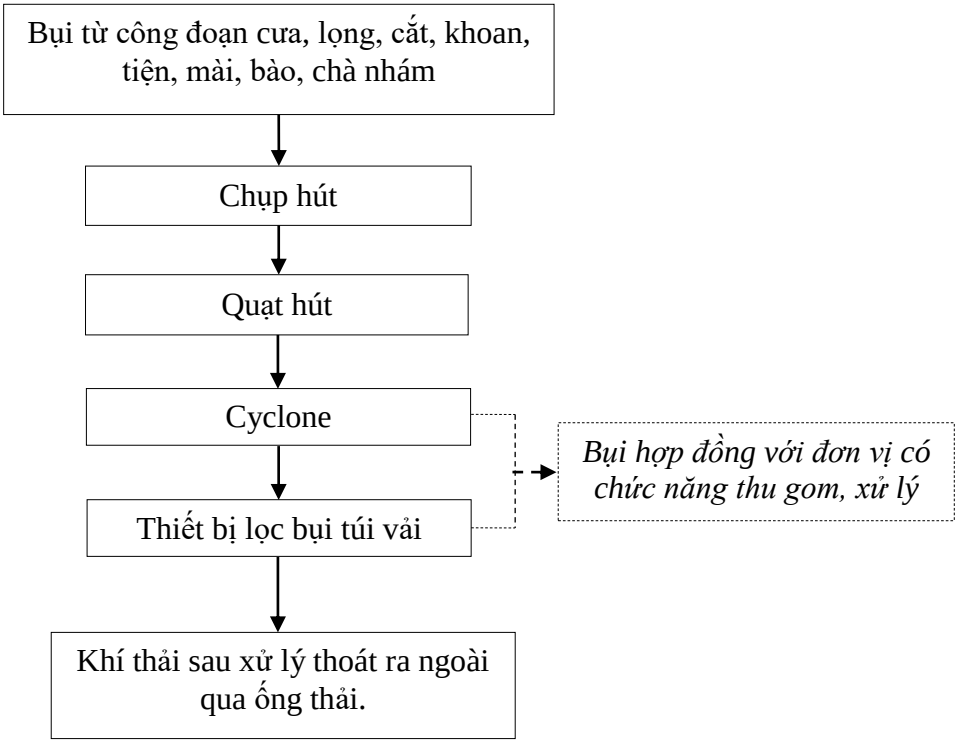

Hình 3.6. Sơ đồ công nghệ HTXL bụi phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám.

Hình ảnh hệ thống xử lý bụi gỗ:

Hình 3.7. Hình ảnh HTXL bụi gỗ.

<u>Thuyết minh quy trình xử lý:</u>

Bụi phát sinh từ các công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám tổng cộng 64 máy. Tất cả các máy móc này được bố trí thu gom bụi ngay tại nguồn phát sinh bằng cách bố trí các ống hút có đường kính D90mm-D150mm được gắn ngay vị trí phát sinh bụi. Các ống hút này sẽ được hút nhờ quạt hút sẽ hút bụi vào đường ống chính có đường kính D200-D400mm dẫn về HTXL bụi.

Công ty đã xây dựng 04 hệ thống thu hồi bụi Cyclone và 01 buồng chứa bụi chung cho tổng 04 cylone này.

Tại các Cyclone, không khí có chứa bụi được đưa vào phần trên của Cyclone bằng một đường ống lắp theo phương tiếp tuyến với vỏ ngoài hình trụ của Cyclone. Do vậy mà dòng không khí sẽ có hướng chuyển động xoắn ốc bên trong vỏ hình trụ và hạ dần về phía dưới. Khi gặp phần đáy hình phểu dòng khí sẽ bị đẩy ngược trở lên, trong khi đó nó vẫn giữ chuyển động xoắn ốc và thoát ra ngoài qua đường ống ở phía trên đỉnh của Cyclone. Trong quá trình chuyển động xoắn ốc, các hạt bụi chịu tác dụng của lực ly tâm làm cho chúng có xu hướng tiến dần về phía vỏ hình trụ hoặc đáy hình phểu rồi chạm vào thành của Cyclone và rơi xuống dưới. Ở đáy phểu của cyclone có lắp van xả bụi vào thiết bị thu bụi. Khi qua Cyclone, các hạt bụi có kích thước lớn bị tách ra và bị giữ lại ở đáy phễu của Cyclone.

Sau khi qua cyclone, không khí tiếp tục đưa về thiết bị lọc bụi túi vải. Hệ thống lọc bụi túi vải gồm nhiều túi vải liên kết và bản đáy đục lỗ tròn bằng đường kính túi vải hoặc lồng vào khung và cố định một đầu vào bản đục lỗ. Khí cần lọc được đưa vào phễu chứa bụi rồi theo các túi vải đi từ trong ra ngoài hoặc từ ngoài vào trong. Khí thải sau xử lý thoát ra ngoài qua ống thải có đường kính 800mm, cao 7m.

Để hiệu suất lọc bụi cao, vải lọc phải thỏa mãn các điều kiện sau đây:

+ Khả năng chứa bụi cao và ngay sau khi phục hồi bảo đảm hiệu quả lọc cao.
+ Giữ được khả năng cho khí xuyên qua tối ưu.
+ Độ bền cơ học cao khi nhiệt độ cao và môi trường ăn mòn.

+ Có khả năng được phục hồi.

Hiệu quả xử lý bụi tùy thuộc vào cấu tạo của vải lọc có thể đạt khoảng 95% kể cả bụi có kích thước từ 5 - 10µm.

Khi qua Cyclone, các hạt bụi có kích thước lớn bị tách ra và bị giữ lại ở đáy phễu của Cyclone, dòng khí sạch ra khỏi Cyclone và phát tán ra môi trường qua ống thải.

➢ ***Thông số kỹ thuật HTXL bụi gỗ:***

Bảng 3.15. Thông số kỹ thuật HTXL bụi gỗ phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám.

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tình trạng
1	Máy cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám,…		Máy	64	80%
2	Hệ thống ống hút thu gom tại máy	- Đường kính: D90-D150mm. - Chiều dài: 34 ống x 3m = 30m. - Vật liệu: Tôn mạ kẽm, ống ruột gà PP, PVC,..	HT	64	80%
3	Hệ thống đường ống thu gom chính	- Kích thước: D200-D600mm. - Vật liệu: Tôn mạ kẽm. - Phụ kiện: co, nối,..	HT	3	80%
4	Quạt hút	- Quạt hút ly tâm. - Lưu lượng: 50.000 m^3/giờ/quạt.	Cái	1	80%
5	Cyclone	- Kích thước: D×H (mm) = 1,8m × 4,31m. - Vật liệu: Thép CT3.	Cái	4	80%
6	Hệ thống lọc bụi túi vải.	- Kích thước: (L×W×H) = 3,6m × 1,2m × 1,5m. - Vật liệu: Tôn mạ kẽm/Thép CT3.	HT	1	
7	Túi vải	- Kích thước: D×L = 200mm × 1,2m. - Vật liệu: Vải lọc tổng hợp ALBANY - 350s (Hàn Quốc). - Khối lượng bụi: 30 kg/tháng (360 kg/năm). - Tần suất thu gom bụi: 01 tháng/lần.	Túi	44	
8	Ống thải	- Đường kính: D800mm, cao 7m (tính từ mặt đất). - Vật liệu: Thép CT3.	Ống	1	80%
9	Buồng chứa bụi chung	- Kích thước: L×W×H = 9m × 2,8m × 5m. - Số lượng: 01 buồng. - Vật liệu: Tường, xây gạch. - Khối lượng bụi: 50 kg/tháng (600 kg/năm) - Tần suất thu gom bụi: 01 tháng/lần.	Buồng	1	80%

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Đánh giá khả năng đáp ứng của hệ thống xử lý:

Theo như số liệu quan trắc định kỳ hằng quý của Công ty cho thấy. Hệ thống xử lý

bụi gỗ hiện tại đang hoạt động hiệu quả. Để có số liệu tham chiếu cho hiệu quả hoạt động của các hệ thống xử lý bụi này. Hằng quý Công ty đã tiến hành đo đạc, giám sát chất lượng bụi sau hệ thống xử lý. Kết quả phân tích như sau:

Bảng 3.16. Kết quả đo đạc nồng độ bụi sau HTXL bụi gỗ phát sinh từ các công đoạn tạo phôi (cưa, lọng, cắt, khoan) và công đoạn định hình (tiện, mài, bào,…), chà nhám.

TT	Nguồn thải	Kết quả phân tích	
		Lưu lượng (m^3/h)	Bụi (mg/m^3)
1	Ống thải sau công trình xử lý bụi phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám	1.804	33
	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B	**$C_{max}=CxK_pxK_v$ với $K_p=1$ và $K_v=1$**	**200**

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Nhận xét và đánh giá:

Trên thực tế hiện nay, các hệ thống xử lý bụi tại công đoạn nay đang vận hành hiệu quả, Công ty luôn luôn thực hiện đúng các quá trình thu gom, xử lý bụi phát sinh. Do đó, Công ty sẽ giữ nguyên các công trình hiện hữu, tiếp tục vận hành hệ thống xử lý nhằm xử lý bụi phát sinh ra môi trường.

2.4. Phương án thu gom, xử lý bụi tại buồng chứa bụi gỗ:

Công ty đã áp dụng biện pháp thu gom, xử lý bụi gỗ phát sinh từ buồng chứa bụi gỗ như sau:

- Khối lượng bụi phát sinh:
- Định kỳ khi buồng chứa bụi đầy, khoảng 01 tuần/lần, Công ty đã hợp đồng với các đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý theo đúng quy định.
- Bố trí xe ra vào khi đến thu gom, xử lý vào khoảng thời gian thích hợp. Công ty bố trí vào cuối tuần, lúc Công ty không sản xuất nhằm tránh gây ảnh hưởng đến công nhân sản xuất. Do xung quanh Công ty chủ yếu là các công ty sản xuất, chỉ có một vài hộ dân ở xa do đó, quá trình thu gom bụi tại công đoạn này hạn chế ảnh hưởng rất nhiều đến người dân xung quanh.
- Khi tiến hành thu gom bụi, công nhân tiến hành dùng bạt che chắn xung quanh khu vực thu gom, tránh phát tán bụi ra xung quanh.
- Kết thúc quá trình thu gom, bụi được đơn vị thu gom mang đi trực tiếp và không lưu chứa tại nhà chứa chất thải.

2.5. Giảm thiểu bụi sơn và hơi dung môi tại 18 buồng phun sơn màng nước:

➢ ***Tại khu vực pha sơn:***

- Công ty đã bố trí khu vực pha sơn được tách riêng biệt với các khu vực khác, khu vực này được xây dựng kín, có tường bao, mái che.

- Công nhân làm việc tại khu vực này đều được trang bị khẩu trang (loại có lớp than lọc hấp thu hơi dung môi). Công ty tăng cường kiểm tra nghiêm ngặt công tác thực hiện, tránh trường hợp công nhân được trang bị nhưng không thực hiện.

- Các công nhân được hướng dẫn cách pha sơn đúng phương pháp, đúng thao tác nhằm giảm thiểu sự thất thoát hơi dung môi.

➢ ***Tại khu vực để khô sản phẩm tự nhiên:***

- Công ty đã bố trí khu vực băng chuyền để khô sản phẩm sau khi phun sơn được

tách riêng biệt với các khu vực khác, khu vực này được xây dựng kín, có tường bao, mái che xung quanh.

- Công nhân làm việc tại khu vực này được trang bị khẩu trang (loại có lớp than lọc hấp thu hơi dung môi). Công ty tăng cường kiểm tra nghiêm ngặt công tác thực hiện, tránh trường hợp công nhân được trang bị nhưng không thực hiện.

- Đảm bảo diện tích cây xanh đúng theo quy hoạch trong khu vực nhà máy. Cây xanh có vai trò quan trọng trong việc điều hòa vi khí hậu, giúp hấp thụ các chất ô nhiễm không khí phát sinh. Đồng thời cây xanh còn cho bóng mát, tạo vẻ đẹp cảnh quan.

➢ ***Tại khu vực phun sơn của 18 buồng phun sơn màng nước:***

- Công ty đã lắp đặt 18 buồng phun sơn màng nước, tách riêng với các khu vực sản xuất khác, thuận tiện trong công tác thu gom và xử lý.

- Điều chỉnh các súng phun sơn, tạo vận tốc khoảng 2 m/s để sơn được phun ra và bám phần lớn trên sản phẩm, hạn chế bụi sơn thừa phát tán ra môi trường không khí đồng thời tiết kiệm tối đa lượng sơn sử dụng.

- Công ty đã lắp đặt 18 bể nước cho từng buồng sơn để hấp thụ bụi sơn.

- Lắp đặt đường ống dẫn hơi dung môi về bộ lọc than hoạt tính để xử lý sau đó được phát tán ra ngoài không khí qua ống xả.

- Trang bị khẩu trang cho các công nhân khi thao tác phun sơn.

Quy trình xử lý như sau:

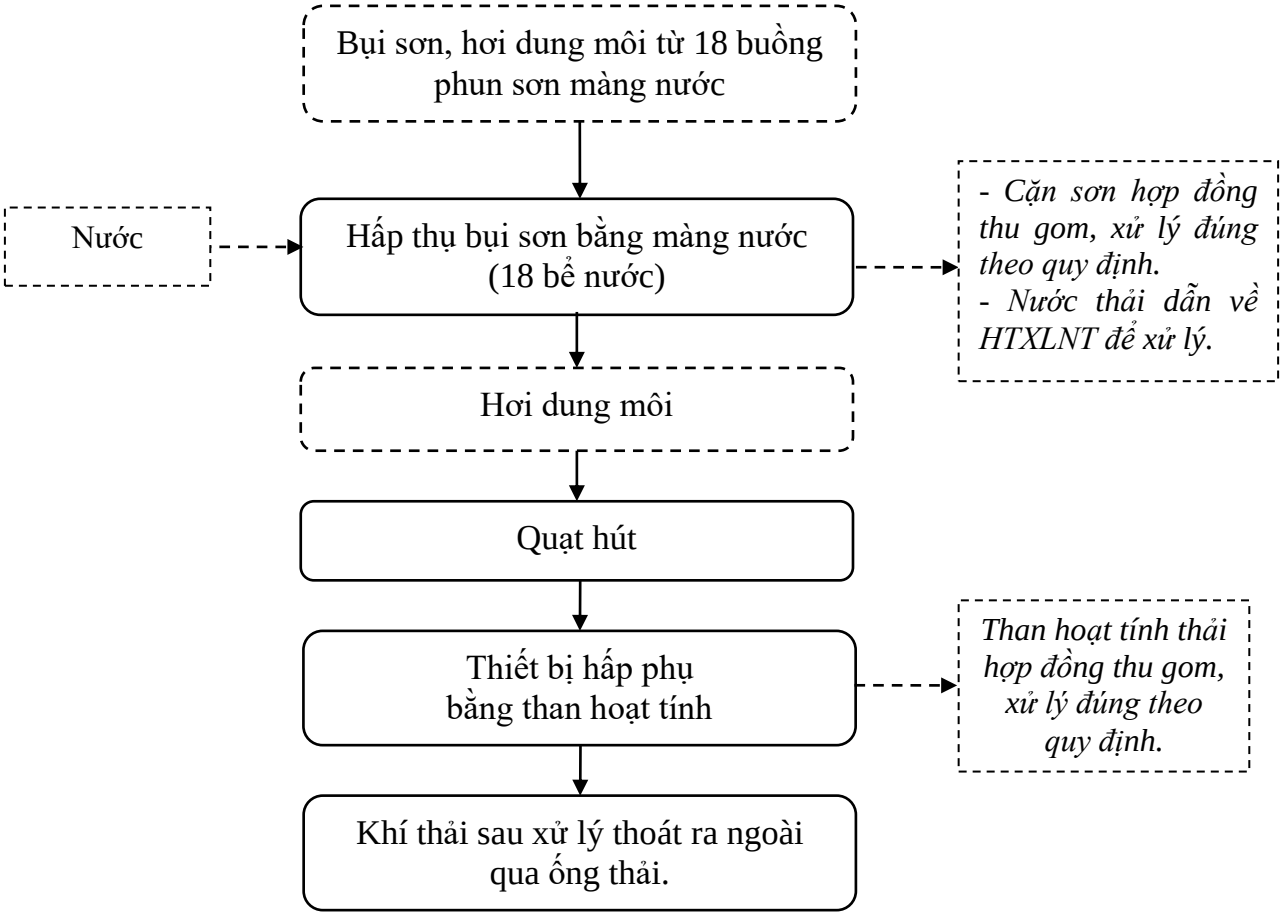

Hình 3.8. Quy trình xử lý bụi sơn, hơi dung môi từ 18 buồng phun sơn màng nước.

Hình 3.9. Hình ảnh buồng phun sơn màng nước.

Thuyết minh quy trình xử lý:

Như đã trình bày ở trên, Công ty trang bị 18 buồng phun sơn có dung tích bể nước như sau:

Bảng 3.17. Kích thước các bể nước của buồng phun sơn ướt sử lý bụi sơn.

TT	Loại chuyền phun sơn	Kích thước bể nước	Số lượng bể nước (bể)
1	Buồng phun sơn màng nước (9m×3,4m×2m)	9m×3,4m×0,16m	9
2	Buồng phun sơn màng nước (6,2m×2,2m×2,75m)	6,2m×2,2m×0,16m	9
	Tổng cộng		**18**

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Các công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi sẽ được lắp đặt riêng biệt với các dây chuyền sơn. Nhà cung ứng, xây dựng hệ thống xử lý bụi sơn, hơi dung môi môi sẽ chịu trách nhiệm trong quá trình thi công, xử lý nhằm đảm bảo các chất gây ô nhiễm đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Công ty lắp đặt tổng cộng 18 bể nước để hấp thụ bụi sơn. Nguyên lý hoạt động của thiết bị này là tạo một màng nước liên tục, tuần hoàn để hấp thụ bụi sơn ngay tại nguồn phát sinh, bụi sơn sẽ bám vào màng nước và chảy xuống máng chứa. Hơi dung môi phát tán qua ống khói nhờ quạt hút, nước làm màng một phần được tuần hoàn và một phần được châm mới. Sau đó hơi dung môi tiếp tục được xử lý qua bộ lọc khí bằng than hoạt tính trước khi thải ra môi trường xung quanh. Công ty lắp đặt tất cả 45 bộ thiết bị lọc than hoạt tính để xử lý cho 45 ống thải trên mỗi buồng phun sơn. Hiệu quả xử lý của thiết bị này trên 95%. Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý sẽ đạt tiêu chuẩn môi trường quy định QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2011/BTNMT.

- ***Thông số kỹ thuật HTXL:***

Bảng 3.18. Thông số kỹ thuật HTXL bụi sơn, hơi dung môi phát sinh từ 18 buồng phun sơn màng nước.

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tình trạng
1	Buồng sơn màng nước	- Kích thước buồng sơn: 9m×3,4m×2m. - Kích thước bể nước: 9m×3,4m×0,16m.	Buồng	9	80%
2	Buồng sơn	- Kích thước buồng sơn: 6,2m×2,2m×2,75m.	Buồng	9	80%

	màng nước	- Kích thước bể nước: 6,2m×2,2m×0,16m.			
4	Ống hút	- Đường kính: D800mm. - Vật liệu: Tôn mạ kẽm.	Ống	45	80%
5	Quạt hút	- Quạt hút ly tâm. - Lưu lượng: 16.000 m^3/giờ. - Vận tốc: 3 m/s	Cái	45	80%
6	Thiết bị hấp phụ than hoạt tính	- Kích thước bộ lọc than hoạt tính: (DxH = 0,8m x 1,0m). - Vật liệu tiếp xúc: Lưới inox SUS 304. - Than hoạt tính: + Đường kính hạt = 4 - 6mm. + Số lớp vật liệu: 1 lớp. + Chiều cao lớp than: 0,3m. + Khối lượng riêng đổ đống của than: 450 kg/m^3. + Khối lượng than: 30 kg/hệ thống. Tổng cộng khối lượng than cho 45 hệ thống là 1.350 kg/lần (tương đương 8.100 kg/năm). + Thời gian thay than: 2 tháng/lần.	Bộ	45	80%
7	Ống thải	- Đường kính: D800mm, cao 10m (tính từ mặt đất). - Vật liệu: Thép CT3.	Ống	45	80%

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Đánh giá khả năng đáp ứng của HTXL bụi sơn và hơi dung môi:

Theo như đánh giá tải lượng, nồng độ phát sinh bụi tại phần trên cũng như các số liệu quan trắc định kỳ hằng quý của Công ty cho thấy. Các hệ thống thu gom xử lý bụi sơn và hơi dung môi hiện tại đang hoạt động hiệu quả. Để có số liệu tham chiếu cho hiệu quả hoạt động của các hệ thống xử lý bụi sơn và hơi dung môi này. Hằng quý Công ty đã tiến hành đo đạc, giám sát chất lượng bụi sơn và hơi dung môi sau hệ thống xử lý. Kết quả phân tích như sau:

Bảng 3.20. Kết quả phân tích bụi sơn và hơi dung môi tại các buồng phun sơn.

TT	Chỉ tiêu	Ngày lấy mẫu	Kết quả phân tích						
			Lưu lượng (m^3/h)	NO_x	CO	SO_2	Bụi	Toluen	Acetone
				(mg/m^3)					
1	Ống thải sau công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi	28/03/2024	2.690	10,2	10,2	8,89	31,7	4,93	KPH
2	Ống thải sau công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi	01/06/2024	2.905	4,82	11,6	2,89	30,1	12,5	KPH
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B			-	**850**	**1.000**	**500**	**200**	-	-
QCVN 20:2009/BTNMT			-	-	-	-	-	**750**	-

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Nhận xét và đánh giá:

Trên thực tế hiện nay, các hệ thống xử lý bụi sơn và hơi dung môi tại công đoạn này đang vận hành hiệu quả, Công ty luôn luôn thực hiện đúng các quá trình thu gom, xử lý khí thải phát sinh đúng theo quy định. Do đó, Công ty sẽ giữ nguyên các công trình hiện hữu, tiếp tục vận hành các hệ thống xử lý hiện hữu nhằm xử lý bụi sơn và hơi dung môi theo đúng quy định.

2.6. Giảm thiểu hơi dung môi tại khu vực sơn dặm:

- ***Số lượng:*** 03 hệ thống xử lý.
- ***Vị trí xây dựng:*** Bản vẽ đính kèm phụ lục.
- ***Chức năng công trình:*** Xử lý hơi dung môi cho 03 bàn sơn dặm bằng cọ, rulo.

Quy trình công nghệ xử lý hơi dung môi như sau:

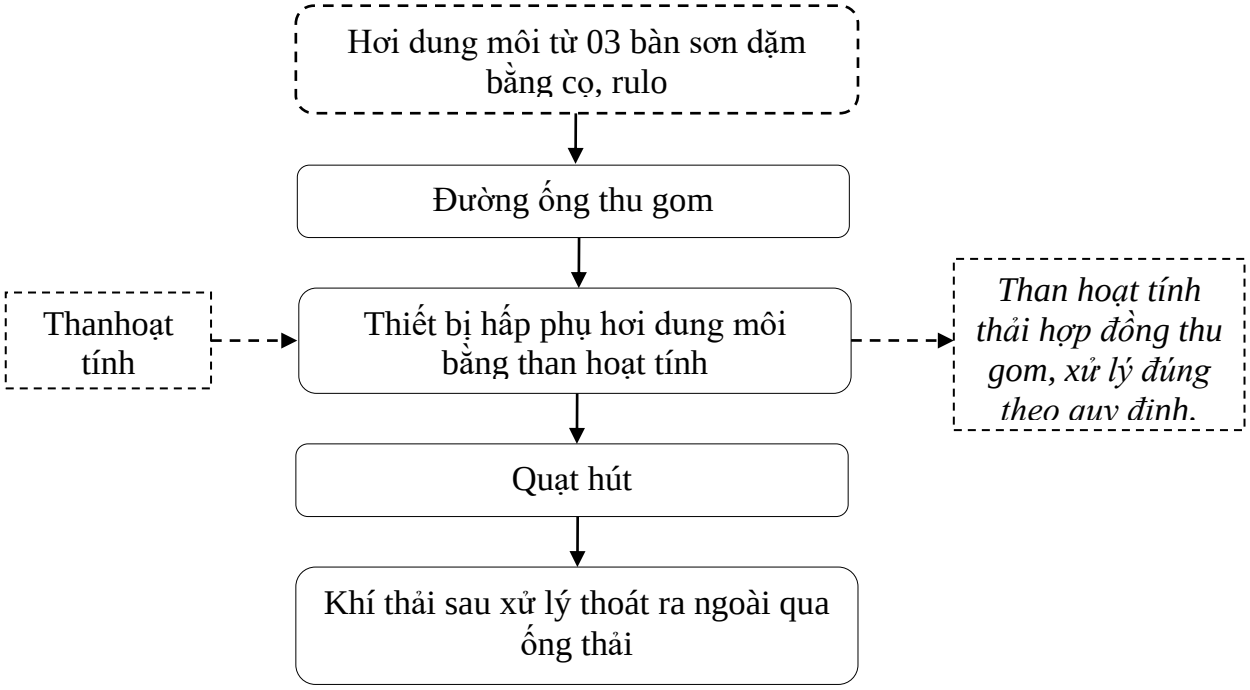

Hình 3.10. Quy trình xử lý hơi dung môi từ 03 bàn sơn dặm bằng cọ, rulo.

Thuyết minh quy trình xử lý:

Như đã trình bày ở trên, Công ty trang bị 03 bàn sơn dặm bằng cọ, rulo. Tại khu vực sơn dặm này, hơi dung môi sẽ được thu gom bằng các chụp hút dẫn về đường ống D800mm. Công ty lắp đặt 03 HTXL hơi dung môi, công nghệ áp dụng là hấp phụ bằng than hoạt tính.

Khí thải chứa hơi dung môi được dẫn theo đường ống thu gom đi vào trong thiết bị hấp phụ than hoạt tính để xử lý. Khí thải qua thiết bị hấp phụ sẽ được hút qua quạt ly tâm và thải qua ống thải cao 10m. Hiệu quả xử lý của thiết bị này trên 95%. Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý sẽ đạt tiêu chuẩn môi trường quy định QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

- ***Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý:***

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tình trạng
1	Chụp hút thu gom	- Kích thước: L×W×H = 4,17m×3,8m×0,5m. - Vật liệu: Thép CT3/Tôn mạ kẽm. - Phụ kiện: co, nối,..	Chụp	3	80%
2	Hệ thống đường ống thu gom	- Đường kính: D800mm. - Vật liệu: Thép CT3/Tôn mạ kẽm. - Phụ kiện: co, nối,..	Hệ thống	3	80%
3	Quạt hút	- Quạt hút ly tâm truyền động gián tiếp. - Lưu lượng: 16.000m^3/giờ.	Cái	3	80%
4	Thiết bị hấp phụ than hoạt	- Kích thước bộ lọc than hoạt tính: (DxH = 0,8m x 1,0m). - Vật liệu tiếp xúc: Lưới inox SUS 304.	Bộ	3	80%

	tính	- Than hoạt tính: + Đường kính hạt = 4 - 6mm. + Số lớp vật liệu: 1 lớp. + Chiều cao lớp than: 0,3m. + Khối lượng riêng đổ đống của than: 450 kg/m^3. + Khối lượng than: 30 kg/hệ thống. Tổng cộng khối lượng than cho 3 hệ thống là 90 kg/lần (tương đương 540 kg/năm). + Thời gian thay than: 2 tháng/lần.			
5	Ống thải	- Đường kính: D800mm, cao 10m (tính từ mặt đất). - Vật liệu: Thép CT3.	Ống	3	80%

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

2.7. Giảm thiểu hơi keo phát sinh trong quá trình sản xuất:

Các chi tiết, phụ kiện được công nhân lắp ráp, dán lại với nhau bằng phương pháp thủ công. Bên cạnh đó, theo tính toán như tính toán thì tải lượng hơi dung môi phát sinh từ quá trình dán keo không nhiều và nồng độ thấp hơn rất nhiều so với tiêu chuẩn cho phép. Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu cụ thể như sau:

- Bố trí khu vực lắp ráp, dán keo riêng biệt.
- Công nhân lắp ráp dán keo đều được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động, khẩu trang theo đúng quy định.
- Thông gió tự nhiên và thông gió cưỡng bức nhà xưởng (dùng quạt).
- Các công nhân được hướng dẫn cách lắp ráp, dán đúng phương pháp, đúng thao tác nhằm giảm thiểu sự thất thoát keo dán.
- Công nhân làm việc tại khu vực này được trang bị khẩu trang (loại có lớp than lọc hấp thu hơi dung môi). Công ty tăng cường kiểm tra nghiêm ngặt công tác thực hiện, tránh trường hợp công nhân được trang bị nhưng không thực hiện.

2.8. Giảm thiểu khí thải lò hơi:

Nhằm đảm bảo khí thải đầu ra đạt tiêu chuẩn thải, Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải đồng thời phổ biến cho công nhân quy trình đốt, vận hành tại lò hơi đảm bảo nhiên liệu cháy hoàn toàn, hạn chế tối đa sự phát sinh bụi và khí ô nhiễm.

- *Quy trình vận hành tại lò hơi:*

Nhiên liệu chính trong quá trình vận hành lò hơi là củi gỗ. Để đảm bảo nhiên liệu cháy hoàn toàn, hạn chế tối đa sự phát sinh bụi và khí ô nhiễm, việc tổ chức tốt quá trình cháy trong buồng đốt là quan trọng nhất. Việc nhiên liệu cháy không hết vừa làm nồng độ khí ô nhiễm tăng cao, vừa làm tổn hao nhiên liệu, do đó Công ty dưới sự tư vấn của nhà cung cấp lò hơi đã hướng dẫn cụ thể cho nhân viên vận hành lò hơi để việc vận hành đúng kỹ thuật, để lò hơi đạt hiệu suất cao và tiết kiệm nhiên liệu.

- Quá trình mồi nhiên liệu cần tiến hành nhanh, cung cấp đủ nhiệt để giảm lượng khói đen do quá trình cháy không hoàn toàn. Tốc độ tăng nhiệt trung bình đạt khoảng 5^oC/phút.
- Duy trì nhiệt độ lò đốt từ 500^oC – 700^oC.
- Lò hơi cần che chắn buồng đốt để khí lạnh và gió bên ngoài ít gây ảnh hưởng tới

quá trình cháy.

- Cần chú ý quan sát không để lò hơi tắt và mồi lại trong khi đang vận hành hoặc cháy gần hết nhiên liệu mới tiếp thêm vì có thể nhiên liệu không kịp cháy liền giai đoạn sau đó dễ sinh khói.

- Giai đoạn cuối ngày sản xuất chú ý ước lượng để nhiên liệu cháy hết, nếu tắt lò hơi khi nhiên liệu còn cần tưới nước để dập tắt hoàn toàn tránh nguy cơ cháy nổ, hỏa hoạn và sinh khí ô nhiễm.

- *Biện pháp giảm thiểu CO:*

- Điều chỉnh chế độ đốt và kiểm soát quá trình đốt bằng lắp đặt bộ phận biến tần. Lò hơi Công ty dự kiến sử dụng là lò hơi được thiết kế hiện đại; mới 100% được mua từ Việt Nam; theo chế độ hoạt động là cấp liệu cơ khí, tự động cấp nước liên tục, tự động điều chỉnh công suất. Do đó việc điều chỉnh chế độ đốt và kiểm soát quá trình đốt khi lắp đặt bộ phận biến tần nhằm giảm thiểu khí CO rất dễ dàng.

- Điều chỉnh chế độ cấp liệu và cấp gió cho lò hơi ở tỷ lệ thích hợp.

- Đảm bảo không khí cần cho sự cháy của nhiên liệu: nhiên liệu cấp vào phải theo chỉ dẫn của nhà cung cấp lò hơi, tránh cho quá nhiều nhiên liệu trong buồng đốt dẫn tới quá trình cháy thiếu oxy, cháy không hoàn toàn sinh khói đen, khí ô nhiễm (CO).

- *Công nghệ xử lý:*

- Công ty đã trang bị 01 lò hơi có công suất 02 tấn hơi/giờ để phục vụ cho sản xuất. Vì vậy khi lò hơi hoạt động sẽ sản sinh ra một lượng khói bụi sinh ra trong quá trình đốt củi gỗ. Công ty đã xây dựng 01 hệ thống xử lý khí thải để xử lý khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 02 tấn hơi/giờ. Quy trình xử lý như sau:

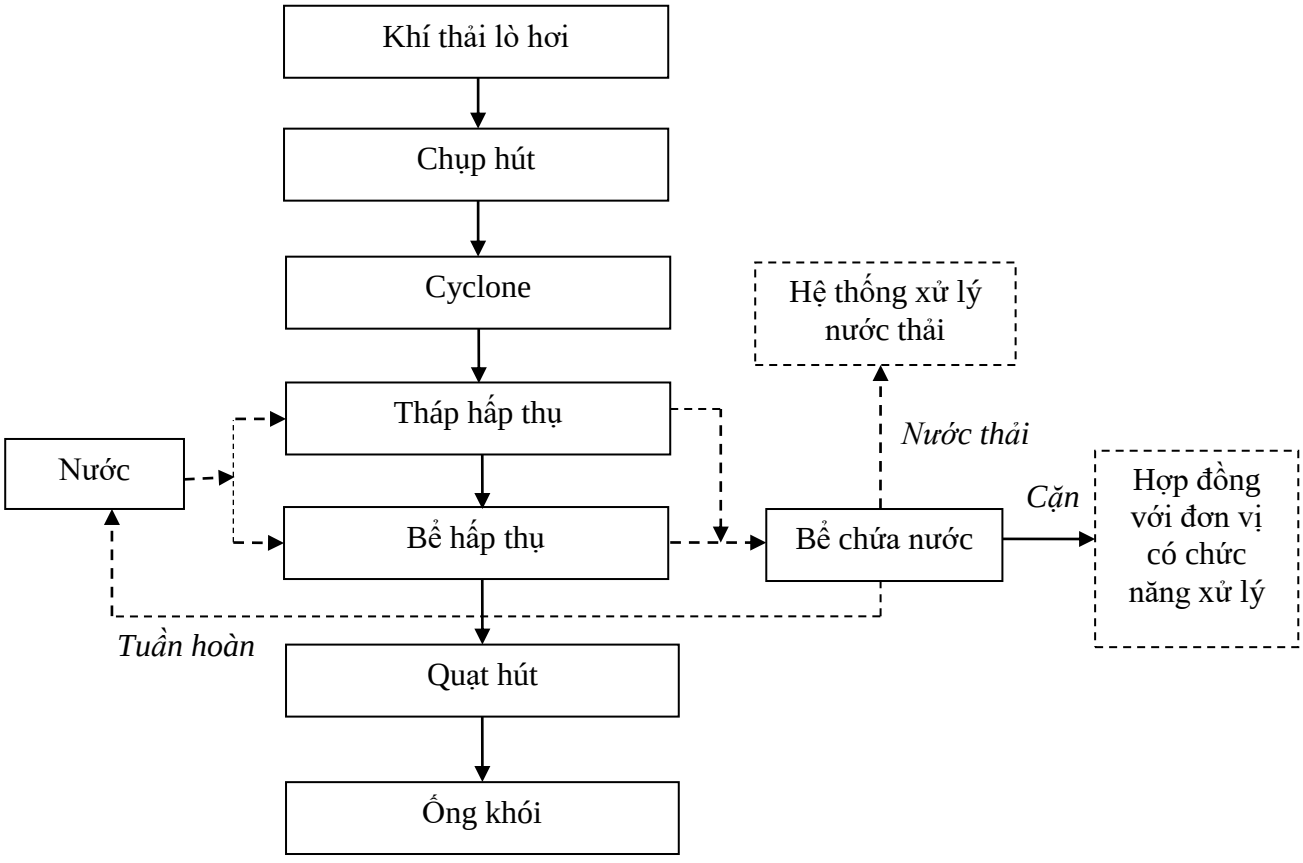

Hình 3.11. Sơ đồ quy trình xử lý khí thải lò hơi.

Hình ảnh hệ thống xử lý:

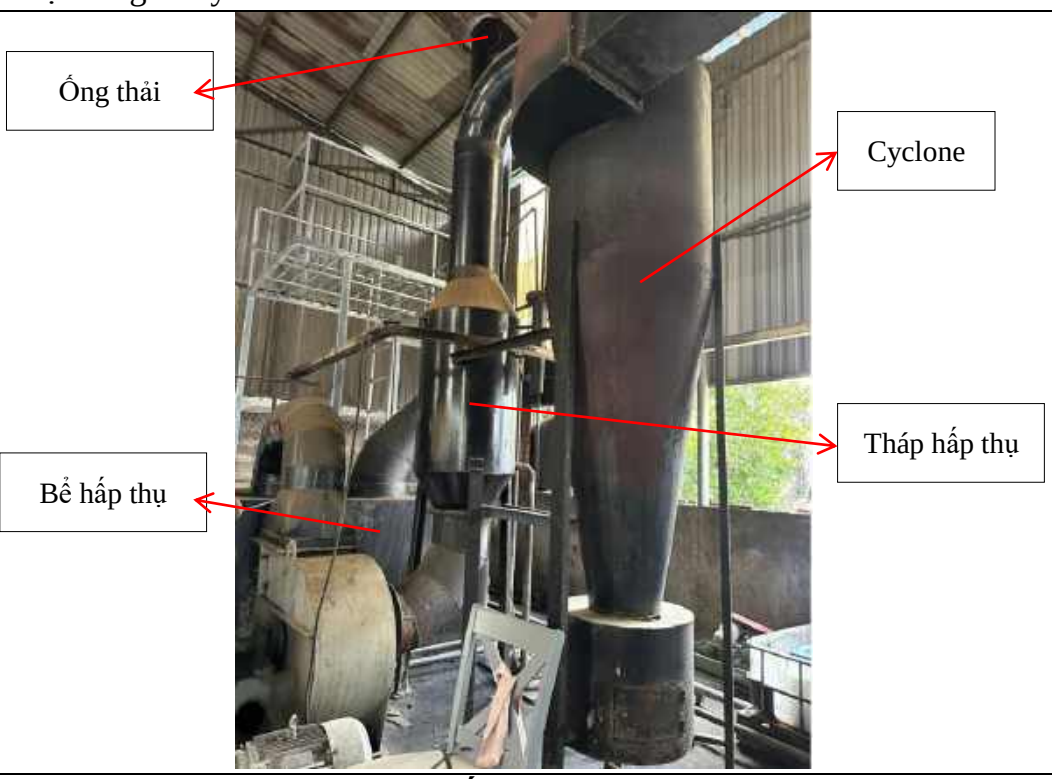

Hình ảnh hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

<u>Thuyết minh quy trình:</u>

Khí thải, tro bụi sinh ra trong quá trình đốt cháy nhiên liệu được dẫn theo đường ống thu gom về thiết bị lọc bụi ly tâm (cyclone), thiết bị được thiết kế theo dạng hình nón, lớn phía trên và thu nhỏ phần dưới. Hộp dẫn được đặt lệch sang 01 bên của lọc bụi, bên trong của lọc ly tâm được thiết kế thêm ống hình trụ rộng. Không khí lẫn bụi và khí độc được dẫn vào thiết bị xử lý cyclone theo phương tiếp tuyến với ống trụ và được cho chuyển động xoáy tròn hướng xuống dưới. Khi dòng khí gặp phễu sẽ bị đẩy ngược lên và chuyển động xoáy trong ống trụ của thiết bị. Trong quá trình này, dòng khí trong cyclone sẽ chuyển động liên tục và các hạt bụi dưới tác dụng của lực ly tâm sẽ va vào thành thiết bị, mất quán tính và rơi xuống dưới đáy của hệ thống và bị giữ lại tại phần đựng tro bụi của lọc bụi. Còn khí nóng thì sẽ được đi ngược lên phía trên theo ống trụ, theo dòng lưu thông của quạt hút.

Khí thải sau khi ra khỏi cyclone sẽ được dẫn qua tháp hấp thụ bằng nước. Tháp hấp thụ có dàn phun sương bên trong, và chứa nước phục vụ cho quá trình phun sương dùng để lọc hạt bụi nhỏ mà lọc ly tâm chưa xử lý được. Khí thải vừa được đưa vào tháp hấp thụ sẽ bị thổi trực tiếp xuống mặt nước. Dòng nước trong tháp hấp thụ sẽ là dòng tĩnh. Các hạt bụi sẽ bị giữ lại một phần trong nước, phần khí còn lại sẽ bị đẩy ngược lên phía trên hộp dẫn. Phần phun sương được làm từ các ống sắt, được đục các lỗ nhỏ. Khi nước được bơm vào các ống phun sương thì sẽ được tạo thành các hạt sương, phun trực tiếp vào dòng khí nóng đang lưu thông lên hộp dẫn. Khí nóng sau khi đi qua các hạt sương thì sẽ bị giữ lại các hạt bụi nhỏ, bụi này sẽ được giữ lại trong phần nước phía dưới và lắng cặn xuống đáy.

Phần khí thải sau đó tiếp tục được đưa qua bể hấp thụ bằng nước để tiếp tục xử lý các chất ô nhiễm. Khí thải sau khi đi qua bể hấp thụ được thoát ra ngoài môi trường theo ống thải.

Tro bụi trong khí thải cũng được tách khỏi dòng khí khi tiếp xúc với dung dịch hấp thụ trong tháp hấp thụ và trong bể hấp thụ và theo ống dẫn về bể thu gom nước thải. Theo định kỳ nước thải sẽ dẫn về hệ thống xử lý nước thải để xử lý. Phần cặn được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

Ống thải là nơi chứa khí thải cuối cùng trong quá trình lưu thông xử lý khí thải, đưa khí thải lên cao rồi thải ra ngoài môi trường.

➢ ***Thông số kỹ thuật HTXL:***

Bảng 3.21. Thông số kỹ thuật HTXL khí thải lò hơi đốt củi 2 tấn/giờ.

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng
1	Lò hơi	- Số lượng: 01 lò. - Công suất: 02 tấn hơi/giờ.	Lò	1	80%
2	Chụp hút	- Kích thước: L×W = 500mm × 600mm. - Vật liệu: Thép SS400, SUS 201.	Ống	1	80%
3	Cyclone	- Kích thước: D×H = 1,0m × 2,95m. - Vật liệu: Inox.	Cái	1	80%
4	Tháp hấp thụ	- Kích thước: D×H = 0,7m × 1,56m. - Vật liệu: Inox.	Tháp	1	80%
5	Bể hấp thụ	- Kích thước: L×W×H = 1,8m × 1,52m × 1,2m. - Vật liệu: Inox.	Bể	1	80%
6	Quạt hút	- Quạt hút ly tâm. - Công suất: 30kW - Lưu lượng: 8.000 m^3/giờ.	Quạt	1	80%
7	Ống xả	- Đường kính: D500mm, cao 20m (tính từ mặt đất). - Vật liệu: Inox.	Ống	1	80%

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Đánh giá khả năng đáp ứng của HTXL khí thải lò hơi:

- **Khoảng cách hệ thống xử lý khí thải lò hơi:**
  + Phía Đông: Cách Đường Khánh Bình 30 khoảng 15m.
  + Phía Tây: Cách đất trống và Công ty TNHH Far East Fam VN khoảng 135m.
  + Phía Nam: Cách khu đất trống khoảng 20m.
  + Phía Bắc: Cách đường ĐT 746 khoảng 400m.

Công ty đã bố trí khoảng cách cách ly với các khu vực xung quanh là khá xa. Do đó, với khoảng cách cách ly này, hoàn toàn hạn chế được các ảnh hưởng đến các khu vực tiếp giáp xung quanh nhà máy.

Theo như đánh giá tải lượng, nồng độ phát sinh bụi tại phần trên cũng như các số liệu quan trắc định kỳ hằng quý của Công ty cho thấy. Hệ thống xử lý khí thải lò hơi của Công ty hiện tại đang hoạt động hiệu quả. Để có số liệu tham chiếu cho hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý khí thải lò hơi. Hằng quý Công ty đã tiến hành đo đạc, giám sát chất lượng khí thải đầu ra sau hệ thống xử lý. Kết quả phân tích như sau:

Bảng 3.22. Kết quả phân tích chất lượng môi trường khí thải lò hơi.

TT	Chỉ tiêu	Ngày lấy mẫu	Kết quả phân tích				
			Lưu lượng (m^3/h)	NO_x	CO	SO_2	Bụi
				(mg/m^3)			
1	Ống thải sau công trình xử lý khí thải lò hơi	28/03/ 2024	3.812	102	479	66	55,3
2	Ống thải sau công trình xử lý khí thải lò hơi	01/06/ 2024	4.125	149	649	56,3	52,6
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B			**-**	**850**	**1.000**	**500**	**200**

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Nhận xét và đánh giá:

Theo kết quả phân tích cho thấy, hệ thống xử lý khí thải của Công ty hiện hữu đang vận hành hiệu quả, Công ty luôn luôn thực hiện đúng các quá trình thu gom, xử lý khí thải lò hơi phát sinh đúng theo quy định. Do đó, Công ty sẽ giữ nguyên các công trình hiện hữu, tiếp tục vận hành các hệ thống xử lý hiện hữu nhằm xử lý khí thải phát sinh theo đúng quy định.

2.9. Giảm thiểu khí thải từ khu vực sấy:

Công ty có 1 phòng sấy dùng để sấy sản phẩm sau khi phun sơn và 02 phòng sấy dùng để sấy các sản phẩm bị ẩm. Công ty đã áp dụng biện pháp giảm thiểu như sau:

- Bố trí các phòng sấy kín và được tách riêng với các khu vực sản xuất khác.
- Lắp đặt hệ thống thông gió nhà xưởng nhằm đảm bảo các yếu tố vi khí hậu theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp, trang bị quạt hút. Nhà xưởng sẽ được bố trí các cửa ra vào và cửa sổ để thông thoáng. Không khí được trao đổi liên tục, thông thoáng nhờ hệ thống quạt thổi và thông gió tự nhiên qua cửa mái,..

Hệ thống thông gió nhà xưởng tự nhiên: thông gió nhà xưởng tự nhiên là phương pháp sử dụng sự chênh lệch về nhiệt độ, áp suất giữa bên ngoài và bên trong nhà xưởng.

Nguyên lý của phương pháp này được mô tả tại hình:

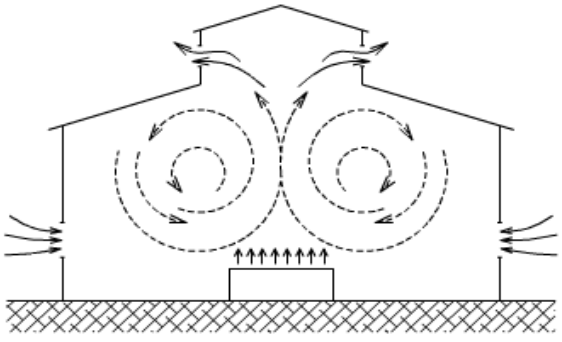

Hình 3.12. Sơ đồ nguyên lý của hệ thống thông gió tự nhiên.

Khi nhiệt độ trong nhà xưởng lớn hơn nhiệt độ bên ngoài thì giữa chúng có sự chênh lệch áp suất và do có sự trao đổi không khí bên ngoài và bên trong. Các phần tử không khí trong phòng có nhiệt độ cao, khối lượng riêng nhẹ nên bốc lên cao, tạo ra vùng chân không phía dưới phòng và không khí bên ngoài tràn vào thế chỗ. Ở phía trên các phần tử không khí bị dồn ép có áp suất lớn hơn không khí bên ngoài nhà và thoát ra ngoài theo các cửa gió phía trên. Như vậy ở một độ cao nhất định nào đó áp suất trong phòng bằng áp suất bên ngoài, vị trí đó gọi là trung hòa.

Khi luồng gió đi qua tạo ra độ chênh lệch cột áp ở 2 phía của nhà xưởng ở phía đối

diện trực tiếp với luồng gió, tốc độ dòng không khí giảm đột ngột nên áp suất tĩnh cao, có tác dụng đẩy không khí vào nhà xưởng. Ngược lại, ở phía bên kia của nhà xưởng có dòng không khí xoáy quẩn nên áp suất giảm xuống tạo lên vùng chân không, có tác dụng hút không khí ra khỏi nhà xưởng.

2.10. Giảm thiểu nguồn gây ô nhiễm khác:

Để hạn chế ô nhiễm do khí thải từ khu vực tập trung chất thải và hệ thống thoát nước, một số biện pháp Công ty đã được áp dụng như sau:

- Chất thải được lưu trữ trong các thùng chứa có nắp đậy kín. Chất thải sinh hoạt được vận chuyển xử lý trong ngày, không để tình trạng tồn đọng gây phân hủy phát sinh mùi ra môi trường xung quanh.

- Hệ thống cống thoát nước được xây dựng là hệ thống cống kín.

- Tại các miệng cống thoát nước, có kế hoạch thường xuyên nạo vét các hố gas tránh tình trạng lắng đọng lâu ngày gây mùi hôi.

- Có kế hoạch thường xuyên nạo vét các hố gas, tránh tình trạng lắng đọng lâu ngày gây mùi hôi.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

3.1. Chất thải sinh hoạt:

a/ Nguồn phát sinh:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Công ty chủ yếu từ các hoạt động sinh hoạt của công nhân viên có thành phần như sau:
  + Các hợp chất có nguồn gốc hữu cơ như thực phẩm, rau quả, thức ăn dư thừa…
  + Các hợp chất có nguồn gốc giấy từ các loại bao gói đựng đồ ăn, thức uống,...
  + Các hợp chất vô cơ như nhựa, plastic, PVC, thủy tinh…
  + Kim loại như vỏ hộp…

Chất thải rắn sinh hoạt này có các thành phần hữu cơ cao nên dễ phân hủy gây mùi hôi, khó chịu. Lượng nước thải rò rỉ từ rác có nồng độ gây ô nhiễm rất cao nên rất dễ gây ô nhiễm môi trường đất và mạch nước ngầm. Trong thành phần của chất thải rắn sinh hoạt có những thành phần rất khó phân hủy nên sẽ là một nguồn gây ô nhiễm lâu dài đến môi trường đất như nylon, nhựa,..

Hệ số rác thải phát sinh thực tế tại cơ sở là 0,1 kg/người/ngày.

Số lượng công nhân viên tại nhà máy hiện hữu là 310 người. Tổng lượng rác phát sinh trong ngày là 31 kg/ngày (9.300 kg/năm).

b/ Biện pháp xử lý:

Thu gom, phân loại:

- Phương pháp phân loại: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở được thu gom và phân loại đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Việc phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt được công nhân phân loại thành 03 nhóm sau:

+ Nhóm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế.

+ Nhóm chất thải thực phẩm.

+ Chất thải rắn sinh hoạt khác.

Bố trí tổ vệ sinh chuyên quét dọn, thu gom và phân loại rác thải, tập trung vào nơi quy định. Bố trí thùng rác dọc theo các đường nội bộ nhà máy, trong các phòng ban. Hằng ngày công nhân dọn vệ sinh của nhà máy thu gom và phân loại sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng theo quy định.

Lưu chứa:

Chất thải rắn sinh hoạt được lưu chứa trong 6 thùng (5 lít) và 6 thùng (120 lít), có nắp đậy kín và phải được vệ sinh hằng ngày. Tương ứng với các thùng là các túi nylon đặt phía bên trong, không quy định màu sắc túi chứa rác. Phân loại các loại chất thải khác nhau bằng các hình thức như dán nhãn, ghi dòng chữ trên túi trước khi thu gom, xử lý.

- Bố trí các thùng thu gom rác tại các điểm như sau:

+ Xưởng 1: 02 thùng (120 lít), được bố trí tại khu vực đầu xưởng sản xuất và cuối xưởng sản xuất (đặt ở cửa ra vào xưởng).

+ Xưởng 2: 02 thùng (120 lít), được bố trí tại khu vực đầu xưởng sản xuất và cuối xưởng sản xuất (đặt ở cửa ra vào xưởng).

+ Kho chứa thành phẩm: 02 thùng (120 lít), được bố trí tại khu vực đầu xưởng sản xuất và cuối xưởng sản xuất (đặt ở cửa ra vào xưởng).

+ 10 thùng (05 lít) được bố trí tại khu vực văn phòng và các hành lang (đặt ở các vị trí thuận tiện).

Cuối mỗi ngày làm việc, nhân viên vệ sinh sẽ thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh sau đó vận chuyển về khu tập kết rác sinh hoạt của Công ty.

Hình ảnh thiết bị lưu chứa:

TT	Tên công trình/ thiết bị	ĐVT	Số lượng	Hình ảnh
1	**- Thùng rác 120 lít:** + Kích thước: 550 x 490 x 930 (mm). + Màu xanh/đỏ. + Có nắp đậy ngăn mùi và chắn nước mưa, nắng. + Cấu tạo nhẵn hai mặt giúp việc vệ sinh thùng rác sau khi thu gom rác được dễ dàng. + Vật liệu: Nhựa HDPE.	Thùng	06	
2	**- Thùng rác 5 lít:** + Kích thước: (Ø)20cm x (H) 28cm. + Màu bạc/trắng/xám. + Có nắp đậy ngăn mùi và chắn nước mưa, nắng. + Cấu tạo nhẵn hai mặt giúp việc vệ sinh thùng rác sau khi thu gom rác được dễ dàng. + Vật liệu: Nhựa PP.	Thùng	10	

Phương thức thu gom:

Công ty đặt các thùng chứa rác trong khu vực một cách hợp lý, tiến hành thu gom hằng ngày, tập kết các thùng tập trung tại khu vực lưu chứa rác thải sinh hoạt. Hiện hữu, Công ty có tổng cộng 02 khu vực lưu chứa rác thải sinh hoạt như sau:

+ Nhà chứa chất thải sinh hoạt 1: 38,8m^2.
+ Nhà chứa chất thải sinh hoạt 2: 12m^2.

Xử lý:

Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường Hùng Phát đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt phát sinh theo đúng quy định với tần suất 02 lần/tuần *(Hợp đồng đính kèm Phụ lục)*.

Đánh giá khả năng đáp ứng của khu vực chứa chất thải sinh hoạt:

Với lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hiện hữu là 31 kg/ngày. So với lượng chất thải rắn phát sinh Công ty đã bố trí các thùng chứa đảm bảo thu gom triệt để chất thải rắn phát sinh tại nhà máy. Công ty bố trí 06 thùng (120 lít) và 10 thùng (5 lít). Tổng khả năng chứa của các thùng tính bình quân khoảng 770 kg > 31 kg/ngày. Hằng ngày chất thải sinh hoạt của nhà máy đều được thu gom, lượng rác thải sinh hoạt rất ít khi tồn đọng tại nhà máy.

3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp:

a/ Nguồn phát sinh:

➢ **Chất thải rắn tái chế:**

Bảng 3.23. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế, tái sử dụng.

TT	Tên chất thải	Nguồn phát sinh	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bao bì nylon thải không dính thành phần nguy hại	Từ quá trình nhập/xuất vật tư, hàng hoá (bao nilon bọc nguyên liệu)	Rắn	245	18 01 06	TT-R
2	Giấy, bao bì giấy carton thải bỏ	Từ các hoạt động văn phòng, hoạt động sản xuất	Rắn	900	18 01 05	TT-R
3	Gỗ phế phẩm từ quá trình cưa, cắt, dăm bào, mùn cưa.	Từ hoạt động sản xuất	Rắn	1.238.000	11 04 03	TT-R
4	Ngủ kim, da, vải, mút, kính không dính thành phần nguy hại	Từ hoạt động sản xuất	Rắn	2.773	03 02 12	TT-R
	Tổng cộng			**1.241.918**		

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

➢ **Chất thải rắn không tái chế:**

Bảng 3.24. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường không có khả năng tái chế, tái sử dụng.

TT	Tên chất thải	Nguồn phát sinh	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải	Từ máy in văn phòng	Rắn	30	08 02 08	TT

2	Tro phát sinh từ lò hơi	Từ quá trình đốt củi cho lò hơi	Rắn	7.000	12 01 10	TT
3	Giấy nhám	Từ quá trình sản xuất	Lỏng	15.440	07 03 18	TT
	Tổng cộng			**22.470**		

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

b/ Biện pháp xử lý:

Thu gom, phân loại:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ quá trình sản xuất được thu gom và phân loại cụ thể cho từng loại, được bố trí trong khu vực từng xưởng sản xuất có phát sinh chất thải, khu vực nhà kho.

- Đối với bao bì carton, nylon và giấy phế liệu thải ra từ văn phòng,: các loại rác này có khả năng được sử dụng để tái chế, tái sử dụng.
- Đối với gỗ phế phẩm từ quá trình cưa, cắt, dăm bào, mùn cưa: Thải ra sau công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám sẽ được lưu chứa tại khu vực riêng và tận dụng lại làm nhiên liệu đốt cho lò hơi và không thải bỏ.
- Đối với các loại chất thải không có khả năng tái chế: Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại, tro phát sinh từ lò hơi, giấy nhám thải được thu gom phân loại cho vào từng khu vực riêng biệt, có dán nhãn, biển cảnh báo phân từng loại cụ thể sau đó ký hợp đồng thu gom, xử lý đúng theo quy định.

Dán nhãn, biển cảnh báo:

Biển cảnh báo khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp

Nơi lưu chứa:

Công ty dành diện tích khoảng 77,6 m^2 để làm khu vực lưu trữ chất thải rắn công nghiệp. Khu vực lưu chứa được xây dựng với kết cấu nền bê tông, nền cao có mái che đảm bảo không bị phát tán và rò rỉ chất thải ra ngoài môi trường.

Xử lý:

Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường Hùng Phát đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp phát sinh theo đúng quy định với tần suất 01 tháng/lần.

Đánh giá khả năng đáp ứng của nhà chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Tổng khối lượng CTRCNTT phát sinh khoảng 1.264.388 kg/năm. Trong đó:

- Khối lượng chất thải công nghiệp, lưu chứa tại nhà chất thải có diện tích 77,6m^2 là: 26.388 kg/năm (tương đương 2.199 kg/tháng).

- Khối lượng Gỗ phế phẩm từ quá trình cưa, cắt, dăm bào, mùn cưa thải, lưu chứa tại nhà chứa củi vụn có diện tích 24m^2 là: 1.238.000 kg/năm sẽ được thu gom và tận dụng lại làm nhiên liệu đốt cho lò hơi 2 tấn/giờ.

Bảng 3.25. Khả năng đáp ứng của nhà chứa chất thải công nghiệp.

TT	Loại chất thải phát sinh	Cách thức đóng gói	Số lượng (kg/năm)	Số lượng (kg/ tháng)	Diện tích chiếm chỗ	Diện tích cần lưu chứa (m^2)	Lượng rác tồn đọng tối đa (1-2 ngày)
1	Bao bì nylon thải không dính thành phần nguy hại	1 Bao 50kg	245	20,4	0,5m^2/ bao	0,5	3

2	Giấy, bao bì giấy carton thải bỏ	-	900	75,0	100kg/ m^2	1	11
3	Ngủ kim, da, vải, mút, kính không dính thành phần nguy hại	5 Bao 50kg	2.773	231,1	0,5m^2/ bao	2,5	35
4	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải	1 thùng 100 lít	30	2,5	1m^2/ thùng	1	0
5	Tro phát sinh từ lò hơi	12 Bao 50kg	7.000	583,3	0,5m^2/ bao	6	87
6	Giấy nhám	26 Bao 50kg	15.440	1.286,7	0,5m^2/ thùng	13	193
	Tổng cộng (I+II)		**26.388**	**2.199**		**24**	**329**

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Ghi chú: Tần xuất thu gom, xử lý khoảng 01 tháng/tuần.

Kết luận:

Theo như đánh giá tại bảng trên thì tổng diện tích lưu trữ của nhà chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường là hoàn toàn đáp ứng được khả năng lưu chứa chất thải công nghiệp. Diện tích thực tế cần chứa là 24 m^2 < diện tích khu vực chứa CTCN là 77,6m^2. Do đó, việc tồn trữ chất thải tại Công ty hầu như là không có. Nếu có thì ước tính chiếm khoảng 15% dao động trong vòng 1 – 2 ngày do sự cố từ đơn vị thu gom không kịp đến thu gom hoặc rớt vào ngày lễ tết. Tuy nhiên, diện tích vẫn hoàn toàn đáp ứng được khi lượng rác này còn tồn lưu, ngay sau khi thu gom thì khối lượng chất thải kế tiếp trong tháng tới sẽ giảm xuống so với khối lượng tháng trước đó.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

a/ Nguồn phát sinh:

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở như sau:

Bảng 3.26. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh của cơ sở.

TT	Tên chất thải	Nguồn phát sinh	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Từ quá trình thay thế bóng đèn bị hỏng, nhiệt kế vỡ hoặc hỏng	Rắn	30	16 01 06	NH
2	Pin, ắc quy chì thải	Dụng cụ điện, thiết bị điện	Rắn	30	19 06 01	NH
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Từ quá trình sau khi dùng cho máy móc, thiết bị	Lỏng	360	17 02 03	NH
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	Từ các hoạt động sản xuất, sửa chữa - bảo dưỡng thiết bị, hoạt động ứng phó tình huống tràn đổ hoá chất	Rắn	11.000	18 02 01	KS
5	Bao bì mềm thải	Từ các hoạt động sản xuất, xuất nhập vật tư, hàng hoá	Rắn	4,9	18 01 01	KS
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Từ các hoạt động sản xuất, xuất nhập vật tư, hàng hoá	Rắn	31.240	18 01 02	KS
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Từ các hoạt động sản xuất, xuất nhập vật tư, hàng hoá	Rắn	2,5	18 01 03	KS
8	Dung môi, hóa chất thải	Từ hoạt động sản xuất	Rắn	2.408,4	17 08 03	NH
9	Keo thải	Từ hoạt động sản xuất	Lỏng	432,1	08 03 01	KS
10	Cặn sơn thải	Từ hoạt động sản xuất	Rắn	2.497,9	08 02 01	KS
11	Than hoạt tính thải bỏ	Từ hệ thống xử lý hơi dung môi	Rắn	1.890	12 01 04	NH
12	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	935	12 06 05	-
	Tổng cộng			**50.830,8**		

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Ghi chú: Mã CTNH theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 về Quản lý chất thải nguy hại.

Khối lượng bao bì thải dính thành phần nguy hại là loại thùng sắt và nhựa với các quy cách đóng gói và khối lượng bao bì thải được tính toán như sau:

Bảng 3.27. Khối lượng bao bì thải dính thành phần nguy hại

TT	Tên hóa chất	Khối lượng sử dụng (kg/năm)	Loại bao bì đựng	Quy cách đóng gói (kg/sản phẩm)	Khối lượng bao bì thải (kg)	Số lượng thùng/bao thải	Lượng chất thải phát sinh (kg/năm)
1	Sơn bóng NC	42.400	Thùng sắt	180kg	15 kg/thùng	236 thùng	3.540
2	Sơn lót NC	88.200	Thùng sắt	200kg	17 kg/thùng	441 thùng	7.497
3	Dung môi pha sơn NC	3.850	Thùng sắt	170kg	14 kg/thùng	23 thùng	322
4	Chất làm cứng	6.250	Thùng sắt	16kg	3 kg/thùng	391 thùng	1.173
5	Tinh màu	8.650	Thùng sắt	25kg	5 kg/thùng	346 thùng	1.730
6	Dầu chuối	56.000	Thùng sắt	170kg	14 kg/thùng	330 thùng	4.620
7	Dầu thông	83.300	Thùng sắt	170kg	14 kg/thùng	490 thùng	6.860
8	Keo PVA	21.600	Thùng sắt	170kg	14 kg/thùng	128 thùng	1.792
9	Màu lau Glaze	6.900	Thùng sắt	18kg	4 kg/thùng	384 thùng	1.536
10	Bột trét	2.500	Thùng sắt	18kg	4 kg/thùng	139 thùng	556
11	Acetone	5.620	Thùng sắt	18kg	4 kg/thùng	313 thùng	1.252
12	Chất diệt nấm mốc	1.470	Thùng sắt	18kg	4 kg/thùng	82 thùng	328
13	NaOH	24	Thùng nhựa	25 lít	0,5 kg/thùng	1 thùng	0,5
14	PAC	1.200	Bao nylon	25 kg	0,1kg/bao	48 bao	4,8
15	Polymer	24	Bao nylon	25 kg	0,1kg/bao	1 bao	0,1
16	Chlorine	60	Thùng nhựa	25 lít	0,5 kg/thùng	3 thùng	1,5
17	Dầu nhớt bôi trơn	400	Thùng phuy sắt	200 lít	17 kg/thùng	2 thùng	34

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

b/ Biện pháp xử lý:

Thu gom, phân loại:

Công ty thực hiện đúng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý đối với chủ nguồn thải CTNH theo đúng yêu cầu kỹ thuật như: các thùng chứa CTNH, nhà chứa CTNH phải được dán nhãn theo đúng yêu cầu kỹ thuật của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường khi lưu chứa và xây dựng nhà chứa chất thải nguy hại như sau:

- Công ty bố trí các thùng chứa loại 100 lít để lưu trữ 07 loại như sau:

(1) Bóng đèn huỳnh quang thải.

(2) Pin, ắc quy chì thải.

(3) Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải.

(4) Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.

(5) Dung môi thải.

(6) Keo thải.

(7) Cặn sơn thải.

- Đối với các loại chất thải như: Bao bì mềm thải; than hoạt tính thải bỏ; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được chứa trong các bao nylon 50kg dày, kín, bên ngoài bao được dán nhãn chất thải cụ thể cho từng chất thải phát sinh. Mỗi loại chất thải được đặt vào từng khu vực lưu chứa riêng có dán nhãn, mã số chất thải, dấu hiệu cảnh báo nguy hại cụ thể cho từng loại chất thải đó.

- Đối với các loại chất thải như: Bao bì cứng thải bằng kim loại; Bao bì cứng thải bằng nhựa. Mỗi loại chất thải được đặt vào từng khu vực lưu chứa riêng có dán nhãn, mã số chất thải, dấu hiệu cảnh báo nguy hại cụ thể cho từng loại chất thải đó.

Hướng dẫn công nhân cách thức phân loại, lưu chứa đúng loại chất thải theo nhãn và dấu hiệu nhận biết dán trên các thùng chứa.

Hình thức thu gom:

Nếu có phát sinh thì cuối giờ làm việc hàng ngày, công nhân sẽ tiến hành đến các khu vực sản xuất phát sinh ra chất thải sau đó mang đến khu vực lưu chứa CTNH. Nếu ít, công nhân tự đưa đến nhà CTNH, nếu nhiều sẽ được thu gom bằng xe nâng đến nhà CTNH.

Dán nhãn, biển cảnh báo:

Biển cảnh báo khu vực lưu chứa chất thải nguy hại

Hình 3.13. Biển cảnh báo khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

Công ty hướng dẫn công nhân cách thức phân loại, lưu chứa đúng loại chất thải theo nhãn và dấu hiệu nhận biết dán trên các thùng chứa.

Lưu trữ:

Diện tích khu chứa chất thải nguy hại có diện tích 15,2m^2 (vị trí nhà chứa chất thải nguy hại được thể hiện trên bản vẽ đính kèm phụ lục).

Thông số kỹ thuật của kho chứa chất thải nguy hại:

- Tổng diện tích: 38,8m^2.
- Cửa kín.
- Xây dựng tường bao, có mái che và phân thành từng ô riêng biệt.
- Có gờ chống tràn/rò rỉ khi gặp sự cố.
- Chất thải được phân loại chứa trong thùng hoặc từng ô riêng biệt, có dán nhãn ghi thông tin về loại chất thải,..

Xử lý:

Công ty đã đăng ký sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 74.003008.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp.

Công ty ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định với tần suất 01 tháng/lần.

Đánh giá khả năng đáp ứng của nhà chứa chất thải nguy hại:

Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng **50.830,8** kg/năm (tương đương 4.235,9 kg/tháng).

Bảng 3.28. Khả năng đáp ứng của nhà chứa chất thải nguy hại.

TT	Loại chất thải phát sinh	Cách thức đóng gói, số lượng	Số lượng (kg/ năm)	Số lượng (kg/ tháng)	Diện tích chiếm chỗ	Diện tích cần lưu chứa (m^2)	Lượng rác tồn đọng tối đa (1-2 ngày)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	1 Thùng 100 lít	30	2,5	0,5m^2/ thùng	0,5	0,4
2	Pin, ắc quy chì thải	1 Thùng 100 lít	30	2,5	0,5m^2/ thùng	0,5	0,4
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	1 Thùng 100 lít	360	30,0	0,5m^2/ thùng	0,5	4,5
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	10 Thùng 100 lít	11.000	916,7	0,5m^2/ thùng	5	137,5
5	Bao bì mềm thải	1 bao 50kg	4,9	0,4	0,5m^2/ bao	1	0,1
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	-	31.240	2.603,3	-	14	390,5
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	-	2,5	0,2	-	0,5	0,0
8	Dung môi, hóa chất thải	3 Thùng 100 lít	2.408,4	200,7	0,5m^2/ thùng	1,5	30,1
9	Keo thải	1 Thùng 100 lít	432,1	36,0	0,5m^2/ thùng	0,5	5,4
10	Cặn sơn thải	3 Thùng 100 lít	2.497,9	208,2	0,5m^2/ thùng	1,5	31,2

11	Than hoạt tính thải bỏ	4 bao 50kg	1.890	157,5	0,2m^2/bao	0,8	23,6
12	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	2 bao 50kg	935	77,9	0,2m^2/bao	0,4	11,7
	Tổng cộng		**50.830,8**	**4.235,9**		**26,7**	**635,4**

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Ghi chú: Tần xuất thu gom, xử lý khoảng 01 lần/tháng.

Kết luận:

Theo như đánh giá tại bảng trên thì tổng diện tích lưu trữ của nhà chứa CTNH là hoàn toàn đáp ứng được khả năng lưu chứa chất thải nguy hại. Diện tích thực tế cần chứa là 26,7 m^2 < diện tích nhà CTNH là 38,8 m^2. Đồng thời, Công ty sẽ tiến hành hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải của dự án là 01 tháng/lần. Do đó, việc tồn trữ chất thải tại Công ty hầu như là không có. Nếu có thì ước tính chiếm khoảng 15% dao động trong vòng 1 – 2 ngày do sự cố từ đơn vị thu gom không kịp đến thu gom hoặc rớt vào ngày lễ tết. Tuy nhiên, diện tích vẫn hoàn toàn đáp ứng được khi lượng rác này còn tồn lưu, ngay sau khi thu gom thì khối lượng rác kế tiếp trong tháng tới sẽ giảm xuống so với khối lượng tháng trước đó.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

5.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- **Tiếng ồn:**
  - *Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất và các máy móc thiết bị:*

Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất do hoạt động của máy móc, thiết bị chủ yếu từ hoạt động của các máy móc thiết bị sản xuất, hoạt động của các công trình xử lý khí thải, nước thải, hoạt động nhập nguyên liệu và xuất thành phẩm, sự va chạm của các nguyên liệu.

Các nguồn gây tiếng ồn chủ yếu như sau:

+ Nguồn số 01: khu vực cưa, cắt.
+ Nguồn số 02: khu vực lọng.
+ Nguồn số 03: khu vực khoan, tiện.
+ Nguồn số 04: khu vực mài, bào
+ Nguồn số 05: khu vực chà nhám.
+ Nguồn số 06: khu vực phun sơn băng chuyền nằm.
+ Nguồn số 07: khu vực phun sơn chuyền treo.
+ Nguồn số 08: khu vực công trình xử lý bụi gỗ.
+ Nguồn số 09: kKhu vực máy nén khí.
+ Nguồn số 10: khu vực hệ thống xử lý khí thải lò hơi
+ Nguồn số 11: khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông ra vào nhà máy:*

Các phương tiện giao thông ra vào dự án làm phát sinh tiếng ồn chủ yếu là xe máy của công nhân viên và xe tải vận chuyển nguyên vật liệu tới nhà máy và vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ. Đây là nguồn ồn phân tán, thay đổi tùy thuộc vào mật độ giao thông ở từng thời điểm khác nhau.

Mức ồn từ các phương tiện giao thông giao động từ 65-80 dBA.

Phạm vi tác động của tiếng ồn: tiếng ồn chủ yếu tác động đến nội bộ nhà máy và các khu vực lân cận nhà máy. Mức độ gây ồn khác nhau tùy thuộc vào từng thời điểm khác nhau. Tuy nhiên, chủ dự án đã có phương án cụ thể nhằm giảm thiểu tối đa các tác động của tiếng ồn đến sức khỏe công nhân viên.

- **Độ rung:**

Rung động phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị trong nhà máy: đặc trưng là thiết bị nâng nhập nguyên liệu, máy nén khí. Với đặc trưng của ngành nghề này, độ rung phát sinh tương đối thấp và còn tùy theo thiết bị máy móc và cách quản lý, khống chế. Dự án nằm riêng biệt, độ rung chủ yếu ảnh hưởng trong phạm vi nhà máy và ảnh hưởng tới công nhân trực tiếp sản xuất. Công ty đã quan tâm khắc phục các nguồn gây rung động để đảm bảo sức khỏe cho công nhân.

Mức độ tác động:

- Tiếng ồn và rung động là nguyên nhân gây bệnh thần kinh, đau đầu, tăng huyết áp và giảm trí nhớ. Tiếng ồn còn ảnh hưởng đến khả năng nghe của công nhân, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của công nhân.
- Tiếng ồn cao hơn tiêu chuẩn cho phép sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Đặc biệt đối với những người tiếp xúc trực tiếp và lâu dài với tiếng ồn sẽ gây điếc nghề nghiệp hay gây một số ảnh hưởng như: mất ngủ, mệt mỏi, tâm lý khó chịu. Tiếng ồn còn làm giảm năng suất lao động, kém tập trung tư tưởng làm việc. Tiếng ồn từ 80 dBA trở lên sẽ làm giảm sự chú ý, dễ mệt mỏi, nhức đầu, chóng mặt, tăng cường sự ức chế thần kinh trung ương và ảnh hưởng tới thính giác của con người. Khi tiếp xúc với tiếng ồn có cường độ cao và trong thời gian dài sẽ dẫn đến bệnh điếc nên việc giảm thiểu tiếng ồn là rất quan trọng.
- Ngoài ra, tiếng ồn còn gây ra những vấn đề xã hội như xung đột trong xã hội, trong gia đình và cơ quan làm việc. Khi con người làm việc trong môi trường có độ ồn cao, sau vài giờ làm việc phải mất một thời gian nhất định thì thính giác mới trở lại bình thường, khoảng thời gian này gọi là thời gian phục hồi thính giác. Tiếng ồn càng to thì thời gian này càng dài.

b/ Nhiệt thừa

Nguồn phát sinh:

- Nhiệt thừa phát sinh tại chuyền sấy sản phẩm sau tẩy rửa bề mặt và sau phun sơn tĩnh điện.
- Nhiệt thừa phát sinh từ lò sấy.
- Nhiệt phát sinh từ bức xạ mặt trời truyền qua kết cấu nhà xưởng xuống khu vực xưởng sản xuất.
- Nhiệt phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển.

Tác động:

Nhiệt độ là một dạng năng lượng, do đó khi tổn thất nhiệt càng nhiều thì chúng ta càng bị mất năng lượng, gây thất thoát, lãng phí càng lớn. Nhiệt sẽ lan tỏa vào không gian nhà xưởng làm nhiệt độ bên trong nhà xưởng tăng cao, ảnh hưởng đến sức khỏe và năng suất người lao động, cũng như các điều kiện vi khí hậu của khu vực. Vì vậy, trong quá trình hoạt động, Chủ dự án cần áp dụng các biện pháp đảm bảo tạo môi trường lao động thông thoáng, đồng thời trang bị trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trong nhà máy.

5.2. Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

a/ Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Trong quá trình hoạt động của dự án có phát sinh tiếng ồn, để kiểm soát được tiếng ồn có thể áp dụng một số giải pháp sau:

➢ **Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong quá trình sản xuất:**

Tại khu vực nhà máy, ô nhiễm tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các loại máy móc, thiết bị trong các khu vực sản xuất, buồng khí nén, ống khói, …Các biện pháp sau được áp dụng:

- Trang bị các dây chuyền công nghệ, thiết bị hiện đại nhằm giảm tối đa khả năng phát sinh tiếng ồn.
- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực hẹp.
- Các thiết bị tạo độ rung cao sẽ được lắp đặt trên nền rộng và có móng sâu, có biện pháp giảm chấn.
- Bố trí các công đoạn đặc thù tại các phân xưởng khác nhau nhằm hạn chế khả năng cộng hưởng của tiếng ồn.
- Bố trí các cụm thiết bị hợp lý theo hướng giảm khả năng cộng hưởng làm tăng mức ồn, khu vực lao động gián tiếp được bố trí cách ly khu vực vận hành máy móc thiết bị và sử dụng kính chống bụi, chống ồn cho khu văn phòng.
- Phân phối luồng xe vào ra nhà máy theo hướng giảm phát sinh tiếng ồn đồng thời.
- Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra tình trạng hoạt động của cụm thiết bị gây ồn.
- Kiểm tra độ mòn chi tiết máy và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng nhằm hạn chế tiếng ồn.
- Tuân thủ các quy định kỹ thuật khi vận hành thiết bị.
- Bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ.

➢ **Biện pháp hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn và độ rung cho công nhân:**

- Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ nút bịt tai, hoặc bao ốp tai chống ồn.
- Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao.
- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

b/ Giảm thiểu ô nhiễm nhiệt:

Để giảm ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm cao tới sức khỏe của công nhân lao động trong khu vực dự án, trong quá trình thiết kế dự án. Công ty áp dụng các biện pháp hạn chế tác động của nguồn ô nhiễm này như: Sử dụng các vật liệu cách nhiệt như tôn lạnh, gạch chống nóng đồng thời thiết kế nhà máy có hướng sao cho sử dụng được sự thông thoáng tự nhiên. Ngoài ra trong quá trình lắp đặt máy móc và hoạt động, Công ty chú ý một số biện pháp như sau:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống cách nhiệt để phát hiện ra những sai phạm và kịp thời sửa chữa.
- Trên mái một số nhà xưởng và nhà kho trang bị các quả cầu thông gió mái nhà xưởng. Đồng thời trang bị thêm các quạt công nghiệp cục bộ và quạt thông gió tại các nhà xưởng nhằm tăng cường khả năng thông gió, làm giảm nhiệt độ và độ ẩm trong xưởng sản xuất.
- Sử dụng các biện pháp thông gió nhân tạo đảm bảo không tích tụ khí độc, hơi nước, nhiệt.

- Đặt các chậu cây xanh xung quanh dự án để góp phần điều hòa không khí, cải thiện các điều kiện vi khí hậu trong nhà máy.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Tại Điều 121 Luật Bảo vệ môi trường 2020 có quy định chung về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, đồng thời cũng tại Điều 108 và Điều 109 Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định về kế hoạch ứng phó sự cố môi trường. Quy định này yêu cầu các Chủ dự án đầu tư, cơ sở có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

Nhà máy sẽ công khai kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường và gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường đến Ủy ban nhân dân cấp phường và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện. Khi có sự cố môi trường xảy ra và nhà máy có thể khắc phục thì sau khi ứng phó sự cố sẽ tổng hợp báo cáo và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương và cơ quan quản lý địa phương để báo cáo về tình hình ứng phó sự cố. Đối với trường hợp nhà máy không thể tự ứng phó sự cố, sẽ báo ngay đến Ủy ban nhân dân xã và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện để nhận được sự giúp đỡ kịp thời, sau khi sự cố được khắc phục nhà máy sẽ lập báo cáo và gửi về các cơ quan trên để báo cáo và đưa ra phương án phục hồi môi trường nếu có.

- Xây dựng quy trình ứng phó sự cố như sau:

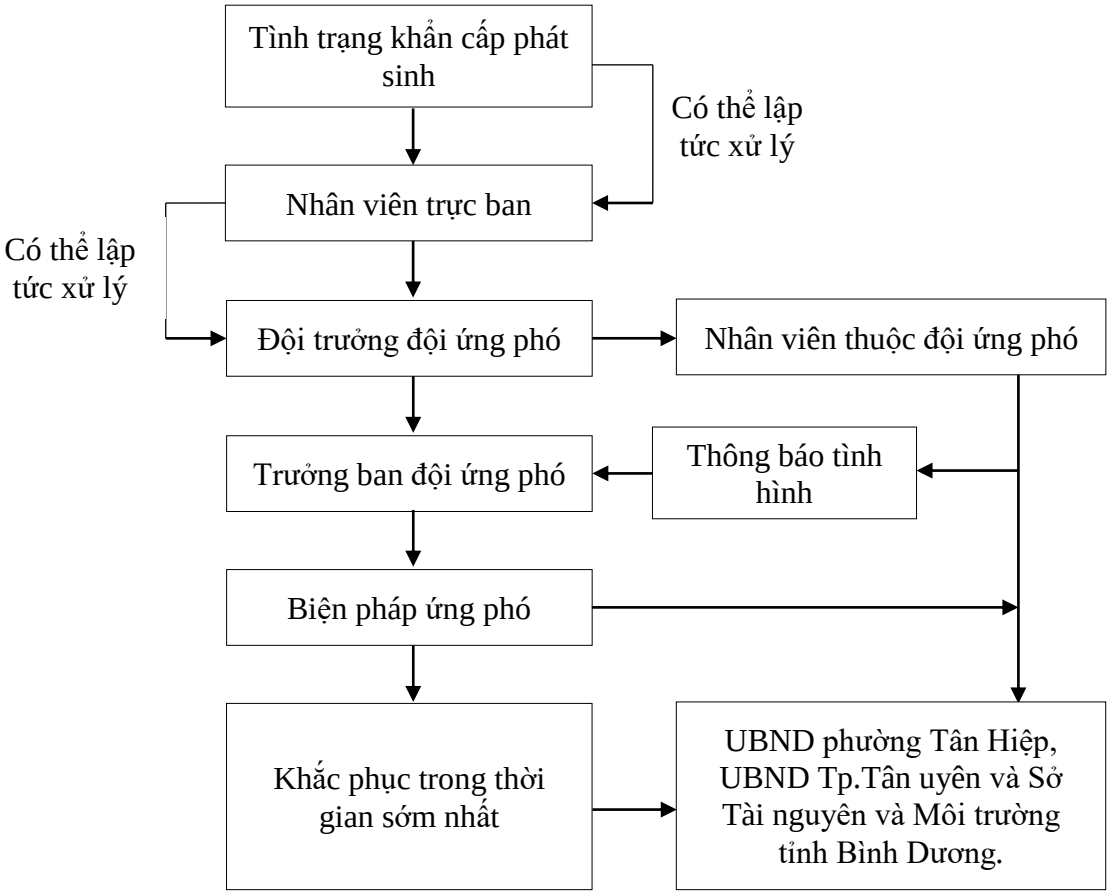

Hình 3.14. Sơ đồ ứng phó sự cố của nhà máy.

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải:

6.1.1. Công trình ứng phó sự cố:

- Quy trình ứng phó sự cố: Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải hoặc công trình xử lý nước thải tập trung gặp sự cố và phải dừng hoạt động, nước thải sẽ được bơm về bể điều hòa có dung tích 20,5m^3 để lưu giữ tạm thời hoặc thông báo đến các bộ phận sản xuất giảm công suất sản xuất hoặc dừng sản xuất để hạn chế hoặc không làm phát sinh nước thải. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được bơm về hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

6.1.2. Biện pháp phòng ngừa:

Một số nguyên nhân và phương án phòng ngừa ứng phó sự cố đối với nước thải:

Bảng 3.29. Nguyên nhân và phương án phòng ngừa ứng phó sự cố về HTXL nước thải của nhà máy.

TT	Dự báo sự cố xảy ra	Nguyên nhân xảy ra sự cố	Phương pháp phòng ngừa
1	Nước thải không đạt chuẩn được xả ra môi trường	- Không có nhân viên trực vận hành để theo dõi và điều chỉnh hệ thống - Nhân viên không được đào tạo, không có chuyên môn thực hiện - Không thực hiện bảo trì thay thế các thiết bị bị hỏng - Không cung cấp kinh phí thực hiện duy trì hệ thống xử lý nước thải	Nhân viên vận hành xử lý nước thải được tập huấn về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống. - Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho nhà máy xử lý nước thải. - Lập nhật ký vận hành để lưu trữ các thông tin về quá trình hoạt động của hệ thống làm cơ sở để theo dõi và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống, phòng ngừa những sự cố có thể xảy ra. - Hàng ngày kiểm tra lưu lượng nước thải, tính chất nước thải đấu nối và nước thải đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải, lượng hóa chất sử dụng, pH của nước thải đầu vào.
2	Rò rỉ, tràn nước thải	- Tắc đường ống dẫn tại các bể xử lý. - Vỡ, nứt đường ống thu gom và dẫn nước thải. - Không thường xuyên bảo trì bảo dưỡng, kiểm tra hệ thống. - Lưu lượng nước thải tăng đột ngột.	- Thường xuyên kiểm tra, vệ sinh hệ thống đường ống và hố thu gom. - Kiểm tra hệ thống xử lý và các van báo mực nước để khi lượng nước tăng lên đột ngột sẽ có báo động về tủ điều khiển.
3	Hỏng thiết bị ở HTXL nước thải	- Không thường xuyên bảo trì bảo dưỡng, kiểm tra hệ thống. - Thiết bị cũ nên dễ bị	- Theo hồ sơ hoàn công, số lượng máy móc thiết bị đều được dự phòng trong từng hạng mục xử lý, trường hợp máy móc thiết bị chính bị hỏng sẽ sử dụng ngay thiết bị dự phòng;

TT	Dự báo sự cố xảy ra	Nguyên nhân xảy ra sự cố	Phương pháp phòng ngừa
		hỏng hóc.	- Dự trữ sẵn các thiết bị dự phòng và phụ tùng thay thế nhằm sửa chữa, thay thế nhanh khi có sự cố; - Định kỳ, bảo dưỡng máy móc thiết bị theo đúng hướng dẫn vận hành thiết bị và thay thế khi cần thiết. - Tìm hiểu và thuê những đơn vị dịch vụ chuyên về sửa chữa thiết bị quan trọng của Hệ thống XLNTTT để khắc phục kịp thời.
4	Sự cố do 1 hoặc tất cả các giai đoạn của hệ thống XLNT bị hỏng và phải tạm ngưng hoạt động	- Hư hỏng thiết bị phải sửa chữa trong thời gian dài. - Bể xử lý không đạt hiệu quả.	- Sử dụng các vật liệu có độ bền cao và chống ăn mòn, phù hợp với môi trường khắc nghiệt trong xử lý nước thải. - Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các bể xử lý, trường hợp bất thường phải khắc phục kịp thời. - Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị và thay thế khi cần thiết, tránh hiện tượng máy móc thiết bị hư hỏng nặng dẫn đến ngưng hoạt động hệ thống xử lý. - Để kiểm soát sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, chủ đầu tư tuân thủ các yêu cầu thiết kế, nhân viên vận hành phải được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thông xử lý. Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành, thực hiện tốt việc quan trắc hệ thống xử lý.
5	Tràn đổ, rò rỉ hóa chất, dầu nhớt là chất thải trên đường vận chuyển.	- Bất cẩn trong quá trình vận chuyển (có thể do rung lắc, va chạm với các vật khác dẫn tới thùng chứa bị móp méo, bật nắp…) làm tràn đổ, rò rỉ ra bên ngoài. - Sử dụng các thùng chứa bị thủng hoặc hư hỏng. - Không sử dụng thiết bị di chuyển chất thải chuyên dụng	- Vận hành tuân thủ theo huấn luyện, kiểm tra thiết bị vận chuyển lưu chứa háo chất. - Trong quá trình pha hóa chất phải cẩn thận và tuân thủ hướng dẫn của nhà cung cấp.

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Khi có sự cố nghiêm trọng về HTXL nước thải, nhà máy sẽ ngưng hoạt động để kiểm tra, khắc phục sự cố trước khi vận hành lại. Sau mỗi sự cố, nhà máy sẽ làm báo cáo về sự cố và giải pháp khắc phục để gửi về UBND phường Tân Hiệp, UBND Tp. Tân Uyên và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

6.1.3. Biện pháp ứng phó sự cố:

a/ Quy trình chung khi xử lý tính huống sự cố khẩn cấp:

- Sau khi phát sinh tình huống khẩn cấp, trước tiên nhân viên trực ban báo cáo cho đội trưởng đội ứng phó, căn cứ vào mức độ sự cố đội trưởng đội ứng phó thực hiện thông báo cho đội ứng phó và xử lý ứng phó khẩn cấp, áp dụng các biện pháp ứng phó và ghi vào bảng ghi chép thông báo ứng phó khẩn cấp.

- Nếu sự cố phát sinh mang tính cục bộ: Đội ứng phó sự cố của Công ty sẽ tự xử lý, sau khi hoàn tất công tác khắc phục sẽ thực hiện báo cáo rút kinh nghiệm.

- Nếu sự cố phát sinh có quy mô vượt ra ngoài tầm kiểm soát của Công ty: Đội ứng phó sự cố của Công ty sẽ liên hệ báo cáo nhờ sự hỗ trợ của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện ban hành kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cấp huyện/ thị/thành phố và UBND phường Tân Hiệp.

b/ Xây dựng ban chỉ huy ứng phó sự cố:

Nhân lực ứng phó sự cố:

Tại Công ty sẽ bố trí 02 đội ứng phó sự cố phụ trách, hai đội này sẽ cùng hỗ trợ nhau để ứng phó sự cố.

- Đội phụ trách đầu mối các nhà máy có 4 nhân viên vận hành và 2 người phụ trách thuộc các bộ phận bảo trì, môi trường, vận hành.
- Đội trong Công ty có 2 nhân viên và 2 người phụ trách.

Mỗi nhân viên được đào tạo sẵn sàng ứng phó với các sự cố và sơ cấp cứu.

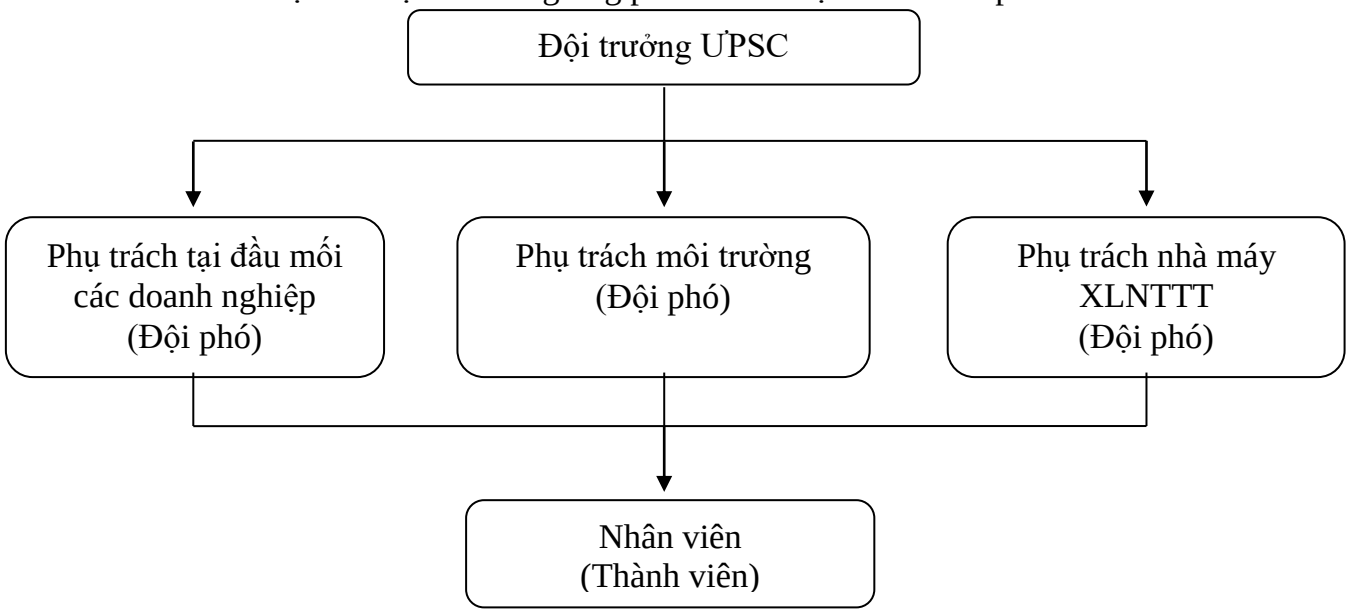

Hình 3.15. Sơ đồ tổ chức nhân sự ứng phó sự cố tràn đổ nước thải

Bảng 3.30. Bảng nhân lực ứng phó sự cố.

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ngô Quốc Hiệp	Đội trưởng
2	Nguyễn Quyết Định	Đội phó
3	Mai Quốc Mừng	Đội phó
4	Phạm Quốc Duy	Đội phó
5	Danh Kim Sơn	Thành viên
6	Phạm Văn Huấn	Thành viên

7	Lê Văn Vạn	Thành viên
8	Lê Văn Đúng	Thành viên
9	Đình Huỳnh Đươl	Thành viên
10	Vương Văn Trung	Thành viên

- Nhiệm vụ:

Thực hiện các nhiệm vụ dưới tùy theo tình hình thực tế, cụ thể như sau:

+ Thông báo thông tin sự cố môi trường theo quy định.

+ Huy động lực lượng bảo vệ và PCCC CCN để ứng phó sự cố.

+ Tổ chức canh gác bảo vệ khu vực cổng, khu vực hàng hóa.

+ Di chuyển người và tài sản đến nơi an toàn.

+ Tổ chức cứu người bị nạn (nếu có) và điện thoại 115 hoặc chuyển tới nơi trung tâm y tế gần nhất.

+ Thông báo đến các doanh nghiệp liên quan để phối hợp và thực hiện ứng phó sự cố.

+ Ngăn không cho sự cố môi trường phát tán.

+ Biểu thị cảnh báo khu vực đang xảy ra sự cố môi trường, những người không có trách nhiệm không được vào.

+ Nếu có sự cố do nước thải đầu vào vượt tiêu chuẩn thiết kế của HTXL nước thải thì phải cử người kiểm tra xác định nước thải phát sinh từ doanh nghiệp nào và có biện pháp khống chế, ngừng nguồn phát sinh nước thải vượt tiêu chuẩn.

+ Lập kế hoạch triển khai công tác khắc phục sự cố.

6.1.4. Một số kịch bản ứng phó sự cố nước thải

6.1.4.1. Kịch bản 1: Phương án xử lý các sự cố mức độ thấp:

a/ Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về hệ thống thu gom nước thải:

Để ngăn ngừa các sự cố môi trường đối với các hệ thống XLNT, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thường xuyên kiểm tra chất lượng nước thải và chế độ vận hành để tối ưu lượng hóa chất sử dụng.

- Đối với những máy móc thiết bị thường xuyên bị hỏng như motor, máy bơm nước…Tại mỗi bể xử lý, Công ty bố trí 02 thiết bị (01 thiết bị vận hành, 01 thiết bị dự phòng), 02 thiết bị này chạy luân phiên và nhằm thay thế cho nhau khi cần thiết.

- Thực hiện tốt việc quan trắc hệ thống xử lý.

- Trường hợp phát hiện lưu lượng nước thải giảm bất thường sẽ tiến hành rà soát, yêu cầu các cơ sở kiểm tra cửa xả nước thải xem có xảy ra tình trạng nghẽn đường ống hay không để tiến hành khơi thông đường ống kịp thời.

b/ Khắc phục các sự cố về điện đối với hệ thống xử lý nước thải:

Các thiết bị tiêu thụ điện, dù tốt vẫn không tránh khỏi các rủi ro, ngay cả khi sử dụng đúng. Người sử dụng dễ bị chủ quan không kiểm tra kỹ trước khi thao tác sẽ dẫn đến tai nạn xảy ra. Một số rủi ro thường xảy ra là:

- Rủi ro khi nối thiết bị với nguồn cung cấp điện.
- Rủi ro do sự rò rỉ điện.

Để thực hiện công việc bảo trì an toàn nên tuân theo các tiến trình sau:

- Cử nhân viên bảo trì có kinh nghiệm và thành thạo trong công việc thay thế và sửa

chữa các thiết bị điện cũng như các chi tiết về cơ khí của thiết bị tiêu thụ điện.

- Phải bảo đảm tuyệt đối là thiết bị đã được cách ly khỏi nguồn cung cấp điện. Cắm bảng báo hiệu để thông báo về việc sửa chữa.

c/ Khắc phục các sự cố hư hỏng thiết bị, máy móc đối với hệ thống xử lý nước thải:

Một số hư hỏng thường gặp và biện pháp khắc phục như sau:

Bảng 3.31. Một số hư hỏng thường gặp và biện pháp khắc phục.

TT	Hư hỏng	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
1	Máy bơm không làm việc	Không có nguồn điện cung cấp đến.	Kiểm tra nguồn điện, cáp điện.
2	Máy bơm làm việc nhưng có tiếng kêu gầm	- Điện nguồn mất pha đưa vào motor. - Cánh bơm bị chèn bởi các vật cứng. - Hộp giảm tốc bị thiếu dầu, mỡ … - Bị chèn các vật lạ có kích thước lớn vào buồng bơm, trục vít.	- Kiểm tra và khắc phục lại nguồn điện. - Tháo các vật bị chèn cứng ra khỏi cánh bơm. - Kiểm tra và bổ sung thêm, hoặc thay nhớt mới. - Kiểm tra vệ sinh sạch sẽ.
3	Máy bơm hoạt động nhưng không lên nước.	- Ngược chiều quay. - Van đóng mở bị nghẹt, hoặc hư hỏng. - Đường ống bị tắc nghẽn. - Chưa mở van. - Rách màng bơm. - Bị nghẹt rác ở cánh bơm, van, đường ống.	- Đảo lại chiều quay. - Kiểm tra phát hiện và khắc phục lại, nếu hư hỏng phải thay van mới. - Kiểm tra phát hiện chỗ bị nghẹt và khắc phục lại. - Mở van; Thay màng bơm khác. - Kiểm tra, khắc phục lại. - Tắt bơm ngay.
4	Lưu lượng bơm bị giảm	- Mực nước bị cạn. - Nguồn điện cung cấp không đúng. - Màng bơm bị đóng cặn	- Kiểm tra nguồn điện và khắc phục. - Tháo và rửa sạch bằng xà phòng hoặc dung dịch đặc biệt.
5	Máy bơm làm việc với dòng điện vượt quá giá trị ghi trên nhãn máy	- Điện áp thấp dưới qui định. - Độ cách điện của bơm giảm quá qui định < 01MW. - Bị sự cố về cơ khí: bánh răng, vòng bi,…	- Tắt máy, khắc phục lại tình trạng điện áp. - Phát hiện chỗ hư hỏng về cơ để khắc phục.

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Nhằm duy trì các máy móc thiết bị đảm bảo các thiết bị vận hành được ổn định, Công ty trong nhiều năm qua đã thực hiện bảo trì và bảo dưỡng máy móc thiết bị định kỳ và việc thực hiện này luôn được đảm bảo duy trì trong thời gian tới, như sau:

Bảng 3.32. Chương trình bảo trì và bảo dưỡng các thiết bị của HTXL

TT	Hình thức bảo trì và bảo dưỡng	Chu kỳ
1	**Song chắn rác thô**	
	Vệ sinh song chắn rác	Hàng ngày

2	**Lưới lược rác tinh**	
	Vệ sinh lưới chắn rác	Hàng ngày
3	**Các loại bơm**	
	Vệ sinh thân, cánh và các bộ phận khác trên bơm Kiểm tra mức dầu Kiểm tra vỏ bơm Thay dầu và nút van	6 tháng 6 tháng 1 tháng 12 tháng
4	**Máy thổi khí**	
	Kiểm tra dây đai Kiểm tra mức dầu Kiểm tra chất làm ô nhiễm bộ lọc và làm sạch nếu cần Thay dầu Thay bộ lọc Kiểm tra van an toàn Kiểm tra tiếng ồn và độ rung Lau chùi vệ sinh	Hàng ngày 1 Tháng 1 Tháng 6 tháng 12 tháng Hàng ngày 3 tháng 3 tháng
5	**Bơm định lượng hóa chất**	
	Kiểm tra mức dầu Thay dầu mới (cùng chủng loại) Bôi dầu mỡ trên trục bơm Kiểm tra độ rung hay tiếng ồn khi bơm chạy	1 Tuần 6 tháng 3 tháng Hàng ngày
6	**Motơ khuấy**	
	Kiểm tra mức dầu Thay dầu Định kỳ kiểm tra rung động hay tiếng ồn bất thường	1 Tháng 6 tháng Hàng ngày

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

- Chương trình vận hành và bảo dưỡng HTXLNT cứ sau 06 tháng sẽ được cập nhật.
- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành.
- Thực hiện tốt việc quan trắc hệ thống xử lý.
- Thiết lập và tập huấn cho nhân viên vận hành về phương án ứng cứu sự cố đối với HTXL nước thải.
- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống XLNT.

6.1.4.2. Kịch bản 2: Phương án xử lý đối với sự cố mức trung bình:

1/ Kiểm soát sự cố hiệu suất xử lý không đạt:

- Để ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động do các sự cố dẫn đến hiệu quả xử lý không đạt, Công ty đã tiến hành các biện pháp sau:
- Thường xuyên kết hợp với ban quản lý hạ tầng và đội bảo vệ Cụm công nghiệp phát hiện các điểm xả bất thường cũng như lấy mẫu phân tích định kỳ hoạc đột xuất khi có dấu hiệu nghi ngờ. Lập biên bản vi phạm yêu cầu khắc phục. Nếu tái phạm sẽ không tiếp nhận xử lý ho c thu mức phí cao hơn.
- Phối hợp đơn vị chức năng cải tạo và thường xuyên nạo vét kênh thoát nước tiếp nhận

sau xả thải nếu có yêu cầu.

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế.
- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống XLNT tập trung định kỳ 2 lần/năm.
- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Ban hành quy chế vận hành xử lý nước thải.
- Công ty xây dựng kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với HTXLNT.

Bảng 3.33. Một số hư hỏng thường gặp và biện pháp khắc phục.

TT	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
1	**Hệ thống thu gom nước thải**		
1.1	Nứt vỡ, tràn đổ, rò rỉ nước thải	- Lưu lượng nước vào hệ thống cống tăng bất thường. - Song chắn rác bị hư hại, mất chức năng chắn rác. - Nứt hư hại trên đường ống do hệ thống quá cũ, do va đập bên ngoài tác động	- Kiểm tra, giám sát xả thải của khách hàng: lưu lượng, chất lượng nước thải đầu vào, mực nước. - Thiết bị tách rác có bị nghẽn hoặc bị hư hỏng. - Tăng cường kiểm tra giám sát các đường ống thu gom, kiểm tra rò rỉ xung quanh mặt bích.
2	**Bể điều hòa**		
2.1	Nước thải có nhiều cặn	- Song và lưới tách rác không lược được hết cặn thô - Quá trình sản xuất tạo ra nhiều cặn bã	- Vệ sinh song và lưới tách rác và xem có chỗ nào bị hỏng hay không. - Hiệu chỉnh quá trình sản xuất.
2.2	Nước thải có mùi hôi vượt quá mức mùi hôi hàng ngày	- Quá trình phân hủy yếm khí xảy ra trong bể điều hòa	- Kiểm tra lại hệ thống phân phối khí, đảm bảo rằng khí được phân phối đều trong bể để tránh gây hiện tượng lắng cặn và tạo điều kiện yếm khí trong bể
3	**Bể xử lý sinh học**		
3.1	Bùn bị đen và phát sinh mùi	- Bùn bị phân hủy yếm khí - Vi sinh bị chết	- Kiểm tra lại hệ thống phân phối khí, đảm bảo rằng khí được phân phối đều trong bể để tránh tạo điều kiện yếm khí trong bể
3.2	Xuất hiện nhiều bọt trắng	- Quá trình bị quá tải, nồng độ chất ô nhiễm đầu vào tăng đột ngột - Tuổi bùn thấp (thời gian lưu bùn nhỏ)	- Kiểm tra hàm lượng bùn trong bể, xem có duy trì ở nồng độ bình thường hay không.
4	**Bể lắng**		
4.1	Nước thải ra khỏi máng thu nước có nhiều cặn	- Bể lắng hoạt động không hiệu quả	- Kiểm tra chế độ phân phối nước vào.
4.2	Bùn nổi	- Quá trình khử nitrat và phân hủy yếm khí xảy ra tại	- Hút bùn tại đáy bể lắng để tránh gây ra hiện tượng phân hủy yếm

		đáy bể lắng sinh ra khí N_2, CH_4, NH_3 và sẽ bám vào các bông bùn hoạt tính và kéo theo bùn nổi lên bề mặt.	khí. - Điều chỉnh quá trình xử lý sinh học tại bể hiếu khí để giảm tới mức tối đa hàm lượng chất hữu cơ (COD) vì đây là nguồn dinh dưỡng cung cấp cho quá trình khử nitrat hóa.

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

Ghi chú: Người vận hành cần phải theo dõi và ghi chép lại các sự cố và biện pháp khắc phục vào nhật ký vận hành hàng ngày để làm tài liệu cho các quá trình vận hành về sau. Nếu phát hiện được sự cố tương tự thì ta có cách giải quyết như lần trước và có hiệu quả tốt để tránh tốn thời gian điều chỉnh để tìm ra nguyên nhân.

Một số giả định tình huống phát sinh như sau:

- **Tình huống 1: Phương án xử lý tình huống khi quá tải lưu lượng:**

a) Vị trí nước thải chảy ra:

Bể chứa nước thải cuối cùng.

b) Thời gian xảy ra đổ tràn:

Xảy ra lúc *A* giờ *B* phút ngày *X* tháng *Y* năm *Z*

c) Nguyên nhân xảy ra nước thải vượt chuẩn chảy ra bể chứa đầu ra nước thải sau xử lý:

Trong quá trình vận hành thiết bị nhân viên vận hành không có mặt giám sát theo dõi vận hành hệ thống.

d) Thời gian xảy ra:

Thời gian từ khi chảy ra tới khi ngừng hệ thống là: 30 phút, Lưu lượng nước chảy ra cho đến khi triển khai lực lượng ứng phó tại chỗ là: 7 m^3

e) Yếu tố gây ảnh hưởng tác động lớn tới việc cô lập:

Do bể chứa này nằm trước mương thoát nước thải đầu ra nên lượng nước không đạt chuẩn chảy ra mương thoát nước.

f) Tổ chức triển khai lực lượng:

- Lực lượng: 2 nhân viên đội UPSC công ty và 1 nhân viên bảo vệ.
- Phương tiện: 01 bơm nước, 2 cuộn dây điện, đường ống bơm nước, 10 bao cát.
- Người chỉ huy: chia đội UPSC chất thải cơ sở làm 04 tổ và do người chỉ huy điều khiển như sau:

Tổ Thông tin liên lạc: Gồm 1 người. Có nhiệm vụ:

+ Khi phát hiện nước thải không đạt chảy ra mương thoát nước báo động khu vực tại đó biết bằng cách hô to: tràn nước thải, tràn nước thải. Hoặc sử dụng loa hay kẻng, cô lập khu vực không cho phương tiện, người qua lại. Báo cáo ngay cho Chỉ huy Đội UPSC cơ sở biết vị trí và tình hình.

+ Làm các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chỉ huy UPSC.

Tổ cứu hộ: Gồm 3 người thực hiện các nhiệm vụ:

+ Nhanh chóng căng dây cảnh báo và thực hiện giám sát khu vực và thực hiện các yêu cầu khac của Chỉ huy UPSC.

Tổ UPSC: Gồm 2 người. Có nhiệm vụ:

+ Nhanh chóng tắt hệ thống, đóng cửa cống, khóa van xả để cô lập bể chứa đầu ra và mương thoát dẫn ra điểm xả thải xuống suối Cây Trâm.

+ Thu hồi nước thải bằng cách dùng bơm để bơm ngược lại bể đầu vào của hệ thống.

+ Báo cáo tình hình diễn biến cho Chỉ huy UPSC.

- **Tình huống 2: Nước thải sau xử lý tại bể chứa nước thải cuối cùng có các chỉ tiêu không đạt quy chuẩn cho phép:**

Phương án này sử dụng khi một trong những thông số đo của nước thải sau xử lý tại bể chứa nước thải cuối cùng vượt ngưỡng cảnh báo như sau:

Khi công ty lấy mẫu đột xuất và kết quả vượt so với quy định thì sẽ liên hệ đơn vị vận hành cùng nhau lấy mẫu và gửi các trung tâm phân tích môi trường để đối chiếu.

Trường hợp 1:

Nếu kết quả phân tích đạt thì lưu ý với bên vận hành xử lý nước ổn định.

Trường hợp 2:

Nếu kết quả phân tích và kết quả Công ty là như nhau (đều vượt ngưỡng Cảnh báo) thì nhân viên vận hành đóng van cấp nước từ bể thu gom đến bể điều hòa và báo cáo ngay lập tức cho Trưởng bộ phận.

Trưởng bộ phận và các bộ phận liên quan khẩn cấp tiến hành phân tích nguyên nhân dẫn đến sự cố. Khi nguyên nhân dẫn đến sự cố được xác định, Trưởng bộ phận và các bộ phận liên quan sẽ quyết định việc xử lý sự cố.

Sau khi sự cố được khắc phục và giải quyết, Trưởng bộ phận và các bộ phận liên quan sẽ cùng họp lại để xác định nguyên nhân gốc rễ, đưa ra biện pháp, phương án phòng ngừa để tránh việc sự cố bị lặp lại trong thời gian tới.

Trong trường hợp bể điều hòa đã đầy mà chưa xử lý xong được sự cố thì sẽ thông báo đến Giám Đốc Nhà máy cho dừng hoạt động sản xuất của toàn bộ Nhà máy để xử lý sự cố.

Công ty chỉ tiến hành xả thải lại khi đạt hệ thống XLNT trở lại hoạt động bình thường và xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q = 0,9; K_f =1,1).

Lập hồ sơ ghi chép về sự cố.

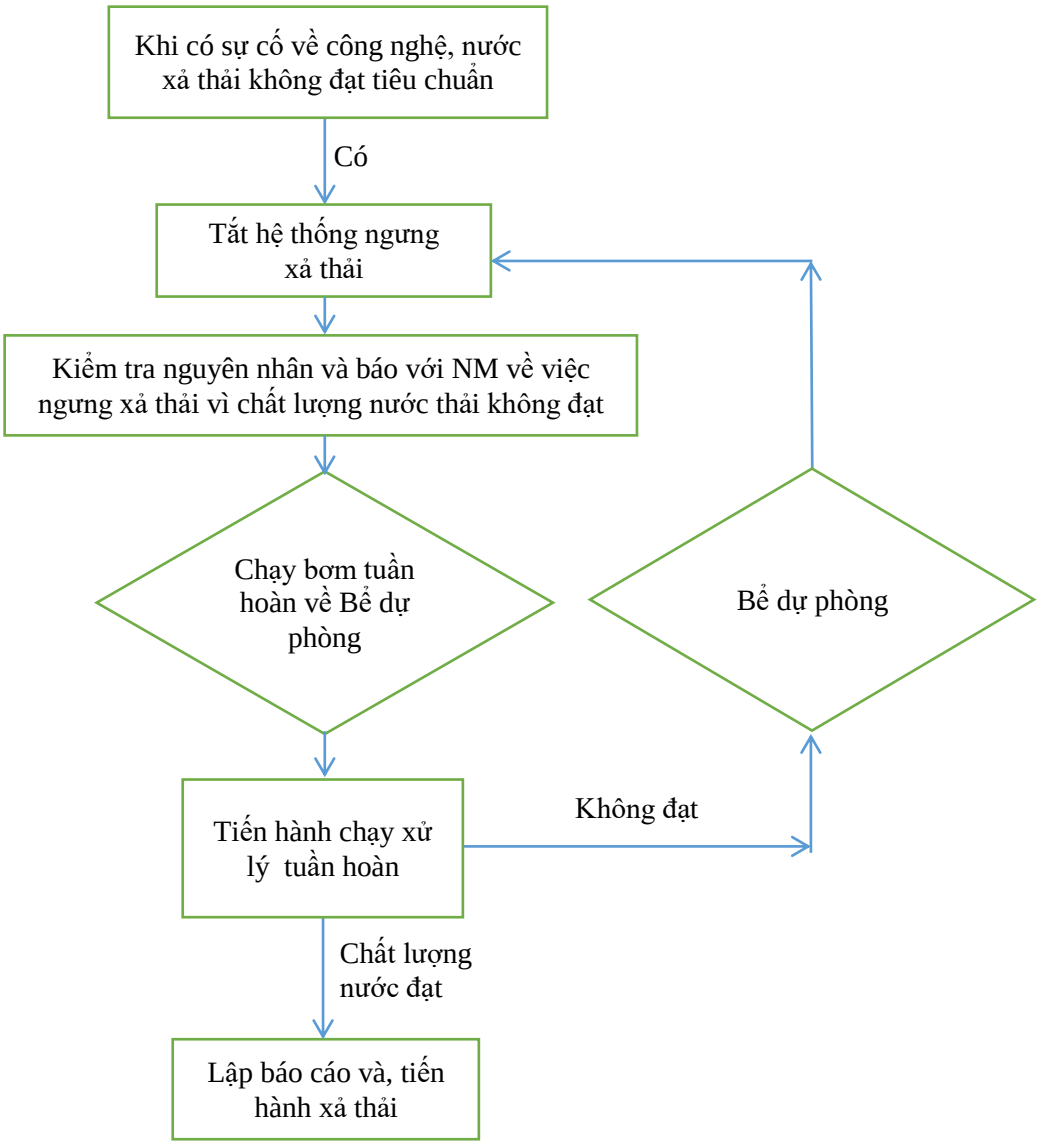

Hình 3.16. Quy trình ứng phó khi chất lượng nước chưa đạt quy chuẩn.

Với các biện pháp trên, Công ty đảm bảo trong trường hợp hệ thống xử lý gặp sự cố thì sẽ nhanh chóng được khắc phục để đưa vào hoạt động lại bình thường đồng thời xử lý hết được lượng nước thải từ hoạt động của Nhà máy theo đúng quy định trước khi thoát ra môi trường

- **Tình huống 3: Biện pháp xử lý sự cố khi Bùn sinh học mất đi:**

- Đối với sự cố khi bùn nổi:

Nguyên nhân	Cách khắc phục
- Do thời gian lưu bùn lâu khiến quá trình khử nitrat xảy ra nhiều tạo các bóng khí nitơ. Lượng khí lớn sẽ bám vào bông bùn đồng thời kéo bùn nổi lên trên bề mặt. - Khi số lượng vi sinh vật dạng sợi (Filamentos) trong bùn hoạt tính quá lớn cũng sẽ khiến bùn bị đẩy lên khỏi mặt nước.	- Trường hợp DO tại đầu cuối Bể sinh học hiếu khí ở khoảng <1,5mg/L khi này hãy tăng lượng khí thổi vào Bể sinh học hiếu khí sao cho DO tại cuối bể sinh học hiếu khí phải ở ngưỡng > 2mg/L. - Thực hiện giảm F/M. - Kéo dài thời gian hồi lưu bùn đồng thời giảm hoặc dừng việc xả thải bùn. - Để chỉ số C:N:P = 100:5:1 nên bổ sung dinh

- Hàm lượng COD sau xử lý Aerotank còn nhiều cũng dẫn đến hiện tượng bùn nổi.	dưỡng cho vi sinh vật trong bể hiếu khí. - Làm tăng pH đến 7 hoặc tăng tốc độ bơm bùn dư. Hoặc làm tăng DO trong bể, tăng F/M. - Trường hợp bơm bùn dư không giải quyết được hiện tượng bùn nổi hãy giảm lưu lượng nước thải.

- Đối với sự cố hiện tượng nổi bọt trắng ở bế hiếu khí:

Nguyên nhân	Cách khắc phục
- Do lưu lượng nước thải bơm vào quá tải trong giai đoạn đầu nuôi cấy vi sinh. - Số lượng vi sinh hoạt tính trong bể hiếu khí quá ít nồng độ dưới 10% tương đương MLSS < 1000mg/lít. - Các chất hữu cơ trong bể xử lý sinh học hiếu khí có nồng độ quá cao tức giá trị COD vượt quá khả năng xử lý của vi sinh vật ở ngưỡng > 1200mg/lít làm vi sinh hiếu khí bị sốc. - Trong nước thải đầu vào có lẫn những độc tố như: Javen, nhiều chất hoạt động bề mặt,… - Quá trình xả bùn không hợp lý làm nồng độ vi sinh trong bể thấp cũng dẫn hiện tượng quá tải trong bể xử lý hiếu khí.	- Thường xuyên kiểm tra nồng độ vi sinh. Cứ cách 30 phút sẽ đo SV, pH, DO đảm bảo các chỉ số này ở mức quy định. Trường hợp bùn vẫn lắng bình thường và chỉ số SV không tăng hay giảm thì nguyên nhân có thể là do nước thải vào có nhiều chất hoạt động bề mặt chẳng hạn như bọt xà phòng. Lúc này cần sục khí và khuấy đều trong vòng 30 phút – 1 tiếng cho đến khi bọt giảm dần rồi hết. - Khi chỉ số SV 30 quá thấp chỉ cần bổ sung thêm lượng vi sinh vật vào bể thông qua việc mua thêm bùn vi sinh hoặc chế phẩm sinh học đồng thời giảm lưu lượng nước thải bơm vào để tránh việc vi sinh vật bị quá tải. - Ở trường hợp khác bùn bị đen và bọt trắng vẫn nổi lên là do nước thải của quá trình đầu vào quá bẩn khi này cần giảm lưu lượng nước thải đầu vào sao cho F/M = 0,2 – 0,3.

- Đối với sự cố bùn đen xuất hiện trong bể hiếu khí:

Nguyên nhân	Cách khắc phục
- Trong bể vi sinh bị thiếu khí hoặc do phân phối khí không đều. - Mức độ ô nhiễm trong bể tăng đột ngột. - Thiết bị thổi khí – đĩa khí hoặc do đường ống khí bị hỏng dẫn đến việc thiếu khí trong bể.	- Trước tiên hãy kiểm tra nước đầu vào bể sinh học đồng thời kiểm tra quá trình sục khí trên bề mặt bể có đều hay không. Trường hợp không thì cần bổ sung thêm khí bằng cách tăng công suất thiết bị thổi khí. Trường hợp ống hoặc thiết bị hỏng cần khắc phục ngay. - Trường hợp do nồng độ ô nhiễm tăng đột ngột bạn cần tăng mật độ vi sinh tức đổ thêm bùn hoặc thực hiện châm vi sinh.

- Đối với sự cố SV30 giảm:

Nguyên nhân	Cách khắc phục
- Quá trình bơm tuần hoàn bùn gặp phải sự cố. - Chế độ xả bùn dư không hợp lý.	- Kiểm tra quá trình bơm tuần hoàn bùn bao gồm các khu như: Vệ sinh buồng bơm, cánh bơm hoặc trục quay thậm chí là van một

- Bùn nổi ở bể lắng bị cuốn theo dòng chảy trong khi không xử lý kịp sự cố. - Do mất cân bằng dinh dưỡng C:N:P trong bể hiếu khí. - Trong bể hiếu khí thiếu hàm lượng oxy nuôi vi sinh vật.	chiều. - Xem các mối đấu nối dây điện ngoài bể có bị đứt hoặc hở hay không. - Kiểm tra hoạt động của quá trình bơm xả bùn dư, van xả. Đồng thời điều chỉnh lại quá trình xả bùn dư hợp lý. - Trường hợp do mất cân bằng dinh dưỡng C:N:P cần xác định nồng độ ô nhiễm chất thải đầu vào nếu có hiện tượng mất cân bằng cần bổ sung thêm dinh dưỡng. - Đo chỉ số DO trong bể hiếu khí bạn cần duy trì chỉ số này ở mức 2 – 3 mg/L.

- Đối với sự cố SV30 tăng cao:

Nguyên nhân	Cách khắc phục
- Trong nước thải đầu vào nồng độ cặn lơ lửng cao. - Quá trình bơm xả bùn dư đang gặp sự cố. - Tốc độ xả bùn dư không hợp lý làm chỉ số SV30 tăng. - Có nhiều vi khuẩn dạng sợi trong hệ thống xử lý.	- Cần kiểm tra hàm lượng cặn trong nước thải đầu vào nếu quá cao cần dừng lại để xả bớt. - Bể tách mỡ, bể phốt nếu có sự cố cần khắc phục ngay. - Để cặn lắng ở bể điều hòa và hút bỏ ra bên ngoài.

- **Tình huống 4: Hệ thống XLNT ngưng hoạt động trong thời gian dài do thiết bị hư hỏng, chờ sửa chữa:**

Khi hệ thống gặp sự cố, người vận hành sẽ tiến hành kiểm tra và khắc phục sự cố. Nếu sự cố được khắc phục xong thì tiếp tục cho hệ thống vận hành bình thường trở lại.

Trong trường hợp không khắc phục được thì người vận hành thông báo đến Trưởng bộ phận và Trưởng bộ phận sẽ thông báo đến các bộ phận liên quan.

Khi nguyên nhân dẫn đến sự cố được xác định, Trưởng bộ phận và các bộ phận liên quan sẽ quyết định và tiến hành việc xử lý sự cố.

Toàn bộ nước thải chưa xử lý được chứa trong bể thu gom và bể điều hòa và bể ứng phó sự cố. Trong trường hợp các bể này đã đầy mà chưa xử lý xong được sự cố thì sẽ thông báo đến Giám đốc Nhà máy cho dừng hoạt động sản xuất của toàn bộ Nhà máy để xử lý sự cố.

Sau khi sự cố đã được xử lý xong thì cho hệ thống xử lý nước thải vận hành trở lại. Đồng thời, Trưởng bộ phận và các bộ phận liên quan sẽ cùng họp lại để xác định nguyên nhân gốc rễ, đưa ra biện pháp, phương án phòng ngừa để tránh việc sự cố bị lặp lại.

- **Tình huống 5: Trường hợp sự cố bể đường ống thu gom nước thải:**

Trường hợp 1: *Nước thải bị tràn đổ trên 1 tuyến đường thu gom trong nhà máy:*

Xác định nguyên nhân: Hệ thống thu gom nước thải bị tắt nghẽn không thông thoát được *(nghẹt rác ở các hố ga, đường cống thoát nước, bể cống dẫn nước thải,...)*, nước thải tràn đổ ra mặt đường và chảy vào hệ thống thoát nước mưa.

Quy trình ứng phó:

Bước 1: Nhân viên phát hiện sự cố nước thải bị tắt ngẽn hoặc tràn ra đường, khu

vực xung quanh do nghẹt hoặc bể cống thì ngay lập tức thông báo sự cố cho quản lý.

Bước 2: Ban ứng phó sự cố tiến hành kế hoạch ứng phó sự cố bằng cách xác định vị trí tắt nghẽn để có phương án ứng phó thích hợp.

Ban ứng phó sự cố nhận định tình hình và đánh giá thời gian khắc phục:

a/ Thời gian khắc phục dự kiến < 1 giờ:

- Tổ quản lý cơ sở hạ tầng xác định phạm vi hố ga đang tắt nghẽn.
- Tổ nhà máy xử lý nước thải thông báo cho các Công ty trên tuyến đường đang bị tràn đổ chất thải hạn chế nước xả nước thải.
- Sử dụng xe hút, hút hết chất thải, cát, đá, …trong cống, các hố ga,.. trong phạm vi 100 mét-200 mét tùy lượng loại chất thải gây nghẽn.
- Công nhân vệ sinh tiếp tục sử dụng những công cụ chuyên dụng để vét sạch các cặn bẩn còn lại.
- Các chất bẩn được thu gom và giao đơn vị thu gom có chức năng xử lý.

b/ Thời gian khắc phục dự kiến > 1 giờ:

- Tổ quản lý cơ sở hạ tầng xác định phạm vi hố ga đang tắt nghẽn.
- Tổ nhà máy xử lý nước thải thông báo cho các công ty trên tuyến cống nước thải đang đổ về hố ga tắt nghẽn hạn chế nước xả ra.
- Sử dụng bơm chìm, các đường ống để kết nối và chuyển nước từ các hố ga khu vực bị nghẽn sang tuyến thoát nước khác không bị tăt nghẽn.
- Sử dụng xe hút, hút hết cặn bẩn, cát đá trường hợp bị nghẹt cống.
- Tổ bảo vệ tổ chức phân luồng giao thông hạn chế cho công nhân, xe chở hàng đi qua khu vực vực bị tràn đổ.
- Trường hợp cống nước thải bị bể thì Công ty sẽ liên hệ với đơn vị thi công tiến hành thay thế đoạn cống mới.

Bước 3: Sau khi khắc phục xong, Công ty sẽ thông báo với các doanh nghiệp để hoạt động xả nước thải bình thường trở lại.

Bước 4: Kết thúc sự cố, Ban UPSC ghi vào nhật ký sự cố.

6.1.4.3. Kịch bản 3: Phương án xử lý đối với sự cố mức cao:

Sự cố ở mức cao có thể xảy ra đối với trường hợp không mong muốn đối với sự cố vỡ hồ chứa nước thải chưa xử lý (vỡ thành bể thu gom, bể điều hòa) làm nước thải tràn ra hệ thống cống thoát nước của khu chảy về nguồn tiếp nhận.

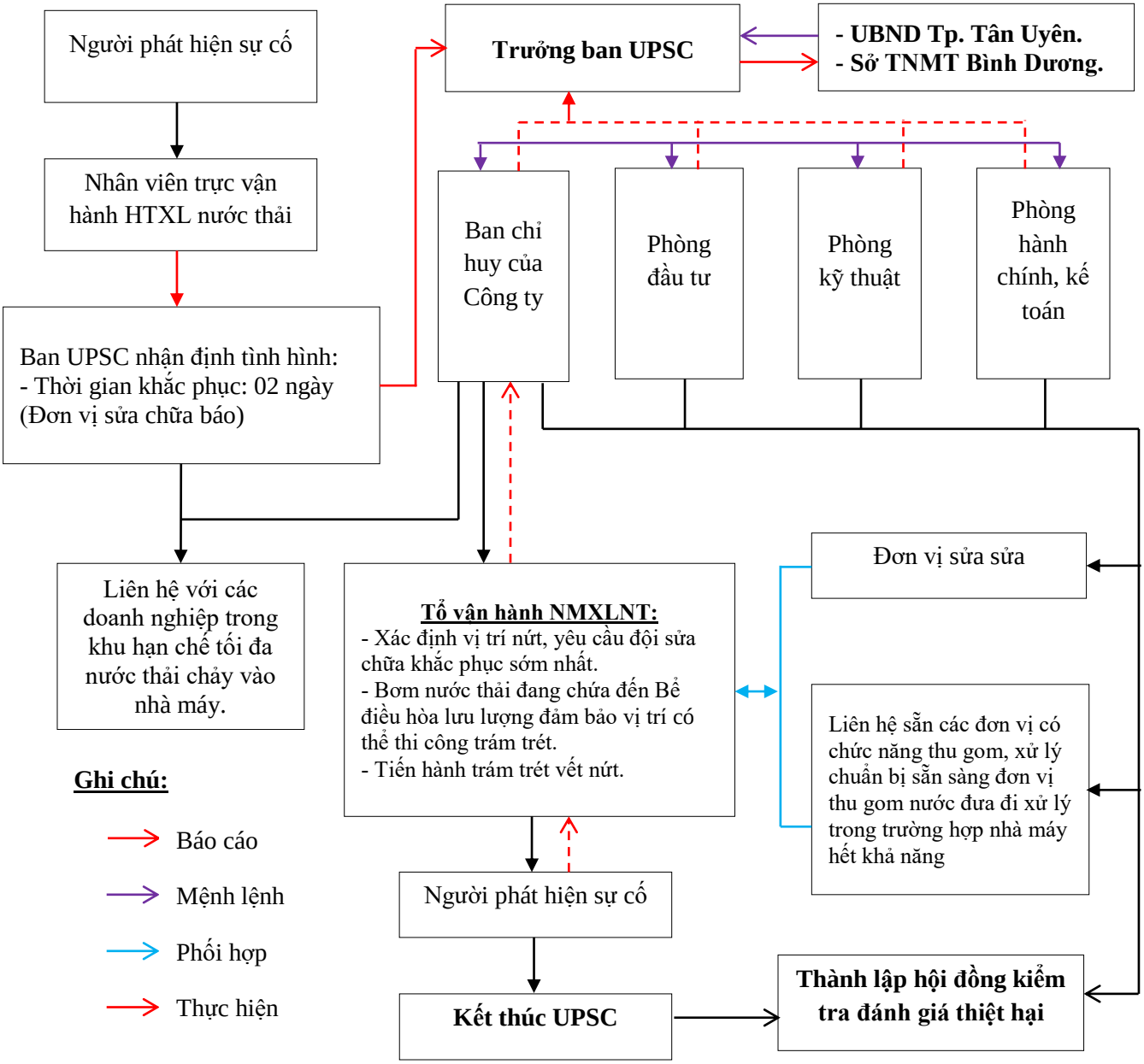

Hình 3.17. Quy trình ứng phó ở mức độ cao.

6.1.5. Xây dựng các giải pháp phòng chống sự cố

Chuẩn bị tài liệu: Nhà máy lập Bảng theo dõi, kiểm soát an toàn đối với toàn bộ các hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, các hạng mục công trình của Công ty, khu vực các công trình lưu chứa chất thải và kho hóa chất.

Nhân viên vận hành HTXLNT và bảo trì có trách nhiệm kiểm tra tình trạng các bồn chứa, khu bơm, đường ống hằng ngày, để kịp thời xử lý khi có hiện tượng như rò rỉ, rách thủng, hư hại do quá trình vận chuyển hoặc mất mát nguyên liệu.

Định kỳ hàng tháng Đội UPSC hệ thống xử lý nước thải kiểm tra các điểm có nguy cơ xảy ra sự cố cao như khu vực trạm bơm, hệ thống điều khiển, cụm xử lý sinh học hiếu khí,… Công tác kiểm tra phải được thực hiện cả bên trong và bên ngoài trạm xử lý nước thải, kiểm tra các dụng cụ thiết bị ứng phó sự cố nguy hiểm phải báo ngay cho Công ty, người chịu trách nhiệm. Khi phát hiện những hư hỏng công trình phải ghi nhận, báo cáo và lên kế hoạch sửa chữa kịp thời.

Hồ sơ ghi chép, kiểm tra giám sát được lưu giữ làm cơ sở cho công tác báo cáo định kỳ của Công ty.

6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với khí thải:

6.2.1. Phương án phòng ngừa:

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Đào tạo đội ngủ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

- Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt quy chuẩn hiện hành thì phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Định kỳ hằng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:

+ Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như quạt hút, than hoạt tính…

+ Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

+ Giám sát hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi hợp chất hữu cơ thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động của các tổ máy để kiểm tra, khắc phục.

6.2.2. Phương án ứng phó khi gặp sự cố:

Kịch bản ứng phó khi có sự cố xảy ra:

- Tình huống 1:

- Hệ thống xử lý bụi gỗ tại công đoạn mài gặp sự cố về rò rỉ đường ống, quạt hút, cyclone thu bụi, hệ thống lọc bụi túi vải làm phát tán bụi ra môi trường.
- Nguyên nhân: sự cố rò rỉ đường ống, hư hỏng quạt hút, cyclone, hệ thống lọc bụi túi vải hoạt động không hiệu quả.
- Thời gian xảy ra sự cố: Khoảng 9h00 sáng, hoạt động sản xuất và các hoạt động khác của nhà máy vẫn hoạt động bình thường.
- Phạm vi ảnh hưởng: nhỏ, chỉ ảnh hưởng tại các khu vực sản xuất, khu vực xử lý.
- Đối tượng bị tác động: công nhân sản xuất tại khu vực.
- Phân loại sự cố: cấp cơ sở.

- Tình huống 2:

- Một trong 48 hệ thống xử lý bụi sơn và hơi dung môi tại công đoạn phun sơn gặp sự cố về rò rỉ đường ống, quạt hút, thiết bị hấp phụ than hoạt tính làm phát tán bụi sơn và hơi dung môi ra môi trường.
- Nguyên nhân: sự cố rò rỉ đường ống, hư hỏng quạt hút, thiết bị hấp phụ than hoạt tính hoạt động không hiệu quả.
- Thời gian xảy ra sự cố: Khoảng 9h00 sáng, hoạt động sản xuất và các hoạt động khác của nhà máy vẫn hoạt động bình thường.

- Phạm vi ảnh hưởng: nhỏ, chỉ ảnh hưởng tại các khu vực sản xuất, khu vực xử lý.
- Đối tượng bị tác động: công nhân sản xuất tại khu vực.
- Phân loại sự cố: cấp cơ sở.

Tình huống 4:

- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi gặp sự cố về rò rỉ đường ống, quạt hút, tháp hấp thụ làm phát tán khí thải ra môi trường.
- Nguyên nhân: sự cố rò rỉ đường ống, hư hỏng quạt hút, tháp hấp thụ hoạt động không hiệu quả.
- Thời gian xảy ra sự cố: Khoảng 9h00 sáng, hoạt động sản xuất và các hoạt động khác của nhà máy vẫn hoạt động bình thường.
- Phạm vi ảnh hưởng: nhỏ, chỉ ảnh hưởng tại các khu vực sản xuất, khu vực xử lý.
- Đối tượng bị tác động: công nhân sản xuất tại khu vực.
- Phân loại sự cố: cấp cơ sở.

Phương án ứng phó sự cố khí thải:

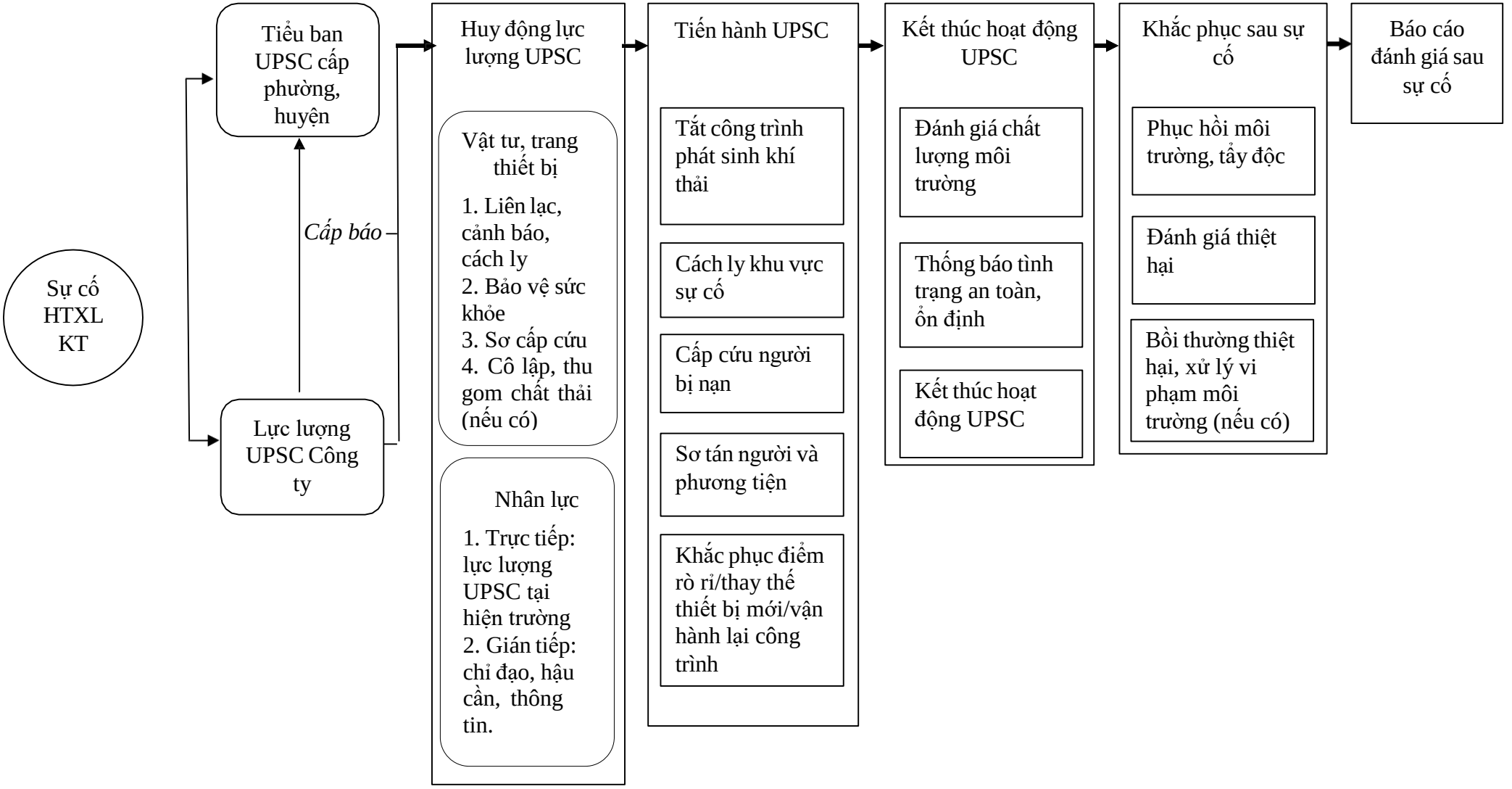

Hình 3.18. Hình ảnh hướng dẫn ứng phó sự cố khí thải.

Bảng 3.34. Hướng dẫn ứng phó sự cố khí thải.

Các bước tiến hành	Người thực hiện	Nội dung thực hiện
I. Ứng phó các sự cố khí thải nội bộ (cấp cơ sở).		
Nhận biết thông tin sự cố	Người phát hiện sự cố	- Xác định vị trí khí thải rò rỉ, phát tán. - Mức độ khí thải rò rỉ, phát tán ra bên ngoài. - Nguyên nhân khí thải bị rò rỉ. - Có nhân viên nào bị ảnh hưởng bởi sự cố khí thải không?
Thông báo cho người có thẩm quyền	Người phát hiện sự cố	- Thông báo cho (Phó) xưởng trưởng và Phó (GĐ ĐH) / đội trưởng đội UPSC. - Báo cáo rõ ràng, chính xác tình hình sự cố khí thải như các thông tin nhận định ở trên
Chỉ đạo ứng phó sự cố	Ban chỉ huy	- Đưa ra phương án, kế hoạch ứng phó sự cố theo mức độ ảnh hưởng của sự cố - Phân công nhiệm vụ ứng phó sự cố - Thông báo sự cố cho các cơ quan chức năng khi cần hỗ trợ
Điều hành ứng phó sự cố	Đội trưởng Đội phó	- Tiếp nhận phương án ứng phó từ ban chỉ huy, trực tiếp điều hành xử lý sự cố - Quan sát, nắm bắt tình hình thực tế và báo cáo cho ban chỉ huy...
Tổ chức ứng phó	Các tổ ứng phó sự cố	**Tổ thông tin** - Tiếp nhận thông tin chỉ đạo từ ban chỉ huy, thông báo tình huống khẩn cấp cho mọi người, bộ phận liên quan trong khu vực. - Hỗ trợ thông tin liên lạc giữa các tổ xử lý
		Tổ sơ tán: - Sơ tán người bị nạn ra khỏi khu vực nguy hiểm đưa người bị nạn tới khu vực an toàn. - Di dời tài sản có giá trị đến nơi an toàn.
		Tổ hậu cần: - Cung cấp BHLĐ, trang thiết bị, dụng cụ UPSC - Liên lạc nhà cung ứng hỗ trợ các thiết bị chuyện dụng (nếu cần) - Chuẩn bị kính phí…
		Tổ ứng phó sự cố tại chỗ: (Tất cả các trường hợp) - Dừng hoạt động phát sinh khí thải - Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân trước khi bước vào khu vực sự cố - Khoanh vùng khu vực xảy ra sự cố rò rỉ khí thải, căng dây cảnh báo. - Bộ phận bảo trì tiến hành khắc phục, sửa chữa vị trí rò rỉ khí thải. - Tiến hành thông thoáng khu vực xảy ra sự cố rò rỉ khí thải hay thực hiện thông gió cưỡng bức nếu cần thiết bằng các phương tiện, thiết bị ứng phó sự cố được trang bị (quạt thông gió, mặt nạ phòng độc…).

		- Trường hợp không thể khắc phục được sẽ liên hệ với đơn vị lắp đặt để hỗ trợ
		Tổ y tế - Tiến hành kiểm tra tình trạng sức khỏe của các nhân viên đang làm việc trong khu vực xảy ra sự cố. Thực hiện cấp cứu nếu có nhân viên bị ngạt, ngộ độc và chuyển đến trung tâm y tế gần nhất
		Tổ an ninh, trật tự: - Bảo vệ hiện trường, đảm bảo an ninh trật tự khu vực xảy ra sự cố
Hoàn thành ứng phó sau sự cố	Bộ phận an toàn môi trường và Các Trưởng bộ phận	- Điều tra nguyên nhân, tính toán chi phí, những ảnh hưởng, tác động đến môi trường… - Báo cáo kết thúc sự cố tràn đổ nước thải cho các bộ phận liên quan và Lãnh đạo công ty
II. Phối hợp với các đơn vị bên ngoài khi sự cố tràn đổ chất thải vượt tầm kiểm soát của Công ty (sự cố cấp huyện)		
Thông báo cơ quan bên ngoài hỗ trợ	Ban chỉ huy UPSC	- Khi xác định sự cố vượt tầm kiểm soát, xử lý của Công ty, người điều hành trực tiếp ứng cứu, xử lý sự cố thông báo cho các đơn vị bên ngoài để hỗ trợ.
Phối hợp với công ty xử lý sự cố	Các lực lượng hỗ trợ bên ngoài (Sở Tài nguyên môi trường Bình Dương, UBND TP.Tân Uyên, Phường Tân Hiệp, đơn vị lấy mẫu,…)	- Khi đến cổng Công ty sẽ được hướng dẫn đến vị trí xảy ra sự cố. - Thực hiện triển khai ứng cứu tại các khu vực cụ thể xảy ra sự cố rò rỉ khí thải. - Xác định các đối tượng bị ảnh hưởng - Lấy mẫu giám định, kiểm tra chất lượng không khí xung quanh bị ảnh hưởng từ việc rò rỉ khí thải
	PCCC thành phố Tân Uyên	- Khi đến cổng Công ty sẽ được hướng dẫn đến vị trí xảy ra sự cố. - Thực hiện triển khai ứng cứu tại các khu vực cụ thể xảy ra sự cố gây cháy nổ
	Công an thành phố Tân Uyên	- Hướng dẫn điều hành giao thông, sơ tán các đối tượng xung quanh bị tác động từ sự cố rò rỉ khí thải
	Cơ quan Y tế	- Trực tiếp sơ cứu và cấp cứu người bị ngạt, ngộ độc do khí thải gây ra
	Đơn vị lắp đặt	- Hỗ trợ kỹ thuật, thiết bị thay thế…
Hoàn thành ứng phó sau sự cố	Công ty phối hợp với các đơn vị, tổ chức có liên quan	- Điều tra nguyên nhân sự cố - Đánh gia mức độ ảnh hưởng, tác động đến môi trường - Lập hồ sơ, khiếu nại, đền bù…(nếu có)

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với kho chứa chất thải rắn:

Sự cố về kho chứa chất thải rắn: chất thải rắn nếu không được lưu trữ theo quy định có thể bị rò rỉ, tràn đỗ hoặc bị cuốn theo nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm môi trường cho

nguồn tiếp nhận. Mặt khác, nếu kho chứa không đảm bảo yêu cầu về phòng chống cháy nổ khi xảy ra sự cố cháy nổ gây tác động lớn đến môi trường, con người và tài sản.

Phát tán tại chỗ: Do rò rỉ thiết bị chứa, chiết rót... dẫn đến chất thải phát tán ra nền nhà kho chứa, với số lượng lớn sẽ phát tán ra môi trường,

Phát tán cưỡng bức: Do kho chứa có chất dễ cháy, nổ, hoặc được xây dựng cạnh các thiết bị có khả năng phát nổ như nồi hơi... trong quá trình sản xuất vô tình gây nổ kho chứa vì một lý do nào đó nêu trên dẫn đến chất thải nguy hại theo sức ép của vụ nổ mà phát tán mạnh ra môi trường xung quanh, không theo diễn biến cố định ảnh hưởng lớn đến tài sản, tính mạng con người cũng như môi trường xung quanh.

Kịch bản ứng phó khi có sự cố xảy ra:

Tình huống 1: Phương án xử lý tình huống đo tràn trong quá trình lưu trữ chất thải:

a) Vị trí đổ tràn:

Tại nhà kho chất thải nguy hại;

Chất thải đổ tràn là hóa chất thải hoặc dầu nhớt thải ra từ quá trình bảo trì máy móc được vận chuyển xuống kho chứa CTNH;

b) Thời gian xảy ra đổ tràn:

Xảy ra lúc A giờ B phút ngày X tháng Y năm Z

c) Nguyên nhân xảy ra đổ tràn:

Trong quá trình sắp xếp nhân viên để chồng các thùng chứa nhớt thải lên nhau tại kho và gây ra đổ tràn;

d) Thời gian diện tích đổ tràn:

Thời gian từ khi đổ tràn tới khi khoanh vùng là: 2 phút

Diện tích đổ tràn đến khi triển khai lực lượng ứng phó tại chỗ là: 3 m^2

e) Yếu tố gây ảnh hưởng tác động lớn tới việc khoanh vùng:

Xung quanh là các thùng chứa CTNH khác nhau cần phải di chuyển các thùng chứa này ra ngoài;

f) Tổ chức triển khai lực lượng:

- Lực lượng: 4 nhân viên đội UPSC chất thải công ty và 3 nhân viên bảo vệ;

- Phương tiện: 02 bộ ứng phó đổ tràn, 2 mặt nạ phòng độc, 2 ủng cao su, 2 bao tay chống hóa chất, 2 khẩu trang than hoạt tính, 2 mắt kính, 2 tạp dề, 1 cuộn dây cảnh báo;

- Người chỉ huy: chia đội UPSC chất thải cơ sở làm 04 tổ và do người chỉ huy điều khiển như sau:

Tổ Thông tin liên lạc: Gồm 1 người. Có nhiệm vụ:

+ Khi phát hiện đổ tràn báo động khu vực tại đó biết bằng cách hô to, dầu nhớt đổ tràn, dầu nhớt đổ tràn ... hoặc sử dụng loa hay kẻng, cô lập khu vực không cho phương tiện, người qua lại. Báo cáo ngay cho Chỉ huy Đội UPSC cơ sở biết vị trí và tình hình đổ tràn;

+ Làm các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chỉ huy UPSC.

Tổ cứu hộ: Gồm 3 người thực hiện các nhiệm vụ:

+ Nhanh chóng căng dây cảnh báo và thực hiện giám sát khu vực vào khu nhà kho chứa chất thải.

Tổ UPSC: Gồm 2 người. Có nhiệm vụ:

+ Nhanh chóng sử dụng phương tiện bảo hộ lao động, thiết bị ứng phó sự cố khẩn

cấp để tiến hành cô lập, khoanh vùng không cho chất thải chảy lan ra môi trường.

+ Thu hồi chất thải tràn đổ và chứa trong thùng chứa chất thải kín.

+ Báo cáo tình hình diễn biến cho Chỉ huy UPSC.

Tình huống 2: Phương án xử lý tình huống chập điện dẫn đến cháy kho chất thải:

a) Vị trí xảy ra: Tại nhà kho chất thải tập trung; Chập đường dây điện dẫn đến phát lửa ở khu vực này.

b) Thời gian xảy ra: Xảy ra lúc A giờ B phút ngày X tháng Y năm Z.

c) Nguyên nhân xảy ra: chập điện.

d) Thời gian phát hiện sự cố: ngay khi xảy ra chập điện và bắt cháy; Vị trí gần kho CTNH.

e) Yếu tố gây ảnh hưởng tác động lớn tới việc ứng phó: các thùng rác đang sắp xếp để nhập kho lưu trữ.

f) Tổ chức triển khai lực lượng:

- Lực lượng: 4 nhân viên đội UPSC chất thải công ty và 3 nhân viên bảo vệ;

- Phương tiện: 02 bình cứu hỏa, 2 mặt nạ phòng độc, 2 khẩu trang than hoạt tính, 2 mắt kính, cát chuyên dụng, 1 cuộn dây cảnh báo.

- Người chỉ huy: chia đội UPSC chất thải cơ sở làm 04 tổ và do người chỉ huy điều khiển như sau:

Tổ Thông tin liên lạc: Gồm 1 người. Có nhiệm vụ:

+ Khi phát hiện đổ tràn báo động khu vực tại đó biết bằng cách hô to, dầu nhớt đổ tràn, dầu nhớt đổ tràn ... hoặc sử dụng loa hay kẻng, cô lập khu vực không cho phương tiện, người qua lại. Báo cáo ngay cho Chỉ huy Đội UPSC cơ sở biết vị trí và tình hình đổ tràn;

+ Liên lạc với UBND phường Tân Hiệp, Ban chỉ huy phòng chống ứng phó sự cố và tìm kiếm cứu nạn Tp. Tân Uyên và Đội PCCC Tp. Tân Uyên theo lệnh của chỉ huy khi sự cố vượt ngoài khả năng ứng phó.

+ Làm các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chỉ huy UPSC.

Tổ cứu hộ: Gồm 3 người thực hiện các nhiệm vụ:

+ Nhanh chóng căng dây cảnh báo và thực hiện giám sát khu vực vào khu nhà kho chứa chất thải.

Tổ UPSC: Gồm 2 người. Có nhiệm vụ:

+ Nhanh chóng sử dụng phương tiện bảo hộ lao động, thiết bị ứng phó sự cố khẩn cấp để tiến hành ngắt điện, chữa cháy.

+ Phủ cát lên các các loại chất thải dễ bắt cháy và đi chuyển chất thải nhanh nhất đến khu tập kết mới thành lập.

+ Báo cáo tình hình diễn biến cho Chỉ huy UPSC.

6.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

6.4.1. Biện pháp giảm thiểu tai nạn lao động:

Trong quá trình lao động, tai nạn lao động có thể xảy ra bất kỳ công đoạn nào, thời điểm nào. Do đó để giảm thiểu tai nạn lao động, Chủ dự án đưa ra nội quy cho Nhà máy như sau:

- CBCNV thực hiện đúng tác phong công nghiệp;
- Thường xuyên tổ chức khám sức khỏe cho CBCNV theo định kỳ;

- Tuyên truyền, giáo dục công nhân có ý thức chấp hành nội quy của Nhà máy, tổ chức khen thưởng cho những CBCNV có ý thức BVMT. Đồng thời áp dụng những biện pháp xử phạt nghiêm khắc đối với những công nhân không tuân theo nội quy.

6.4.2. Biện pháp phòng tránh tai nạn điện:

- Không chạm vào chỗ đang có điện trong nhà máy như: Ổ cắm điện, cầu dao, cầu chì không có nắp đậy; chỗ tróc vỏ bọc cách điện của dây dẫn điện; chỗ nối dây; dây điện trần…để không bị điện giật chết người.
- Dây điện trong nhà máy phải được đặt trong ống cách điện và dùng loại dây có vỏ bọc cách điện, có tiết diện dây đủ lớn để có dòng điện cho phép của dây dẫn lớn hơn dòng điện phụ tải để dây điện không bị quá tải gây chạm chập, phát hỏa trong nhà
- Phải lắp cầu dao hay áptomát ở đầu đường dây điện chính trong nhà, ở đầu mỗi nhánh dây phụ và lắp cầu chì ở trước các ổ cắm điện để ngắt dòng điện khi có chạm chập, ngăn ngừa phát hỏa do điện.
- Khi sử dụng các công cụ điện cầm tay (máy khoan, máy mài…) phải mang găng tay cách điện hạ thể để không bị điện giật khi công cụ bị rò điện.
- Khi sửa chữa điện phải cắt cầu dao điện và treo bảng *"Cấm đóng điện, có người đang làm việc"* tại cầu dao để không bị điện giật.
- Không đóng cầu dao, bật công tắc điện khi tay ướt, chân không mang dép, đứng nơi ẩm ướt để không bị điện giật .
- Không để trang thiết bị điện phát nhiệt ở gần đồ vật dễ cháy nổ để không làm phát hỏa trong nhà máy.
- Các thiết bị điện, đồ dùng điện, cầu dao điện, công tắc, ổ cắm điện…bị hư hỏng phải sửa chữa, thay thế ngay để người sử dụng không chạm phải các phần dẫn điện gây điện giật chết người.
- Không sử dụng dây điện, thiết bị điện, đồ dùng điện có chất lượng kém vì các thiết bị này có lớp cách điện xấu dễ gây chạm chập, rò điện ra vỏ gây điện giật chết người và dễ gây phát hỏa trong nhà máy.

6.4.3. Biện pháp giảm thiểu tai nạn giao thông:

Cũng như giai đoạn xây dựng, khi Nhà máy đi vào vận hành thì mật độ gia thông ra vào khu vực Nhà máy tăng lên, nên dễ xảy ra tai nạn giao thông, để giảm thiểu sự cố này Chủ dự án áp dụng một số biện pháp như sau:

- Tuyên truyền, giáo dục cho CBCNV ý thức chấp hành luật an toàn giao thông khi tham gia giao thông;
- Thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật các phương tiện vận tải để đảm bảo an toàn giao thông;

6.4.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ nguyên, nhiên liệu, hóa chất:

Công ty tuân thủ các quy định của:

- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều cuả Luật hóa chất.

- Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương về quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.

a/ Danh sách các điểm nguy cơ:

Bảng 3.35. Các vị trí có nguy cơ xảy ra sự cố hóa chất.

TT	Điểm nguy cơ	Khu vực tập trung hóa chất	Nguy cơ xảy ra sự cố hoá chất	Nguyên nhân
1	Kho chứa hóa chất	Các loại hóa chất để xử lý nước thải, hóa chất tẩy rửa bề mặt, sơn và dung môi	Rò rỉ, tràn đổ, cháy nổ	+ Do cháy lan từ các khu vực lân cận lan sang kho chứa hóa chất dẫn đến cháy nổ. + Do các sự cố về điện: Chập mạch, quá tải… + Do nhân viên vi phạm về quy định an toàn PCCC: Đem nguồn lửa trần hoặc hút thuốc vào trong khu vực kho chứa dẫn đến cháy nổ. + Do nhân viên không thực hiện đúng quy tắc an toàn lao động trong quá trình nhập các loại hóa chất. + Do vật chứa bị khiếm khuyết, không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. + Tràn đổ rò rỉ hóa chất khi bao bì chứa bị rách thủng trong quá trình vận chuyển và bốc vác, do vật nhọn làm thủng. + Xe nâng bị sự cố gây đổ can thùng làm rò rỉ hóa chất.
2	Khu vực chứa hóa chất chờ sản xuất	Các loại hóa chất để tạm trước khi sử dụng cho quy trình sản xuất	Tràn đổ, rơi vãi	+ Nhân viên lái xe nâng do bất cẩn trong quá trình vận chuyển nên làm rơi đổ các thùng chứa hóa chất gây tràn đổ + Các thùng chứa hóa chất bị khiếm khuyết, không đảm bảo yêu cầu kĩ thuật + Các thùng chứa để quá cao, sai quy định làm rơi vãi, tràn đổ
3	Khu vực sản xuất	Chứa các hóa chất phục vụ cho quy trình sản xuất	Tràn đổ, chập điện, cháy nổ	+ Nhân viên vận chuyển bất cẩn làm rơi đổ hóa chất + Máy móc trong quá trình vận hành gặp trục trặc, hở mạch điện gây ra cháy nổ + Do nhân viên không thực hiện đúng quy trình sản xuất + Nhân viên vô ý thức để hóa chất kỵ nhau cùng một chỗ
4	Khu vực xử lý nước thải	Hóa chất xử lý nước	Khu vực chứa thông thoáng, lối đi chính trong kho rộng, nhiệt độ ổn định Hóa chất được xếp trên pallet	Tràn đổ

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

b/ Dự báo các tình huống sự cố:

Trong quá trình tiếp nhận và tồn chứa hóa chất, nguy cơ xảy ra sự cố hóa chất luôn tiềm ẩn và rất dễ xảy ra nếu không có các biện pháp phòng ngừa cụ thể thì hóa chất tràn đổ ra môi trường hoặc cháy nổ do một số nguyên nhân cơ bản sau:

- **Sự cố cháy, nổ hóa chất do các nguyên nhân sau:**
  - Hóa chất rò rỉ ra ngoài gặp nguồn nhiệt.
  - Do sự cố chập điện.
  - Do bị sét đánh.

- Do kẻ gian phá hoại.
- Do bị ảnh hưởng cháy lan từ các khu vực chứa hóa chất tiếp giáp khác.
- Do sự bất cẩn của nhân viên vi phạm quy tắc an toàn trong quá trình sản xuất và bảo quản.
- Do vi phạm về quy định an toàn PCCC: Đem nguồn lửa vào khu vực chứa hóa chất, hút thuốc,…

Sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất trong quá trình xuất nhập và bảo quản:

Trong quá trình tiếp nhận và cung ứng hóa chất từ xe tải, xe nâng gặp các sự cố xảy ra do:

- Bục (thủng) bao bì hóa chất làm cho hóa chất tràn ra ngoài.
- Vận chuyển hóa chất sai quy định, gây rơi đổ hóa chất ra ngoài.
- Va chạm do sự dao động của các hóa chất của bên công ty vận chuyển.
- Các bao chứa bị thủng, bể trong quá trình vận chuyển do các vật sắc nhọn ở hai bên thành hoặc đinh trồi lên trên mặt sàn của xe vận chuyển.

Trong quá trình lưu giữ bảo quản các sự cố có thể xảy ra do sắp xếp các bao hóa chất không đúng theo quy định, quá cao không đảm bảo an toàn gây ra ngã, đổ tràn hóa chất ra bên ngoài.

c/ Các biện pháp nhằm giảm thiểu khả năng xảy ra sự cố

c.1/ Biện pháp chung

+ Lắp các biển cảnh báo tính chất nguy hiểm của từng loại hóa chất; nội quy lưu trữ hóa chất tại các khu vực lưu trữ hóa chất;

+ Cung cấp đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động và đảm bảo các nhân viên phải sử dụng trang bị phòng hộ lao động cần thiết khi làm việc, tiếp xúc với hóa chất;

+ Nghiêm chỉnh thực hiện các kế hoạch kiểm tra, giám sát định kỳ để tìm ra các mối nguy tiềm ẩn; thực hiện kiểm tra định kỳ đối với các thiết bị PCCC;

+ Định kỳ cử cán bộ chuyên trách tham gia các lớp tập huấn về an toàn PCCC, kỹ thuật an toàn hóa chất và an toàn lao động khác nhằm nâng cao ý thức về an toàn lao động, tự bảo vệ cho chính mình và người khác;

+ Tuân thủ các quy định, TCVN về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất độc hại; các TCVN về an toàn PCCC; các nguyên tắt lưu trữ chung hóa chất;

+ Trong quá trình nhập kho, cần kiểm tra kỹ bao bì chứa đựng hóa chất để đảm bảo không có hiện tượng rách thủng bao bì, tránh hiện tượng rò rỉ tràn đổ. Nếu phát hiện có hiện tượng rách thủng thì phải để riêng và xử lý trước khi cho nhập kho;

+ Thường xuyên kiểm tra, giám sát và gia cố hệ thống nhà kho, khu vực chứa hóa chất, đảm bảo các ngăn, kệ chứa được chắc chắn; tường rào, mái che phải đảm bảo nhất là vào mùa mưa bão;

+ Lắp đặt hệ thống thu lôi, chống sét phòng chống sự cố do sét; tổ chức đo điện trở dây tiếp địa của hệ thống chống sét định kỳ hằng năm vào trước mùa mưa;

+ Các loại hóa chất được phân loại và xếp từng khu vực riêng, tránh các vật liệu không tương thích nhằm tránh các loại hóa chất tự phản ứng với nhau gây nguy cơ cháy, nổ;

+ Khu vực xung quanh kho được đảm bảo trống, không lưu các vật dụng dễ cháy như gỗ, thùng giấy, rác thải...;

+ Sử dụng các biển cảnh báo nguy hiểm, lưu ý và nội quy nhằm nhắc nhở nhân viên làm việc và tiếp xúc với hóa chất;

+ Ngắt hệ thống điện, chiếu sáng khu vực kho chứa, sản xuất khi không hoạt động;

+ Thường xuyên tổ chức tự kiểm tra an toàn PCCC và kết hợp với cơ quan Cảnh sát

PCCC định kỳ kiểm tra tại các vị trí hoạt động cơ sở.

c.2/ Biện pháp cụ thể đối với từng khu vực chứa hóa chất

Bảng 3.36. Biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất

STT	Điểm nguy cơ	Nguy cơ SCHC	Giải pháp phòng ngừa
1	Kho chứa hóa chất	Rò rỉ, tràn đổ, cháy nổ	- Sắp xếp hàng hóa theo đúng quy định của pháp luật (chiều cao không quá 2m, cách tường...) và đồng thời công ty cũng cần chuẩn bị và bố trí các bình chữa cháy, giẻ lau ở phía trước Kho để có thể xử lý tình huống nhanh nhất, ngăn chặn hóa chất bị chảy lan ra diện rộng khi có sự cố xảy ra. - Lắp đặt các biển cảnh báo tính chất nguy hiểm cho từng loại hóa chất tại các khu vực có lưu trữ hóa chất. - Thường xuyên kiểm tra chất lượng, khả năng chịu tải của các bao bì, phuy hóa chất để tránh bị hư hỏng dẫn đến tràn đổ hóa chất. - Tuân thủ tuyệt đối các nội quy, quy định về an toàn trong lao động, kịp thời ứng phó với sự cố tràn đổ. - Tăng cường kiểm tra công tác an ninh, đề cao cảnh giác với các đối tượng lạ mặt trong khu vực kho để tránh tình trạng đáng tiếc xảy ra. - Tăng cường kiểm tra thường xuyên khu vực nhà xưởng, kho. - Trang bị Sơ đồ thể hiện vị trí bố trí trang thiết bị bảo hộ cá nhân và thiết bị ứng phó sự cố hóa chất. - Trang bị nội quy an toàn hóa chất. - Trang bị Sơ đồ thể hiện vị trí để dụng cụ y tế, Sơ đồ thể hiện đường, lối thoát hiểm, Trang bị Sơ đồ thể hiện điểm tập trung khi sơ tán. - Trang bị vòi rửa mắt và tắm rửa khẩn cấp. - Định kỳ Kiểm tra sức chịu tải của hệ thống kệ chứa. - Đảm bảo không xếp hóa chất quá tải trọng của kệ chứa.
2	Kho chứa hóa chất chờ sản xuất	Rò rỉ, tràn đổ	- Định kỳ kiểm tra khối lượng, tình trạng của thiết bị, phương tiện chứa hóa chất. - Trang bị nội quy an toàn hóa chất. - Trang bị Sơ đồ thể hiện vị trí để dụng cụ y tế, Sơ đồ thể hiện đường, lối thoát hiểm, Sơ đồ thể hiện điểm tập trung khi sơ tán. - Lắp đặt các biển cảnh báo tính chất nguy hiểm cho từng loại hóa chất tại các khu vực có lưu trữ hóa chất - Trang bị vòi rửa mắt và tắm rửa khẩn cấp. - Trang bị bộ xử lý tràn đổ Spill kits. - Thường xuyên kiểm tra các phương tiện vận chuyển, các thiết bị nâng bảo đảm an toàn trước khi tiến hành vận chuyển hóa chất nguy hiểm vảo khu vực sản xuất - Trong quá trình vận chuyển hóa chất, phải đảm bảo hóa chất được vận chuyển đúng quy định, đảm bảo không tiếp xúc với nước mưa, ánh sáng mặt trời trực tiếp và ngăn chặn việc hóa chất rơi vãi trên đường
3	Khu vực sản xuất	Cháy nổ	- Trang bị nội quy an toàn hóa chất. - Trang bị Sơ đồ thể hiện vị trí để dụng cụ y tế, Sơ đồ thể hiện đường, lối thoát hiểm, Sơ đồ thể hiện điểm tập trung

			khi sơ tán. - Lắp đặt các biển cảnh báo tính chất nguy hiểm cho từng loại hóa chất tại các khu vực có lưu trữ hóachất - Trang bị đồ bảo hộ cho nhân viên làm việc trực tiếp với máy móc, dây chuyền sản xuất - Trang bị vòi rửa mắt và tắm rửa khẩn cấp. - Trang bị các bảng quy trình thực hiện công việc - Thường xuyên kiểm tra các thiết bị điện, các móc vận hành để kịp thời phát hiện rủi ro.
4	Khu vực xử lý nước thải	Tràn đổ	- Trang bị nội quy an toàn hóa chất. - Thường xuyên kiểm tra các đường ống thoát nước, hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện vấn đề - Các hóa chất xử lý nước thải được đặt ở vị trí thông thoáng, khô ráo - Kiểm tra bao bì hóa chất trước khi đem ra sử dụng để tránh tình trạng trong quá trình vận chuyển bao bì bị thủng gây tràn đổ hóa chất

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

d/ Cách thức điều hành và trực tiếp cứu hộ, xử lý sự cố:

Đối với sự cố xảy ra rò rỉ hoá chất khối lượng nhỏ và phát sinh đám cháy nhỏ cục bộ:

Nhân viên phát hiện ra đám cháy, nhanh chóng thực hiện các công việc sau:

- Trước hết phải báo động cháy, cắt tất cả các nguồn điện, người phát hiện sự cố báo ngay cho Đội trưởng hoặc Đội phó Đội ứng phó sự cố tại công ty.

- Cô lập vùng phát sinh sự cố rò rỉ hoá chất.

Đội trưởng hoặc Đội phó Đội ứng phó sự cố chỉ đạo đội viên dùng các bình chữa cháy tiến hành dập tắt lửa (song song đó cần phán đoán có nhất thiết gọi lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp hay không) theo phương án phòng cháy chữa cháy đã xây dựng.

Đối với sự cố rò rỉ hoá chất khối lượng lớn gây cháy nổ phức tạp:

Nhân viên hoặc công nhân làm việc tại công ty phát hiện ra sự cố, trước hết phải báo động cháy, cắt tất cả các nguồn điện và báo ngay cho Đội trưởng hoặc Đội phó đội ứng phó sự cố tại Công ty.

Đội trưởng hoặc Đội phó Đội ứng phó sự cố chỉ đạo Đội dùng các phương tiện chữa cháy tại cơ sở để tiến hành chữa cháy tại chỗ và nhanh chóng báo ngay tới lực lượng Đội Cảnh Sát PCCC&CNCH khu vực phường Tân Hiệp để được hỗ trợ (tiến hành theo phương án PCCC đã xây dựng).

e/ Kế hoạch phối hợp hành động của các lực lượng bên trong, phối hợp với lực lượng bên ngoài:

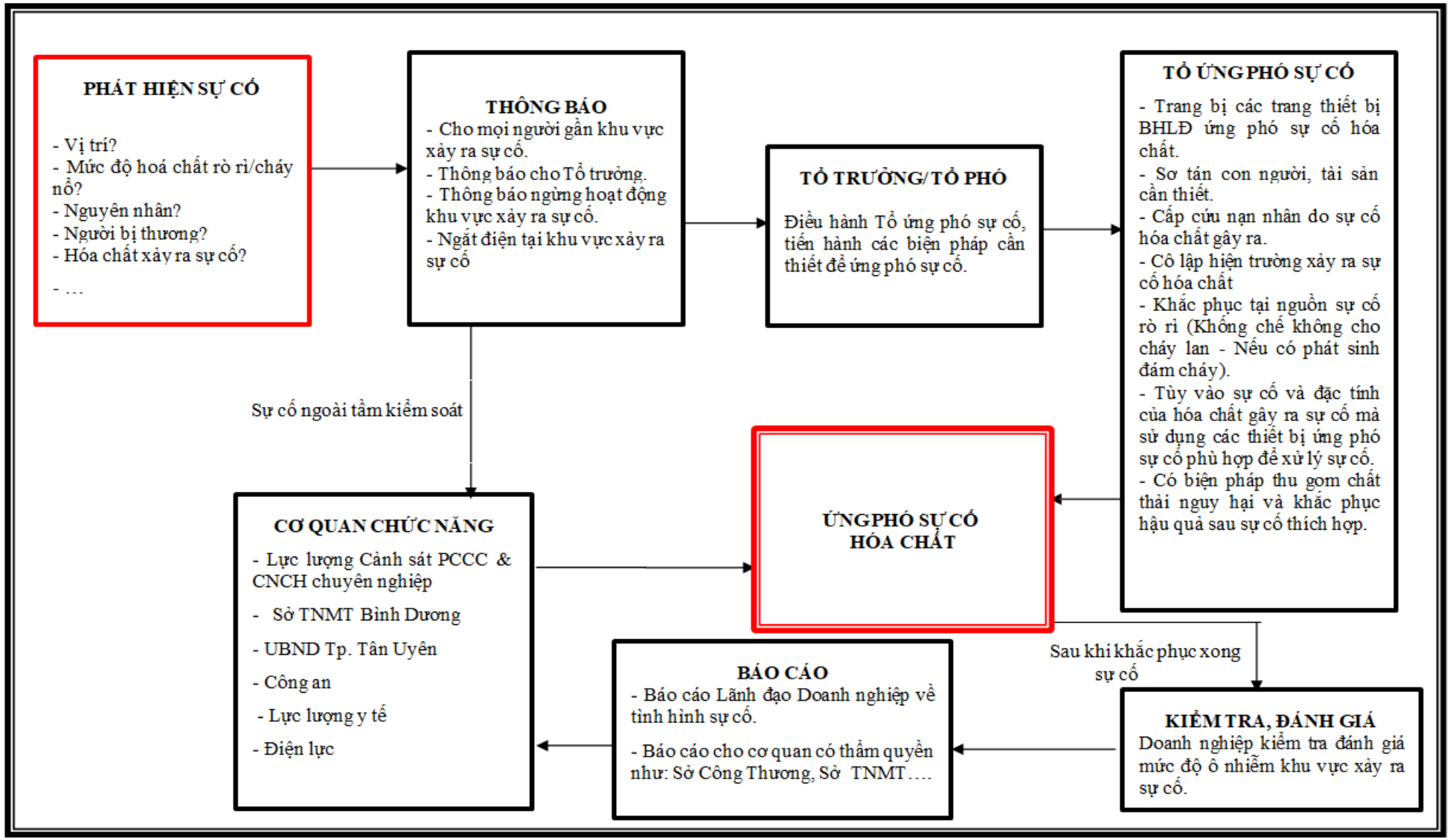

Hình 3.19. Kế hoạch phối hợp hành động của các lực lượng bên trong, phối hợp với lực lượng bên ngoài

e.1/ Trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất:

Bảng 3.37. Quy trình ứng phó khi xảy ra sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất

STT	Quy trình	Hành động
I	**Phối hợp nội bộ**	
1	Người phát hiện – Nhân viên làm việc trực tiếp tại Công ty	- Nhận biết được các thông tin sự cố: + Sự cố xảy ra ở đâu? + Hóa chất xảy ra sự cố? + Mức độ rò rỉ? + Rò rỉ ở đâu? + Số người bị thương? - Thông báo cho mọi người trong khu vực xảy ra sự cố và người phụ trách khu vực hoặc gọi cho bảo vệ để báo vào số điện thoại khẩn cấp. - Thông báo sự cố cho Đội trưởng/ Đội phó đội phòng ngừa ứng phó sự cố của Công ty; Báo cáo rõ ràng, chính xác cho Đội trưởng hoặc Đội phó Đội ứng phó sự cố hóa chất của đơn vị tình hình sự cố hóa chất rò rỉ hiện tại. - Tham gia hành động ứng cứu khẩn cấp (nếu thuộc lực lượng cứu hộ và xử lý sự cố cơ sở) hoặc trở về vị trí làm việc của mình. - Nhận sự sắp xếp nhiệm vụ từ cấp trên.
2	Người điều hành trực tiếp ứng cứu, xử lý sự cố - Đội trưởng hoặc Đội phó	- Nắm tình hình, điều động đội ứng phó sự cố hóa chất. Thông báo tình huống khẩn cấp cho mọi người, bộ phận liên quan trong Trung tâm thương mại hóa chất theo quy trình thông báo tin khẩn cấp, yêu cầu mọi người thực hiện đúng theo quy trình ứng cứu sự cố khẩn cấp. Báo cáo với cơ quan hữu quan nhà nước và các đơn vị hỗ trợ bên ngoài nếu có yêu cầu. - Sau khi khắc phục xong: yêu cầu phân tích xác định nồng độ hóa chất trong không khí, nguồn nước (nếu có ảnh hưởng) khu vực sự cố và báo cáo lại tình hình cho Lãnh đạo công ty.
3	Thành viên Đội ứng phó sự cố cơ sở.	- Nghe theo mệnh lệnh của Đội trưởng/ đội phó đội phòng ngừa ứng phó sự cố công ty trực tiếp xử lý sự cố.
II	**Phối hợp với các đơn vị bên ngoài khi sự cố rò rỉ hóa chất vượt khỏi tầm kiểm soát của Công ty**	
1	Lực lượng PCCC chuyên nghiệp	- Khi đến cổng Công ty sẽ được hướng dẫn đến vị trí xảy ra sự cố. - Thực hiện triển khai ứng cứu tại các khu vực cụ thể. Lực lượng đội ứng phó sự cố tại chỗ phối hợp và hỗ trợ với các lực lượng PCCC chuyên nghiệp dập tắt đám cháy, bảo vệ hiện trường cháy…

2	Lực lượng Cảnh sát, dân phòng	- Lực lượng tại chỗ kết hợp với lực lượng cảnh sát, dân phòng phong tỏa, bảo vệ hiện trường cháy, đảm bảo an ninh, trật tự khu vực xảy ra cháy để việc chữa cháy diễn ra thuận lợi và nhanh chóng, đề phòng kẻ gian lợi dụng thời cơ.
3	Cơ quan Y tế	Trực tiếp sơ cứu và cấp cứu người bị nhiễm độc do sự cố.

e.2/ Trường hợp xảy ra cháy:

- Trong tình huống này, triển khai toàn lực các phương tiện chữa cháy tại khu vực hóa chất tới nơi xảy ra cháy theo phương án chữa cháy nội bộ. Tùy vào mức độ nghiêm trọng, tiến hành thông báo và kêu gọi ứng cứu từ đội PCCC bên ngoài.

- Cô lập đám cháy, ngăn ngừa hiện tượng cháy lan, bảo vệ hiện trường và tạo thuận lợi cho lực lượng chữa cháy làm việc. Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa sự cố nổ và các sự cố phát sinh do hóa chất.

- Bảo vệ hiện trường sau khi đã khắc phục đám cháy, phục vụ cho công tác thống kê, đánh giá, điều tra, lập biên bản của bộ phận chức năng.

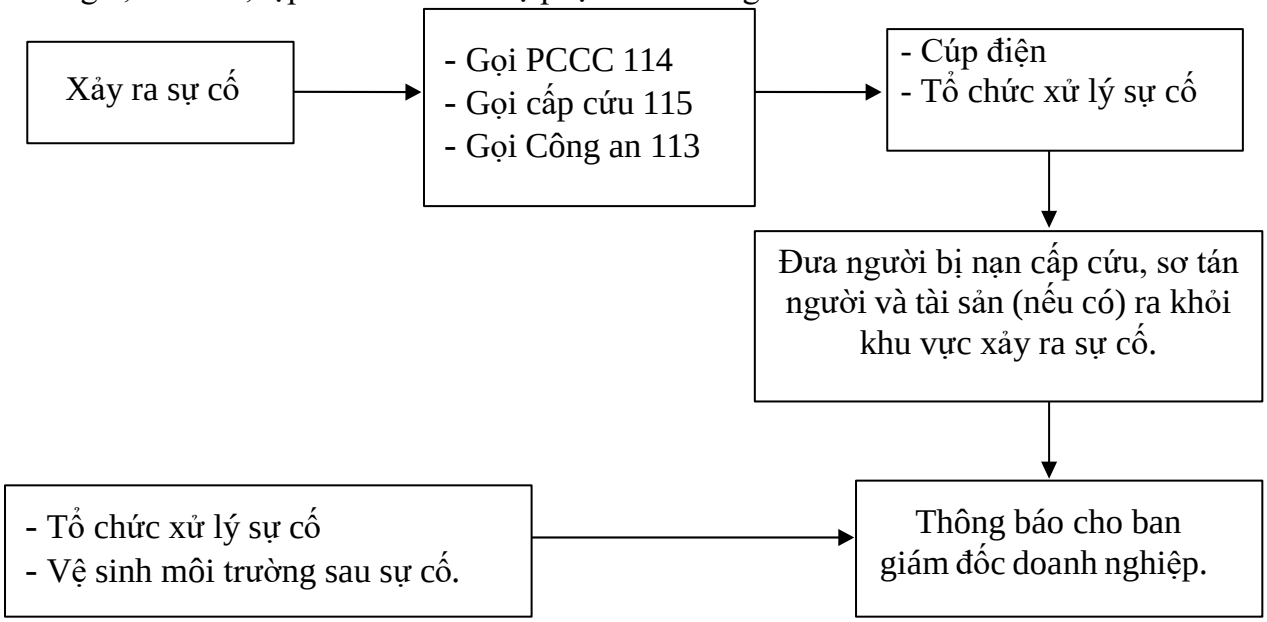

Hình 3.20. Sơ đồ xử lý sự cố khi xảy ra cháy.

e.3/ Kế hoạch sơ tán người, tài sản

- **Trường hợp xảy ra cháy nổ:**

Giám đốc hoặc người được ủy quyền khi giám đốc vắng mặt sẽ giám sát, chỉ huy và điều hành lực lượng ứng phó đối với sự cố cháy nổ.

Khi xảy ra sự cố hóa chất cháy nổ thì lập tức báo động sơ tán những người không phận sự có mặt tại hiện trường và các khu vực có khả năng chịu tác động kế bên. Sơ tán ngay những nguồn có thể gây nguy hiểm hoặc là tác nhân gây ra các sự cố tiếp theo (nguồn lửa, nhiệt, máy cắt hàn, cắt cầu dao điện…). Ngoài ra, nhanh chóng sơ tán, di chuyển các tài sản có giá trị, cũng như các hồ sơ, giấy tờ quan trọng ra khỏi hiện trường cháy nổ.

Sau khi sơ tán người và tài sản thì cô lập vùng nguy hiểm, cảnh báo cho người không phận sự không được tập trung tại khu vực sự cố.

- **Trường hợp rò rỉ hoá chất:**

Cá nhân phát hiện hô hoán thông báo cho mọi người trong khu vực có sự cố biết, đồng

thời yêu cầu những người không có nhiệm vụ hoặc không được trang bị các trang thiết bị phòng độc di chuyển khỏi hiện trường theo hướng ngược chiều gió.

- **Kế hoạch huấn luyện theo định kỳ:**

Định kỳ tổ chức đào tạo, huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn hóa chất cho tất cả các cán bộ công nhân viên tại công ty.

Thường xuyên nhắc nhở nhân viên về an toàn hóa chất và phòng cháy chữa cháy trong các cuộc họp tổ, họp giao ban hàng tuần, hàng tháng.

Một số tình huống diễn tập giả định:

- **Tình huống 1: Cháy tại khu vực nhà kho:**

Nguyên nhân: Do lỗi về điện trong hệ thống điện của cơ sở…Cháy tại khu vực để hóa chất dễ cháy. Chất cháy chủ yếu: hóa chất dễ cháy là axit axetic

- Thời gian xảy ra cháy: 12 giờ 20 phút, ngày X tháng Y năm N, thời điểm xảy ra cháy các nhân viên đang nghỉ trưa.

Khả năng phát triển của đám cháy:

Do cháy trong khoảng thời gian nghỉ trưa nên đám cháy nhanh chóng lan theo các dãy hóa chất khu vực chứa chất dễ cháy của kho hàng.

Đám cháy tỏa ra nhiều khói khí độc, nhiệt độ đám cháy tăng cao, đe dọa đến tính mạng và sức khỏe của những người bị kẹt lại trong đám cháy.

Dự kiến thiệt hại do cháy:

+ Về người: không thể lường trước được

+ Về tài sản: vài chục đến vài trăm triệu đồng Kế hoạch triển khai chữa cháy:

Nhiệm vụ cụ thể của Lực lượng PCCC tại chỗ:

- Khi xảy ra cháy (xe chữa cháy chưa đến nơi) lực lượng PCCC tại chỗ cơ sở phải tự tổ chức công tác chữa cháy.

Lực lượng PCCC tại kho chứa hàng, bình chữa cháy các loại tại kho và có thể huy động được lực lượng bảo vệ, bình chữa cháy, các phương tiện khác như cát, xẻng xô… từ các xưởng trong Công ty.

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Đội PCCC kho chứa hàng thực hiện một số công tác chữa cháy và cứu hộ như sau:

- Chỉ huy chữa cháy là – Giám Đốc hoặc người chỉ huy tạm thời là – Đội trưởng.
- Khi phát hiện cháy, có nhiệm vụ báo động toàn Công ty bằng cách hô lớn, đánh kẻng để gây sự chú ý; báo cáo cho Lãnh đạo - người chịu trách nhiệm cao nhất cho biết vị trí tình hình diễn biến đám cháy, gọi điện thoại báo cháy đến lực lượng Cảnh sát PCCC số "114".
- Nhanh chóng cúp điện toàn bộ nhà kho. Ngoài ra gọi điện thoại báo cháy cho lực lượng Công an địa phương theo số "113", điện lực, Trạm y tế phường Tân Hiệp, Trung tâm y tế Tp.Tân Uyên theo số "115". Thông báo cho mọi người trong khu vực cháy phải thật bình tĩnh theo hướng chỉ dẫn để thoát ra ngoài. Cử người ra đón và hướng dẫn xe chữa cháy đến điểm tập kết, chỉ nguồn nước cho xe chữa cháy đến lấy nước.
- Tổ chức cứu những người mắc kẹt trong đám cháy thông qua việc điểm danh quân số tại khu vực cháy.
- Dùng bình chữa cháy và các xô xách nước, tổ chức chữa cháy ban đầu bằng các phương tiện chữa cháy tại chỗ, tập trung bình chữa cháy ở các vị trí đến nơi xảy ra cháy.

- Sử dụng chiến thuật chữa cháy theo mặt lửa và ngăn không để cho đám cháy cháy lan sang Công ty bên cạnh.

- Khi lực lượng cảnh sát PCCC đến nơi, Chỉ huy trưởng lực lượng PCCC cơ sở báo cáo lại toàn bộ tình hình, diễn biến đám cháy cho chỉ huy trưởng lực lượng cảnh sát PCCC, đồng thời phối hợp cứu người bị nạn và hướng dẫn cho lực lượng Cảnh sát PCCC sử dụng hệ thống chữa cháy tại chỗ để chữa cháy và cứu nạn - cứu hộ đạt hiệu quả cao.

- Phối hợp lực lượng Công an địa phương, dân phòng chốt chặn lối ra vào Công ty, không cho người không có nhiệm vụ vào khu vực xảy ra cháy gây cản trở việc chữa cháy.

- Có trách nhiệm hướng dẫn lực lượng Cảnh sát PCCC, các lực lượng khác vào làm nhiệm vụ.

Nhiệm vụ cụ thể của Lực lượng PCCC chuyên nghiệp:

Khi nhận tin báo cháy, chỉ huy trực nhanh chóng điều động lực lượng PCCC đến hỗ trợ chữa cháy tại Công ty. Trên đường đến đám cháy điện thoại huy động các Đội PCCC các khu công nghiệp lân cận trong khu vực theo kế hoạch huy động cùng tham gia hỗ trợ chữa cháy. Khi đến đám cháy chỉ huy PCCC nhanh chóng nắm tình hình diễn biến và kết quả cứu chữa của lực lượng tại chỗ, đồng thời cho lực lượng triển khai phương tiện phun nước chữa cháy và làm mát khu vực lân cận. Tùy thuộc vào tình hình đám cháy, Chỉ huy PCCC tại hiện trường nhanh chóng báo lãnh đạo Phòng xin chi viện theo tính toán và kế hoạch điều động.

Tổ chức tìm kiếm cứu người bị nạn: tiến hành tìm kiếm cứu nạn nhân trong khu vực cháy ra giao lực lượng cứu nạn - cứu hộ để sơ cứu ban đầu và chuyển đến các bệnh viện gần nhất:

Triển khai các đội hình chữa cháy, làm mát, ngăn chặn cháy lan cho đến khi đám cháy được dập tắt hoàn toàn: Các xe chữa cháy tiến hành các phương án chữa cháy đã xây dựng trước để dặp tắt đám cháy.

Tổ chức công tác truyền tiếp nước đảm bảo đủ lưu lượng nước chữa cháy liên tục cho các xe chữa cháy tại mặt lửa.

* Chú ý:

- Chỉ huy chữa cháy phải đảm bảo an tòan tuyệt đối cho lực lượng và phương tiện trong suốt quá trình tham gia chữa cháy cũng như trong lúc đi và về đến đơn vị. Xác định hướng tấn công phù hợp để chữa cháy đạt hiệu quả

- Khi triển khai vòi qua đường phải sử dụng các thiết bị bảo vệ đồng thời phân công lực lượng điều tiết hướng dẫn phương tiện giao thông nhằm bảo vệ phương tiện không bị hư hỏng.

- Tiểu đội trưởng chịu trách nhiệm chỉ huy lực lượng, quản lý phương tiện ở tiểu đội mình và thực hiện nhiệm vụ khi chỉ huy chữa cháy phân công, đồng thời báo cáo kịp thời những phát sinh ngoài khả năng.

* Sau khi dập tắt đám cháy:

- Khi đám cháy được dập tắt hoàn toàn, chỉ huy chữa cháy ra lệnh bảo vệ hiện trường chờ điều tra xác minh; thu gom dụng cụ chữa cháy (bình chữa cháy, đường ống, vòi cứu hỏa…) đưa về nơi bảo quản, dùng phương tiện sắp xếp lại hàng hóa khu vực xung quanh vị trí cháy, đồng thời cho thu gọn hàng hóa bị cháy, ướt chờ giám định.

- Họp các lực lượng tham gia rút kinh nghiệm.

Nhiệm vụ cụ thể của Lực lượng khác:

Công an Tp.Tân Uyên:

Tổ chức chốt chặn và điều hòa giao thông trên các tuyến đường phía trước khu vực cháy…đảm bảo ANTT, an ninh chính trị trong và ngoài tòa nhà phục vụ cho lực lượng Cảnh sát PCCC triển khai đội hình chữa cháy và cứu nạn - cứu hộ.

Phối hợp với Tổ bảo vệ của cơ sở, bảo vệ khu vực cháy, trên tuyến đường xe truyền tiếp nước chữa cháy, bảo vệ tài sản cứu được từ chữa cháy. Làm các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chỉ huy chữa cháy.

Chủ trì phối hợp với các lực lượng khác tổ chức khám nghiệm hiện trường cháy, xác định, điều tra nguyên nhân vụ cháy; làm các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chỉ huy chữa cháy.

Tập trung giải tỏa đám đông trong khu vực cháy và các khu vực đang tổ chức chữa cháy, cứu người, cứu tài sản. Làm các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chỉ huy chữa cháy.

Điện lực Tp.Tân Uyên:

Cắt điện xung quanh khu vực cháy nhằm đảm bảo an toàn cho lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy và cứu nạn - cứu hộ.

Trạm y tế Phường Tân Hiệp, trung tâm y tế Tp. Tân Uyên.

Thiết lập vị trí, chuẩn bị các dụng cụ, phương tiện sơ, cấp cứu ban đầu và kế hoạch sơ, cấp cứu cho các nạn nhân bị thương tích.

Tiếp nhận các nạn nhân bị thương tích do lực lượng Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Bình Dương, lực lượng PCCC cơ sở đưa ra từ bên trong đám cháy tổ chức sơ cấp cứu ban đầu. Chuyển giao các nạn nhân bị thương tích nặng đến các bệnh viện điều trị. Số còn lại do bị thương tích nhẹ chỉ tiến hành sơ, cấp cứu ban đầu.

- **Tình huống 2: Giả định tình huống rò rỉ, đỗ vỡ hóa chất:**

Giả định:

- Nhân viên lái xe nâng đang xuất hàng tại khu vực chứa hóa chất tiến hành xuất hóa chất thì bất cẩn làm rơi can chứa dung môi pha sơn NC, làm cho can hóa chất bị vỡ khiến hóa chất chảy tràn ra nền kho.
- Nguyên nhân: do nhân viên bất cẩn trong lúc lấy hàng làm đổ hóa chất.
- Thời gian xảy ra sự cố: khoảng 10 giờ 10 sáng - Khối lượng dung môi pha sơn NC bị thoát ra ngoài: Khoảng 5 lít, can hóa chất bị vỡ thì chảy ra và văng vào nhân viên đang lấy hàng.

* Phương án ứng phó trong đơn vị

Bước 1: Giai đoạn phát hiện sự cố và báo động

1. Trong quá trình vận chuyển dung môi pha sơn NC, nhân viên lái xe nâng vì bất cẩn đã vận chuyển hóa chất sai quy định dẫn đến ngã đổ hóa chất, làm hóa chất rơi xuống đất và tràn đổ ra ngoài.

2. Nhân viên thủ kho đứng ở khu vực gần đó phát hiện sự cố liền hô to cảnh báo: *"Có sự cố hóa chất! Có sự cố hóa chất!",* để cho tất cả nhân viên đang có mặt tại khu vực biết vị trí xảy ra sự cố để tránh tiếp xúc và cúp cầu dao điện, ngắt bơm hóa chất tại khu vực sự cố. Sau đó gọi điện thông tin tình hình sự cố cho Đội trưởng đội ứng phó sự cố hóa chất của công ty theo số Hotline có sẵn.

3. Nhân viên thủ kho chạy tới báo Đội trưởng đội ứng phó sự cố: "Báo cáo anh hiện tại có sự cố tràn đổ dung môi pha sơn NC, Đề nghị anh chỉ đạo xử lý"**.**

4. Đội trưởng đội UPSC lấy phiếu MSDS của dung môi pha sơn NC và kiểm tra các thông tin về tính chất cũng như quy trình xử lý đối với hóa chất.

Sau đó yêu cầu 05 người trang bị bảo hộ lao động, mặt nạ phòng độc, găng tay cao su, ủng đồng thời chuẩn bị dụng cụ ứng phó sự cố hóa chất như sau:

- 01 nhân viên: lấy dây giăng cảnh báo khoanh vùng khu vực sự cố
- 03 nhân viên: lấy cát khô, giẻ lau gần khu vực để ứng phó sự cố.
- 01 nhân viên còn lại: lấy bao bì và thùng chứa đựng chất thải nguy hại sau khi xử lý.
- Trong lúc nhân viên trang bị bảo hộ và lấy thiết bị ứng phó sự cố. Đội trưởng gọi điện báo cáo Ban chỉ huy tình hình sự cố (nêu rõ tình hình sự cố có thể được xử lý tại chỗ, không cần huy động lực lượng toàn công ty) và trực tiếp chỉ đạo ứng phó.

Bước 2: Xử lý sự cố

Theo sự chỉ đạo của đội trưởng đội ứng phó sự cố hóa chất, sau khi các thành viên của đội ứng phó sự cố hóa chất sau khi trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động và dụng cụ ứng phó sự cố hóa chất liền tới khu vực hiện trường và thực hiện công việc ứng phó. Cụ thể:

01 nhân viên: giăng dây cảnh báo và không cho người không có phận sự vào khu vực hiện trường.

05 nhân viên: dùng cát, giẻ lau quây quanh khu vực sự cố. Sau đó dùng bột thấm hút, tấm thấm hút để hút khô hóa chất.

Bước 3: Xử lý hiện trường sau sự cố:

Sau khi thấm hút hóa chất, 02 anh dùng dụng cụ thu gom, thu gom cát và giẻ lau, tấm thấm hút dính hóa chất cho vào bao bì kín. Sau đó tiếp tục dùng giẻ lau lau khô khu vực sự cố. 03 nhân viên khác thu gom đồ xử lý sự cố.

Đội trưởng kiểm tra và đánh giá tình hình thực tế tại khu vực xảy ra sự cố. Trường hợp đạt yêu cầu, Đội trưởng thông báo kết thúc ứng phó sự cố hóa chất. Yêu cầu đội viên thu gọn dây giăng cảnh báo, đưa các vật dụng, thiết bị ứng phó về vị trí tập trung thiết bị ban đầu. Tất cả cát, giẻ lau và các vật dụng được thu gom và đưa về kho chứa chất thải nguy hại theo mã chất thải nguy hại của Công ty.

Bước 4: Tiêu độc cá nhân, lập biên bản sự cố và kết thúc

Sau khi các Đội viên thực hiện công việc hoàn thành và quay trở lại, Đội trưởng yêu cầu mọi người di chuyển tới vòi ứng cứu khẩn cấp tiêu độc cá nhân.

Sau khi tiêu độc xong, đội trưởng lập biên bản và cho người gây sự cố, các thành viên ứng phó sự cố hóa chất kí. Thông báo cho toàn bộ nhân viên làm việc tại kho biết về tình hình sự cố và đề nghị các hoạt động xuất nhập hàng tiếp tục diễn ra bình thường.

Báo cáo lại cho Ban chỉ huy về công tác xử lý sự cố đồng thời thông báo Công ty liên hệ đơn vị dịch vụ thu gom chất thải nguy hại định kỳ thu gom xử lý.

Ứng phó sự cố hóa chất kết thúc.

* Phương án ứng phó ngoài đơn vị:

Các đội hỗ trợ bên ngoài: UBND Tp.Tân Uyên, Công an Tp.Tân Uyên, Điện lực Tp.Tân Uyên; Trạm y tế phường Tân Hiệp, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Dương, khi đi đến cổng của Công ty sẽ được hướng dẫn đến vị trí xảy ra sự cố.

Đội trưởng đội UPSC báo cáo lại cho các đội hỗ trợ để nắm bắt tình hình hiện tại và bắt đầu thực hiện triển khai ứng cứu tại các khu vực cụ thể.

Tiến hành thực hiện sơ cứu hoặc cấp cứu cho người bị thương tích do sự cố.

Ứng phó sự cố hóa chất kết thúc!

6.4.5. Sự cố đối với máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất:

1. Bảo dưỡng hàng ngày

+ Kiểm tra và duy trì mức dầu nằm giữa kính thăm dầu (Khi máy ngừng hoạt động thì dầu phải ở mức giới hạn cao)
+ Xả bình chứa khí 4 tiếng hay 8 tiếng mỗi lần phụ thuộc vào độ ẩm của không khí.
+ Kiểm tra chấn động và tiếng ồn bất thường (xem bảng xử lý các vấn đề bất thường)

2. Bảo dưỡng hàng tuần

+ Làm sạch bộ lọc khí. Bộ lọc bị nghẹt sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất máy và dẫn đến quá nhiệt và giảm tuổi thọ nhớt.
+ Làm sạch tất cả linh kiện bên ngoài của máy. Đảm bảo các ống giải nhiệt ở hai đầu máy nén sạch sẽ. Máy bị dơ sẽ tạo ra nhiệt độ cao khác thường và dầu bị các bon hoá ở các linh kiện van bên trong.
+ Kiểm tra hoạt động van an toàn bằng cách kéo vòng hay cần.

3. Bảo dưỡng hàng tháng

+ Kiểm tra rò rỉ của hệ thống khí.
+ Kiểm tra dầu, thay nếu cần thiết.
+ Kiểm tra độ căng dây đai, tăng nếu cần.

4. Bảo dưỡng hàng quý

+ Thay dầu.
+ Kiểm tra các van. Làm sạch muội than ở các van và đầu máy.
+ Kiểm tra và siết tất cả các bu lông, đai ốc,… nếu thấy cần thiết.
+ Kiểm tra chế độ không tải của máy.

5. Dầu bôi trơn

+ Sử dụng nhớt hợp lý thì tốc độ (vòng/ phút) của máy sẽ đạt được như mong muốn, nằm trong tốc độ giới hạn.
+ Duy trì mức dầu luôn nằm ở giữa giới hạn và giới hạn dưới của kính thăm dầu.
+ Ngừng máy, cho (châm) dầu vào.
+ Không được đổ dầu cao hơn giới hạn trên và không được vận hành máy khi dầu dưới giới hạn dưới.
+ Thay dầu vào 100 giờ làm việc đầu tiên và 1000 giờ cho các lần tiếp theo hoặc theo quy định. Có thể thay sớm hơn thông thường trong điều kiện thông thoáng không tốt.

6.4.6. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

a/ Các biện pháp phòng cháy tại nhà máy:

Nhằm đề phòng và khắc phục các sự cố về cháy nổ và hỏa hoạn có thể xảy ra trong nhà máy, biện pháp về phòng chống và ứng cứu cháy nổ sẽ được áp dụng nghiêm túc và tuân theo quy định về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy của Chính Phủ Việt Nam. Để phòng chống các nguyên nhân gây cháy nổ, Công ty áp dụng các biện pháp sau:

- Tủ điện được đặt nơi riêng biệt, cách ly với khu sản xuất; đường dây điện đều tính dư tải và đi trong các máng dây đảm bảo an toàn cháy nổ, chia ra thành nhiều tủ điện khác nhau và hạn chế sử dụng đồng loạt các motor.
- Gắn trụ chống sét trên mái nhà xưởng và được tiếp đất cẩn thận.

- Triệt để tuân theo các quy định về phòng hoả, chống sét mà Nhà nước đã ban hành.
- Kho chứa vật liệu dễ cháy có bố trí sẵn các dụng cụ chữa cháy, thùng đựng cát khô, bình bọt dập lửa, bể nước và các lối ra phụ.
- Cấm dùng ngọn lửa trần trong môi trường dễ cháy. Không mài các dụng cụ kim loại không để trở thành nguồn phát nhiệt gây cháy nổ, nghiêm cấm việc đốt lửa sưởi ấm, đun nước, nấu ăn trong nhà xưởng.
- Công nhân, thủ kho, bảo vệ cũng được huấn luyện chữa cháy bằng bình xịt.
- Kho bãi chứa vật liệu được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn, đúng theo qui định về PCCC.
- Quy định không được phép hút thuốc lá và ăn uống trong khu vực nhà xưởng;
- Không cho bất kì cá nhân nào mang các vật dụng có khả năng phát sinh lửa vào khu vực đã được quy định, nhất là các khu vực dễ cháy.
- Trang bị hệ thống báo cháy khi có sự cố, và chấp hành nghiêm chỉnh những qui định về an toàn phòng cháy chữa cháy cho khu vực nhà kho.
- Xây dựng các bảng hướng dẫn quy trình nghiêm ngặt trong việc bảo trì, sửa chữa các thiết bị máy móc tại các khu vực sản xuất.
- Trang bị các dụng cụ phòng cháy chữa cháy như: máy bơm, vòi xịt nước, hồ nước dự trữ, cát, bình CO_2, bình bọt hóa chất,… tại khu vực văn phòng và nhà xưởng. Các phương tiện chữa cháy được bố trí phân tán dàn đều tại các phân xưởng rất dễ thấy và dễ lấy.
- Đường nội bộ rộng và vào tận các khu vực nhà xưởng, văn phòng nên khi có sự cố, xe chữa cháy có thể vào tận nơi để khắc phục.
- Bố trí các sơ đồ thoát hiểm tại khu vực mọi người quan sát thấy.
- Hệ thống cấp điện cho Nhà máy và hệ thống chiếu sáng bảo vệ được thiết kế độc lập, an toàn, có bộ phận ngắt mạch khi có sự cố chập mạch trên đường dây tải điện.
- Các máy móc, thiết bị có lý lịch kèm theo và được đo đạc theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.
- Thường xuyên kiểm tra các biển báo, biển cấm lửa, nội quy PCCC, phương tiện PCCC.
- Công ty sẽ lắp đặt hệ thống chống sét tại các điểm cao nhất của Nhà xưởng theo qui định số 79/QĐ ngày 02/03/1983 của Bộ Vật Tư. Điện trở tiếp đất xung kích <10 Ω khi điện trở suất của đất < 50.000Ω/cm^2. Điện trở tiếp đất xung kích >10Ω khi điện trở của đất > 50.000Ω/cm^2.
- Thường xuyên nhắc nhở công nhân tuân thủ công tác phòng cháy chữa cháy. Dụng cụ PCCC (bình CO_2, xẻng, thang, gàu, máy bơm nước,...) để đúng nơi qui định, không được tự ý di chuyển hoặc lấy sử dụng vào việc khác. Sau khi dập lửa xong phải để dụng cụ vào vị trí cũ và báo ngay cho cán bộ phụ trách kiểm tra.

b/ Phương án xử lý khi xảy ra cháy – nổ:

- **Khi nhận được tin báo:**

- Ngay khi nhận được tin báo nhân viên bảo vệ phải nhanh chóng cơ động đến địa điểm báo cháy kiểm tra xem đó là thông tin thật hay giả, mức độ nguy hiểm lớn hay nhỏ.
- Thông báo cho toàn bộ lực lượng bảo vệ, cấp có thẩm quyền và các bộ phận có liên quan.

- Chuyển bộ đàm qua kênh khẩn cấp, không được gọi nếu không cần thiết.
- Nếu cháy nhỏ và nhận định không nguy hiểm thì phải tự mình sử dụng các phương tiện PCCC gần đó để dập tắt đám cháy. Tuyệt đối tránh tình trạng hoảng sợ không đáng có gây ra sự hoảng loạn nơi mọi người.
- Nếu cháy lớn và có thể xác định cháy lan nguy hiểm thì phải: sử dụng thiết bị báo cháy thông tin mọi nơi. Hô to " CHÁY" ! " CHÁY" ! " CHÁY:" !!! để tất cả mọi người biết

Xác định tính chất vụ cháy:

- Căn cứ vào độ cao ngọn lửa, diện tích đám cháy, nhiệt độ tỏa ra từ đám cháy
- Căn cứ tốc độ cháy lan của ngọn lửa
- Căn cứ vào vật liệu, địa hình, địa vật tại nơi đám cháy, nhiệt độ tỏa ra từ đám cháy
- Xác định sơ bộ nguyên nhân vụ cháy : do điện, gas, hóa chất, xăng dầu …

Xử lý:

- Cúp cầu dao chính, ngăn ngừa các thiết bị điện chập mạch gây ra cháy – nổ
- Phát động báo cháy : ngoài việc hô lớn còn có thể dùng nhiều biện pháp khác như : đánh kẻng, thổi còi hay làm bất cứ hành động gì để moi người ở gần đó chú ý di tản hoặc trợ giúp
- Ngay lập tức phải xem xét tình hình, nếu thấy người bị nạn phải cứu chữa kịp thời và đưa tới nơi an toàn.
- Gọi điện cho đội cảnh sát PCCC theo danh bạ có sẵn, trình bày sơ bộ cho họ biết đường đi tới công ty thuận lợi nhất.
- Mở nhanh các lối thoát hiểm để mọi người thoát ra ngoài
- Chú ý hướng gió để di tản mọi người an toàn, không được di tản xuôi theo chiều gió
- Dùng tất cả các phương tiện sẵn sàng để chữa cháy
- Chuẩn bị nhanh chóng, thuận lợi lối đi lại cho xe cứu hỏa – cứu thương
- Xác định nơi có thể ùn tắc do người : cửa thoát hiểm – bãi xe – nơi để đồ nhân viên – nơi có tài sản để điều động nhân viên giám sát, đảm bảo an toàn trật tự
- Di dời ngay lập tức các đồ vật, vật dụng dễ cháy, nổ ra khỏi khu vực nguy hiểm
- Di chuyển an toàn tài liệu, tài sản quan trọng và cử người coi giữ cẩn thận
- Chú ý không cho kẻ xấu lợi dụng như : đột nhập – tẩu tán – trộm cắp – cướp giật.
- Tất cả nhân viên phải đảm bảo an toàn vị trí được phân công.
- Nếu có bãi đậu xe cần phải : đảm bảo an toàn – đóng các cửa vào bãi xe – không cho mọi người lấy xe trừ khi có lệnh báo an toàn từ cấp có thẩm quyền.

Sau khi cháy nổ:

- Bảo vệ tốt hiện trường để cơ quan công an làm công tác khám nghiệm, điều tra.
- Lập biên bản, báo cáo sự việc.
- Phối hợp và tạo điều kiện cho các cơ quan hữu quan làm nhiệm vụ.
- Đánh giá mức độ thiệt hại.
- Chỉ thu dọn hiện trường khi có lệnh của cấp có thẩm quyền.

Một số vấn đề cần chú ý:

- Phải coi trọng tính mạng con người, do đó khi có sự cố xảy ra, nếu có người bị thương thì phải lập tức cứu chữa.
- Xác định nguyên nhân của vụ cháy để áp dụng phương pháp chữa cháy thích hợp :
  + Cháy thường: dùng nước hay các loại bình

+ Cháy xăng dầu: không được dùng nước
+ Cháy do điện: dùng bình CO_2

- Thao tác chữa cháy : nghiêng bình – rút chốt an toàn – nắm ngay tay nắm hay đầu vòi hướng về phía ngọn lửa, nắm cần phụ bóp mạnh cho hơi hay bột trong bình thoát ra.
- Chữa cháy theo chiến thuật chia cắt nhỏ và cô lập ngọn lửa.
- Cửa thoát hiểm luôn luôn trong trạng thái mở, thoát hiểm dễ dàng.

7. Các nội dung thay đổi so với Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt:

Bảng 3.38. Phương án thay đổi so với ĐABVMT chi tiết đã được phê duyệt.

TT	Tên công trình, biện pháp BVMT	Phương án theo ĐABVMT	Phương án hiện hữu	Ghi chú
1	**Diện tích đất và công trình xây dựng**	Tổng diện tích đất sử dụng: 12.065m^2. Bao gồm: + 02 nhà xưởng sản xuất và 01 kho chứa nguyên liệu thành phẩm với tổng diện tích 6.600m^2. + Các công trình phụ trợ: 5.465m^2.	Tổng diện tích đất sử dụng: 25.350m^2. Bao gồm: + 02 nhà xưởng sản xuất và 02 kho chứa nguyên liệu thành phẩm với tổng diện tích 14.852,75m^2. + Các công trình phụ trợ: 10.497,25m^2.	Tăng diện tích sử dụng cho sáp nhập với Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam
2	**Công suất**	566.181 sản phẩm/năm	1.102.000 sản phẩm/năm	Tăng công suất
1	**Công trình xử lý nước thải**	- Công suất HTXLNT tập trung: 50 m^3/ngày.đêm. - Phương án xử lý: Nước thải sinh hoạt và sản xuất => Bể thu gom nước thải tập trung => Bể điều hòa => Bể Anoxic => Bể Aerotank 1,2,3 => Bể lắng sinh học => Bể khử trùng => Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q = 0,9; K_f = 1,1) => Nguồn tiếp nhận.	- Công suất HTXLNT tập trung: 50 m^3/ngày.đêm. - Phương án xử lý: Nước thải sinh hoạt và sản xuất => Bể thu gom nước thải tập trung => Bể điều hòa => Bể Anoxic => Bể Aerotank 1,2,3 => Bể lắng sinh học => Bể ổn định => Bể điều chỉnh pH => Bể keo tụ => Bể tạo bông => Bể lắng hóa lý => Bể trung gian => Bồn lọc áp lực => Bể khử trùng => Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q = 0,9; K_f = 1,1) => Nguồn tiếp nhận.	Phương án công nghệ xử lý nước thải thay đổi so với ĐABVMT đã được phê duyệt. Cụ thể: - Tăng thêm cụm bể hóa lý phía sau lắng sinh học. Việc tăng thêm xử lý hóa lý giúp cho quá trình xử lý đạt hiệu quả tốt hơn, tăng khả năng xử lý các chất ô nhiễm có trong nước thải.
	Công trình xử lý bụi gỗ	Phương án xử lý: - Bụi từ công đoạn cưa, cắt => Chụp hút => Quạt hút => Cyclone => Ống thải. - Bụi từ công đoạn bào chà nhám => Chụp hút => Quạt hút => Cyclone => Thiết bị lọc bụi túi vải => Ống thải.	Phương án xử lý: - Bụi từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám => Chụp hút => Quạt hút => Cyclone => Thiết bị lọc bụi túi vải => Ống thải.	Tăng thêm phương án xử lý bụi bằng hệ thống túi vải tại công đoạn cưa, cắt nhằm xử lý bụi triệt để hơn.
2	**Công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi**	- Số lượng buồng sơn: 18 buồng sơn.	- Số lượng buồng sơn: 18 buồng sơn. - 03 bàn sơn dặm.	Tăng thêm 03 bàn sơn dặm.

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

CHƯƠNG IV
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.

1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải

1.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh tại nhà bảo vệ với lưu lượng khoảng 2 m^3/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh tại nhà văn phòng với lưu lượng khoảng 5 m^3/ngày.đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh tại khu ký túc xá với lưu lượng khoảng 5 m^3/ngày.đêm.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh tại xưởng 1 với lưu lượng khoảng 7 m^3/ngày.đêm.

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh tại xưởng 2 với lưu lượng khoảng 7 m^3/ngày.đêm.

- Nguồn số 06: Nước thải từ lò hơi với lưu lượng khoảng 0,5 m^3/ngày.

- Nguồn số 07: Nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi với lưu lượng khoảng 0,5 m^3/ngày.

- Nguồn số 08: Nước thải từ quá trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi với lưu lượng khoảng 17,25 m^3/ngày.

1.1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

1.1.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Suối Ông Đông => Suối Cái => Sông Đồng Nai *(thuộc phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương)*.

1.1.2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hố ga thu gom trước khi đấu nối vào tuyến ống thoát nước D90mm dẫn dọc theo khu đất của Công ty Cổ phần cao su công nghiệp Omexey và Công ty Cổ phần Omexey Home Furnishing chảy vào 01 hố ga thu gom tập trung sau đó dẫn theo đường cống BTCT D800mm chảy về suối Ông Đông, sau đó thoát ra suối Cái, cuối cùng là đổ vào sông Đồng Nai thuộc phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1225334; Y = 610642 *(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 45'$, múi chiếu 3^0)*.

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

1.1.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50 m^3/ngày.đêm *(24 giờ)*.

a/ Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau khi xử lý => Hố ga thu gom *(bằng BTCT, kích thước 1000x1000x1500mm)* => Tuyến ống thoát nước từ ranh phía Nam của nhà máy *(bằng PVC, đường kính 90mm, chiều dài 1,5km)* dẫn dọc theo khu đất của Công ty Cổ phần cao su công nghiệp Omexey và Công ty Cổ phần Omexey Home Furnishing => Hố ga thu gom tập trung *(bằng BTCT, kích thước 1500x1500x1500mm)* => Tuyến ống thoát

nước *(bằng BTCT, đường kính 800mm, chiều dài 230m)* => Suối Ông Đông => Suối Cái => Sông Đồng Nai.

- Phương thức xả thải: Sử dụng bơm – tự chảy.

b/ Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

c/ Chất lượng nước thải:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp *(cột A, K_q = 0,9; K_f = 1,1)*, cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	-	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Độ màu	Pt/Co	50		
3	pH	-	6-9		
4	TSS	mg/l	49,5		
5	COD	mg/l	74,25		
6	BOD_5	mg/l	29,7		
7	Tổng Nitơ	mg/l	19,8		
8	Tổng Phospho	mg/l	3,96		
9	Dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95		
10	Coliform	MPN/100ml	3.000		

1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.2.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh tại nhà bảo vệ được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 60 mm về bể tự hoại *(1 bể 10m^3, kích thước 2m x 2m x 2,5m)*, sau đó được bơm theo đường ống nhựa PVC đường kính 60 mm về công trình xử lý nước thải tập trung, công suất 50 m^3/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh tại nhà văn phòng được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 60 mm về bể tự hoại *(1 bể 10m^3, kích thước 2m x 2m x 2,5m)*, sau đó được bơm theo đường ống nhựa PVC đường kính 60 mm về công trình xử lý nước thải tập trung, công suất 50 m^3/ngày.đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh tại khu ký túc xá được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 60 mm về bể tự hoại *(1 bể 13,75m^3, kích thước 2,5m x 2,2m x 2,5m)*, sau đó được bơm theo đường ống nhựa PVC đường kính 60 mm về công trình xử lý nước thải tập trung, công suất 50 m^3/ngày.đêm

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh tại xưởng 1 được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 60 mm về bể tự hoại *(1 bể 13,75m^3, kích thước 2,5m x*

2,2m x 2,5m), sau đó được bơm theo đường ống nhựa PVC đường kính 60 mm về công trình xử lý nước thải tập trung, công suất 50 m^3/ngày.đêm.

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh tại xưởng 2 được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 60 mm về bể tự hoại *(1 bể 13,75m^3, kích thước 2,5m x 2,2m x 2,5m),* sau đó được bơm theo đường ống nhựa PVC đường kính 60 mm về công trình xử lý nước thải tập trung, công suất 50 m^3/ngày.đêm.

- Nguồn số 06: Nước thải từ lò hơi được bơm bằng đường ống PVC đường kính 60mm về công trình xử lý nước thải sản xuất với công suất thiết kế 30 m^3/ngày.đêm để xử lý sau đó dẫn theo đường ống nhựa PVC đường kính 60 mm về công trình xử lý nước thải tập trung, công suất 50 m^3/ngày.đêm.

- Nguồn số 07: Nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi được bơm bằng đường ống PVC đường kính 60mm về công trình xử lý nước thải sản xuất với công suất thiết kế 30 m^3/ngày.đêm để xử lý sau đó dẫn theo đường ống nhựa PVC đường kính 60 mm về công trình xử lý nước thải tập trung, công suất 50 m^3/ngày.đêm.

- Nguồn số 08: Nước thải từ quá trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi được bơm bằng đường ống PVC đường kính 60mm về bể chứa nước tuần hoàn có tổng dung tích 75,06m^3 gồm 05 ngăn (Ngăn 1: 27m^3, ngăn 2: 16,2m^3, ngăn 3,4: 10,8m^3/ngăn, ngăn 4: 10,26m^3) để tuần hoàn và tái sử dụng. Định kỳ hằng tuần, trong 03 ngày liên tiếp vào cuối tuần (thứ 5,6,7), Công ty sẽ tiến hành xả bỏ lượng nước này với mỗi lần xả khoảng 17,25m^3/ngày được bơm bằng đường ống PVC đường kính 60mm về công trình xử lý nước thải sản xuất với công suất thiết kế 30 m^3/ngày.đêm để xử lý sau đó dẫn theo đường ống nhựa PVC đường kính 60 mm về công trình xử lý nước thải tập trung, công suất 50 m^3/ngày.đêm.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

a/ Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất, công suất 30 m^3/ngày:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sản xuất => Bể thu gom => Bể điều chỉnh pH => Bể keo tụ => Bể tạo bông => Bể lắng hóa lý => Bể trung gian => Bể thu gom của HTXLNT tập trung.

- Công suất thiết kế: 30 m^3/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, Polymer (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

b/ Công trình, thiết bị xử lý nước thải tập trung, công suất 50 m^3/ngày:

Nước thải sinh hoạt và sản xuất => Bể thu gom nước thải tập trung => Bể điều hòa => Bể Anoxic => Bể Aerotank 1,2,3 => Bể lắng sinh học => Bể ổn định => Bể điều chỉnh pH => Bể keo tụ => Bể tạo bông => Bể lắng hóa lý => Bể trung gian => Bồn lọc áp lực => Bể khử trùng => Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q = 0,9; K_f = 1,1) => Tuyến ống thoát nước từ ranh phía Nam của nhà máy *(bằng PVC, đường kính 90mm, chiều dài 1,5km)* dẫn dọc theo khu đất của Công ty Cổ phần cao su công nghiệp Omexey và Công ty Cổ phần Omexey Home Furnishing => Hố ga thu gom tập trung *(bằng BTCT, kích thước 1500x1500x1500mm)* => Tuyến ống thoát nước *(bằng BTCT, đường kính 800mm, chiều dài 230m)* => Suối Ông Đông.

- Công suất thiết kế: 50 m^3/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, Polymer, Chlorine (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.2.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và có lưu lượng nước thải phát sinh dưới 500 m^3/ngày (24 giờ). Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại điểm a, điểm b, Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

2.1. Nội dung cấp phép xả khí thải

2.1.1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

Bảng 4.2. Bảng tổng hợp nguồn phát sinh khí thải tại nhà máy.

TT	Nguồn khí thải	
1	Nguồn thải 1	Bụi phát sinh từ máy cắt gỗ số 1
2	Nguồn thải 2	Bụi phát sinh từ máy cắt gỗ số 2
3	Nguồn thải 3	Bụi phát sinh từ máy cắt ván MDF
4	Nguồn thải 4	Bụi phát sinh từ máy cưa bàn trượt (máy cắt bàn) số 1
5	Nguồn thải 5	Bụi phát sinh từ máy cưa bàn trượt (máy cắt bàn) số 2
6	Nguồn thải 6	Bụi phát sinh từ máy cắt bọ (cắt ke góc tự động)
7	Nguồn thải 7	Bụi phát sinh từ máy cưa cắt 2 đầu số 1
8	Nguồn thải 8	Bụi phát sinh từ máy cưa cắt 2 đầu số 2
9	Nguồn thải 9	Bụi phát sinh từ máy cưa cắt 2 đầu số 3
10	Nguồn thải 10	Bụi phát sinh từ máy cưa cắt 2 đầu (có phay) số 1
11	Nguồn thải 11	Bụi phát sinh từ máy cưa cắt 2 đầu (có phay) số 2
12	Nguồn thải 12	Bụi phát sinh từ máy cưa cắt 2 đầu (có phay) số 3
13	Nguồn thải 13	Bụi phát sinh từ máy cưa cắt 2 đầu (có phay) số 4
14	Nguồn thải 14	Bụi phát sinh từ máy cưa bàn trượt (máy cắt bọ)
15	Nguồn thải 15	Bụi phát sinh từ máy tubi 1 trục
16	Nguồn thải 16	Bụi phát sinh từ máy tubi 2 trục (đầu bò) số 1
17	Nguồn thải 17	Bụi phát sinh từ máy tubi 2 trục (đầu bò) số 2
18	Nguồn thải 18	Bụi phát sinh từ máy tubi 2 trục (đầu bò) số 3
19	Nguồn thải 19	Bụi phát sinh từ máy tubi 2 trục (đầu bò) số 4
20	Nguồn thải 20	Bụi phát sinh từ máy ghép dọc finger
21	Nguồn thải 21	Bụi phát sinh từ máy lọng
22	Nguồn thải 22	Bụi phát sinh từ máy rong cạnh (máy xả gỗ nhỏ) số 1
23	Nguồn thải 23	Bụi phát sinh từ máy rong cạnh (máy xả gỗ nhỏ) số 2
24	Nguồn thải 24	Bụi phát sinh từ máy đánh mộng finger
25	Nguồn thải 25	Bụi phát sinh từ máy đánh mộng âm dương (máy lắc)
26	Nguồn thải 26	Bụi phát sinh từ máy đánh mộng hộc kéo
27	Nguồn thải 27	Bụi phát sinh từ máy DWD CNC số 1
28	Nguồn thải 28	Bụi phát sinh từ máy DWD CNC số 2

29	Nguồn thải 29	Bụi phát sinh từ máy DWD CNC Router lớn
30	Nguồn thải 30	Bụi phát sinh từ máy CNC nhỏ
31	Nguồn thải 31	Bụi phát sinh từ máy router lưỡi trên
32	Nguồn thải 32	Bụi phát sinh từ máy router lưỡi dưới số 1
33	Nguồn thải 33	Bụi phát sinh từ máy router lưỡi dưới số 2
34	Nguồn thải 34	Bụi phát sinh từ máy khoan bọ tự động
35	Nguồn thải 35	Bụi phát sinh từ máy khoan bọ (khoan ke góc tự động)
36	Nguồn thải 36	Bụi phát sinh từ máy khoan đa trục điều chỉnh theo chiều dọc
37	Nguồn thải 37	Bụi phát sinh từ máy khoan đa trục ngang
38	Nguồn thải 38	Bụi phát sinh từ máy khoan 2 đầu ngang
39	Nguồn thải 39	Bụi phát sinh từ máy khoan ngang số 1
40	Nguồn thải 40	Bụi phát sinh từ máy khoan ngang số 2
41	Nguồn thải 41	Bụi phát sinh từ máy cào sớ
42	Nguồn thải 42	Bụi phát sinh từ máy mài lưỡi cưa
43	Nguồn thải 43	Bụi phát sinh từ máy mài mũi khoan
44	Nguồn thải 44	Bụi phát sinh từ máy bào 2 mặt
45	Nguồn thải 45	Bụi phát sinh từ máy bào 4 mặt
46	Nguồn thải 46	Bụi phát sinh từ máy quay bọ (nhám lồng)
47	Nguồn thải 47	Bụi phát sinh từ máy nhám băng số 1
48	Nguồn thải 48	Bụi phát sinh từ máy nhám băng số 2
49	Nguồn thải 49	Bụi phát sinh từ máy nhám băng số 3
50	Nguồn thải 50	Bụi phát sinh từ máy nhám băng số 4
51	Nguồn thải 51	Bụi phát sinh từ máy nhám băng số 5
52	Nguồn thải 52	Bụi phát sinh từ máy nhám băng số 6
53	Nguồn thải 53	Bụi phát sinh từ máy nhám băng số 7
54	Nguồn thải 54	Bụi phát sinh từ máy nhám chổi (máy nhám 2 đầu) số 1
55	Nguồn thải 55	Bụi phát sinh từ máy nhám chổi (máy nhám 2 đầu) số 2
56	Nguồn thải 56	Bụi phát sinh từ máy nhám chổi (máy nhám 2 đầu) số 3
57	Nguồn thải 57	Bụi phát sinh từ máy nhám chổi (máy nhám 2 đầu) số 4
58	Nguồn thải 58	Bụi phát sinh từ máy nhám chổi (máy nhám 2 đầu) số 5
59	Nguồn thải 59	Bụi phát sinh từ máy nhám chổi (máy nhám 2 đầu) số 6
60	Nguồn thải 60	Bụi phát sinh từ máy chà nhám thanh tròn 1 Băng
61	Nguồn thải 61	Bụi phát sinh từ máy chà nhám veener
62	Nguồn thải 62	Bụi phát sinh từ máy nhám cuộn
63	Nguồn thải 63	Bụi phát sinh từ máy nhám thùng số 1
64	Nguồn thải 64	Bụi phát sinh từ máy nhám thùng số 2
65	Nguồn thải 65	Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 1
66	Nguồn thải 66	Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 2
67	Nguồn thải 67	Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 3

68	Nguồn thải 68	Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 4
69	Nguồn thải 69	Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 5
70	Nguồn thải 70	Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 6
71	Nguồn thải 71	Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 7
72	Nguồn thải 72	Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 8
73	Nguồn thải 73	Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 9
74	Nguồn thải 74	Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 10
75	Nguồn thải 75	Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 11
76	Nguồn thải 76	Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 12
77	Nguồn thải 77	Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 13
78	Nguồn thải 78	Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 14
79	Nguồn thải 79	Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 15
80	Nguồn thải 80	Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 16
81	Nguồn thải 81	Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 17
82	Nguồn thải 82	Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 18
83	Nguồn thải 83	Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ bàn phun sơn dặm số 1
84	Nguồn thải 84	Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ bàn phun sơn dặm số 2
85	Nguồn thải 85	Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ bàn phun sơn dặm số 3
86	Nguồn thải 86	Khí thải phát sinh từ 01 lò hơi đốt củi

2.1.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

a/ Vị trí xả khí thải:

Bảng 4.3. Vị trí xả khí thải.

TT	Nguồn khí thải	Dòng khí thải	Vị trí phát sinh	Tọa độ*
1	Nguồn số 01-64	Dòng khí thải số 01	Tương ứng với ống thải của công trình xử lý bụi gỗ phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám	X = 1225501 Y = 610674

2	Nguồn số 65	Dòng khí thải số 02	Tương ứng với ống thải số 01 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 01	X = 1225507 Y = 610629
		Dòng khí thải số 03	Tương ứng với ống thải số 02 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 01	X = 1225505 Y = 610631
		Dòng khí thải số 04	Tương ứng với ống thải số 03 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 01	X = 1225497 Y = 610633
3	Nguồn số 66	Dòng khí thải số 05	Tương ứng với ống thải số 01 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 02	X = 1225507 Y = 610625
		Dòng khí thải số 06	Tương ứng với ống thải số 02 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 02	X = 1225508 Y = 610625
		Dòng khí thải số 07	Tương ứng với ống thải số 03 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 02	X = 1225516 Y = 610624
4	Nguồn số 67	Dòng khí thải số 08	Tương ứng với ống thải số 01 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 03	X = 1225508 Y = 610622
		Dòng khí thải số 09	Tương ứng với ống thải số 02 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 03	X = 1225509 Y = 610622
		Dòng khí thải số 10	Tương ứng với ống thải số 03 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 03	X = 1225510 Y = 610622
5	Nguồn số 68	Dòng khí thải số 11	Tương ứng với ống thải số 01 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 04	X = 1225517 Y = 610623
		Dòng khí thải số 12	Tương ứng với ống thải số 02 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 04	X = 1225517 Y = 610622
		Dòng khí thải số 13	Tương ứng với ống thải số 03 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng	X = 1225517 Y = 610621

			nước số 04	
6	Nguồn số 69	Dòng khí thải số 14	Tương ứng với ống thải số 01 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 05	X = 1225506 Y = 610630
		Dòng khí thải số 15	Tương ứng với ống thải số 02 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 05	X = 1225507 Y = 610630
		Dòng khí thải số 16	Tương ứng với ống thải số 03 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 05	X = 1225506 Y = 610628
7	Nguồn số 70	Dòng khí thải số 17	Tương ứng với ống thải số 01 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 06	X = 1225506 Y = 610623
		Dòng khí thải số 18	Tương ứng với ống thải số 02 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 06	X = 1225505 Y = 610622
		Dòng khí thải số 19	Tương ứng với ống thải số 03 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 06	X = 1225500 Y = 610620
8	Nguồn số 71	Dòng khí thải số 20	Tương ứng với ống thải số 01 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 07	X = 1225500 Y = 610618
		Dòng khí thải số 21	Tương ứng với ống thải số 02 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 07	X = 1225500 Y = 610618
		Dòng khí thải số 22	Tương ứng với ống thải số 03 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 07	X = 1225499 Y = 610617
9	Nguồn số 72	Dòng khí thải số 23	Tương ứng với ống thải số 01 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 08	X = 1225489 Y = 610609
		Dòng khí thải số 24	Tương ứng với ống thải số 02 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 08	X = 1225489 Y = 610610
		Dòng khí	Tương ứng với ống thải số 03 của công	X = 1225496

		thải số 25	trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 08	Y = 610616
10	Nguồn số 73	Dòng khí thải số 26	Tương ứng với ống thải số 01 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 09	X = 1225490 Y = 610609
		Dòng khí thải số 27	Tương ứng với ống thải số 02 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 09	X = 1225488 Y = 610609
		Dòng khí thải số 28	Tương ứng với ống thải số 03 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 09	X = 1225486 Y = 610605
11	Nguồn số 74	Dòng khí thải số 29	Tương ứng với ống thải số 01 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 10	X = 1225461 Y = 610572
		Dòng khí thải số 30	Tương ứng với ống thải số 02 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 10	X = 1225464 Y = 610570
12	Nguồn số 75	Dòng khí thải số 31	Tương ứng với ống thải số 01 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 11	X = 1225465 Y = 610570
		Dòng khí thải số 32	Tương ứng với ống thải số 02 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 11	X = 1225466 Y = 610570
13	Nguồn số 76	Dòng khí thải số 33	Tương ứng với ống thải số 01 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 12	X = 1225466 Y = 610527
		Dòng khí thải số 34	Tương ứng với ống thải số 02 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 12	X = 1225466 Y = 610570
14	Nguồn số 77	Dòng khí thải số 35	Tương ứng với ống thải số 01 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 13	X = 1225463 Y = 610575
		Dòng khí thải số 36	Tương ứng với ống thải số 02 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 13	X = 1225466 Y = 610570

15	Nguồn số 78	Dòng khí thải số 37	Tương ứng với ống thải số 01 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 14	X = 1225463 Y = 610574
		Dòng khí thải số 38	Tương ứng với ống thải số 02 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 14	X = 1225463 Y = 610575
16	Nguồn số 79	Dòng khí thải số 39	Tương ứng với ống thải số 01 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 15	X = 1225465 Y = 610579
		Dòng khí thải số 40	Tương ứng với ống thải số 02 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 15	X = 1225471 Y = 610579
17	Nguồn số 80	Dòng khí thải số 41	Tương ứng với ống thải số 01 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 16	X = 1225473 Y = 610579
		Dòng khí thải số 42	Tương ứng với ống thải số 02 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 16	X = 1225472 Y = 610579
18	Nguồn số 81	Dòng khí thải số 43	Tương ứng với ống thải số 01 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 17	X = 1225483 Y = 610559
		Dòng khí thải số 44	Tương ứng với ống thải số 02 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 17	X = 1225484 Y = 610559
19	Nguồn số 82	Dòng khí thải số 45	Tương ứng với ống thải số 01 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 18	X = 1225470 Y = 610548
		Dòng khí thải số 46	Tương ứng với ống thải số 02 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn màng nước số 18	X = 1225466 Y = 610545
20	Nguồn số 83	Dòng khí thải số 47	Tương ứng với ống thải của công trình xử lý hơi dung môi phát sinh từ bàn phun sơn dặm số 1	X = 1225490 Y = 610609
21	Nguồn số 84	Dòng khí thải số 48	Tương ứng với ống thải của công trình xử lý hơi dung môi phát sinh từ bàn phun sơn dặm số 2	X = 1225489 Y = 610610

22	Nguồn số 85	Dòng khí thải số 49	Tương ứng với ống thải của công trình xử lý hơi dung môi phát sinh từ bàn phun sơn dặm số 3	X = 1225489 Y = 610611
23	Nguồn số 86	Dòng khí thải số 50	Tương ứng với ống thải của công trình xử lý khí thải lò hơi đốt củi công suất 02 tấn hơi/giờ	X = 1225542 Y = 610588

(*): Hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trục $105^0 45'$, múi chiếu 3^0.

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam tại Thửa đất số 48, Tờ bản đồ số 14, Đường Tân Hiệp 02, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

b/ Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 826.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 50.000 m^3/giờ.
- Dòng khí thải số 02-49: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 16.000 m^3/giờ/hệ thống.
- Dòng khí thải số 50: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 8.000 m^3/giờ.

c/ Phương thức xả khí thải:

Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục trong thời gian hoạt động của nhà máy.

d/ Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng bụi, khí thải:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT *(cột B, K_p = 0,8; K_v = 0,8)* - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi thải ra môi trường, cụ thể như sau:

Bảng 4.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng bụi, khí thải.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	**Dòng khí thải số 01**				
1	Lưu lượng	m^3/h	-	06 tháng/ lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi	mg/Nm^3	144		
II	**Dòng khí thải số 02-49**				
1	Lưu lượng	m^3/h	-	06 tháng/ lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi	mg/Nm^3	144		
3	Xylene	mg/Nm^3	870		
4	Butyl acetat	mg/Nm^3	950		
II	**Dòng khí thải số 50**				
1	Lưu lượng	m^3/h	-	06 tháng/ lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi	mg/Nm^3	128		
3	NO_x	mg/Nm^3	544		
4	SO_2	mg/Nm^3	320		
5	CO	mg/Nm^3	640		

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

2.2.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01-64: Bụi phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám được thu gom theo đường ống D600-D700mm đưa về công trình xử lý bụi gỗ xử lý, sau đó thải ra môi trường thông qua ống thải có đường kính 800mm, cao 7m (tính từ mặt đất) *(tương ứng với dòng thải số 01)*.

- Nguồn số 65-82: Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ 18 buồng phun sơn màng nước số 01-18 được thu gom về 45 công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi để xử lý, sau đó xả ra môi trường thông qua 45 ống thải, mỗi ống thải có đường kính 800mm, cao 10m (tính từ mặt đất) *(tương ứng với dòng thải số 02-46)*.

- Nguồn số 83-85: Hơi dung môi phát sinh từ 03 bàn phun sơn dặm số 01-03 được thu gom về 03 công trình xử lý hơi dung môi để xử lý, sau đó xả ra môi trường thông qua 03 ống thải, mỗi ống thải có đường kính 800mm, cao 10m (tính từ mặt đất) *(tương ứng với dòng thải số 47-49)*.

- Nguồn số 86: Khí thải phát sinh từ lò hơi đốt củi, công suất 2 tấn/giờ được thu gom về công trình xử lý khí thải để xử lý, sau đó xả ra môi trường thông qua ống thải có đường kính 500mm, cao 20m (tính từ mặt đất) *(tương ứng với dòng thải số 50)*.

2.2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

2.2.2.1. Công trình xử lý khí thải số 01 (xử lý bụi từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám):

- Công suất: 50.000 m^3/giờ/công trình.
- Số lượng hệ thống: 01 công trình.
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi *(nguồn số 01-64)* => Chụp hút => Quạt hút => Cyclone => Thiết bị lọc bụi túi vải => Ống thải *(thoát qua 01 ống thải đường kính 800mm, cao 7m, tương ứng với dòng thải số 01)*.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Vải lọc tổng hợp.

2.2.2.2. Công trình xử lý khí thải số 02-46 (xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ 18 buồng phun sơn màng nước số 01-18):

- Công suất: 16.000 m^3/giờ/công trình.
- Số lượng hệ thống: 45 công trình.
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi sơn và hơi dung môi *(nguồn số 65-82)* => Xử lý bằng màng nước => Quạt hút => Thiết bị hấp phụ than hoạt tính => Ống thải *(thoát qua 45 ống thải đường kính 800mm, cao 10m, tương ứng với dòng thải số 02-46)*.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

2.2.2.3. Công trình xử lý khí thải số 47-49 (xử lý hơi dung môi phát sinh từ 03 bàn phun sơn dặm số 01-03):

- Công suất: 16.000 m^3/giờ/công trình.
- Số lượng hệ thống: 03 công trình.
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi dung môi *(nguồn số 83-85)* => Quạt hút => Thiết bị hấp phụ than hoạt tính => Ống thải *(thoát qua 03 ống thải đường kính 800mm, cao 10m, tương ứng với dòng thải số 47-49)*.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Filter.

2.2.2.4. Công trình xử lý khí thải số 50 (xử lý khí thải phát sinh từ lò hơi đốt củi 02 tấn/giờ):

- Công suất: 8.000 m^3/giờ.
- Số lượng hệ thống: 01 công trình.
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải *(nguồn số 86)* => Chụp hút => Quạt hút => Cyclone => Tháp hấp thụ bằng nước => Bể hấp thụ bằng nước => Ống thải *(thoát qua 01 ống thải đường kính 500mm, cao 20m, tương ứng với dòng thải số 50).*
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước.

2.2.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

3.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

3.1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn số 01: khu vực cưa, cắt.
+ Nguồn số 02: khu vực lọng.
+ Nguồn số 03: khu vực khoan, tiện.
+ Nguồn số 04: khu vực mài, bào
+ Nguồn số 05: khu vực chà nhám.
+ Nguồn số 06: khu vực phun sơn băng chuyền nằm.
+ Nguồn số 07: khu vực phun sơn chuyền treo.
+ Nguồn số 08: khu vực công trình xử lý bụi gỗ.
+ Nguồn số 09: kKhu vực máy nén khí.
+ Nguồn số 10: khu vực hệ thống xử lý khí thải lò hơi
+ Nguồn số 11: khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.1.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Bảng 4.5. Vị trí phát sinh tiếng ồn tại cơ sở.

TT	Nguồn phát sinh	Vị trí phát sinh	*Tọa độ (*)*	
			X (m)	*Y(m)*
1	Nguồn số 01	Khu vực cưa, cắt	1225421	610691
2	Nguồn số 02	Khu vực lọng	1225466	610695
3	Nguồn số 03	Khu vực khoan, tiện	1225454	610676
4	Nguồn số 04	Khu vực mài, bào	1225445	610688
5	Nguồn số 05	Khu vực chà nhám	1225447	610664
6	Nguồn số 06	Khu vực phun sơn băng chuyền nằm	1225507	610629
7	Nguồn số 07	Khu vực phun sơn chuyền treo	1225446	610593
8	Nguồn số 08	Khu vực công trình xử lý bụi gỗ	1225427	610686
9	Nguồn số 09	Khu vực máy nén khí	1225515	610634
10	Nguồn số 10	Khu vực hệ thống xử lý khí thải lò hơi	1225547	610587
11	Nguồn số 11	Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập	1225343	610649

TT	Nguồn phát sinh	Vị trí phát sinh	*Tọa độ (*)*	
			X (m)	*Y(m)*
		trung		

(*): Hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trục $105^0 45'$, múi chiếu 3^0.

3.1.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

a/ Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

b/ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

3.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- **Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Tách riêng khu vực văn phòng và khu vực sản xuất; Chủ dự án đảm bảo toàn bộ máy móc, thiết bị sẽ được nâng cấp đạt yêu cầu về kỹ thuật trước khi chuyển đến và đưa vào hoạt động sản xuất do đó sẽ hạn chế được phần nào khả năng gây ồn.

- Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành.

- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn.

- Kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, thiết bị và hiệu chỉnh nếu cần thiết.

- Bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ.

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cho công nhân.

- Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ nút bịt tai, bao ốp tai chống ồn.

- Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao.

- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

- **Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:**

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống cách nhiệt để phát hiện ra những sai phạm và kịp thời sửa chữa.

- Trên mái một số nhà xưởng và nhà kho trang bị các quả cầu thông gió mái nhà xưởng. Đồng thời trang bị thêm các quạt công nghiệp cục bộ và quạt thông gió tại các nhà xưởng nhằm tăng cường khả năng thông gió, làm giảm nhiệt độ và độ ẩm trong xưởng sản

xuất.

- Sử dụng các biện pháp thông gió nhân tạo đảm bảo không tích tụ khí độc, hơi nước, nhiệt.

Đặt các chậu cây xanh xung quanh dự án để góp phần điều hòa không khí, cải thiện các điều kiện vi khí hậu trong nhà máy.

4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Bảng 4.6. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên.

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	30	16 01 06	NH
2	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	30	19 06 01	NH
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	360	17 02 03	NH
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	Rắn	11.000	18 02 01	KS
5	Bao bì mềm thải	Rắn	4,9	18 01 01	KS
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	31.240	18 01 02	KS
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	2,5	18 01 03	KS
8	Dung môi, hóa chất thải	Rắn	2.408,4	17 08 03	NH
9	Keo thải	Lỏng	432,1	08 03 01	KS
10	Cặn sơn thải	Rắn	2.497,9	08 02 01	KS
11	Than hoạt tính thải bỏ	Rắn	1.890	12 01 04	NH
12	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	935	12 06 05	-
	Tổng cộng		**50.830,8**		

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

4.1.2. Khối lượng, chủng loại CTR công nghiệp phát sinh:

- **Chất thải rắn tái chế:**

Bảng 4.7. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế, tái sử dụng.

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bao bì nylon thải không dính thành phần nguy hại	Rắn	245	18 01 06	TT-R
2	Giấy, bao bì giấy carton thải bỏ	Rắn	900	18 01 05	TT-R
3	Gỗ phế phẩm từ quá trình cưa, cắt, dăm bào, mùn cưa.	Rắn	1.238.000	11 04 03	TT-R
4	Ngủ kim, da, vải, mút, kính không dính thành phần nguy hại	Rắn	2.773	03 02 12	TT-R
	Tổng cộng		**1.241.918**		

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

➢ **Chất thải rắn không tái chế:**

Bảng 4.8. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường không có khả năng tái chế, tái sử dụng.

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải	Rắn	30	08 02 08	TT
2	Tro phát sinh từ lò hơi	Rắn	7.000	12 01 10	TT
3	Giấy nhám	Lỏng	15.440	07 03 18	TT
	Tổng cộng		**22.470**		

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

4.1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên tại nhà máy, bao gồm: rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,…), rác thải vô cơ (túi nilon, vỏ lon,…), khối lượng khoảng 6.000 kg/năm, tương đương khoảng 20 kg/ngày.

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

Thiết bị lưu chứa chất thải: Các thùng chứa loại 100 lít bằng nhựa.

Kho/ khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu lưu chứa chất thải: 38,8 m^2.

- Vị trí khu vực lưu chứa: Nằm phía bên phải khu đất nhìn từ cổng bảo vệ đi vào. Tọa độ (X = 1225537, Y = 610597).

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^o45'$ múi chiếu 3^o).

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường gạch bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thẩm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ *(như cát khô)*… theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

Kho/khu vực lưu:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 77,6 m^2.

- Vị trí khu vực lưu chứa: Nằm phía bên trái và bên phải nhà chất thải nguy hại. Tọa độ (X = 1225536, Y = 610596).

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^o45'$ múi chiếu 3^o).

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Có nền bê tông chống thấm, tường bao xây gạch, mái che tôn, có cửa ra vào; phân riêng từng khu vực lưu chứa các loại chất thải và có dán nhãn

phân biệt cho từng khu vực lưu chứa.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Trang bị 6 thùng (5 lít) và 6 thùng (120 lít), có nắp đậy kín đặt tại các xưởng sản xuất và văn phòng để thu gom chất thải sinh hoạt, cuối ngày sẽ được chuyển đến khu vực tập kết để đơn vị thu gom vận chuyển đi xử lý.

Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa 1: 38,8 m^2.
- Diện tích khu vực lưu chứa 2: 12 m^2.
- Vị trí khu vực lưu chứa: Nằm phía bên phải khu đất nhìn từ cổng bảo vệ đi vào. Tọa độ (X = 1225531, Y = 610609; X = 1225479, Y = 610716).

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^o45'$ múi chiếu 3^o).

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Có nền bê tông chống thấm, khu vực cao ráo, không đọng nước mưa.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

CHƯƠNG V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.

Hiện trạng các thành phần môi trường tự nhiên (không khí, khí thải, nước thải, nước mặt,..) tại cơ sở được Công ty kết hợp với Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh; Công ty CP xây dựng & môi trường Đại Phú; Trung tâm công nghệ môi trường Coshet và Công ty CP dịch vụ tư vấn môi trường Hải Âu tiến hành đo đạc, lấy mẫu và phân tích.

Đơn vị quan trắc 1:

- Tên đơn vị phân tích: Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh.
- Địa chỉ: 528/5A Vườn Lài, Khu phố 2, Phường An Phú Đông, Quận 12, Tp. HCM.
- Chứng nhận: Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường Số hiệu Vimcerts 241 theo Quyết định số 608/QĐ-BTNMT ngày 30/03/2022.

Đơn vị quan trắc 2:

- Tên đơn vị phân tích: Công ty CP xây dựng & môi trường Đại Phú.
- Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp.HCM
- Chứng nhận: Công ty CP xây dựng & môi trường Đại Phú được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường Số hiệu Vimcerts 292 theo Quyết định số 218/QĐ-BTNMT ngày 27/01/2022.

Đơn vị quan trắc 3:

- Tên đơn vị phân tích: Trung tâm công nghệ môi trường Coshet.
- Địa chỉ: LL4A Đường Tam Đảo, phường 15, Quận 10, TP. HCM.
- Chứng nhận: Trung tâm công nghệ môi trường Coshet được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường Số hiệu Vimcerts 026 theo Quyết định số 608/QĐ-BTNMT ngày 30/03/2022.

Đơn vị quan trắc 4:

- Tên đơn vị phân tích: Công ty CP dịch vụ tư vấn môi trường Hải Âu.
- Địa chỉ văn phòng: 3, đường Tân Thới Nhất 20, Kp4, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP. HCM.
- Chứng nhận: Công ty CP dịch vụ tư vấn môi trường Hải Âu được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường Số hiệu Vimcerts 117 theo Quyết định số 468/QĐ-BTNMT ngày 11/03/2022.

1. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải:

➢ ***Thời gian thu mẫu:***

Qua các thời kỳ năm 2022, 2023, 2024, Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh đã tiến hành khảo sát, thu mẫu và phân tích chất lượng môi trường nước thải tại cơ sở.

➢ ***Vị trí lấy mẫu:***

Bảng 5.1. Vị trí lấy mẫu nước thải.

TT	Vị trí lấy mẫu	Ký hiệu
1	Mẫu nước thải	(X = 1225334; Y = 610642)
Ngày lấy mẫu		Qua các thời kỳ năm 2022, 2023, 2024
Điều kiện lấy mẫu		Trời nắng ráo

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam.

➢ ***Kết quả phân tích chất lượng môi nước thải:***

Bảng 5.2. Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước thải.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả năm 2022				QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q = 0,9; K_f =1,1)
			Lần 1 (31/03/ 2022)	Lần 2 (24/06/ 2022)	Lần 3 (19/10/ 2022)	Lần 4 (19/12/ 2022)	
1	pH	mg/l	6,9	7,22	7,19	7,08	**6 – 9**
2	TSS	mg/l	32,67	20,79	25,25	36,63	**49,5**
3	COD	mg/l	55,44	63,36	57,42	69,70	**74,25**
4	BOD	mg/l	26,73	28,71	22,77	23,86	**29,7**
5	Tổng Nitơ	mg/l	<10	<10	11,09	11,39	**19,8**
6	Tổng Phospho	mg/l	0,97	1,19	0,99	1,78	**3,96**
7	Coliform	mg/l	2.200	1.700	2.000	2.400	**3.000**
TT	**Chỉ tiêu**	**Đơn vị**	**Kết quả năm 2023**				**QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q = 0,9; K_f =1,1)**
			Lần 1 (05/04/ 2023)	**Lần 2 (29/06/ 2023)**	**Lần 3 (04/09/ 2023)**	**Lần 4 (14/11/ 2023)**	
1	pH	mg/l	7,15	7,07	7,28	7,05	**6 – 9**
2	TSS	mg/l	33,86	29,70	32,67	28,71	**49,5**
3	COD	mg/l	55,44	58,41	63,36	56,43	**74,25**
4	BOD	mg/l	27,03	22,77	24,75	20,79	**29,7**
5	Tổng Nitơ	mg/l	13,86	16,34	17,72	15,44	**19,8**
6	Tổng Phospho	mg/l	0,96	2,08	2,29	2,06	**3,96**
7	Coliform	mg/l	1.700	2.600	2.800	2.400	**3.000**
TT	**Chỉ tiêu**	**Đơn vị**	**Kết quả năm 2024**				**QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q = 0,9; K_f =1,1)**
			Lần 1 (28/03/ 2024)	**Lần 2 (01/06/ 2024)**	-	-	
1	pH	mg/l	6,8	6,89	-	-	**6 – 9**
2	TSS	mg/l	28,71	25,74	-	-	**49,5**
3	COD	mg/l	53,46	62,37	-	-	**74,25**
4	BOD	mg/l	21,78	27,72	-	-	**29,7**
5	Tổng Nitơ	mg/l	13,66	15,44	-	-	**19,8**
6	Tổng Phospho	mg/l	1,59	1,23	-	-	**3,96**
7	Coliform	mg/l	2.400	2.700	-	-	**3.000**

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam.

Ghi chú:

+ QCVN 40:2011/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Nhận xét và đánh giá:

Qua kết quả phân tích nước thải sau xử lý qua các quý cho thấy nước thải sau xử lý các chỉ tiêu có trong nước thải đều đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q= 0,9; K_f =1,1) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

2. Kết quả quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải:

2.1. Kết quả quan trắc tại hệ thống xử lý bụi gỗ:

➢ ***Vị trí đo đạc:***

Bảng 5.3. Vị trí lấy mẫu bụi phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám.

TT	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
1	Ống thải sau công trình xử lý bụi phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám	X = 1225501; Y = 610674
Ngày lấy mẫu		Qua các thời kỳ năm 2022, 2023, 2024
Điều kiện lấy mẫu		Trời nắng ráo

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam.

➢ ***Kết quả quan trắc:***

Bảng 5.4. Kết quả quan trắc bụi phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám.

TT	Chỉ tiêu	Ngày lấy mẫu	Kết quả phân tích	
			Lưu lượng (m^3/h)	Bụi (mg/m^3)
1	Ống thải sau công trình xử lý bụi phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám	31/03/2022	2.220	70,5
2	Ống thải sau công trình xử lý bụi phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám	24/06/2022	2.906	82
3	Ống thải sau công trình xử lý bụi phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám	19/10/2022	3.025	88
4	Ống thải sau công trình xử lý bụi phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám	19/12/2022	2.880	70
5	Ống thải sau công trình xử lý bụi phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám	05/04/2023	1.804	33
	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B		**$C_{max}=CxK_pxK_v$ với $K_p=1$ và $K_v=1$**	**200**

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam.

Ghi chú:

+ QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Nhận xét và đánh giá:

Căn cứ vào kết quả phân tích trình bày trong bảng trên cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm đều đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường. Điều này chứng tỏ, các hệ thống xử lý khí thải của Công ty đang vận hành hiệu quả.

2.2. Kết quả quan trắc tại hệ thống xử lý bụi sơn và hơi dung môi:

➢ ***Vị trí đo đạc:***

Bảng 5.5. Vị trí lấy mẫu bụi sơn và hơi dung môi.

TT	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
1	Ống thải sau công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi	X = 1225507; Y = 610629
Ngày lấy mẫu		Qua các thời kỳ năm 2022, 2023, 2024
Điều kiện lấy mẫu		Trời nắng ráo

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam.

- ***Kết quả quan trắc:***

Bảng 5.6. Kết quả quan trắc bụi sơn và hơi dung môi

TT	Chỉ tiêu	Ngày lấy mẫu	Kết quả phân tích						
			Lưu lượng (m^3/h)	NO_x	CO	SO_2	Bụi	Toluen	Acetone
				(mg/m^3)					
1	Ống thải sau công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi	31/03/2022	1.476	3	11	0	28	19	2,7
2	Ống thải sau công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi	24/06/2022	1.621	0	5	0	36	25	4,4
3	Ống thải sau công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi	19/10/2022	1.910	12	13	7,2	27	17,6	1,9
4	Ống thải sau công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi	19/12/2022	1.580	0	3	0	41	17	1
5	Ống thải sau công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi	05/04/2023	1.762	< 1,88	5	< 2,62	37	7	0,7
6	Ống thải sau công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi	29/06/2023	2.690	2	3	3	32,5	< 3	< 3
7	Ống thải sau công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi	04/09/2023	2.883	5,52	10,4	6,98	36	2,77	KPH
8	Ống thải sau công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi	14/11/2023	2.690	6,41	13,7	8,04	32,5	2,49	KPH
9	Ống thải sau công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi	28/03/2024	2.690	10,2	10,2	8,89	31,7	4,93	KPH
10	Ống thải sau công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi	01/06/2024	2.905	4,82	11,6	2,89	30,1	12,5	KPH
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B			**-**	**850**	**1.000**	**500**	**200**	**-**	**-**
QCVN 20:2009/BTNMT			**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**750**	**-**

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam.

Ghi chú:

+ QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
+ QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Nhận xét và đánh giá:

Căn cứ vào kết quả phân tích trình bày trong bảng trên cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm đều đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường. Điều này chứng tỏ, các hệ thống xử lý bụi sơn và hơi sung môi của Công ty đang vận hành hiệu quả.

2.3. Kết quả quan trắc tại hệ thống xử lý khí thải lò hơi:

➢ ***Vị trí đo đạc:***

Bảng 5.7. Vị trí lấy mẫu khí thải lò hơi.

TT	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
1	Ống thải sau công trình xử lý khí thải lò hơi	X = 1225542; Y = 610588
Ngày lấy mẫu		Qua các thời kỳ năm 2022, 2023, 2024
Điều kiện lấy mẫu		Trời nắng ráo

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam.

➢ ***Kết quả quan trắc:***

Bảng 5.8. Kết quả quan trắc khí thải lò hơi.

TT	Chỉ tiêu	Ngày lấy mẫu	Kết quả phân tích				
			Lưu lượng (m^3/h)	NO_x	CO	SO_2	Bụi
				(mg/m^3)			
1	Ống thải sau công trình xử lý khí thải lò hơi	31/03/2022	2.580	160	604	14	67
2	Ống thải sau công trình xử lý khí thải lò hơi	24/06/2022	2.748	195	681	21	70
3	Ống thải sau công trình xử lý khí thải lò hơi	19/10/2022	2.872	176	611	35	91
4	Ống thải sau công trình xử lý khí thải lò hơi	19/12/2022	2.910	117	526	10	62
5	Ống thải sau công trình xử lý khí thải lò hơi	05/04/2023	2.690	98	495	16	76
6	Ống thải sau công trình xử lý khí thải lò hơi	29/06/2023	3.176	105	483	72	68,3
7	Ống thải sau công trình xử lý khí thải lò hơi	04/09/2023	3.320	126	501	82,5	71,8
8	Ống thải sau công trình xử lý khí thải lò hơi	14/11/2023	3.551	150	485	77,9	68,6
9	Ống thải sau công trình xử lý khí thải lò hơi	28/03/2024	3.812	102	479	66	55,3
10	Ống thải sau công trình xử lý khí thải lò hơi	01/06/2024	4.125	149	649	56,3	52,6
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B			**-**	**850**	**1.000**	**500**	**200**

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam.

Ghi chú:

+ QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Nhận xét và đánh giá:

Căn cứ vào kết quả phân tích trình bày trong bảng trên cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm đều đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường. Điều này chứng tỏ, hệ thống xử lý khí thải lò hơi của Công ty đang vận hành hiệu quả.

CHƯƠNG VI
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: 30 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: 90 ngày kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm (Chủ dự án đầu tư thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát).

- Công suất dự kiến vận hành thử nghiệm cho các công trình:

Bảng 6.1. Bảng tổng hợp công suất dự kiến vận hành thử nghiệm cho các công trình xử lý môi trường của cơ sở.

TT	Công trình vận hành thử nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng công trình	Số lượng dòng thải	Công suất của HTXL	Công suất dự kiến VHTN
I	**Công trình nước thải**					
1	Công trình xử lý nước thải tập trung, công suất 50 m^3/ngày.	m^3/ngày	1	1	50	60-100%
	Tổng I		**1**	**1**	**50**	
II	**Công trình khí thải**					
2	Công trình xử lý khí thải số 01 (xử lý bụi từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám)	m^3/giờ	1	1	50.000	60-100%
3	Công trình xử lý khí thải số 02-46 (xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ 18 buồng phun sơn màng nước số 01-18)	m^3/giờ	45	45	720.000	60-100%
4	Công trình xử lý khí thải số 47-49 (xử lý hơi dung môi phát sinh từ 03 bàn phun sơn dặm số 01-03)	m^3/giờ	3	3	48.000	60-100%
5	Công trình xử lý khí thải số 50 (xử lý khí thải phát sinh từ lò hơi đốt củi 02 tấn/giờ)	m^3/giờ	1	1	18.000	60-100%
	Tổng II		**50**	**50**	**836.000**	

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

1.2.1. Kế hoạch quan trắc nước thải:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước

thải: 3 ngày liên tiếp.

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể thu gom nước thải tập trung và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra sau công trình xử lý nước thải công suất 50 m^3/ngày tại hố ga đấu nối vào tuyến ống thoát nước từ ranh phía Nam của nhà máy trong 03 ngày liên tiếp).

Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc nước thải để vận hành thử nghiệm.

TT	Công trình VHTN	Vị trí lấy mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Số lượng (mẫu)	Quy chuẩn so sánh
1	Công trình xử lý nước thải tập trung, công suất 50 m^3/ngày.đêm	- Nước thải đầu vào: Tại bể thu gom của công trình xử lý nước thải tập trung công suất 50 m^3/ngày.đêm. - Nước thải đầu ra: Nước thải đầu ra sau công trình xử lý nước thải công suất 50 m^3/ngày tại hố ga đấu nối vào tuyến ống thoát nước từ ranh phía Nam của nhà máy.	Lưu lượng, pH, Độ màu, TSS, BOD, COD, Tổng Nitơ, Tổng Phospho, Dầu mỡ khoáng, Coliform	4	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q = 0,9; K_f =1,1)

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

1.2.2. Kế hoạch quan trắc bụi, khí thải:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải: 3 ngày liên tiếp.

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần.

Bảng 6.3. Kế hoạch quan trắc bụi, khí thải để vận hành thử nghiệm.

TT	Nguồn phát sinh	Công trình vận hành thử nghiệm	Vị trí lấy mẫu	Số lượng (mẫu)	Chỉ tiêu phân tích	Quy chuẩn so sánh
1	Dòng khí thải số 01	Công trình xử lý khí thải số 01 (xử lý bụi từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám)	Tại ống thải sau công trình xử lý.	3	Lưu lượng, bụi	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, các hệ số K_p = 0,8 và K_v = 0,8)
2	Dòng khí thải số 02-46	Công trình xử lý khí thải số 02-46 (xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ 18 buồng phun sơn màng nước số 01-18)	Tại ống thải sau công trình xử lý.	135	Lưu lượng, bụi, xylene, butyl acetat	QCVN 20:2009/BTNMT
3	Dòng khí thải số 47-49	Công trình xử lý khí thải số 47-49 (xử lý hơi dung môi phát sinh từ 03 bàn phun sơn dặm số 01-03)	Tại ống thải sau công trình xử lý.	9	Lưu lượng, bụi, xylene, butyl acetat	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, các hệ số K_p = 0,8 và K_v = 0,8)
4	Dòng khí thải số	Công trình xử lý khí thải số 50 (xử lý khí thải	Tại ống thải sau công	3	Lưu lượng, nhiệt độ, bụi,	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B,

	50	phát sinh từ lò hơi đốt củi 02 tấn/giờ)	trình xử lý.		SO_2, NO_x, CO	các hệ số K_p = 0,8 và K_v = 0,8); QCVN 20:2009/ BTNMT
Tổng cộng				**150**		

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

1.2.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch:

Đơn vị quan trắc 01:

- Tên đơn vị phân tích: Công ty CP xây dựng & môi trường Đại Phú.
- Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp.HCM
- Chứng nhận: Công ty CP xây dựng & môi trường Đại Phú được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường Số hiệu Vimcerts 292 theo Quyết định số 218/QĐ-BTNMT ngày 27/01/2022.

Đơn vị quan trắc 02:

- Tên đơn vị phân tích: Trung tâm phân tích và Đo đạc môi trường Phương Nam.
- Địa chỉ văn phòng: Số 14, Đường số 4, KDC Bình Hưng, xã Bình Hưng, Bình Chánh, TP. HCM.
- Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, phường 4, Tp. Vũng Tàu.
- Điện thoại: (028) 62619691.
- Email: moitruongphuongnam@gmail.com.
- Chứng nhận: Trung tâm phân tích và đo đạc môi trường Phương Nam được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường Số hiệu Vimcerts 075 theo Giấy chứng nhận số 21/GCN-BTNMT ngày 22/04/2024.

2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật:

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

a/ Quan trắc nước thải:

Bảng 6.4. Kế hoạch quan trắc nước thải định kỳ hằng năm.

TT	Công trình	Vị trí lấy mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Tần suất	Quy chuẩn so sánh
1	Công trình xử lý nước thải tập trung, công suất 50 m^3/ngày.đêm	- Nước thải đầu vào: Tại bể thu gom của công trình xử lý nước thải tập trung công suất 50 m^3/ngày.đêm. - Nước thải đầu ra: Nước thải đầu ra sau công trình xử lý nước thải công suất 50 m^3/ngày tại hố ga đấu nối vào tuyến ống thoát nước từ ranh phía Nam của nhà máy.	Lưu lượng, pH, Độ màu, TSS, BOD, COD, Tổng Nitơ, Tổng Phospho, Dầu mỡ khoáng, Coliform	06 tháng/ lần	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q = 0,9; K_f =1,1)

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

b/ Quan trắc bụi, khí thải:

Bảng 6.5. Kế hoạch quan trắc bụi, khí thải hằng năm.

TT	Dòng khí thải	Công trình quan trắc	Vị trí lấy mẫu	Số lượng mẫu	Tần suất lấy mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Quy chuẩn so sánh
1	Dòng khí thải số 01	Công trình xử lý khí thải số 01 (xử lý bụi từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám)	Tại ống thải sau công trình xử lý.	1	06 tháng/ lần	Lưu lượng, bụi	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, các hệ số K_p = 0,8 và K_v = 0,8)
2	Dòng khí thải số 02-46	Công trình xử lý khí thải số 02-46 (xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ 18 buồng phun sơn màng nước số 01-18)	Tại ống thải sau công trình xử lý.	2	06 tháng/ lần	Lưu lượng, bụi, xylene, butyl acetat	QCVN 20:2009/BTNMT
3	Dòng khí thải số 47-49	Công trình xử lý khí thải số 47-49 (xử lý hơi dung môi phát sinh từ 03 bàn phun sơn dặm số 01-03)	Tại ống thải sau công trình xử lý.	2	06 tháng/ lần	Lưu lượng, bụi, xylene, butyl acetat	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, các hệ số K_p = 0,8 và K_v = 0,8)
4	Dòng khí thải số 50	Công trình xử lý khí thải số 50 (xử lý khí thải phát sinh từ lò hơi đốt củi 02 tấn/giờ)	Tại ống thải sau công trình xử lý.	2	06 tháng/ lần	Lưu lượng, nhiệt độ, bụi, SO_2, NO_x, CO	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, các hệ số K_p = 0,8 và K_v = 0,8); QCVN 20:2009/ BTNMT

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

a/ Quan trắc nước thải:

- Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và có lưu lượng nước thải phát sinh dưới 500 m^3/ngày (24 giờ). Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại điểm a, điểm b, Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

b/ Quan trắc bụi, khí thải:

- Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2.3. Dự toán kinh phí giám sát môi trường hàng năm:

Tổng kinh phí dự toán cho chương trình giám sát môi trường hàng năm được trình bày trong bảng sau:

Bảng 6.6. Tổng kinh phí dự toán cho chương trình giám sát môi trường hằng năm.

TT	Hạng mục	Số lượng/năm	Chi phí giám sát (VNĐ)
1	Giám sát môi trường khí thải	100 mẫu/năm	600.000.000
2	Giám sát môi trường nước thải	2 mẫu/năm	10.000.000
3	Nhân công	-	4.000.000
4	Vận chuyển	2 lần/năm	4.000.000
5	Thu thập số liệu và viết báo cáo	01 lần/năm	3.000.000
Tổng cộng			**621.000.000**

Nguồn: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, 2024.

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam đã đi vào hoạt động từ năm 2007. Trong 02 năm gần đây, Công ty không có đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.

CHƯƠNG VIII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường:

Chủ cơ sở "Nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng, công suất 1.102.000 sản phẩm/năm" là Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam cam kết những thông tin, số liệu nêu trong báo cáo là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:

Trong quá trình hoạt động dự án "Nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng, công suất 1.102.000 sản phẩm/năm" cam kết bảo đảm xử lý các chất thải tuân thủ theo đúng các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam cũng như quy định của các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Độ ồn và rung động: Đảm bảo độ ồn sinh ra từ quá trình hoạt động của dự án sẽ đạt Tiêu chuẩn Giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư (theo mức âm tương đương, QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT).
- Chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn khu vực sản xuất đạt QCVN 22:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT; TCVN 3733/2002/QĐ-BYT, QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT. Khí thải sau hệ thống xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT.
- Hệ thống thoát nước mưa được tách riêng với hệ thống thu gom nước thải.
- Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phải được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q = 0,9; K_f =1,1) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại được tuân thủ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Công ty cam kết các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã đề xuất trong báo cáo, đảm bảo xử lý các chất thải phát sinh từ dự án đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trường hợp các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường mà chủ dự án đã đề xuất không đảm bảo tiếp nhận, xử lý các chất thải của quy trình sản xuất thì chủ dự án sẽ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để cải tạo các công trình và thay đổi các phương pháp quản lý cho phù hợp.
- Công ty cam kết tuân thủ quy định hiện hành về việc kiểm định máy móc thiết bị có yêu cầu an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp (Quyết định 136/2004/QĐ-BCT ngày 19/11/2004 của Bộ công nghiệp nay là Bộ Công Thương, thông tư 32/2011/TT-BLĐTBXH ngày 14/11/2011 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động) theo đúng quy định.
- Thực hiện việc giám sát nguồn thải định kỳ theo quy định khi dự án đi vào hoạt động đúng như đã cam kết và định kỳ lập báo cáo gửi về Phòng Tài nguyên và môi trường Thành phốTân Uyên tối thiểu 1 lần/năm.

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 446 /QĐ-STNMT

Bình Dương, ngày 14 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết Nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng, công suất 566.181 sản phẩm/ năm, quy mô diện tích kho bãi, nhà xưởng là 12.065 m^2 tại khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên của Công ty TNHH Thống Nhất

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và hoàn thành phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án nằm ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Biên bản kiểm tra công tác bảo vệ môi trường phục vụ công tác thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng, công suất 566.181 sản phẩm/ năm, quy mô diện tích kho bãi, nhà xưởng là 12.065 m^2 tại khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên của Công ty TNHH Thống Nhất;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng đã được hoàn chỉnh gửi kèm Văn bản số 01/MT ngày 03 tháng 04 năm 2017 của An của Công ty TNHH Thống Nhất;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 90/TTr-CCBVMT ngày 13 tháng 4 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng của Công ty TNHH Thống Nhất với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí, quy mô/công suất hoạt động:

1.1. Vị trí của cơ sở: khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên

1.2. Ngành nghề hoạt động: sản xuất đồ gỗ gia dụng.

1.3. Quy mô/công suất hoạt động của cơ sở: công suất 566.181 sản phẩm/ năm, quy mô diện tích kho bãi, nhà xưởng là 12.065 m^2.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án.

2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn đang còn bắt buộc áp dụng, các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành có liên quan trước khi thải ra môi trường.

2.3. Phải hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo thời hạn như sau:

- Thu gom triệt để nước thải sinh hoạt và sản xuất, đồng thời cải tạo hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo đủ công suất xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt và sản xuất phát sinh từ quá trình hoạt động để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường. Thời gian hoàn thành trước ngày 30 tháng 06 năm 2017.

- Thu gom triệt để bụi thải phát sinh từ quá trình sản xuất về xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường. Thời gian hoàn thành trước ngày 30 tháng 06 năm 2017.

- Thu gom triệt để bụi sơn và hơi dung môi từ quá trình gia công sơn sản phẩm về xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường. Thời gian hoàn thành trước ngày 30 tháng 06 năm 2017.

- Thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác theo nội dung và tiến độ cam kết trong đề án bảo vệ môi trường.

2.4. Đến thời điểm yêu cầu hoàn thành từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, hoàn thành toàn bộ công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, báo cáo kết quả thực hiện đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Về quản lý và xử lý chất thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt; nước thải phải được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q = 0,9; K_f= 1,2) trước khi thải ra môi trường.

- Khí thải phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) trước khi thải ra môi trường.

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT).

- Các chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

- Quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.2. Các yêu cầu về phòng chống và khắc phục sự cố:

Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

3.3. Các yêu cầu về chế độ kiểm tra, giám sát nguồn thải:

- Tổ chức thực hiện chương trình giám sát môi trường theo đúng quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ.

- Lắp đặt thiết bị quan trắc lưu lượng nước thải theo quy định tại Điều 71 và xây dựng điểm quan trắc nguồn nước thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại Điều 72 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

3.4. Các yêu cầu khác:

Sau khi hoàn thành toàn bộ các công trình bảo vệ môi trường theo yêu cầu tại Quyết định phê duyệt đề án chi tiết, Công ty phải gửi văn bản báo cáo hoàn thành toàn bộ các công trình đến Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xác nhận.

Điều 2. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, Công ty phải có văn bản báo cáo với cơ quan thẩm định, phê duyệt đề án chi tiết và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở XD, Sở CT;
- UBND thị xã Tân Uyên;
- Chủ dự án;
- Lưu: VT, CCBVMT, Trân5

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
BÌNH DƯƠNG

Phạm Danh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2491/GXN - UBND	*Tân Uyên, ngày 17 tháng 10 năm 2007*

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam

Địa chỉ: xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN XÁC NHẬN

Điều 1. Ngày 12 tháng 10 năm 2007, Chủ Dự án là Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam đã có Văn bản số 01/VB-2007 ngày 10 tháng 10 năm 2007 đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ gỗ.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 3. Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
-Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam;
-Sở Tài nguyên và Môi trường;
-Phòng TNMT;
-Lưu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

LÊ HOÀNG MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP

Số: 01/2022..

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 *và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam;

Căn cứ vào nhu cầu của các bên.

Hợp đồng sáp nhập này được lập ngày ..01.. tháng ..10... năm 2022, giữa các bên sau đây:

I. BÊN BỊ SÁP NHẬP

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH NHẤT TRÍ VIỆT NAM**

Mã số doanh nghiệp: 3700830266

Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14, Khu phố Bà Tri, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Đại diện: Ông WANG HSI-PING; Chức vụ: Tổng giám đốc.

*(Sau đây gọi tắt là "**Bên Bị Sáp Nhập**")*

và

II. BÊN NHẬN SÁP NHẬP

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM**

Mã số doanh nghiệp: 3700830273

Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện: Ông WANG HSI-PING; Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc.

*(Sau đây gọi tắt là "**Bên Nhận Sáp Nhập**")*

Mỗi bên sau đây gọi riêng là "Bên", gọi chung là "Các Bên"

XÉT VÌ:

- **Các bên** đều là các công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp theo Luật pháp Việt Nam với một số ngành nghề kinh doanh tương tự nhau, đồng thời, Bên Bị Sáp Nhập và Bên Nhận Sáp Nhập cùng chung chủ sở hữu góp vốn.

- Chủ sở hữu của các bên đồng ý và xác định rằng việc sáp nhập là có lợi cho cả hai công ty.

- Các Bên cùng mong muốn được liên kết, hợp tác để xây dựng một doanh nghiệp lớn mạnh về tiềm lực tài chính, quy mô và cạnh tranh với các đối tác trên thị trường. Chủ sở hữu của các bên đã thông qua Hợp đồng này và giao cho Người đại diện theo pháp luật/theo ủy quyền của các Công ty ký kết Hợp đồng này.

Bởi vậy, nay tại đây, Các Bên đồng ý ký hợp đồng này với các điều kiện và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1. SÁP NHẬP CÔNG TY

A. Các công ty bị sáp nhập:

- Tên công ty: CÔNG TY TNHH NHẤT TRÍ VIỆT NAM

- Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14, Khu phố Bà Tri, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

B. Công ty nhận sáp nhập:

- Tên công ty: CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM.

- Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.1. Bên Bị Sáp Nhập đồng ý sáp nhập và Bên Nhận Sáp Nhập đồng ý nhận Sáp Nhập theo các thủ tục phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

1.2. Sau khi sáp nhập, Bên Bị Sáp Nhập chấm dứt tồn tại; Toàn bộ tài sản, dự án đầu tư, quyền và nghĩa vụ hợp pháp của Bên Bị Sáp Nhập (Bao gồm nhưng không giới hạn các quyền kinh doanh, quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 395280 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/01/2015), các khoản nợ phải thu, các khoản nợ phải trả và các quyền và nghĩa vụ theo các hợp đồng mà Bên Bị Sáp Nhập ký kết với bất kỳ bên thứ 3 nào, dự án đầu tư Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ gỗ theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 6551870161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp chứng nhận lần đầu ngày 21/09/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 20/10/2017), hợp đồng lao động giữa Bên Bị Sáp Nhập và nhân viên của Bên Bị Sáp Nhập sẽ được chuyển giao toàn bộ và nguyên trạng cho Bên Nhận Sáp Nhập.)

ĐIỀU 2. THỦ TỤC SÁP NHẬP

Các Bên đồng ý việc sáp nhập công ty được thực hiện theo điều kiện và thủ tục như sau:

2.1. Việc sáp nhập này không vi phạm các điều cấm của pháp luật liên quan (bao gồm nhưng không giới hạn ở Luật Doanh nghiệp và Luật Cạnh tranh);

2.2. Việc sáp nhập được thực hiện theo trình tự thủ tục sau:

a. Chuẩn bị hợp đồng sáp nhập và Điều lệ như quy định;

b. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ cần thiết;

c. Nộp hồ sơ cho Phòng đăng ký kinh doanh nơi công ty nhận sáp nhập đặt trụ sở chính;

d. Nhận kết quả hồ sơ – nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới hoặc Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh;

e. Đồng thời Phòng đăng ký kinh doanh sẽ cập nhật tình trạng chấm dứt tồn tại của Bên Bị Sáp Nhập.

ĐIỀU 3. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Các Bên theo đây đồng ý rằng kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực, Bên Nhận Sáp Nhập sẽ tiếp nhận và sử dụng toàn bộ số lao động đang ký hợp đồng lao động với Bên Bị Sáp Nhập. Bên Nhận Sáp Nhập có trách nhiệm đảm bảo rằng các quyền và lợi ích mà người lao động đang được hưởng tại Bên Bị Sáp Nhập (bao gồm tất cả các khoản lương, trợ cấp, thưởng, các khoản thu nhập khác, cũng như chế độ, chính sách lao động hiện hành) sẽ được tiếp tục áp dụng tại Bên Nhận Sáp Nhập cũng như phù hợp với hoạt động sản xuất và kế hoạch kinh doanh của mình.

ĐIỀU 4. CÁCH THỨC, THỦ TỤC, ĐIỀU KIỆN VÀ THỜI HẠN CHUYỂN ĐỔI TÀI SẢN, PHẦN VỐN GÓP

4.1. Bên Bị Sáp Nhập phải thực hiện các thủ tục và công việc cần thiết để chuyển quyền sở hữu và/hoặc quyền sử dụng các tài sản cho Bên Nhận Sáp Nhập, bao gồm các thủ tục đối với các tài sản có đăng ký quyền sở hữu và/hoặc quyền sử dụng, phần vốn góp bao gồm nhưng không giới hạn đất đai, nhà xưởng, công trình, máy móc, phương tiện vận chuyển, dự án đầu tư, Bên Bị Sáp Nhập phải thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu và/hoặc quyền sử dụng các tài sản này theo quy định pháp luật cho Bên Nhận Sáp Nhập ngay sau ngày hoàn thành việc đăng ký kinh doanh.

4.2. Sau khi sáp nhập, tất cả các tài sản, các quyền, đặc quyền, lợi ích, quyền lợi và thẩm quyền hợp pháp (gọi chung là "**Các Quyền**") của Bên Bị Sáp Nhập tồn tại ngay trước khi sáp nhập sẽ đương nhiên được chuyển giao và trở thành Các Quyền của Bên Nhận Sáp Nhập, bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền sau:

(i) Bên Bị Sáp Nhập sẽ chuyển giao toàn bộ giá trị tài sản theo giá trị sổ sách của các bộ phận và toàn bộ phần vốn góp của Công Ty Bị sáp nhập sang công ty Nhận sáp nhập tương ứng với:

Phần vốn góp 1.250.000 USD cùng toàn bộ phần vốn vay, tổng vốn đầu tư đã thực hiện theo giá trị sổ sách kế toán, tất cả các quyền lợi, nghĩa vụ cũng như ưu đãi tại dự án Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ gỗ theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã

số 6551870161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp chứng nhận lần đầu ngày 21/09/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 20/10/2017.

(ii) Bất động sản, các nhà xưởng và các tòa nhà mà Bên Bị Sáp Nhập có quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp; Nhà xưởng cố định và máy móc cùng các công trình nâng cấp thuộc sở hữu của Bên Bị Sáp Nhập Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 395280 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/01/2015;

(iii) Tất cả các văn bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, nhãn hiệu dịch vụ, mẫu mã đã đăng ký, các đơn xin sử dụng bất cứ các quyền, tên thương mại và tên giao dịch, nhãn hiệu thương mại và nhãn hiệu dịch vụ chưa đăng ký, bản quyền, bí quyết, quyền đối với thiết kế và sáng chế; các quyền có giá trị và tính chất giống như hoặc tương tự các đối tượng được nêu ở trên đã được sử dụng hoặc được yêu cầu sử dụng bởi Bên Bị Sáp Nhập hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh;

(iv) Nhà xưởng cơ động, máy móc, thiết bị và các tài sản tương tự khác thuộc sở hữu của Bên Bị Sáp Nhập.

(v) Ô tô, xe máy, phương tiện vận tải khác; Thiết bị văn phòng, trang thiết bị hoặc các tài sản tương tự khác thuộc sở hữu của Bên Bị Sáp Nhập;

(vi) Sổ sách chứng từ của Bên Bị Sáp Nhập (bao gồm nhưng không giới hạn ở toàn bộ Sổ cái bán hàng, sổ theo dõi mua bán hàng ngày và hóa đơn mua bán);

(vii) Nguyên vật liệu, thành phẩm, bán thành phẩm tồn kho thuộc sở hữu của Bên Bị Sáp Nhập.

(viii) Tất cả Các Quyền theo từng hợp đồng, thỏa thuận được ký kết giữa Bên Bị Sáp Nhập với bất kỳ bên thứ ba nào có hiệu lực trước sáp nhập (gọi chung là **"Các Hợp đồng với Bên Thứ ba"**), sẽ được chuyển giao cho Bên Nhận Sáp Nhập và sẽ tiếp tục ràng buộc với bên thứ ba đó như thể chính Bên Nhận Sáp Nhập đã ký kết Các Hợp đồng, thỏa thuận với Bên Thứ ba;

(ix) Tất cả các khoản tiền và khoản nợ (thuộc bất kỳ loại nào và bằng bất kỳ loại tiền tệ nào) đến hạn, còn nợ, phát sinh hoặc phải trả bởi bất kỳ bên thứ ba nào cho Bên Nhận Sáp Nhập hoặc Bên Bị Sáp Nhập (dù là thực tế hoặc có điều kiện và dù là riêng hoặc chung với bất kỳ người nào khác), sẽ được chuyển giao cho Bên Nhận Sáp Nhập và Bên Nhận Sáp Nhập có thể thu hồi đầy đủ và được quyền áp dụng các thủ tục cưỡng chế phù hợp đối với bên thứ ba đó; và

(x) Tất cả Các Quyền theo bất kỳ giấy chứng nhận, giấy phép, cho phép, đăng ký, chấp thuận, phê chuẩn và ủy quyền được cấp cho Bên Bị Sáp Nhập và Bên Nhận Sáp Nhập vào bất kỳ thời điểm nào trước sáp nhập bởi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam (gọi chung là **"Các Giấy phép"**) và tất cả Các Giấy phép này sẽ được chuyển giao cho Bên Nhận Sáp Nhập. Bên Nhận Sáp Nhập sẽ nhận Các Giấy phép đó như thể Các Giấy phép đó đã được cấp cho Bên Nhận Sáp Nhập.

4.3. Sau khi sáp nhập, tất cả các khoản nợ, khoản nợ phải trả, nghĩa vụ, trách nhiệm, hạn chế và nhiệm vụ (gọi chung là "***Nghĩa vụ***") của Bên Nhận Sáp Nhập và Bên Bị Sáp Nhập tồn tại trước sáp nhập sẽ trở thành Nghĩa vụ của Bên Nhận Sáp Nhập và Bên Nhận Sáp Nhập sẽ bị ràng buộc bởi các chủ nợ và các bên thứ ba có quyền của Bên Nhận Sáp Nhập và Bên Bị Sáp Nhập như thể các Nghĩa vụ đó đã phát sinh hoặc được ký kết bởi Bên Nhận Sáp Nhập.

4.4. Phương án chuyển đổi vốn điều lệ (vốn góp) của CÔNG TY BỊ SÁP NHẬP

Vốn điều lệ của Bên Bị Sáp Nhập tại thời điểm sáp nhập theo Báo cáo tài chính là 26.773.961.375 đồng tương đương 1.250.000 USD. trong đó:

STT	Tên chủ sở hữu	Giá trị góp	Tỷ lệ góp
1	WANG HSI - PING	26.773.961.375 VNĐ tương đương 1.250.000 USD	100%

Số vốn này sẽ được chuyển đổi theo phương thức như sau:

- Ông WANG HSI - PING có số vốn góp 26.773.961.375 VNĐ tương đương 1.250.000 USD chiếm 100 %vốn điều lệ của Bên Bị Sáp Nhập. Ông WANG HSI - PING hiện đang là chủ sở hữu của Bên Nhận Sáp Nhập, do đó, số vốn 26.773.961.375 VNĐ tương đương 1.250.000 USD này sẽ được cộng vào số vốn hiện có của Ông WANG HSI - PING trong tổng vốn điều lệ của Bên Nhận Sáp Nhập .

ĐIỀU 5. THỜI HẠN THỰC HIỆN SÁP NHẬP

Thời hạn thực hiện việc sáp nhập là: 10 ngày kể từ ngày Hợp đồng sáp nhập được ký kết.

ĐIỀU 6. TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ, VỐN ĐIỀU LỆ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY NHẬN SÁP NHẬP SAU SÁP NHẬP

6.1. Tên của Bên Nhận Sáp Nhập sau sáp nhập vẫn giữ nguyên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã cấp cho Bên Nhận Sáp Nhập trước sáp nhập, cụ thể là:

- Tên công ty: CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM.

- Tên bằng tiếng nước ngoài: UNITY VIETNAM CO., LTD

6.2. Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

6.3. Vốn điều lệ của Bên Nhận Sáp Nhập sau sáp nhập là: 74.509.424.580 VNĐ tương đương 3.500.000 USD. Trong đó:

STT	Tên chủ sở hữu	Giá trị góp VNĐ tương đương USD sau khi nhận sáp nhập	Tỷ lệ góp
1	WANG HSI - PING	74.509.424.580 VNĐ tương đương 3.500.000 USD	100%

* Số vốn điều lệ của Bên Nhận Sáp Nhập theo Báo cáo tài chính tại thời điểm sáp nhập là: 47.735.463.205 VNĐ tương đương 2.250.000 USD. (Giá trị tiền VNĐ cao hơn so với giá trị đã đăng ký do chênh lệch tỷ giá tại thời điểm góp vốn). Sau khi nhận sáp nhập, Bên Nhận Sáp Nhập điều chỉnh phần giá trị tăng thêm tương ứng theo Giá trị thực góp ghi nhận tại Báo cáo tài chính.

6.4. Ngành nghề kinh doanh của Bên Nhận Sáp Nhập sau ngày hiệu lực không thay đổi.

6.5. Người đại diện theo pháp luật của Bên Nhận Sáp Nhập sau ngày hiệu lực không thay đổi.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

7.1 Ngoài các nghĩa vụ và trách nhiệm khác quy định trong hợp đồng này, Bên Nhận Sáp Nhập có các nghĩa vụ và trách nhiệm cụ thể sau đây:

a. Thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để xin các chấp thuận, phê duyệt đối với việc sáp nhập từ chủ sở hữu;

b. Thông báo đầy đủ và kịp thời quá trình thực hiện sáp nhập cho Bên Bị Sáp Nhập.

7.2 Các Bên đồng ý rằng ngoài các nghĩa vụ và trách nhiệm khác quy định trong hợp đồng này, Bên Bị Sáp Nhập có các nghĩa vụ và trách nhiệm cụ thể sau đây:

a. Thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để xin các chấp thuận, phê duyệt đối với việc sáp nhập từ chủ sở hữu;

b. Thực hiện đúng và đầy đủ cam kết đã thỏa thuận tại hợp đồng này;

c. Thực hiện đúng việc chuyển giao tài sản, cổ phần, trái phiếu và phần vốn góp một cách đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 4 hợp đồng này;

d. Bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 10 hợp đồng này;

e. Chấm dứt sự tồn tồn tại của mình theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 8. CAM KẾT VÀ BẢO ĐẢM

8.1 Bên Nhận Sáp Nhập qua đây cam kết và đảm bảo với Bên Bị Sáp Nhập như sau: Việc sáp nhập theo quy định của hợp đồng này là không vi phạm điều lệ hoặc bất kỳ văn bản nào của Bên Nhận Sáp Nhập.

8.2 Bên Bị Sáp Nhập qua đây cam kết và đảm bảo với Bên Nhận Sáp Nhập như sau: Việc Sáp Nhập theo quy định của hợp đồng này là không vi phạm điều lệ hoặc bất kỳ văn bản nào của Bên Bị Sáp Nhập.

ĐIỀU 9. SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này chỉ được sửa đổi, bổ sung bằng văn bản theo thỏa thuận của Các Bên. Bên đề nghị sửa đổi có trách nhiệm thông báo trước bằng văn bản cho Bên kia trước ít nhất mười [10] ngày làm việc, trong đó nêu rõ nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung đối với hợp đồng.

ĐIỀU 10. BẢO MẬT

10.1 Các Bên thỏa thuận rằng thông tin (sau đây gọi là "**Thông Tin Bảo Mật**") được sử dụng trong hợp đồng này có nghĩa là bao gồm một phần hay toàn bộ các thông tin, bí quyết, dữ liệu kỹ thuật, thương mại, tài chính hoặc thông tin khác, hình vẽ, mô hình, mẫu vật, hình ảnh, chương trình phần mềm hoặc trên bất kỳ hình thức thiết bị nào có thể đọc được do một Bên cung cấp cho Bên kia.

10.2 Nghĩa vụ bảo mật và sử dụng Thông Tin Bảo Mật quy định bên trên sẽ không áp dụng trong các trường hợp sau đây:

a. Thông Tin Bảo Mật là thông tin phổ biến mà đã được Các Bên Bị Sáp Nhập biết trước thời điểm tiết lộ;

b. Thông Tin Bảo Mật đã được bên sở hữu thông tin đó công bố một cách phổ biến với bên thứ ba.

ĐIỀU 11. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Việc thành lập, hiệu lực, giải thích, thực hiện, sửa đổi, chấm dứt và giải quyết tranh chấp của một hoặc cả hai bên trong hợp đồng này sẽ được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 12. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

12.1 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày đại diện có thẩm quyền của Các Bên ký.

12.2 Hợp đồng này sẽ chấm dứt khi:

a. Việc sáp nhập không thể thực hiện được do quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc

b. Việc sáp nhập không được thực hiện theo đúng các điều kiện và tiến đ của hợp đ ng do việc vi phạm nghĩa vụ, cam kết của một Bên.

ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

13.1 Hợp đồng được lập thành 04. Bản bằng tiếng Việt, mỗi bên sẽ giữ ..02... bản tiếng Việt. Các bên thừa nhận rằng đã đọc lại hợp đồng này. Hợp đồng phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua. Các bản hợp đồng đều có giá trị pháp lý như nhau.

13.2 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

ĐẠI DIỆN BÊN BỊ SÁP NHẬP	**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN SÁP NHẬP**
CÔNG TY TNHH NHẤT TRÍ VIỆT NAM	**CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM**
WANG HSI – PING	**WANG HSI – PING**
Tổng giám đốc	Chủ tịch Công ty kiêm giám đốc

CÔNG TY TNHH NHẤT TRÍ VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**
Số: 01-00 /NT	*Bình Dương, ngày 01 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Thông qua Hợp đồng sáp nhập Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam vào Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam;

CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Sáp nhập Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam vào Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam theo chi tiết như sau:

1. THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY THAM GIA SÁP NHẬP:

A. Các công ty bị sáp nhập:

- Tên công ty: CÔNG TY TNHH NHẤT TRÍ VIỆT NAM

- Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14, Khu phố Bà Tri, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

*(Sau đây gọi tắt là "**Bên Bị Sáp Nhập**")*

B. Công ty nhận sáp nhập:

- Tên công ty: CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM.

- Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

*(Sau đây gọi tắt là "**Bên Nhận Sáp Nhập**")*

1.1. CÔNG TY TNHH NHẤT TRÍ VIỆT NAM đồng ý sáp nhập và CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM đồng ý nhận Sáp Nhập theo các thủ tục phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

1.2. Sau khi sáp nhập, Bên Bị Sáp Nhập chấm dứt tồn tại; Toàn bộ tài sản, dự án đầu tư, quyền và nghĩa vụ hợp pháp của Bên Bị Sáp Nhập (Bao gồm nhưng không giới hạn các quyền kinh doanh, quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 395280 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/01/2015), các khoản nợ phải thu, các khoản nợ phải trả và các quyền và nghĩa vụ theo các hợp đồng mà Bên Bị Sáp Nhập ký kết với bất kỳ bên thứ 3 nào, dự án đầu tư Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ gỗ theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 6551870161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp chứng nhận lần đầu ngày 21/09/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 20/10/2017), hợp đồng lao động giữa Bên Bị Sáp Nhập và nhân viên của Bên Bị Sáp Nhập sẽ được chuyển giao toàn bộ và nguyên trạng cho Bên Nhận Sáp Nhập.)

2. THỦ TỤC SÁP NHẬP

Việc sáp nhập công ty được thực hiện theo điều kiện và thủ tục như sau:

2.1. Việc sáp nhập này không vi phạm các điều cấm của pháp luật liên quan (bao gồm nhưng không giới hạn ở Luật Doanh nghiệp và Luật Cạnh tranh);

2.2. Việc sáp nhập được thực hiện theo trình tự thủ tục sau:

a. Chuẩn bị hợp đồng sáp nhập và Điều lệ như quy định;

b. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ cần thiết;

c. Nộp hồ sơ cho Phòng đăng ký kinh doanh nơi công ty nhận sáp nhập đặt trụ sở chính;

d. Nhận kết quả hồ sơ – nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới hoặc Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh;

e. Đồng thời Phòng đăng ký kinh doanh sẽ cập nhật tình trạng chấm dứt tồn tại của Bên Bị Sáp Nhập.

3. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực, Bên Nhận Sáp Nhập sẽ tiếp nhận và sử dụng toàn bộ số lao động đang ký hợp đồng lao động với Bên Bị Sáp Nhập. Bên Nhận Sáp Nhập có trách nhiệm đảm bảo rằng các quyền và lợi ích mà người lao động đang được hưởng tại Bên Bị Sáp Nhập (bao gồm tất cả các khoản lương, trợ cấp, thưởng, các khoản thu nhập khác, cũng như chế độ, chính sách lao động hiện hành) sẽ được tiếp tục áp dụng tại Bên Nhận Sáp Nhập cũng như phù hợp với hoạt động sản xuất và kế hoạch kinh doanh của mình.

4. CÁCH THỨC, THỦ TỤC, ĐIỀU KIỆN VÀ THỜI HẠN CHUYỂN ĐỔI TÀI SẢN, PHẦN VỐN GÓP

4.1. Bên Bị Sáp Nhập phải thực hiện các thủ tục và công việc cần thiết để chuyển quyền sở hữu và/hoặc quyền sử dụng các tài sản cho Bên Nhận Sáp Nhập, bao gồm các thủ tục đối với các tài sản có đăng ký quyền sở hữu và/hoặc quyền sử dụng, phần vốn góp bao gồm nhưng không giới hạn đất đai, nhà xưởng, công trình, máy móc, phương tiện vận chuyển, dự án đầu tư, Bên Bị Sáp Nhập phải thực hiện thủ tục chuyển

quyền sở hữu và/hoặc quyền sử dụng các tài sản này theo quy định pháp luật cho Bên Nhận Sáp Nhập ngay sau ngày hoàn thành việc đăng ký kinh doanh.

4.2. Sau khi sáp nhập, tất cả các tài sản, các quyền, đặc quyền, lợi ích, quyền lợi và thẩm quyền hợp pháp (gọi chung là **"Các Quyền"**) của Bên Bị Sáp Nhập tồn tại ngay trước khi sáp nhập sẽ đương nhiên được chuyển giao và trở thành Các Quyền của Bên Nhận Sáp Nhập, bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền sau:

(i) Bên Bị Sáp Nhập sẽ chuyển giao toàn bộ giá trị tài sản theo giá trị sổ sách của các bộ phận và toàn bộ phần vốn góp của Công Ty Bị sáp nhập sang công ty Nhận sáp nhập tương ứng với:

Phần vốn góp 1.250.000 USD cùng toàn bộ phần vốn vay, tổng vốn đầu tư đã thực hiện theo giá trị sổ sách kế toán, tất cả các quyền lợi, nghĩa vụ cũng như ưu đãi tại dự án Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ gỗ theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 6551870161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp chứng nhận lần đầu ngày 21/09/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 20/10/2017.

(ii) Bất động sản, các nhà xưởng và các tòa nhà mà Bên Bị Sáp Nhập có quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp; Nhà xưởng cố định và máy móc cùng các công trình nâng cấp thuộc sở hữu của Bên Bị Sáp Nhập Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 395280 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/01/2015;

(iii) Tất cả các văn bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, nhãn hiệu dịch vụ, mẫu mã đã đăng ký, các đơn xin sử dụng bất cứ các quyền, tên thương mại và tên giao dịch, nhãn hiệu thương mại và nhãn hiệu dịch vụ chưa đăng ký, bản quyền, bí quyết, quyền đối với thiết kế và sáng chế; các quyền có giá trị và tính chất giống như hoặc tương tự các đối tượng được nêu ở trên đã được sử dụng hoặc được yêu cầu sử dụng bởi Bên Bị Sáp Nhập hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh;

(iv) Nhà xưởng cơ động, máy móc, thiết bị và các tài sản tương tự khác thuộc sở hữu của Bên Bị Sáp Nhập.

(v) Ô tô, xe máy, phương tiện vận tải khác; Thiết bị văn phòng, trang thiết bị hoặc các tài sản tương tự khác thuộc sở hữu của Bên Bị Sáp Nhập;

(vi) Sổ sách chứng từ của Bên Bị Sáp Nhập (bao gồm nhưng không giới hạn ở toàn bộ Sổ cái bán hàng, sổ theo dõi mua bán hàng ngày và hóa đơn mua bán);

(vii) Nguyên vật liệu, thành phẩm, bán thành phẩm tồn kho thuộc sở hữu của Bên Bị Sáp Nhập.

(viii) Tất cả Các Quyền theo từng hợp đồng, thỏa thuận được ký kết giữa Bên Bị Sáp Nhập với bất kỳ bên thứ ba nào có hiệu lực trước sáp nhập (gọi chung là **"Các Hợp đồng với Bên Thứ ba"**), sẽ được chuyển giao cho Bên Nhận Sáp Nhập và sẽ tiếp tục ràng buộc với bên thứ ba đó như thể chính Bên Nhận Sáp Nhập đã ký kết Các Hợp đồng, thỏa thuận với Bên Thứ ba;

(ix) Tất cả các khoản tiền và khoản nợ (thuộc bất kỳ loại nào và bằng bất kỳ loại tiền tệ nào) đến hạn, còn nợ, phát sinh hoặc phải trả bởi bất kỳ bên thứ ba nào cho Bên Nhận Sáp Nhập hoặc Bên Bị Sáp Nhập (dù là thực tế hoặc có điều kiện và dù là riêng hoặc chung với bất kỳ người nào khác), sẽ được chuyển giao cho Bên Nhận Sáp Nhập và Bên Nhận Sáp Nhập có thể thu hồi đầy đủ và được quyền áp dụng các thủ tục cưỡng chế phù hợp đối với bên thứ ba đó; và

(x) Tất cả Các Quyền theo bất kỳ giấy chứng nhận, giấy phép, cho phép, đăng ký, chấp thuận, phê chuẩn và ủy quyền được cấp cho Bên Bị Sáp Nhập và Bên Nhận Sáp Nhập vào bất kỳ thời điểm nào trước sáp nhập bởi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam (gọi chung là **"Các Giấy phép"**) và tất cả Các Giấy phép này sẽ được chuyển giao cho Bên Nhận Sáp Nhập. Bên Nhận Sáp Nhập sẽ nhận Các Giấy phép đó như thể Các Giấy phép đó đã được cấp cho Bên Nhận Sáp Nhập.

4.3. Sau khi sáp nhập, tất cả các khoản nợ, khoản nợ phải trả, nghĩa vụ, trách nhiệm, hạn chế và nhiệm vụ (gọi chung là ***"Nghĩa vụ"***) của Bên Nhận Sáp Nhập và Bên Bị Sáp Nhập tồn tại trước sáp nhập sẽ trở thành Nghĩa vụ của Bên Nhận Sáp Nhập và Bên Nhận Sáp Nhập sẽ bị ràng buộc bởi các chủ nợ và các bên thứ ba có quyền của Bên Nhận Sáp Nhập và Bên Bị Sáp Nhập như thể các Nghĩa vụ đó đã phát sinh hoặc được ký kết bởi Bên Nhận Sáp Nhập.

4.4. Phương án chuyển đổi vốn điều lệ (vốn góp) của CÔNG TY BỊ SÁP NHẬP

Vốn điều lệ của Bên Bị Sáp Nhập tại thời điểm sáp nhập theo Báo cáo tài chính là 26.773.961.375 đồng tương đương 1.250.000 USD. trong đó:

STT	Tên chủ sở hữu	Giá trị góp	Tỷ lệ góp
1	WANG HSI - PING	26.773.961.375 VNĐ tương đương 1.250.000 USD	100%

Số vốn này sẽ được chuyển đổi theo phương thức như sau:

- Ông WANG HSI - PING có số vốn góp 26.773.961.375 VNĐ tương đương 1.250.000 USD chiếm 100 %vốn điều lệ của Bên Bị Sáp Nhập. Ông WANG HSI - PING hiện đang là chủ sở hữu của Bên Nhận Sáp Nhập, do đó, số vốn 26.773.961.375 VNĐ tương đương 1.250.000 USD này sẽ được cộng vào số vốn hiện có của Ông WANG HSI - PING trong tổng vốn điều lệ của Bên Nhận Sáp Nhập .

5. THỜI HẠN THỰC HIỆN SÁP NHẬP

Thời hạn thực hiện việc sáp nhập là: 10 ngày kể từ ngày Hợp đồng sáp nhập được ký kết.

6. TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ, VỐN ĐIỀU LỆ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY NHẬN SÁP NHẬP SAU SÁP NHẬP

6.1. Tên của Bên Nhận Sáp Nhập sau sáp nhập vẫn giữ nguyên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã cấp cho Bên Nhận Sáp Nhập trước sáp nhập, cụ thể là:

- Tên công ty: CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM.

- Tên bằng tiếng nước ngoài: UNITY VIETNAM CO., LTD

6.2. Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

6.3. Vốn điều lệ của Bên Nhận Sáp Nhập sau sáp nhập là: 74.509.424.580 VNĐ tương đương 3.500.000 USD. Trong đó:

STT	Tên chủ sở hữu	Giá trị góp	Tỷ lệ góp
1	WANG HSI - PING	74.509.424.580 VNĐ tương đương 3.500.000 USD	100%

6.4. Ngành nghề kinh doanh của Bên Nhận Sáp Nhập sau ngày hiệu lực không thay đổi.

6.5. Người đại diện theo pháp luật của Bên Nhận Sáp Nhập sau ngày hiệu lực không thay đổi.

Điều 2: Thông qua Hợp đồng sáp nhập và Điều lệ của Công ty sau sáp nhập;

Thông qua Hợp đồng sáp nhập giữa Công ty nhận sáp nhập và Công ty bị sáp nhập. Giao người đại diện theo pháp luật của Công ty nhận sáp nhập và người đại diện của Công ty bị sáp nhập ký kết và tổ chức thực hiện Hợp đồng sáp nhập đúng với quy định của pháp luật và các nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Thông qua bản điều lệ mới của CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM, sửa đổi lần thứ 03 ngày 01 tháng 10 năm 2022 thay thế Bản điều lệ công ty trước đây (Đính kèm bản điều lệ sau khi sửa đổi).

Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục pháp lý để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo qui định của pháp luật.

Điều 4: Chủ sở hữu công ty và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động được biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông qua Quyết định. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- *Như điều 4;*
- *Lưu*

CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

CÔNG TY TNHH NHẤT VIỆT NAM

WANG HSI - PING

Mẫu số: 23/QTr-KK
(Ban hành kèm theo Quyết định số 879/QĐ -TCT ngày 15/5/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

CỤC THUẾ BÌNH DƯƠNG
CHI CỤC THUẾ KV TÂN UYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6849/TB-CCTKV

Tân Uyên, ngày 15 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ thuế cho NNT

Căn cứ công văn đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế;

Căn cứ số liệu về nghĩa vụ thuế theo kê khai thuế sử dụng đất phi nông của CÔNG TY TNHH NHẬT TRÍ VIỆT NAM, MST: 3700830266 do cơ quan thuế theo dõi, quản lý qua ứng dụng quản lý thuế tập trung TMS.

Chi cục Thuế Khu vực Tân Uyên xác nhận CÔNG TY TNHH NHẬT TRÍ VIỆT NAM đã hoàn thành nghĩa vụ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đến ngày 15 tháng 11 năm 2023.

NNT cần biết thêm chi tiết, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế theo địa chỉ: Chi cục Thuế KV Tân Uyên - Đội trước bạ - thu khác

Địa chỉ: KP 02 , P. Uyên Hưng, TP. Tân Uyên, T. Bình Dương.

Cơ quan thuế thông báo để NNT biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- NNT;
- Lưu: VT, TBTK.

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC THUẾ KHU VỰC TÂN UYÊN

Phạm Ngọc Nam

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 16328/CTBDU-TTHT
V/v xác nhận không còn tồn hóa đơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bình Dương, ngày 28 tháng 7 năm 2023

Kính gửi: CÔNG TY TNHH NHẤT TRÍ VIỆT NAM

Địa chỉ nhận thông báo thuế: *Thửa đất số 19, Tờ bản đồ số 14, Khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương*
Mã số thuế: 3700830266

Cục Thuế tỉnh Bình Dương nhận được Công văn không số ngày 17/07/2023 của Công Ty TNHH Nhất Trí Việt Nam đề nghị xác nhận không còn ấn chỉ.

Căn cứ vào hệ thống thông tin quản lý ấn chỉ thuế, Cục Thuế tỉnh Bình Dương ghi nhận như sau:

Công Ty TNHH Nhất Trí Việt Nam với mã số thuế 3700830266 có thông báo phát hành hóa đơn, Công ty đã báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn đến Quý 4/2022, Công ty đã thông báo hủy số hóa đơn còn tồn. Công ty không còn tồn hóa đơn tính đến thời điểm xác nhận dữ liệu.

Cục Thuế tỉnh Bình Dương thông báo để Công Ty TNHH Nhất Trí Việt Nam được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- P.TT-KT số 1;
- Phòng Kê khai & KTT;
- Lưu VT, TTHT (2b) (Ngân).

(230720/ZV09/0002/7401/020496143)

KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC THUẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Mạnh Đông

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1797/CTBDU-QLN
V/v xác nhận không nợ thuế

Bình Dương, ngày 24 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Công ty TNHH Nhất trí Việt Nam
Mã số thuế: 3700830266
Địa chỉ: Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Cục Thuế tỉnh Bình Dương có nhận văn bản ngày 17/01/2024 của Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam về việc xác nhận không nợ thuế để giải thể sáp nhập Công ty.

Qua nội dung văn bản nêu trên, Cục Thuế trả lời như sau:

Căn cứ công văn số 001/2022/NT-CT ngày 23/11/2022 của Công ty TNHH Nhất trí Việt Nam về việc đề nghị kiểm tra quyết toán thuế để giải thể sáp nhập Công ty.

Công ty đã được Kiểm tra thuế đến kỳ thuế tháng 11/2022 theo Quyết định số 5189/QĐ-CTBDU ngày 22/12/2022 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Dương.

Theo sổ tổng quan người nộp thuế, Cục Thuế xác nhận đến ngày 23/01/2024, tính đến kỳ thuế tháng 11/2022 Công ty không nợ thuế tại Cục thuế tỉnh Bình Dương.

Cục Thuế tỉnh Bình Dương thông báo để Công ty được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phòng TTHT; TTKT1;
- Lưu VT, QLN.
(240119/ZV15/0041/7401/001905281)

KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC THUẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Minh Hải

Scanned with CamScanner

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

7 4 2 5 9 2 0 1 5 0 0 1 5 8 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH NHẤT TRÍ VIỆT NAM
Giấy chứng nhận đầu tư số: 461043000197
Chứng nhận lần đầu ngày 21 tháng 9 năm 2007.
Chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 16 tháng 4 năm 2014.
Do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.
Địa chỉ: phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

BV 395280

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất

a) Thửa đất số: 19 ,tờ bản đồ số: 14

b) Địa chỉ: phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

c) Diện tích: 13.285m^2 (Mười ba ngàn hai trăm tám mươi lăm mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: riêng: 13.285m^2 ,chung: không m^2

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 21/9/2057.

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: tài sản của Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam.

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích sàn hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng 1	6.300	6.300	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng 2	2.250	2.250	Sở hữu riêng	III	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú: Tổng diện tích: 13.285m^2 (trong đó có 370m^2 diện tích đất thuộc hành lang an toàn đường bộ thực hiện theo quy định của pháp luật về hành lang an toàn đường bộ).

- Cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 804648 ngày 16/11/2007 và chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận.

Bình Dương, ngày 27.. tháng 04.. năm 2015

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC

Phạm Danh

Số vào sổ cấp GCN: CT09785

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

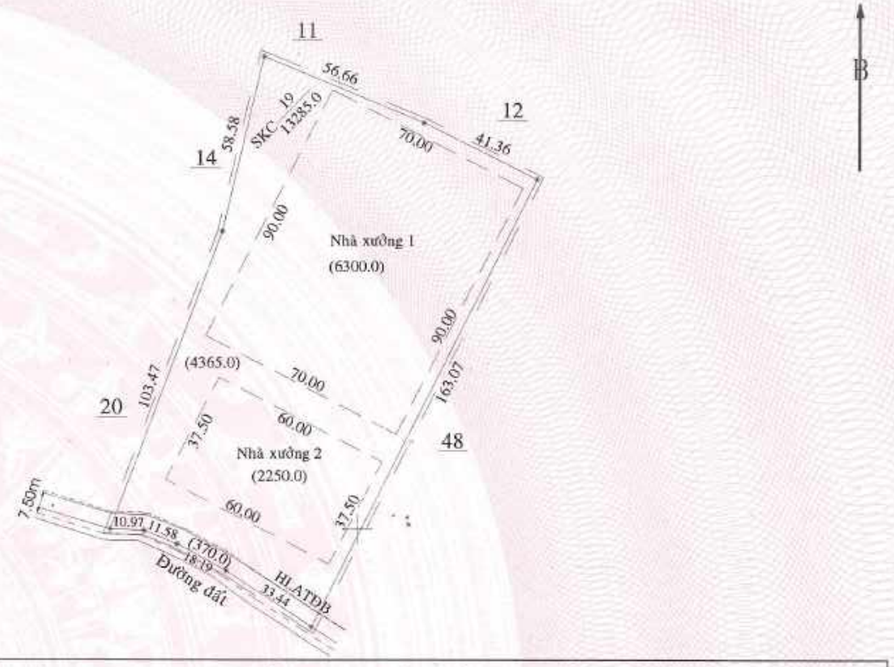

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Người sử dụng đất đổi tên từ Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam thành Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp: 3700830273, đăng ký lần đầu ngày 21/9/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 08/6/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp; Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, đường Tân Hiệp 02, khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương) do sáp nhập doanh nghiệp, theo hồ sơ số 240205-0014. Đổi tên thị xã Tân Uyên thành thành phố Tân Uyên.	10/5/2024 **PHÓ GIÁM ĐỐC** VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH DƯƠNG **Võ Đức Hiến Minh**

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

7 4 2 5 9 2 0 1 5 0 0 1 5 4 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đầu tư số: 461043000196
chứng nhận lần đầu ngày 21 tháng 09 năm 2007
chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 16 tháng 04 năm 2014
do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp
Địa chỉ trụ sở chính: phường Tân Hiệp, thị xã Tân uyên, tỉnh Bình Dương.

BV 391794

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 48 tờ bản đồ số: 14

b) Địa chỉ: phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

c) Diện tích: 12.065 m^2 (bằng chữ: Mười hai ngàn không trăm sáu mươi lăm mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: riêng: 12.065 m^2 chung: Không m^2

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 21/09/2057

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích sàn hoặc công suất (m^2)	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng	5.400	5.400	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà văn phòng	492	984	Sở hữu riêng	III	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 804647 ngày 16/11/2007 và chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.
- Tổng diện tích 12.065 m², trong đó đất thuộc hành lang đường đất: 355m² thực hiện theo quy định phát luật về hành lang an toàn đường bộ.

Bình Dương, ngày .12. tháng.01. năm 2015

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC

Phạm Danh

Số vào sổ cấp GCN: CT09444

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

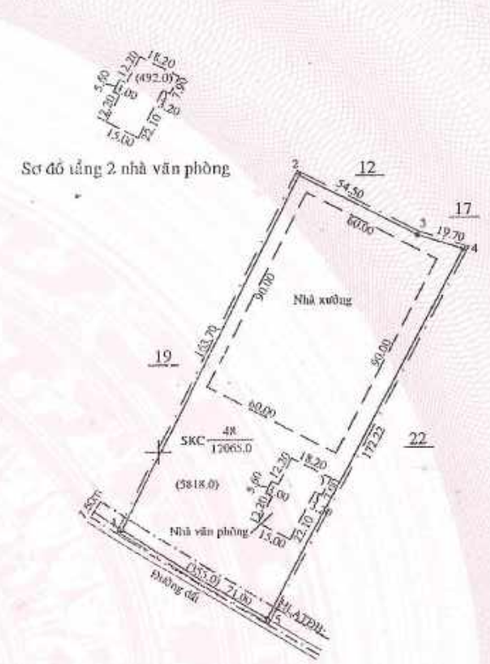

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5006 /QĐ-UBND	*Thủ Dầu Một,* ngày 16 tháng 11 năm 2007

BẢN SAO

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Thu hồi đất của hộ bà Trần Thị Bẹ tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, cho thuê và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuê cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhất Trí Việt Nam và Công ty trách nhiệm hữu hạn Thống Nhất Việt Nam.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất Đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại tờ trình số: 1146/TT.TNMT ngày 31/10/2007,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Thu hồi khu đất có diện tích 24.832m^2 (đã trừ 518m^2 hành lang đường đất) thuộc thửa 19 - tờ bản đồ 14 của hộ bà Trần Thị Bẹ tại xã Khánh Bình (nay là xã Tân Hiệp), huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Đồng thời thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Đ-444198 ngày 24/3/2004 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên cấp.

Điều 2. Cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhất Trí Việt Nam và Công ty trách nhiệm hữu hạn Thống Nhất Việt Nam thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khu đất có đặc điểm như sau:

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhất Trí Việt Nam:

a. Tổng diện tích khu đất: 13.285m^2 (Trong đó: diện tích sử dụng: 12.915m^2; diện tích hành lang đường đất: 370m^2).

b. Để sử dụng vào mục đích:

+ Diện tích sử dụng 12.915m^2: Đất xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh (SKC).

+ Diện tích hành lang đường đất (HLĐĐ) 370m^2: chỉ cho phép khai thác, sử dụng mang tính tạm thời và không được ảnh hưởng đến an toàn công trình và an toàn giao thông. Khi nhà nước có yêu cầu sử dụng thì tổ chức sử dụng hành lang đường bộ phải di dời công trình trong thời hạn cho phép và tự chịu kinh phí.

Đồng thời thực hiện theo Quyết định số: 272/2006/QĐ-UBND ngày 25/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương..

c. Vị trí địa điểm khu đất: tại thửa số 19 tờ bản đồ số 14, thuộc xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Ranh giới, tứ cận khu đất:

+ Phía Đông giáp : khu đất xin thuê của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thống Nhất Việt Nam.

+ Phía Tây giáp : thửa 14 đất của Nguyễn Thị Hòa.
thửa 20 đất của Lý Thành.

+ Phía Nam giáp : đường đất.

+ Phía Bắc giáp : giáp thửa 11, 12 đất của Trần Thị Thàng.

d. Thời gian sử dụng: đến ngày 21/9/2057.

e. Giá thuê đất: thực hiện theo quy định hiện hành.

f. Đã đăng ký trong sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyển số:1-2007:

- Số trang: 18 - Số thứ tự : 1088

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn Thống Nhất Việt Nam:

a. Tổng diện tích khu đất: 12.065m^2 (Trong đó: diện tích sử dụng: 11.710m^2; diện tích hành lang đường đất: 355m^2).

b. Để sử dụng vào mục đích:

+ Diện tích sử dụng 11.710m^2: Đất xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh (SKC).

+ Diện tích hành lang đường đất (HLĐĐ) 355m^2: chỉ cho phép khai thác, sử dụng mang tính tạm thời và không được ảnh hưởng đến an toàn công trình và an toàn giao thông. Khi nhà nước có yêu cầu sử dụng thì tổ chức sử dụng hành lang đường bộ phải di dời công trình trong thời hạn cho phép và tự chịu kinh phí. Đồng thời thực hiện theo Quyết định số: 272/2006/QĐ-UBND ngày 25/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

c. Vị trí địa điểm khu đất: tại thửa số 48 tờ bản đồ số 14, thuộc xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Ranh giới, tứ cận khu đất:

+ Phía Đông giáp : thửa 22.

+ Phía Tây giáp : thửa 19 khu đất xin thuê của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhất Trí Việt Nam.

+ Phía Nam giáp : đường đất.

+ Phía Bắc giáp : thửa 12 đất của Trần Thị Thàng.
thửa 17 đất của Vũ Minh Sang.

d. Thời gian sử dụng: đến ngày 21/9/2057.

e. Giá thuê đất: thực hiện theo quy định hiện hành.

f. Đã đăng ký trong sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyển số:1-2007:

- Số trang: 18 - Số thứ tự : 1019

Điều 3. Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhất Trí Việt Nam và Công ty trách nhiệm hữu hạn Thống Nhất Việt Nam có trách nhiệm:

1. Sử dụng đất đúng mục đích và ranh giới.

2. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của nhà nước.

3. Đến Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên để đăng ký biến động đất đai theo quy định.

Điều 4. Căn cứ Điều 2 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Thông báo cho chủ sử dụng đất nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật;

2. Ký hợp đồng thuê đất với người được thuê đất;

3. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên Môi trường và Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp xác định cụ thể mốc giới và bàn giao đất trên thực địa;

4. Trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên, Tổng Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhất Trí Việt Nam và Công ty trách nhiệm hữu hạn Thống Nhất Việt Nam và thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :
- Như Điều 5.
- LĐVP, Lâm,
- Lưu VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Kim Hân

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực....2175/....Quyển số....09....SCT/BS
Ngày: 24-09-2019

CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Văn Phương

租地合約

Số: 2040 /HĐ.TĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thủ Dầu Một, ngày 27 tháng 11 năm 2007.

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

BẢN SAO

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số : 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số: 461043000196 ngày 21/9/2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp;

Căn cứ Quyết định số: 5006/QĐ-UBND ngày 16/11/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thu hồi đất của bà Trần Thị Bẹ tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cho thuê và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuê co Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam và Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam.

Hôm nay, ngày 27 tháng 11 năm 2007, tại Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, chúng tôi gồm:

Bên cho thuê đất là Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương:

- Do Ông : BÙI VĂN HAI.
- Chức vụ : Phó Giám Đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương làm đại diện.

Bên thuê đất là Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam

- Trụ sở chính : xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Do Ông : WU, CHI - CHUN
- Chức vụ : Tổng Giám đốc
- Quốc tịch : Trung Quốc (Đài Loan)
- Số tài khoản: ..... tại .....
.....
- Số điện thoại:

Hai Bên thống nhất ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1 : Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê: 11.710m^2 (Mười một ngàn bảy trăm mười mét vuông).

Tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Để sử dụng vào mục đích: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (SKC).

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tân Uyên.

3. Thời hạn thuê đất là 50 năm, kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2007 đến ngày 21 tháng 9 năm 2057.

4. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước Việt Nam đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 2 : Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau :

1. Hình thức nộp tiền thuê đất:

- Trả tiền thuê đất hàng năm:

Giá tiền thuê đất là 869đồng/m^2/năm (Tám trăm sáu mươi chín đồng/m^2/năm).

Giá thuê đất này được ổn định 05 năm, kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2007 đến ngày 05 tháng 11 năm 2012. Hết thời hạn trên, giá tiền thuê đất được tính lại theo quy định của Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

2. Phương thức nộp tiền thuê đất: Theo khoản 2 Điều 35 Luật Đất đai năm 2003.

3. Nơi nộp tiền thuê đất:

- Tại tài khoản 741 của Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Dương, nếu thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam và được tính theo trị giá tại thời điểm thanh toán.

- Tại tài khoản 710A00060 Ngân hàng công thương tỉnh Bình Dương, nếu thanh toán bằng ngoại tệ.

Điều 3 : Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của hợp đồng này.

Điều 4 : Quyền và nghĩa vụ của các Bên:

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng (trừ trường hợp phải thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 Luật Đất đai);

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 119 của Luật Đất đai;

3. Trường hợp Bên thuê đất bị chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp mà hình thành pháp nhân mới, chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê hoặc bán tài sản gắn liền với đất thuê cho tổ chức, cá nhân khác thì pháp nhân mới, người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê hoặc tổ chức, cá nhân mua tài sản được tiếp tục thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này;

4. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải làm thủ tục thu hồi đất theo quy định tại Điều 131 của Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 5 : Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể (đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm);

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 của Luật đất đai.

Điều 6 : Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 7: Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì Bên đó phải bồi thường do việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 8: Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế nơi xác định mức thu tiền thuê đất, kho bạc Nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

WU, CHI - CHUN

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Văn Mai

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 21769 Quyển số 09 SCT/BS
Ngày: 24-09-2019

CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Văn Phương

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1853 /QĐ-STC

Thủ Dầu Một, ngày 05 tháng 11 năm 2007

BẢN SAO

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt đơn giá thuê đất của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thống Nhất Việt Nam

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/05 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ quyết định số 12/2007/QĐ-UBND ngày 25/01/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 267/2006/QĐ-UBND ngày 25/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ quyết định số 145/2004/QĐ-UB ngày 27/10/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức hoạt động của Sở Tài chính tỉnh Bình Dương;

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 21763 Quyển số 01 SCT/BS
Ngày 26 - 05 - 2015
CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Phương

Căn cứ phiếu chuyển thông tin địa chính số 1668/PCTTĐC-VPĐKQSDĐ ngày 31/10/2007 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Giá - Công sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt đơn giá thuê đất của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thống Nhất Việt Nam, tọa lạc tại xã Tân Hiệp huyện Tân Uyên là: **869 đ/m^2/năm.**

Điều 2. Chánh văn phòng Sở Tài chính, Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thống Nhất Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (để b/c);
- Như điều 2;
- Sở TNMT, Cục Thuế;
- Chi Cục Thuế H. Tân Uyên;
- Lưu: VT, BGCS.

GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI CHÍNH

Nguyễn Thành Tài

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 449 /QĐ-STC

Bình Dương, ngày 29 tháng 7 năm 2013

BẢN SAO

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh đơn giá thuê đất của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thống Nhất Việt Nam

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Căn cứ Quyết định số 69/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 69/2009/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 66/2011/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định Bảng giá các loại đất năm 2012 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 67/2011/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2012 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Giá - Công sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt điều chỉnh đơn giá thuê đất của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thống Nhất Việt Nam với diện tích 11.710 m^2 tọa lạc tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên là 4.739 đồng/m^2/năm. Mức giá này được áp dụng kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2012 đến ngày 11 tháng 12 năm 2017.

Điều 2. Chánh Văn phòng Sở Tài chính, Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thống Nhất Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên

quan và Trưởng phòng Giá - Công sản chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Sở TN và MT;
- Cục Thuế;
- Chi cục Thuế huyện Tân Uyên;
- Lưu: VT, GCS. B. 7b.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Dương Ngọc Vân

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 21765 Quyển số 09 SCT/BS

Ngày: 24-09-2019

CÔNG CHỨNG VIÊN

S.D.K.H.Đ.25.C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN VĂN PHƯƠNG
TX. TÂN UYÊN - T. BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Văn Phương

土地对表

PHÒNG TÀI NGUYÊN & MT
HUYỆN TÂN UYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do -Hạnh phúc

Số: 5/BB-TNMT

Tân Uyên, ngày 12/12/2007

BẢN SAO

BIÊN BẢN

V/v Xác định mốc ranh giới thửa đất và bàn giao đất ngoài thực địa

Căn cứ Quyết định số 5006/QĐ–UBND ngày 16/11/2007 của UBND tỉnh Bình Dương về việc V/v: Thu hồi đất của hộ bà Trần Thị Bẹ, cho thuê và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuê cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhất Trí Việt Nam và Công ty trách nhiệm hữu hạn Thống Nhất Việt Nam.

Hôm nay, hồi 8 giờ 30 phút ngày 12/12/2007, tại thực địa khu vực đất thuộc Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, chúng tôi gồm có:

1. Đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Uyên:

- Ông : Phan Phát Thành - Chức vụ : P. Trưởng phòng TNMT.
- Bà : Nguyễn Ngọc Thúy - Chức vụ : Chuyên viên - Ghi biên bản.

2. Đại diện UBND Tân Hiệp:

- Ông: Lê văn Quang ..... - Chức vụ: Cán bộ địa chính .....

3. Đại diện Chủ sử dụng đất:

- Ông, bà: Nguyễn Thuy Trang Thùy Dung Chức vụ: Được ủy quyền .....

NỘI DUNG

Tiến hành bàn giao mốc ranh giới sử dụng đất ngoài thực địa, cụ thể như sau:

- Tổng diện tích khu đất: 12065 m^2, trong đó (diện tích sử dụng: 11710 m^2, diện tích hành lang: 355 m^2)

- Vị trí khu đất tại thửa số 48 tờ bản đồ 14 thuộc Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Hiện trạng khu đất: Đất trống đã cắm các cọc bêtông .....

- Ranh giới, tứ cận khu đất:

+ Phía Bắc giáp: thửa 12 đất của bà Trần Thị Thàng, thửa 17 đất của Vũ Minh Sang.

+ Phía Đông giáp:thửa 22.

+ Phía Nam giáp: đường đất.

+ Phía Tâygiáp: thửa 19 khu đất xin thuê của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhất Trí Việt Nam.

- Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam có trách nhiệm sử dụng đất đúng ranh giới theo bản đồ đã xác lập, đồng thời thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về quản lý sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành.

Biên bản lập xong hồi 9 giờ 10 phút cùng ngày, thông qua và thống nhất ký tên./.

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**GHI BIÊN BẢN**
P. TRƯỞNG PHÒNG	
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	
Phan Phát Thành	Nguyễn Ngọc Thủy
ĐẠI DIỆN UBND	**CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT**
Tân Hiệp	Nguyễn Thuỳ Trang Thuỳ Dun (Được uỷ quyền)
CHỦ TỊCH	
Bùi Thị Tâm	

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 21774 Quyển số 09 SCT/BS

Ngày: 24-09-2019

CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN VĂN PHƯƠNG

Nguyễn Văn Phương

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2453/PLHĐ.TĐ

Bình Dương, ngày 23 tháng 9 năm 2013

BẢN SAO

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

(Hợp đồng thuê đất số 2040/HĐ.TĐ ngày 27/11/2007)

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 2040/HĐ.TĐ ngày 27/11/2007 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương và Công ty trách nhiệm Hữu hạn Thống Nhất Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 449/QĐ-STC ngày 29/07/2013 của Sở Tài chính tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh đơn giá thuê đất của Công ty trách nhiệm Hữu hạn Thống Nhất Việt Nam.

I. BÊN CHO THUÊ ĐẤT: (Bên A)

- Đại diện : SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
- Họ tên : BÙI VĂN HAI.
- Chức vụ : PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ.
- Trụ sở : phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (06503) 822358 - 827198 - 842326.

II. BÊN THUÊ ĐẤT: (Bên B)

- Đại diện : CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM
- Họ tên : WU, CHI-CHUN
- Chức vụ : TỔNG GIÁM ĐỐC.
- Trụ sở : xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Hai bên thỏa thuận ký phụ lục sửa đổi bổ sung một số điều khoản của Hợp đồng thuê đất số 2040/HĐ.TĐ ngày 27/11/2007 Cụ thể như sau:

Điều 1: Điều chỉnh tại khoản 1 điều 2 của Hợp đồng thuê đất số 2040/HĐ.TĐ ngày 27/11/2007 theo Quyết định số 449/QĐ-STC ngày 29/07/2013 của Sở Tài chính tỉnh Bình Dương như sau:

Giá tiền thuê đất là 4.739 đồng/m^2/năm (Bốn ngàn bảy trăm ba mươi chín đồng/m^2/năm)

Giá tiền thuê đất này được áp dụng kể từ ngày 12/12/2012 đến ngày 11/12/2017. Hết thời hạn trên, giá tiền thuê đất được tính lại theo quy định của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về việc thu tiền thuê đất, tiền mặt nước và Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về việc thu tiền thuê đất, tiền mặt nước.

Điều 2: Phụ lục này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng thuê đất số 2040/HĐ.TĐ ngày 27/11/2007 các điều khoản khác của hợp đồng thuê đất vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3: Phụ lục hợp đồng được ký tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương ngày / /2013 được lập thành 04 bản và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan Thuế nơi xác định mức thu tiền thuê đất, Kho bạc Nhà nước nơi thu tiền thuê đất để theo dõi quản lý.

Phụ lục hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký./.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỐNG NHẤT VIỆT NAM	**KT.GIÁM ĐỐC**
TỔNG GIÁM ĐỐC	**PHÓ GIÁM ĐỐC**
WU CHI CHUN	**Bùi Văn Hai**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 11767 Quyển số 09 SCT/BS

Ngày: 24-09-2019

CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN VĂN PHƯƠNG

Nguyễn Văn Phương

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 107 /GPXD-SXD

Bình Dương, ngày 17 tháng 01 năm 2014

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM.

Địa chỉ trụ sở chính: Xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận đầu tư số 461043000196, chứng nhận lần đầu ngày 21/9/2007 do UBND tỉnh Bình Dương cấp.

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

- Tên công trình: Nhà xưởng, văn phòng và các hạng mục phụ.

- Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: TT-01; KT(01-03); KC(01-07); PC(01-09); Đ-01; CN-01; TN(01-02), CS(01-02).

- Do: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Trung Dũng Sài Gòn lập.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng điện Bảo Nam.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng công trình: Tại thửa số 48; Tờ bản đồ số 14; Tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

+ Mật độ xây dựng: 48,81%, hệ số sử dụng đất: 0,49.

+ Chỉ giới đường đỏ: 7,5m tính từ tim đường đất rộng 5m.

+ Chỉ giới xây dựng được cấp: 7,5m tính từ tim đường đất rộng 5m đến chân hạng mục nhà bảo vệ.

Các hạng mục công trình gồm:

a) Công trình 1: Nhà xưởng.

+ Diện tích xây dựng: 5.400m^2.

+ Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,15m.

+ Chiều cao công trình (tính từ cốt nền): 12,1m; Số tầng: 01 tầng.

+ Cấu trúc: Móng, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch, sơn nước, phía trên ốp tôn. Mái lợp tôn, xà gồ thép. Cột, khung kèo thép. Cửa sắt kính, cửa cuốn.

b) Công trình 2: Nhà văn phòng.

+ Diện tích xây dựng: 450m^2.

+ Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,3m.

+ Chiều cao công trình (tính từ cốt nền): 7,15m; Số tầng: 01 tầng.

+ Cấu trúc: Móng, cột bằng bê tông cốt thép. Nền lát gạch ceramic. Tường xây gạch, sơn nước. Mái lợp tôn, xà gồ thép. Cửa nhôm kính.

c) Công trình 3: Nhà bảo vệ.

+ Diện tích xây dựng: 9m^2.

+ Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,15m.

+ Chiều cao công trình (tính từ cốt nền): 4,5m; Số tầng: 01 tầng.

+ Cấu trúc: Móng, cột bằng bê tông cốt thép. Nền lát gạch ceramic. Tường xây gạch, sơn nước. Mái lợp tôn, xà gồ thép. Cửa nhôm kính.

d) Công trình 4: Nhà vệ sinh.

+ Diện tích xây dựng: 30,24m^2.

+ Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,2m.

+ Chiều cao công trình (tính từ cốt nền): 3,2m; Số tầng: 01 tầng.

+ Cấu trúc: Móng, cột bằng bê tông cốt thép. Nền lát gạch ceramic. Tường xây gạch, sơn nước. Mái lợp tôn, xà gồ thép. Cửa nhôm kính.

e) Các hạng mục khác: Công trình có thiết kế sơ đồ đấu nối Cấp điện; Cấp nước; Thoát nước mưa; Phòng cháy chữa cháy và thu lôi chống sét.

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 804647 (số vào sổ cấp GCN: T01214/CN-2007 ngày 16/11/2007, do UBND tỉnh Bình Dương cấp, diện tích khu đất 12.065m^2 đất cơ sở sản xuất kinh doanh (SKC); HLĐĐ. Thời hạn sử dụng đến ngày 21/9/2057.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG

Nguyễn Lộc Hà

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, Thắng.

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải…).

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép xây dựng

---

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày …… tháng …… năm ……

GIÁM ĐỐC

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:

- Đồng ý cho Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam được phép điều chỉnh giấy phép xây dựng số 107/GPXD-SXD ngày 17/01/2014.

- Nội dung điều chỉnh:

- Công trình 2: Nhà văn phòng.

+ Tổng diện tích sàn: 984,16m^2. Trong đó: Tầng 1: 492,08m^2; Tầng 2: 492,08m^2.

+ Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0, 8m.

+ Chiều cao tầng 1 (tính từ cốt sân): 5,85m.

+ Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 11,75m; Số tầng: 2 tầng.

+ Cấu trúc: Móng, khung cột, sàn lầu, cầu thang bằng bê tông cốt thép. Nền, sàn lát gạch ceramic. Tường xây gạch sơn nước. Mái lợp ngói, hệ đỡ mái bằng thép. Cửa nhôm kính.

- Các nội dung khác không thay đổi theo Giấy phép xây dựng số 107/GPXD-SXD ngày 17/01/2014 do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp.

2. Thời hạn có hiệu lực của Giấy phép: Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày 26/8/2014.

Bình Dương, ngày 28 tháng 8 năm 2014

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG

Nguyễn Lộc Hà

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, Thg.

建筑证书

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

Số: 78 /GPXD-SXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 14 tháng 01 năm 2014

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH NHẤT TRÍ VIỆT NAM.

Địa chỉ trụ sở chính: Cụm công nghiệp Đất Cuốc 1, xã Đất Cuốc, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận đầu tư số 461043000197 Chứng nhận lần đầu ngày 21/9/2007 cấp.

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

- Tên công trình: Nhà xưởng.

- Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: TT-01; KT(1-6); KC(1-7); PC(1-10); Đ-01; TN-01; CN-01; CS(1-2).

- Do: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Trung Dũng Sài Gòn lập.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng điện Bảo Nam.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng công trình: Tại thửa số 19; Tờ bản đồ số 14; Tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

+ Mật độ xây dựng: 64,5%, hệ số sử dụng đất: 0,64.

+ Chỉ giới đường đỏ: 7,5m tính từ tim đường đất rộng 5m.

+ Chỉ giới xây dựng được cấp: 7,5m tính từ tim đường đất rộng 5m đến chân hạng mục trạm điện.

Các hạng mục công trình gồm:

- Công trình 1: Nhà xưởng 1.

+ Diện tích xây dựng: 6.300m^2.

+ Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,15m.

+ Chiều cao công trình (tính từ cốt nền): 12,1m; Số tầng: 01 tầng.

+ Cấu trúc: Móng, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch sơn nước, phía trên ốp tôn. Mái lợp tôn, xà gồ thép. Cột, khung kèo thép. Cửa sắt kính, cửa cuốn.

- Công trình 2: Nhà xưởng 2.

+ Diện tích xây dựng: 2.250m^2.

+ Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,15m.

+ Chiều cao công trình (tính từ cốt nền): 9,7m; Số tầng: 01 tầng.

+ Cấu trúc: Móng, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch sơn nước, phía trên ốp tôn. Mái lợp tôn, xà gồ thép. Cột, khung kèo thép. Cửa sắt kính, cửa cuốn.

- Trạm điện:

+ Diện tích xây dựng: 25m^2.

+ Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,1m.

+ Cấu trúc: Đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Vách lưới thép, khung thép cao 2,2m.

- Các hạng mục khác: Công trình có sơ đồ đấu nối điện, nước, phòng cháy chữa cháy và thu lôi chống sét.

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 804648 (số vào sổ T01215/CN-2007 ngày 16/11/2007, do UBND tỉnh Bình Dương cấp, diện tích khu đất 13.285m^2 đất cơ sở sản xuất kinh doanh.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG

Nguyễn Lộc Hà

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, Thắng.

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép xây dựng

---

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày ..... tháng ..... năm .....

GIÁM ĐỐC

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

Số: 166 /GPXD-SXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 27 tháng 01 năm 2015

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH NHẤT TRÍ VIỆT NAM.

Địa chỉ trụ sở chính: Phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng công trình theo nội dung sau:

- Tên công trình: Nhà nghỉ nhân viên.
- Bản vẽ thiết kế có ký hiệu: KT (01-07); KC 01.
- Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH Kiến trúc xây dựng Nhà Đông Á.
- Đơn vị thẩm tra thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng BA.
- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng công trình: Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

+ Mật độ xây dựng: 66%, hệ số sử dụng đất: 0,66.

+ Chỉ giới đường đỏ: 5m tính từ mép đường đất.

+ Chỉ giới xây dựng được cấp: 16,6m tính từ mép đường đất đến chân công trình nhà nghỉ nhân viên.

- Nhà nghỉ nhân viên:

+ Diện tích xây dựng: 139,5m^2.

+ Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): ±0,00m.

+ Chiều cao công trình (tính từ cốt nền): +3,90m; Số tầng: 1 tầng.

+ Cấu trúc: Móng, cột bằng bê tông cốt thép; Mái lợp tôn, vì kèo, xà gồ bằng thép; Tường xây gạch, sơn nước; Cửa sắt kính.

- Các hạng mục khác: Công trình có thiết kế sơ đồ cấp điện, cấp thoát nước.

3. Giấy tờ về đất đai:

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AI 804648 (vào sổ số T01215/CN-2007) ngày 16/11/2007 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam. Diện tích 13.285m^2 (Trong đó: 370m^2 thuộc diện tích hành lang đường đất (HLĐĐ), 12.915m^2 đất cơ sở sản xuất, kinh doanh). Thời hạn sử dụng đến ngày 21/9/2057.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, M.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Lộc Hà

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải…).

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép xây dựng

---

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày ..... tháng ..... năm .....

GIÁM ĐỐC

消防 [illegible]

BỘ CÔNG AN
SỞ CS PCCC T. BÌNH DƯƠNG
Số: 437.../TD-PCCC (.12..)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - In 2007

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 01/CV ngày 15/ 12 / 2013 của: CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM
Người đại diện là ông/ bà: Wu Chi - Chun Chức danh Tổng Giám đốc

(1) **Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương**

CHỨNG NHẬN:

(2) NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG
Địa điểm: Xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH Trung Dũng Sài Gòn
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:
- Kiến trúc
- Kết cấu
- Hệ thống cấp nước chữa cháy
- Hệ thống báo cháy tự động
- Hệ thống chữa cháy tự động

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) Bổ sung 01 cửa thoát nạn cho nhà văn phòng theo QCVN 06:2010/BXD; Số đầu phun sprinkler trên một nhánh phải =< 06 đầu theo mục 8 TCVN 7336-2003; Tổ chức kiểm tra an toàn PCCC trong quá trình thi công theo Điều 01 Nghị định 46/2012/NĐ-CP; Tổ chức nghiệm thu công trình theo Điều 16 Luật PCCC.

Bình Dương, ngày 25 tháng 12 năm 2013

(4) **GIÁM ĐỐC**

PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá Lê Anh Việt

Nơi nhận:
- Cục CS PCCC (Báo cáo);
- Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam;
- Phòng CS PCCC huyện Tân Uyên;
- Lưu: Phòng 2 (02 bản)

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
	Các bản vẽ thiết kế kỹ thuật	TT 01	
		KT 01-03	
		KC 01-07	
		PCCC 01-09	

BỘ CÔNG AN **CẢNH SÁT PC&CC** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 306 /CSPC&CC-P2	*Bình Dương, ngày 26 tháng 11 năm 2014*
V/v xác nhận nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy	

Kính gửi: Công ty TNHH Thống Nhất (Việt Nam)

Xét công văn số 01/2014/ĐXNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam về việc nghiệm thu hệ thống PCCC đối với công trình: Nhà xưởng. Địa điểm xây dựng: Phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 437/TD-PCCC(P2) ngày 25 tháng 12 năm 2013 của Sở Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC ngày 24 tháng 11 năm 2014,

Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình trên với nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động lắp đặt theo đúng thiết kế được phê duyệt.

- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phòng Cảnh sát PC&CC số 5;
- Lưu: Phòng 2 (TH, KT).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CẢNH SÁT PC VÀ CC TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đại tá *Lê Anh Việt*

BỘ CÔNG AN
SỞ CS PCCC T. BÌNH DƯƠNG
Số: 443 /TD-PCCC (12)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - In 2007

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 01/CV ngày 04 / 12 / 2013 của: CÔNG TY TNHH NHẬT TRÍ VIỆT NAM

Người đại diện là ông/ bà: Wang, Chin - Ting Chức danh Tổng Giám đốc

(1) **Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương**

CHỨNG NHẬN:

(2) NHÀ XƯỞNG

Địa điểm: Xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH Trung Dũng Sài Gòn

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Kiến trúc
- Kết cấu
- Hệ thống cấp nước chữa cháy
- Hệ thống báo cháy tự động
- Hệ thống chữa cháy tự động

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) Tổ chức kiểm tra an toàn PCCC trong quá trình thi công theo Điều 01 Nghị định 46/2012/NĐ-CP; Tổ chức nghiệm thu công trình trước khi đưa vào hoạt động theo Điều 16 Luật PCCC.

Bình Dương, ngày 27 tháng 12 năm 2013

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá Lê Anh Việt

Nơi nhận:
- Cục CS PCCC (Báo cáo).
- Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam;
- Phòng CS PCCC huyện Tân Uyên;
- Lưu: Phòng 2 (02 bản)

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
	Các bản vẽ thiết kế kỹ thuật	TT 01	
		KTNX1 01-03	
		KCNX1 01-07	
		KTNX3 01-06	
		KCNX3 01-07	
		PCCC 01-10	

-32

BỘ CÔNG AN **CẢNH SÁT PC&CC** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 307 /CSPC&CC-P2	*Bình Dương, ngày 26 tháng 11 năm 2014*

V/v xác nhận nghiệm thu
hệ thống phòng cháy chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH Nhất Trí (Việt Nam)

Xét công văn số 01/2014/ĐXNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Công ty TNHH Nhất Trí Việt Nam về việc nghiệm thu hệ thống PCCC đối với công trình: Nhà xưởng. Địa điểm xây dựng: Phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 443/TD-PCCC(P2) ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Sở Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC ngày 24 tháng 11 năm 2014,

Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình trên với nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động lắp đặt theo đúng thiết kế được phê duyệt.

- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phòng Cảnh sát PC&CC số 5;
- Lưu: Phòng 2 (TH, KT).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CẢNH SÁT PC VÀ C.C T.BÌNH DƯƠNG

Đại tá Lê Anh Việt

CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
CÔNG AN THỊ XÃ TÂN UYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 78 /QĐ-CATU

Tân Uyên, ngày 26 tháng 05 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
V/v cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy

TRƯỞNG CÔNG AN THỊ XÃ TÂN UYÊN

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC;

Căn cứ Thông tư 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC;

Căn cứ vào kết quả kiểm tra sau đợt huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy đối với lực lượng phòng cháy, chữa cháy cơ sở thuộc Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam.

Theo đề nghị của đồng chí Đội trưởng Đội Cảnh sát PCCC&CNCH.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy cho 25 đội viên Đội PCCC cơ sở thuộc Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam. Địa chỉ: Khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, thời gian từ ngày 24/05/2022 đến hết ngày 25/05/2022 *(có danh sách kèm theo).*

Điều 2. Đồng chí Đội trưởng Đội Cảnh sát PCCC&CNCH; Người đứng đầu cơ sở và các cá nhân có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam;
- Lưu: PCCC.

KT. TRƯỞNG CÔNG AN THỊ XÃ
PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN THỊ XÃ

Trung tá Nguyễn Thanh Tùng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 25 tháng 01 năm 2016

SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 74.00.3008.T
(Cấp lần 1)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3655499 Fax: 0650.

Giấy chứng nhận đầu tư số: 461043000196

Ngày cấp (chứng nhận thay đổi lần thứ 1): ngày 16 tháng 4 năm 2014.

Nơi cấp: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo danh sách chất thải nguy hại tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Trường hợp tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại thì phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định tại Phụ lục 2 (A) ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và đăng ký trong Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam;
- Lưu: VT, QLCT, HSon3.

CHI CỤC TRƯỞNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tào Mạnh Quân

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 74.00 3008 .T do Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 1 ngày 25 tháng 01 năm 2016)

1. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại:

Tên: Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam.

Địa chỉ: phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3655499 Fax: 0650.

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng *(kg/năm)*	Mã CTNH
1	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	100	08 01 01
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	6	08 02 04
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	40	08 03 01
4	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	Bùn	600	12 06 06
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	10	16 01 06
6	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	160	17 02 04
7	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	Lỏng	80	17 08 03
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	800	18 01 02
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	200	18 01 03
10	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	240	18 02 01
11	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	2	19 06 01
		Tổng số lượng:	**2.238 kg**	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

经济合同

Số编號: 0109/2024/HDKT/HP-TN

V/v: Thu gom, xử lý, vận chuyển chất thải công nghiệp

主旨：回收處理運送工业

- *Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;*
- *Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006;*
- *Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qu ngày 23/06/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;*
- *Căn cứ Nghị định 38/2015/NĐ-CP do Chính Phủ nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 24/04/20 về Quản lý chất thải và phế liệu;*
- *Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên;*

Hôm nay, ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại văn phòng CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

今天，2024 年 01 月 09 日， 在越南统一有限公司办公室

Chúng tôi gồm 我们包含:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG HÙNG PHÁT

甲方：雄发环保一员有限公司

Địa chỉ: Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 46, Khu phố Khánh Lộc, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

地址: 平阳省，新渊镇，庆 平坊，庆 禄区，第46号地图，第156号地区

Mst 税号: 3702684412 Điện thoại 电话: 0975945516

Đại diện: **Nguyễn Xuân Hùng** Chức vụ: Tổng Giám Đốc

代表人: 职务: 总经理

BÊN B: CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

乙方：越南统一有限责任公司

Địa chỉ: Thửa đất số 48, Tờ bản đồ số 14, đường Tân Hiệp 02, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

地址：越南，平阳省，新渊成市，新协社，翁东区新协街 02 号，14号地图，第48号地块。

Mst 税号: 3700830273 Điện thoại 电话: 02743655499

Đại diện: **WANG HSI - PING** Chức vụ: Giám Đốc

代表人: 职务: 经理

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

双方同意签订合同，条款如下:

-调查了解乙方的各项规章制度，严格执行原则

- Bên A có trách nhiệm thực hiện việc thu gom theo yêu cầu của bên B để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi. bảo đảm các loại phế thải được tái sử dụng theo quy định về bảo vệ môi trường.

  甲方负责应乙方要求进行收集，避免仓库滞留，确保各类废弃物按照环保规定进行再利用。

- Sau khi thu gom,bên A phải dọn dẹp sạch sẽ, đảm bảo mỹ quan cho khuôn viên bên B.

  收集后，甲方必须进行清理，保证乙方校园的美观。

- Nhân viên Bên A khi vào bên trong công ty bên B phải có thái độ đúng mực, tuyệt đối không được có những hành vi vi phạm pháp luật. Nếu phát hiện vi phạm thì bên A phải chịu hình thức xử phạt

  10,000,000 VNĐ/ lần.

  甲方员工进入乙方公司，必须有正确的态度，绝对不能有违法行为。如果发现甲方违规，则必须对甲方进行处罚 10,000,000 越南盾/次。

- Trong quá trình thực hiện nếu bên A không đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn phòng cháy chữa cháy cho bên B tại khu vực kho dăm bào và kho củi phế, sắt thì bên A phải hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý và đền bù thiệt hại cho bên B(nếu có).

  在实施过程中，如甲方未能确保刨花及废木铁存放区的环境卫生和消防安全，甲方必须全权负责处理并赔偿乙方的损失（如有）。

- Nếu có trường hợp ngoài ý muốn liên quan đến nội dung hợp đồng ký kết giữa hai bên như nêu trên. bên B cần sự phối hợp của bên A thì bên B liên hệ với bên A, bên A sắp xếp trong thời gian sớm nhất có mặt tại công ty bên B để cùng nhau bàn bạc giải quyết.

  如上述双方签订的合同内容出现意外情况，乙方需要甲方配合，则由乙方联系甲方，甲方将尽快安排。到乙方公司，共同商讨解决。

- Chịu trách nhiệm xử lý tiêu hủy chất thải đúng và đảm bảo theo quy định về vệ sinh môi trường.

  负责按照环境卫生规定妥善处理和销毁废物。

- Xe và công nhân của Bên A khi ra vào phải chịu sự kiểm tra của Bên B và thực hiện tốt nội quy của công ty.

  A方的車及員工進出須受B方檢查及執行好公司內規。

- Trong quá trình thực hiện nếu bên A không đáp ứng được yêu cầu thì bên B có quyền nhắc nhở bên Akhông để hàng tồn đọng.

  在合同有效期間中若A方答應不了B方的要求， B方有權力提醒B方按時收集廢料不能影響A方的生產。

- Bên A phải cung cấp giấy phép kinh doanh , thu mua phế liệu có công chứng hộp pháp.

  A方應提供營業執照、廢料回收許可證公證本等合法文件。

- Bên A không được từ chối thu gom phế liệu của bên B với bất kỳ lý do nào và phải thu gom tất ca các loại phế liệu,

  A方不能以任何理由而拒絕收某種廢料必須全權廢料回收。

- Bên A phải đảm bảo làm đúng theo quy định của luật bảo vệ môi trường, đồng thời phải hợp tác giúp đỡ bên B về các vấn đề bảo vệ môi trường, nếu do bên A không hợp tác mà bên B bị phạt thì bên A sẽ phải chi trả tất cả các khoản phạt mà bên B phải chịu.

  A方要確保符合環保要求，並承諾協助處理B方環保問題，若因而被環保罰款則A方來支付。

- Khi được bên B thông báo đến thu gom rác thải, phế liệu, củi vụn, dăm bào thì trong vòng 3 ngày bên A phải có trách nhiệm đến thu gom.và những lần đột xuất phát sinh do bên B gọi đến, nếu như bên A không tiến hành theo cam kết thì bên B có quyền phạt bên A 500,000 VNĐ.

  当通知B方收集木碎, 木块, 铁桶, 垃圾时，3天内，A方必须负责收集。另外意外發生需要A來幫忙處理，若 A方未能定期進行垃圾清運工作， 則B方有權對A方罰款500,000元/每次.

– Hai bên sẽ thỏa thuận ký gia hạn hoặc thanh lý hợp đồng trước 30 ngày khi hợp đồng này hết hiệu lực.

双方同意在本合同到期前 30 天签订延期或解除合同。

ĐIỀU 5: CAM KẾT CHUNG

第五条：集体承诺

– Sau khi ký kết hợp đồng các bên phải bảo đảm an toàn lao động, tránh và phòng ngừa các tổn hại trong quá trình thực hiện hợp đồng.

合同签订后，当事人必须确保劳动安全，避免和防止合同履行过程中的损害。

– Tuân thủ tuyệt đối Luật Bảo Vệ Môi Trường Việt Nam, các quy định về môi trường ở địa phương.

完全遵守越南环境保护法、当地环境法规

– Hợp tác trên tinh thần cùng có lợi, thái độ làm việc trung thực, nhã nhặn, lịch sự. Không được có các hoạt động gây ảnh hưởng làm thiệt hại kinh tế lẫn nhau.

本着互惠互利、诚实、礼貌和礼貌的工作态度合作。 不得有相互造成经济损失的活动。

– Mọi sự sửa đổi, bổ sung các điều khoản trong Hợp đồng phải được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của cả hai bên. Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng sau khi ký kết sẽ kèm theo hợp đồng chính và có giá trị pháp lý như hợp đồng chính.

对合同条款的所有修改和补充必须以书面形式作出并由双方签字。 合同签订后的修改、补充文件附于主合同后，与主合同具有同等法律效力

– Tích cực góp ý xây dựng, tư vấn về môi trường và tạo điều kiện thuận lợi để hai bên có thể hợp tác lâu dài. 积极作出建设性贡献，提出环保建议，为双方长期合作创造有利条件。

– Hai bên cam kết thực hiện đúng nội dung những điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề gì phát sinh hai bên sẽ thông báo cho nhau để cùng bàn bạc, thương lượng giải quyết.

双方承诺严格遵守合同中规定的条款。 在实施过程中，如出现任何问题，双方将相互通知协商解决。

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký cho tới ngày hai bên hết hợp đồng.

本合同自双方签订之日起至合同期满之日止

- Hợp đồng được lập thành 02 bản chính, mỗi bên giữ 01 bản chính có giá trị pháp lý như nhau .

合同一式 02 正本，双方保留具有同等法律价值的 01 正本。

ĐẠI DIỆN BÊN A 乙方	**ĐẠI DIỆN BÊN B** 甲方
***(Ký và đóng dấu** 签字&盖章)*	***(Ký và đóng dấu** 签字&盖章)*
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG HÙNG PHÁT	CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM
NGUYỄN XUÂN HÙNG	**WANG HSI - PING**

2024.3.16

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
—oOo—

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

經濟合同

Số編號: 26-02/2024/HDKT/TTN- THỐNG NHẤT VN

V/v: Thu gom, xử lý, vận chuyển chất thải nguy hại

主旨：回收處理運送危害廢物

- *Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;*
- 根據*2015*年*11*月*24*日編號*91/2015/QH13*的民事律
- *Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;*
- 根據*2005*年*06*月*14*日編號*36/2005/QH11*的貿易法律
- *Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;*
- 根据越南社会主义共和国国民议会自 2022 年 1 月 1 日起生效的第 72/2020/QH14 号环境保护法
- *Căn cứ nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ;*
- 根据 2022 年 1 月 10 日第 08/2022/ND-CP 号政府法令
- *Căn cứ theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;*
- 根据自然资源和环境部长 2022 年 1 月 10 日的第 02/2022/TT-BTNMT 号通知
- *Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.137.VX (cấp lần đầu) của bộ tài nguyên môi trường cấp ngày 26/11/2020 cho Công Ty Cổ Phần Môi Trường Tân Thiên Nhiên;*
- 根据环境和自然资源部于2020年11月26日颁发给股份公司新的危险废物处理许可证，硬件管理代码：1-2-3-4-5-6.137.VX（首次）自然环境
- *Căn cứ vào nhu cầu giữa hai bên;*
- 根據雙方的要求

Hôm nay, ngày 26 tháng 02 năm 2024, chúng tôi gồm:

今天2023年02於26日，我們擁有：

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG TÂN THIÊN NHIÊN

甲方：新天然環境股份公司

Địa chỉ : Ấp 7, Xã Bàu Cạn, Huyện Long Thành, Tỉnh ĐồngNai

地址 : 同奈省，龍城縣，包社，7邑

Điện thoại 電話 : 0251 261 5566 - 0251 261 5588

Mã số thuế 稅號 : 3600648510

Tài khoản số 賬號: **118619738888** Tại Ngân Hàng Vietinbank, CN Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

開立在胡志明市，新平工業區，Vietinbank銀行

Đại diện : Ông **TỔNG QUÝ KHIÊM** - Chức vụ: **GIÁMĐỐC**

代表 : 宋貴謙 職務：經理

BÊN B : CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

乙方 ：通一越南有限公司

Địa chỉ : Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

地址 ： 越南， 平阳省，新渊成市， 新协社， 翁东区新协街 02 号，14号地图，第48号地块。

Điện thoại 電話 : 02743625603

Mã số thuế稅號 : 3700830273

Đại diện : Ông/Bà: **WANG HSI - PING** - Chức vụ: **GIÁM ĐỐC**

代表 : -職務：

Hai Bên thỏa thuận thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản cụ thể như sau:

雙方協商簽署合同包括以下條款：

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

第一條合同內容

1. Bên A nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải cho Bên B (nằm trong danh mục mà bên A được phép xử lý) với danh mục và đơn giá xử lý cụ thể nhưsau:
   甲方給乙方回收運送處理廢物（屬於廢物清單而甲方可以處理），清單如下：

STT	LOẠI CHẤT THẢI 廢物種類	ĐVT	Mã CTNH 危害編碼	ĐƠN GIÁ XỬ LÝ (VNĐ/ĐVT)处理单位价格（越南盾/单位）
1.	Hộp mực in, photo 墨粉盒，照片	Kg 公斤	08 02 04	4.000
2.	Pin ắc quy chì thải 废铅蓄电池电池	Kg 公斤	19 06 01	4.000
3.	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các TPNH khác	Kg 公斤	08 03 01	4.000
4.	Bóng đèn huỳnh quang thải 废荧光灯	Kg 公斤	16 01 06	4.000
5.	Bao bì nhựa đựng hóa chất dính TPNH 粘性化学品塑料包装 TPNH	Kg 公斤	18 01 03	4.000

6.	Dung môi thải bỏ 处理溶剂	Kg 公斤	17 08 03	2.000
7.	Cặn sơn, sơn thải có chứa dung môi hữu cơ và TPNH 含有有机溶剂和TPNH的油漆残渣、油漆废料	Kg 公斤	08 01 01	4.000
8.	Giẻ lau, bao tay dính TPNH 湿巾、粘性手套 TPNH	Kg 公斤	18 02 01	4.000
9.	Dầu nhớt thải các loại 各种废油	Kg 公斤	17 02 04	2.000
10.	Thùng sơn, dung môi pha sơn, hóa chất, dầu thủy lực bằng kim loại thải bỏ 废弃的油漆、溶剂、化学品、液压油金属罐	Kg 公斤	18 01 02	- 2.500
11.	Bùn thải từ HTXL nước thải 污水处理合作社的污泥	Kg 公斤	12 06 06	4.000

- *Mã CTNH ký hiệu theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môitrường.*
- 危害廢物編碼照編碼找*2022*年*01*月*10*日編號*02/2022/TT*的通知規定
- *Đơn giá trên bao gồm phí dịch vụ thu gom vận chuyển và xử lý chất thải*
- 以上单价包含收运及垃圾处理服务费
- *Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT*
- 以上价格不含增值税
- Địa điểm thu gom: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

回收地點：越南，平阳省，新渊成市，新协社，翁东区新协街 02 号，14号地图，第48号地块。

2. Phương tiện vận chuyển: Xe chuyên dụng
   運送用具：專用車
3. Tần suất thu gom: Số lượng tối thiểu cho mỗi chuyến thu gom là 2-3 tấn. khối lượng dưới 2 tấn/chuyến thì phí vận chuyển phụ thu là 1.000.000vnd/chuyến.
   回收頻率：采集频次：每次采集最少2-3吨。体积小于 2 吨/趟，额外运费为 1,000,000 越南盾/趟。
4. Khối lượng chất thải giao nhận: sẽ được xác định bằng biên bản (hoặc chứng từ chất thải nguy hại) theo thực tế giao nhận giữa hai Bên.
   交接的廢物數量：會用備忘錄確認或者危害廢物單據
5. Nếu có phát sinh chất thải khác: Hai Bên A và B sẽ thỏa thuận giá cả và được thể hiện trong phụ lục hợp đồng.

若有發生其他廢物種類：雙方會協商價格在附錄合同

ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

第二條： 清算方式

- Thời hạn thanh toán: Chuyển khoản vào ngày 25 kể từ ngày kết thúc tháng ghi trên hóa đơn và nhận đầy đủ chứng từ hợp lệ xử lý chất thải nguy hại.
- 付款期限：发票上注明的月底25日起汇款，并收到所有有效的危废处理文件
- Bên A phát hành hóa đơn tài chính cho Bên B (đơn đặt hàng được xác lập trong vòng 02 ngày kể từ ngày hoàn tất việc chuyển giao chất thải có xác nhận của đại diện hai bên).
- 甲方向乙方开具财务发票（订单自垃圾转运完成之日起02日内，经双方代表确认）
- Hồ sơ thanh toán gồm/付款记录包括:

  + Hóa đơn tài chính hợp lệ

  + *有效的财务发票*

  + Chứng từ CTNH: Bàn giao chứng từ theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên Môi Trường

  +危险废物文件：根据自然资源和环境部长 2022 年 1 月 10 日的 02/2022/TT-BTNMT 通知移交文件

  + Bên B sẽ bổ sung Chứng từ Chất thải nguy hại cho bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày giao nhận chất thải. Nếu Bên B bổ sung chứng từ trễ (quá 15 ngày) thì yêu cầu thanh toán sẽ dời lại cho tháng sau.

  +乙方将在废物交付之日起15天内向甲方添加危险废物文件。如果乙方添加文件延迟（超过 15 天），付款请求将重新安排到下个月

- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyểnkhoản.
- 清算方式：現金或專款

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

第三條雙方的責任

Trách nhiệm Bên A:

甲方的責任：

1. Tiếp nhận chất thải nguy hại theo danh mục, địa điểm đã thỏa thuận trong hợp đồng và vận chuyển về nhà máy xử lý bằng phương tiện vận chuyển chất thải chuyên dùng.
   接受乙方的廢物如清單，並用專用車送回處理廠
2. Chịu trách nhiệm xử lý tiêu hủy chất thải đúng và đảm bảo theo quy định về vệ sinh môitrường.
   處理及銷毀廢物如環保規定
3. Bên A có quyền từ chối tiếp nhận các loại chất thải nguy hại không nằm trong danh mục chất thải nguy hại được quy định trong hợp đồngnày.
   甲方有權不接受各種廢物而不屬於此合同規定的清單
4. Cung cấp cho Bên B những giấy tờ có liên quan đến việc vận chuyển, xử lý đối với các loại chất thải nguy hại mà Bên B giao.
   提供資料，單據關於乙方交接的廢物
5. Đảm bảo tiến độ thực hiện công việc, đảm bảo vệ sinh, chất lượng côngviệc.
   保證工作的進度及衛生質量
6. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm nào đối với các loại chất thải không đúng với mô tả trong Điều 1 của hợp đồng.
   甲方會負責任關於各類廢物而不屬於此合同清單

7. Nhận khoản kinh phí dịch vụ theo hợp đồng đã kýkết.
收到費用金額如合同規定

Trách nhiệm Bên B:

乙方的責任

1. Chịu trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải nguy hại theo từng danh mục vào bao, thùng; dán nhãn nhận biết theo từng loại riêng biệt và lưu trữ tại một khu vực cố định đúng quy định để thuận lợi khi Bên A đến thu gom chất thải.
有責任回收及分類廢物並設置在固定區域，讓甲方清理。
2. Không được để chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại lẫn lộn vào chất thải nguy hại. Khi Bên A đến thu gom chất thải, phát hiện Bên B không phân loại CTNH và lưu trữ không đúng quy định môi trường thì Bên A không nhận chất thải.
不能混放工業廢物及危害廢物，若乙方沒有分類廢物，甲方就不接受。
3. Cung cấp cho Bên A những giấy tờ có liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ và thành phần của loại chất thải nguy hại (sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại).
提供給甲方廢物的資料（危害廢物登記書）
4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chất thải mà Bên B không giao cho Bên A theo thỏa thuận.
。負法律責任關於各類廢物而乙方不交給甲方處理
5. Giao cho Bên A xử lý các loại chất thải nguy hại theo đúng nội dung thỏa thuận ở Điều 1 và phải thông báo trước ít nhất 03 (ba) ngày làm việc về hạng mục, thành phần và số lượng chất thải để Bên A chủ động bố trí phương tiện, công nhân tiếp nhận chất thải.
廢物清運時間要提前3天，讓甲方主動安排車輛及人員
6. Khi bàn giao chất thải nguy hại, Bên B phải cung cấp 01 (một) bộ chứng từ CTNH (theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường) đã được ký tên đóng dấu vào mục 6 cho Bên A vào ngày thu gom.
交接危险废物时，乙方必须提供01（一份）危险废物文件（根据自然资源和环境部部长2022年1月10日的第02/2022/TT-BTNMT号通知）签字并盖章在收款之日为甲方第 6 项
7. Cử nhân viên giám sát trong quá trình bàn giao chất thải.
派舉人員監察在廢物交接過程
8. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A thực hiện hợp đồng.
提供順利條件讓甲方實現合同
9. Thanh toán tiền đúng thời hạn và đầy đủ cho Bên A theo hợp đồng này.
照期限付款給甲方

<u>ĐIỀU 4</u>: PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ, TIÊU HỦY

第四條：處理方式

- Xử lý theo đúng phương pháp đã đăng ký tại giấy phép xử lý chất thải nguy hại số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.137.VX (cấp lần đầu) của bộ tài nguyên môi trường cấp ngày 26/11/2020 cho Công Ty Cổ Phần Môi Trường Tân Thiên Nhiên và những văn bản pháp lý có liên quan.
- 按照危险废物处理许可证编号：1-2-3-4-5-6.137.VX（第一次）自然资源环境部

26/02 11/2020发布的方法进行处理陈天仁环境股份有限公司及相关法律文件

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

第五条：一般條款

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 26/02/2024 đến hết ngày 25/02/2025. Kể từ ngày chấm dứt hợp đồng, hai Bên không nợ nhau và không Bên nào có ý kiến khác bằng văn bản thì hợp đồng sẽ tự thanh lý.
- 此合同有效從2023年2月26日到2024年2月25日為止。在合同終止天起，若雙方沒有其他意見，合同算是清理。
- Nếu một trong hai Bên muốn chấm dứt hợp đồng, Bên muốn chấm dứt phải báo cho bên còn lại trước 30 ngày. Trường hợp Bên nào đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, thì phải có trách nhiệm bồi hoàn toàn tất cả các chi phí, khoản thiệt hại phát sinh cho Bên còn lại.
- 雙方其中一方若要終止合同則要提前30天告知。若單方提前期限終止合同，則要有責任清算所有發生的損失給剩下方。
- Hai Bên cam kết thực hiện đúng các Điều khoản ghi trong hợp đồng và không được đơn phương sửa đổi hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có vướng mắc phát sinh, hai Bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần thương lượng, hợp tác và bổ sung phụ lục hợp đồng. Nếu không thể giải quyết được thì sẽ đưa ra Tòa án để giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc các Bên phải thực thi. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 雙方保證遵守合同中各條款，並不能單方修改合同。在實現過程若有發生爭
- 議，雙方會一起協商處理。若不能解決問題會交給法庭處理，法庭的判決是
- 最後的決定讓雙方遵守。所有費用由輸方負責
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt và tiếng hoa, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản và có giá trị pháp lý như nhau.
- 合同立成04份有相同法律責任，各守兩份有相同法律責任

ĐẠI DIỆN BÊN A **GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG TÂN THIÊN NHIÊN	CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM
TỐNG QUÝ KHIÊM	**WANG, HSI-PING**

TỈNH/THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: C14.20/2023/1-2-3-4-5-6.137.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG TÂN THIÊN NHIÊN**
Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có) : 1-2-3-4-5-6.137.VX
Địa chỉ văn phòng: Ấp 7, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai ĐT 0251 261 5566
Địa chỉ cơ sở/đại lý Ấp 7, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai ĐT 0251 261 5566

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:.....Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): .....
Địa chỉ văn phòng:..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở:..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM**
Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, khu phố Bà Tri, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274 362 5603
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, khu phố Bà Tri, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274 362 5603

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau, bao tay dính TPNH	✓			18 02 01	1070	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... ..... Cửa khẩu nhập.....
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 .Số hiệu phương tiện: 60C-51091

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Trần Thanh Tú
Ký:..... Ngày : 14/03/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2/:..... Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 14 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

WANG, HSI-PING

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2023

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG TÂN THIÊN NHIÊN

TỔNG QUÝ KHIÊM

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐
Ghi chú:.....

TỈNH/THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: K16.7/2023/1-2-3-4-5-6.137.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG TÂN THIÊN NHIÊN**
Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có) : 1-2-3-4-5-6.137.VX
Địa chỉ văn phòng: Ấp 7, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai ĐT 0251 261 5566
Địa chỉ cơ sở/đại lý Ấp 7, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai ĐT 0251 261 5566

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:.....Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): .....
Địa chỉ văn phòng:..... ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở:..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM**
Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, khu phố Bà Tri, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274 362 5603
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, khu phố Bà Tri, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274 362 5603

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Hộp mực in, photo	✓			08 02 04	2	TĐ
2	Pin, ắc quy chì thải	✓			19 06 01	3	C
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các TPNH khác	✓			08 03 01	3	TĐ
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	7	PT-HR
5	Bao bì nhựa đựng hóa chất dính TPNH	✓			18 01 03	5	PT-TC
6	Dung môi thải bỏ		✓		17 08 03	50	TC
7	Cặn sơn, sơn thải có chứa dung môi hữu cơ và TPNH	✓			08 01 01	150	TĐ
8	Giẻ lau, bao tay dính TPNH	✓			18 02 01	1050	TĐ
9	Dầu nhớt thải các loại		✓		17 02 04	20	TĐ
10	Thùng sơn đựng dung môi pha sơn, hóa chất, dầu thủy lực bằng kim loại thải bỏ	✓			18 01 02	300	PT-TC
11	Bùn thải từ HTXL nước thải			✓	12 06 05	550	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... ..... Cửa khẩu nhập.....
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 .Số hiệu phương tiện: 60C-54967

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đoàn Tuấn Anh Ký:.....
Ngày: 16/10/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2/:..... Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 16 tháng 10 năm 2023

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

WANG, HSI-PING

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, ngày 28 tháng 10 năm 2023

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG TÂN THIÊN NHIÊN

TỐNG QUÝ KHIÊM

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ
ĐỒNG NAI

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTNH
Số: 1-2-3-4-5-6.137.VX

1. Bên giao: CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, đường Tân Hiệp 02, khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam ĐT: 02743655499

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, đường Tân Hiệp 02, khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

2. Bên nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG TÂN THIÊN NHIÊN
Địa chỉ văn phòng: Ấp 7, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai ĐT: 0251 261 5566
Địa chỉ cơ sở xử lý: Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại - Ấp 7, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai ĐT: 0251 261 5566
SỐ HIỆU PHƯƠNG TIỆN: 60C 51091

3. Khối lượng: CTNH chuyển giao

STT	Các loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1.	Hộp mực in, photo	08 02 04	2	
2.	Pin ắc quy chì thải	19 06 01	3	
3.	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các TPNH khác	08 03 01	3	
4.	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5	
5.	Bao bì nhựa đựng hóa chất dính TPNH	18 01 03	10	
6.	Dung môi thải bỏ	17 08 03	32	
7.	Cặn sơn, sơn thải có chứa dung môi hữu cơ và TPNH	08 01 01	220	
8.	Giẻ lau, bao tay dính TPNH	18 02 01	1,050	
9.	Dầu nhớt thải các loại	17 02 04	25	
10.	Thùng sơn, dung môi pha sơn, hóa chất, dầu thủy lực bằng kim loại thải bỏ	18 01 02	250	
11.	Bùn thải từ HTXL nước thải	12 06 06	450	
Tổng khối lượng		**2,050**		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 23 tháng 01 năm 2024 ***Bên giao*** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* M.S.D.N:3700830273-C.T.T.N.H CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM TP.TÂN UYÊN-T.BÌNH DƯƠNG WANG, HSI-PING	*Đồng Nai, ngày 23 tháng 1 năm 2024* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Vũ Đức Lộc

TỈNH/THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: A23.18/2024/1-2-3-4-5-6.137.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG TÂN THIÊN NHIÊN**
Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có) : 1-2-3-4-5-6.137.VX
Địa chỉ văn phòng: Ấp 7, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai ĐT 0251 261 5566
Địa chỉ cơ sở/đại lý Ấp 7, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai ĐT 0251 261 5566

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:.....Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): .....
Địa chỉ văn phòng:..... ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở:..... ĐT: .....

3.Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM** Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, kp Bà Tri, Phường Tân Hiệp, Tx Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, kp Bà Tri, Phường Tân Hiệp, Tx Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Hộp mực in, photo	✓			08 02 04	2	TĐ
2	Pin ắc quy chì thải	✓			19 06 01	3	C
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các TPNH khác	✓			08 03 01	3	TĐ
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	5	PT-HR
5	Bao bì nhựa đựng hóa chất dính TPNH	✓			18 01 03	10	PT-TC
6	Dung môi thải bỏ		✓		17 08 03	32	TC
7	Cặn sơn, sơn thải xó chauws dung môi hữu cơ và TPNH	✓	✓		08 01 01	220	TĐ
8	Giẻ lau, bao tay dính TPNH	✓			18 02 01	1,050	TĐ
9	Dầu nhớt thải các loại		✓		17 02 04	25	TĐ
10	Thùng sơn, dung môi pha sơn, hóa chất, dầu thủy lực bằng kim loại thải bỏ	✓			18 01 02	250	PT-TC
11	Bùn thải từ HTXL nước thải			✓	12 06 05	450	HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái\chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... ..... Cửa khẩu nhập.....
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 .Số hiệu phương tiện: 60C-51091

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Vũ Đức Lộc Ký:.....
Ngày: 23/01/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2/:..... Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 23 tháng 01 năm 2024

M.S.D.N: 3700830273 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM - TP. TÂN UYÊN - T. BÌNH DƯƠNG

WANG HSI-PING

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, ngày 03 tháng 02 năm 2024

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3600648510 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG TÂN THIÊN NHIÊN - H. LONG THÀNH - T. ĐỒNG NAI

TỔNG QUỲ KHIÊM

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐
Ghi chú:.....

TỈNH/THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTNH

Số: 1-2-3-4-5-6.137.VX

1. Bên giao: CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, đường Tân Hiệp 02, khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

ĐT: 02743655499

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, đường Tân Hiệp 02, khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

2. Bên nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG TÂN THIÊN NHIÊN

Địa chỉ văn phòng: Ấp 7, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai ĐT: 0251 261 5566

Địa chỉ cơ sở xử lý: Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại - Ấp 7, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai ĐT: 0251 261 5566

SỐ HIỆU PHƯƠNG TIỆN: 60C 51091

3. Khối lượng: CTNH chuyển giao

STT	Các loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1.	Hộp mực in, photo	08 02 04	3	
2.	Pin ắc quy chì thải	19 06 01	3	
3.	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các TPNH khác	08 03 01	70	
4.	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	10	
5.	Bao bì nhựa đựng hóa chất dính TPNH	18 01 03	10	
6.	Dung môi thải bỏ	17 08 03	30	
7.	Cặn sơn, sơn thải có chứa dung môi hữu cơ và TPNH	08 01 01	120	
8.	Giẻ lau, bao tay dính TPNH	18 02 01	1,650	
9.	Dầu nhớt thải các loại	17 02 04	30	
10.	Thùng sơn, dung môi pha sơn, hóa chất, dầu thủy lực bằng kim loại thải bỏ	18 01 02	150	
11.	Bùn thải từ HTXL nước thải	12 06 06	850	
Tổng khối lượng			**2,926**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 25 tháng 5 năm 2024 ***Bên giao*** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Ngô Quốc Hợp	*Đồng Nai, ngày 25 tháng 5... năm 2024* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Thanh Vũ

TỈNH/THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: E25.3/2024/1-2-3-4-5-6.137.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG TÂN THIÊN NHIÊN**
Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có) : 1-2-3-4-5-6.137.VX
Địa chỉ văn phòng: Ấp 7, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai ĐT 0251 261 5566
Địa chỉ cơ sở/đại lý Ấp 7, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai ĐT 0251 261 5566

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:.....Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): .....
Địa chỉ văn phòng:..... ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở:..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM**
Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, khu phố Bà Tri, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274 362 5603
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, khu phố Bà Tri, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274 362 5603

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Hộp mực in, photo	✓			08 02 04	3	TĐ
2	Pin, ắc quy chì thải	✓			19 06 01	3	C
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các TPNH khác	✓			08 03 01	70	TĐ
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	10	PT-HR
5	Bao bì nhựa đựng hóa chất dính TPNH	✓			18 01 03	10	PT-TC
6	Dung môi thải bỏ		✓		17 08 03	30	TC
7	Cặn sơn, sơn thải có chứa dung môi hữu cơ và TPNH	✓			08 01 01	120	TĐ
8	Giẻ lau, bao tay dính TPNH	✓			18 02 01	1.650	TĐ
9	Dầu nhớt thải các loại		✓		17 02 04	30	TĐ
10	Thùng sơn đựng dung môi pha sơn, hóa chất, dầu thủy lực bằng kim loại thải bỏ	✓			18 01 02	150	PT-TC
11	Bùn thải từ HTXL nước thải			✓	12 06 05	850	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... ..... Cửa khẩu nhập.....
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 .Số hiệu phương tiện: 60C-51091

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Trần Thanh Vũ Ký:.....
Ngày: 25/05/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2/:..... Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 25 tháng 05 năm 2024
GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3700830273-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM TP. TÂN UYÊN-T. BÌNH DƯƠNG

WANG, HSI-PING
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, ngày 09 tháng 06 năm 2024
GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3600648... CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG TÂN THIÊN NHIÊN

TỔNG QUÝ KHIÊM
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

0810

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45 /GP-STNMT	*Bình Dương, ngày 29 tháng 4 năm 2021*

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Khí tượng thủy văn tại tờ trình số..94../TTr-TNNKSKTTV ngày 28 tháng 4 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam, ngành nghề: gia công, chế biến gỗ, địa chỉ: thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, khu phố bà Tri, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: suối Ông Đông → suối Cái →sông Đồng Nai;

2. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí điểm đổ ra suối Ông Đông : X: 1225703; Y: 0691531;

3. Phương thức xả nước thải: tự chảy;

4. Chế độ xả nước thải: liên tục;

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50m^3/ngày đêm;

6. Chất lượng nước thải: nước thải sau hệ thống xử lý nước thải phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, k_q= 0,9; k_f=1,2 đối với các thông số pH, SS, COD, BOD_5, amoni, tổng N, tổng P, coliform, tổng dầu mỡ;

7. Thời hạn của giấy phép: 03 (ba) năm, kể từ ngày ký.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý với các thông số, tần suất, vị trí quan trắc như sau:

- Vị trí quan trắc: nước thải sau xử lý.

- Các thông số quan trắc: Lưu lượng và chất lượng nước thải với các thông số như quy định tại khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này.

- Tần suất quan trắc chất lượng nước thải: 03 tháng/lần.

- Tần suất quan trắc lưu lượng nước thải: 01 ngày/lần.

3. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào vượt quá mức quy định của Giấy phép và ngưng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Thực hiện báo cáo hoạt động xả nước thải theo Điều 10 và Biểu mẫu số 24, Biểu mẫu số 25 tại phụ lục đính kèm Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo;

7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật tài nguyên nước;

Điều 3. Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam;
- UBND TX Tân Uyên;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT.

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Ngọc Thúy

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

經濟合約

(CV: THUÊ ĐẤT LẮP ĐẶT ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA, NƯỚC THẢI)

(公文:租地建設安裝排雨水,污水系統)

Số: 17.12.16 /OMEXEY

Căn cứ:

- *Bộ Luật Dân sự số: 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Nước CHXHCN Việt Nam;*
- *Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;*
- *Vào yêu cầu của Công ty TNHH Thống Nhất Việt Nam*

Hôm nay, ngày 17 tháng 12 năm 2016, chúng tôi gồm có:

BÊN A :統一公司 **CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM**

- Đại diện (Ông):WANG HSI PING Chức vụ: Tổng giám đốc
- Địa chỉ: Phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại :06503-655499 Fax:
- Mã số thuế: 3700830237
-

Bên B: 輪胎廠	**:CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU CÔNG NGHIỆP OMEXEY**	
Địa chỉ	: Khu phố Ông Đông, P. Tân Hiệp, tx Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	
Mã số thuế	: 3702340443	
Người đại diện	: HUANG WEN TZU	Chức vụ: Tổng giám đốc
Điện thoại	: (0650) 3652412	Fax : (0650) 3652415

Bên C:木器廠	**:CÔNG TY CỔ PHẦN OMEXEY HOME FURNISHING (VIỆT NAM)**	
Địa chỉ	: Khu phố Ông Đông, P. Tân Hiệp, tx Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	
Mã số thuế	: 3700622844	
Người đại diện	: HSIEH JUNG TUNG	Chức vụ: P Tổng Giám Đốc
Điện thoại	: (0650) 3625603	Fax : (0650) 3625605

Sau khi thoả thuận, các bên thống nhất ký kết hợp đồng Đấu nối nước mưa, nước thải với các nội dung sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng

1.1 Bên B và bên C đảm bảo cung cấp cho Bên A thuê một phần khuôn viên đất công cộng để lắp đặt đường thoát nước mưa và nước thải.

1.2 Đường ống thoát nước sẽ do bên A thi công và chịu trách nhiệm về chất lượng cũng như cách sử dụng.

1.3 Hệ đường ống đi qua bên B và bên C không được làm cản trở, tổn hại đến các công trình của bên B và bên C.

1.4 Hợp đồng này được hiểu là bản xác nhận công nợ của Bên A đối với Bên B và bên C với số tiền thanh toán tuỳ theo thương lượng của bên A với bên B và bên C.

Điều 2: Tiến độ cung cấp dịch vụ

Bên B và bên C sẽ bàn giao không gian đất cho Bên A sớm nhất (tối đa không quá 05 ngày) sau khi ký kết hợp đồng này.

Điều 3. Giá thuê đất và phương thức thanh toán

Giá thuê một phần khuôn viên đất công cộng sẽ theo thoả thuận với mỗi bên liên quan và sẽ được thanh toán bằng tiền mặt vào tuần đầu tiên của mỗi tháng.

Điều 4. Điều khoản chung

4.1. Các vấn đề yêu cầu phát sinh sẽ được các bên nghiên cứu, trao đổi, thống nhất và khi cần thiết sẽ ký các phụ lục bổ sung cho hợp đồng.

4.2. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này trước hết phải được các bên giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu không thể thương lượng, hòa giải được thì tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án. Mọi chi phí phát sinh bên thua kiện chịu.

4.3. Các bên cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định trong hợp đồng này trên tinh thần thiện chí, hợp tác, trung thực và cùng có lợi.

4.4. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và có thời hạn đến khi Bên A không sử dụng.

Hợp đồng được làm thành ba (03) bản bằng có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B	ĐẠI DIỆN BÊN C
統一公司 CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM	輪胎廠 CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU CÔNG NGHIỆP OMEXEY	木器廠 CÔNG TY CỔ PHẦN OMEXEY HOME FURNISHING (VIỆT NAM)
WANG HSI PING	HUANG WEN TZU	HSIEH JUNG TUNG

CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.6660477 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS 292

Mã số/ Ref. No: 01532/2022/PKQ (22.1053)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

VLAT 1.0525 ISO/IEC 17025:2017

1. Tên khách hàng/ *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM**

2. Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM - Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

3. Loại mẫu/ *Type of sample*: Nước thải

4. Thông tin mẫu/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ *Sample code*	Vị trí lấy mẫu/ *Sampling locations*
220401.NT.063	Sau hệ thống xử lý nước thải

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) */Sample date (Sample receipt)*: 31/03/2022

6. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 14/04/2022

7. Bảng kết quả/ *Results table*

STT/ *No.*	Thông số/ *Parameters*	Đơn vị/ *Unit*	Phương pháp thử nghiệm/ *Testing methods*	Kết quả/ *Testing result*
				220401.NT.063
1	pH[a,b]	-	TCVN 6492:2011	6,9
2	TSS[a,b]	mg/L	TCVN 6625:2000	33,0
3	COD[a,b]	mg/L	SMEWW 5220C:2017	56,0
4	BOD_5[a,b]	mg/L	TCVN 6001-1:2008	27,0
5	Tổng N[a,b]	mg/L	TCVN 6638:2000	<10,0
6	Tổng P[a,b]	mg/L	TCVN 6202:2008	0,980
7	Coliform[a,b]	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2017	$2,2x10^3$

Chú thích/ *Remarks:*
1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ *The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.*
3. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ *The parameters sent to subcontractors.*
4. (d): Thông số không quy định tại Thông tư quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường và các Quy chuẩn hiện hành về môi trường do Bộ TN&MT ban hành, được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và chỉ mang tính chất tham khảo.
5. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ *Not detected*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 04 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC
Director

M.S.D.N: 0316800... CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.6660477 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS 292

Mã số/ Ref. No: 01531/2022/PKQ (22.1053)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VLAT 1.0525 ISO/IEC 17025:2017

1. Tên khách hàng/ *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM**
2. Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM - Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
3. Loại mẫu/ *Type of sample*: Khí thải

4. Thông tin mẫu/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ *Sample code*	Vị trí lấy mẫu/ *Sampling locations*
220401.KT.079	Khí thải ống khói lò hơi
220401.KT.080	Khí thải sau HTXL bụi sơn và hơi dung môi
220401.KT.081	Khí thải sau thiết bị xử lý bụi

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) */Sample date (Sample receipt)*: 31/03/2022
6. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 14/04/2022
7. Bảng kết quả/ *Results table*

STT/ *No.*	Thông số/ *Parameters*	Đơn vị/ *Unit*	Phương pháp thử nghiệm/ *Testing methods*	Kết quả/ *Testing result*			QCVN Khí thải công nghiệp
				220401. KT.079	220401. KT.080	220401. KT.081	Nồng độ
1	Lưu Lượng[a]	m^3/h	US EPA Method 2	2.580	1.476	2.220	-
2	NO_x (Tính theo NO_2)[a]	mg/Nm^3	HDCV/LM-82	160	3	-	850[1]
3	CO[a]	mg/Nm^3	HDCV/LM-82	604	11	-	1.000[1]
4	SO_2[a]	mg/Nm^3	HDCV/LM-82	14	0	-	500[1]
5	Bụi (PM)[a]	mg/Nm^3	US EPA Method 5	67,0	28,0	70,5	200[1]
6	VOC_s - Toluen[a]	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649	-	19,0	-	750[2]
7	VOC_s - Acetone[a]	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649	-	2,70	-	-

Chú thích/ *Remarks*:
1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ *The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.*
3. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ *The parameters sent to subcontractors.*
4. (d): Thông số không quy định tại Thông tư quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường và các Quy chuẩn hiện hành về môi trường do Bộ TN&MT ban hành, được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và chỉ mang tính chất tham khảo.
5. K" H: Không phát hiện (<MDL)/ *Not detected*
6. (1): QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B
7. (2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 04 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC
Director

M.S.D.N: 0316804... CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.6660477 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS 292

Mã số/ Ref. No: 04927/2022/PKQ (22.3253)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM**

2. Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM - Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

3. Loại mẫu/ *Type of sample*: Nước thải

4. Thông tin mẫu/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ *Sample code*	Vị trí lấy mẫu/ *Sampling locations*
220625.NT.047	Sau hệ thống xử lý nước thải

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) */Sample date (Sample receipt)*: 24/06/2022

6. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 01/07/2022

7. Bảng kết quả/ *Results table*

STT/ *No.*	Thông số/ *Parameters*	Đơn vị/ *Unit*	Phương pháp thử nghiệm/ *Testing methods*	Kết quả/ *Testing result*
				220625.NT.047
1	pH[a,b]	-	TCVN 6492:2011	7,22
2	TSS[a,b]	mg/L	TCVN 6625:2000	21
3	COD[a,b]	mg/L	SMEWW 5220C:2017	64
4	BOD_5[a,b]	mg/L	TCVN 6001-1:2008	29
5	Tổng N[a,b]	mg/L	TCVN 6638:2000	<10
6	Tổng P[a,b]	mg/L	TCVN 6202:2008	1,2
7	Coliform[a,b]	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2017	$1,7x10^3$

Chú thích/ *Remarks*:
1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ *The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 07 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC
Director

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.6660477 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS 292

Mã số/ Ref. No: 04926/2022/PKQ (22.3253)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH THÔNG NHẤT VIỆT NAM**

2. Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: CÔNG TY TNHH THÔNG NHẤT VIỆT NAM - Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

3. Loại mẫu/ *Type of sample*: Khí thải

4. Thông tin mẫu/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ *Sample code*	Vị trí lấy mẫu/ *Sampling locations*
220625.KT.027	Khí thải ống khói lò hơi
220625.KT.028	Khí thải sau HTXL bụi sơn và hơi dung môi
220625.KT.029	Khí thải sau thiết bị xử lý bụi

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) */Sample date (Sample receipt)*: 24/06/2022

6. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 01/07/2022

7. Bảng kết quả/ *Results table*

STT/ *No.*	Thông số/ *Parameters*	Đơn vị/ *Unit*	Phương pháp thử nghiệm/ *Testing methods*	Kết quả/ *Testing result*			QCVN Khí thải công nghiệp
				220625. KT.027	220625. KT.028	220625. KT.029	Nồng độ
1	Lưu Lượng[a]	m^3/h	US EPA Method 2	2.748	1.621	02.906	-
2	NO_x (Tính theo NO_2)[a]	mg/Nm^3	HDCV/LM-82	195	0	-	850[1]
3	CO[a]	mg/Nm^3	HDCV/LM-82	681	5	-	1.000[1]
4	SO_2[a]	mg/Nm^3	HDCV/LM-82	21	0	-	500[1]
5	Bụi (PM)[a]	mg/Nm^3	US EPA Method 5	70	36	82	200[1]
6	VOC_s - Toluen[a]	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649	-	25	-	750[2]
7	VOC_s - Acetone[a]	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649	-	4,4	-	-

Chú thích/ Remarks

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
2. (1): QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B
3. (2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 07 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC
Director

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số/ Ref. No: 07554/2022/PKQ (22.5527)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. **Tên khách hàng/** *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM**
2. **Địa điểm lấy mẫu/** *Sampling location*: CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM - Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
3. **Loại mẫu/** *Type of sample*: Nước thải
4. **Thông tin mẫu/** *Sample information*:

Mã số mẫu/ *Sample code*	Vị trí lấy mẫu/ *Sampling locations*
22.5527.NT.02	Sau hệ thống xử lý nước thải

5. **Ngày lấy mẫu (nhận mẫu)** */Sample date (Sample receipt)*: 19/10/2022
6. **Ngày trả kết quả/** *Returning results date*: 28/10/2022
7. **Bảng kết quả/** *Results table*

STT/ *No.*	Thông số/ *Parameters*	Đơn vị/ *Unit*	Phương pháp thử nghiệm/ *Testing methods*	Kết quả/ *Testing result*
				22.5527.NT.02
1	pH[a,b]	-	TCVN 6492:2011	7,19
2	TSS[a,b]	mg/L	TCVN 6625:2000	25,5
3	COD[a,b]	mg/L	SMEWW 5220C:2017	58
4	BOD_5[a,b]	mg/L	TCVN 6001-1:2008	23
5	Tổng N[a,b]	mg/L	TCVN 6638:2000	11,2
6	Tổng P[a,b]	mg/L	TCVN 6202:2008	1
7	Coliform[a,b]	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2017	$2x10^3$

thích/ *Remarks:*

): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*

): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ *The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC
Director

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

ĐOÀN THỊ THỦY

quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
ng được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of ny

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 714-10/22-2.25 / KQPT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 10 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

2/ Địa chỉ : Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 19/10/2022

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm^3
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm^3
3	NO_x (tính theo NO_2)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm^3
4	SO_2*	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm^3
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m^3/h
6	Toluen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,01 mg/Nm^3
7	Axeton*	US EPA Method 18	US EPA Method 18	0,05 mg/Nm^3

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu Nguồn thải	Lưu lượng P (m^3/h)	Bụi (mg/Nm^3)	CO (mg/Nm^3)	SO_2 (mg/Nm^3)	NO_x (mg/Nm^3)	Toluen (mg/Nm^3)	Axeton (mg/Nm^3)
Khí thải tại ống khói lò hơi (Đo tại nguồn thải)	2.872	91	611	35	176	-	-
Khí thải sau HTXL bụi sơn và hơi dung môi (Đo tại nguồn thải)	1.910	27	13	7,2	12	17,6	1,9
Khí thải sau sau thiết bị xử lý bụi (Đo tại nguồn thải)	3.025	88	-	-	-	-	-
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B) Cmax = C x Kp x Kv với Kp =1 và Kv = 1	-	200	1000	500	850	-	-
QCVN 20 : 2009/BTNMT	-	-	-	-	-	750	-

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

T. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Thanh Bảo Huy

Mã số/ Ref. No: 09723/2022/PKQ (22.7187)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM**
2. **Địa điểm lấy mẫu**/ *Sampling location*: CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM - Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
3. **Loại mẫu**/ *Type of sample*: Nước thải
4. **Thông tin mẫu**/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ *Sample code*	Vị trí lấy mẫu/ *Sampling locations*
22.7187.NT.01	Sau hệ thống xử lý nước thải

5. **Ngày lấy mẫu (nhận mẫu)** /*Sample date (Sample receipt)*: 19/12/2022
6. **Ngày trả kết quả**/ *Returning results date*: 26/12/2022
7. **Bảng kết quả**/ *Results table*

STT/ *No.*	Thông số/ *Parameters*	Đơn vị/ *Unit*	Phương pháp thử nghiệm/ *Testing methods*	Kết quả/ *Testing result*
				22.7187.NT.01
1	pH[a,b]	-	TCVN 6492:2011	7,08
2	TSS[a,b]	mg/L	TCVN 6625:2000	37
3	COD[a,b]	mg/L	SMEWW 5220C:2017	70,4
4	BOD_5[a,b]	mg/L	TCVN 6001-1:2008	24,1
5	Tổng N[a,b]	mg/L	TCVN 6638:2000	11,5
6	Tổng P[a,b]	mg/L	TCVN 6202:2008	1,8
7	Coliform[a,b]	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2017	$2,4x10^3$

Ghi chú/ *Remarks:*
(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ *The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC
Director

M.S.D.N: 0316850274 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ * THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN THỊ THỦY

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số/ Ref. No: 09722/2022/PKQ (22.7187)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. **Tên khách hàng/** *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM**
2. **Địa điểm lấy mẫu/** *Sampling location*: CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM - Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
3. **Loại mẫu/** *Type of sample*: Khí thải
4. **Thông tin mẫu/** *Sample information*:

Mã số mẫu/ *Sample code*	Vị trí lấy mẫu/ *Sampling locations*
22.7187.KT.01	Khí thải ống khói lò hơi
22.7187.KT.02	Khí thải sau HTXL bụi sơn và hơi dung môi
22.7187.KT.03	Khí thải sau thiết bị xử lý bụi

5. **Ngày lấy mẫu (nhận mẫu)** */Sample date (Sample receipt)*: 19/12/2022
6. **Ngày trả kết quả/** *Returning results date*: 26/12/2022
7. **Bảng kết quả/** *Results table*

STT/ *No.*	Thông số/ *Parameters*	Đơn vị/ *Unit*	Phương pháp thử nghiệm/ *Testing methods*	Kết quả/ *Testing result*			QCVN Khí thải công nghiệp
				22.7187. KT.01	22.7187. KT.02	22.7187. KT.03	Nồng độ
1	Lưu Lượng[a]	m^3/h	US EPA Method 2	2.910	1.580	2.880	-
2	NO_x (Tính theo NO_2)[a]	mg/Nm^3	HDCV/LM-82	117	0	-	850[1]
3	CO[a]	mg/Nm^3	HDCV/LM-82	526	3	-	1.000[1]
4	SO_2[a]	mg/Nm^3	HDCV/LM-82	10	0	-	500[1]
5	Bụi (PM)[a]	mg/Nm^3	US EPA Method 5	62	41	70	200[1]
6	Toluen[a]	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649	-	17	-	750[2]
7	Acetone[a]	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649	-	1	-	-

Chú thích/ *Remarks:*
1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
2. (1): QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B
3. (2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC
Director

M.S.D.N: 0316800271 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI THỦ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS 292

Mã số/ Ref. No: 02390/2023/PKQ (23.1965)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM**

2. Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM - Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

3. Loại mẫu/ *Type of sample*: Nước thải

4. Thông tin mẫu/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ *Sample code*	**Vị trí lấy mẫu**/ *Sampling locations*
23.1965.NT.01	Sau hệ thống xử lý nước thải

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /*Sample date (Sample receipt)*: 05/04/2023

6. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 12/04/2023

7. Bảng kết quả/ *Results table*

STT/ *No.*	**Thông số**/ *Parameters*	**Đơn vị**/ *Unit*	**Phương pháp thử nghiệm**/ *Testing methods*	**Kết quả**/ *Testing result* **23.1965.NT.01**
1	pH[a,b]	-	TCVN 6492:2011	7,15
2	TSS[a,b]	mg/L	TCVN 6625:2000	34,2
3	COD[a,b]	mg/L	SMEWW 5220C:2017	56
4	BOD_5[a,b]	mg/L	TCVN 6001-1:2008	27,3
5	Tổng N[a,b]	mg/L	TCVN 6638:2000	14
6	Tổng P[a,b]	mg/L	TCVN 6202:2008	0,97
7	Coliform[a,b]	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	$1,7x10^3$

Chú thích/ *Remarks*:
1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ *The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 04 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC
Director

M.S.D.N: 0316800274 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS 292

Mã số/ Ref. No: 02389/2023/PKQ (23.1965)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM**

2. Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM - Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

3. Loại mẫu/ *Type of sample*: Khí thải

4. Thông tin mẫu/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ *Sample code*	**Vị trí lấy mẫu/** *Sampling locations*
23.1965.KT.01	Khí thải ống khói lò hơi
23.1965.KT.02	Khí thải sau HTXL bụi sơn và hơi dung môi (lần 1)
23.1965.KT.03	Khí thải sau HTXL bụi sơn và hơi dung môi (lần 2)

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) */Sample date (Sample receipt)*: 05/04/2023

6. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 12/04/2023

7. Bảng kết quả/ *Results table*

STT/ *No.*	**Thông số/** *Parameters*	**Đơn vị/** *Unit*	**Phương pháp thử nghiệm/** *Testing methods*	**Kết quả/** *Testing result*			**QCVN Khí thải công nghiệp**
				23.1965. KT.01	**23.1965. KT.02**	**23.1965. KT.03**	**Nồng độ**
1	Lưu Lượng[(a)]	m^3/h	US EPA Method 2	2.690	1.762	1.804	-
2	NO_x (Tính theo NO_2)[(a)]	mg/Nm^3	HDCV/LM-82	98	<1,88	-	**850**[(1)]
3	CO[(a)]	mg/Nm^3	HDCV/LM-82	495	5	-	**1.000**[(1)]
4	SO_2[(a)]	mg/Nm^3	HDCV/LM-82	16	<2,62	-	**500**[(1)]
5	Bụi (PM)[(a)]	mg/Nm^3	US EPA Method 5	76	37	33	**200**[(1)]
6	Toluen[(a)]	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649	-	7	-	**750**[(2)]
7	Acetone[(a)]	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649	-	0,7	-	-

Chú thích/ *Remarks:*
1. (a) Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
2. (1): QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B
3. (2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 04 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC
Director

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

HAIAU ENVIRONMENTAL
CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn
VLAT - 1.0444 ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 117

PKQ/Số: HA.23.05343.03

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH MTV TECHCO**
2. Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM**
   Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
3. Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu
HA.23.05343.03	Sau hệ thống xử lý nước thải	Theo TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011

4. Ngày lấy mẫu: 29/06/2023 Ngày trả kết quả: 06/07/2023
5. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	pH(*)(a)	--	TCVN 6492:2011	2 – 12 pH
2	TSS(*)(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	5 mg/L
3	BOD_5(*)(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
4	COD(*)(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	3 mg/L
5	Tổng Nitơ(*)(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	3 mg/L
6	Tổng Photpho(*)	mg/L	SMEWW 4500-P,B&E:2017	0,03 mg/L
7	Coliform(*)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3MPN/100mL

6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
			HA.23.05343.03
1.	pH(*)(a)	--	7,07
2.	TSS(*)(a)	mg/L	30
3.	BOD_5(*)(a)	mg/L	23
4.	COD(*)(a)	mg/L	59
5.	Tổng Nitơ(*)(a)	mg/L	16,5
6.	Tổng Photpho(*)	mg/L	2,1

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hai Au

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
			HA.23.05343.03
7.	Coliform(*)	MPN/100mL	2.600

Ghi chú: *(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts*
(a) : Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444
KPH: Không phát hiện

Phòng Thử Nghiệm **P.Giám đốc**

Nguyễn Thị Trang **Nguyễn Thùy Diễm**

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hai Âu

HAIAU ENVIRONMENTAL
CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn
ilac-MRA AOSC VLAT - 1.0444 ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 117

PKQ/Số: HA.23.05343.01 - 02

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH MTV TECHCO**
2. Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM**
   Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
3. Loại mẫu: Khí thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
HA.23.05343.01	Khí thải ống khói lò hơi	11.079784^0 106.763789^0
HA.23.05343.02	Khí thải sau HTXL bụi sơn và hơi dung môi	11.080486^0 106.764056^0

4. Ngày lấy mẫu: 29/06/2023 Ngày trả kết quả: 06/07/2023
5. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện /Phạm vi đo
1	Lưu lượng(*)	m^3/h	US EPA Method 2	US EPA Method 2	1.600.000 m^3/h
2	SO_2(*)	mg/Nm^3	HD/KT – SO_2	HD/KT – SO_2	0 – 13.100 mg/Nm^3
3	NO_x (tính theo NO_2) (*)	mg/Nm^3	HD/KT – NO_x	HD/KT – NO_x	0 - 940 mg/Nm^3
4	CO(*)	mg/Nm^3	HD/KT – CO	HD/KT – CO	0 – 11.400 mg/Nm^3
5	Bụi (PM) (*)	mg/Nm^3	US EPA Method 5	US EPA Method 5	0,2 mg/Nm^3
6	Toluene(*)	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	PD CEN/TS 13649	1 mg/Nm^3
7	Acetone(*)	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	PD CEN/TS 13649	1 mg/Nm^3

6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
			HA.23.05343.01	HA.23.05343.02		
1.	Lưu lượng(*)	m^3/h	3.176	2.690	--	--
2.	Bụi (PM) (*)	mg/Nm^3	68,3	32,5	**200**	--
3.	SO_2(*)	mg/Nm^3	72	3	**500**	--
4.	NO_x (tính theo NO_2) (*)	mg/Nm^3	105	2	**850**	--

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Số/No: 23.09.6915/3-3	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*12/09/2023* *Trang/Page: 1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH MTV TECHCO**

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ/ *Address* : Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Loại mẫu/ *Type of sample* : Nước thải

Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : NT.090440 – Sau hệ thống xử lý

Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 04/09/2023

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 05/09/2023 – 11/09/2023

Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Phương pháp lấy mẫu/ *Sampling method* : TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*
1	pH	--	TCVN 6492:2011(*)	7,28
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000(*)	33
3	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2008(*)	25
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017(*)	64
5	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008(*)	2,31
6	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000(*)	17,9
7	*Coliforms*	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	2.800

Ghi chú/ *Note:*
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

SỞ CHÍNH
5/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
49 825 262
nghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

VIMCERTS 241 | AOSC VLAT-1.0596

Số/No: 23.09.6915/3-2	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*12/09/2023* *Trang/Page: 1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH MTV TECHCO**

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ/ *Address* : Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Loại mẫu/ *Type of sample* : Khí thải

Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : KT.090404 – Sau HTXL bụi sơn và hơi dung môi

Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 04/09/2023

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 05/09/2023 – 11/09/2023

Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp lấy mẫu *Sampling method*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B	QCVN 20:2009/ BTNMT
1	Lưu lượng	m^3/h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	2.883	-	-
2	Bụi	mg/Nm^3	US EPA Method 5	US EPA Method 5(*)	36,0	**200**	-
3	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	5,52	**850**	-
4	SO_2	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	6,98	**500**	-
5	CO	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	10,4	**1.000**	-
6	Toluen	mg/Nm^3	US EPA Method 18	US EPA Method 18(*)	2,77	-	**750**
7	Aceton	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649	PD CEN/TS 13649(**)	KPH	-	-

Ghi chú/ *Note*:
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận. Method is accreditated by MONRE.
(**): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ. Subcontracted test.
KPH: không phát hiện. Not detected. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

SỞ CHÍNH
28/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
949 825 262
uonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

Số/No: 23.09.6915/3-1	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*12/09/2023* *Trang/Page:1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH MTV TECHCO**

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ/ *Address* : Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Loại mẫu/ *Type of sample* : Khí thải

Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : KT.090403 – Ống khói lò hơi

Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 04/09/2023

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 05/09/2023 – 11/09/2023

Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	**Thông số** ***Parameters***	**Đơn vị tính** ***Unit***	**Phương pháp lấy mẫu** ***Sampling method***	**Phương pháp thử** ***Test method***	**Kết quả** ***Result***	**QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B**
1	Lưu lượng	m^3/h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	3.320	-
2	Bụi	mg/Nm^3	US EPA Method 5	US EPA Method 5(*)	71,8	**200**
3	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	126	**850**
4	SO_2	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	82,5	**500**
5	CO	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	501	**1.000**

Ghi chú/ *Note:*
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

SỞ CHÍNH
28/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

Số/No: 23.11.9488/3-3	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*22/11/2023* *Trang/Page:1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH MTV TECHCO**

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : **CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM**

Địa chỉ/ *Address* : Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Loại mẫu/ *Type of sample* : Nước thải

Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : NT.111425 – Sau hệ thống xử lý

Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 14/11/2023

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 15/11/2023 – 21/11/2023

Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Phương pháp lấy mẫu/ *Sampling method* : TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*
1	pH	--	TCVN 6492:2011(*)	7,05
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000(*)	29
3	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2008(*)	21
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017(*)	57
5	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008(*)	2,08
6	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000(*)	15,6
7	*Coliforms*	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	2.400

Ghi chú/ *Note:*
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
328/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
1327/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

VIMCERTS 241 | ilac-MRA | AOSC VLAT-1.0596

Số/No: 23.11.9488/3-2	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*22/11/2023* *Trang/Page:1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH MTV TECHCO**

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : **CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM**

Địa chỉ/ *Address* : Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Loại mẫu/ *Type of sample* : Khí thải

Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : KT.111407 – Sau HTXL bụi sơn và hơi dung môi

Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 14/11/2023

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 15/11/2023 – 21/11/2023

Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp lấy mẫu *Sampling method*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B	QCVN 20:2009/ BTNMT
1	Lưu lượng	m^3/h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	2.690	-	-
2	Bụi	mg/Nm^3	US EPA Method 5	US EPA Method 5(*)	32,5	200	-
3	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	6,41	850	-
4	SO_2	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	8,04	500	-
5	CO	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	13,7	1.000	-
6	Toluen	mg/Nm^3	US EPA Method 18	US EPA Method 18(*)	2,49	-	750
7	Aceton	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	PD CEN/TS 13649(**)	KPH	-	-

Ghi chú/ *Note:*
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.
(**): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ Subcontracted test.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

SỞ CHÍNH
98/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
49 825 262
onghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

Số/No: 23.11.9488/3-1	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*22/11/2023* *Trang/Page:1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH MTV TECHCO**

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : **CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM**

Địa chỉ/ *Address* : Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Loại mẫu/ *Type of sample* : Khí thải

Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : KT.111406 – Ống khói lò hơi

Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 14/11/2023

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 15/11/2023 – 21/11/2023

Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số ***Parameters***	Đơn vị tính ***Unit***	Phương pháp lấy mẫu ***Sampling method***	Phương pháp thử ***Test method***	Kết quả ***Result***	QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B
1	Lưu lượng	m^3/h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	3.551	-
2	Bụi	mg/Nm^3	US EPA Method 5	US EPA Method 5(*)	68,6	**200**
3	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	150	**850**
4	SO_2	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	77,9	**500**
5	CO	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	485	**1.000**

Ghi chú/ *Note:*
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

SỞ CHÍNH
28/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
849 825 262
uonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

Số/No: 24.04.3303/3-2	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM *TEST REPORT*	*05/04/2024* *Trang/Page: 1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH MTV TECHCO**

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ/ *Address* : Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Loại mẫu/ *Type of sample* : Khí thải

Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : KT.032814 – Sau HTXL bụi sơn và hơi dung môi

Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 28/03/2024

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 29/03/2024 – 04/04/2024

Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp lấy mẫu *Sampling method*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B	QCVN 20:2009/ BTNMT
1	Lưu lượng	m^3/h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	2.690	-	-
2	Bụi	mg/Nm^3	US EPA Method 5	US EPA Method 5(*)	31,7	200	-
3	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	10,2	850	-
4	SO_2	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	8,89	500	-
5	CO	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	16,0	1.000	-
6	Toluen	mg/Nm^3	US EPA Method 18	US EPA Method 18(*)	4,93	-	750
7	Aceton	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649	PD CEN/TS 13649(**)	KPH	-	-

Ghi chú/ *Note:*
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.
(**): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ./ Subcontracted test.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 2
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

Số/No: 24.04.3303/3-1	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM *TEST REPORT*	*05/04/2024* *Trang/Page: 1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH MTV TECHCO**

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ/ *Address* : Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Loại mẫu/ *Type of sample* : Khí thải

Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : KT.032813 – Ống khói lò hơi

Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 28/03/2024

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 29/03/2024 – 04/04/2024

Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp lấy mẫu *Sampling method*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B
1	Lưu lượng	m^3/h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	3.812	-
2	Bụi	mg/Nm^3	US EPA Method 5	US EPA Method 5(*)	55,3	200
3	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	102	850
4	SO_2	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	66,0	500
5	CO	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	479	1.000

Ghi chú/ *Note:*
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 2
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

Số/No: 24.04.3303/3-3	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*05/04/2024* *Trang/Page: 1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH MTV TECHCO**

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ/ *Address* : Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Loại mẫu/ *Type of sample* : Nước thải

Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : NT.032811 – Sau hệ thống xử lý

Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 28/03/2024

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 29/03/2024 – 04/04/2024

Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Phương pháp lấy mẫu/ *Sampling method* : TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*
1	pH	--	TCVN 6492:2011(*)	6,80
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000(*)	29
3	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2008(*)	22
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017(*)	54
5	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008(*)	1,61
6	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000(*)	13,8
7	*Coliforms*	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	2.400

Ghi chú/ *Note:*
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 2
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

Số/No: 24.06.5849/3-3	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	*10/06/2024* *Trang/Page:1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH MTV TECHCO**
Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM
Địa chỉ/ *Address* : Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Loại mẫu/ *Type of sample* : Nước thải
Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : NT.060104 – Sau hệ thống xử lý
Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 01/06/2024
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 01/06/2024 – 10/06/2024
Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
Phương pháp lấy mẫu/ *Sampling method* : TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*
1	pH	--	TCVN 6492:2011(*)	6,89
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000(*)	26
3	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2008(*)	28
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017(*)	63
5	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008(*)	1,24
6	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000(*)	15,6
7	*Coliforms*	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	$2,7x10^3$

Ghi chú/ *Note*
(*): *Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE*
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
Số 52/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
0949 825 282
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Đình, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
https://duonghuynhenv.vn

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

Số/No: 24.06.5849/3-2	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*10/06/2024* *Trang/Page: 1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH MTV TECHCO**

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ/ *Address* : Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Loại mẫu/ *Type of sample* : Khí thải

Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : KT.060102 – Sau HTXL bụi sơn và hơi dung môi

Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 01/06/2024

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 01/06/2024 – 10/06/2024

Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp lấy mẫu *Sampling method*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B	QCVN 20:2009/ BTNMT
1	Lưu lượng	m^3/h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	2.905	-	-
2	Bụi	mg/Nm^3	US EPA Method 5	US EPA Method 5(*)	30,1	200	-
3	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	4,82	850	-
4	SO_2	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	2,89	500	-
5	CO	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	11,6	1.000	-
6	Toluen	mg/Nm^3	US EPA Method 18	US EPA Method 18(*)	12,5	-	750
7	Aceton	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649	PD CEN/TS 13649(**)	KPH	-	-

Ghi chú/ Note:
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.
(**): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ Subcontracted test.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo /*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
522/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
0949 525 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trường Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

Số/No: 24.06.5849/3-1	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*10/06/2024* *Trang/Page:1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH MTV TECHCO**

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ/ *Address* : Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Loại mẫu/ *Type of sample* : Khí thải

Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : KT.060101 – Ống khói lò hơi

Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 01/06/2024

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 01/06/2024 – 10/06/2024

Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp lấy mẫu *Sampling method*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B
1	Lưu lượng	m^3/h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	4.125	-
2	Bụi	mg/Nm^3	US EPA Method 5	US EPA Method 5(*)	52,6	200
3	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	149	850
4	SO_2	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	56,3	500
5	CO	mg/Nm^3	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03(*)	649	1.000

Ghi chú/ *Note*:
(*) Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accrediated by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
526/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 282
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 3, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất-MSDS	**JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Tel: (84) 650-355 4323/21 Fax: (84) 605-355 4310
Tên chất hoặc tên sản phẩm **NC BÓNG** **NC TOPCOAT**	
Số CAS: Không xác định Số UN: Không xác định Số đăng ký EC: Không xác định Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: NC SƠN BÓNG	JB5005-00X JB5004-00X;
- Tên thương mại:	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**	
- Mục đích sử dụng: Dùng làm sơn mặt ngành gỗ	

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**
sec-butyl ester; *s*-butyl acetate; 2-butyl acetate	105-46-4	$C_6H_{12}O_2$	30-40
Ethyl Ester, Acetic Ether, Acetic Ester , Acetoxyethane	141-78-6	CH3COOC2H5	30-40
1-Methoxy-2-Propanol Acetate; Propylene Glycol Ether Acetate; Methoxy Propanol Acetate	108-65-6	C6H12O3	10-20
Nitrocellulose;Cellulose Nitrate		[C6H10-xO5-x(ONO2)X]n (2 < x < 2,4)	20-30
Amino resin	9003-08-1		20-30
Maleic resin,rosin modified	68038-41-5		2-5

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Flam. Liq. 2, H225 : Hơi và chất lỏng rất dễ cháy

Eye Irrit. 2A, H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứ ng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
- Đường thở: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:

buồn nôn hay nôn mửa
đau đầu
buồn ngủ/mệt mỏi
chóng mặt/hoa mắt
bất tỉnh

- Đường da: Không có thông tin cụ thể gì
- Đường tiêu hóa: Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày

-Đường tiết sữa: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt **:** Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thô ng thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa,hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chă m sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy: rất dễ cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

Các chất chữa cháy phù hợp: Dùng hóa chất khô, CO2, bụi nước hay bọt

Các chất chữa cháy không phù hợp: Đừng dùng tia nước

Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gâynguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bìnhchứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Quần áo cho nhân viên chữa cháy (kể cả nón bảo hộ, ủng và găng tay bảo hộ) đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN 469 sẽ cho phép có được một mức độ bảo vệ cơ bản trong các sự cố hóa chất

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

Các nguy hại từ chất hoặc hỗn hợp: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ

Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm: Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:carbon dioxit,carbon monoxit

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:

Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.

Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng: Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương.Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít hơi hay sương. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệ u phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Đừng sử dụng lại bình chứa Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất nà y. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích

và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Sử dụng kính mắt an toàn thiết kế để bảo vệ tránh văng chất lỏng

- Bảo vệ thân thể: Nhân viên phải mặc quần áo chống tĩnh điện làm từ sợi thiên nhiên hay sợi tổng hợp chống nhiệt cao.

- Bảo vệ tay: Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây: tay: bằng nhựa polyvinyl alcohol hoặcnitrile.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố :

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Chất lỏng	Điểm sôi (^{0}C): 77 ° C (1 70.6 ° F)
Màu sắc: Trong suốt	Điểm nóng chảy (^{0}C)
Mùi đặc trưng: Không có sẵn	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định -16 °C
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết: 180 mm Hg tại 20°C. Bình quân gia trọng: 167 mm Hg tại 20°C.	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C) Giá trị thấp nhất được biết: 455 °C. Bình quân gia trọng: 464 °C.
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn >1.6 (Không khí = 1)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) Trị số cao nhất được biết: 19.0%.
Độ hòa tan trong nước : Không xác định	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: 2.2%
Độ PH: Không xác định	Tỷ lệ hoá hơi:
Khối lượng riêng (kg/m^3): Không xác định	Các tính chất khác nếu có:

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

2. Khả năng phản ứng:

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
sec-butyl ester; *s*-butyl acetate; 2-butyl acetate	LD50	3200 mg/kg	Nuốt	Thỏ
Ethyl Ester, Acetic Ether, Acetic Ester**,** Acetoxyethane	LD50 LD50 LD50	5,620 mg/kg 200ppm /Hour < 20 ml / kg	Nuốt Hô hấp Da	Thỏ Thỏ Chuột
Maleic resin,rosin modified	LD50 LD50	> 5000> 10000 mg/kg > 2000 mg/kg	Nuốt Da	Chuột Thỏ

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người
Tính đột biến: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính gây ung thư: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào
Độc tính sinh sản: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào
2. Các ảnh hưởng độc khác

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1.Độc tính với sinh vật
Ảnh hưởng đến sinh vật dưới nước.
Gây ra trao đổi chất của vi khuẩn.
Ảnh hưởng đến sự phát triển của một số giống cây trồng.
Không cho phép sản phẩm chảy vào cống, đường thủy hay cống rãnh.

2. Tác động trong môi trường
- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

Về sản phẩm:Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xửlý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương.
Về bao bì đóng gói: Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	IMDG	IATA	VIETNAM
Số UN	**UN 1210**	**UN 1210**	**UN 1210**	**UN 1210**
Tên riêng theo LiênHợp Quốc (UN) để dùngtrong vận chuyển	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material
Các nhóm nguy hại vận chuyển				
Quy cách đóng gói	**II**	**II**	**II**	**II**
Mối nguy cho môi trường	**Không**	**Không**	**Không**	**Không**
Thông tin bổ sung	-	-	-	-

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

Quá trình vận chuyển đến nơi tiêu thụ phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của quốc gia và địa phương nếu khả thi

PHẦN XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Bảng này hoàn toàn không có giá trị bảo đảm và không được coi như cơ sở đại diện cho Jiabao về mặt pháp lý . Thông tin được đưa ra chỉ có giá trị tham khảo, nghiên cứu và kiểm tra. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, dữ liệu trong bảng này là do người sử dụng quyết định sao cho phù hợp với quy định, luật lệ của địa phương sở tại.

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất	**JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Tel: (84) 650-355 4323/21 Fax: (84) 605-355 4310
Tên chất hoặc tên sản phẩm **SƠN LÓT** **SEALER**	
Số CAS: Không xác định Số UN: Không xác định Số đăng ký EC: Không xác định Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: NC SƠN LÓT - Tên thương mại: - Tên khác (không là tên khoa học):	JB-4009; JB-4004; JB-4001 JB-42196; JB-B03002;JB-4201
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. - Tên nhà sản xuất và địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM** - Mục đích sử dụng: Dùng làm sơn lót ngành gỗ	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**
sec-butyl ester; *s*-butyl acetate; 2-butyl acetate	105-46-4	$C_6H_{12}O_2$	40-60
Ethyl Ester, Acetic Ether, Acetic Ester , Acetoxyethane	141-78-6	CH3COOC2H5	40-60
1-Methoxy-2-Propanol Acetate; Propylene Glycol Ether Acetate; Methoxy Propanol Acetate	108-65-6	C6H12O3	10-20
Nitrocellulose;Cellulose Nitrate		[C6H10-xO5-x(ONO2)X]n (2 < x < 2,4)	20-30
Amino resin ……	9003-08-1		20-30

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Flam. Liq. 2, H225 : Hơi và chất lỏng rất dễ cháy

Eye Irrit. 2A, H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứ ng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
- Đường thở: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:

buồn nôn hay nôn mửa
đau đầu
buồn ngủ/mệt mỏi
chóng mặt/hoa mắt
bất tỉnh

- Đường da: Không có thông tin cụ thể gì
- Đường tiêu hóa: Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày

-Đường tiết sữa: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt **:** Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thô ng thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa,hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chă m sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy: rất dễ cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

Các chất chữa cháy phù hợp: Dùng hóa chất khô, CO2, bụi nước hay bọt

Các chất chữa cháy không phù hợp: Đừng dùng tia nước

Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gâynguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bìnhchứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Quần áo cho nhân viên chữa cháy (kể cả nón bảo hộ, ủng và găng tay bảo hộ) đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN 469 sẽ cho phép có được một mức độ bảo vệ cơ bản trong các sự cố hóa chất

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

Các nguy hại từ chất hoặc hỗn hợp: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ

Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm: Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:carbon dioxit,carbon monoxit

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:

Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.

Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng: Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương.Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít hơi hay sương. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệ u phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Đừng sử dụng lại bình chứa Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất nà y. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích

và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Sử dụng kính mắt an toàn thiết kế để bảo vệ tránh văng chất lỏng
- **Bảo vệ thân thể:** Nhân viên phải mặc quần áo chống tĩnh điện làm từ sợi thiên nhiên hay sợi tổng hợp chống nhiệt cao.
- **Bảo vệ tay:** Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây: tay: bằng nhựa polyvinyl alcohol hoặcnitrile.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố :

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Chất lỏng	Điểm sôi (^{0}C): 77 ° C (1 70.6 ° F)
Màu sắc: Trong hơi đục	Điểm nóng chảy (^{0}C)
Mùi đặc trưng: Không có sẵn	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định -16 °C
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết: 180 mm Hg tại 20°C. Bình quân gia trọng: 167 mm Hg tại 20°C.	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C) Không xác định Giá trị thấp nhất được biết: 455 °C. Bình quân gia trọng: 464 °C.
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn >1.6 (Không khí = 1)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) Trị số cao nhất được biết: 19.0%.
Độ hòa tan trong nước : Không xác định	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: 2.2%
Độ PH: Không xác định	Tỷ lệ hoá hơi:
Khối lượng riêng (kg/m^3): Không xác định	Các tính chất khác nếu có:

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

2. Khả năng phản ứng:

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
sec-butyl ester; *s*-butyl acetate; 2-butyl acetate	LD50	3200 mg/kg	Nuốt	Thỏ
Ethyl Ester, Acetic Ether, Acetic Ester**,** Acetoxyethane	LD50 LD50 LD50	5,620 mg/kg 200ppm /Hour < 20 ml / kg	Nuốt Hô hấp Da	Thỏ Thỏ Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người

Tính đột biến: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính gây ung thư: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào
Độc tính sinh sản: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

2. Các ảnh hưởng độc khác

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1.Độc tính với sinh vật

Ảnh hưởng đến sinh vật dưới nước.
Gây ra trao đổi chất của vi khuẩn.
Ảnh hưởng đến sự phát triển của một số giống cây trồng.
Không cho phép sản phẩm chảy vào cống, đường thủy hay cống rãnh.

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

Về sản phẩm:Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xửlý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương.
Về bao bì đóng gói: Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	IMDG	IATA	VIETNAM
Số UN	**UN 1210**	**UN 1210**	**UN 1210**	**UN 1210**
Tên riêng theo LiênHợp Quốc (UN) để dùngtrong vận chuyển	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material
Các nhóm nguy hại vận chuyển				
Quy cách đóng gói	**II**	**II**	**II**	**II**
Mối nguy cho môi trường	**Không**	**Không**	**Không**	**Không**
Thông tin bổ sung	-	-	-	-

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

Quá trình vận chuyển đến nơi tiêu thụ phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của quốc gia và địa phương nếu khả thi

PHẦN XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Bảng này hoàn toàn không có giá trị bảo đảm và không được coi như cơ sở đại diện cho Jiabao về mặt pháp lý . Thông tin được đưa ra chỉ có giá trị tham khảo, nghiên cứu và kiểm tra. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, dữ liệu trong bảng này là do người sử dụng quyết định sao cho phù hợp với quy định, luật lệ của địa phương sở tại.

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất-MSDS	**JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Tel: (84) 650-355 4323/21 Fax: (84) 605-355 4310
Tên chất hoặc tên sản phẩm **DUNG MÔI** **THINNER**	
Số CAS: Không xác định Số UN: Không xác định Số đăng ký EC: Không xác định Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: **DUNG MÔI**	JB-3007 ; JB-3013 JB-3008 ; IB-3016 JB-B04001; JB-3722
- Tên thương mại:	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**	
- Mục đích sử dụng: làm dung môi hòa tan các loại sơn NC. PU	

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**
sec-butyl ester; *s*-butyl acetate; 2-butyl acetate	105-46-4	$C_6H_{12}O_2$	40-60
Ethyl Ester, Acetic Ether, Acetic Ester , Acetoxyethane	141-78-6	CH3COOC2H5	40-60
1-Methoxy-2-Propanol Acetate; Propylene Glycol Ether Acetate; Methoxy Propanol Acetate …….	108-65-6	C6H12O3	10-20

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Flam. Liq. 2, H225 : Hơi và chất lỏng rất dễ cháy

Eye Irrit. 2A, H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứ ng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
- Đường thở: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:

buồn nôn hay nôn mửa
đau đầu
buồn ngủ/mệt mỏi
chóng mặt/hoa mắt
bất tỉnh

- Đường da: Không có thông tin cụ thể gì
- Đường tiêu hóa: Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày

-Đường tiết sữa: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt **:** Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thô ng thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Khôngđược làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa,hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chă m sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy: rất dễ cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác
Các chất chữa cháy phù hợp: Dùng hóa chất khô, CO2, bụi nước hay bọt
Các chất chữa cháy không phù hợp: Đừng dùng tia nước
Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gâynguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bìnhchứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Quần áo cho nhân viên chữa cháy (kể cả nón bảo hộ, ủng và găng tay bảo hộ) đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN 469 sẽ cho phép có được một mức độ bảo vệ cơ bản trong các sự cố hóa chất

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)
Các nguy hại từ chất hoặc hỗn hợp: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ
Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm: Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:carbon dioxit,carbon monoxit

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:
Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.
Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng: Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương.Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít hơi hay sương. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệ u phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Đừng sử dụng lại bình chứa Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất nà y. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích

và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Sử dụng kính mắt an toàn thiết kế để bảo vệ tránh văng chất lỏng

- Bảo vệ thân thể: Nhân viên phải mặc quần áo chống tĩnh điện làm từ sợi thiên nhiên hay sợi tổng hợp chống nhiệt cao.

- Bảo vệ tay: Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây: tay: bằng nhựa polyvinyl alcohol hoặcnitrile.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố :

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Chất lỏng	Điểm sôi (^{0}C): 77 ° C (1 70.6 ° F)
Màu sắc: Trong suốt	Điểm nóng chảy (^{0}C)
Mùi đặc trưng: Không có sẵn	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định -16 °C
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết: 180 mm Hg tại 20°C. Bình quân gia trọng: 167 mm Hg tại 20°C.	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C) Giá trị thấp nhất được biết: 455 °C. Bình quân gia trọng: 464 °C.
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn >1.6 (Không khí = 1)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) Trị số cao nhất được biết: 19.0%.
Độ hòa tan trong nước : Không xác định	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: 2.2%
Độ PH: Không xác định	Tỷ lệ hoá hơi:
Khối lượng riêng (kg/m^3): Không xác định	Các tính chất khác nếu có:

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

2. Khả năng phản ứng:

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
sec-butyl ester; *s*-butyl acetate; 2-butyl acetate	LD50	3200 mg/kg	Nuốt	Thỏ
Ethyl Ester, Acetic Ether, Acetic Ester , Acetoxyethane	LD50 LD50 LD50	5,620 mg/kg 200ppm /Hour < 20 ml / kg	Nuốt Hô hấp Da	Thỏ Thỏ Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người

Tính đột biến: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính gây ung thư: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào
Độc tính sinh sản: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

2. Các ảnh hưởng độc khác

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1.Độc tính với sinh vật

Ảnh hưởng đến sinh vật dưới nước.
Gây ra trao đổi chất của vi khuẩn.
Ảnh hưởng đến sự phát triển của một số giống cây trồng.
Không cho phép sản phẩm chảy vào cống, đường thủy hay cống rãnh.

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

Về sản phẩm:Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xử lý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương.
Về bao bì đóng gói: Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	IMDG	IATA	VIETNAM
Số UN	**UN 1210**	**UN 1210**	**UN 1210**	**UN 1210**
Tên riêng theo LiênHợp Quốc (UN) để dùngtrong vận chuyển	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material
Các nhóm nguy hại vận chuyển				
Quy cách đóng gói	**II**	**II**	**II**	**II**
Mối nguy cho môi trường	**Không**	**Không**	**Không**	**Không**
Thông tin bổ sung	-	-	-	-

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

Quá trình vận chuyển đến nơi tiêu thụ phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của quốc gia và địa phương nếu khả thi

PHẦN XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Bảng này hoàn toàn không có giá trị bảo đảm và không được coi như cơ sở đại diện cho Jiabao về mặt pháp lý . Thông tin được đưa ra chỉ có giá trị tham khảo, nghiên cứu và kiểm tra. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, dữ liệu trong bảng này là do người sử dụng quyết định sao cho phù hợp với quy định, luật lệ của địa phương sở tại.

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất- MSDS	
Tên chất hoặc tên sản phẩm **CHẤT CỨNG** **(**HARDENER)	**JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Tel: (84) 650-355 4323/21 Fax: (84) 605-355 4310
Số CAS: Không xác định Số UN: Không xác định Số đăng ký EC: Không xác định Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: Chất cứng	JB-B05101
- Tên thương mại: Chất cứng	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**	
- Mục đích sử dụng: Dùng làm chất phụ gia cho ngành gỗ (cứng hóa)	

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**
Diphenylmethane diisocyanate, isomers and homologues	9016-87-9	$C_{15}H_{10}N_2O_2$	50 - 75 %
4, 4’-Methylenediphenyl Diisocyanate; Diphenylmethane-4,4'diisocyanate (MDI)	101-68-8	$C_{15}H_{10}N_2O_2$	25 - 50 %

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Flam. Liq. 2, H225 : Hơi và chất lỏng rất dễ cháy

Eye Irrit. 2A, H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứ ng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
- Đường thở: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:

buồn nôn hay nôn mửa
đau đầu
buồn ngủ/mệt mỏi
chóng mặt/hoa mắt
bất tỉnh

- Đường da: Không có thông tin cụ thể gì
- Đường tiêu hóa: Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày

-Đường tiết sữa: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt **:** Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thô ng thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa,hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chă m sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy: rất dễ cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

Các chất chữa cháy phù hợp: Dùng hóa chất khô, CO2, bụi nước hay bọt

Các chất chữa cháy không phù hợp: Đừng dùng tia nước

Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gâynguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bìnhchứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Quần áo cho nhân viên chữa cháy (kể cả nón bảo hộ, ủng và găng tay bảo hộ) đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN 469 sẽ cho phép có được một mức độ bảo vệ cơ bản trong các sự cố hóa chất

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

Các nguy hại từ chất hoặc hỗn hợp: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ

Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm: Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:carbon dioxit,carbon monoxit

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:

Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.

Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng: Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương.Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít hơi hay sương. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệ u phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Đừng sử dụng lại bình chứa Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất nà y. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích

và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Sử dụng kính mắt an toàn thiết kế để bảo vệ tránh văng chất lỏng

- Bảo vệ thân thể: Nhân viên phải mặc quần áo chống tĩnh điện làm từ sợi thiên nhiên hay sợi tổng hợp chống nhiệt cao.

- Bảo vệ tay: Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây: tay: bằng nhựa polyvinyl alcohol hoặcnitrile.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố :

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Chất lỏng	Điểm sôi (^{0}C): Không xác định
Màu sắc: Trong suốt vàng	Điểm nóng chảy (^{0}C)
Mùi đặc trưng: Không rõ	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định > 204 ^{0}C
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết: <0.00001 mmHg @ 25 • C. Bình quân gia trọng:	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C) Không xác định Giá trị thấp nhất được biết: Bình quân gia trọng:
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn >1.6 (Không khí = 1)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) Trị số cao nhất được biết: Không xác định
Độ hòa tan trong nước : Không hòa tan	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: Không xác định
Độ PH: Không xác định	Tỷ lệ hoá hơi:
Khối lượng riêng (kg/m^3): 1,24	Các tính chất khác nếu có:

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

2. Khả năng phản ứng:

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc tính cấp tính:
Nuốt: L050, Chuột> 10.000 mg / kg
Hít phải :LC50, bình xịt, Chuột 490 mg / m 3

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người
Tính đột biến: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính gây ung thư: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào
Độc tính sinh sản: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào
2. Các ảnh hưởng độc khác

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1.Độc tính với sinh vật
Ảnh hưởng đến sinh vật dưới nước.
Gây ra trao đổi chất của vi khuẩn.
Ảnh hưởng đến sự phát triển của một số giống cây trồng.
Không cho phép sản phẩm chảy vào cống, đường thủy hay cống rãnh.

2. Tác động trong môi trường
- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

Về sản phẩm:Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xử lý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương.
Về bao bì đóng gói: Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	IMDG	IATA	VIETNAM
Số UN	**UN 1263**	**UN 1263**	**UN 1263**	**UN 1263**
Tên riêng theo LiênHợp Quốc (UN) để dùngtrong vận chuyển	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material
Các nhóm nguy hại vận chuyển				
Quy cách đóng gói	**II**	**II**	**II**	**II**
Mối nguy cho môi trường	**Không**	**Không**	**Không**	**Không**
Thông tin bổ sung	-	-	-	-

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

Quá trình vận chuyển đến nơi tiêu thụ phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của quốc gia và địa phương nếu khả thi

PHẦN XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Bảng này hoàn toàn không có giá trị bảo đảm và không được coi như cơ sở đại diện cho Jiabao về mặt pháp lý . Thông tin được đưa ra chỉ có giá trị tham khảo, nghiên cứu và kiểm tra. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, dữ liệu trong bảng này là do người sử dụng quyết định sao cho phù hợp với quy định, luật lệ của địa phương sở tại.

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất-MSDS	**JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Tel: (84) 650-355 4323/21 Fax: (84) 605-355 4310
Tên chất hoặc tên sản phẩm **TINH MÀU** **(**Liquid)	
Số CAS: Không xác định Số UN: Không xác định Số đăng ký EC: Không xác định Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): III Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: **TINH MÀU**	JB-600X (JB-6001; JB-6002; JB-6003 JB-6004; JB-6005; JB-6006 JB-6007….)
- Tên thương mại: **TINH MÀU**	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**	
- Mục đích sử dụng: Dùng làm sơn phủ ngành gỗ	

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**
Bột Màu (Đỏ, vàng, đen, cam, xanh…) SOLVENT	…….. 842-07-9		30 % 70 %

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Flam. Liq. 2, H225 : Hơi và chất lỏng rất dễ cháy

Eye Irrit. 2A, H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứ ng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
- Đường thở: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:

buồn nôn hay nôn mửa
đau đầu
buồn ngủ/mệt mỏi
chóng mặt/hoa mắt
bất tỉnh

- Đường da: Không có thông tin cụ thể gì
- Đường tiêu hóa: Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày

-Đường tiết sữa: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt **:** Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thô ng thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa,hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chă m sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy: rất dễ cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

Các chất chữa cháy phù hợp: Dùng hóa chất khô, CO2, bụi nước hay bọt

Các chất chữa cháy không phù hợp: Đừng dùng tia nước

Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gâynguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bìnhchứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Quần áo cho nhân viên chữa cháy (kể cả nón bảo hộ, ủng và găng tay bảo hộ) đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN 469 sẽ cho phép có được một mức độ bảo vệ cơ bản trong các sự cố hóa chất

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

Các nguy hại từ chất hoặc hỗn hợp: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ

Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm: Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:carbon dioxit,carbon monoxit

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:

Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.

Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng: Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương.Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít hơi hay sương. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệ u phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Đừng sử dụng lại bình chứa Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất nà y. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích

và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Sử dụng kính mắt an toàn thiết kế để bảo vệ tránh văng chất lỏng
- **Bảo vệ thân thể:** Nhân viên phải mặc quần áo chống tĩnh điện làm từ sợi thiên nhiên hay sợi tổng hợp chống nhiệt cao.
- **Bảo vệ tay:** Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây: tay: bằng nhựa polyvinyl alcohol hoặcnitrile.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố :

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Chất lỏng	Điểm sôi (^{0}C): 65-212,78 ° C (149-415 ° F)
Màu săc: có màu (đỏ, vàng, đen, cam , xanh…)	Điểm nóng chảy (^{0}C): Không xác định
Mùi đặc trưng: Không mùi	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định: >200 F
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết**:** Không xác định Bình quân gia trọng:	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C): Không xác định Giá trị thấp nhất được biết: Bình quân gia trọng: °C.
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn >1.0 (Không khí = 1)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) Trị số cao nhất được biết: Không xác định
Độ hòa tan trong nước : tan ít	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: Không xác định
Độ PH: 7.5-8.5	Tỷ lệ hoá hơi: Chậm
Khối lượng riêng (kg/m^3): Không xác định	Các tính chất khác nếu có:

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

2. Khả năng phản ứng:

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người

Tính đột biến: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính gây ung thư: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào
Độc tính sinh sản: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

2. Các ảnh hưởng độc khác

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1.Độc tính với sinh vật

Ảnh hưởng đến sinh vật dưới nước.
Gây ra trao đổi chất của vi khuẩn.
Ảnh hưởng đến sự phát triển của một số giống cây trồng.
Không cho phép sản phẩm chảy vào cống, đường thủy hay cống rãnh.

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

Về sản phẩm:Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xử lý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương.
Về bao bì đóng gói: Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	IMDG	IATA	VIETNAM
Số UN	**UN 1268**	**UN 1268**	**UN 1268**	**UN 1268**
Tên riêng theo LiênHợp Quốc (UN) để dùngtrong vận chuyển	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material
Các nhóm nguy hại vận chuyển				
Quy cách đóng gói	**II**	**II**	**II**	**II**
Mối nguy cho môi trường	**Không**	**Không**	**Không**	**Không**
Thông tin bổ sung	-	-	-	-

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

Quá trình vận chuyển đến nơi tiêu thụ phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của quốc gia và địa phương nếu khả thi

PHẦN XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Bảng này hoàn toàn không có giá trị bảo đảm và không được coi như cơ sở đại diện cho Jiabao về mặt pháp lý . Thông tin được đưa ra chỉ có giá trị tham khảo, nghiên cứu và kiểm tra. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, dữ liệu trong bảng này là do người sử dụng quyết định sao cho phù hợp với quy định, luật lệ của địa phương sở tại.

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất	**JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Tel: (84) 650-355 4323/21 Fax: (84) 605-355 4310
Tên chất hoặc tên sản phẩm **DẦU THÔNG** (ShellSol)	
Số CAS: Không xác định Số UN: Không xác định Số đăng ký EC: Không xác định Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): III Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: DẦU THÔNG	JB-3011 JB-3011#100 JB-3011#150
- Tên thương mại: DẦU THÔNG	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**	
- Mục đích sử dụng: Dùng làm dung môi pha sơn ngành gỗ	

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**
Solvent Naphtha (Petroleum), Hỗn hợp thơm gồm: Xylene (Mixed Isomers) Tri-methyl-benzene (all isomers) Cumene	64742-95-6 1330-20-7. 25551-13-7 98-82-8		100.00 %W

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Flam. Liq. 2, H225 : Hơi và chất lỏng rất dễ cháy

Eye Irrit. 2A, H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứ ng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
- Đường thở: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:

buồn nôn hay nôn mửa
đau đầu
buồn ngủ/mệt mỏi
chóng mặt/hoa mắt
bất tỉnh

- Đường da: Không có thông tin cụ thể gì
- Đường tiêu hóa: Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày

-Đường tiết sữa: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt **:** Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thô ng thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa,hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chă m sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy: rất dễ cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác
Các chất chữa cháy phù hợp: Dùng hóa chất khô, CO2, bụi nước hay bọt
Các chất chữa cháy không phù hợp: Đừng dùng tia nước
Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gâynguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bìnhchứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Quần áo cho nhân viên chữa cháy (kể cả nón bảo hộ, ủng và găng tay bảo hộ) đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN 469 sẽ cho phép có được một mức độ bảo vệ cơ bản trong các sự cố hóa chất

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)
Các nguy hại từ chất hoặc hỗn hợp: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ
Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm: Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:carbon dioxit,carbon monoxit

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:
Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.
Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng: Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương.Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít hơi hay sương. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệ u phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Đừng sử dụng lại bình chứa Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất nà y. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích

và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Sử dụng kính mắt an toàn thiết kế để bảo vệ tránh văng chất lỏng

- Bảo vệ thân thể: Nhân viên phải mặc quần áo chống tĩnh điện làm từ sợi thiên nhiên hay sợi tổng hợp chống nhiệt cao.

- Bảo vệ tay: Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây: tay: bằng nhựa polyvinyl alcohol hoặcnitrile.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố :

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Chất lỏng	Điểm sôi (^{0}C): 150 - 185 ^{0}C**. (**302-365 ° F)
Màu sắc: Trong suốt	Điểm nóng chảy (^{0}C): Không xác định
Mùi đặc trưng: Mùi thơm	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định: 38-50 °C **(**100-122 ° F)
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết**:** 210 - 1.300 Pa tại 20 ° C / 68 ° F**.** Bình quân gia trọng:	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C): 507 °C/945 °F (ASTM E-659) Giá trị thấp nhất được biết: Bình quân gia trọng: °C.
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn <1.0 (Không khí = 1)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) Trị số cao nhất được biết: **7.0%.**
Độ hòa tan trong nước : Không tan	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: **0.6%**
Độ PH: Không xác định	Tỷ lệ hoá hơi: 100 %
Khối lượng riêng (kg/m^3): Không xác định	Các tính chất khác nếu có:

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

2. Khả năng phản ứng:

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Solvent Naphtha (Petroleum), Hốn hợp thơm gồm: Xylene (Mixed Isomers)	LD50	>2000 mg/kg	Nuốt	Chuột
Tri-methyl-benzene (all isomers)	LD50	>2000 mg/kg	Da	Chuột
Cumene	LD50	>hơi gần bão hòa tập trung. / 1 giờ	Hô hấp	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người

Tính đột biến: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính gây ung thư: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào
Độc tính sinh sản: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

2. Các ảnh hưởng độc khác

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1.Độc tính với sinh vật

Ảnh hưởng đến sinh vật dưới nước.
Gây ra trao đổi chất của vi khuẩn.
Đối với cá : Độc: 1 <LC / EC / IC50 <= 10 mg / l
Đối với huỷ sinh không xương: Độc: 1 <LC / EC / IC50 <= 10 mg / l
Đối với tảo : Độc: 1 <LC / EC / IC50 <= 10 mg / l
Ảnh hưởng đến sự phát triển của một số giống cây trồng.
Không cho phép sản phẩm chảy vào cống, đường thủy hay cống rãnh.

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

Về sản phẩm:Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xửlý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương.
Về bao bì đóng gói: Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	IMDG	IATA	VIETNAM
Số UN	**UN 1268**	**UN 1268**	**UN 1268**	**UN 1268**
Tên riêng theo LiênHợp Quốc (UN) để dùngtrong vận chuyển	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material
Các nhóm nguy hại vận chuyển				
Quy cách đóng gói	**II**	**II**	**II**	**II**
Mối nguy cho môi trường	**Không**	**Không**	**Không**	**Không**
Thông tin bổ sung	-	-	-	-

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

Quá trình vận chuyển đến nơi tiêu thụ phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của quốc gia và địa phương nếu khả thi

PHẦN XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Bảng này hoàn toàn không có giá trị bảo đảm và không được coi như cơ sở đại diện cho Jiabao về mặt pháp lý . Thông tin được đưa ra chỉ có giá trị tham khảo, nghiên cứu và kiểm tra. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, dữ liệu trong bảng này là do người sử dụng quyết định sao cho phù hợp với quy định, luật lệ của địa phương sở tại.

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất- MSDS	
Tên chất hoặc tên sản phẩm **MÀU LAU GLAZE** **(Glaze stain)**	**CTY TNHH JIA BAO VN** Lô A1-3(Khu A4), Đg D9, KCN Rạch Bắp, An Điền, Bến Cát, BD. Tel: (84) 650-355 4323/21 Fax: (84) 605-355 4310
Số CAS: Không xác định Số UN: Không xác định Số đăng ký EC: Không xác định Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: Glaze	JB-800X (JB-8000;JB-8001;JB-8002, JB-8003;JB-8004;JB-8005;JB-8006; JB-8007)
- Tên thương mại: Màu lau Glaze	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: **CTY TNHH JIA BAO VN** Lô A1-3(Khu A4), Đg D9, KCN Rạch Bắp, An Điền, Bến Cát, BD.	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Lô A1-3(Khu A4), Đg D9, KCN Rạch Bắp, An Điền, Bến Cát, BD.
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: **CTY TNHH JIA BAO VN**	
- Mục đích sử dụng: Dùng	

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**
Aromatic solvent	……..		10-30
Talc	14807-96-6		20-30
Pigments	…….		25-40
Naphthalene	91-20-3		5-10
Methyl alcohol	67-56-1	CH_4O	5-10
1,2,4-trimethylbenzene	95-63-6	C_9H_{12}	2-10
Carbon black	1333-86-4		2-10
Ethylbenzene	100-41-4	C_8H_{10}	2-10
Quartz - respirable	14808-60-7		2-10

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Flam. Liq. 2, H225 : Hơi và chất lỏng rất dễ cháy

Eye Irrit. 2A, H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứ ng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
- Đường thở: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:

buồn nôn hay nôn mửa
đau đầu
buồn ngủ/mệt mỏi
chóng mặt/hoa mắt
bất tỉnh

- Đường da: Không có thông tin cụ thể gì
- Đường tiêu hóa: Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày

-Đường tiết sữa: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt **:** Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thô ng thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa,hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chă m sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy: rất dễ cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

Các chất chữa cháy phù hợp: Dùng hóa chất khô, CO2, bụi nước hay bọt

Các chất chữa cháy không phù hợp: Đừng dùng tia nước

Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gâynguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bìnhchứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Quần áo cho nhân viên chữa cháy (kể cả nón bảo hộ, ủng và găng tay bảo hộ) đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN 469 sẽ cho phép có được một mức độ bảo vệ cơ bản trong các sự cố hóa chất

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

Các nguy hại từ chất hoặc hỗn hợp: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ

Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm: Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:carbon dioxit,carbon monoxit

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:

Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.

Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng: Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương.Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít hơi hay sương. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệ u phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Đừng sử dụng lại bình chứa Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất nà y. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích

và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Sử dụng kính mắt an toàn thiết kế để bảo vệ tránh văng chất lỏng

- Bảo vệ thân thể: Nhân viên phải mặc quần áo chống tĩnh điện làm từ sợi thiên nhiên hay sợi tổng hợp chống nhiệt cao.

- Bảo vệ tay: Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây: tay: bằng nhựa polyvinyl alcohol hoặcnitrile.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố :

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Chất lỏng	Điểm sôi (^{0}C): Không xác định
Màu sắc: Có màu (đen, đỏ, nâu đen, nâu đỏ….)	Điểm nóng chảy (^{0}C)
Mùi đặc trưng: Không rõ	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định -58 °C
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết: 20 ° C (68 ° F): 0 hPa . Bình quân gia trọng: 20 ° C (68 ° F): 4 g / cm³	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C) Không xác định Giá trị thấp nhất được biết: Bình quân gia trọng:
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn >1.6 (Không khí = 1)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) Trị số cao nhất được biết: Không xác định
Độ hòa tan trong nước : Không hòa tan	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: Không xác định
Độ PH: Không xác định	Tỷ lệ hoá hơi:
Khối lượng riêng (kg/m^3): Không xác định	Các tính chất khác nếu có:

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

2. Khả năng phản ứng:

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Naphthalene	LD50	490 mg/kg	Nuốt	Chuột
1,2,4-trimethylbenzene	LD50	5000 mg/kg	Nuốt	Chuột
Methyl alcohol	LD50 LD50	12800 mg/kg 5600 mg/kg	Da Nuốt	Thỏ Chuột
Ethylbenzene	LD50	15486 mg/kg	Da	Thỏ

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người
Tính đột biến: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính gây ung thư: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào
Độc tính sinh sản: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào
2. Các ảnh hưởng độc khác

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1.Độc tính với sinh vật
Ảnh hưởng đến sinh vật dưới nước.
Gây ra trao đổi chất của vi khuẩn.
Ảnh hưởng đến sự phát triển của một số giống cây trồng.
Không cho phép sản phẩm chảy vào cống, đường thủy hay cống rãnh.

2. Tác động trong môi trường
- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

Về sản phẩm:Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xử lý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương.
Về bao bì đóng gói: Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	IMDG	IATA	VIETNAM
Số UN	**UN 1263**	**UN 1263**	**UN 1263**	**UN 1263 Density at 20°C (68 °F): 1 g/cm³ (8.345 lbs/gal) · Relative density Not determined.**
Tên riêng theo LiênHợp Quốc (UN) để dùngtrong vận chuyển	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material
Các nhóm nguy hại vận chuyển				
Quy cách đóng gói	**II**	**II**	**II**	**II**
Mối nguy cho môi trường	**Không**	**Không**	**Không**	**Không**
Thông tin bổ sung	-	-	-	-

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

Quá trình vận chuyển đến nơi tiêu thụ phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của quốc gia và địa phương nếu khả thi

PHẦN XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Bảng này hoàn toàn không có giá trị bảo đảm và không được coi như cơ sở đại diện cho Jiabao về mặt pháp lý . Thông tin được đưa ra chỉ có giá trị tham khảo, nghiên cứu và kiểm tra. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, dữ liệu trong bảng này là do người sử dụng quyết định sao cho phù hợp với quy định, luật lệ của địa phương sở tại.

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất- MSDS	
Tên chất hoặc tên sản phẩm **ACETONE**	**JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Tel: (84) 650-355 4323/21 Fax: (84) 605-355 4310
Số CAS: Không xác định Số UN: Không xác định Số đăng ký EC: Không xác định Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: ACETONE	JB-3012
- Tên thương mại: ACETONE	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**	
- Mục đích sử dụng: Dùng làm dung môi pha sơn cho ngành gỗ	

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**
ACETONE	67-64-1	C_3H_6O	100%

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)
Flam. Liq. 2, H225 : Hơi và chất lỏng rất dễ cháy
Eye Irrit. 2A, H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứ ng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
- Đường thở: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
  buồn nôn hay nôn mửa
  đau đầu
  buồn ngủ/mệt mỏi
  chóng mặt/hoa mắt
  bất tỉnh
- Đường da: Không có thông tin cụ thể gì
- Đường tiêu hóa: Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày
-Đường tiết sữa: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt **:** Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thô ng thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa,hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chă m sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy: rất dễ cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác
Các chất chữa cháy phù hợp: Dùng hóa chất khô, CO2, bụi nước hay bọt
Các chất chữa cháy không phù hợp: Đừng dùng tia nước
Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gâynguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bìnhchứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Quần áo cho nhân viên chữa cháy (kể cả nón bảo hộ, ủng và găng tay bảo hộ) đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN 469 sẽ cho phép có được một mức độ bảo vệ cơ bản trong các sự cố hóa chất

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)
Các nguy hại từ chất hoặc hỗn hợp: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ
Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm: Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:carbon dioxit,carbon monoxit

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:
Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.
Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng: Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thẩm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương.Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít hơi hay sương. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệ u phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Đừng sử dụng lại bình chứa Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất nà y. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy

thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Sử dụng kính mắt an toàn thiết kế để bảo vệ tránh văng chất lỏng

- Bảo vệ thân thể: Nhân viên phải mặc quần áo chống tĩnh điện làm từ sợi thiên nhiên hay sợi tổng hợp chống nhiệt cao.

- Bảo vệ tay: Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây: tay: bằng nhựa polyvinyl alcohol hoặcnitrile.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố :

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Chất lỏng	Điểm sôi (^{0}C)**:** 56-57 ° C; 133-134 ° F; 329-330 K
Màu sắc: Không màu	Điểm nóng chảy (^{0}C): -95 đến -93 ° C; -139 Đến -136 ° F; 178-180 K
Mùi đặc trưng: Mùi hăng, khó chịu,	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định :Không xác định
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết: 9,39 kPa (0 ° C) 30,6 kPa (25 ° C) 374 kPa (100 ° C) 2,8 MPa (200 ° C) Bình quân gia trọng:	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C) : Không xác định Giá trị thấp nhất được biết: Bình quân gia trọng:
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : Không xác định (Không khí = 1)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) Trị số cao nhất được biết: Không xác định
Độ hòa tan trong nước : Chủ yếu hòa tan	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: Không xác định
Độ PH: Không xác định	Tỷ lệ hoá hơi:
Khối lượng riêng (kg/m^3): Không xác định	Các tính chất khác nếu có:

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

2. Khả năng phản ứng:

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người

Tính đột biến: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính gây ung thư: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào
Độc tính sinh sản: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

2. Các ảnh hưởng độc khác :

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1.Độc tính với sinh vật

Ảnh hưởng đến sinh vật dưới nước.
Gây ra trao đổi chất của vi khuẩn.
Ảnh hưởng đến sự phát triển của một số giống cây trồng.
Không cho phép sản phẩm chảy vào cống, đường thủy hay cống rãnh.

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

Về sản phẩm:Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xửlý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương.
Về bao bì đóng gói: Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	IMDG	IATA	VIETNAM
Số UN	**UN 1263**	**UN 1263**	**UN 1263**	**UN 1263**
Tên riêng theo LiênHợp Quốc (UN) để dùngtrong vận chuyển	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material
Các nhóm nguy hại vận chuyển				
Quy cách đóng gói	**II**	**II**	**II**	**II**
Mối nguy cho môi trường	**Không**	**Không**	**Không**	**Không**
Thông tin bổ sung	-	-	-	-

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

Quá trình vận chuyển đến nơi tiêu thụ phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của quốc gia và địa phương nếu khả thi

PHẦN XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Bảng này hoàn toàn không có giá trị bảo đảm và không được coi như cơ sở đại diện cho Jiabao về mặt pháp lý . Thông tin được đưa ra chỉ có giá trị tham khảo, nghiên cứu và kiểm tra. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, dữ liệu trong bảng này là do người sử dụng quyết định sao cho phù hợp với quy định, luật lệ của địa phương sở tại.

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất- MSDS	**JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Tel: (84) 650-355 4323/21 Fax: (84) 605-355 4310
Tên chất hoặc tên sản phẩm **BASECOAT**	
Số CAS: Không xác định Số UN: Không xác định Số đăng ký EC: Không xác định Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: Basecoat	JB-6108; JB-B05204
- Tên thương mại: Basecoat	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**	
- Mục đích sử dụng: Dùng cho phun sơn ngành gỗ	

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**
Xylene	106-42-3	C_8H_{10}	66
Naptha	64742-89-8		12
Hexane	110-54-3		6
Methylethylketone	78-93-3	C_4H_8O	2
Toluene	108-88-3	C_7H_8	5
Proprietary Polymer	-		9
Proprietary Additive	-		<1

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)
Flam. Liq. 2, H225 : Hơi và chất lỏng rất dễ cháy
Eye Irrit. 2A, H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứ ng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
- Đường thở: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
  buồn nôn hay nôn mửa
  đau đầu
  buồn ngủ/mệt mỏi
  chóng mặt/hoa mắt
  bất tỉnh
- Đường da: Không có thông tin cụ thể gì
- Đường tiêu hóa: Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày
-Đường tiết sữa: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt **:** Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thô ng thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa,hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chă m sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy: rất dễ cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác
Các chất chữa cháy phù hợp: Dùng hóa chất khô, CO2, bụi nước hay bọt
Các chất chữa cháy không phù hợp: Đừng dùng tia nước
Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gâynguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bìnhchứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Quần áo cho nhân viên chữa cháy (kể cả nón bảo hộ, ủng và găng tay bảo hộ) đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN 469 sẽ cho phép có được một mức độ bảo vệ cơ bản trong các sự cố hóa chất

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)
Các nguy hại từ chất hoặc hỗn hợp: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ
Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm: Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:carbon dioxit,carbon monoxit

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:
Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.
Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng: Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thẩm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương.Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít hơi hay sương. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệ u phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Đừng sử dụng lại bình chứa Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất nà y. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy

thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Sử dụng kính mắt an toàn thiết kế để bảo vệ tránh văng chất lỏng

- Bảo vệ thân thể: Nhân viên phải mặc quần áo chống tĩnh điện làm từ sợi thiên nhiên hay sợi tổng hợp chống nhiệt cao.

- Bảo vệ tay: Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây: tay: bằng nhựa polyvinyl alcohol hoặcnitrile.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố :

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Chất lỏng	Điểm sôi (^{0}C)**:** 149° F - 285° F
Màu sắc: Màu vàng đất	Điểm nóng chảy (^{0}C): Không xác định
Mùi đặc trưng: Không rõ	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định :Không xác định
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết: Không xác định . Bình quân gia trọng:	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C) : Không xác định Giá trị thấp nhất được biết: Bình quân gia trọng:
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn :0,79 (Không khí = 1)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) Trị số cao nhất được biết: Không xác định
Độ hòa tan trong nước : Chủ yếu hòa tan	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: Không xác định
Độ PH: Không xác định	Tỷ lệ hoá hơi:
Khối lượng riêng (kg/m^3): Không xác định	Các tính chất khác nếu có:

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

2. Khả năng phản ứng:

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc tính cấp tính:

Nuốt: Chuột LD50: 5800 mg/kg;

Hít: Chuột LC50: 50,100mg/m3

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người

Tính đột biến: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tính gây ung thư: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

Độc tính sinh sản: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

2. Các ảnh hưởng độc khác :

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1.Độc tính với sinh vật

Ảnh hưởng đến sinh vật dưới nước.
Gây ra trao đổi chất của vi khuẩn.
Ảnh hưởng đến sự phát triển của một số giống cây trồng.
Không cho phép sản phẩm chảy vào cống, đường thủy hay cống rãnh.

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

Về sản phẩm:Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xử lý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương.
Về bao bì đóng gói: Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	IMDG	IATA	VIETNAM
Số UN	**UN 1263**	**UN 1263**	**UN 1263**	**UN 1263**
Tên riêng theo LiênHợp Quốc (UN) để dùngtrong vận chuyển	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material
Các nhóm nguy hại vận chuyển				
Quy cách đóng gói	**II**	**II**	**II**	**II**
Mối nguy cho môi trường	**Không**	**Không**	**Không**	**Không**
Thông tin bổ sung	-	-	-	-

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

Quá trình vận chuyển đến nơi tiêu thụ phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của quốc gia và địa phương nếu khả thi

PHẦN XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Bảng này hoàn toàn không có giá trị bảo đảm và không được coi như cơ sở đại diện cho Jiabao về mặt pháp lý . Thông tin được đưa ra chỉ có giá trị tham khảo, nghiên cứu và kiểm tra. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, dữ liệu trong bảng này là do người sử dụng quyết định sao cho phù hợp với quy định, luật lệ của địa phương sở tại.

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất- MSDS	**JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Tel: (84) 650-355 4323/21 Fax: (84) 605-355 4310
Tên chất hoặc tên sản phẩm **NC BỘT TRÉT**	
Số CAS: Không xác định Số UN: Không xác định Số đăng ký EC: Không xác định Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: **NC BỘT TRÉT**	JB-B4501; JB-B4504; JB-B4551
- Tên thương mại: **NC BỘT TRÉT**	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**	
- Mục đích sử dụng: Dùng làm chất trám trét hàng trắng trong ngành gỗ	

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**
ACETONE	67-64-1	C_3H_6O	30-60%
ETHYL ACETATE	141-78-6	$CH_3COOC_2H_5$	10-30%
PROPAN-2-OL	67-63-0		5-10%

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)
Flam. Liq. 2, H225 : Hơi và chất lỏng rất dễ cháy
Eye Irrit. 2A, H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứ ng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
- Đường thở: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
  buồn nôn hay nôn mửa
  đau đầu
  buồn ngủ/mệt mỏi
  chóng mặt/hoa mắt
  bất tỉnh
- Đường da: Không có thông tin cụ thể gì
- Đường tiêu hóa: Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày
-Đường tiết sữa: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt **:** Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thô ng thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa,hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chă m sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy: rất dễ cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác
Các chất chữa cháy phù hợp: Dùng hóa chất khô, CO2, bụi nước hay bọt
Các chất chữa cháy không phù hợp: Đừng dùng tia nước
Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gâynguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bìnhchứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Quần áo cho nhân viên chữa cháy (kể cả nón bảo hộ, ủng và găng tay bảo hộ) đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN 469 sẽ cho phép có được một mức độ bảo vệ cơ bản trong các sự cố hóa chất

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)
Các nguy hại từ chất hoặc hỗn hợp: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ
Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm: Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:carbon dioxit,carbon monoxit

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:
Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.
Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng: Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thẩm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương.Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít hơi hay sương. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệ u phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Đừng sử dụng lại bình chứa Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất nà y. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy

thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Sử dụng kính mắt an toàn thiết kế để bảo vệ tránh văng chất lỏng

- Bảo vệ thân thể: Nhân viên phải mặc quần áo chống tĩnh điện làm từ sợi thiên nhiên hay sợi tổng hợp chống nhiệt cao.

- Bảo vệ tay: Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây: tay: bằng nhựa polyvinyl alcohol hoặcnitrile.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố :

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Chất lỏng sệt	Điểm sôi (^{0}C)**:** Không xác định
Màu sắc: màu sắc tùy theo màu gỗ	Điểm nóng chảy (^{0}C): Không xác định
Mùi đặc trưng: Không mùi	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định :Không xác định
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết: Không xác định Bình quân gia trọng:	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C) : Không xác định Giá trị thấp nhất được biết: Bình quân gia trọng:
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : Không xác định (Không khí = 1)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) Trị số cao nhất được biết: Không xác định
Độ hòa tan trong nước : Chủ yếu hòa tan	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: Không xác định
Độ PH: Không xác định	Tỷ lệ hoá hơi: Thấp
Khối lượng riêng (kg/m^3): Không xác định	Các tính chất khác nếu có:

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

2. Khả năng phản ứng:

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người

Hít phải: Khi làm việc nhiều trong các phòng nhỏ và thông gió kém, nồng độ hơi có thể gây ra khó chịu như đau đầu, chóng mặt và buồn nôn

Tính đột biến: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tính gây ung thư: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

Độc tính sinh sản: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

2. Các ảnh hưởng độc khác :

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1.Độc tính với sinh vật

Ảnh hưởng đến sinh vật dưới nước.

Gây ra trao đổi chất của vi khuẩn.

Ảnh hưởng đến sự phát triển của một số giống cây trồng.

Không cho phép sản phẩm chảy vào cống, đường thủy hay cống rãnh.

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

Về sản phẩm:Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xửlý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương.

Về bao bì đóng gói: Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	IMDG	IATA	VIETNAM
Số UN	**UN 1263**	**UN 1263**	**UN 1263**	**UN 1263**
Tên riêng theo LiênHợp Quốc (UN) để dùngtrong vận chuyển	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material
Các nhóm nguy hại vận chuyển				
Quy cách đóng gói	**II**	**II**	**II**	**II**
Mối nguy cho môi trường	**Không**	**Không**	**Không**	**Không**
Thông tin bổ sung	-	-	-	-

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

Quá trình vận chuyển đến nơi tiêu thụ phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của quốc gia và địa phương nếu khả thi

PHẦN XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Bảng này hoàn toàn không có giá trị bảo đảm và không được coi như cơ sở đại diện cho Jiabao về mặt pháp lý . Thông tin được đưa ra chỉ có giá trị tham khảo, nghiên cứu và kiểm tra. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, dữ liệu trong bảng này là do người sử dụng quyết định sao cho phù hợp với quy định, luật lệ của địa phương sở tại.

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất- MSDS	**JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Tel: (84) 650-355 4323/21 Fax: (84) 605-355 4310
Tên chất hoặc tên sản phẩm **CHẤT CỨNG** **(**HARDENER)	
Số CAS: Không xác định Số UN: Không xác định Số đăng ký EC: Không xác định Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: Chất cứng	JB-B05101
- Tên thương mại: Chất cứng	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**	
- Mục đích sử dụng: Dùng làm chất phụ gia cho ngành gỗ (cứng hóa)	

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**
Diphenylmethane diisocyanate, isomers and homologues	9016-87-9	$C_{15}H_{10}N_2O_2$	50 - 75 %
4, 4’-Methylenediphenyl Diisocyanate; Diphenylmethane-4,4'diisocyanate (MDI)	101-68-8	$C_{15}H_{10}N_2O_2$	25 - 50 %

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Flam. Liq. 2, H225 : Hơi và chất lỏng rất dễ cháy

Eye Irrit. 2A, H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứ ng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
- Đường thở: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:

buồn nôn hay nôn mửa
đau đầu
buồn ngủ/mệt mỏi
chóng mặt/hoa mắt
bất tỉnh

- Đường da: Không có thông tin cụ thể gì
- Đường tiêu hóa: Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày

-Đường tiết sữa: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt **:** Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thô ng thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa,hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chă m sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy: rất dễ cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác
Các chất chữa cháy phù hợp: Dùng hóa chất khô, CO2, bụi nước hay bọt
Các chất chữa cháy không phù hợp: Đừng dùng tia nước
Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gâynguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bìnhchứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Quần áo cho nhân viên chữa cháy (kể cả nón bảo hộ, ủng và găng tay bảo hộ) đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN 469 sẽ cho phép có được một mức độ bảo vệ cơ bản trong các sự cố hóa chất

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)
Các nguy hại từ chất hoặc hỗn hợp: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ
Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm: Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:carbon dioxit,carbon monoxit

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:
Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.
Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng: Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương.Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít hơi hay sương. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệ u phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Đừng sử dụng lại bình chứa Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất nà y. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích

và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Sử dụng kính mắt an toàn thiết kế để bảo vệ tránh văng chất lỏng

- Bảo vệ thân thể: Nhân viên phải mặc quần áo chống tĩnh điện làm từ sợi thiên nhiên hay sợi tổng hợp chống nhiệt cao.

- Bảo vệ tay: Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây: tay: bằng nhựa polyvinyl alcohol hoặcnitrile.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố :

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Chất lỏng	Điểm sôi (^{0}C): Không xác định
Màu sắc: Trong suốt vàng	Điểm nóng chảy (^{0}C)
Mùi đặc trưng: Không rõ	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định > 204 ^{0}C
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết: <0.00001 mmHg @ 25 • C. Bình quân gia trọng:	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C) Không xác định Giá trị thấp nhất được biết: Bình quân gia trọng:
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn >1.6 (Không khí = 1)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) Trị số cao nhất được biết: Không xác định
Độ hòa tan trong nước : Không hòa tan	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: Không xác định
Độ PH: Không xác định	Tỷ lệ hoá hơi:
Khối lượng riêng (kg/m^3): 1,24	Các tính chất khác nếu có:

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

2. Khả năng phản ứng:

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc tính cấp tính:
Nuốt: L050, Chuột> 10.000 mg / kg
Hít phải :LC50, bình xịt, Chuột 490 mg / m 3

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người
Tính đột biến: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính gây ung thư: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào
Độc tính sinh sản: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào
2. Các ảnh hưởng độc khác

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1.Độc tính với sinh vật
Ảnh hưởng đến sinh vật dưới nước.
Gây ra trao đổi chất của vi khuẩn.
Ảnh hưởng đến sự phát triển của một số giống cây trồng.
Không cho phép sản phẩm chảy vào cống, đường thủy hay cống rãnh.

2. Tác động trong môi trường
- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

Về sản phẩm:Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xử lý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương.
Về bao bì đóng gói: Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	IMDG	IATA	VIETNAM
Số UN	**UN 1263**	**UN 1263**	**UN 1263**	**UN 1263**
Tên riêng theo LiênHợp Quốc (UN) để dùngtrong vận chuyển	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material
Các nhóm nguy hại vận chuyển				
Quy cách đóng gói	**II**	**II**	**II**	**II**
Mối nguy cho môi trường	**Không**	**Không**	**Không**	**Không**
Thông tin bổ sung	-	-	-	-

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

Quá trình vận chuyển đến nơi tiêu thụ phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của quốc gia và địa phương nếu khả thi

PHẦN XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Bảng này hoàn toàn không có giá trị bảo đảm và không được coi như cơ sở đại diện cho Jiabao về mặt pháp lý . Thông tin được đưa ra chỉ có giá trị tham khảo, nghiên cứu và kiểm tra. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, dữ liệu trong bảng này là do người sử dụng quyết định sao cho phù hợp với quy định, luật lệ của địa phương sở tại.

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất- MSDS	**JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Tel: (84) 650-355 4323/21 Fax: (84) 605-355 4310
Tên chất hoặc tên sản phẩm **CHẤT CHỐNG MỐC**	
Số CAS: Không xác định Số UN: Không xác định Số đăng ký EC: Không xác định Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: **CHẤT CHỐNG MỐC**	JB-3118; JB-C3015
- Tên thương mại: **CHẤT CHỐNG MỐC**	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**	
- Mục đích sử dụng: Dùng làm lớp phủ bảo vệ.	

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**
Zinc oxide (as zinc)	1314-13-2		1-5%
Các thành phần còn lại của sản phẩm này hoặc là không nguy hại hoặc là hàm lượng, số lượng không đáng kể.			

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)
Flam. Liq. 2, H225 : Hơi và chất lỏng rất dễ cháy
Eye Irrit. 2A, H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứ ng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
- Đường thở: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
  buồn nôn hay nôn mửa
  đau đầu
  buồn ngủ/mệt mỏi
  chóng mặt/hoa mắt
  bất tỉnh
- Đường da: Không có thông tin cụ thể gì
- Đường tiêu hóa: Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày
-Đường tiết sữa: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt **:** Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thô ng thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa,hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chă m sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy: rất dễ cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác
Các chất chữa cháy phù hợp: Dùng hóa chất khô, CO2, bụi nước hay bọt
Các chất chữa cháy không phù hợp: Đừng dùng tia nước
Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gâynguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bìnhchứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Quần áo cho nhân viên chữa cháy (kể cả nón bảo hộ, ủng và găng tay bảo hộ) đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN 469 sẽ cho phép có được một mức độ bảo vệ cơ bản trong các sự cố hóa chất

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)
Các nguy hại từ chất hoặc hỗn hợp: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ
Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm: Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:carbon dioxit,carbon monoxit

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:
Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.
Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng: Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thẩm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương.Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít hơi hay sương. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệ u phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Đừng sử dụng lại bình chứa Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất nà y. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy

thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Sử dụng kính mắt an toàn thiết kế để bảo vệ tránh văng chất lỏng

- Bảo vệ thân thể: Nhân viên phải mặc quần áo chống tĩnh điện làm từ sợi thiên nhiên hay sợi tổng hợp chống nhiệt cao.

- Bảo vệ tay: Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây: tay: bằng nhựa polyvinyl alcohol hoặcnitrile.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố :

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Chất lỏng	Điểm sôi (^{0}C)**:** 212° F (100° C)
Màu sắc: Không màu	Điểm nóng chảy (^{0}C): Không xác định
Mùi đặc trưng: Không hăng	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định :Không xác định
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết: 17 mm Hg @ 20° C Bình quân gia trọng:	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C) : Không xác định Giá trị thấp nhất được biết: Bình quân gia trọng:
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : <1 (Không khí = 1)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) Trị số cao nhất được biết: Không xác định
Độ hòa tan trong nước : 1.220	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: Không xác định
Độ PH: 9.0-9.8	Tỷ lệ hoá hơi: <1
Khối lượng riêng (kg/m^3): Không xác định	Các tính chất khác nếu có:

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

2. Khả năng phản ứng:

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người

Hít phải: Khi làm việc nhiều trong các phòng nhỏ và thông gió kém, nồng độ hơi có thể gây ra khó chịu như đau đầu, chóng mặt và buồn nôn

Tính đột biến: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tính gây ung thư: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

Độc tính sinh sản: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

2. Các ảnh hưởng độc khác :

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1.Độc tính với sinh vật

Ảnh hưởng đến sinh vật dưới nước.

Gây ra trao đổi chất của vi khuẩn.

Ảnh hưởng đến sự phát triển của một số giống cây trồng.

Không cho phép sản phẩm chảy vào cống, đường thủy hay cống rãnh.

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

Về sản phẩm:Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xửlý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương.

Về bao bì đóng gói: Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	IMDG	IATA	VIETNAM
Số UN	**UN 1263**	**UN 1263**	**UN 1263**	**UN 1263**
Tên riêng theo LiênHợp Quốc (UN) để dùngtrong vận chuyển	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material
Các nhóm nguy hại vận chuyển				
Quy cách đóng gói	**II**	**II**	**II**	**II**
Mối nguy cho môi trường	**Không**	**Không**	**Không**	**Không**
Thông tin bổ sung	-	-	-	-

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

Quá trình vận chuyển đến nơi tiêu thụ phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của quốc gia và địa phương nếu khả thi

PHẦN XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Bảng này hoàn toàn không có giá trị bảo đảm và không được coi như cơ sở đại diện cho Jiabao về mặt pháp lý . Thông tin được đưa ra chỉ có giá trị tham khảo, nghiên cứu và kiểm tra. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, dữ liệu trong bảng này là do người sử dụng quyết định sao cho phù hợp với quy định, luật lệ của địa phương sở tại.

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất	
Tên chất hoặc tên sản phẩm **DẦU THÔNG** (ShellSol)	**JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Tel: (84) 650-355 4323/21 Fax: (84) 605-355 4310
Số CAS: Không xác định Số UN: Không xác định Số đăng ký EC: Không xác định Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): III Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: DẦU THÔNG	JB-3011 JB-3011#100 JB-3011#150
- Tên thương mại: DẦU THÔNG	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**	
- Mục đích sử dụng: Dùng làm dung môi pha sơn ngành gỗ	

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**
Solvent Naphtha (Petroleum), Hỗn hợp thơm gồm: Xylene (Mixed Isomers) Tri-methyl-benzene (all isomers) Cumene	64742-95-6 1330-20-7. 25551-13-7 98-82-8		100.00 %W

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Flam. Liq. 2, H225 : Hơi và chất lỏng rất dễ cháy

Eye Irrit. 2A, H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứ ng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
- Đường thở: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:

buồn nôn hay nôn mửa
đau đầu
buồn ngủ/mệt mỏi
chóng mặt/hoa mắt
bất tỉnh

- Đường da: Không có thông tin cụ thể gì
- Đường tiêu hóa: Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày

-Đường tiết sữa: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt **:** Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thô ng thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa,hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chă m sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy: rất dễ cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác
Các chất chữa cháy phù hợp: Dùng hóa chất khô, CO2, bụi nước hay bọt
Các chất chữa cháy không phù hợp: Đừng dùng tia nước
Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gâynguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bìnhchứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Quần áo cho nhân viên chữa cháy (kể cả nón bảo hộ, ủng và găng tay bảo hộ) đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN 469 sẽ cho phép có được một mức độ bảo vệ cơ bản trong các sự cố hóa chất

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)
Các nguy hại từ chất hoặc hỗn hợp: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ
Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm: Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:carbon dioxit,carbon monoxit

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:
Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.
Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng: Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương.Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít hơi hay sương. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệ u phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Đừng sử dụng lại bình chứa Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất nà y. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích

và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Sử dụng kính mắt an toàn thiết kế để bảo vệ tránh văng chất lỏng

- Bảo vệ thân thể: Nhân viên phải mặc quần áo chống tĩnh điện làm từ sợi thiên nhiên hay sợi tổng hợp chống nhiệt cao.

- Bảo vệ tay: Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây: tay: bằng nhựa polyvinyl alcohol hoặcnitrile.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố :

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Chất lỏng	Điểm sôi (^{0}C): 150 - 185 ^{0}C**. (**302-365 ° F)
Màu sắc: Trong suốt	Điểm nóng chảy (^{0}C): Không xác định
Mùi đặc trưng: Mùi thơm	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định: 38-50 °C **(**100-122 ° F)
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết**:** 210 - 1.300 Pa tại 20 ° C / 68 ° F**.** Bình quân gia trọng:	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C): 507 °C/945 °F (ASTM E-659) Giá trị thấp nhất được biết: Bình quân gia trọng: °C.
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn <1.0 (Không khí = 1)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) Trị số cao nhất được biết: **7.0%.**
Độ hòa tan trong nước : Không tan	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: **0.6%**
Độ PH: Không xác định	Tỷ lệ hoá hơi: 100 %
Khối lượng riêng (kg/m^3): Không xác định	Các tính chất khác nếu có:

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

2. Khả năng phản ứng:

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Solvent Naphtha (Petroleum), Hốn hợp thơm gồm: Xylene (Mixed Isomers)	LD50	>2000 mg/kg	Nuốt	Chuột
Tri-methyl-benzene (all isomers)	LD50	>2000 mg/kg	Da	Chuột
Cumene	LD50	>hơi gần bão hòa tập trung. / 1 giờ	Hô hấp	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người

Tính đột biến: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính gây ung thư: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào
Độc tính sinh sản: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

2. Các ảnh hưởng độc khác

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1.Độc tính với sinh vật

Ảnh hưởng đến sinh vật dưới nước.
Gây ra trao đổi chất của vi khuẩn.
Đối với cá : Độc: 1 <LC / EC / IC50 <= 10 mg / l
Đối với huỷ sinh không xương: Độc: 1 <LC / EC / IC50 <= 10 mg / l
Đối với tảo : Độc: 1 <LC / EC / IC50 <= 10 mg / l
Ảnh hưởng đến sự phát triển của một số giống cây trồng.
Không cho phép sản phẩm chảy vào cống, đường thủy hay cống rãnh.

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

Về sản phẩm:Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xửlý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương.
Về bao bì đóng gói: Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	IMDG	IATA	VIETNAM
Số UN	**UN 1268**	**UN 1268**	**UN 1268**	**UN 1268**
Tên riêng theo LiênHợp Quốc (UN) để dùngtrong vận chuyển	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material
Các nhóm nguy hại vận chuyển				
Quy cách đóng gói	**II**	**II**	**II**	**II**
Mối nguy cho môi trường	**Không**	**Không**	**Không**	**Không**
Thông tin bổ sung	-	-	-	-

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

Quá trình vận chuyển đến nơi tiêu thụ phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của quốc gia và địa phương nếu khả thi

PHẦN XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Bảng này hoàn toàn không có giá trị bảo đảm và không được coi như cơ sở đại diện cho Jiabao về mặt pháp lý . Thông tin được đưa ra chỉ có giá trị tham khảo, nghiên cứu và kiểm tra. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, dữ liệu trong bảng này là do người sử dụng quyết định sao cho phù hợp với quy định, luật lệ của địa phương sở tại.

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất-MSDS	**JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Tel: (84) 650-355 4323/21 Fax: (84) 605-355 4310
Tên chất hoặc tên sản phẩm **DUNG MÔI** **THINNER**	
Số CAS: Không xác định Số UN: Không xác định Số đăng ký EC: Không xác định Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: **DUNG MÔI**	JB-3007 ; JB-3013 JB-3008 ; IB-3016 JB-B04001; JB-3722
- Tên thương mại:	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**	
- Mục đích sử dụng: làm dung môi hòa tan các loại sơn NC. PU	

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**
sec-butyl ester; *s*-butyl acetate; 2-butyl acetate	105-46-4	$C_6H_{12}O_2$	40-60
Ethyl Ester, Acetic Ether, Acetic Ester , Acetoxyethane	141-78-6	CH3COOC2H5	40-60
1-Methoxy-2-Propanol Acetate; Propylene Glycol Ether Acetate; Methoxy Propanol Acetate …….	108-65-6	C6H12O3	10-20

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Flam. Liq. 2, H225 : Hơi và chất lỏng rất dễ cháy

Eye Irrit. 2A, H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứ ng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
- Đường thở: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:

buồn nôn hay nôn mửa
đau đầu
buồn ngủ/mệt mỏi
chóng mặt/hoa mắt
bất tỉnh

- Đường da: Không có thông tin cụ thể gì
- Đường tiêu hóa: Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày

-Đường tiết sữa: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt **:** Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thô ng thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Khôngđược làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa,hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chă m sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy: rất dễ cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác
Các chất chữa cháy phù hợp: Dùng hóa chất khô, CO2, bụi nước hay bọt
Các chất chữa cháy không phù hợp: Đừng dùng tia nước
Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gâynguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bìnhchứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Quần áo cho nhân viên chữa cháy (kể cả nón bảo hộ, ủng và găng tay bảo hộ) đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN 469 sẽ cho phép có được một mức độ bảo vệ cơ bản trong các sự cố hóa chất

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)
Các nguy hại từ chất hoặc hỗn hợp: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ
Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm: Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:carbon dioxit,carbon monoxit

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:
Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.
Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng: Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thẩm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương.Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít hơi hay sương. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệ u phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Đừng sử dụng lại bình chứa Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất nà y. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích

và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Sử dụng kính mắt an toàn thiết kế để bảo vệ tránh văng chất lỏng

- Bảo vệ thân thể: Nhân viên phải mặc quần áo chống tĩnh điện làm từ sợi thiên nhiên hay sợi tổng hợp chống nhiệt cao.

- Bảo vệ tay: Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây: tay: bằng nhựa polyvinyl alcohol hoặcnitrile.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố :

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Chất lỏng	Điểm sôi (^{0}C): 77 ° C (1 70.6 ° F)
Màu sắc: Trong suốt	Điểm nóng chảy (^{0}C)
Mùi đặc trưng: Không có sẵn	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định -16 °C
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết: 180 mm Hg tại 20°C. Bình quân gia trọng: 167 mm Hg tại 20°C.	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C) Giá trị thấp nhất được biết: 455 °C. Bình quân gia trọng: 464 °C.
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn >1.6 (Không khí = 1)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) Trị số cao nhất được biết: 19.0%.
Độ hòa tan trong nước : Không xác định	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: 2.2%
Độ PH: Không xác định	Tỷ lệ hoá hơi:
Khối lượng riêng (kg/m^3): Không xác định	Các tính chất khác nếu có:

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

2. Khả năng phản ứng:

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
sec-butyl ester; *s*-butyl acetate; 2-butyl acetate	LD50	3200 mg/kg	Nuốt	Thỏ
Ethyl Ester, Acetic Ether, Acetic Ester , Acetoxyethane	LD50 LD50 LD50	5,620 mg/kg 200ppm /Hour < 20 ml / kg	Nuốt Hô hấp Da	Thỏ Thỏ Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người

Tính đột biến: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính gây ung thư: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào
Độc tính sinh sản: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

2. Các ảnh hưởng độc khác

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1.Độc tính với sinh vật

Ảnh hưởng đến sinh vật dưới nước.
Gây ra trao đổi chất của vi khuẩn.
Ảnh hưởng đến sự phát triển của một số giống cây trồng.
Không cho phép sản phẩm chảy vào cống, đường thủy hay cống rãnh.

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

Về sản phẩm:Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xửlý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương.
Về bao bì đóng gói: Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	IMDG	IATA	VIETNAM
Số UN	**UN 1210**	**UN 1210**	**UN 1210**	**UN 1210**
Tên riêng theo LiênHợp Quốc (UN) để dùngtrong vận chuyển	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material
Các nhóm nguy hại vận chuyển				
Quy cách đóng gói	**II**	**II**	**II**	**II**
Mối nguy cho môi trường	**Không**	**Không**	**Không**	**Không**
Thông tin bổ sung	-	-	-	-

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

Quá trình vận chuyển đến nơi tiêu thụ phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của quốc gia và địa phương nếu khả thi

PHẦN XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Bảng này hoàn toàn không có giá trị bảo đảm và không được coi như cơ sở đại diện cho Jiabao về mặt pháp lý . Thông tin được đưa ra chỉ có giá trị tham khảo, nghiên cứu và kiểm tra. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, dữ liệu trong bảng này là do người sử dụng quyết định sao cho phù hợp với quy định, luật lệ của địa phương sở tại.

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất	**JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Tel: (84) 650-355 4323/21 Fax: (84) 605-355 4310
Tên chất hoặc tên sản phẩm **SƠN LÓT** **SEALER**	
Số CAS: Không xác định Số UN: Không xác định Số đăng ký EC: Không xác định Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: NC SƠN LÓT - Tên thương mại: - Tên khác (không là tên khoa học):	JB-4009; JB-4004; JB-4001 JB-42196; JB-B03002;JB-4201
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. - Tên nhà sản xuất và địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM** - Mục đích sử dụng: Dùng làm sơn lót ngành gỗ	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**
sec-butyl ester; *s*-butyl acetate; 2-butyl acetate	105-46-4	$C_6H_{12}O_2$	40-60
Ethyl Ester, Acetic Ether, Acetic Ester , Acetoxyethane	141-78-6	CH3COOC2H5	40-60
1-Methoxy-2-Propanol Acetate; Propylene Glycol Ether Acetate; Methoxy Propanol Acetate	108-65-6	C6H12O3	10-20
Nitrocellulose;Cellulose Nitrate		[C6H10-xO5-x(ONO2)X]n (2 < x < 2,4)	20-30
Amino resin ……	9003-08-1		20-30

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Flam. Liq. 2, H225 : Hơi và chất lỏng rất dễ cháy

Eye Irrit. 2A, H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứ ng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
- Đường thở: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:

buồn nôn hay nôn mửa
đau đầu
buồn ngủ/mệt mỏi
chóng mặt/hoa mắt
bất tỉnh

- Đường da: Không có thông tin cụ thể gì
- Đường tiêu hóa: Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày

-Đường tiết sữa: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt **:** Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thô ng thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa,hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chă m sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy: rất dễ cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

Các chất chữa cháy phù hợp: Dùng hóa chất khô, CO2, bụi nước hay bọt

Các chất chữa cháy không phù hợp: Đừng dùng tia nước

Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gâynguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bìnhchứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Quần áo cho nhân viên chữa cháy (kể cả nón bảo hộ, ủng và găng tay bảo hộ) đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN 469 sẽ cho phép có được một mức độ bảo vệ cơ bản trong các sự cố hóa chất

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

Các nguy hại từ chất hoặc hỗn hợp: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ

Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm: Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:carbon dioxit,carbon monoxit

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:

Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.

Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng: Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương.Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít hơi hay sương. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệ u phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Đừng sử dụng lại bình chứa Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất nà y. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích

và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Sử dụng kính mắt an toàn thiết kế để bảo vệ tránh văng chất lỏng
- **Bảo vệ thân thể:** Nhân viên phải mặc quần áo chống tĩnh điện làm từ sợi thiên nhiên hay sợi tổng hợp chống nhiệt cao.
- **Bảo vệ tay:** Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây: tay: bằng nhựa polyvinyl alcohol hoặcnitrile.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố :

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Chất lỏng	Điểm sôi (^{0}C): 77 ° C (1 70.6 ° F)
Màu sắc: Trong hơi đục	Điểm nóng chảy (^{0}C)
Mùi đặc trưng: Không có sẵn	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định -16 °C
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết: 180 mm Hg tại 20°C. Bình quân gia trọng: 167 mm Hg tại 20°C.	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C) Không xác định Giá trị thấp nhất được biết: 455 °C. Bình quân gia trọng: 464 °C.
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn >1.6 (Không khí = 1)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) Trị số cao nhất được biết: 19.0%.
Độ hòa tan trong nước : Không xác định	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: 2.2%
Độ PH: Không xác định	Tỷ lệ hoá hơi:
Khối lượng riêng (kg/m^3): Không xác định	Các tính chất khác nếu có:

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

2. Khả năng phản ứng:

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
sec-butyl ester; *s*-butyl acetate; 2-butyl acetate	LD50	3200 mg/kg	Nuốt	Thỏ
Ethyl Ester, Acetic Ether, Acetic Ester**,** Acetoxyethane	LD50 LD50 LD50	5,620 mg/kg 200ppm /Hour < 20 ml / kg	Nuốt Hô hấp Da	Thỏ Thỏ Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người

Tính đột biến: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính gây ung thư: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào
Độc tính sinh sản: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

2. Các ảnh hưởng độc khác

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1.Độc tính với sinh vật

Ảnh hưởng đến sinh vật dưới nước.
Gây ra trao đổi chất của vi khuẩn.
Ảnh hưởng đến sự phát triển của một số giống cây trồng.
Không cho phép sản phẩm chảy vào cống, đường thủy hay cống rãnh.

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

Về sản phẩm:Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xửlý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương.
Về bao bì đóng gói: Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	IMDG	IATA	VIETNAM
Số UN	**UN 1210**	**UN 1210**	**UN 1210**	**UN 1210**
Tên riêng theo LiênHợp Quốc (UN) để dùngtrong vận chuyển	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material
Các nhóm nguy hại vận chuyển				
Quy cách đóng gói	**II**	**II**	**II**	**II**
Mối nguy cho môi trường	**Không**	**Không**	**Không**	**Không**
Thông tin bổ sung	-	-	-	-

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

Quá trình vận chuyển đến nơi tiêu thụ phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của quốc gia và địa phương nếu khả thi

PHẦN XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Bảng này hoàn toàn không có giá trị bảo đảm và không được coi như cơ sở đại diện cho Jiabao về mặt pháp lý . Thông tin được đưa ra chỉ có giá trị tham khảo, nghiên cứu và kiểm tra. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, dữ liệu trong bảng này là do người sử dụng quyết định sao cho phù hợp với quy định, luật lệ của địa phương sở tại.

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất-MSDS	**JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Tel: (84) 650-355 4323/21 Fax: (84) 605-355 4310
Tên chất hoặc tên sản phẩm **NC BÓNG** **NC TOPCOAT**	
Số CAS: Không xác định Số UN: Không xác định Số đăng ký EC: Không xác định Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: NC SƠN BÓNG	JB5005-00X JB5004-00X;
- Tên thương mại:	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**	
- Mục đích sử dụng: Dùng làm sơn mặt ngành gỗ	

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**
sec-butyl ester; *s*-butyl acetate; 2-butyl acetate	105-46-4	$C_6H_{12}O_2$	30-40
Ethyl Ester, Acetic Ether, Acetic Ester , Acetoxyethane	141-78-6	CH3COOC2H5	30-40
1-Methoxy-2-Propanol Acetate; Propylene Glycol Ether Acetate; Methoxy Propanol Acetate	108-65-6	C6H12O3	10-20
Nitrocellulose;Cellulose Nitrate		[C6H10-xO5-x(ONO2)X]n (2 < x < 2,4)	20-30
Amino resin	9003-08-1		20-30
Maleic resin,rosin modified	68038-41-5		2-5

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Flam. Liq. 2, H225 : Hơi và chất lỏng rất dễ cháy

Eye Irrit. 2A, H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứ ng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
- Đường thở: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:

buồn nôn hay nôn mửa
đau đầu
buồn ngủ/mệt mỏi
chóng mặt/hoa mắt
bất tỉnh

- Đường da: Không có thông tin cụ thể gì
- Đường tiêu hóa: Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày

-Đường tiết sữa: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt **:** Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thô ng thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa,hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chă m sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy: rất dễ cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác
Các chất chữa cháy phù hợp: Dùng hóa chất khô, CO2, bụi nước hay bọt
Các chất chữa cháy không phù hợp: Đừng dùng tia nước
Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gâynguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bìnhchứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Quần áo cho nhân viên chữa cháy (kể cả nón bảo hộ, ủng và găng tay bảo hộ) đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN 469 sẽ cho phép có được một mức độ bảo vệ cơ bản trong các sự cố hóa chất

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)
Các nguy hại từ chất hoặc hỗn hợp: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ
Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm: Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:carbon dioxit,carbon monoxit

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:
Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.
Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng: Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương.Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít hơi hay sương. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệ u phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Đừng sử dụng lại bình chứa Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất nà y. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích

và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Sử dụng kính mắt an toàn thiết kế để bảo vệ tránh văng chất lỏng
- **Bảo vệ thân thể:** Nhân viên phải mặc quần áo chống tĩnh điện làm từ sợi thiên nhiên hay sợi tổng hợp chống nhiệt cao.
- **Bảo vệ tay:** Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây: tay: bằng nhựa polyvinyl alcohol hoặcnitrile.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố :

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Chất lỏng	Điểm sôi (^{0}C): 77 ° C (1 70.6 ° F)
Màu sắc: Trong suốt	Điểm nóng chảy (^{0}C)
Mùi đặc trưng: Không có sẵn	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định -16 °C
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết: 180 mm Hg tại 20°C. Bình quân gia trọng: 167 mm Hg tại 20°C.	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C) Giá trị thấp nhất được biết: 455 °C. Bình quân gia trọng: 464 °C.
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn >1.6 (Không khí = 1)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) Trị số cao nhất được biết: 19.0%.
Độ hòa tan trong nước : Không xác định	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: 2.2%
Độ PH: Không xác định	Tỷ lệ hoá hơi:
Khối lượng riêng (kg/m^3): Không xác định	Các tính chất khác nếu có:

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

2. Khả năng phản ứng:

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
sec-butyl ester; *s*-butyl acetate; 2-butyl acetate	LD50	3200 mg/kg	Nuốt	Thỏ
Ethyl Ester, Acetic Ether, Acetic Ester**,** Acetoxyethane Maleic resin,rosin modified	LD50 LD50 LD50 LD50 LD50	5,620 mg/kg 200ppm /Hour < 20 ml / kg > 5000> 10000 mg/kg > 2000 mg/kg	Nuốt Hô hấp Da Nuốt Da	Thỏ Thỏ Chuột Chuột Thỏ

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người

Tính đột biến: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính gây ung thư: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào
Độc tính sinh sản: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

2. Các ảnh hưởng độc khác

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1.Độc tính với sinh vật

Ảnh hưởng đến sinh vật dưới nước.
Gây ra trao đổi chất của vi khuẩn.
Ảnh hưởng đến sự phát triển của một số giống cây trồng.
Không cho phép sản phẩm chảy vào cống, đường thủy hay cống rãnh.

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

Về sản phẩm:Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xửlý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương.
Về bao bì đóng gói: Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	IMDG	IATA	VIETNAM
Số UN	**UN 1210**	**UN 1210**	**UN 1210**	**UN 1210**
Tên riêng theo LiênHợp Quốc (UN) để dùngtrong vận chuyển	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material
Các nhóm nguy hại vận chuyển				
Quy cách đóng gói	**II**	**II**	**II**	**II**
Mối nguy cho môi trường	**Không**	**Không**	**Không**	**Không**
Thông tin bổ sung	-	-	-	-

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

Quá trình vận chuyển đến nơi tiêu thụ phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của quốc gia và địa phương nếu khả thi

PHẦN XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Bảng này hoàn toàn không có giá trị bảo đảm và không được coi như cơ sở đại diện cho Jiabao về mặt pháp lý . Thông tin được đưa ra chỉ có giá trị tham khảo, nghiên cứu và kiểm tra. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, dữ liệu trong bảng này là do người sử dụng quyết định sao cho phù hợp với quy định, luật lệ của địa phương sở tại.

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất-MSDS	**JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Tel: (84) 650-355 4323/21 Fax: (84) 605-355 4310
Tên chất hoặc tên sản phẩm **TINH MÀU** **(**Liquid)	
Số CAS: Không xác định Số UN: Không xác định Số đăng ký EC: Không xác định Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): III Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: **TINH MÀU**	JB-600X (JB-6001; JB-6002; JB-6003 JB-6004; JB-6005; JB-6006 JB-6007….)
- Tên thương mại: **TINH MÀU**	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**	
- Mục đích sử dụng: Dùng làm sơn phủ ngành gỗ	

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**
Bột Màu (Đỏ, vàng, đen, cam, xanh…) SOLVENT	…….. 842-07-9		30 % 70 %

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Flam. Liq. 2, H225 : Hơi và chất lỏng rất dễ cháy

Eye Irrit. 2A, H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứ ng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
- Đường thở: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:

buồn nôn hay nôn mửa
đau đầu
buồn ngủ/mệt mỏi
chóng mặt/hoa mắt
bất tỉnh

- Đường da: Không có thông tin cụ thể gì
- Đường tiêu hóa: Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày

-Đường tiết sữa: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt **:** Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thô ng thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa,hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chă m sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy: rất dễ cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

Các chất chữa cháy phù hợp: Dùng hóa chất khô, CO2, bụi nước hay bọt

Các chất chữa cháy không phù hợp: Đừng dùng tia nước

Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gâynguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bìnhchứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Quần áo cho nhân viên chữa cháy (kể cả nón bảo hộ, ủng và găng tay bảo hộ) đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN 469 sẽ cho phép có được một mức độ bảo vệ cơ bản trong các sự cố hóa chất

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

Các nguy hại từ chất hoặc hỗn hợp: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ

Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm: Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:carbon dioxit,carbon monoxit

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:

Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.

Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng: Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương.Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít hơi hay sương. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệ u phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Đừng sử dụng lại bình chứa Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất nà y. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích

và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Sử dụng kính mắt an toàn thiết kế để bảo vệ tránh văng chất lỏng
- **Bảo vệ thân thể:** Nhân viên phải mặc quần áo chống tĩnh điện làm từ sợi thiên nhiên hay sợi tổng hợp chống nhiệt cao.
- **Bảo vệ tay:** Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây: tay: bằng nhựa polyvinyl alcohol hoặcnitrile.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố :

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Chất lỏng	Điểm sôi (^{0}C): 65-212,78 ° C (149-415 ° F)
Màu săc: có màu (đỏ, vàng, đen, cam , xanh…)	Điểm nóng chảy (^{0}C): Không xác định
Mùi đặc trưng: Không mùi	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định: >200 F
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết**:** Không xác định Bình quân gia trọng:	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C): Không xác định Giá trị thấp nhất được biết: Bình quân gia trọng: °C.
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn >1.0 (Không khí = 1)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) Trị số cao nhất được biết: Không xác định
Độ hòa tan trong nước : tan ít	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: Không xác định
Độ PH: 7.5-8.5	Tỷ lệ hoá hơi: Chậm
Khối lượng riêng (kg/m^3): Không xác định	Các tính chất khác nếu có:

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

2. Khả năng phản ứng:

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người

Tính đột biến: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính gây ung thư: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào
Độc tính sinh sản: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

2. Các ảnh hưởng độc khác

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1.Độc tính với sinh vật

Ảnh hưởng đến sinh vật dưới nước.
Gây ra trao đổi chất của vi khuẩn.
Ảnh hưởng đến sự phát triển của một số giống cây trồng.
Không cho phép sản phẩm chảy vào cống, đường thủy hay cống rãnh.

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

Về sản phẩm:Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xử lý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương.
Về bao bì đóng gói: Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	IMDG	IATA	VIETNAM
Số UN	**UN 1268**	**UN 1268**	**UN 1268**	**UN 1268**
Tên riêng theo LiênHợp Quốc (UN) để dùngtrong vận chuyển	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material
Các nhóm nguy hại vận chuyển				
Quy cách đóng gói	**II**	**II**	**II**	**II**
Mối nguy cho môi trường	**Không**	**Không**	**Không**	**Không**
Thông tin bổ sung	-	-	-	-

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

Quá trình vận chuyển đến nơi tiêu thụ phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của quốc gia và địa phương nếu khả thi

PHẦN XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Bảng này hoàn toàn không có giá trị bảo đảm và không được coi như cơ sở đại diện cho Jiabao về mặt pháp lý . Thông tin được đưa ra chỉ có giá trị tham khảo, nghiên cứu và kiểm tra. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, dữ liệu trong bảng này là do người sử dụng quyết định sao cho phù hợp với quy định, luật lệ của địa phương sở tại.

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất- MSDS	**JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Tel: (84) 650-355 4323/21 Fax: (84) 605-355 4310
Tên chất hoặc tên sản phẩm **NC BỘT TRÉT**	
Số CAS: Không xác định Số UN: Không xác định Số đăng ký EC: Không xác định Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: **NC BỘT TRÉT**	JB-B4501; JB-B4504; JB-B4551
- Tên thương mại: **NC BỘT TRÉT**	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**	
- Mục đích sử dụng: Dùng làm chất trám trét hàng trắng trong ngành gỗ	

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**
ACETONE	67-64-1	C_3H_6O	30-60%
ETHYL ACETATE	141-78-6	$CH_3COOC_2H_5$	10-30%
PROPAN-2-OL	67-63-0		5-10%

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)
Flam. Liq. 2, H225 : Hơi và chất lỏng rất dễ cháy
Eye Irrit. 2A, H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứ ng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
- Đường thở: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:

buồn nôn hay nôn mửa
đau đầu
buồn ngủ/mệt mỏi
chóng mặt/hoa mắt
bất tỉnh

- Đường da: Không có thông tin cụ thể gì
- Đường tiêu hóa: Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày

-Đường tiết sữa: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt **:** Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thô ng thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa,hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chă m sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy: rất dễ cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác
Các chất chữa cháy phù hợp: Dùng hóa chất khô, CO2, bụi nước hay bọt
Các chất chữa cháy không phù hợp: Đừng dùng tia nước
Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gâynguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bìnhchứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Quần áo cho nhân viên chữa cháy (kể cả nón bảo hộ, ủng và găng tay bảo hộ) đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN 469 sẽ cho phép có được một mức độ bảo vệ cơ bản trong các sự cố hóa chất

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)
Các nguy hại từ chất hoặc hỗn hợp: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ
Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm: Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:carbon dioxit,carbon monoxit

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:
Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.
Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng: Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thẩm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương.Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít hơi hay sương. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệ u phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Đừng sử dụng lại bình chứa Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất nà y. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy

thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Sử dụng kính mắt an toàn thiết kế để bảo vệ tránh văng chất lỏng

- Bảo vệ thân thể: Nhân viên phải mặc quần áo chống tĩnh điện làm từ sợi thiên nhiên hay sợi tổng hợp chống nhiệt cao.

- Bảo vệ tay: Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây: tay: bằng nhựa polyvinyl alcohol hoặcnitrile.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố :

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Chất lỏng sệt	Điểm sôi (^{0}C)**:** Không xác định
Màu sắc: màu sắc tùy theo màu gỗ	Điểm nóng chảy (^{0}C): Không xác định
Mùi đặc trưng: Không mùi	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định :Không xác định
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết: Không xác định Bình quân gia trọng:	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C) : Không xác định Giá trị thấp nhất được biết: Bình quân gia trọng:
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : Không xác định (Không khí = 1)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) Trị số cao nhất được biết: Không xác định
Độ hòa tan trong nước : Chủ yếu hòa tan	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: Không xác định
Độ PH: Không xác định	Tỷ lệ hoá hơi: Thấp
Khối lượng riêng (kg/m^3): Không xác định	Các tính chất khác nếu có:

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

2. Khả năng phản ứng:

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người

Hít phải: Khi làm việc nhiều trong các phòng nhỏ và thông gió kém, nồng độ hơi có thể gây ra khó chịu như đau đầu, chóng mặt và buồn nôn

Tính đột biến: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tính gây ung thư: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

Độc tính sinh sản: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

2. Các ảnh hưởng độc khác :

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1.Độc tính với sinh vật

Ảnh hưởng đến sinh vật dưới nước.

Gây ra trao đổi chất của vi khuẩn.

Ảnh hưởng đến sự phát triển của một số giống cây trồng.

Không cho phép sản phẩm chảy vào cống, đường thủy hay cống rãnh.

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

Về sản phẩm:Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xửlý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương.

Về bao bì đóng gói: Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	IMDG	IATA	VIETNAM
Số UN	**UN 1263**	**UN 1263**	**UN 1263**	**UN 1263**
Tên riêng theo LiênHợp Quốc (UN) để dùngtrong vận chuyển	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material
Các nhóm nguy hại vận chuyển				
Quy cách đóng gói	**II**	**II**	**II**	**II**
Mối nguy cho môi trường	**Không**	**Không**	**Không**	**Không**
Thông tin bổ sung	-	-	-	-

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

Quá trình vận chuyển đến nơi tiêu thụ phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của quốc gia và địa phương nếu khả thi

PHẦN XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Bảng này hoàn toàn không có giá trị bảo đảm và không được coi như cơ sở đại diện cho Jiabao về mặt pháp lý . Thông tin được đưa ra chỉ có giá trị tham khảo, nghiên cứu và kiểm tra. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, dữ liệu trong bảng này là do người sử dụng quyết định sao cho phù hợp với quy định, luật lệ của địa phương sở tại.

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất- MSDS	
Tên chất hoặc tên sản phẩm **ACETONE**	**JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Tel: (84) 650-355 4323/21 Fax: (84) 605-355 4310
Số CAS: Không xác định Số UN: Không xác định Số đăng ký EC: Không xác định Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: ACETONE	JB-3012
- Tên thương mại: ACETONE	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**	
- Mục đích sử dụng: Dùng làm dung môi pha sơn cho ngành gỗ	

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**
ACETONE	67-64-1	C_3H_6O	100%

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)
Flam. Liq. 2, H225 : Hơi và chất lỏng rất dễ cháy
Eye Irrit. 2A, H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứ ng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
- Đường thở: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:

buồn nôn hay nôn mửa
đau đầu
buồn ngủ/mệt mỏi
chóng mặt/hoa mắt
bất tỉnh

- Đường da: Không có thông tin cụ thể gì
- Đường tiêu hóa: Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày

-Đường tiết sữa: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt **:** Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thô ng thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa,hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chă m sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy: rất dễ cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác
Các chất chữa cháy phù hợp: Dùng hóa chất khô, CO2, bụi nước hay bọt
Các chất chữa cháy không phù hợp: Đừng dùng tia nước
Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gâynguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bìnhchứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Quần áo cho nhân viên chữa cháy (kể cả nón bảo hộ, ủng và găng tay bảo hộ) đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN 469 sẽ cho phép có được một mức độ bảo vệ cơ bản trong các sự cố hóa chất

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)
Các nguy hại từ chất hoặc hỗn hợp: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ
Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm: Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:carbon dioxit,carbon monoxit

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:
Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.
Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng: Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thẩm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương.Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít hơi hay sương. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệ u phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Đừng sử dụng lại bình chứa Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất nà y. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy

thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Sử dụng kính mắt an toàn thiết kế để bảo vệ tránh văng chất lỏng

- Bảo vệ thân thể: Nhân viên phải mặc quần áo chống tĩnh điện làm từ sợi thiên nhiên hay sợi tổng hợp chống nhiệt cao.

- Bảo vệ tay: Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây: tay: bằng nhựa polyvinyl alcohol hoặcnitrile.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố :

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Chất lỏng	Điểm sôi (^{0}C)**:** 56-57 ° C; 133-134 ° F; 329-330 K
Màu sắc: Không màu	Điểm nóng chảy (^{0}C): -95 đến -93 ° C; -139 Đến -136 ° F; 178-180 K
Mùi đặc trưng: Mùi hăng, khó chịu,	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định :Không xác định
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết: 9,39 kPa (0 ° C) 30,6 kPa (25 ° C) 374 kPa (100 ° C) 2,8 MPa (200 ° C) Bình quân gia trọng:	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C) : Không xác định Giá trị thấp nhất được biết: Bình quân gia trọng:
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : Không xác định (Không khí = 1)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) Trị số cao nhất được biết: Không xác định
Độ hòa tan trong nước : Chủ yếu hòa tan	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: Không xác định
Độ PH: Không xác định	Tỷ lệ hoá hơi:
Khối lượng riêng (kg/m^3): Không xác định	Các tính chất khác nếu có:

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

2. Khả năng phản ứng:

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người

Tính đột biến: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính gây ung thư: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào
Độc tính sinh sản: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

2. Các ảnh hưởng độc khác :

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1.Độc tính với sinh vật

Ảnh hưởng đến sinh vật dưới nước.
Gây ra trao đổi chất của vi khuẩn.
Ảnh hưởng đến sự phát triển của một số giống cây trồng.
Không cho phép sản phẩm chảy vào cống, đường thủy hay cống rãnh.

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

Về sản phẩm:Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xửlý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương.
Về bao bì đóng gói: Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	IMDG	IATA	VIETNAM
Số UN	**UN 1263**	**UN 1263**	**UN 1263**	**UN 1263**
Tên riêng theo LiênHợp Quốc (UN) để dùngtrong vận chuyển	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material
Các nhóm nguy hại vận chuyển				
Quy cách đóng gói	**II**	**II**	**II**	**II**
Mối nguy cho môi trường	**Không**	**Không**	**Không**	**Không**
Thông tin bổ sung	-	-	-	-

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

Quá trình vận chuyển đến nơi tiêu thụ phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của quốc gia và địa phương nếu khả thi

PHẦN XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Bảng này hoàn toàn không có giá trị bảo đảm và không được coi như cơ sở đại diện cho Jiabao về mặt pháp lý . Thông tin được đưa ra chỉ có giá trị tham khảo, nghiên cứu và kiểm tra. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, dữ liệu trong bảng này là do người sử dụng quyết định sao cho phù hợp với quy định, luật lệ của địa phương sở tại.

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất- MSDS	 **JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Tel: (84) 650-355 4323/21 Fax: (84) 605-355 4310
Tên chất hoặc tên sản phẩm **CHẤT CHỐNG MỐC**	
Số CAS: Không xác định Số UN: Không xác định Số đăng ký EC: Không xác định Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: **CHẤT CHỐNG MỐC**	JB-3118; JB-C3015
- Tên thương mại: **CHẤT CHỐNG MỐC**	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM** Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Lô A1-3(khu A4), đường D9, KCN Rạch Bắp, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**	
- Mục đích sử dụng: Dùng làm lớp phủ bảo vệ.	

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**
Zinc oxide (as zinc)	1314-13-2		1-5%

Các thành phần còn lại của sản phẩm này hoặc là không nguy hại hoặc là hàm lượng, số lượng không đáng kể.

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)
Flam. Liq. 2, H225 : Hơi và chất lỏng rất dễ cháy
Eye Irrit. 2A, H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứ ng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
- Đường thở: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
  buồn nôn hay nôn mửa
  đau đầu
  buồn ngủ/mệt mỏi
  chóng mặt/hoa mắt
  bất tỉnh
- Đường da: Không có thông tin cụ thể gì
- Đường tiêu hóa: Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày
-Đường tiết sữa: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt **:** Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thô ng thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa,hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chă m sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy: rất dễ cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác
Các chất chữa cháy phù hợp: Dùng hóa chất khô, CO2, bụi nước hay bọt
Các chất chữa cháy không phù hợp: Đừng dùng tia nước
Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gâynguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bìnhchứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Quần áo cho nhân viên chữa cháy (kể cả nón bảo hộ, ủng và găng tay bảo hộ) đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN 469 sẽ cho phép có được một mức độ bảo vệ cơ bản trong các sự cố hóa chất

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)
Các nguy hại từ chất hoặc hỗn hợp: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ
Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm: Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:carbon dioxit,carbon monoxit

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:
Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.
Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng: Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thẩm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương.Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít hơi hay sương. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệ u phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Đừng sử dụng lại bình chứa Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất nà y. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy

thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Sử dụng kính mắt an toàn thiết kế để bảo vệ tránh văng chất lỏng

- Bảo vệ thân thể: Nhân viên phải mặc quần áo chống tĩnh điện làm từ sợi thiên nhiên hay sợi tổng hợp chống nhiệt cao.

- Bảo vệ tay: Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây: tay: bằng nhựa polyvinyl alcohol hoặcnitrile.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố :

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Chất lỏng	Điểm sôi (^{0}C)**:** 212° F (100° C)
Màu sắc: Không màu	Điểm nóng chảy (^{0}C): Không xác định
Mùi đặc trưng: Không hăng	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định :Không xác định
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn Trị số cao nhất được biết: 17 mm Hg @ 20° C Bình quân gia trọng:	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C) : Không xác định Giá trị thấp nhất được biết: Bình quân gia trọng:
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : <1 (Không khí = 1)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) Trị số cao nhất được biết: Không xác định
Độ hòa tan trong nước : 1.220	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) Giá trị thấp nhất được biết: Không xác định
Độ PH: 9.0-9.8	Tỷ lệ hoá hơi: <1
Khối lượng riêng (kg/m^3): Không xác định	Các tính chất khác nếu có:

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

2. Khả năng phản ứng:

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người

Hít phải: Khi làm việc nhiều trong các phòng nhỏ và thông gió kém, nồng độ hơi có thể gây ra khó chịu như đau đầu, chóng mặt và buồn nôn

Tính đột biến: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tính gây ung thư: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

Độc tính sinh sản: Không phân loại. Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào

2. Các ảnh hưởng độc khác :

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1.Độc tính với sinh vật

Ảnh hưởng đến sinh vật dưới nước.

Gây ra trao đổi chất của vi khuẩn.

Ảnh hưởng đến sự phát triển của một số giống cây trồng.

Không cho phép sản phẩm chảy vào cống, đường thủy hay cống rãnh.

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

Về sản phẩm:Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xửlý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương.

Về bao bì đóng gói: Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	IMDG	IATA	VIETNAM
Số UN	**UN 1263**	**UN 1263**	**UN 1263**	**UN 1263**
Tên riêng theo LiênHợp Quốc (UN) để dùngtrong vận chuyển	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material	Printing Ink Related Material
Các nhóm nguy hại vận chuyển				
Quy cách đóng gói	**II**	**II**	**II**	**II**
Mối nguy cho môi trường	**Không**	**Không**	**Không**	**Không**
Thông tin bổ sung	-	-	-	-

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

Quá trình vận chuyển đến nơi tiêu thụ phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của quốc gia và địa phương nếu khả thi

PHẦN XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Bảng này hoàn toàn không có giá trị bảo đảm và không được coi như cơ sở đại diện cho Jiabao về mặt pháp lý . Thông tin được đưa ra chỉ có giá trị tham khảo, nghiên cứu và kiểm tra. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, dữ liệu trong bảng này là do người sử dụng quyết định sao cho phù hợp với quy định, luật lệ của địa phương sở tại.

CÔNG TY TNHH LODE STAR

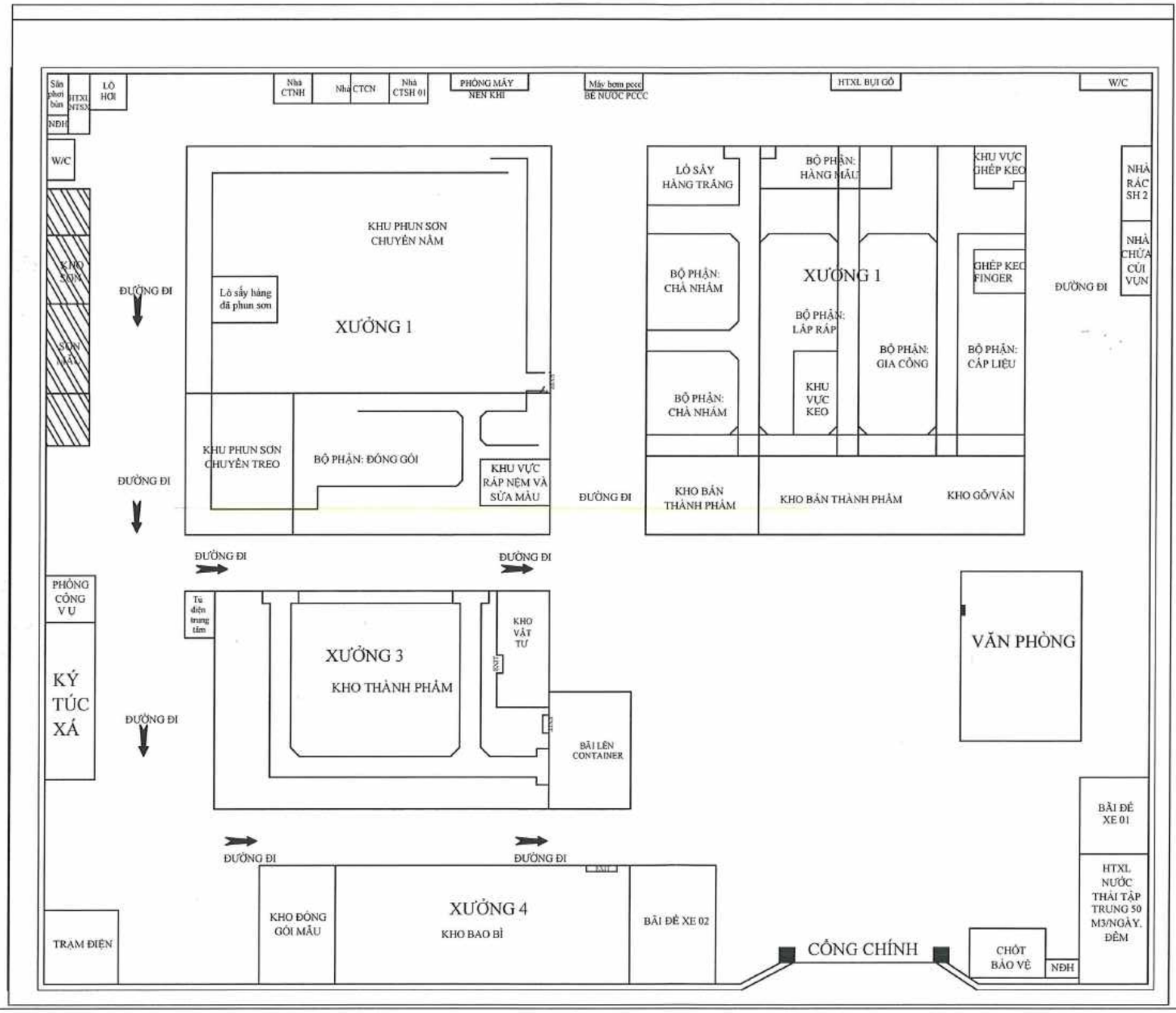

CÔNG TY TNHH TRÍ VIỆT

VƯỜN CAO SU

ĐƯỜNG BÊ TÔNG 5M

MẶT BẰNG TỔNG THỂ:

HIỆU CHỈNH - REVISION

NO.	DATE	DESCRIPTION	DRAWN	CHECK	APPR.
1					
2					
3					
4					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PERMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆN TRẠNG/HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG ĐÔNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

ĐC: SỐ 23, ĐƯỜNG D6, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

Nguyễn Thị Bích Phượng

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT

BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER

BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY

TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

HẠNG MỤC - ITEM:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

KÝ HIỆU B. VẼ	01

CÔNG TY TNHH LODE STAR

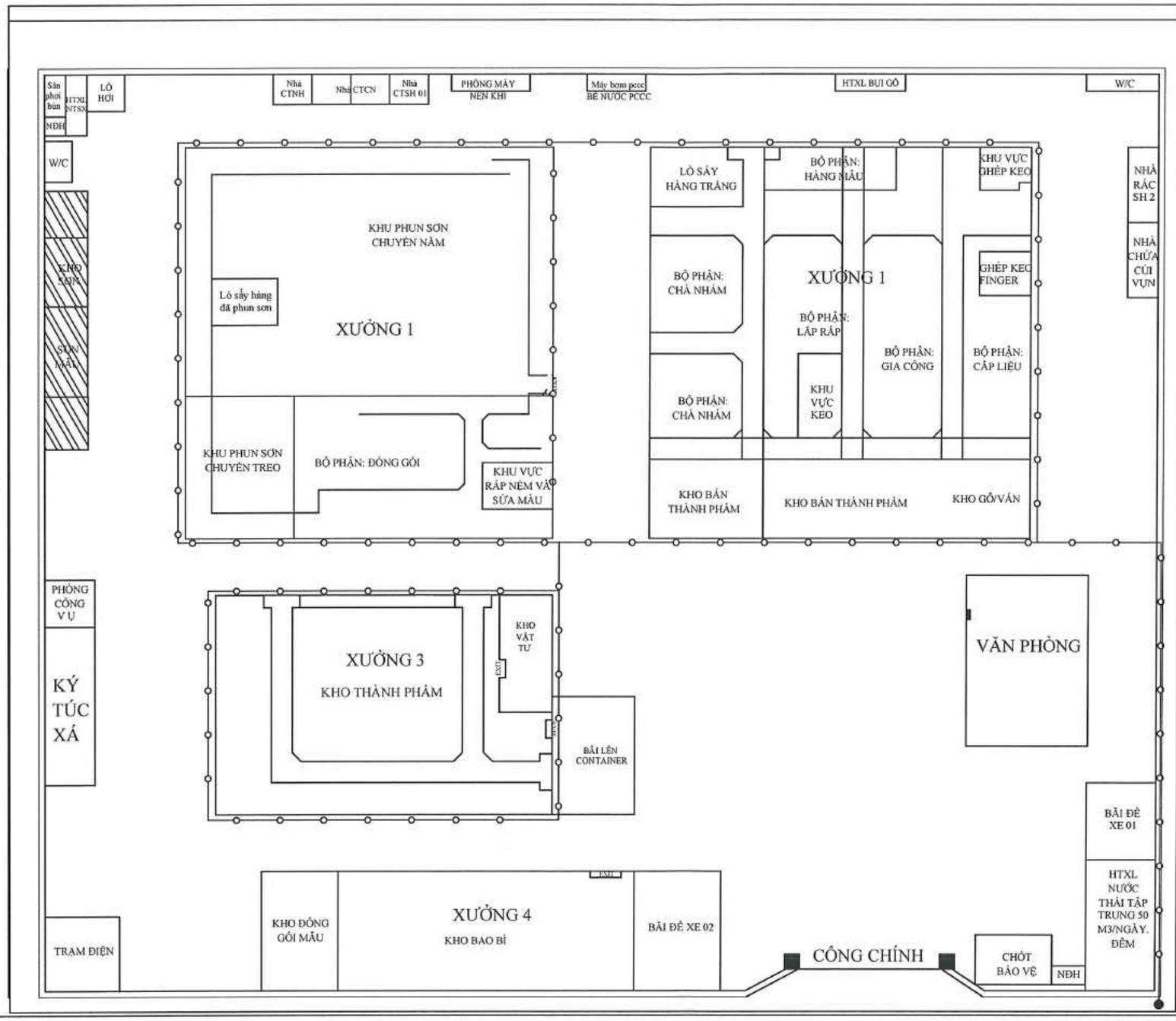

ĐƯỜNG THU GOM NƯỚC MƯA

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA:

HIỆU CHỈNH - REVISION

NO. LẦN	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAW. VẼ	CHECK KIỂM	APPR. DUYỆT
1					
2					
3					
4					
5					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PERMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆN TRẠNG/HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG ĐÔNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

ĐC: SỐ 23, ĐƯỜNG D8, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

Nguyễn Thị Bích Phương

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT

BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER

BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY

TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

HẠNG MỤC - ITEM:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

KÝ HIỆU B. VẼ	02

CÔNG TY TNHH LODE STAR

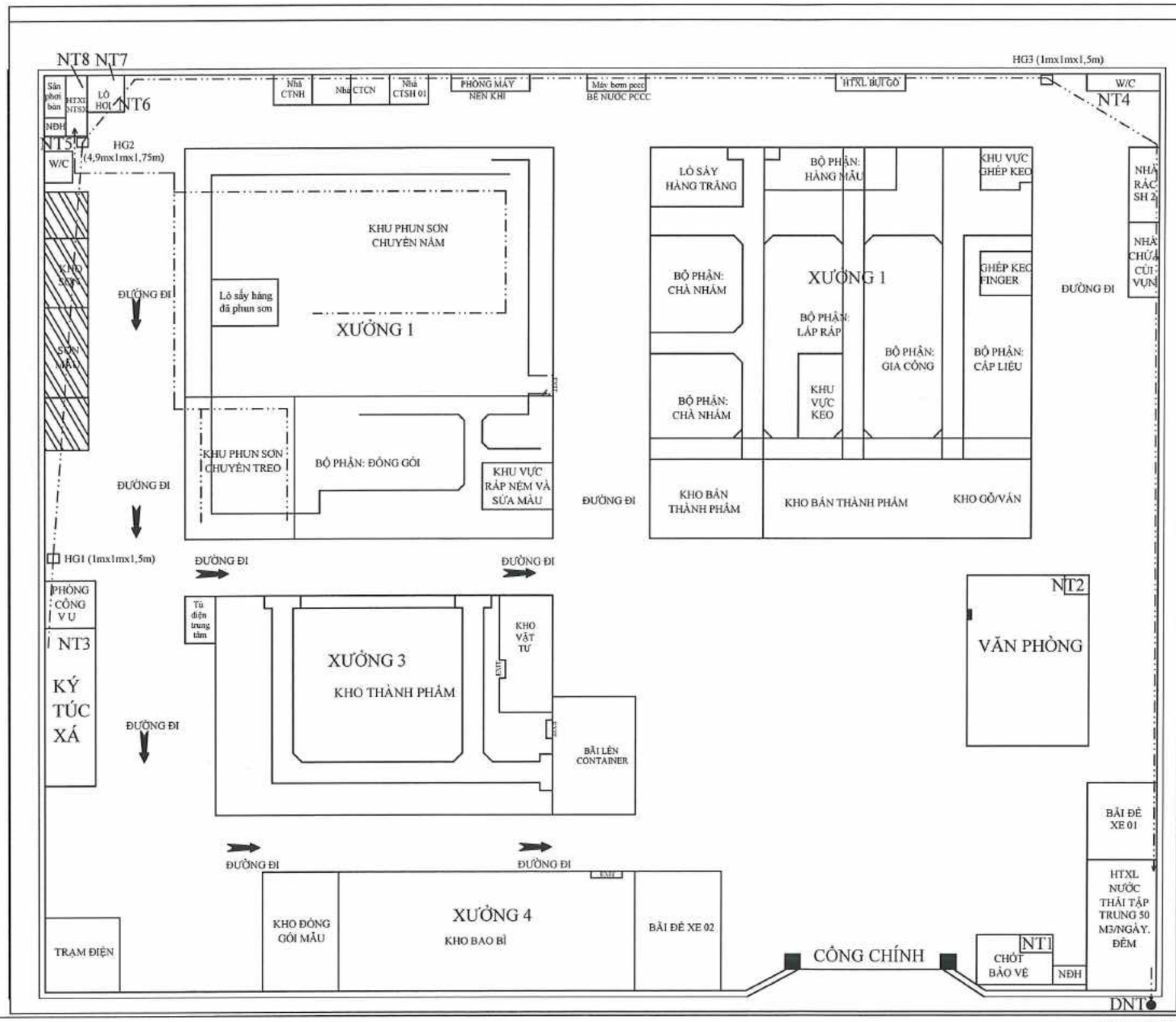

CÔNG TY TNHH TRÍ VIỆT

VƯỜN CAO SU

ĐƯỜNG BÊ TÔNG 5M

ĐƯỜNG THU GOM NƯỚC THẢI

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI-GIÁM SÁT NƯỚC THẢI VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ MÔI TRƯỜNG HẰNG NĂM:

NGUỒN NƯỚC THẢI:

NT1: Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh tại nhà bảo vệ

NT2: Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh tại nhà văn phòng

NT3: Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh tại khu ký túc

NT4: Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh tại xưởng 1

NT5: Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh tại xưởng 2

NT6: Nước thải từ lò hơi

NT7: Nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi

NT8: Nước thải từ quá trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi

DÒNG NƯỚC THẢI:

DNT: VỊ TRÍ GIÁM SÁT NƯỚC THẢI

HIỆU CHỈNH - REVISION

KÝ HIỆU	NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAWN VẼ	DESIGN KIỂM	APPROVE DUYỆT
1					
2					
3					
4					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PREMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆN TRẠNG/HOÀN CÔNG	☒	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG ĐÔNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

ĐC: SỐ 23, ĐƯỜNG D8, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

Nguyễn Thị Bích Phương

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT

BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER

BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY

TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

HẠNG MỤC - ITEM:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI-GIÁM SÁT VHTN VÀ GIÁM SÁT HẰNG NĂM

KÝ HIỆU B. VẼ: 03

CÔNG TY TNHH LODE STAR

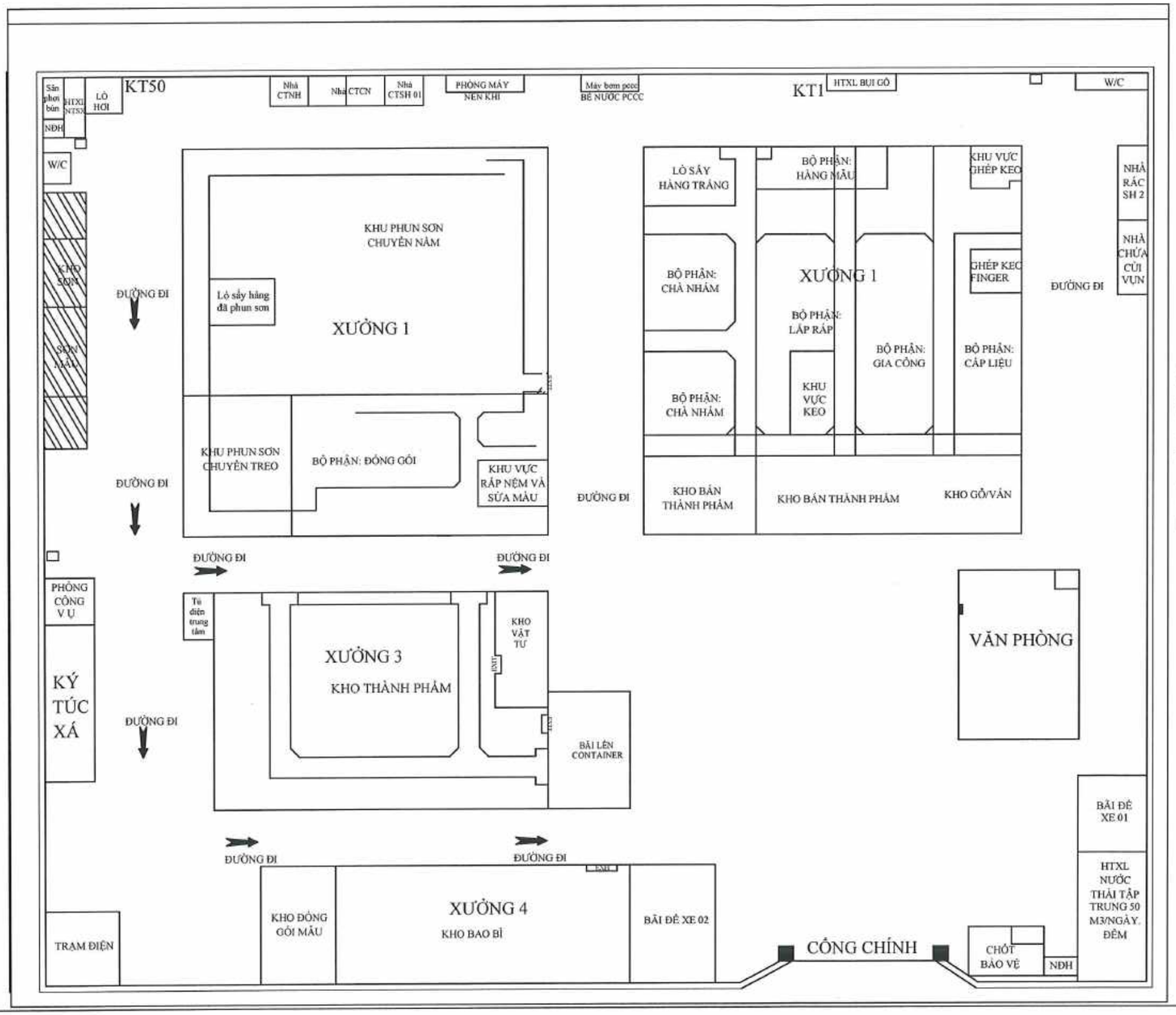

CÔNG TY TNHH TRÍ VIỆT

VƯỜN CAO SU

ĐƯỜNG BÊ TÔNG 5M

DÒNG KHÍ THẢI:

KT1: Vị trí giám sát bụi gỗ phát sinh từ công đoạn cưa, lọng, cắt, khoan, tiện, mài, bào, chà nhám

KT50: Vị trí giám sát khí thải lò hơi đốt củi công suất 02 tấn hơi/giờ

MẶT BẰNG THOÁT KHÍ THẢI-GIÁM SÁT NƯỚC THẢI VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ MÔI TRƯỜNG HẰNG NĂM (DÒNG KHÍ THẢI SỐ 1, 50):

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. N.GH	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAW. VẼ	CHECK KIỂM	APPR. DUYỆT
1					
2					
3					
4					
5					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PREMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆN TRẠNG/HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG ĐÔNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

ĐC: SỐ 23, ĐƯỜNG D6, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

Nguyễn Thị Bích Phương

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT

BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER

BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY

TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

HẠNG MỤC - ITEM:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT BẰNG THOÁT KHÍ THẢI-GIÁM SÁT VHTN VÀ GIÁM SÁT HẰNG NĂM

KÝ HIỆU B. VẼ: 04

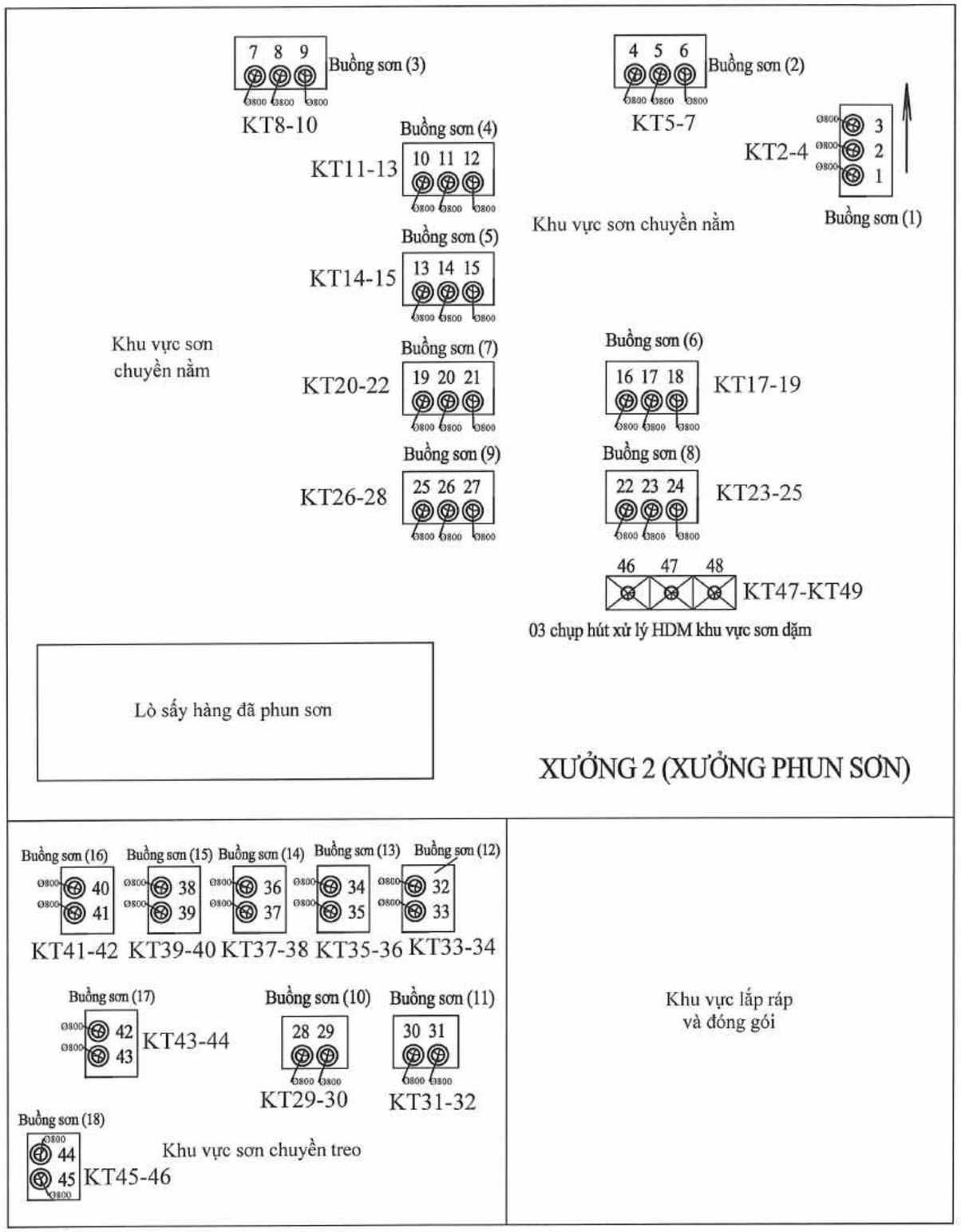

MẶT BẰNG THOÁT KHÍ THẢI-GIÁM SÁT NƯỚC THẢI VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ MÔI TRƯỜNG HẰNG NĂM (DÒNG KHÍ THẢI SỐ 2-49):

KT2-28: Vị trí giám sát hơi dung môi phát sinh từ Buồng phun sơn số 1-9

KT29-46: Vị trí giám sát hơi dung môi phát sinh từ Buồng phun sơn số 10-18

KT47-49: Vị trí giám sát hơi dung môi phát sinh từ 03 bàn sơn dặm 1-3

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. LẦN	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAW. NGƯỜI VẼ	CHECK KIỂM	APPR. DUYỆT
1					
2					
3					
4					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PERMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆN TRẠNG/HOÀN CÔNG	☒	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG ĐÔNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

ĐC: SỐ 28, ĐƯỜNG D6, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

Nguyễn Thị Bích Phương

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT

BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER

BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY

TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

HẠNG MỤC - ITEM:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT BẰNG THOÁT KHÍ THẢI-GIÁM SÁT VHTN VÀ GIÁM SÁT HẰNG NĂM

KÝ HIỆU B. VẼ	05

MẶT BẰNG CHI TIẾT BỂ LẮNG TUẦN HOÀN CỦA 18 BUỒNG PHUN SƠN MÀNG NƯỚC

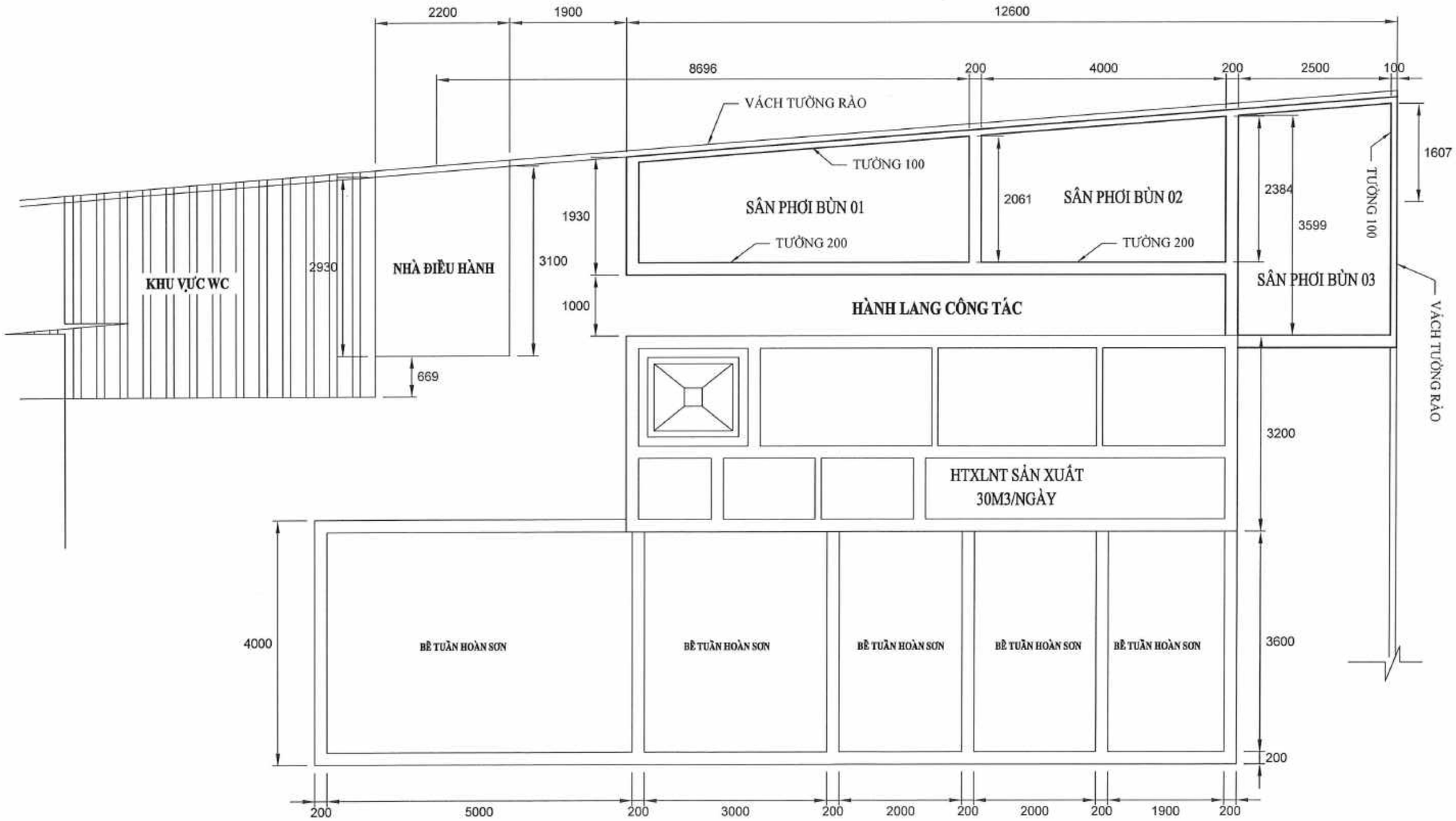

HIỆU CHỈNH - REVISION

NO. KÝ HIỆU	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAWN VẼ BỞI	CHECKED KIỂM TRA	APPROVED DUYỆT
1					
2					
3					
4					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PREMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆN TRẠNG/HOÀN CÔNG	☒	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG ĐỒNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG.

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

ĐC: SỐ 23, ĐƯỜNG D9, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

Nguyễn Thị Bích Phương

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT

BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER

BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY

TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

HẠNG MỤC - ITEM:

BỂ LẮNG

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT BẰNG BỂ LẮNG NƯỚC TUẦN HOÀN CỦA 18 BUỒNG PHUN SƠN MÀNG NƯỚC

KÝ HIỆU B. VẼ	BELANG-01/02

MẶT BẰNG CHI TIẾT THU GOM NƯỚC THẢI TỪ BỂ LẮNG TUẦN HOÀN CỦA 18 BUỒNG PHUN SƠN MÀNG NƯỚC VỀ HTXLNT SẢN XUẤT 30 M3/NGÀY.ĐÊM

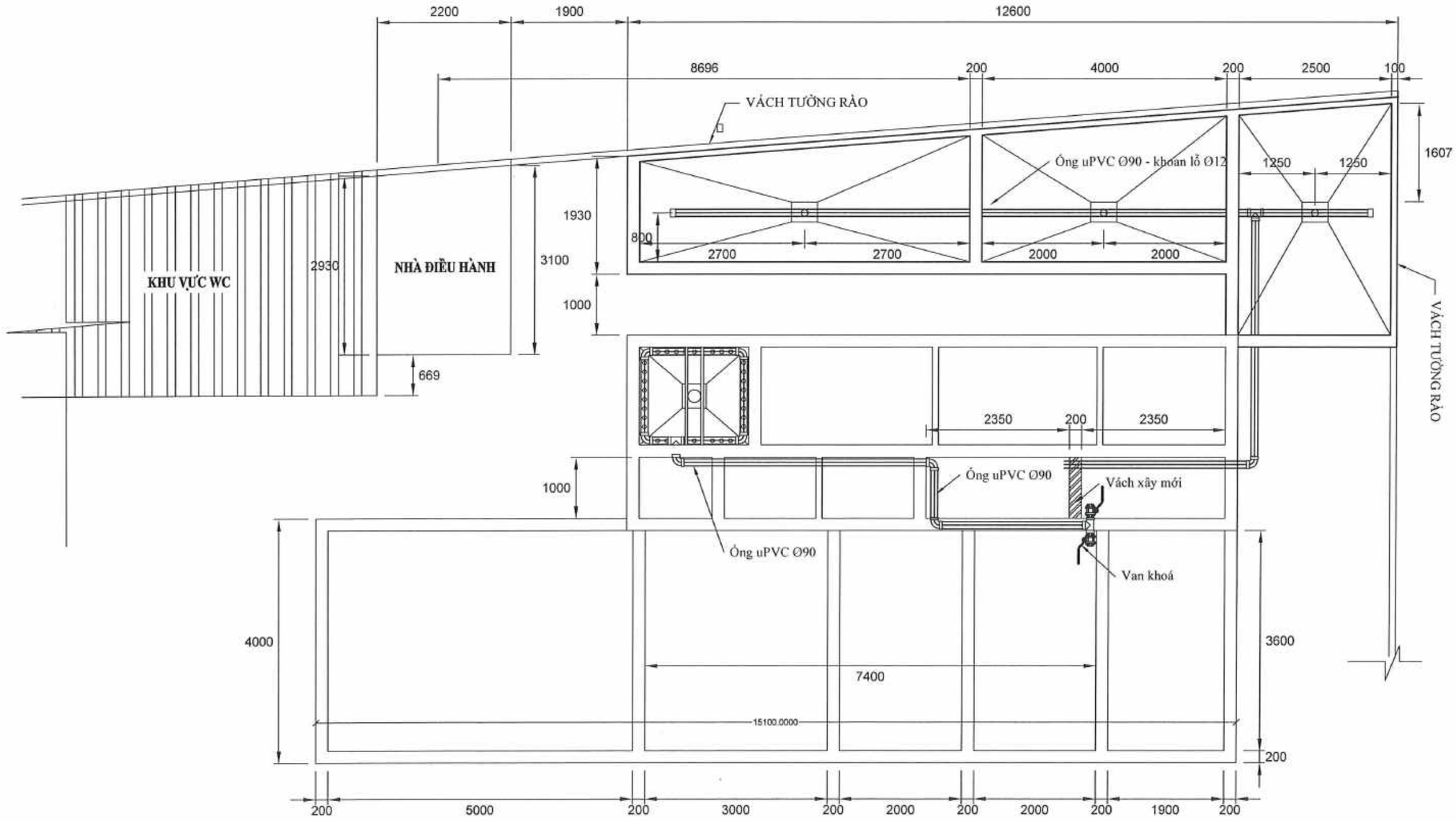

HIỆU CHỈNH - REVISION

NO. KÝ HIỆU	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAWN BIÊN VẼ	CHECK KIỂM	APPROVE DUYỆT
1					
2					
3					
4					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PREMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆN TRẠNG/HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG ĐÔNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

ĐC: SỐ 23, ĐƯỜNG D6, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

Nguyễn Thị Bích Phương

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT

BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER

BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY

TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

HẠNG MỤC - ITEM:

BỂ LẮNG

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT BẰNG CHI TIẾT THU GOM NƯỚC THẢI TỪ BỂ LẮNG TUẦN HOÀN CỦA 18 BUỒNG PHUN SƠN MÀNG NƯỚC VỀ HTXLNT SẢN XUẤT 30 M3/NGÀY.ĐÊM

KÝ HIỆU B. VẼ	BELANG-02/02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

CÔNG TY TNHH BIOMATRIX WATER ENGINEERING

HỒ SƠ HOÀN CÔNG

HẠNG MỤC: BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

ĐCXD: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, đường Tân Hiệp 02, khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÌNH DƯƠNG, THÁNG 05/2024

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
CÔNG SUẤT: 30M³/NGÀY.ĐÊM

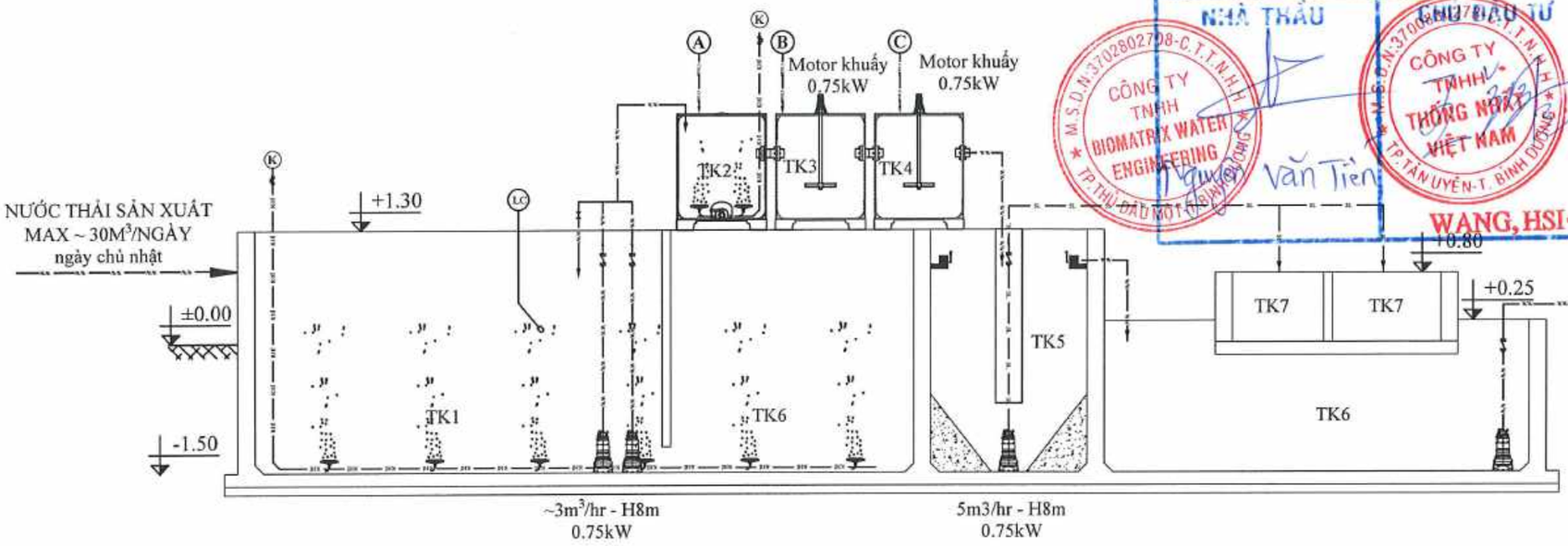

BIOMATRIX WATER ENGINEERING

BẢN VẼ HOÀN CÔNG Số:.....
Ngày ..... Tháng ..... Năm 20.....

NHÀ THẦU	CHỦ ĐẦU TƯ	NGƯỜI GIÁM SÁT
	WANG, HSI-PING	

GHI CHÚ

STT	HẠNG MỤC	STT	HẠNG MỤC	STT	HẠNG MỤC
TK-01	BỂ GOM NTSX	TK-04	BỂ TẠO BÔNG	TK-07	SÂN PHƠI BÙN
TK-02	BỂ CHỈNH pH	TK-05	BỂ LẮNG HÓA LÝ		
TK-03	BỂ KEO TỤ	TK-06	BỂ TRUNG GIAN		

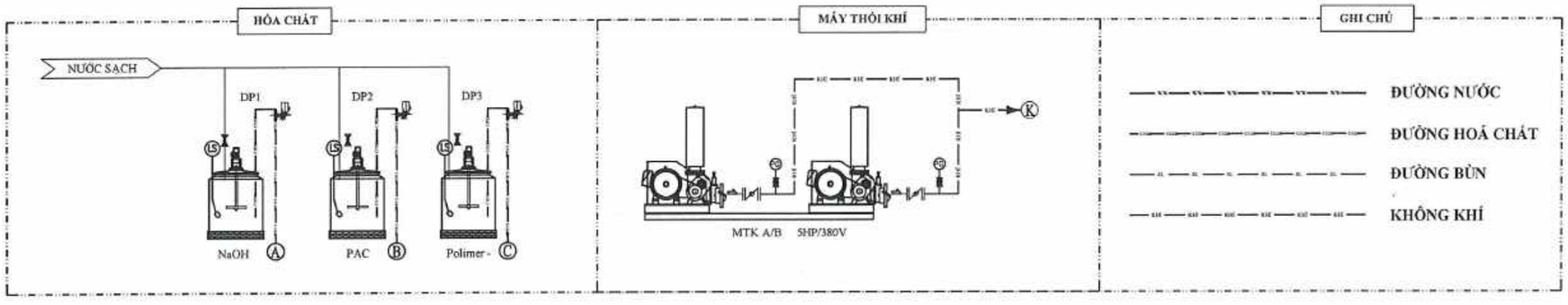

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

WANG, HSI-PING

Địa chỉ: đường Tân Hiệp 02, KP Ông Đông, P. Tân Hiệp, TP. Tân Uyên, T. Bình Dương

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THI CÔNG

CÔNG TY TNHH
BIOMATRIX WATER ENGINEERING

Địa chỉ: 35/19 Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu 3, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương

QUẢN LÝ CHUNG

ĐẶNG THỊ TUYẾT VÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

NGUYỄN VĂN TIẾN

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
VÀ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG

HẠNG MỤC:

XPXD	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG	☐
P.C.C.C	☐
HOÀN CÔNG	☒

TÊN BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH
THÁNG 5/2024

BV SỐ:
1 / 9

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

CÔNG SUẤT: 30M3/NGÀY.Đ

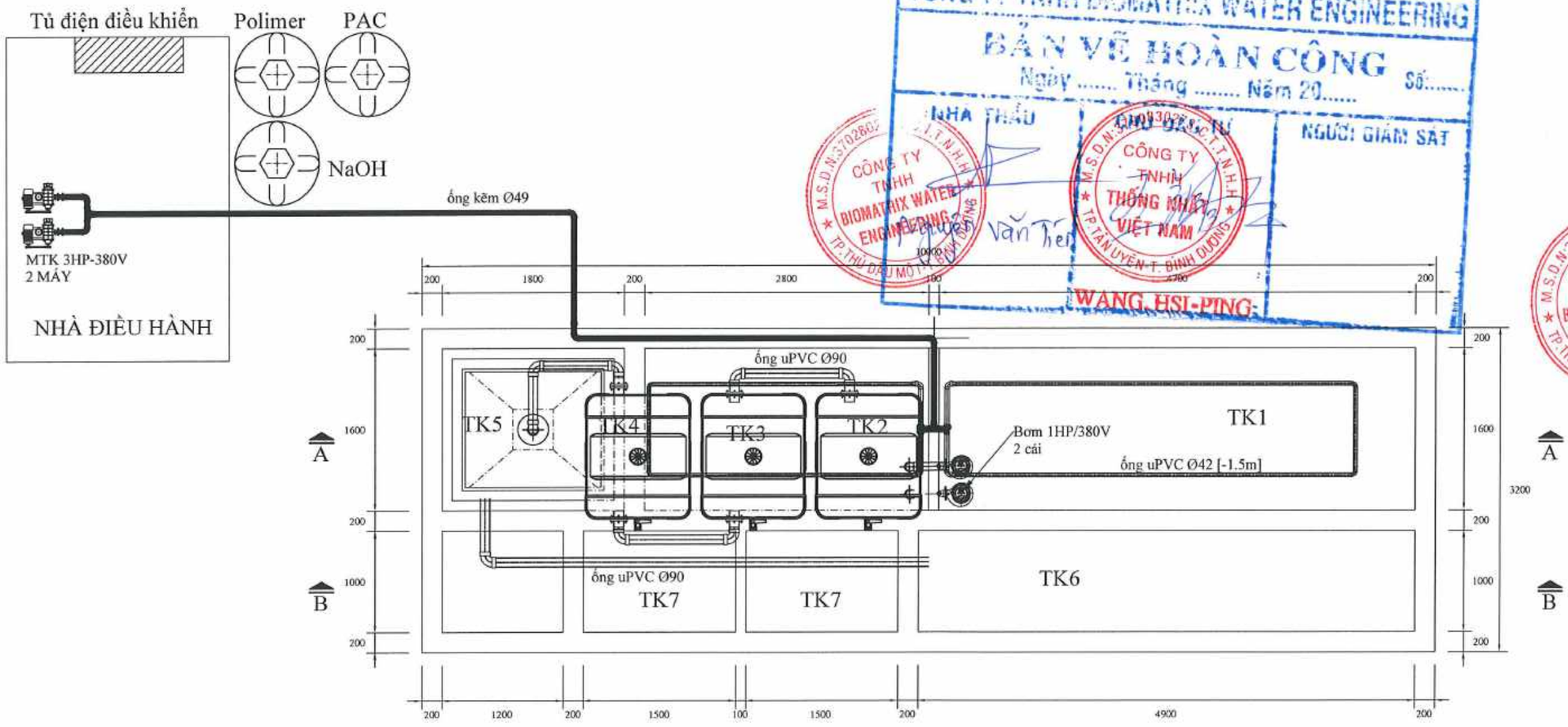

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày ..... Tháng ..... Năm 20..... Số:.....
NHÀ THẦU
CHỦ ĐẦU TƯ
NGƯỜI GIÁM SÁT
WANG, HSI-PING

GHI CHÚ

STT	HẠNG MỤC	STT	HẠNG MỤC	STT	HẠNG MỤC
TK-01	BỂ GOM NTSX	TK-04	BỂ TẠO BÔNG	TK-07	SÂN PHƠI BÙN
TK-02	BỂ CHỈNH pH	TK-05	BỂ LẮNG HÓA LÝ		
TK-03	BỂ KEO TỤ	TK-06	BỂ TRUNG GIAN		

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

WANG, HSI-PING

Địa chỉ: đường Tân Hiệp 02, KP Ông Đông, P. Tân Hiệp, TP. Tân Uyên, T. Bình Dương

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THI CÔNG

CÔNG TY TNHH BIOMATRIX WATER ENGINEERING

Địa chỉ: 55/19 Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu 3, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương

QUẢN LÝ CHUNG

ĐẶNG THỊ TUYẾT VÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

NGUYỄN VĂN TIẾN

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
VÀ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG

HẠNG MỤC:

XPXD	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG	☐
P.C.C.C	☐
HOÀN CÔNG	☒

TÊN BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH	BV SỐ:
THÁNG 5/2024	2 / 9

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT - CÔNG SUẤT: 30M3/NGÀY.Đ

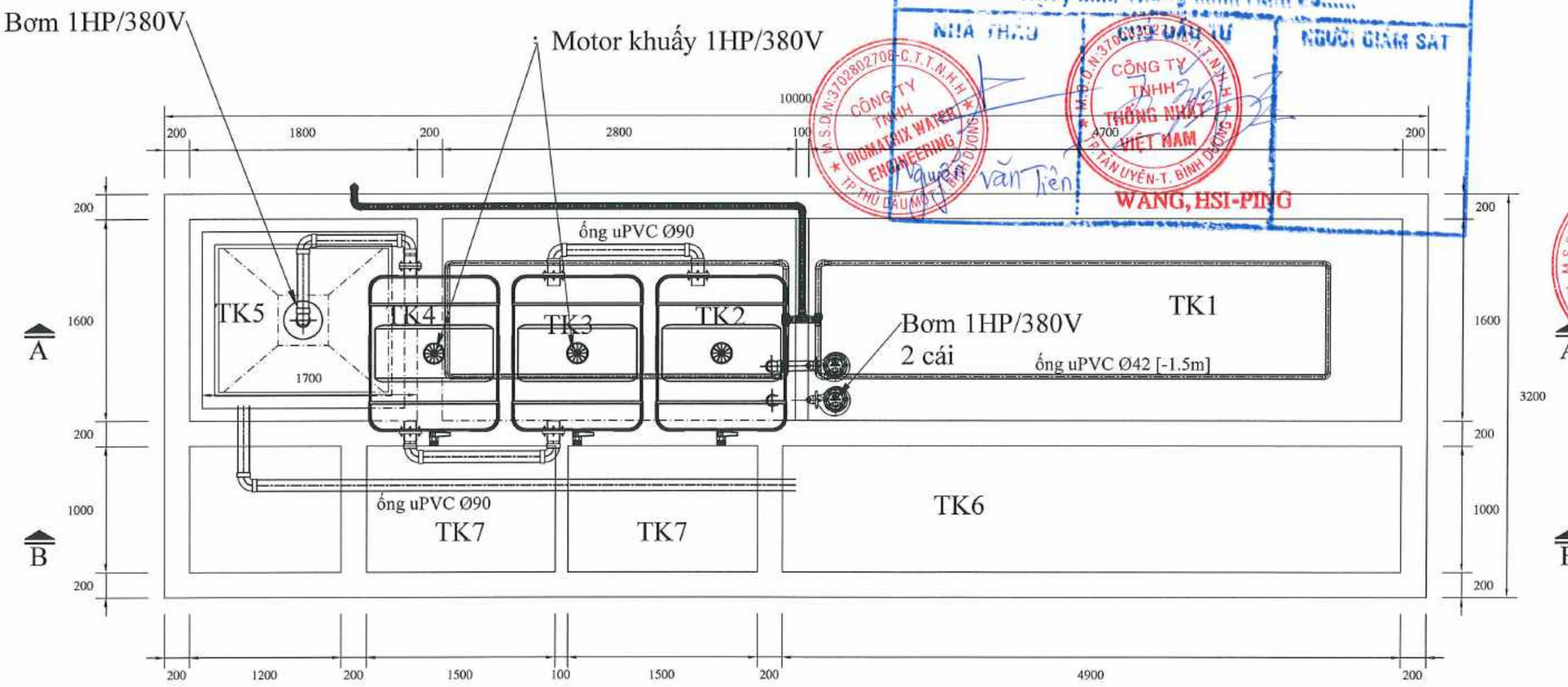

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày ..... Tháng ..... Năm 20..... Số:.....
NHÀ THẦU: CÔNG TY TNHH BIOMATRIX WATER ENGINEERING
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM
NGƯỜI GIÁM SÁT

GHI CHÚ

STT	HẠNG MỤC	STT	HẠNG MỤC	STT	HẠNG MỤC
TK-01	BỂ GOM NTSX	TK-04	BỂ TẠO BÔNG	TK-07	SÂN PHƠI BÙN
TK-02	BỂ CHỈNH pH	TK-05	BỂ LẮNG HÓA LÝ		
TK-03	BỂ KEO TỤ	TK-06	BỂ TRUNG GIAN		

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM
WANG, HSI-PING
Địa chỉ: đường Tân Hiệp 02, KP Ông Đông, P. Tân Hiệp, TP. Tân Uyên, T. Bình Dương

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THI CÔNG
CÔNG TY TNHH
BIOMATRIX WATER ENGINEERING
Địa chỉ: 55/19 Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu 3, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương

QUẢN LÝ CHUNG
ĐẶNG THỊ TUYẾT VÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
NGUYỄN VĂN TIẾN

TÊN CÔNG TRÌNH
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
VÀ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG

HẠNG MỤC:

XPXD	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG	☐
P.C.C.C	☐
HOÀN CÔNG	☒

TÊN BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH
THÁNG 5/2024

BV SỐ:
3/9

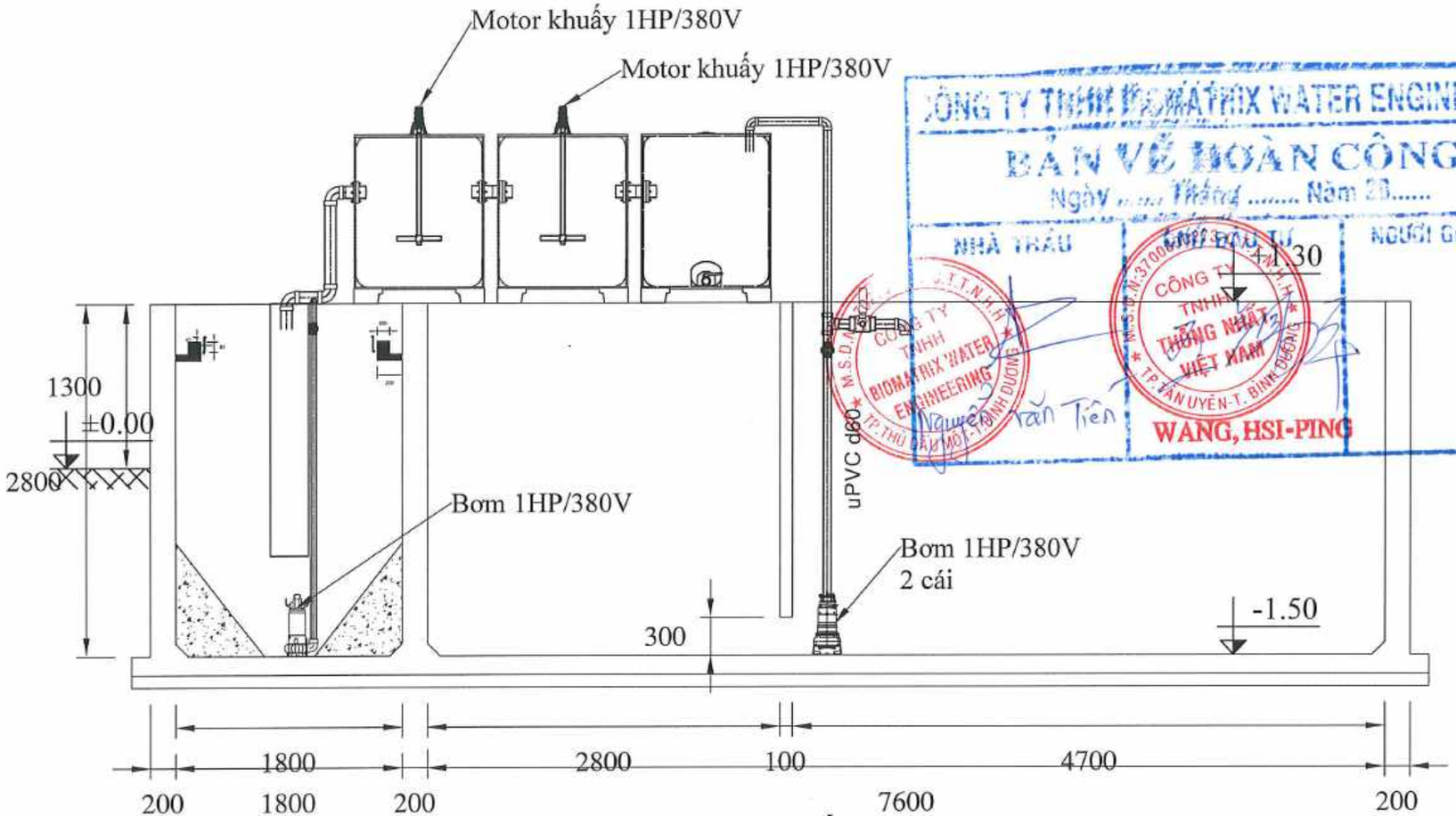

MẶT CẮT A-A

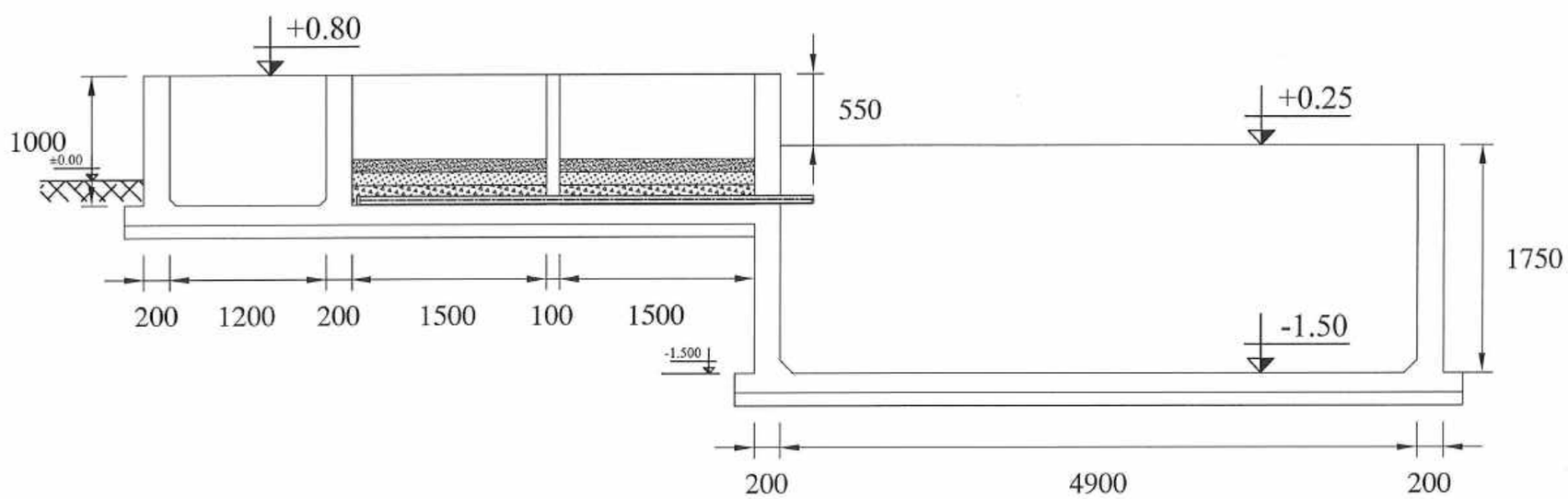

MẶT CẮT B-B

CÔNG TY TNHH BIOMATRIX WATER ENGINEERING
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Số:.....
Ngày ... Tháng ..... Năm 20.....
NHÀ THẦU | CHỦ ĐẦU TƯ | NGƯỜI GIÁM SÁT
Nguyễn Văn Tiến
WANG, HSI-PING

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

WANG, HSI-PING

Địa chỉ: đường Tân Hiệp 02, KP Ông Đông, P. Tân Hiệp, TP. Tân Uyên, T. Bình Dương

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THI CÔNG

CÔNG TY TNHH
BIOMATRIX WATER ENGINEERING

Nguyễn Văn Tiến

Địa chỉ: 55/19 Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu 3, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương

QUẢN LÝ CHUNG

ĐẶNG THỊ TUYẾT VÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

NGUYỄN VĂN TIẾN

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
VÀ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG

HẠNG MỤC:

XPXD	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG	☐
P.C.C.C	☐
HOÀN CÔNG	☒

TÊN BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH	BV SỐ:
THÁNG 5/2024	4 / 9

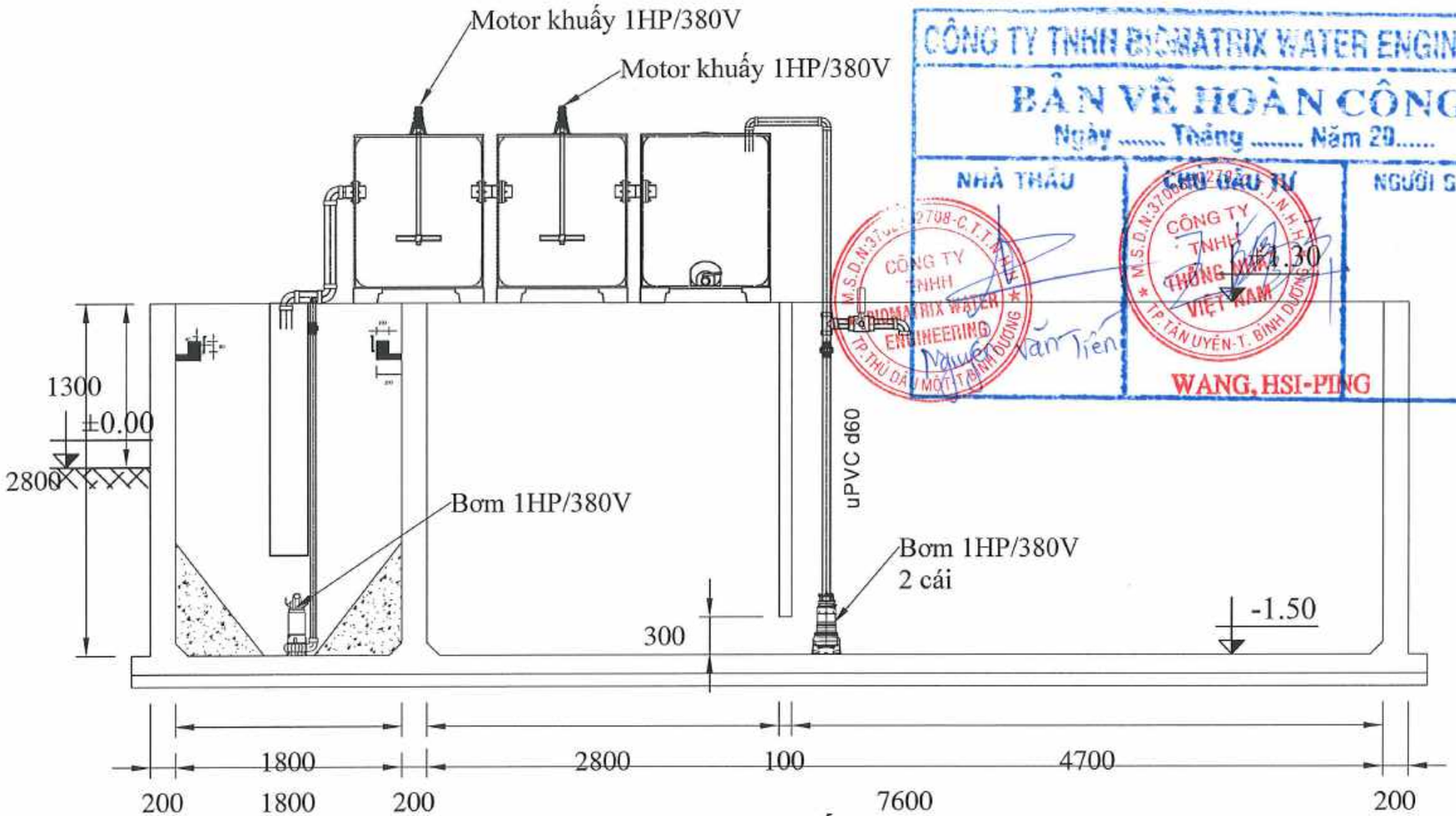

MẶT CẮT A-A

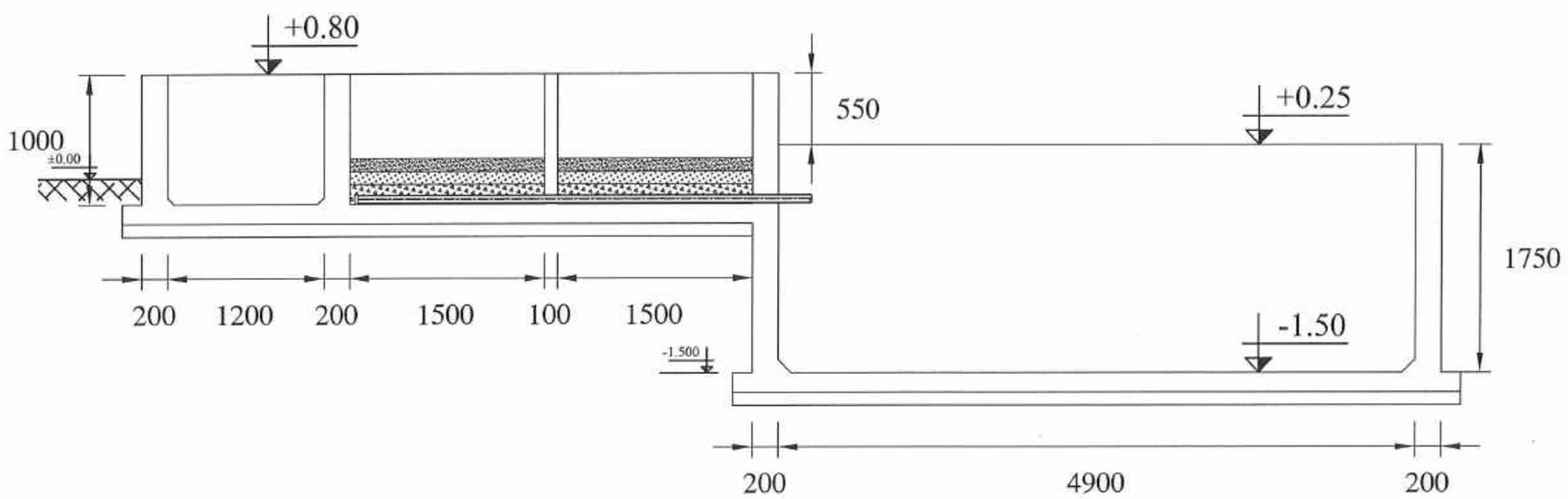

MẶT CẮT B-B

CÔNG TY TNHH BIOMATRIX WATER ENGINEERING

BẢN VẼ HOÀN CÔNG Số:.....

Ngày ..... Tháng ..... Năm 20.....

NHÀ THẦU	CHỦ ĐẦU TƯ	NGƯỜI GIÁM SÁT
Nguyễn Văn Tiến	14:30 WANG, HSI-PING	

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

WANG, HSI-PING

Địa chỉ: đường Tân Hiệp 02, KP Ông Đông, P. Tân Hiệp, TP. Tân Uyên, T. Bình Dương

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THI CÔNG

CÔNG TY TNHH BIOMATRIX WATER ENGINEERING

Nguyễn Văn Tiến

Địa chỉ: 55/19 Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu 3, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương

QUẢN LÝ CHUNG

ĐẶNG THỊ TUYẾT VÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

NGUYỄN VĂN TIẾN

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT VÀ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG

HẠNG MỤC:

XPXD	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG	☐
P.C.C.C	☐
HOÀN CÔNG	☒

TÊN BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH THÁNG 5/2024

BV SỐ: 4 / 9

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT: 50M^3/NGÀY.ĐÊM

CÔNG TY TNHH BIOMATRIX WATER ENGINEERING
BẢN VẼ HOÀN CÔNG SỐ:.....
Ngày ..... Tháng ..... Năm 20.....
NHÀ THẦU | CHỦ ĐẦU TƯ | NGƯỜI GIÁM SÁT
CÔNG TY TNHH BIOMATRIX WATER ENGINEERING
CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM
WANG, HSI-PING

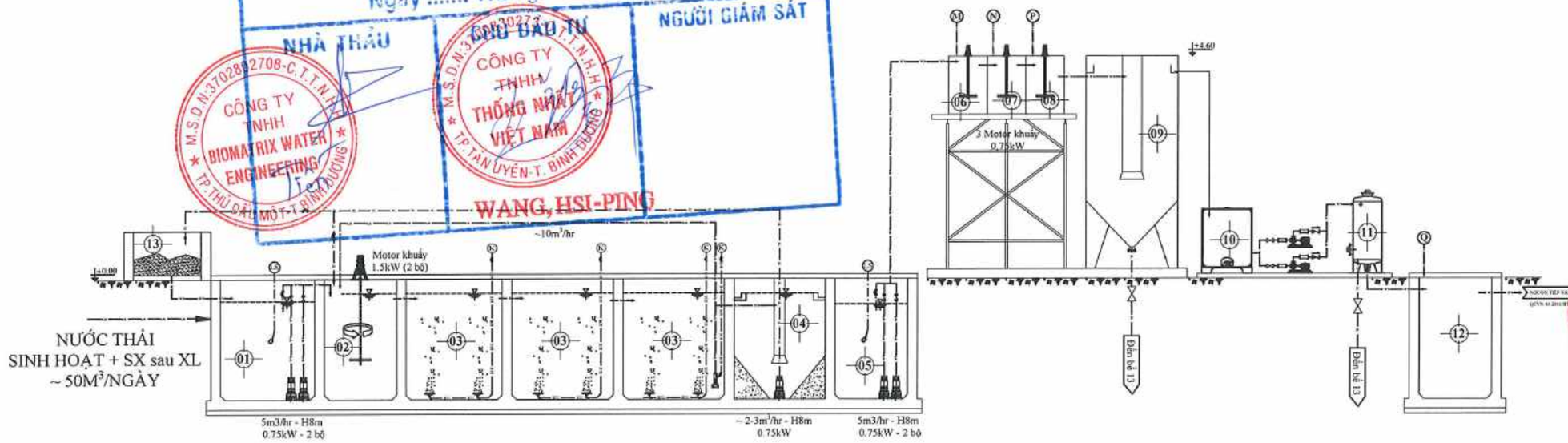

STT	HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC (m)			THỂ TÍCH	CHẤT LIỆU
		DÀI	RỘNG	SÂU	(m3)	
1	BỂ ĐIỀU HÒA	4.1	2	2.5	2.80	BTCT
2	BỂ ANOXIC	4.1	1.5	2.5	15.38	BTCT
3	BỂ HIẾU KHÍ 1	4.1	2	2.5	20.50	BTCT
	BỂ HIẾU KHÍ 2	4.1	2.1	2.5	21.53	BTCT
	BỂ HIẾU KHÍ 3	4.1	2	2.5	20.50	BTCT
4	BỂ LẮNG SINH HỌC	2	2	2.5	10.00	BTCT
5	BỂ ỔN ĐỊNH	2	0.9	2.5	4.50	BTCT
6	BỂ CHỈNH pH	1.2	0.8	1.2	1.15	Inox 304

STT	HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC (m)			THỂ TÍCH	CHẤT LIỆU
		DÀI	RỘNG	SÂU	(m3)	
7	BỂ KEO TỤ	1.2	0.8	1.2	1.15	Inox 304
8	BỂ TẠO BÔNG	1.2	0.8	1.2	1.15	Inox 304
9	BỂ LẮNG HÓA LÝ	DxH =1,9m x 4m			9.45	Inox 304
10	BỂ TRUNG GIAN	1.2	1	1	1.20	bồn nhựa PP
11	BỒN LỌC ÁP	DxH =0,8m x 1,6m			0.80	Thép CT3
12	BỂ KHỬ TRÙNG	2	0.8	2.5	4.00	BTCT
13	SÂN PHƠI BÙN	2	2	1	4.00	BTCT
					-	

HÓA CHẤT

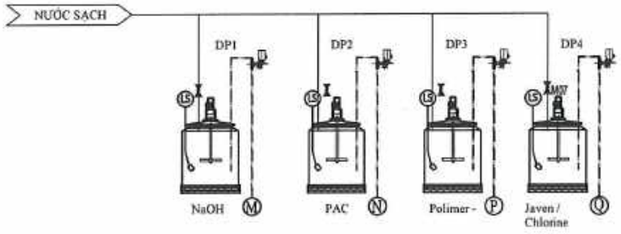

MÁY THỔI KHÍ

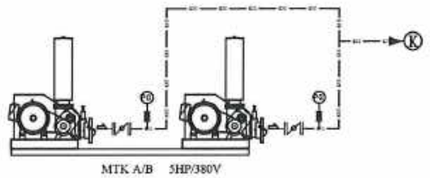

GHI CHÚ

- ĐƯỜNG NƯỚC
- ĐƯỜNG HOÁ CHẤT
- ĐƯỜNG BÙN
- KHÔNG KHÍ

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

WANG, HSI-PING

Địa chỉ: đường Tân Hiệp 02, KP Ông Đông, P. Tân Hiệp, TP. Tân Uyên, T. Bình Dương

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THI CÔNG

CÔNG TY TNHH
BIOMATRIX WATER ENGINEERING

Địa chỉ: 55/19 Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu 3, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương

QUẢN LÝ CHUNG

ĐẶNG THỊ TUYẾT VÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

NGUYỄN VĂN TIẾN

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
VÀ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG

HẠNG MỤC:

XPXD	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG	☐
P.C.C.C	☐
HOÀN CÔNG	☒

TÊN BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH	BV SỐ:
THÁNG 5/2024	5 / 9

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI - CÔNG SUẤT 50M³/NGÀY.Đ

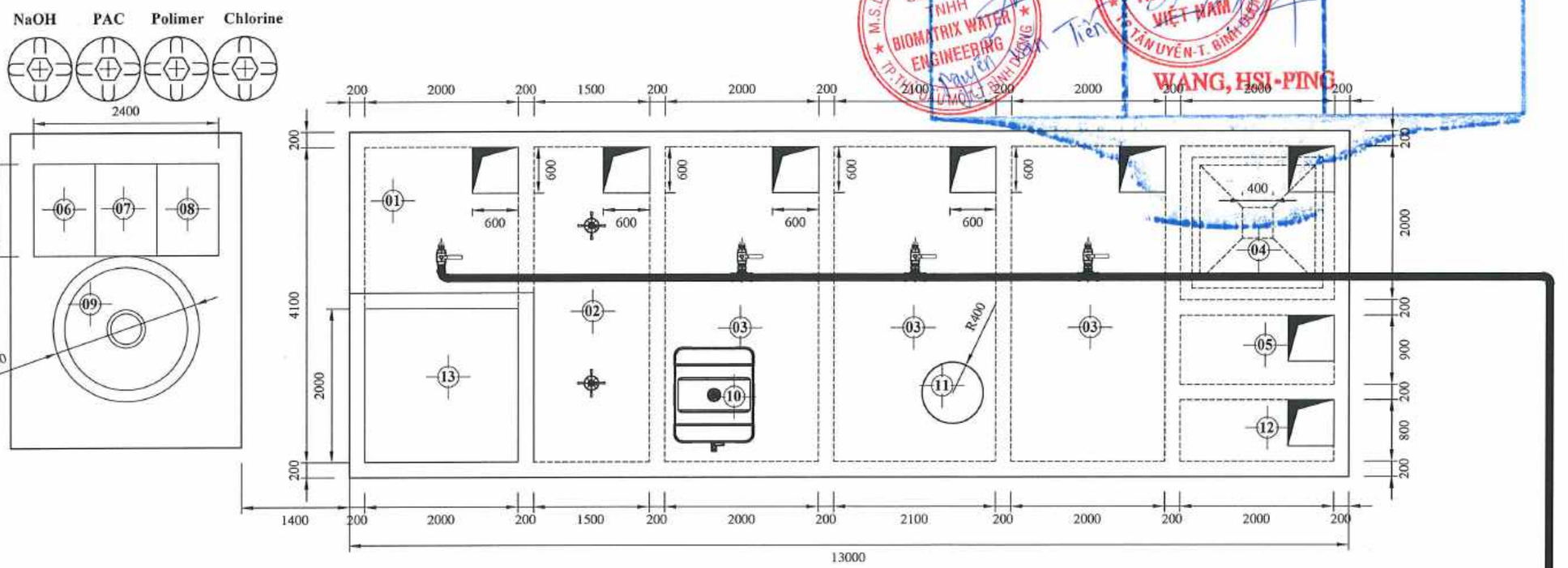

STT	HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC (m)			THỂ TÍCH	CHẤT LIỆU
		DÀI	RỘNG	SÂU	(m3)	
1	BỂ ĐIỀU HÒA	4.1	2	2.5	2.80	BTCT
2	BỂ ANOXIC	4.1	1.5	2.5	15.38	BTCT
3	BỂ HIẾU KHÍ 1	4.1	2	2.5	20.50	BTCT
	BỂ HIẾU KHÍ 2	4.1	2.1	2.5	21.53	BTCT
	BỂ HIẾU KHÍ 3	4.1	2	2.5	20.50	BTCT
4	BỂ LẮNG SINH HỌC	2	2	2.5	10.00	BTCT
5	BỂ ỔN ĐỊNH	2	0.9	2.5	4.50	BTCT
6	BỂ CHỈNH pH	1.2	0.8	1.2	1.15	Inox 304

STT	HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC (m)			THỂ TÍCH	CHẤT LIỆU
		DÀI	RỘNG	SÂU	(m3)	
7	BỂ KEO TỤ	1.2	0.8	1.2	1.15	Inox 304
8	BỂ TẠO BÔNG	1.2	0.8	1.2	1.15	Inox 304
9	BỂ LẮNG HÓA LÝ	DxH =1,9m x 4m			9.45	Inox 304
10	BỂ TRUNG GIAN	1.2	1	1	1.20	bồn nhựa PP
11	BỒN LỌC ÁP	DxH =0,8m x 1,6m			0.80	Thép CT3
12	BỂ KHỬ TRÙNG	2	0.8	2.5	4.00	BTCT
13	SÂN PHƠI BÙN	2	2	1	4.00	BTCT
					-	

CÔNG TY TNHH BIOMATRIX WATER ENGINEERING
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Số:.....
Ngày ..... Tháng ..... Năm 20.....
KHA THIẾU | CHỈ HUY TRƯỞNG | GIÁM SÁT
WANG, HSI-PING

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

WANG, HSI-PING
Địa chỉ: đường Tân Hiệp 02, KP Ông Đông, P. Tân Hiệp, TP. Tân Uyên, T. Bình Dương

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THI CÔNG

CÔNG TY TNHH
BIOMATRIX WATER ENGINEERING

Địa chỉ: 5539 Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu 3, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương

QUẢN LÝ CHUNG

ĐẶNG THỊ TUYẾT VÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

NGUYỄN VĂN TIẾN

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
VÀ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG

HẠNG MỤC:

XPXD	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG	☐
P.C.C.C	☐
HOÀN CÔNG	☒

TÊN BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH
THÁNG 5/2024

BV SỐ:
6 / 9

MẶT BẰNG XÂY DỰNG

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI - CÔNG SUẤT: 50M³/NGÀY.Đ

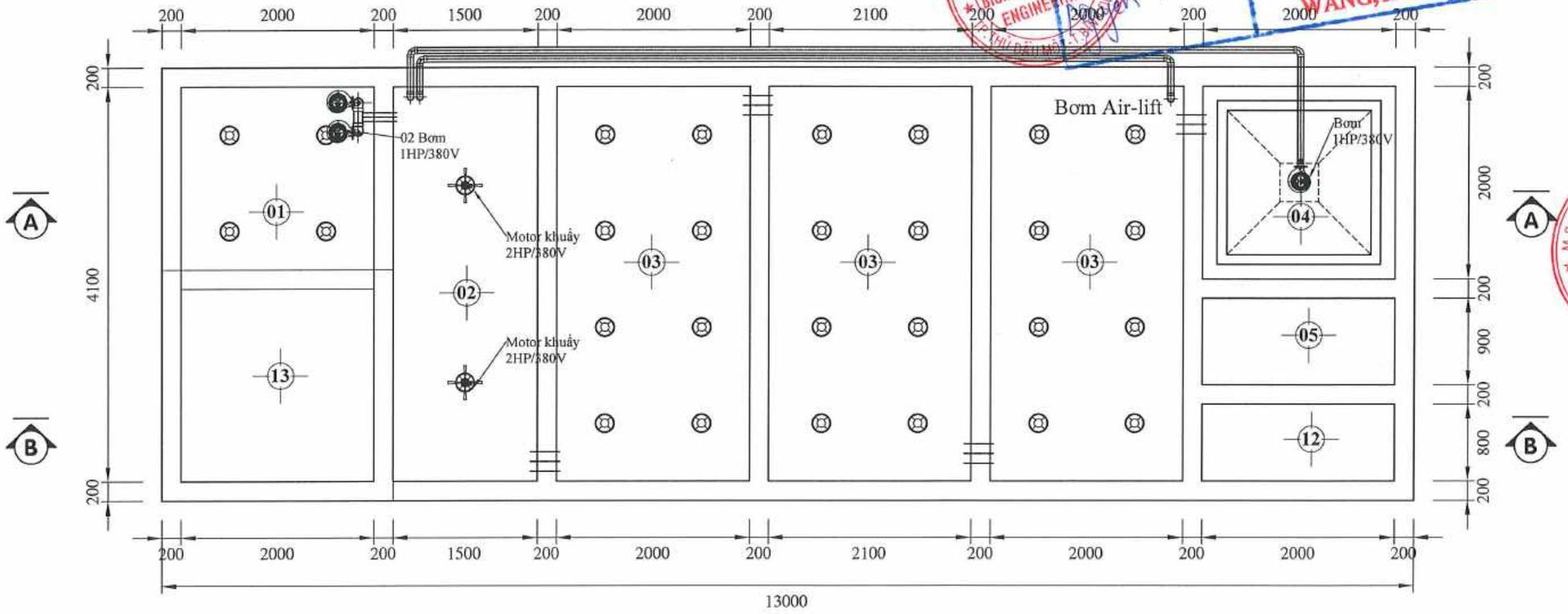

STT	HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC (m)			THỂ TÍCH (m3)	CHẤT LIỆU
		DÀI	RỘNG	SÂU		
1	BỂ ĐIỀU HÒA	4.1	2	2.5	2.80	BTCT
2	BỂ ANOXIC	4.1	1.5	2.5	15.38	BTCT
3	BỂ HIẾU KHÍ 1	4.1	2	2.5	20.50	BTCT
	BỂ HIẾU KHÍ 2	4.1	2.1	2.5	21.53	BTCT
	BỂ HIẾU KHÍ 3	4.1	2	2.5	20.50	BTCT
4	BỂ LẮNG SINH HỌC	2	2	2.5	10.00	BTCT
5	BỂ ỔN ĐỊNH	2	0.9	2.5	4.50	BTCT
6	BỂ CHỈNH pH	1.2	0.8	1.2	1.15	Inox 304

STT	HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC (m)			THỂ TÍCH (m3)	CHẤT LIỆU
		DÀI	RỘNG	SÂU		
7	BỂ KEO TỤ	1.2	0.8	1.2	1.15	Inox 304
8	BỂ TẠO BÔNG	1.2	0.8	1.2	1.15	Inox 304
9	BỂ LẮNG HÓA LÝ	DxH =1,9m x 4m			9.45	Inox 304
10	BỂ TRUNG GIAN	1.2	1	1	1.20	bồn nhựa PP
11	BỒN LỌC ÁP	DxH =0,8m x 1,6m			0.80	Thép CT3
12	BỂ KHỬ TRÙNG	2	0.8	2.5	4.00	BTCT
13	SÂN PHƠI BÙN	2	2	1	4.00	BTCT
					-	

CÔNG TY TNHH BIOMATRIX WATER ENGINEERING
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày ..... Tháng ..... Năm 20.....
NHÀ THẦU | CHỦ ĐẦU TƯ | NGƯỜI GIÁM SÁT
WANG, HSI-PING

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

WANG, HSI-PING

Địa chỉ: đường Tân Hiệp 02, KP Ông Đông, P. Tân Hiệp, TP. Tân Uyên, T. Bình Dương

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THI CÔNG

CÔNG TY TNHH
BIOMATRIX WATER ENGINEERING

Địa chỉ: 55/19 Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu 3, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương

QUẢN LÝ CHUNG

ĐẶNG THỊ TUYẾT VÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

NGUYỄN VĂN TIẾN

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
VÀ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG

HẠNG MỤC:

XPXD	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG	☐
P.C.C.C	☐
HOÀN CÔNG	☒

TÊN BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH	BV SỐ:
THÁNG 5/2024	7/9

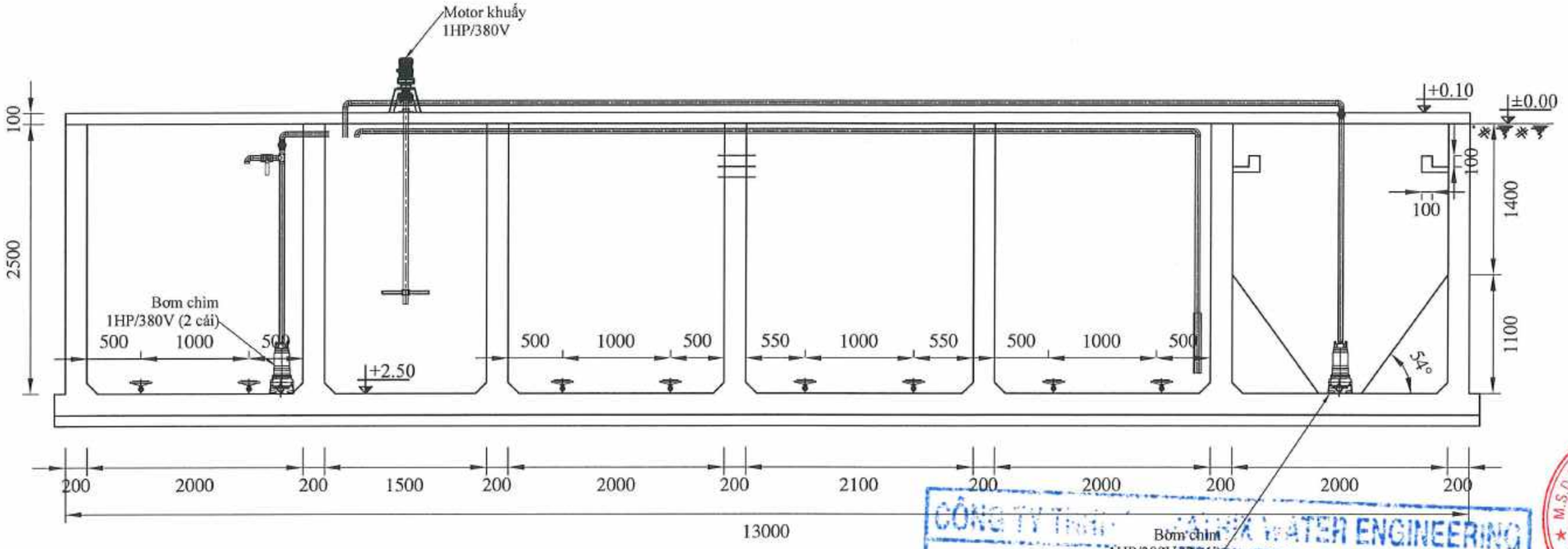

MẶT CẮT A-A

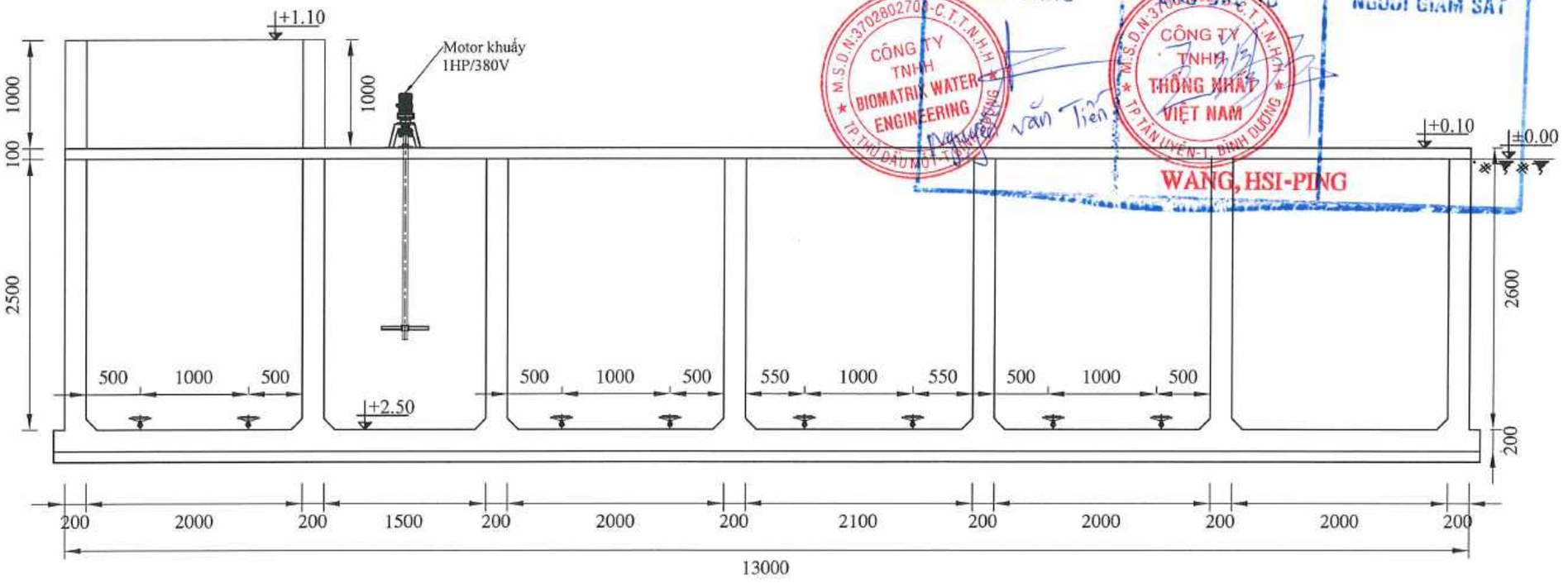

MẶT CẮT B-B

CÔNG TY TNHH BIOMATRIX WATER ENGINEERING
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Số:.....
Ngày ..... Tháng ..... Năm 20.....
NHÀ THẦU
NGƯỜI GIÁM SÁT
WANG, HSI-PING

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

WANG, HSI-PING

Địa chỉ: đường Tân Hiệp 02, KP Ông Đông, P. Tân Hiệp, TP. Tân Uyên, T. Bình Dương

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THI CÔNG

CÔNG TY TNHH
BIOMATRIX WATER ENGINEERING

Nguyễn Văn Tiến

Địa chỉ: 55/19 Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu 3, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương

QUẢN LÝ CHUNG

ĐẶNG THỊ TUYẾT VÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

NGUYỄN VĂN TIẾN

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
VÀ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG

HẠNG MỤC:

XPXD	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG	☐
P.C.C.C	☐
HOÀN CÔNG	☒

TÊN BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH	BV SỐ:
THÁNG 5/2024	8/9

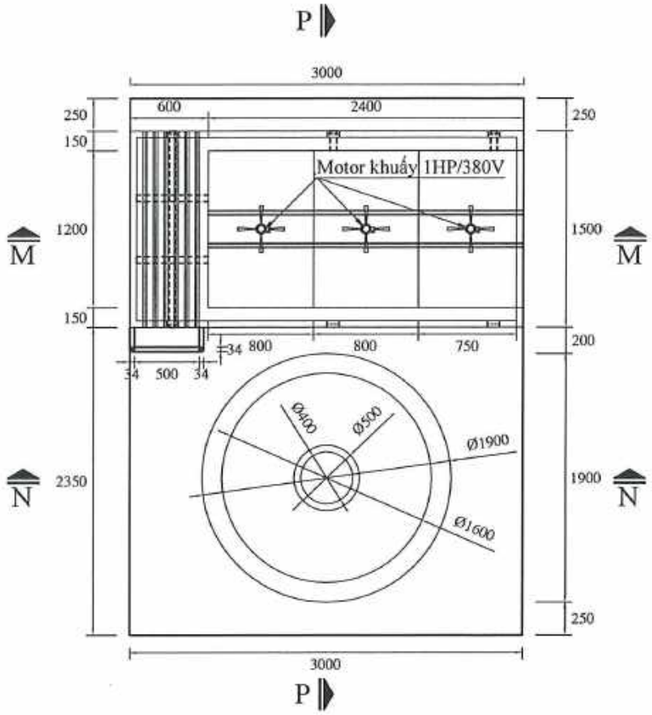

MẶT BẰNG CỤM HÓA HÓA LÝ

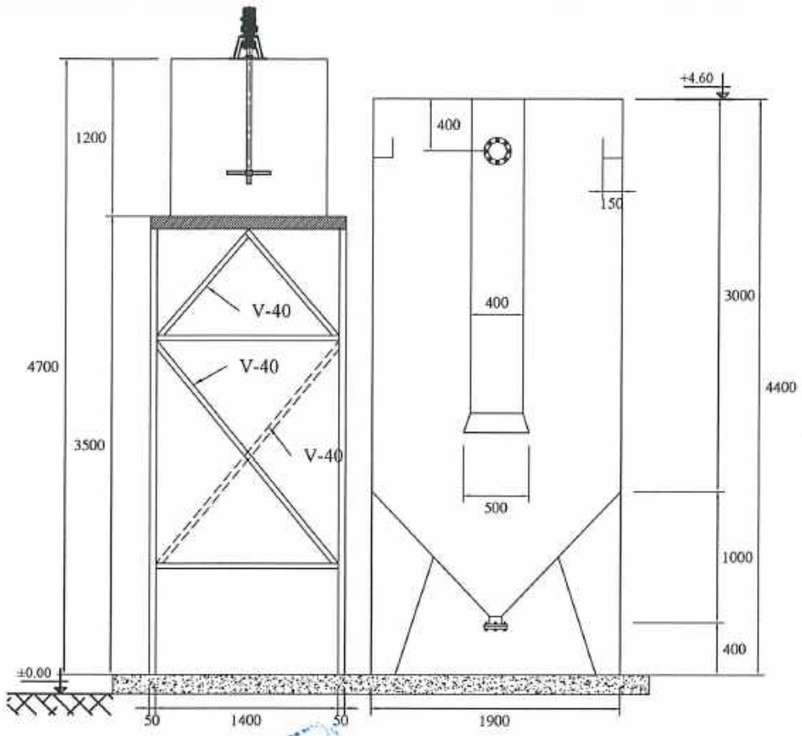

MẶT CẮT P-P

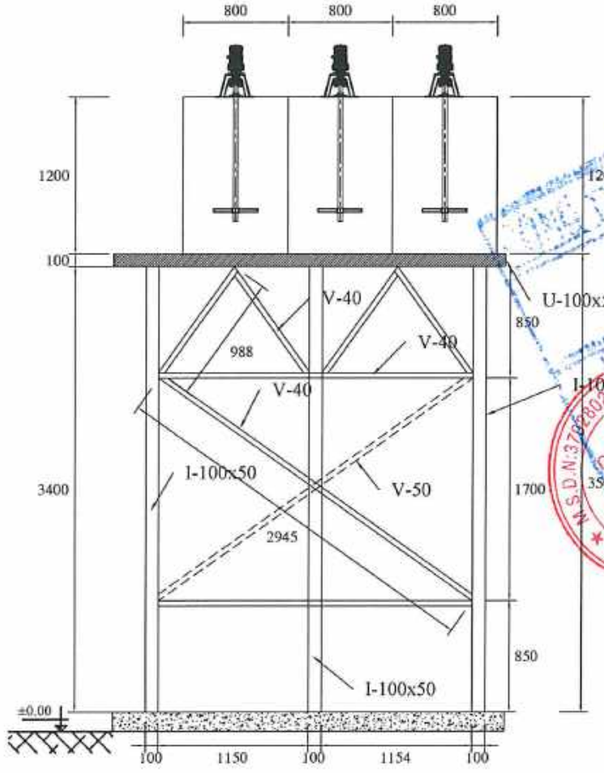

MẶT CẮT M-M

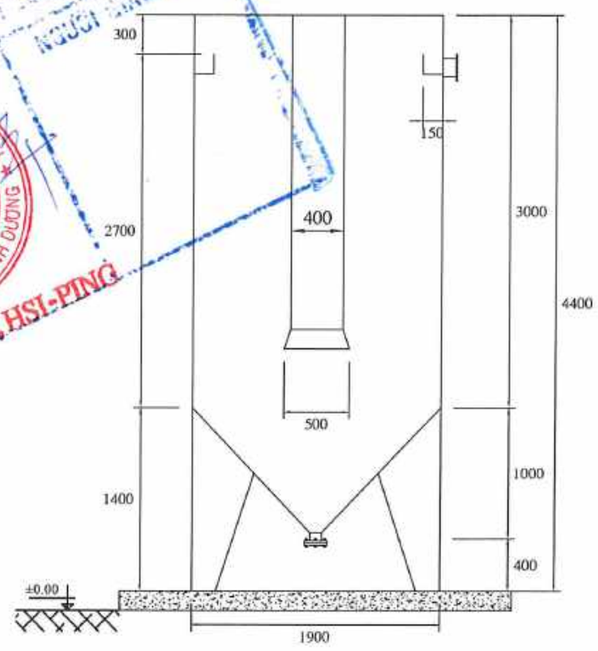

MẶT CẮT N-N

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

WANG, HSI-PING

Địa chỉ: đường Tân Hiệp 02, KP Ông Đông, P. Tân Hiệp, TP. Tân Uyên, T. Bình Dương

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THI CÔNG

CÔNG TY TNHH
BIOMATRIX WATER ENGINEERING

Nguyễn văn Tiến

Địa chỉ: 55/19 Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu 3, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương

QUẢN LÝ CHUNG

ĐẶNG THỊ TUYẾT VÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

NGUYỄN VĂN TIẾN

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
VÀ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG

HẠNG MỤC:	
XPXD	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG	☐
P.C.C.C	☐
HOÀN CÔNG	☒

TÊN BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH THÁNG 5/2024	**BV SỐ:** 9 / 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
.....o0o.....

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN
BẢN VẼ HOÀNG CÔNG
Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	GIÁM SÁT CHỦ ĐẦU TƯ
		CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

WANG, HSI-PING

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH: HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI GỖ.
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM.
ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KP. ÔNG ĐÔNG, P. TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG.

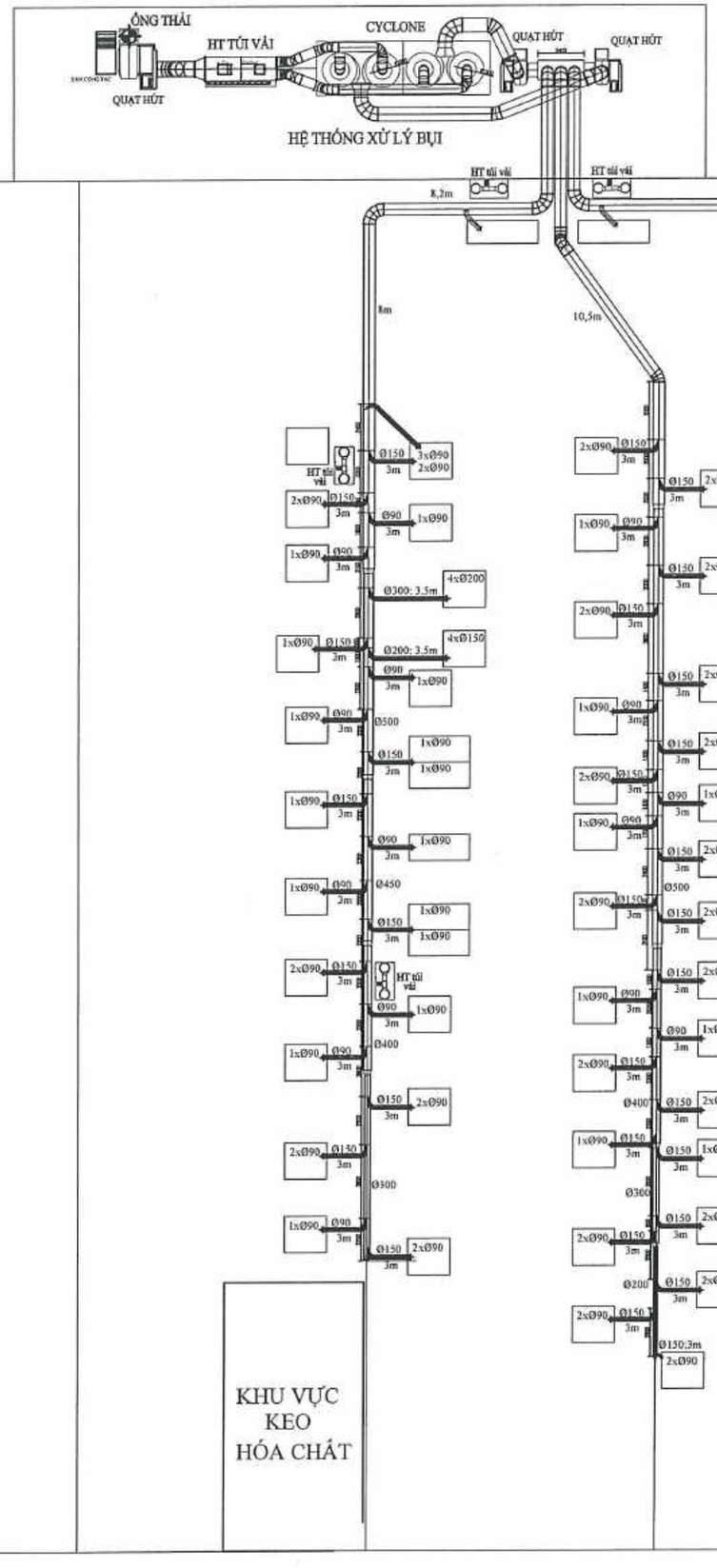

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

BẢN VẼ HOÀNG CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	GIÁM SÁT CHỦ ĐẦU TƯ

WANG, HSI-PING

MẶT BẰNG THU GOM HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI GỖ XƯỞNG 1

HIỆU CHỈNH - REVISION

NO.	DATE	DESCRIPTION	DRAW.	CHECK.	APPR.
1					
2					
3					
4					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PERMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆN TRẠNG/HOÀN CÔNG	☒	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 32, KHU PHỐ ÔNG ĐÔNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

ĐC: BỐ 23, ĐƯỜNG D8, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

Nguyễn Thị Bích Phương

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT

BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER

BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY

TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

XỬ LÝ BỤI GỖ

HẠNG MỤC - ITEM:

HTXL BỤI GỖ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT BẰNG THU GOM

KÝ HIỆU B. VẼ	BUI-01/08

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

BẢN VẼ HOÀNG CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	GIÁM SÁT CHỦ ĐẦU TƯ
		CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

WANG, HSI-PING

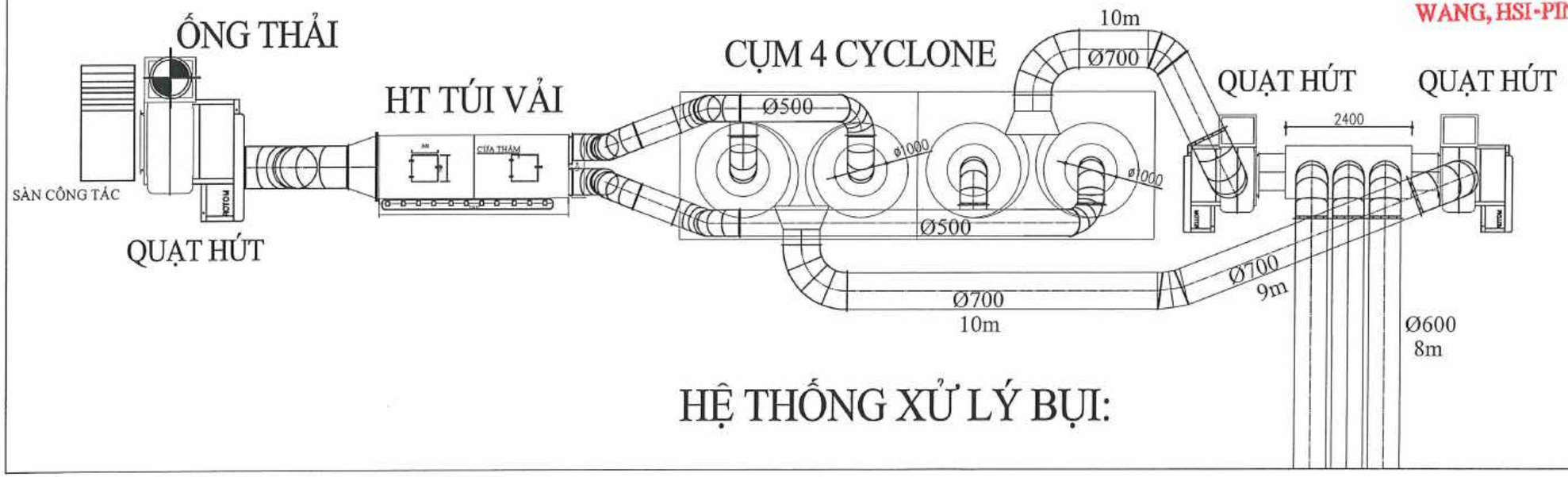

HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI:

HIỆU CHỈNH - REVISION

NO.	DATE	DESCRIPTION	DRAW.	CHECK	APPR.
1					
2					
3					
4					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PERMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆN TRẠNG/HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG ĐÔNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG.

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

ĐC: SỐ 23, ĐƯỜNG D8, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

Nguyễn Thị Bích Phượng

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT

BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER

BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY

TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

XỬ LÝ BỤI GỖ

HẠNG MỤC - ITEM:

HTXL BỤI GỖ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT BẰNG HTXL

KÝ HIỆU B. VẼ	BUI-02/08

MẶT BẰNG CẮT CHI TIẾT CYCLONE CỦA HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI :

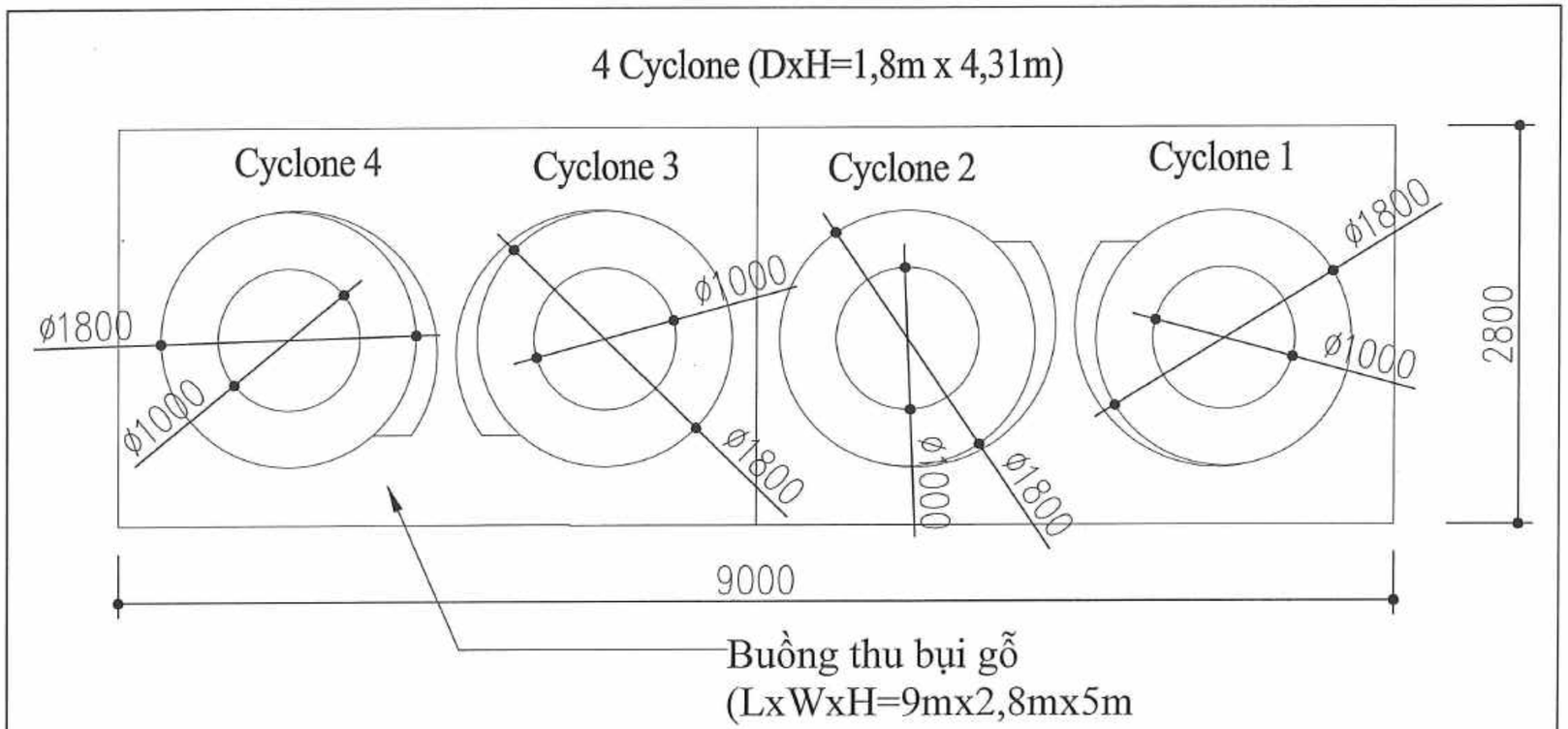

MẶT BẰNG CHI TIẾT CỤM 04 CYCLONE:

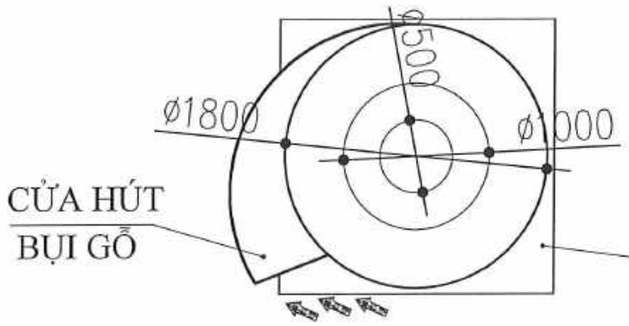

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	GIÁM SÁT CHỦ ĐẦU TƯ

WANG, HSI-PING

MẶT BẰNG CHI TIẾT CYCLONE:

HIỆU CHỈNH - REVISION

KÝ HIỆU	NGÀY PHÁT	DIỄN GIẢI	SOẠN THẢO	KIỂM TRA	PHÊ DUYỆT
1					
2					
3					
4					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PERMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆN TRẠNG/HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM
ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG ĐỒNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER
WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN
ĐC: SỐ 23, ĐƯỜNG D8, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER
Nguyễn Thị Bích Phương

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT
BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER
BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY
TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :
XỬ LÝ BỤI GỖ

HẠNG MỤC - ITEM:
HTXL BỤI GỖ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
MẶT BẰNG CYCLONE

KÝ HIỆU B. VẼ	BUI-03/08

MẶT BẰNG CẮT CHI TIẾT CYCLONE CỦA HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI :

BẢN VẼ HOÀNG CÔNG
Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	GIÁM SÁT CHỦ ĐẦU TƯ

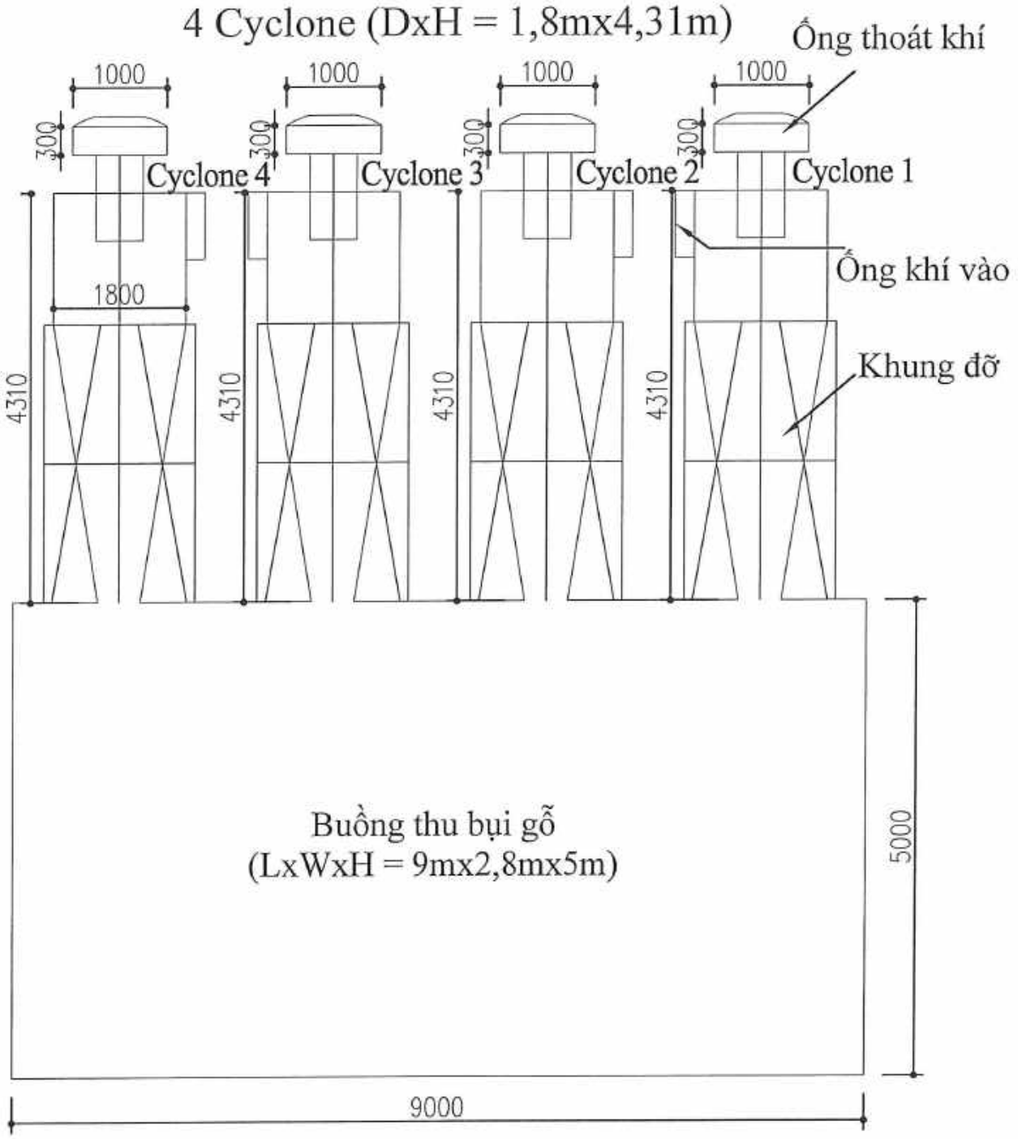

MẶT CẮT A-A CỤM 04 CYCLONE:

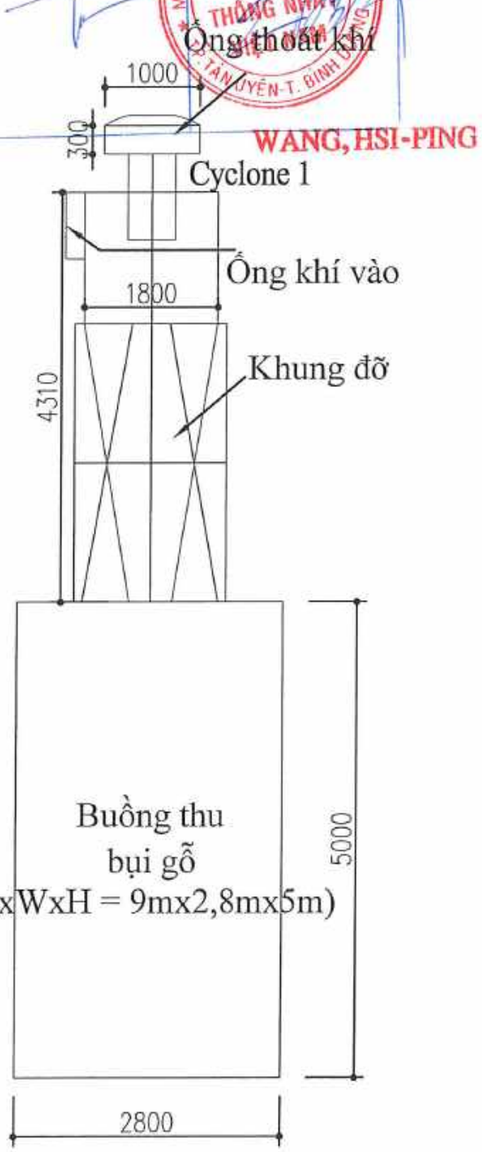

MẶT CẮT B-B CỤM 04 CYCLONE:

WANG, HSI-PING

HIỆU CHỈNH - REVISION

NO.	DATE	DESCRIPTION	DRAW.	CHECK	APPR.
1					
2					
3					
4					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PERMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆN TRẠNG/HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM
ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG ĐÔNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG.

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER
WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN
ĐC: SỐ 23, ĐƯỜNG D8, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER
Nguyễn Thị Bích Phượng

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT
BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER
BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY
TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :
XỬ LÝ BỤI GỖ

HẠNG MỤC - ITEM:
HTXL BỤI GỖ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
MẶT CẮT CYCLONE

KÝ HIỆU B. VẼ	BUI-04/08

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

BẢN VẼ HOÀNG CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH

WANG, HSI-PING

BẢN VẼ MẶT BẰNG HỆ THỐNG LỌC BỤI TÚI VẢI:

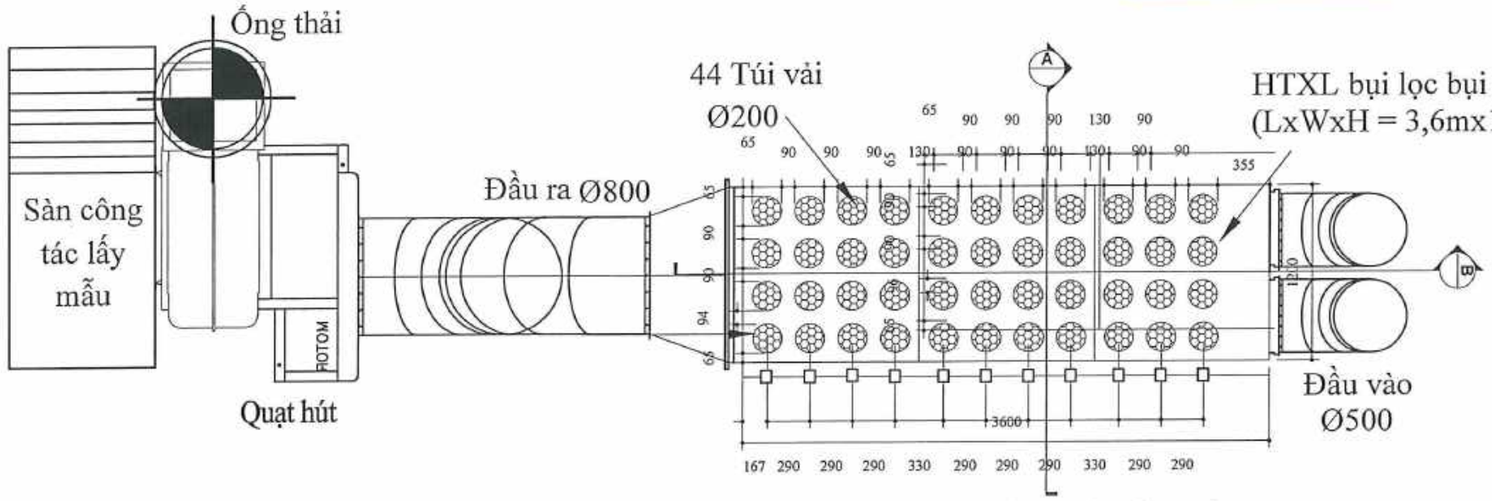

MẶT BẰNG PHÂN BỐ TÚI VẢI:

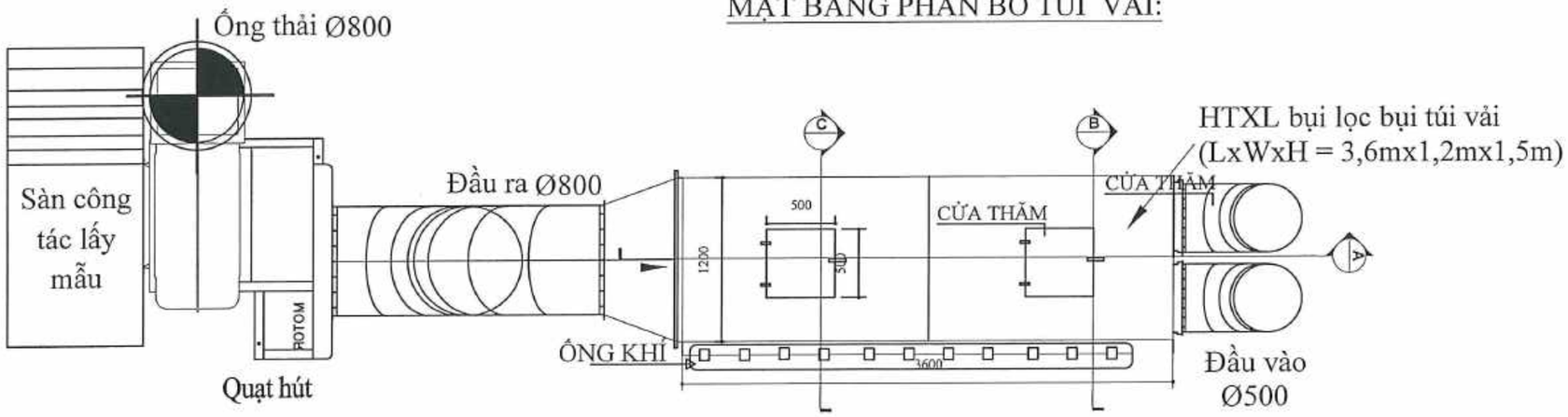

MẶT BẰNG HTXL BỤI TÚI VẢI:

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. NUM	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAW. NGƯỜI VẼ	CHECK KIỂM	APPROV. DUYỆT
1					
2					
3					
4					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PERMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆN TRẠNG/HOÀN CÔNG	☒	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG ĐÔNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG.

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

ĐC: SỐ 23, ĐƯỜNG DỌC KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

Nguyễn Thị Bích Phượng

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT

BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER

BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY

TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

XỬ LÝ BỤI GỖ

HẠNG MỤC - ITEM:

HTXL BỤI GỖ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT BẰNG THIẾT BỊ LỌC BỤI TÚI VẢI

KÝ HIỆU B. VẼ: BUI-05/08

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

BẢN VẼ HOÀNG CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
		WANG, HSI-PING

BẢN VẼ MẶT CẮT TRONG HỆ THỐNG LỌC BỤI TÚI VẢI:

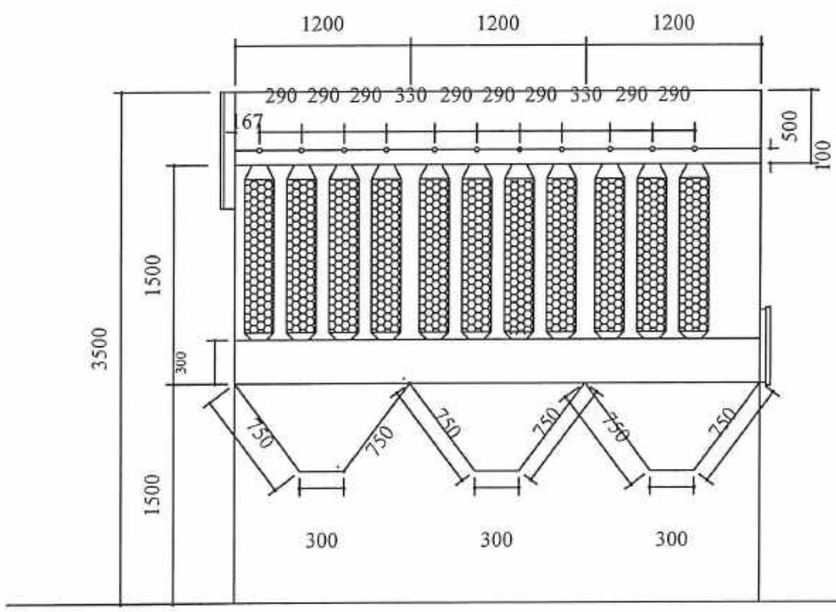

MẶT CẮT A-A:

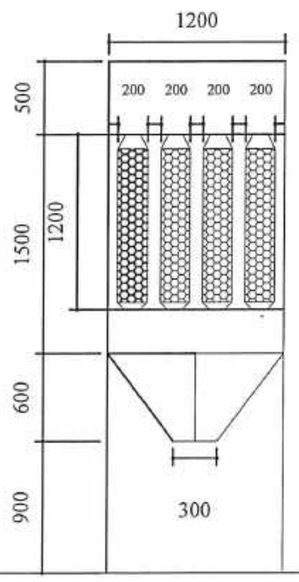

MẶT CẮT B-B:

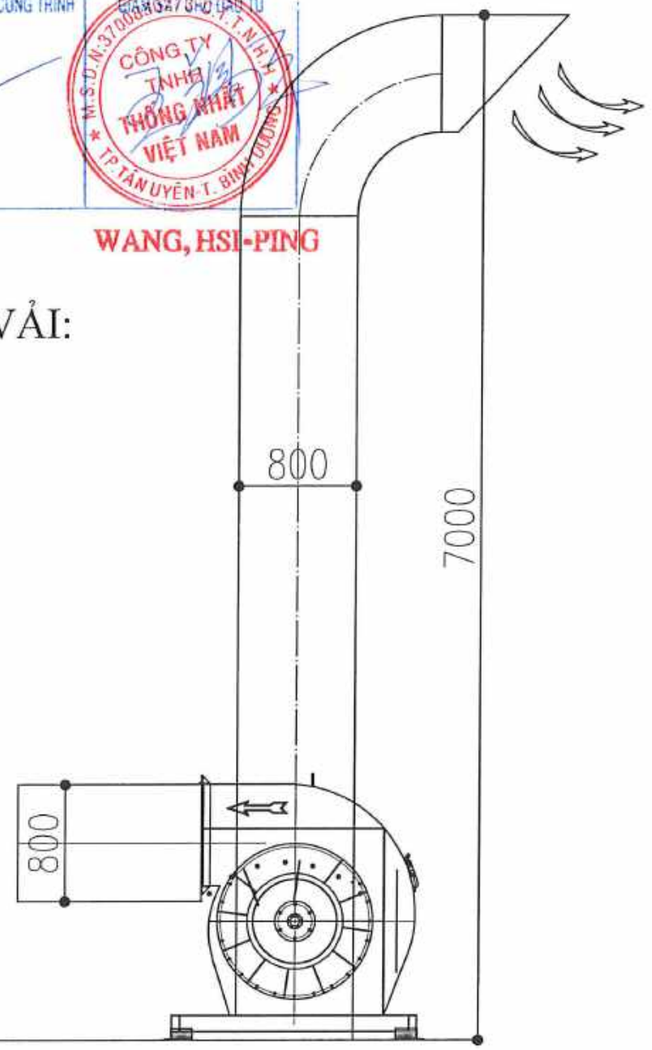

MẶT CẮT ỐNG THẢI:

HIỆU CHỈNH - REVISION

NO.	DATE	DESCRIPTION	DRAW.	CHECK.	APPR.
1					
2					
3					
4					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PERMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HOÀN THÀNH/HOÀN CÔNG	☒	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG ĐÔNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG.

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

ĐC: SỐ 23, ĐƯỜNG Đ9, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

Nguyễn Thị Bích Phượng

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT

BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER

BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY

TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

XỬ LÝ BỤI GỖ

HẠNG MỤC - ITEM:

HTXL BỤI GỖ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT CẮT THIẾT BỊ LỌC BỤI TÚI VẢI

KÝ HIỆU B. VẼ	BUI-06/08

BẢN VẼ MẶT CẮT NGOÀI HỆ THỐNG LỌC BỤI TÚI VẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

BẢN VẼ HOÀNG CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	GIÁM SÁT CHỦ ĐẦU TƯ
		WANG, HSI-PING

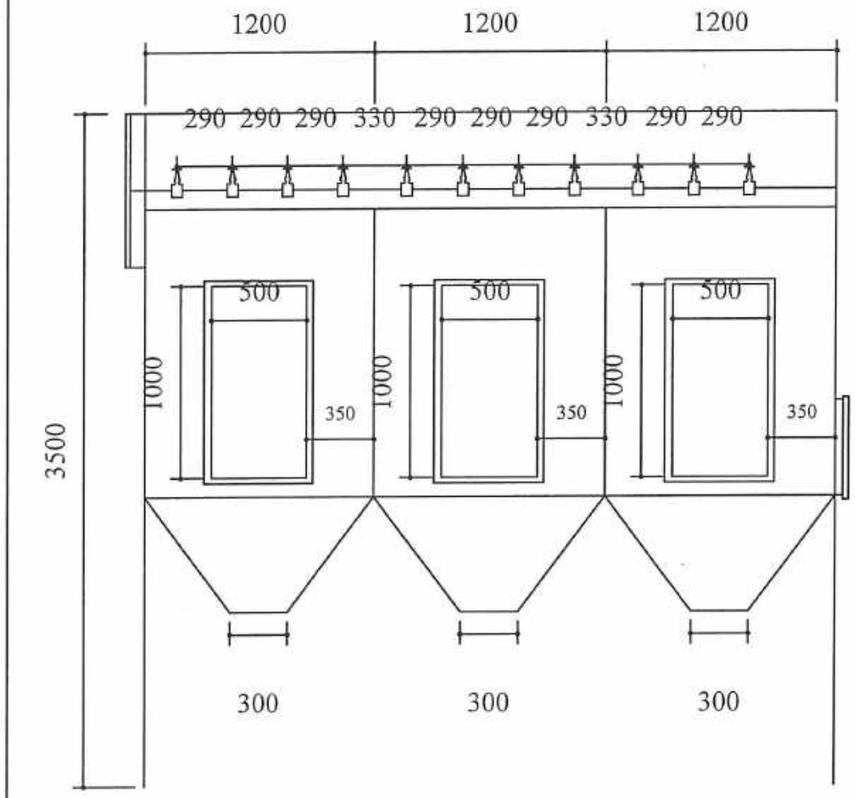

MẶT CẮT A-A:

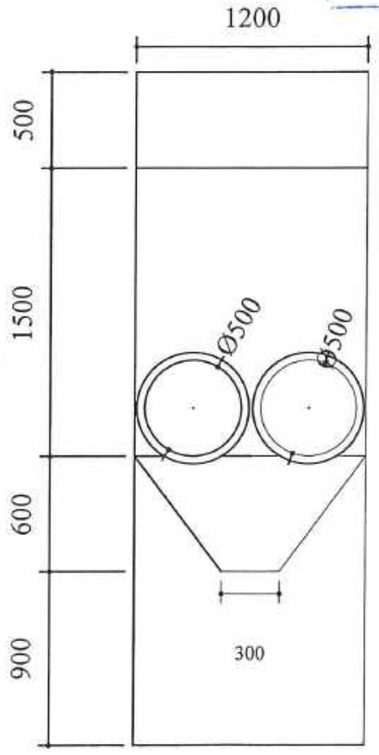

MẶT CẮT B-B:

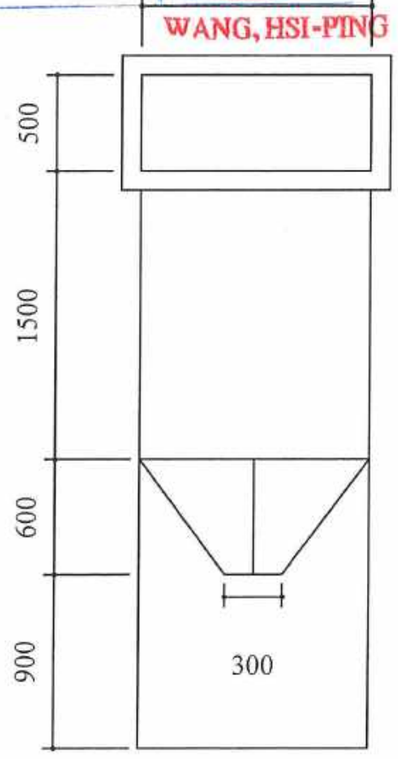

MẶT CẮT C-C:

HIỆU CHỈNH - REVISION

NO.	DATE	DESCRIPTION	DRAWN	CHECK	APPR.
1					
2					
3					
4					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PERMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆN TRẠNG/HOÀN CÔNG	☒	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG ĐÔNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

ĐC: SỐ 23, ĐƯỜNG D6, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

Nguyễn Thị Bích Phương

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT

BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER

BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY

TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

XỬ LÝ BỤI GỖ

HẠNG MỤC - ITEM:

HTXL BỤI GỖ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT CẮT THIẾT BỊ LỌC BỤI TÚI VẢI

KÝ HIỆU B. VẼ	BUI-07/08

BẢN VẼ MẶT CẮT CHI TIẾT LAN CAN HỆ THỐNG LỌC BỤI TÚI VẢI

BẢN VẼ HOÀNG CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH

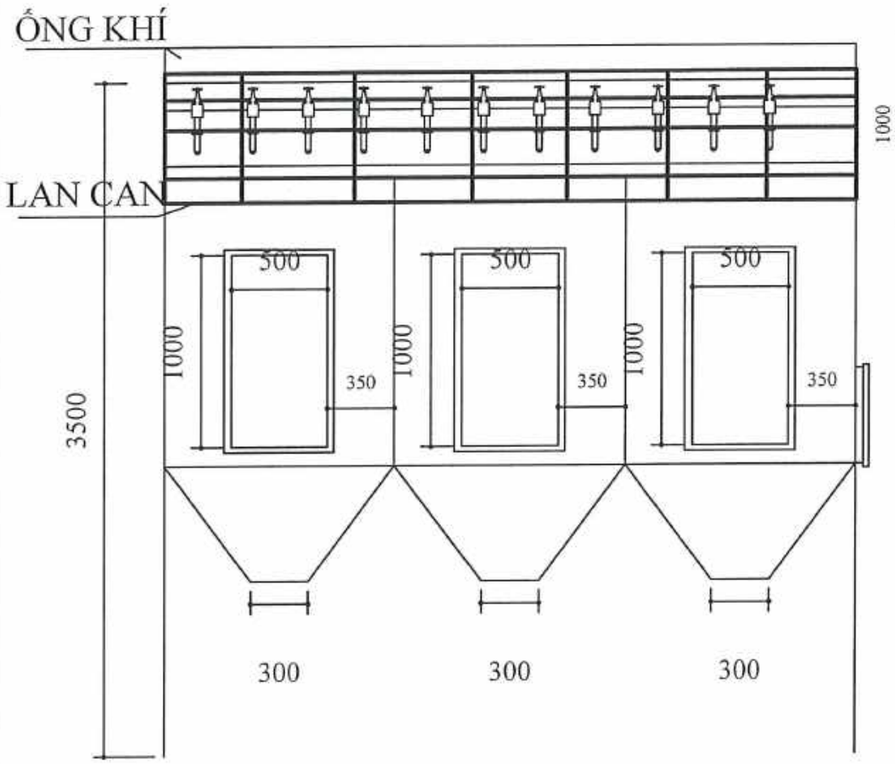

MẶT CẮT A-A:

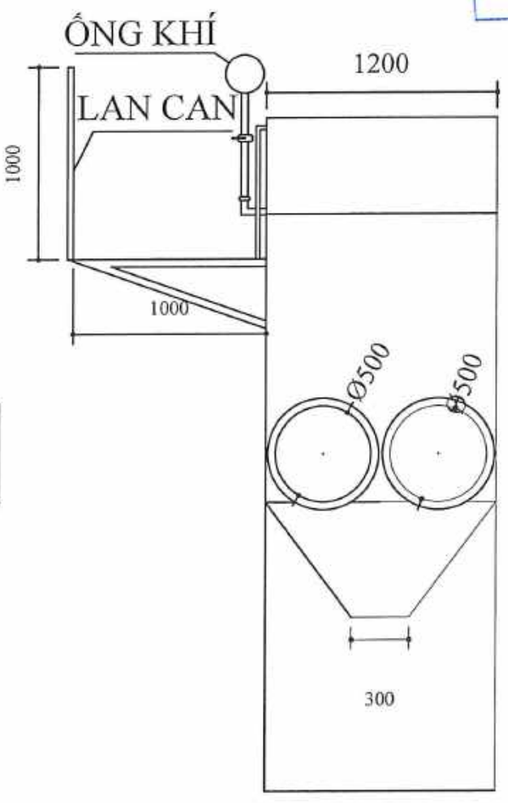

MẶT CẮT B-B:

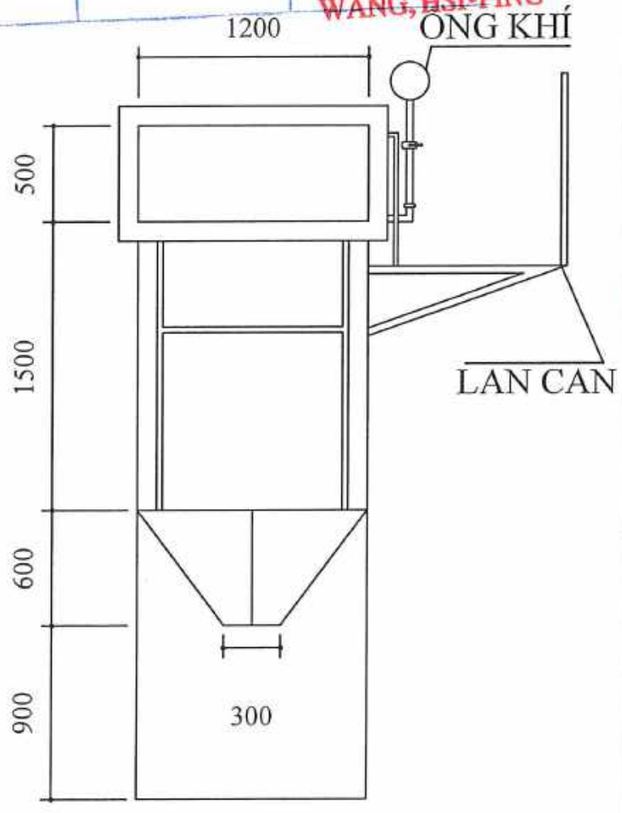

MẶT CẮT C-C:

HIỆU CHỈNH - REVISION

NO.	DATE	DESCRIPTION	DRAW	CHECK	APPR.
1					
2					
3					
4					
5					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PERMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆN TRẠNG/HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG ĐÔNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG.

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

ĐC: SỐ 23, ĐƯỜNG D8, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

Nguyễn Thị Bích Phương

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT

BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER

BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY

TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

XỬ LÝ BỤI GỖ

HẠNG MỤC - ITEM:

HTXL BỤI GỖ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT CẮT THIẾT BỊ LỌC BỤI TÚI VẢI

KÝ HIỆU B. VẼ	BUI-08/08

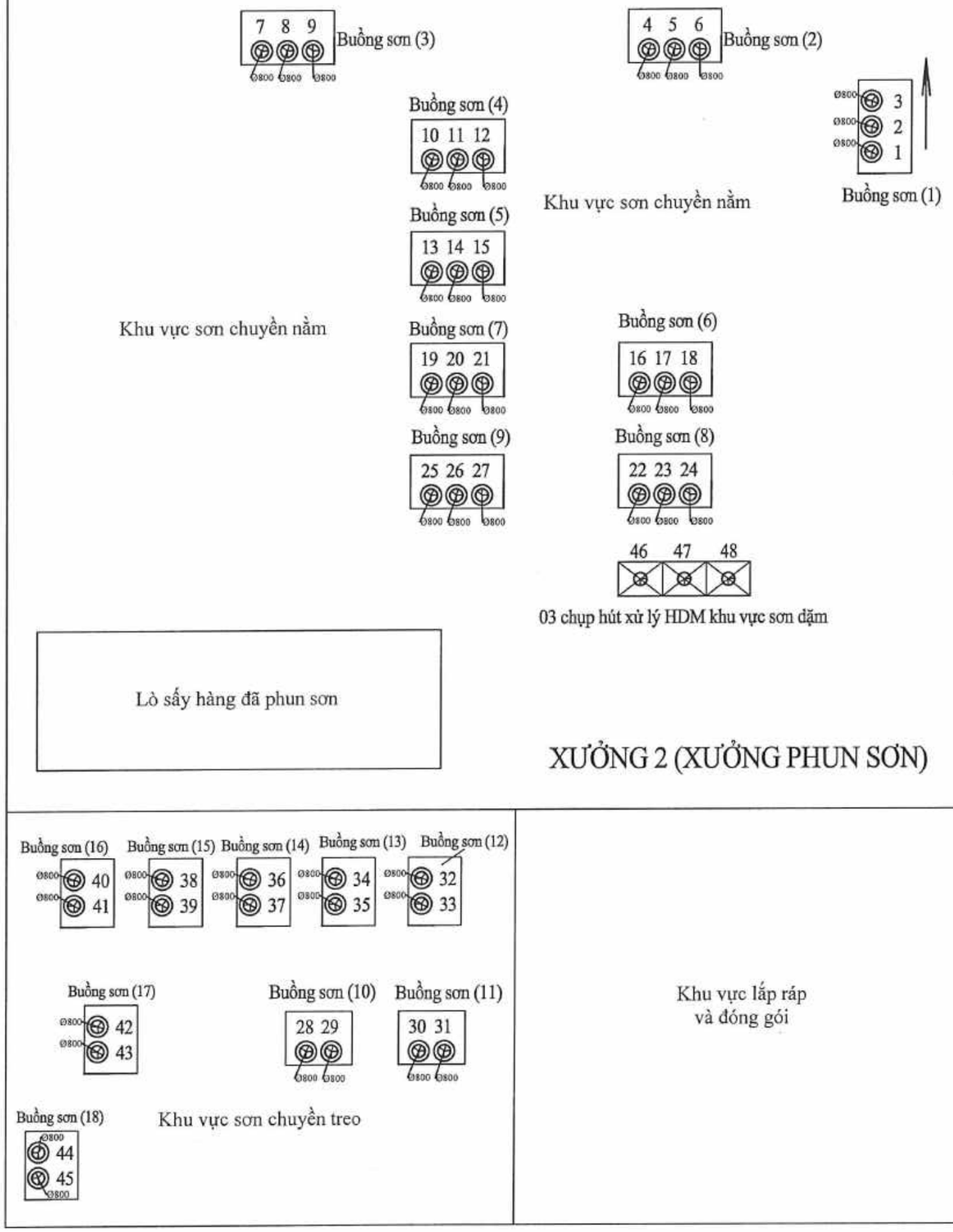

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

BẢN VẼ HOÀNG CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	GIÁM ĐỐC

WANG, HSI-PING

MẶT BẰNG THU GOM BỤI SƠN VÀ HƠI DUNG MÔI XƯỞNG 2

HIỆU CHỈNH - REVISION

NO.	DATE	DESCRIPTION	DRAW.	CHECK	APPROV.
1					
2					
3					
4					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PERMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆN TRẠNG/HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG BỘNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG.

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

ĐC: SỐ 23, ĐƯỜNG D6, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

Nguyễn Thị Bích Phương

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT

BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER

BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY

TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

XỬ LÝ BỤI SƠN & HƠI DUNG MÔI

HẠNG MỤC - ITEM:

HTXL BỤI SƠN VÀ HƠI DUNG MÔI 18 BUỒNG SƠN MÀNG NƯỚC

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT BẰNG THU GOM

KÝ HIỆU B. VẼ	
	HDM-01/04

BẢN VẼ MẶT BẰNG, MẶT CẮT HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI SƠN VÀ HƠI DUNG MÔI 09 BUỒNG PHUN SƠN (9,0m x 3,4m x 2,0m) - XƯỞNG 2.

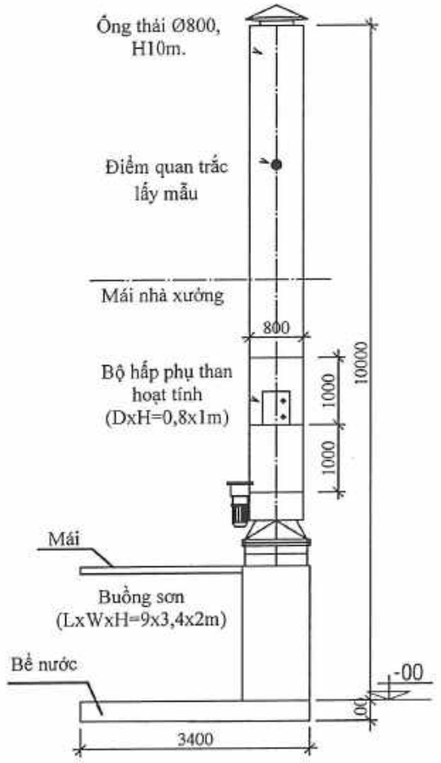

MẶT CẮT B-B

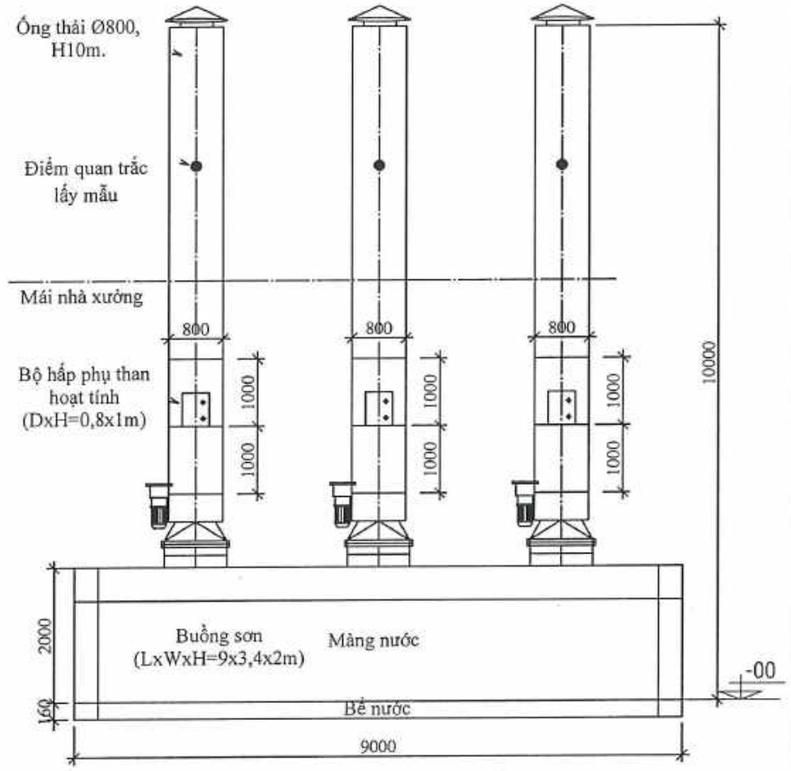

MẶT CẮT A-A

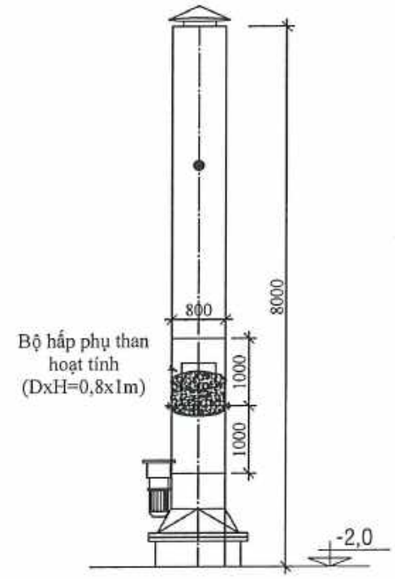

MẶT CẮT THIẾT BỊ ÓNG THẢI

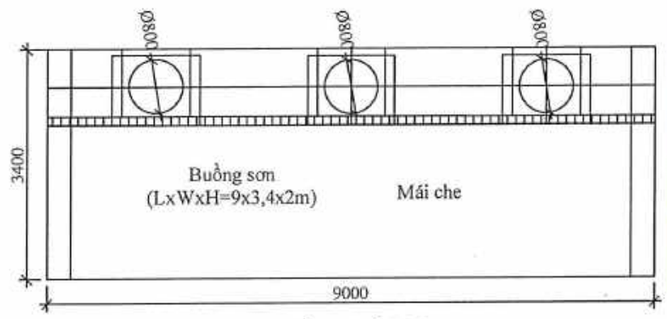

MẶT BẰNG

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

BẢN VẼ HOÀNG CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH

WANG, HSI-PING

HIỆU CHỈNH - REVISION

NO.	DATE	DESCRIPTION	DRAW.	CHECK	APPR.
1					
2					
3					
4					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PERMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆN TRẠNG/HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG ĐỒNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

ĐC: SỐ 23, ĐƯỜNG Đ6, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

Nguyễn Thị Bích Phượng

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT

BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER

BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY

TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

XỬ LÝ BỤI SƠN VÀ HƠI DUNG MÔI

HẠNG MỤC - ITEM:

HTXL BỤI SƠN VÀ HƠI DUNG MÔI 18 BUỒNG PHUN SƠN MÀNG NƯỚC

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT BẰNG;
MẶT CẮT A-A; B-B;
MẶT CẮT THIẾT BỊ ÓNG THẢI

KÝ HIỆU B. VẼ	HDM-02/04

BẢN VẼ MẶT BẰNG, MẶT CẮT HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI SƠN VÀ HƠI DUNG MÔI 09 BUỒNG PHUN SƠN (6,2m x 2,2m x 2,75m) - XƯỞNG 2.

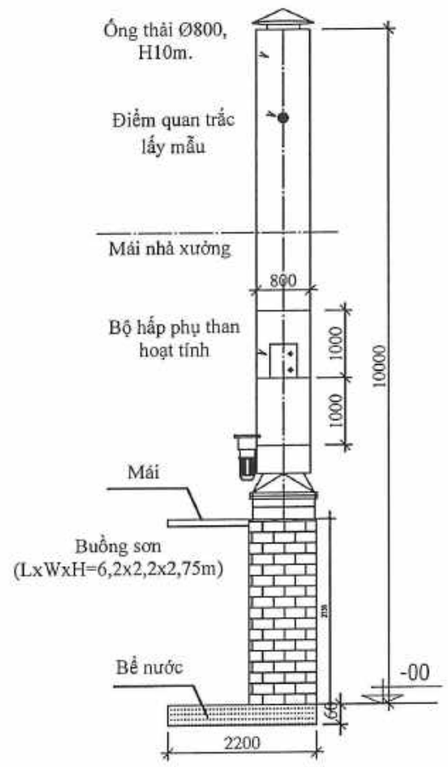

MẶT CẮT B-B

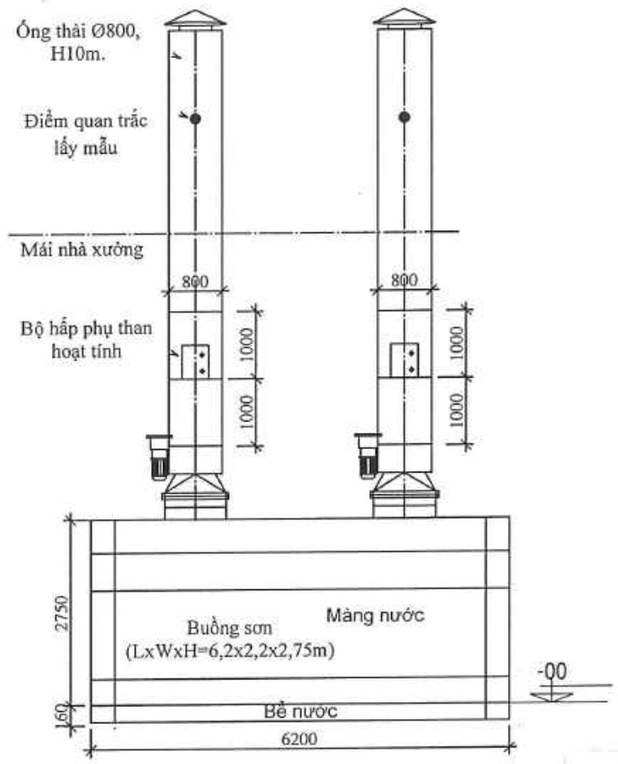

MẶT CẮT A-A

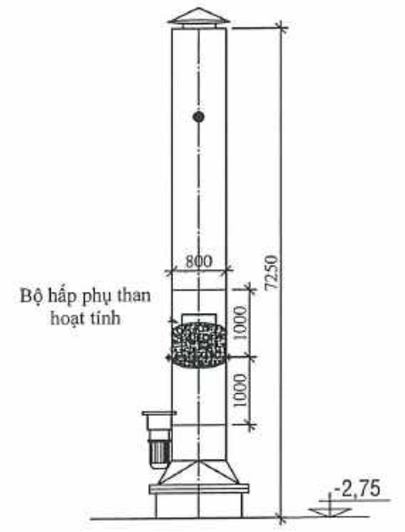

MẶT CẮT THIẾT BỊ ÓNG THẢI

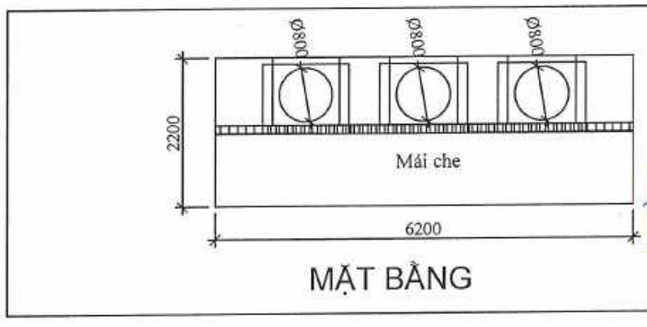

MẶT BẰNG

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI LẬP
CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
WANG, HSI-PING

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. NO.	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAWN BY VẼ	CHECK BY KIỂM	APPROVED DUYỆT
1					
2					
3					
4					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PERMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆN TRẠNG/HOÀN CÔNG	☒	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM
ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG ĐÔNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER
WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN
ĐC: SỐ 23, ĐƯỜNG D6, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER
Nguyễn Thị Bích Phương

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT
BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER
BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY
TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :
XỬ LÝ BỤI SƠN VÀ HƠI DUNG MÔI

HẠNG MỤC - ITEM:
HTXL BỤI SƠN VÀ HƠI DUNG MÔI 18 BUỒNG PHUN SƠN MÀNG NƯỚC

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
MẶT BẰNG;
MẶT CẮT A-A; B-B;
MẶT CẮT THIẾT BỊ ÓNG THẢI

KÝ HIỆU B. VẼ: HDM-03/04

BẢN VẼ MẶT BẰNG, MẶT CẮT HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI KHU VỰC PHUN SƠN DẶM

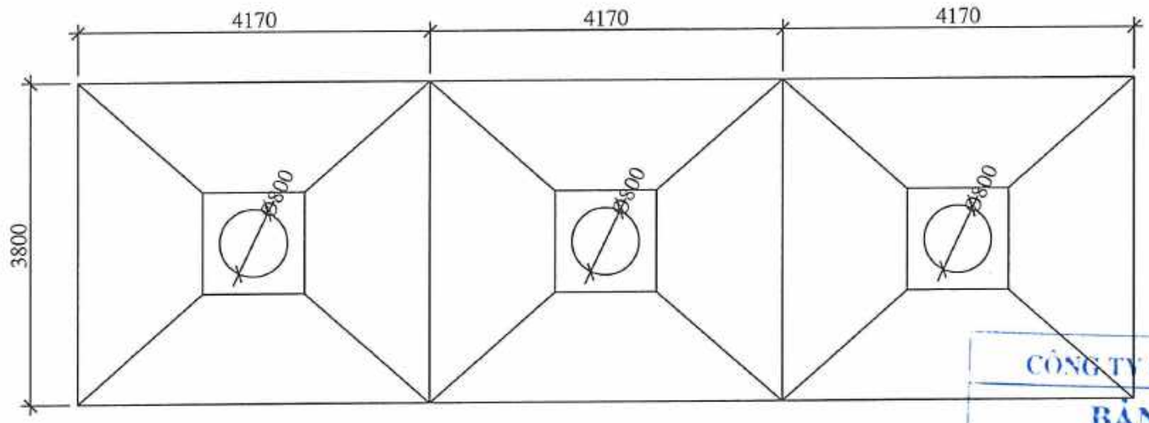

MẶT BẰNG

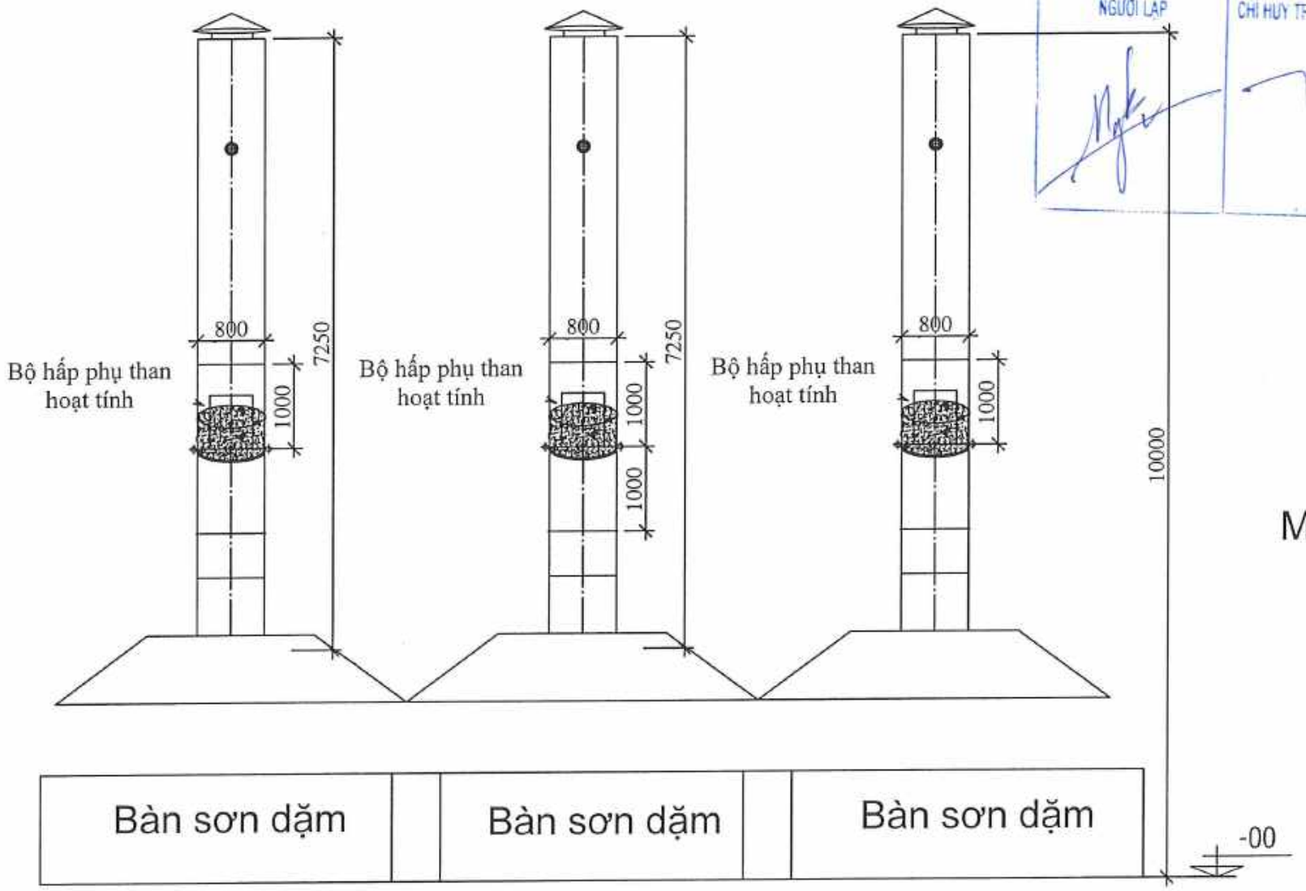

MẶT CẮT

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH

WANG, HSI-PING

HIỆU CHỈNH - REVISION

NO./ LẦN	DATE/ NGÀY	DESCRIPTION/ DIỄN GIẢI	DRAWN/ VẼ	CHECK/ KIỂM	APPROVE/ DUYỆT
1					
2					
3					
4					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PERMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆN TRẠNG/HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG ĐÔNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

ĐC: SỐ 23, ĐƯỜNG D6, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

Nguyễn Thị Bích Phượng

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT

BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER

BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY

TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI

HẠNG MỤC - ITEM:

HTXL HƠI DUNG MÔI KHU VỰC SƠN DẶM

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT BẰNG;
MẶT CẮT A-A; B-B;
MẶT CẮT THIẾT BỊ ỐNG THẢI

KÝ HIỆU B. VẼ: HDM-04/04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
.....o0o.....

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI 2 TẤN/GIỜ.
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM.
ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KP. ÔNG ĐÔNG, P. TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

BẢN VẼ HOÀNG CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	CHỦ ĐẦU TƯ
		CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

WANG, HSI-PING

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI 2 TẤN/GIỜ

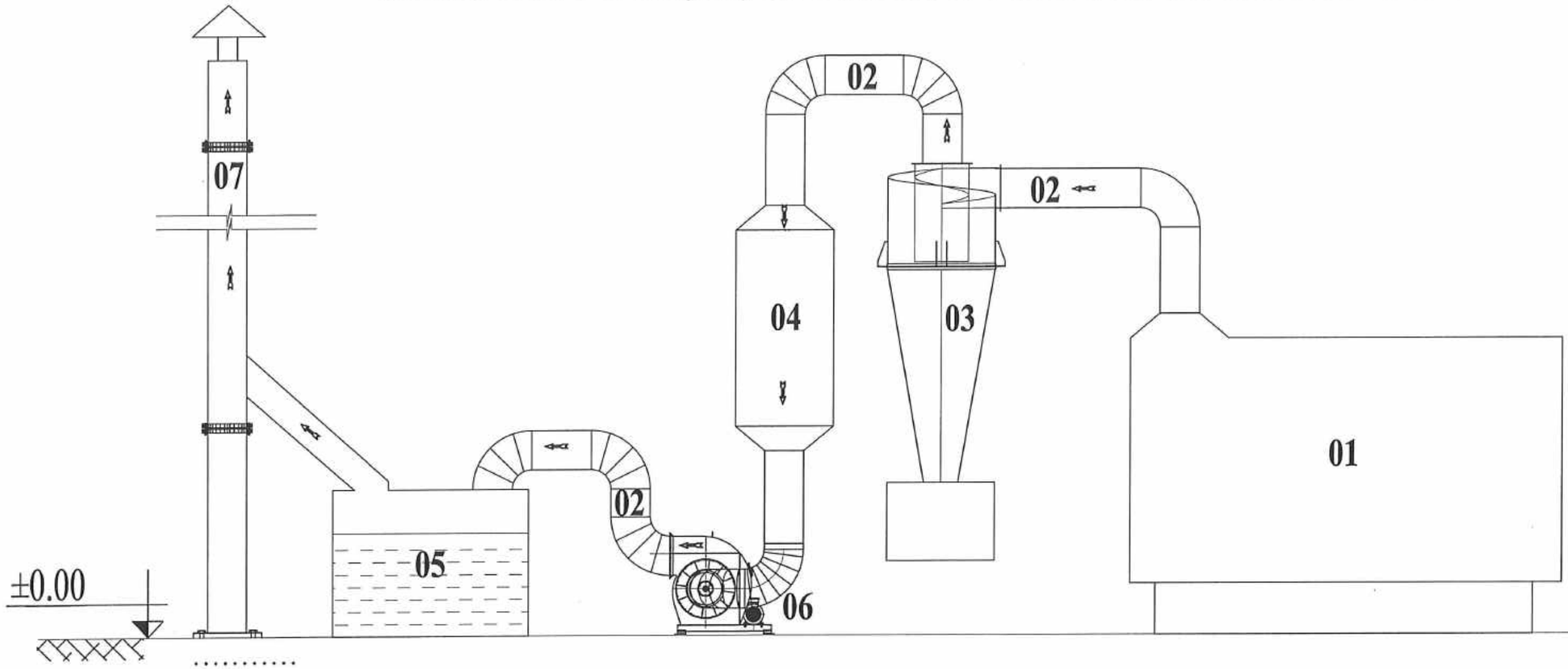

GHI CHÚ:

STT	HẠNG MỤC
01	LÒ HƠI 2 TẤN/HR
02	ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ THẢI D400MM
03	CYCLONE (D x H = 1m x 2,95m)
04	THÁP HẤP THỤ (D x H = 0,7m x 1,56m)
05	QUẠT HÚT
06	BỂ HẤP THỤ (LxHxW = 1,8m x1,52m x1,2m)
07	ỐNG XẢ D500MM, CAO 20M.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI LẬP | CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH

WANG, HSI-PING

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. NO.	DATE ISSUE	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAWN BY VẼ	CHECK KIỂM	APPROVED DUYỆT
1					
2					
3					
4					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PERMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆN TRẠNG/HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM
ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG ĐỒNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG.

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER
WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN
ĐC: SỐ 23, ĐƯỜNG D8, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER
Nguyễn Thị Bích Phượng

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT
BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER
BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY
TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :
XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI

HẠNG MỤC - ITEM:
HTXL KHÍ THẢI LÒ HƠI 2 TẤN/GIỜ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

KÝ HIỆU B. VẼ: KT-01/04

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI 2 TẤN/GIỜ

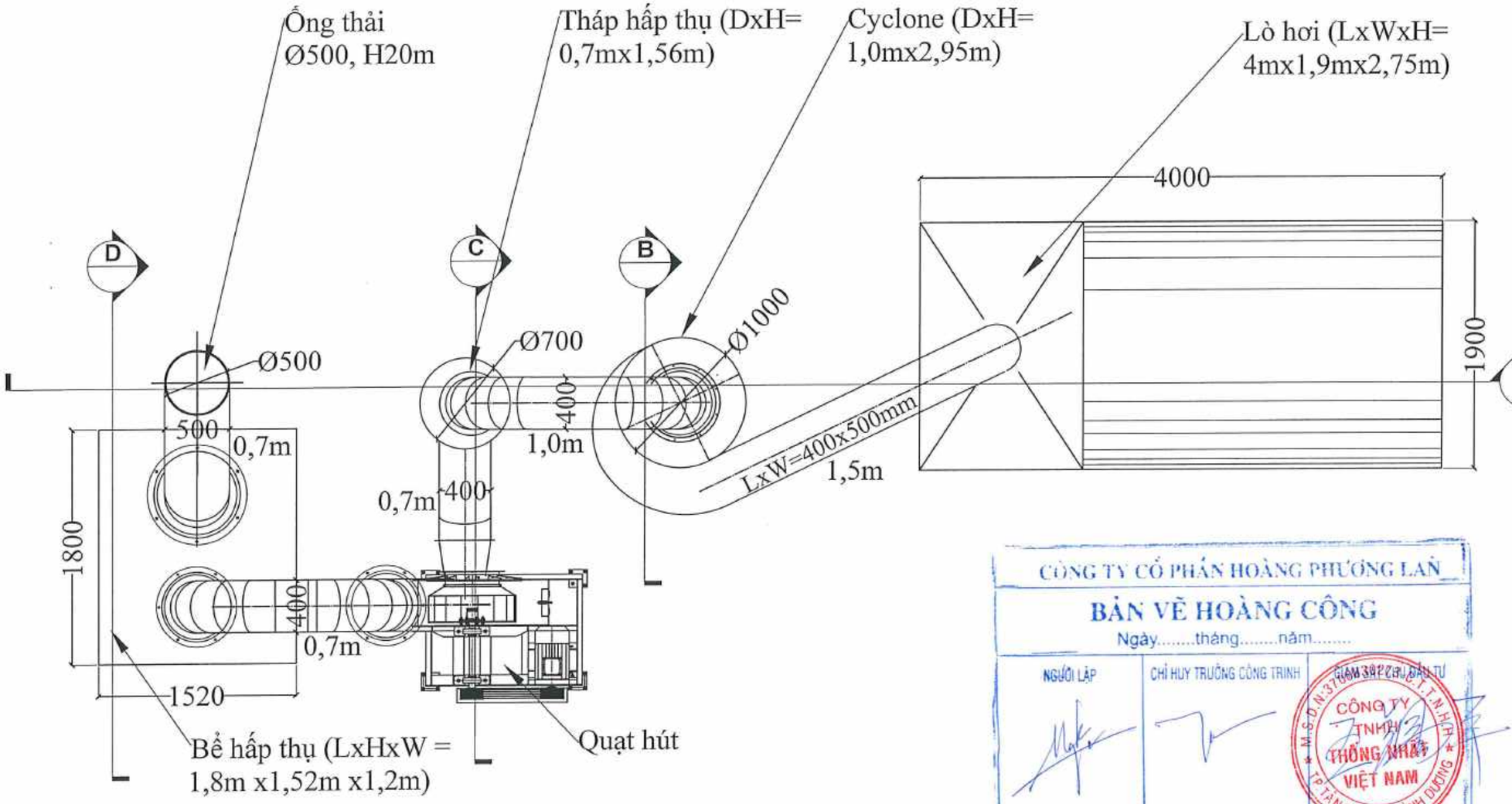

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

BẢN VẼ HOÀNG CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	GIÁM ĐỐC CHỦ ĐẦU TƯ

WANG, HSI-PING

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. KÝ HIỆU	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAW. BY VẼ	CHECK KIỂM TRA	APPROV. DUYỆT
1					
2					
3					
4					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PERMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆN TRẠNG/HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG ĐÔNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

ĐC: SỐ 23, ĐƯỜNG D6, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

Nguyễn Thị Bích Phượng

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT

BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER

BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY

TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

XỬ LÝ KHÍ THẢI

HẠNG MỤC - ITEM:

HTXL KHÍ THẢI LÒ HƠI 2 TẤN/GIỜ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT BẰNG HTXL

KÝ HIỆU B. VẼ	KT-02/04

MẶT CẮT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI 2 TẤN/GIỜ

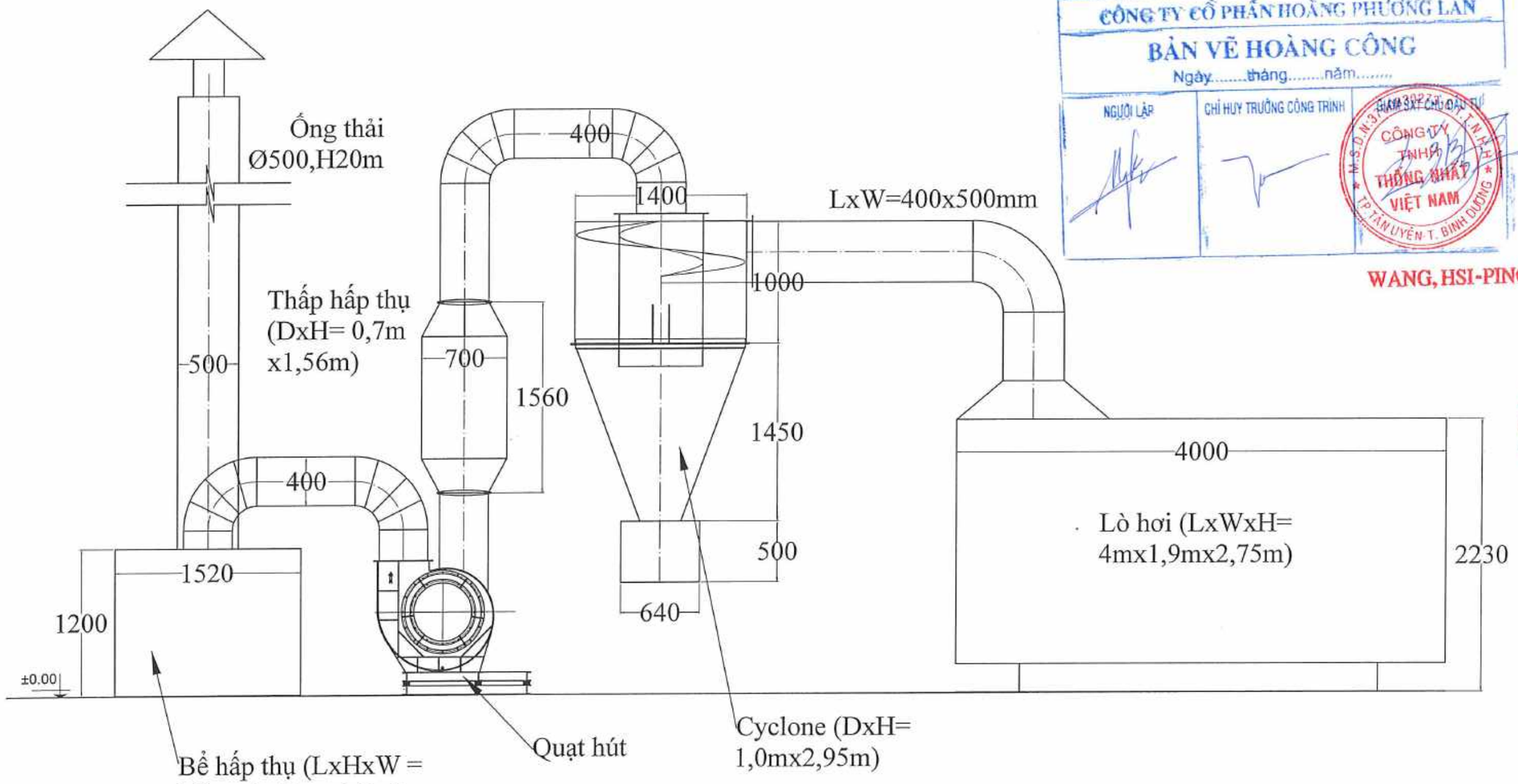

MẶT CẮT A-A:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

BẢN VẼ HOÀNG CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	GIÁM SÁT CHỦ ĐẦU TƯ

WANG, HSI-PING

HIỆU CHỈNH - REVISION

NO.	DATE	DESCRIPTION	DRAW.	CHECK	APPV.
1					
2					
3					
4					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PERMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆN TRẠNG/HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG ĐÔNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG.

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

ĐC: SỐ 23, ĐƯỜNG D5, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

Nguyễn Thị Bích Phượng

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT

BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER

BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY

TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

XỬ LÝ KHÍ THẢI

HẠNG MỤC - ITEM:

HTXL KHÍ THẢI LÒ HƠI 2 TẤN/GIỜ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT CẮT A-A

KÝ HIỆU B. VẼ	KT-03/04

MẶT CẮT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI 2 TẤN/GIỜ

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

BẢN VẼ HOÀNG CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	GIÁM SÁT CHỦ ĐẦU TƯ
		WANG, HSI-PING

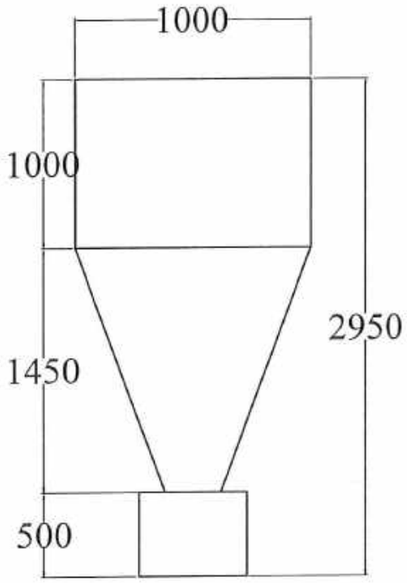

MẶT CẮT B-B:

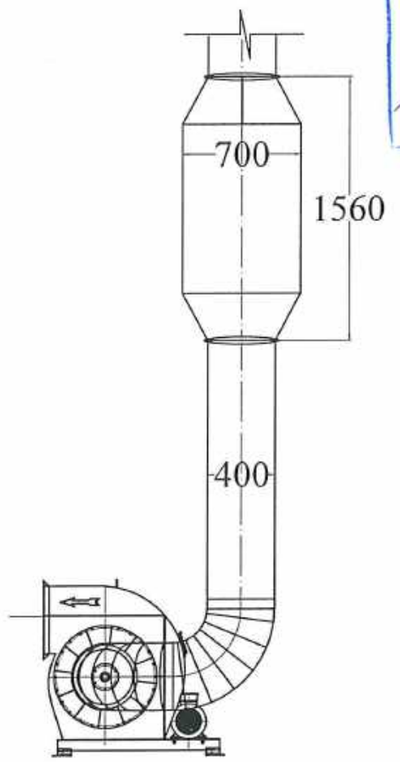

MẶT CẮT C-C:

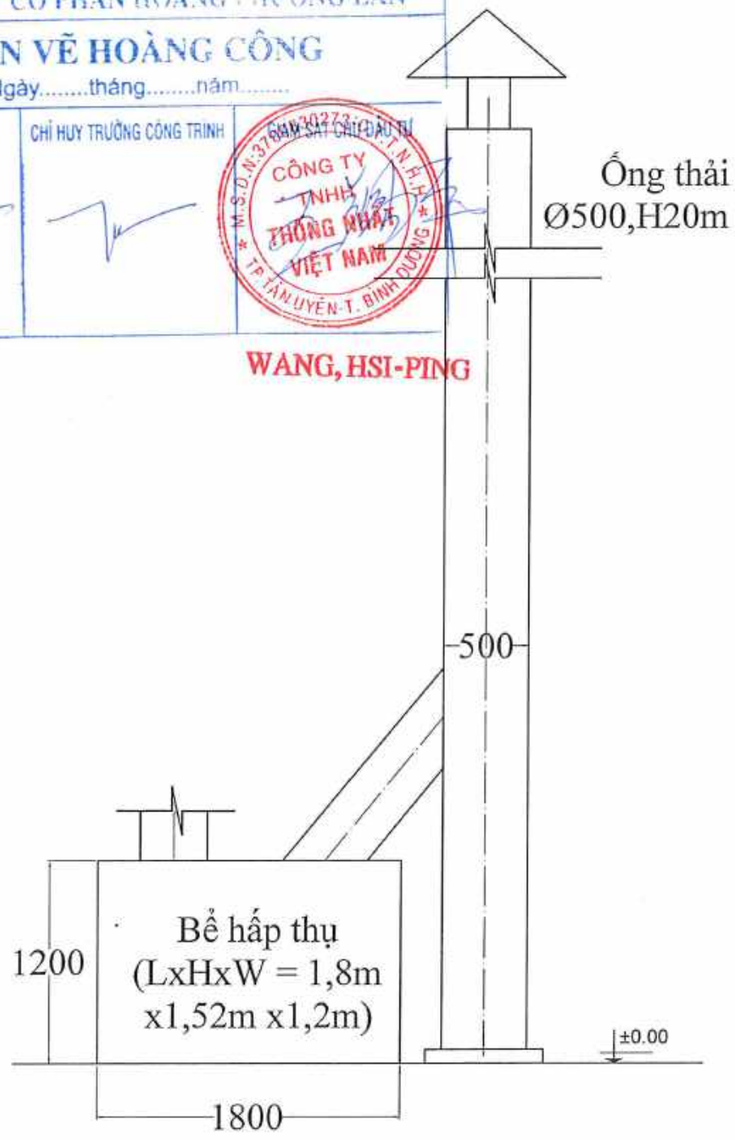

MẶT CẮT D-D:

HIỆU CHỈNH - REVISION

NO./ SỐ	DATE/ NGÀY	DESCRIPTION/ DIỄN GIẢI	DRAWN/ VẼ	CHECK/ KIỂM	APPROV./ DUYỆT
1					
2					
3					
4					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PERMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG ĐỒNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

ĐC: SỐ 23, ĐƯỜNG D6, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

Nguyễn Thị Bích Phương

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT

BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER

BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY

TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

XỬ LÝ KHÍ THẢI

HẠNG MỤC - ITEM:

HTXL KHÍ THẢI LÒ HƠI 2 TẤN/GIỜ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT CẮT B-B; C-C; D-C

KÝ HIỆU B. VẼ	KT-04/04

BẢN VẼ NHÀ CHỨA NHÀ CHỨA CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP; CHẤT THẢI NGUY HẠI; CHẤT THẢI SINH HOẠT; NHÀ CHỨA CỦI VỤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

BẢN VẼ HOÀNG CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	GIÁM ĐỐC CHỦ ĐẦU TƯ
		WANG, HSI-PING

MẶT BẰNG NHÀ CHỨA CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP; CHẤT THẢI NGUY HẠI; CHẤT THẢI SINH HOẠT (SỐ 1):

MẶT CẮT NHÀ CHỨA CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP; CHẤT THẢI NGUY HẠI; CHẤT THẢI SINH HOẠT (SỐ 1):

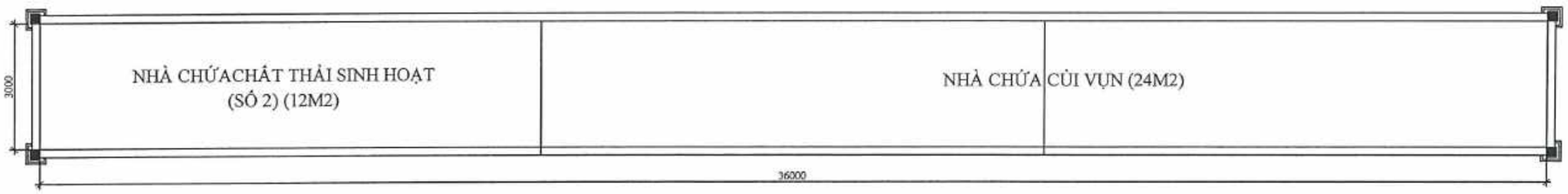

MẶT BẰNG NHÀ CHỨA CỦI VỤN; NHÀ CHỨA CHẤT THẢI SINH HOẠT (SỐ 2):

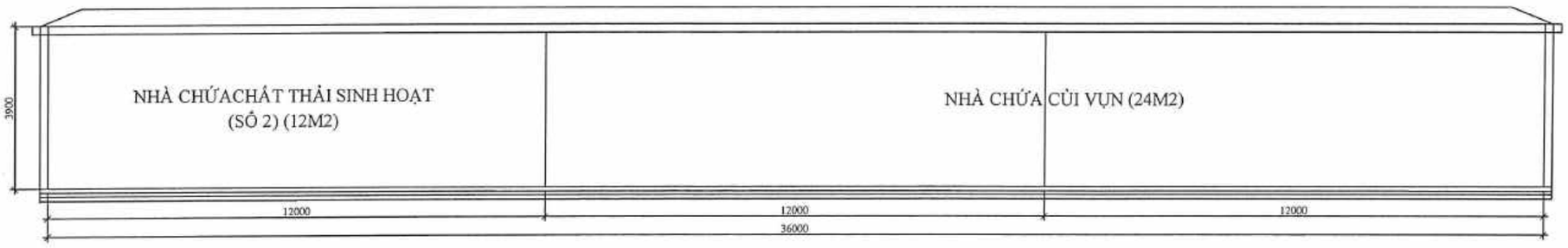

MẶT CẮT NHÀ CHỨA CỦI VỤN; NHÀ CHỨA CHẤT THẢI SINH HOẠT (SỐ 2):

HIỆU CHỈNH - REVISION

KÝ HIỆU	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAWN BY VẼ	CHECKED KIỂM	APPROVED DUYỆT
1					
2					
3					
4					

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	FOR PRELIMINARY
THIẾT KẾ XIN PHÉP	☐	FOR PERMISSION
TRÌNH DUYỆT	☐	FOR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	FOR CONSULT
THI CÔNG	☐	FOR CONSTRUCTION
HIỆN TRẠNG/HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT VIỆT NAM

ĐC: ĐƯỜNG TÂN HIỆP 02, KHU PHỐ ÔNG ĐÔNG, PHƯỜNG TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG.

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

WANG, HSI-PING

THIẾT KẾ -DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG PHƯƠNG LAN

ĐC: SỐ 23, ĐƯỜNG DB, KDC PHÚ THUẬN, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC - GENERAL MANAGER

Nguyễn Thị Bích Phượng

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDE DESIGN ARCHITECT

BÙI QUANG VINH

THIẾT KẾ - DESIGNER

BÙI QUANG VINH

KIỂM TRA - CHECK BY

TRẦN NGỌC HÀ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

NHÀ MÁY THỐNG NHẤT

HẠNG MỤC - ITEM:

CHẤT THẢI RẮN

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT BẰNG; MẶT CẮT NHÀ CHỨA CTCN; CTNH; CTSH VÀ NHÀ CHỨA CỦI VỤN

KÝ HIỆU B. VẼ	CTR 01/01